

VIÊN GIÁC



SỐ NR.
150

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2.549 NĂM THỨ 27 - THÁNG 12 - JAHRGANG 27. - DEZEMBER 2005 - AUSGABE IN VIETNAMESESISCH & DEUTSCH



Chúc Mừng Năm Mới

Thành Tâm Kính Chúc

Chư Tôn Hòa Thượng,

Chư Thượng Tọa

Đại Đức Tăng Ni

Và Đồng Bào Phật Tử

Khắp Nơi Trên Thế Giới

Một Năm Bình An

Được Kiết Tường Như Ý

Chùa Viên Giác

Thư tòa soạn



Suốt hơn một năm qua, khi chùa Viên Giác gửi thư kêu gọi đến quý vị

để vận động một mét vuông đất và cho mượn Hội Thiện tạo mãi thêm cho chùa, lô đất 5.000 m² bằng nhiều hình thức khác nhau, thì đến ngày 30 tháng 10 năm 2005 vừa qua, chùa đã chính thức trả xong số tiền gần 1 triệu Euro; tương đương với gần 1.300.000 \$ US (một triệu ba trăm ngàn Mỹ Kim) mà không qua ngân hàng. Công đức ấy có được là nhờ ở sự hỗ trợ nhiệt thành của các chùa và của quý Phật Tử trong nước Đức cũng như sự phát tâm ủng hộ một mét đất xây dựng „**Trung Tâm Nghiên Cứu và Tu Học Viên Giác**” trong những ngày vừa qua. Xin hồi hướng những phước báu có được ấy lên ngôi Tam Bảo chứng minh về tấm lòng của quý vị.

Trong số tiền to lớn ấy, gần đến phân nửa là tiền Hội Thiện không lời. Do vậy, việc vận động cúng dường một mét đất, chùa vẫn còn đón nhận. Kính mong quý vị Đạo Hữu, Phật Tử xa gần tâm hỗ trợ cho. Rồi một mai đây, khi giấy phép xây cất có rồi, chúng ta lại phải thực hiện việc xây cất trong một thời gian nhất định. Lúc ấy, chùa sẽ gửi phương án đề xuất cũng như phương cách vận động, để Phật sự trọng đại này sớm thành tựu viên mãn. Cũng kính mong quý vị tiếp tục hỗ trợ cho việc làm có ý nghĩa này.

Quả đúng với câu tục ngữ Việt Nam là:

„Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao”

Nếu không có bàn tay và tâm nguyện đóng góp của quý vị thì ngôi chùa Viên Giác cũng như Trung Tâm Viên Giác sắp xây, khó được thành hình.

Nước Đức sau 25 năm giúp đỡ chùa Viên Giác, mỗi năm gần 100.000 Mỹ Kim; nay thì vì sự thất nghiệp của dân chúng quá cao và nhà nước đã hết tiền để giúp đỡ cho những tổ chức như chúng ta. Và lại chúng ta cũng đã hội nhập vào xã hội Đức bắt đầu vào thế hệ thứ hai, tương đối khá thành công vững vàng. Do vậy họ có quyền để quyết định việc ấy. Dẫu sao đi nữa suốt 25 năm qua là 25 năm có ý nghĩa tuyệt vời. Bây giờ thì mọi việc từ A đến Z chùa phải tự cứu mang, trong ấy có tiền xuất bản báo Viên Giác mỗi năm 6 số và mỗi lần in không dưới 7.000 tờ, để gửi đi đến 38 nước trên thế giới. Do vậy, nếu được những vị nhận báo từ nay trở đi, cứ mỗi năm một lần, xin ủng hộ số tiền tem và giấy mực, thì Viên Giác sẽ tiếp tục góp phần tiếng nói của mình với các cơ quan ngôn luận đó đây. Đồng thời đóng góp món ăn tinh thần của mình vào gia tài đời sống tâm linh của quý vị. Kính xin quý vị đừng quên điều này khi nhận được tờ báo đều đặn đến hai tháng một lần.

Những cơn bão dữ khắc nghiệt tàn phá mang tên Hurrikan và những cơn bão khác đã làm cho hàng triệu triệu người phải bị màn trời chiếu đất, khổ khổ vô cùng, mà vốn dĩ người Mỹ lâu nay không và chưa bao giờ chịu khó, chịu khổ như thế; nên những tang thương ấy còn nặng nề hơn những dân tộc Á Châu gặp bệ, vốn dĩ chúng ta đã chịu khổ của chiến tranh và nghèo đói lâu rồi. Những cơn sóng thần vẫn còn rình mò đâu đó, chưa buông tha cho một xứ sở, vốn mang tính đa văn hóa và có một nền tự do dân chủ đứng hàng đầu trong thế giới tự do ngày nay.

Tại Á Châu, Pakistan, Trung Hoa, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan... nơi đâu cũng động đất, lụt lội, mất mùa. Người thiệt mạng vô số dưới nhiều hình thức khác nhau, đã khiến cho thế giới phải ngơ ngác, không biết phải xử dụng lòng nhân đạo của mình như thế nào, khi mà sự khổ này chồng chất lên sự khổ kia như thế, trong khi những cơn sóng thần Tsunami tàn phá các quốc gia Đông Nam Á chưa nguội lạnh, thì vết thương khác lại sẵn sàng xé nát cả tâm can của một Á Châu vốn có nhiều người này.

Nạn cúm gà, nạn ngộ độc v.v... ngày nay xảy ra nhan nhản khắp nơi từ Âu sang Á, từ Á sang Phi, Mỹ, Úc... Rồi đây nhân loại sẽ ra sao, khi mà con người chỉ muốn bảo vệ sự sống cho chính mình; còn những sinh linh khác bên cạnh thì chưa bao giờ quan tâm đến sự sống của chúng.

Một nước Đức đã thống nhất hai miền Đông Tây từ năm 1989 và sau hơn 16 năm cộng sự, chia xẻ, gánh vác trách nhiệm trước lịch sử. Giờ đây, qua ngày tuyển cử trong tháng 9 năm 2005, bà Merkel; một người phụ nữ đầu tiên, xuất thân từ Đông Đức, theo Đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo đã giành phần thắng về mình và nước Đức sẽ mở một trang sử mới là các Đảng phái lớn phải có bốn phận liên kết với nhau để làm cho quê hương đất nước phát triển; chứ không phải ngồi ngoài để chia chới những sơ hở của Đảng khác. Cái khó là cả hai Đảng lớn đều cân bằng lực lượng. Liệu bà Merkel có đầy đủ bản lĩnh để lãnh đạo đất nước Đức trong vòng 4 năm tới đây chăng? – Điều ấy sẽ có kết quả khi thăm dò dân chúng trong vài năm tới.

Mùa Đông đã đến và mùa Xuân Bính Tuất cũng sắp về với người con Việt ở trong cũng như ngoài nước. Xin đại diện cho Ban Biên Tập Báo Viên Giác cầu chúc cho mọi người và mọi nhà có một mùa Xuân thanh bình và chúa Xuân ngự trị trong lòng của quý vị.

● **Ban Biên Tập Báo Viên Giác**



• Tôn Giáo

Cuộc du hành sang Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng

Tác giả :
Guiseppe Tucci

Phỏng dịch :
Hoà Thượng Thích Trí Chơn

(Tiếp theo VG 149)

CHƯƠNG 3

TRÊN ĐƯỜNG ĐI GYANTSE

Tôi dự tính ghé Gyantse chỉ vài ngày nhưng sau tôi phải ở lại lâu hơn. Tôi đến đây vào giữa những ngày lễ nên dân chúng trong thành phố kéo nhau đi xem một đoàn kịch đang trình diễn ở nơi kế cận. Phần lớn các cửa tiệm đều đóng cửa. Gyantse giống như một thành phố chết, vì mọi người rủ nhau đi xem diễn kịch trong ba ngày.

Đoàn kịch đến từ làng Kyomolung gần thủ đô Lạp-Tát (Lhasa). Họ là những kịch sĩ chuyên nghiệp. Chính phủ cung cấp cho họ một số ruộng đất được miễn thuế để họ yên tâm chuyên lo việc luyện tập diễn xuất. Vào tháng tám đoàn kịch thường trình diễn tại Lhasa trước Đức Đạt Lai Lạt Ma. Những kếp hát đến thành phố họ cảm thấy thoải mái khi được sưởi ấm dưới ánh mặt trời giữa mùa đông lạnh buốt.

Thường thường đoàn diễn kịch đến viếng mỗi thành phố vào đúng lúc người ta tổ chức hội chợ hay lễ lượ. Đặc biệt họ đến Gyantse lần này do lời mời của chính quyền địa phương nhằm mục đích duy trì một tập tục cổ lâu đời.

Vở tuồng được trình diễn trên một khoảnh đất vuông rộng ngoài thành phố. Tại đây người ta dựng nên một sân khấu lớn có treo hai tấm màn bằng vải bố dưới sự chống đỡ của những chiếc cột rắn chắc. Không có phông cảnh nhưng các diễn viên mặc nhiều màu áo sặc sỡ. Đông đảo người xem ngồi chồm hổm trên một vùng đất rộng để sân khấu khỏi bị che khuất trước các khán giả đặc biệt, họ được sắp xếp ngồi riêng ở một nơi trên có mái che. Khi thấy có ai đứng dậy thì người Cảnh sát cầm roi da quất nhưng không trúng vai kẻ nào để bảo họ ngồi xuống.

Phía trái gần sân khấu, các vị Lạt Ma quần y màu đỏ ngồi ở hàng ghế danh dự. Xa hơn hai bên trái và phải dưới chiếc lều vải màu trắng với những đường viền trang điểm màu xanh lay động trước gió, tôi thấy các khán giả sang trọng quý phái đang ngồi vừa xem hát vừa uống trà. Tại nơi dành cho nhân viên chính quyền, tôi thấy ông Rimshi Dode là Ủy viên của quận; ông điền chủ giàu có nhất quận Gyantse; vị Trụ trì ngôi chùa lớn và nhiều quan lại cao cấp địa phương khác.

Khi hay tin tôi có mặt trong thành phố, chính quyền đã mời tôi đến tham dự buổi diễn kịch nói trên. Tôi được dịp gặp gỡ những người thuộc giai cấp sang trọng quý phái của Tây Tạng tại Gyantse. Tôi cũng được nhìn thấy cái cảnh tượng rực rỡ như một vườn hoa nhiều màu sắc đua nở dưới nắng hè. Tất cả đều mặc y phục bằng lụa Trung Hoa đắt tiền. Một vài người đeo nơi tai bên trái chiếc bông tai dài màu lam ngọc, được xem như huy hiệu của quan chức chính quyền.

Tùy theo chức vụ lớn hay nhỏ, chỗ ngồi của họ được sắp xếp cao hay thấp. Ghế ngồi cao nhất được dành cho ông Rimshi Dode và nhân viên thu thuế xuất cảng len tại Phari. Bên mặt, trên chiếc ghế dài người ta để những chiếc mũ trông giống như mũ của các giáo sĩ Thiên Chúa dòng La Mã nhưng tất cả đều màu vàng. Trên chóp mũ này có kết một miếng san hô lớn nhỏ khác nhau tùy theo cấp bậc của người đội và gắn phía trước mũ những mảnh đá quý trên tấm huy hiệu bằng vàng.

Ngay phía sau các hàng ghế danh dự là nhà bếp và tôi thấy những người giúp việc lằng xằng mang bánh và nước trà đến cho các khán giả sang trọng dùng. Tuồng mới được thay đổi trình diễn mỗi ngày từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều. Người xem tuồng thích thú thường huýt sáo hay la ó kéo dài bất tận. Các diễn viên khi mệt mỗi họ có thể rút lui nhưng khi đi qua trước khán giả danh dự họ cúi sát đầu xuống và le chiếc lưỡi dài ra tẹt cùng như để bày tỏ sự kính trọng.

Nếu so với thời gian tôi đến đây vào năm 1939 thì hiện nay cuộc sống khá phồn thịnh hơn trước. Những người Tây Tạng phần đông ham thích việc buôn bán và họ cố gắng làm ăn để thu được nhiều lợi tức. Tôi thấy tại Gyantse nhiều nhà mới xây cất rộng rãi có vườn tược xung quanh đầy đủ tiện nghi hơn các năm xưa. Số người thương gia đông đảo hơn với nhiều lợi tức và giá cả hàng hóa cũng tăng theo. Đời sống đắt đỏ gấp ba lần hơn mười năm trước và mặc dù Tây Tạng cách biệt với thế giới bên ngoài vẫn có phần nào phát triển như các quốc gia khác.

Gyantse luôn luôn là một thành phố quan trọng. Vào thế kỷ 14 và 15 thị trấn này là thủ đô của một tỉnh lớn như Phari hay Kampaddzong và nó đã đóng vai trò chính yếu trong thời kỳ khó khăn của lịch sử Tây Tạng. Gyantse bị suy thoái dần sau giai đoạn cực thịnh dưới thời lãnh đạo của Rabten Kunzang. Ông ta là Thị trưởng có nhiệt tâm và tích cực hoạt động. Công tác của ông hiện nay nhằm vào việc phục vụ cho Tu viện lớn nhất Pekor Code tại Gyantse và ngôi tháp nổi tiếng Kumbum. Bảo tháp này xây cất theo kiểu mẫu những ngọn tháp tại Ấn Độ đồng thời cũng là nơi thờ các xá lợi và biểu tượng cho giáo lý căn bản của Đức Phật.

Bảo tháp Kumbum bên trong thờ vô số kể đến hàng trăm ngàn pho tượng các thần linh. Kumbum tại Gyantse hiện nay là một trong những ngọn tháp thiêng liêng danh

tiếng nhất mà khách thập phương đến viếng thăm lễ bái có thể giúp họ tiêu trừ phần nào nghiệp chướng cùng đạt tới cảnh giới giải thoát an vui.

Trên tường trong tháp chúng tôi thấy vẽ những bức họa diễn tả về các cảnh giới địa ngục cũng như cõi trời theo quan niệm Phật Giáo. Những bức tượng Hộ Pháp nét mặt trông vẻ hiền lành và dữ tợn đập vào mắt các du khách viếng thăm. Cạnh đó, nụ cười trên nét mặt từ bi của một pho tượng Phật khiến du khách khi nhìn vào tâm mình cảm thấy như lắng dịu, trút hết mọi nỗi ưu phiền, tìm lại được nguồn an lạc hạnh phúc giữa cuộc đời vô thường khổ đau.

Từ Gyantse, chúng tôi đi vào một vùng không có quán trọ. Tại đây chúng tôi đã phải tạm trú nơi các gia đình Tây Tạng có lòng hiếu khách hoặc trong những căn lều do chúng tôi dựng lên. Tôi đã mang theo một số lều vải nhẹ làm theo mẫu ở Caucasus, thuộc miền núi vùng đông nam nước Nga. Mỗi con ngựa có thể chuyên chở dễ dàng hai cái lều như vậy cùng với các dụng cụ như giường cắm trại, bàn ghế và đồ dùng rửa tay v.v...

Về hướng đông bắc gần con đường dẫn đến Shipta, ngọn núi cư trú của vị thần bảo hộ cho Gyantse, tôi nhìn thấy một nghĩa địa chứa đầy những xác người chết. Người chết ở Tây Tạng không hỏa thiêu, và xác họ được thân nhân mang tới bỏ nơi đây để làm thức ăn cho các loại chim kên, chó giữ nhà và chó sói. Sau đó người ta thu lượm lại các xương để nghiền nát rồi đem rải khắp nơi. Như thế xác người chết không còn lưu lại dấu vết gì hết, vì người ta sợ linh hồn (thần thức) người mất có thể trở về nhập vào xác phàm của họ.

Theo triết lý Phật Giáo, cuộc sống của người luôn luôn già đổi, biến đổi vô thường và không phải hoàn toàn mất hẳn sau khi chết. Kiếp này đời sống của chúng ta hạnh phúc hay đau khổ là do hành động tốt hoặc xấu chúng ta đã gây ra trong quá khứ. Khi thân thể của chúng ta chết đi vì tuổi già, bệnh tật hay do tai nạn thì thần thức (dòng sống) của chúng ta không bao giờ bị hủy diệt cũng như không phải sinh lên các cõi trời để hưởng phước đời đời hay mãi mãi bị đọa vào cảnh giới địa ngục. Nhưng chúng ta sẽ luân hồi bắt đầu một cuộc sống mới, tái sinh trở lại và tùy theo việc làm thiện hay ác của chúng ta gây ra trong đời trước mà chúng ta phải gánh chịu quả báo an lạc hay khổ đau trong kiếp hiện tại.

Ngoại trừ một số ít người đã chứng quả giác ngộ, họ sẽ không bao giờ bị đầu thai sinh trở lại vào thế giới này hay các thế giới khác. Đó là những vị A La Hán, các Đức Phật đã giải thoát khỏi vô minh, tham sân si phiền não không còn lặn hụp trong biển khổ luân hồi sinh tử. Tuy nhiên cũng có một số các Thánh Nhân không muốn nhập Niết Bàn và phát đại nguyện sinh vào cõi trần thế để hóa độ cứu giúp chúng sanh bằng lời nói, hành động từ bi của họ. Đó là những vị hóa thân (tulku), các đức Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama) hay Bồ Tát thường thấy xuất hiện ở Ấn Độ.

Trường hợp đối với số đông những người chưa giác ngộ giải thoát thì họ sẽ bị luân hồi sinh tử ra sao? Cái gì nơi thân xác của họ sẽ đi đầu thai? Dĩ nhiên là không phải linh hồn theo quan niệm của người Tây Tạng cũng như các Phật tử nói chung. Mà là ý tưởng, thần thức (hay dòng sống) sẽ đi đầu thai, tái sinh trở lại. Đó là nghiệp lực của mỗi cá nhân, những hành động thiện hay ác mà họ đã tạo ra trong

kiếp này hay đời trước, sẽ hướng dẫn họ trôi lăn trong biển luân hồi sinh tử, mãi mãi không bao giờ chấm dứt.

Mỗi ý tưởng, lời nói hay việc làm dù xấu hay tốt họ gây ra trong quá khứ đều không mất mà chúng vẫn còn để tạo ra quả báo trong tương lai. Người Tây Tạng tin rằng đó là cái không thể nhìn thấy như xác phàm chúng ta nhưng nó có thể tác động từ cõi xa xăm, di chuyển ảnh hưởng đến tư tưởng con người và bởi sức mạnh huyền bí, nó có thể nhập vào làm chủ thân xác của một người nào đó.

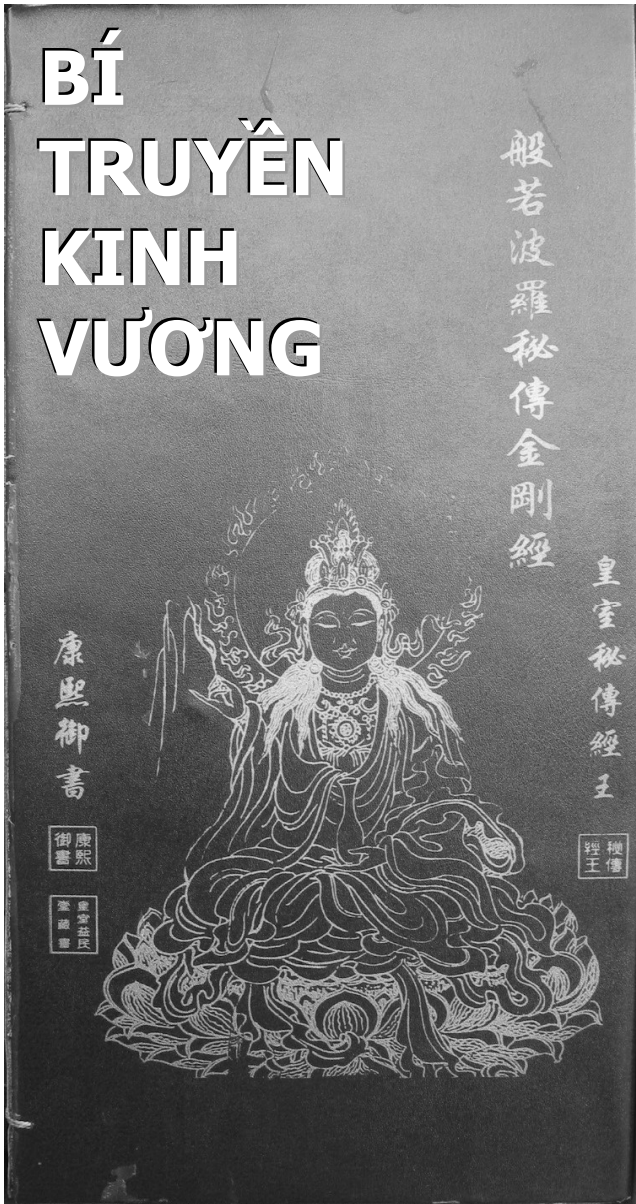
Lúc sắp lâm chung, khi thân thể con người dần dần suy yếu và cuối cùng tắt thở, lúc ấy thần thức nơi con người sẽ lìa khỏi thân xác và bắt đầu một cuộc hành trình đầy phiêu lưu mạo hiểm với nhiều bất trắc. Cho nên chết không phải là trạng thái giống như mình đang ngủ mà là lúc con người có đầy đủ năng lực về tiềm thức. Bởi vậy ở Tây Tạng khi có ai tử trần, thân nhân của họ thường dùng mọi cách tụng kinh niệm chú để giúp cho kẻ đó thức tỉnh trở lại ngay trên giường của người chết đang nằm. Tôi nhớ năm 1931 khi tôi ngã bệnh nặng sắp chết ở sa mạc Rupshu, người ta đã mời một ông thầy pháp đến đọc lớn tiếng những câu thần chú để giúp tôi khỏi rơi vào tình trạng hôn mê, không sáng suốt.

Một người khi biết mình sắp mất, họ cần phải thiền định, tập trung tư tưởng niệm Phật, tụng chú, dùng sức mạnh tinh thần để vận chuyển thần thức của mình được tái sinh vào những cảnh giới an lạc. Vào phút lâm chung quan trọng ấy, nếu tâm họ không định tĩnh sáng suốt và mê loạn, hay người sắp chết sợ hãi khi nhớ lại những việc làm ác mình đã gây ra trong quá khứ hoặc tham đắm tiếc nuối những danh vọng, của cải ở thế gian, không quyết tâm buông xả mong cầu được giải thoát thì thần thức họ khó tránh khỏi bị dẫn dắt vào con đường luân hồi sinh tử, khổ đau triền miên. Đây là trường hợp thường xảy ra cho mọi người chúng ta.

Vậy làm sao chúng ta có thể giúp cho người sắp chết, nếu không hoàn toàn tránh được những quả báo của mọi điều xấu ác mà họ đã tạo ra trong quá khứ, thì ít ra tâm của họ cũng sáng suốt định tĩnh để thần thức của kẻ đó được hướng dẫn đi đầu thai vào những cảnh giới an lành, không bị đọa vào tam đồ ác đạo ?

(Còn tiếp)





● Thích Như Điền

Nhân sinh nhật lần thứ 57 (kể theo tuổi ta) của tôi năm nay (28.6.2005) có một Phật Tử Việt Nam tại New York, Mỹ Quốc, gửi tặng cho tôi một bộ kinh Kim Cang rất quý, có xuất xứ từ đời nhà Thanh (Trung Hoa) và chính do vua Khang Hi (1666-1722) viết, được phục chế lại. Quà là một món quà vô giá.

Ngoài hộp bằng da cũ kỹ có 3 dòng chữ. Đó là: **Hoàng Thất Bí Truyền Kinh Vương**. Nghĩa là: Vua trong các kinh được giữ bí mật tại Hoàng cung. Sau đó là những chữ lớn: **Bát Nhã Ba La Bí Truyền Kim Cang Kinh** và phía tay trái của hộp đựng kinh có 4 chữ: **Khang Hi Ngự Thơ** và có đóng những dấu triện bằng sơn đỏ của Hoàng Triều.

Lật vào bên trong hộp, đọc được những dòng chữ này:

"**Nguyện đồng niệm Phật nơn, tận sanh Cực Lạc quốc, Nam Mô A Di Đà Phật, kiến Phật liễu sanh tử, như Phật độ nhứt thiết.**

Tặng kinh vân: Niệm thử Phật già, hiện thể tiêu tai bảo thọ, thử Phật hữu đại thế nguyện vân: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc, thập tinh niệm ngã danh hiệu, nhi bất sanh giả, ngã bất tác Phật. Như mỗi

triều, hợp chướng hướng tây, chí thành niệm Phật thập tinh, niệm thượng tứ cú kệ nhứt biến, tây phương thất bảo trì, sanh liên hoa nhất đóa, tha nhứt ư kỳ trung thác sanh, y thực tùy ý hóa thành, trường sanh bất tử".

Khang Hi ngự thơ

Xin tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

"Nguyện cùng người niệm Phật, sanh hết nước Cực Lạc. Nam Mô A Di Đà Phật. Thấy Phật rõ sanh tử, như Phật độ tất cả.

Kinh dạy rằng: Người niệm Phật này, hiện đời tiêu tai sống lâu. Phật này có thể nguyện rằng:

Khi ta thành Phật, mười phương chúng sanh, chí tâm vui tin, muốn sanh nước ta, niệm mười tiếng danh hiệu ta, mà chẳng sanh được, ta chẳng thành Phật.

Như mỗi sáng chấp tay hướng về Tây chí thành niệm Phật mười tiếng, niệm bốn câu kệ trên một lần, ở nơi ao báu tại Tây Phương, sanh một đóa hoa sen. Ngày kia khi thác sanh, về nơi đây. Áo quần, ăn uống tùy ý hóa thành, sống hoài chẳng chết".

Khang Hi ngự thơ

Đó, ta có thể tin là lời của nhà Vua phát nguyện trước khi trì kinh Kim Cang và nhà Vua cũng xác quyết một trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà là như thế. Không biết là Vua hay vị Đại Thần nào đó viết chữ kinh rất sắc sảo trên nan tre được trau chuốt rất tinh vi và phía sau được khâu dính vào với lụa nguyên thủy. Đồng thời hai bên đầu và chân của mỗi trang đều có vẽ truyện Ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh bằng sơn đỏ. Cuối kinh chỉ viết: "Đại Thanh Hoàng Thất kinh thơ tạng phẩm" rồi đóng 3 con dấu đỏ thật lớn. Dấu thứ nhất "Khang Hi ngự thơ". Dấu thứ 2 "Ngự thơ phòng tạng" và dấu thứ 3 "Hoàng Thất ích dân tạng thơ".

Quả thật là tôi đã được một báu vật không có ý đợi chờ. Vì vị Phật Tử ấy nghĩ rằng ở trên núi đồi Đa Bảo tại Úc, mỗi tối khi nhập thất, tôi đều trì tụng kinh này. Do vậy mà gởi tặng. Đó là sự chân thành. Ngoài ra có lẽ vị ấy cũng nghĩ rằng do không biết chữ Hán; nên trao về tôi đọc cũng như trì tụng thì ích lợi hơn. Do vậy mà bản kinh ấy hiện được tôn trí tại Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc.

Kinh này được chia ra làm 32 đoạn và mỗi đoạn có một tiêu đề, giới thiệu tổng quát về nội dung của đoạn đó. Nơi đây tôi chỉ lược qua chứ không đi vào chi tiết.

Đoạn một nói về nguyên do của Pháp hội là sau khi Đức Thế Tôn vào thành Xá Vệ để khát thực, sau đó về lại vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc dùng trưa và sau khi rửa chân xong, liền ngồi đó.

Đoạn thứ hai nói Ngài Thiện Hiện tức là Tu Bồ Đề khai thỉnh Đức Phật rằng: Ngài đã phó chúc cho các Bồ Tát khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà làm thế nào để trụ và làm thế nào để hàng phục được tâm này?

Đến đoạn thứ ba nói về phần chính của sự phát tâm Đại Thừa. Có nhiều loại chúng sanh đã vào vô dư Niết Bàn; nhưng thật ra chẳng có chúng sanh nào vào Niết Bàn cả. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát mà có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải là Bồ Tát.

Đoạn thứ tư nói về "diệu hạnh vô trụ". Ở nơi pháp mà không trụ để bố thí, ấy gọi là không trụ vào tướng. Còn nếu trụ vào tướng để bố thí thì phước đức chẳng có.

Đoạn thứ năm nói về lý như thật khi nhận thấy sự việc. Phạm tất cả cái gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu xem các tướng mà không phải tướng, thì mới thấy được Như Lai.

Đoạn thứ sáu nói về sự chánh tín hy hữu. Sau 500 năm Đức Phật diệt độ mà có người hay trì tụng kinh này và có tín tâm thì đối với kẻ đó không phải chỉ trong một đời Phật mà ở trong nhiều vị Phật đã trồng căn lành, thì phải biết rằng kẻ ấy phước đức nhiều lắm. Vì vậy cho nên đừng chấp vào pháp mà cũng đừng chấp vào phi pháp. Vì lẽ ấy mà Đức Phật thường hay nói với các Tỷ Kheo rằng: Sự thuyết pháp của ta cũng như chiếc bè. Chánh pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Đoạn thứ bảy "chẳng được, chẳng nói". Chỗ này Ngài Tu Bồ Đề hiểu rằng Phật đã dạy chẳng có pháp nào là nhứt định cả và chẳng có pháp nào để chứng đắc. Vì tất cả các vị hiền thánh đều từ pháp vô vi mà có chỗ sai biệt.

Đoạn thứ tám nói về việc "y cứ vào pháp để sanh". Nếu kẻ dùng của cải quý báu để bố thí thì phước này đâu có, nhưng không bằng kẻ thọ trì kinh này cho đến đọc tụng 4 câu kệ. Vì lẽ tất cả chư Phật đều từ kinh này mà ra. Cho nên nói là Phật Pháp mà cũng chẳng phải là Phật Pháp.

Đoạn thứ chín nói về một tướng và vô tướng. Bốn quả Thánh tuy có chứng đắc; nhưng thật ra chẳng có vì trong ấy không có kẻ chứng đắc và quả vị để chứng đắc.

Đoạn thứ mười nói về: Trang nghiêm Tịnh Độ. Chính đoạn thứ 10 này rất quan trọng và Ngài Huệ Năng đã ngộ

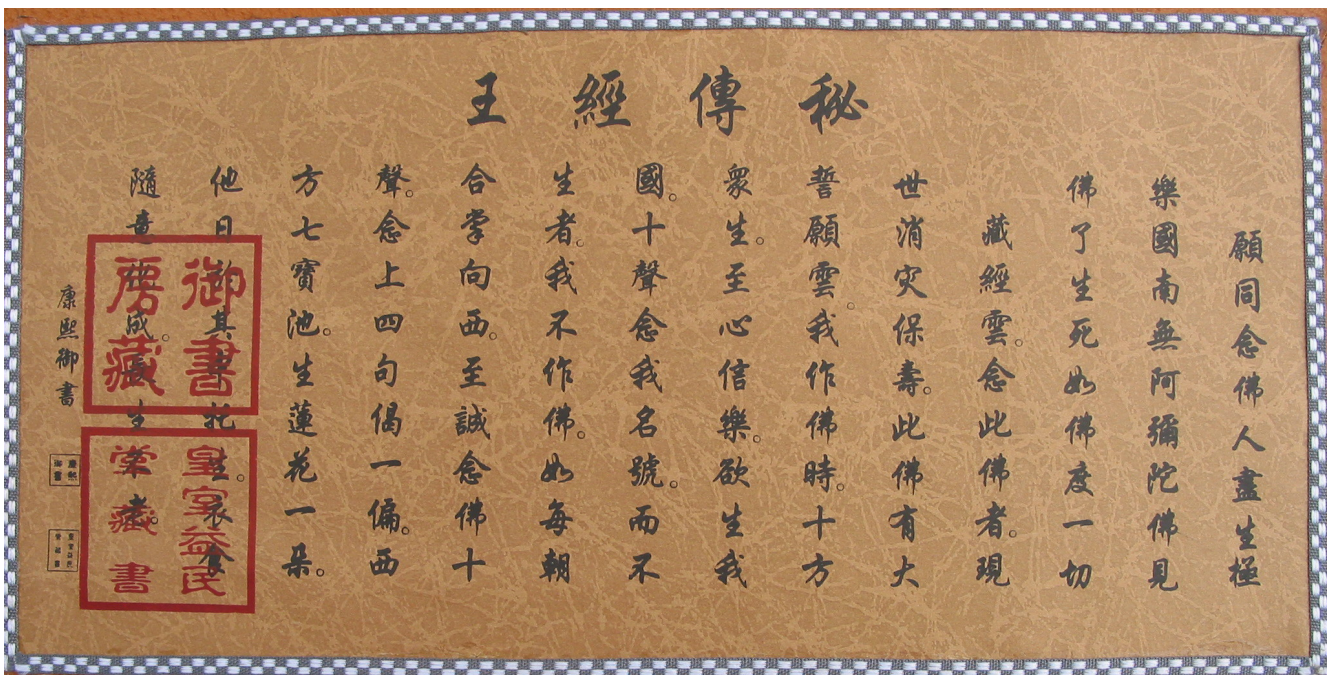
Đoạn thứ 11 nói về cái phước của vô vi là hơn cả. Kẻ dùng của bố thí như cát của sông Hằng tuy rằng phước nhiều đấy; nhưng vẫn không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ ở nơi kinh này cho đến thọ trì 4 câu kệ thôi, là phước này hơn phước bố thí kia rất nhiều.

Đoạn thứ 12 nói về việc "tôn trọng chánh giáo". Kẻ nào mà trì tụng cho đến 4 câu kệ của kinh này thì nơi đó tất cả thế gian, trời, người, A Tu La đều cúng dường như tháp miếu của Phật; huống gì là có kẻ hay thọ trì đọc tụng. Chỗ nào có kinh này, như là có Phật tại đó. Nếu là Phật Tử thì nên tôn trọng.

Đoạn thứ 13 nói về sự "thọ trì như pháp". Kinh này được gọi là kinh: Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật và Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề rằng: Có thể dùng 32 tướng để thấy Như Lai chăng? thì Ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng: Không thể.

Đoạn thứ 14 nói về: Là tướng tịch diệt. Ngài Tu Bồ Đề xưng tán kinh này và còn nói rằng việc tin hiểu thọ trì thật khó sau 500 năm nếu có người nghe kinh này mà tin tưởng, giải nghĩa, rồi thọ trì thì phải biết rằng khó có lắm. Vì lẽ kẻ ấy là kẻ không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh và chẳng có tướng thọ giả. Vì tất cả đều chẳng có tướng. Vì liả tất cả tướng là chư Phật vậy.

Ở đây có thuật lại chuyện ngày xưa Ngài đã vì Vua Ca Lợi mà cắt hết thân thể. Khi cắt như thế thì không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh và chẳng có tướng thọ giả. Vì lẽ nếu trụ vào tướng thì sẽ bị sân hận. Vì khi làm tiên như nhẩn nhục ở 500 đời trước cũng chẳng trụ vào những tướng này. Do vậy muốn chứng quả vô thượng Bồ Đề phải liả hết tất cả tướng.



được chân lý của Kim Cang ở nơi này: "Bất ứng trụ sắc sanh tâm, bất ứng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Nghĩa là "Chẳng nên trụ vào hình tướng để sanh tâm, chẳng nên trụ vào âm thanh, sắc đẹp, mùi vị, sự va chạm và các pháp để sanh tâm, mà nên ở vào chỗ không trụ để sanh tâm". Chỗ không trụ là chỗ không chấp trước; chỗ không trụ là chỗ không đến, không đi, không còn, không mất, v.v...

Đoạn thứ 15 nói về: Công đức của việc trì kinh. Nếu có kẻ nào từ sáng, trưa, tối mỗi ngày 3 lần như thế đem của cải hoặc thân này để bố thí nhiều như cát sông Hằng trong trăm ngàn kiếp mà khi nghe kinh này có tín tâm chẳng nghịch thì phước này nhiều hơn phước kia; huống gì là biên chép, thọ trì, đọc tụng và vì người khác giải nói. Nói tóm lại là kinh này thật "bất khả tư nghì".

Đoạn thứ 16 nói về kinh này hay làm cho thanh tịnh các nghiệp chướng. Nếu có kẻ nào trì tụng kinh này mà có người khinh chê thì phải biết người ấy đời trước đang đọa vào đường ác; nên đời này mới thế, mà khi nghe được kinh này thì nghiệp đời trước được tiêu diệt và chứng quả. Hoặc khi nghe kinh này mà có kẻ hồ nghi, tâm cuồng loạn chẳng tin thì phải biết kinh này thật bất khả tư nghĩ và quả báo cũng lại như thế.

Đoạn thứ 17 nói về: Cứu cánh vô ngã. Khi người phát tâm thì phải sanh tâm như thế này: Ta muốn diệt độ tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh diệt độ rồi mà chẳng có một chúng sanh nào thật diệt độ cả. Vì lẽ nếu Bồ Tát còn ngã tướng thì chẳng phải là Bồ Tát. Đức Phật Thích Ca đã chẳng vì chỗ Phật Nhiên Đăng mà được thọ ký cũng như thành Phật. Vì chẳng có pháp nào để được chứng đắc cả. Có người nói Phật chứng quả; nhưng thật ra chẳng có quả nào để Phật chứng cả. Ở đây chẳng thật chẳng hư. Cho nên Phật đã nói rằng: Tất cả pháp đều là Phật Pháp.

Đoạn thứ 18 nói về: Nhứt thể đồng quán. Phật hỏi Tu Bồ Đề về nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn để biết rằng có tất cả những cái có ấy trong tổng thể như cát sông Hằng; nhưng Như Lai nói các tâm đều chẳng phải là tâm, thì ấy mới gọi là tâm. Vì lẽ quá khứ tâm đã chẳng được, hiện tại tâm chẳng thể được và vị lai tâm cũng chẳng thể được. Sở dĩ như vậy, vì lẽ không có cái gì là thực tướng cả, mà ngay cả tâm này cũng luôn luôn thay đổi.

Đoạn thứ 19 nói về sự lưu thông của Pháp giới. Đức Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề rằng có người dùng của quý báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì người này với nhân duyên ấy, phước đức có nhiều chăng? Ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng: Rất nhiều. Nhưng Phật bảo rằng: Nếu phước đức mà thật có thì chẳng nói là phước đức nhiều mà chẳng có phước đức thì đó mới được phước đức nhiều.

Đoạn thứ 20 nói về: Lìa sắc, lìa tướng. Phật có thể dùng cụ túc sắc thân để thấy chăng? Chắc là không. Vì Như Lai bảo: Cụ túc sắc thân tức chẳng phải là cụ túc thì đó mới là cụ túc, mà các tướng cụ túc chẳng phải là cụ túc thì đó mới là tướng cụ túc.

Đoạn thứ 21 nói về: Chẳng nói mà nói. Người cũng đừng bảo rằng ta đang thuyết pháp. Nếu có ai đó bảo ta đang thuyết pháp, tức là hủy báng ta. Vì sao vậy? Vì thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào có thể nói cả, thì đó gọi là thuyết pháp.

Đoạn thứ 22 nói về: Chẳng có pháp nào để đắc cả. Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật là Ngài đã chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề và được chỗ vô vi chăng? Phật bảo rằng: Như thế như thế. Vì lẽ chẳng có pháp nào để được; nên gọi là được.

Đoạn thứ 23 nói về Tịnh tâm hành thiện. Pháp này bình đẳng chẳng có cao thấp nên gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu tất cả pháp lành tức chứng được quả giải thoát.

Đoạn thứ 24 nói về: Chẳng sánh với phước trí. Ở đây xác định một lần nữa rằng trong tam thiên đại thiên thế giới nếu người giàu có, của chất như núi Tu Di bằng bảy báu mà đem bố thí thì người này so với người thọ trì, đọc tụng và giải nói cho người khác 4 câu kệ của Bát Nhã Ba La Mật Đa

thì phước đức của người trước chẳng bằng một phần trăm và trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính đếm thí dụ cũng chẳng bằng người sau.

Đoạn thứ 25 nói về: Hóa vô sở hóa. Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề rằng có phải Phật đang độ chúng sanh không? Ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng: Thật ra chẳng có chúng sanh nào để độ cả. Nếu mà Như Lai còn có chúng sanh để độ thì Như Lai còn ngã, chúng sanh, thọ giả. Nếu có ngã tức còn phạm phu mà phạm phu tức chẳng phải phạm phu thì ấy mới là phạm phu.

Đoạn thứ 26 nói về: Pháp thân phi tướng. Đoạn này có kệ:

Nếu dùng hình sắc để thấy ta

Dùng âm thanh để cầu ta

Người này hành tà đạo

Chẳng thể thấy Như Lai.

Nếu dùng hình tướng và âm thanh để cầu thì đó không phải là thật tướng. Vì thật tướng chẳng thấy thì làm sao dùng cái đối đãi để cầu cái không có đối đãi được.

Đoạn thứ 27 nói về: Chẳng đoạn chẳng diệt. Nếu kẻ phát tâm Bồ Đề để chứng quả giải thoát thì phải nói rằng các pháp chẳng đoạn mà cũng chẳng diệt.

Đoạn thứ 28 nói về: Chẳng thọ, chẳng tham. Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật rằng: Tại sao Bồ Tát chẳng thọ phước đức? Đức Phật trả lời rằng: Tuy Bồ Tát có tạo phước đức; nhưng không tham trước nơi phước đức; nên nói là chẳng thọ phước đức.

Đoạn thứ 29 nói về: Uy nghi tịch tĩnh. Nếu có người bảo Như Lai, đến, đi, ngồi, nằm thì người ấy chẳng hiểu rõ nghĩa của Như Lai nói. Vì sao vậy? Vì Như Lai có nghĩa là: Chẳng từ đâu đến, lại chẳng đi về đâu. Cho nên nói là Như Lai.

Đoạn thứ 30 nói về: Lý của một hợp tướng. Trong tam thiên đại thiên thế giới gồm nhiều vi trần; nhưng thật ra chẳng có thế giới nào cả; nên mới gọi là thế giới. Vì lẽ nếu thế giới thật có tức là một hợp tướng; mà hợp tướng tức chẳng phải hợp tướng thì đó gọi là một hợp tướng.

Đoạn thứ 31 nói về: Tri kiến bất sanh. Nếu có kẻ nào đó nói Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức chẳng hiểu rõ Như Lai. Vì Như Lai nói những loại này chẳng thực tướng; nên nó có tên là như thế. Các pháp cứ như thế mà biết, chẳng sanh, chẳng diệt. Cho nên nói pháp tướng tức phi pháp tướng. Ấy chính là pháp tướng.

Đoạn thứ 32 nói về: Ứng hóa phi chơn. Kẻ nào dùng của bố thí trong vô lượng A Tăng Kỳ thế giới bằng bảy của báu và đối với người phát tâm thọ trì kinh này cho đến 4 câu kệ hoặc đọc tụng và vì người khác diễn nói thì phước này hơn phước kia rất nhiều.

Tất cả các pháp hữu vi

Như mộng huyễn bào ảnh

Như sương mai, điện chớp

Nên quán theo như vậy.

Rõ ràng là mọi pháp hữu vi trên thế gian này đều không thật tướng. Nó như mộng, như huyễn, như bọt nước. Có đó rồi mất đó. Nó giống như giọt sương ban mai trông rất đẹp

mắt; nhưng khi ánh thái dương đến thì tan đi. Điện chớp cũng thế, lúc có lúc không; không hiện hữu. Do vậy mà người tu theo pháp Bát Nhã phải thấy rằng: Tất cả những cái gì còn đối đãi là còn bị vô thường chi phối. Cái nào còn sanh diệt, tức cái ấy không có thật tướng.

Sau khi nghe Đức Phật nói kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa rồi thì Trưởng Lão Tu Bồ Đề, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di cùng tất cả trời người, A Tu La nghe Phật nói đều hoan hỷ tín thọ và hành trì.

Quả thật những ai đã hữu duyên khi Phật còn tại thế mà trực tiếp nghe được kinh này và liễu ngộ được cái không để chứng đắc và Phật còn nhắc nhở rằng nếu sau 500 năm Phật nhập diệt rồi mà còn có kẻ đọc tụng, giải nói, thọ trì thì quả rằng kẻ ấy còn có phước đức rất nhiều. Nhiều hơn cả những kẻ đem vàng bạc của báu nhiều như núi Tu Di để đem đi bố thí trong suốt bao nhiêu A Tăng Kỳ kiếp trong tam thiên đại thiên thế giới này.

Chúng ta ngày nay sinh ra trong thời kỳ mạt pháp này, cách Phật rất xa, đã hơn 2.500 năm lịch sử rồi; nhưng nay có cơ duyên đọc tụng kinh này, mà còn nói cho người khác

Giáo và đã có nhiều lần Phật Giáo là quốc giáo nơi đất nước hơn một tỷ dân này.

Bây giờ Phật Giáo tại Trung Hoa không còn thịnh hành như ngày xưa nữa. Âu đó cũng do vô thường biến đổi; nhưng không vì thế mà Phật Giáo bị mất đi vị thế của mình. Dẫu biết rằng tất cả cũng chỉ là không và cái không ấy Vạn Hạnh Thiền Sư, bậc Thầy của Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ đã để lại bài kệ rằng:

**Thân như bóng xế chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành.**

Đó là một bài văn dịch tuyệt vời ra tiếng Việt của cố Hòa Thượng Thích Mật Thể. Còn nguyên văn chữ Hán như thế này:

**Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy như bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.**

Cái không ấy theo tinh thần Kim Cang Bát Nhã, Vạn



cùng hiểu nữa thì quả thật trong vô lượng vô biên kiếp về trước, chúng ta đã có nhân duyên với chư Phật và chư vị Bồ Tát rồi.

Mặc dầu ở thế kỷ thứ 4 sau Thiên Chúa, Ngài Huệ Viễn sáng tổ của Tịnh Độ Tông Trung Hoa có viết quyển "**Sa Môn Bất Kinh Vương Giả Luận**" tức là quyển luận nói về việc các bậc tu hành không quỳ lạy vua chúa và thườ ấ đã có nhiều sự bàn cãi tranh luận, nhưng mãi về sau này những ông Vua Phật Tử của Trung Hoa như Đường Thái Tông, Thuận Trị, Khang Hi v.v... vẫn một mực tôn thờ Phật

Hạnh Thiền Sư đã liễu triệt vào đầu thế kỷ thứ 11 và mãi đến thế kỷ thứ 17 triều nhà Thanh, Vua Khang Hi ở Trung Hoa lập lại cũng không ngoài cái không ấy và bây giờ chúng ta ở chôn trời Tây này nói và hiểu cái không của Bát Nhã của Kim Cang cũng là cái không vô tướng ấy.

Xin hồi hướng tất cả những phước báu có được cho những ai khi đọc qua bài lược giải này và nguyện rằng tất cả nên trụ vào chỗ không trụ ấy để thành tựu trí bát nhã.

Viết xong trong mùa An Cư Kiết Hạ năm Ất Dậu 2005 tại thư phòng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc

THỨC THỨ TÁM

T/S Lâm Như Tạng

(tiếp theo VG 148)

BA VÔ TÁNH



A- Ba Vô Tánh giải thích theo luận Vijnāna Mātra-siddhi Trimsati Castra Karika của Vasubandhu

Phần trên đã đề cập đến 3 tự tánh thế nhưng tại sao Đức Thế Tôn lại nói là: “Tất cả Pháp đều không có tự tánh”.

Đức Phật y cứ trên 3 món Tự Tánh đó mà mật ý nói là tất cả pháp đều không có tự tánh. Trong Duy Thức Học nói Ba Cõi duy tâm, vạn pháp duy Thức. Nói về Thức thì Thức Thứ Tám là căn bản Thức. Trong phần bàn luận về Ba Vô Tánh cũng là nói về những thuộc tính của Thức Thứ Tám vậy.

Trong Duy Thức Tam Thập Tụng có bài tụng như sau:

Tức y thử tam tánh Cổ Phật mật ý thuyết (trividhasya svabhāvasya Samdhāya sarvadharmānām)	Lập bỉ tam vô tánh Nhứt thể pháp vô tánh trividhām nihsvabhāvatām desitā nihsvabhāvatā)
--	--

Dịch: Từ nơi ba tánh ấy Do Phật mật ý nói	Thành lập ba Vô Tánh Tất cả Pháp không tánh (Như Tạng Việt dịch)
---	--

1- “Tướng Vô Tánh” đối tri Biến Kế Sở Chấp Tánh

Biến Kế sở chấp sở dĩ không có tự tánh vì là tướng hư vọng của các pháp nên nó không có tự tánh.

Trong Duy Thức Tam Thập Tụng có câu:

Sơ tức tướng vô tánh
(Prathamā laksanena eva)

Dịch:
Trước tiên là “Tướng Vô Tánh”
(Như Tạng dịch)

Trước tiên nói về Biến Kế. Tánh của biến kế là vọng chấp mà sinh ra nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên nó là vô tánh. Ví dụ vì gió làm nổi sóng chứ thật sự sóng đó cũng chỉ là nước chứ không có hiện tượng sóng ngoài nước. Do đó sóng không có tự tánh của nó. Không có tự tánh là đồng nghĩa với vô tánh.

Sóng là một hiện tượng, thuộc về bóng dáng hữu hình mà chúng ta có thể trông thấy được nên gọi là tướng. Tướng đó là một hiện tượng do duyên sinh nên không có tự tánh riêng biệt của nó.

2- “Tự Nhiên Vô Tánh” đối tri Y Tha Khởi Tánh

Y Tha khởi không có tự tánh vì nó do các duyên hội đủ mà sinh ra chứ không phải tự nhiên mà có được do đó trong luận nói không có tự tánh.

Trong Duy Thức Tam Thập Tụng có câu:

Thứ vô tự nhiên tánh
(nihsvabhāvo parah punah)

Dịch:
Kể đến là không “Tự nhiên tánh”

Trong nhiều kinh luận thường nói tất cả pháp đều do duyên sinh đều nằm trong ý nghĩa này. Không có vật gì tự nhiên sinh và tự nhiên diệt. Không tự sinh nghĩa là không phải tự nhiên mà có. Tất cả đều do duyên sinh nghĩa là nói lên tánh Y Tha khởi của các pháp. Vì do ngoại duyên nên gọi là không có tự nhiên tánh.

Hoặc nói cách khác, Y Tha Khởi không có tự tánh cũng cùng một ý nghĩa đó.

3- “Thắng Nghĩa Vô Tánh” đối tri Viên Thành Thật Tánh

Sở dĩ Viên Thành Thật không có tự tánh là vì do xa lìa tánh Biến Kế hư vọng chấp ngã chấp pháp mà hiện ra. Trong luận có những câu tụng:

Hậu do viễn ly tiền
(na svayambhāva etasya ity)
Sở chấp ngã pháp tánh
(aparā nihsvabhāvatā)
Thử chư pháp thắng nghĩa
(dharmānām paramārthasca)
Diệc tức thị chơn như
(sa yatas tathatā api sah)
Thường như kỳ tánh cố
(sarvakālam tathābhāvatā)
Tức duy thức thật tánh
(sa eva vijñāptimātratā)

Dịch:
Sau do xa lìa trước
Chấp nơi tánh Ngã Pháp
Các pháp thắng nghĩa này
Cũng gọi là chân như
Vì tánh thường như thế
Là Duy Thức Thật Tánh
(Như Tạng dịch)

Đức Phật muốn phá 3 món tự tánh nên giả lập ra ba món vô tánh này. Đây là mật ý của Đức Phật không muốn hàng đệ tử chấp vào ba món tự tánh mà có hại cho sự tiến tu giải thoát.

Thắng Nghĩa có nghĩa là hơn hẳn, là tuyệt diệu không thể nghĩ bàn. Thắng Nghĩa Vô Tánh cũng tức là Chơn Như, vì tánh nó chơn thật không vọng, thường hằng như vậy nên được gọi là Thật Tánh của Duy Thức.

Đức Phật mật ý nói: “Hết thầy pháp đều không có tự tánh” chứ chẳng phải nói “Tánh” hoàn toàn không có.

B- Ba Vô Tánh giải thích theo Thành Duy Thức Luận của Dharmapāla v.v...

Trong Thành Duy Thức Luận cũng đã trích dẫn những bài tụng trong Duy Thức Tam Thập Tụng ghi ở phần trên.

Từ nơi ba Tánh trước mà lập ra ba Không Tánh, đó là Tướng Không Tánh, Không Tự Nhiên Tánh và Thắng Nghĩa Không Tánh. Do đó Đức Phật nói pháp không có tự tánh chứ không phải nói hoàn toàn không có tự tánh.

Chữ “mật ý” trong bài tụng được hiểu là những gì Phật nói ra không phải có ý nghĩa thật rõ ràng, mà đó chỉ là phương tiện chỉ bày một ý nghĩa nào đó mà thôi. Nghĩa là hai tánh Y Tha Khởi và Viên Thành Thật sau tuy có thể chẳng phải không, nhưng vì bị vọng chấp có tánh Ngã và tánh Pháp thật có. Chính sự vọng chấp ấy gọi là Biến Kế Sở Chấp.

Vì để diệt trừ vọng chấp mà Đức Thế Tôn đối với cái “Có” của Y Tha và Viên Thành Thật, và cái “Không” của Biến Kế Sở Chấp ngài nói chung là “Không Tánh”.

Từ tánh Biến Kế Sở Chấp mà lập ra “Tướng Không Tánh”. Vì tướng của Biến Kế hoàn toàn không thật có.

Từ Tánh Y Tha Khởi mà lập ra “Tự Nhiên Không Tánh”. Vì Y Tha Khởi là từ các duyên mà sinh ra, giả lập mà có các pháp không phải tự nhiên mà có nên gọi là Tự Nhiên Không Tánh.

Từ Tánh Viên Thành Thật lập ra “Thắng Nghĩa Không Tánh”. Vì do xa lìa hai tánh trên nên mới có Tánh Viên Thành Thật do đó gọi là “Thắng Nghĩa Không Tánh”.

Tánh Viên Thành Thật này được gọi là nghĩa thù thắng của các Pháp, là thắng nghĩa để của tất cả các Pháp.

Thắng Nghĩa Để gồm có 4 loại:

1- Thế gian thắng nghĩa : Đó là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

2- Đạo lý thắng nghĩa : Đó là Tứ Diệu Đế.

3- Chứng đắc thắng nghĩa : Đó là chơn như được hiển lộ.

4- Thắng nghĩa thắng nghĩa: Đó là pháp giới nhất chơn.

Thắng Nghĩa trong bài tụng là chỉ cho thắng nghĩa thứ 4 nói trên, vì đây là nói đến ý nghĩa của đạo phẩm tối thắng tu chứng, để nói lên sự khác biệt với 3 thắng nghĩa kia.

Thắng nghĩa này là nói lên pháp chân như. Sự chân thật, chẳng phải hư dối, không biến dịch. Tánh chân thật của các pháp. Tánh chân thật nơi tất cả ngôi vị đều thường như tánh nó (tùy duyên bất biến), do đó gọi là chân như.

Thắng nghĩa này chính là để nói lên tánh Duy Thức. Tánh Duy Thức có hai thứ.

Một là tánh hư vọng, tức tánh Biến Kế Sở Chấp.

Hai là tánh chơn thật, tức là tánh Viên Thành Thật. Vì để phân biệt với tánh hư vọng trong luận nói về Thật Tánh.

Có hai Tánh:

a- Thế tục, tức là Y Tha Khởi.

b- Thắng nghĩa, tức Viên Thành Thật.

Vì để phân biệt khác với thế tục nên nói Thật Tánh.

Tóm lại trong những bài tụng nói về Vô Tánh, cũng như trong Khế Kinh nói về Vô Tánh không phải nói với ý nghĩa thật rõ ràng. Nghĩa là không nên chấp rằng tất cả các pháp đều không có tự tánh.

C- Ba Vô Tánh trong Kinh Sandhinirmona-sūtra

1- Đoạn một (giải thích ba vô tánh)

Đoạn này nói về Tướng Vô Tánh, Sinh Vô Tánh và Thắng Nghĩa Vô Tánh.

Vì phần này rất dài hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc nên xin chia thành nhiều phân đoạn để dễ thấu triệt ý nghĩa hơn.

a- Phần một

Lý do tại sao phải nói về ba vô tánh.

Trong kinh Đức Phật thường nói về 5 uẩn, 12 xứ, 12 nhân duyên, 18 giới, 4 diệu đế v.v...

Sau đó lại nói các pháp toàn không, không sinh, không

diệt, tự tánh niết bàn.

Bồ Tát Thắng Nghĩa Sinh muốn thưa thỉnh để Đức Thế Tôn nói rõ về những việc ấy.

“Lúc ấy đại bồ Tát Thắng Nghĩa Sinh thưa Phật: Bạch Đức Thế Tôn, con từng một mình ở chỗ thanh vắng tâm trí tầm tư như vậy, bằng nhiều mật, Đức Thế Tôn đã nói đặc tính, phát sinh, tận diệt, vĩnh đoạn và biến tri của năm uẩn; như Ngài đã nói năm uẩn, thì Ngài đã nói 12 xứ, 12 duyên khởi và 4 thực cũng như vậy; bằng nhiều mật, Ngài đã nói đặc tính, biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng và tu tập của 4 đế; bằng nhiều mật, Ngài đã nói đặc tính, chủng loại, đa dạng, vĩnh đoạn và biến tri của 18 giới; bằng nhiều mật, Ngài đã nói đặc tính, năng trị, sở trị, tu tập chưa sinh thì phát sinh, đã sinh thì kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của bốn niệm trú; như Ngài đã nói bốn niệm trú, thì Ngài đã nói bốn chính đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám thánh đạo cũng như vậy.

“Nhưng Đức Thế Tôn lại nói các pháp toàn không, không sinh không diệt, tự tánh niết bàn.

Bạch Đức Thế Tôn con chưa hiểu rõ do mật ý nào mà Ngài nói như vậy? Con xin thỉnh vấn Ngài về ý nghĩa ấy; xin Ngài thương mà giải thích cho chúng con về mật ý mà Ngài nói các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại Bồ Tát Thắng Nghĩa Sinh: Tốt lắm, Thắng Nghĩa Sinh, sự tầm tư của ông rất là đúng lý. Tốt lắm Thắng Nghĩa Sinh, ông có thể hỏi Như Lai cái thâm nghĩa như vậy...

b- Phần hai

Phần này giải thích thế nào gọi là Tướng vô tánh, Sinh vô tánh, và Thắng nghĩa vô tánh.

“Thắng Nghĩa Sinh, hãy nhận thức rằng Như Lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là Tướng Vô Tánh, Sinh Vô Tánh, Thắng Nghĩa Vô Tánh.

“Tướng Vô Tánh là thế nào, là chính biến kế, chấp tánh của các pháp. Tại sao? Vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập nên gọi là tướng vô tánh.

“Sinh Vô Tánh là thế nào, là chính Y Tha Khởi, tánh của các pháp. Tại sao? Vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh.

“Thắng Nghĩa Vô Tánh là thế nào?

Một mật là các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa là chính các pháp duyên sinh cũng gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh.

“Tại sao? Vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như Lai nói là Thắng Nghĩa Vô Tánh, mà Y Tha Khởi Tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh.

“Thêm nữa (mật khác) Viên Thành Thật Tánh của các pháp cũng gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh.

Tại sao? Tại pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là Thắng Nghĩa. Thắng Nghĩa này cũng gọi là Vô Tánh. Vì nó mới là Thắng nghĩa của các pháp và do Vô Tánh hiển lộ nên (Viên Thành Thật Tánh) gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh. Tương tự không hoa, Tướng Vô Tánh cũng vậy. Tương tự ảo tượng (của ảo thuật), Sinh Vô Tánh cũng vậy, Thắng Nghĩa Vô Tánh mật thứ nhất cũng vậy. Tương tự hư không do sắc tướng vô tánh hiển lộ và phổ biến tất cả.

“Thắng Nghĩa Vô Tánh mật thứ hai cũng vậy, vì do pháp vô ngã hiển lộ và phổ biến tất cả. Như Lai căn cứ ba vô tánh như vậy mà mật ý nói rằng các pháp toàn không”.

Những đoạn kinh trên đã nêu rõ nghĩa về Thắng Nghĩa Vô Tánh. Ngoài ra trong phần giải thích trong Thành Duy Thức Luận đã giải thích rõ về Thắng Nghĩa Vô Tánh là thế nào.

Tiếp theo cũng trong kinh Giải Thâm Mật tiếp tục giải thích về Thắng Nghĩa Vô Tánh này.

Trong phần giải thích Hòa Thượng Thích Trí Quang viết: “Thắng Nghĩa Vô Tánh: Ghi chú câu này có 3 chi tiết:

b.1- Chi tiết một. Thắng Nghĩa Vô Tánh có 2: Thứ nhất, Y Tha không phải Thắng Nghĩa nên cũng gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh. Thứ hai, Viên Thành Thật do pháp không hiển lộ nên gọi là Thắng Nghĩa Vô Tánh. Nói cách khác cho dễ hiểu, Thắng Nghĩa không phải như Y Tha (vì Y Tha không phải thắng nghĩa). Thắng Nghĩa càng không phải là Biến Kế (vì Biến Kế là Ngã Pháp, ngã pháp không đi mới hiển lộ Thắng Nghĩa).

b.2- Chi tiết hai. chữ pháp vô ngã trong câu này chính văn là nhất thể chư pháp, pháp vô ngã tánh (sau đây chính văn chỉ nói pháp vô ngã tánh). Chính văn như vậy phải dịch pháp vô ngã chứ không thể dịch sự vô ngã của các pháp. Nhưng pháp vô ngã (= pháp không) thì đã bao gồm nhân vô ngã (đúng ra nên nói ngã vô ngã = ngã không), vì được pháp vô ngã thì đã được nhân vô ngã rồi. Thắng nghĩa vô tánh là thắng nghĩa do nhân vô ngã và pháp vô ngã hiển lộ, nên duy thức luận, tụng 24, nói: Hậu do viễn ly tiền, sở chấp ngã pháp tánh.

b.3- Chi tiết ba. cái được hai vô ngã hiển lộ là thắng nghĩa (chân như), được gọi là Thanh tịnh Sở duyên.

Tiếp tục trở lại chính văn kinh Giải Thâm Mật:

“Thắng Nghĩa Sinh, ông nên biết Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn, vì sao, vì nếu tự tướng các pháp toàn không thì không sinh, không sinh thì không diệt, không sinh diệt thì bản lai vắng bật, bản lai vắng bật thì tự tánh niết bàn, trong đó không có chút gì gọi là có để còn phải làm cho nhập vào niết bàn. Nên Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn.

“Thế nhưng Như Lai cũng căn cứ thắng nghĩa vô tánh được hiển lộ bởi pháp vô ngã mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn. Vì sao? Vì thắng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ thì luôn luôn vĩnh viễn. Pháp tánh các pháp là an trú, vô vi, không thích ứng với tất cả tạp nhiễm, luôn luôn và vĩnh viễn, pháp tánh các pháp là an trú nên vô vi, là vô vi nên không sinh diệt, là không thích ứng với tất cả tạp nhiễm nên bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn.

“Thế nên Như Lai căn cứ thắng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn”.

2- Đoạn hai

Đoạn này căn cứ vào ba vô tánh kể trên Đức Phật giải thích về “các pháp toàn không, không sinh diệt, bản lai niết bàn”.

“Thắng Nghĩa Sinh, nhưng không phải vì trong chúng sinh giới có những kẻ nhìn riêng biến kế chấp cho là tự tánh, cũng không phải vì những kẻ ấy nhìn riêng y tha khởi hay viên thành thật cho là tự tánh cả, mà Như Lai thiết lập ba vô tánh.

Như Lai thiết lập ba vô tánh vì những kẻ nơi y tha khởi tánh và viên thành thật tánh mà tăng thêm biến kế chấp

tánh. Những kẻ ấy, do biến kế chấp tánh (quá khứ) nên (hiện tại) nơi y tha khởi tánh và viên thành thật tánh mà nổi lên ngôn ngữ; như ngôn ngữ nổi lên thế nào thì cũng như thế ấy mà ngôn ngữ huân tập vào tâm, ngôn ngữ phát sinh ra biết, ngôn ngữ liên tục trong tâm nên y tha khởi tánh và viên thành thật tánh mà tăng thêm biến kế chấp tánh.

“Vì như biến kế chấp tánh thế nào thì cũng như thế ấy, nơi y tha khởi tánh và viên thành thật tánh mà tăng thêm biến kế chấp tánh, nên phát sinh y tha khởi tánh trong tương lai, nghĩa là bị hoặc tạp nhiễm, bị nghiệp tạp nhiễm, bị sinh tạp nhiễm, nên trong phạm vi sinh tử, (những kẻ ấy) mãi hoài dong ruổi, trôi lăn, không hề ngừng nghỉ, chịu mọi khổ não trong nại lạc ca (địa ngục), trong bàng sinh, trong ngã quý, trong chư thiên, trong tu la, trong nhân loại”.

3- Đoạn ba (giải thích lý do lập ba vô tánh)

Lý do Đức Phật nói về ba vô tánh là để cho hàng đệ tử hiểu rõ bản tính của các pháp mà lo tránh điều có chấp có thể sinh ra những điều ác, che lấp chơn tâm bản tánh, chướng ngại cho đường tu tập giải thoát.

“Thắng Nghĩa Sinh, với những người từ hồi nào đến giờ chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch chướng ngại, chưa thành thực liên tục, chưa tu nhiều thắng giải, chưa thể đốn chừa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, thì Như Lai vì họ, căn cứ sinh vô tánh mà tuyên thuyết pháp yếu; nghe pháp yếu này rồi, họ có thể tùy sức mà tùy lý giải các hành duyên sinh là không thường hằng, không yên ổn, biến động, hư rã; lý giải như vậy rồi, đối với các hành, họ e sợ, chán ghét sâu xa; e sợ chán ghét như vậy nên họ kèm chế điều ác, với điều ác thì có khả năng đình chỉ, với điều thiện thì có khả năng tu tập; tu tập điều thiện nên chưa gieo trồng thiện căn thì có thể gieo trồng, chưa làm sạch chướng ngại thì có thể làm sạch, chưa thành thực liên tục thì có thể thành thực, và do vậy mà có thể tu nhiều thắng giải, đốn nhiều hai thứ tư lương phước đức trí tuệ.

“Tuy gieo trồng thiện căn cho đến đốn nhiều hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, nhưng đối với sinh vô tính, họ vẫn chưa như thật thấu triệt tướng vô tánh và hai thắng nghĩa vô tánh, nghĩa là đối với các hành, họ vẫn chưa chán ghét chính xác, chưa ly dục chính xác, chưa giải thoát chính xác, chưa giải thoát toàn thể hoặc tạp nhiễm, chưa giải thoát toàn thể nghiệp tạp nhiễm.

“Chưa giải thoát toàn thể sinh tạp nhiễm, nên Như Lai nói thêm pháp yếu cho họ về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, vì muốn làm cho họ đối với các hành có thể chán ghét chính xác, ly dục chính xác, giải thoát chính xác, vượt qua toàn thể hoặc tạp nhiễm, vượt qua toàn thể nghiệp tạp nhiễm, vượt qua toàn thể sinh tạp nhiễm.

“Được nghe pháp yếu Như Lai nói thêm cho như vậy, nên đối với sinh vô tánh, họ có thể tin hiểu chính xác về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, lựa lọc suy xét, thấu suốt chính xác, nghĩa là nơi y tha khởi tánh họ không còn chấp biến kế chấp tánh, cái trí không còn huân tập theo ngôn ngữ, không còn nhận thức theo ngôn ngữ, không còn liên tục theo ngôn ngữ, nên họ có thể hủy diệt y tha khởi tánh, ngay trong hiện tại họ được nắm giữ bởi sức mạnh của cái trí như trên nên vĩnh viễn diệt được cái nhân đời sau, tức là đối với các hành họ chán ghét chính xác, ly dục chính xác, giải thoát chính xác, giải thoát toàn thể hoặc, nghiệp, sinh, ba loại tạp nhiễm”.

(còn tiếp)



Đoàn Văn Thông

(Tiếp theo VG 148)

Chởng VII Vấn đề nghiên cứu và chụp ảnh hồn ma

Đã từ lâu, nhiều người tin rằng có một cái gì đó bên cạnh sự sống. Cái huyền bí ấy thường được gọi là "LINH HỒN; HỒN MA". Tuy nhiên, sách vở, tài liệu, lời đồn đại thì nhiều cũng như nếu có người đã chứng kiến thấy được hồn ma thì cũng có người khác lại không thấy mà "chỉ nghe kể lại".

Chính lý do đó đã khiến cho nhiều người nghĩ rằng ma chỉ là điều tưởng tượng và muốn mọi người tin có hồn ma, cần phải có "cái gì đó" liên hệ để chứng minh mới có khả năng thuyết phục.

Từ ngày máy chụp ảnh ra đời, người ta đã nghĩ đến việc chụp ảnh hồn ma nhưng rõ ràng vấn đề này không phải dễ, lý do không phải lúc nào ai cũng thủ bên mình máy ảnh sẵn sàng là bấm máy khi thấy hồn ma xuất hiện? Vấn đề kế tiếp là chắc gì máy ảnh lại có thể chụp được hồn ma? Vì ma không phải là một thực thể, ma không thể sờ được, nắm được hay tiếp xúc một cách dễ dàng được...

Tại các nước Tây Phương nhất là tại Anh Quốc, nhiều nhóm "săn lùng ma" chuyên nghiệp lẫn tài tử được

thành lập từ lâu và họ chuyên đi "sưu tầm ma" hay nói rõ hơn là "đi tìm ma". Dĩ nhiên họ phải trang bị đủ dụng cụ máy móc để mong thu được những gì mà hồn ma có thể để lại, như dụng cụ ghi âm, máy đo chấn động, máy chụp ảnh, máy quay phim, video... Chỉ cần ghi được vào máy ghi âm âm thanh của cái gọi là hồn ma phát ra hay quý giá nhất là chụp được một bức ảnh của hồn ma thì đó sẽ là chứng cứ vững chắc giá trị nhất để những chuyên viên nghiên cứu về ma tha hồ tìm hiểu, suy luận và khẳng định với những người còn nghi ngờ về ma rằng... hồn ma là có thật.

Từ những tranh vẽ đến những bức ảnh về hồn ma

Qua những tài liệu bàn về vấn đề Linh Hồn, ma quái từ cổ đại, các nhà nghiên cứu về thế giới huyền bí hay những vấn đề không giải thích được đã thu thập được rất nhiều tranh ảnh vẽ về linh hồn, ma quỷ. Người ta tự hỏi vào thời đại đó có ai đã thấy "ma" chưa hay cũng chỉ là điều tưởng tượng và theo thời gian sự tưởng tượng ấy ăn sâu và truyền lại qua mỗi người cho đến ngày nay. Nhiều bức hình chụp được về ma cho thấy có nhiều điểm đáng nghi ngờ sau khi có sự ra đời của máy ảnh. Máy ảnh được các nhà nghiên cứu săn tìm ma tận dụng triệt để, vì họ biết rằng khó thuyết phục được ai, nhất là các nhà khoa học chỉ nói hay mô tả lại những gì mà họ thấy về ma mà không có chứng cứ rõ ràng đúng với tinh thần khoa học thực nghiệm. Tuy nhiên qua nhiều cố gắng, cho đến nay vẫn hiếm thấy được những bức ảnh chụp được những gì thực sự gọi là hồn ma, từ lâu nhiều người nghĩ rằng: Nguyên nhân có lẽ như đã trình bày ở trên là linh hồn hay ma quỷ không phải là một thực thể, một dạng vật chất như con người chúng ta. Vì thế nếu hồn ma là có thật thì chưa chắc hình ảnh ăn nhập được vào thuốc ảnh. Do đó, nhiều bức ảnh chỉ cho thấy những gì liên quan đến hồn ma như căn nhà ma, khu vườn ma, cây ma, hồ ma, hành lang ma v.v... Trong những tài liệu viết về ma quỷ, linh hồn, nhiều tác giả trên thế giới đã ghi chép và trình bày các sự kiện đặc biệt về vấn đề này. Ở Đông Phương vấn đề nghiên cứu này đã có từ lâu, cách đây cả mấy nghìn năm

nhất là trong các tôn giáo. Trong khi đó ở các nước Âu Tây vấn đề nghiên cứu linh hồn và ma quỷ tiến chậm hơn nhưng có tính cách thận trọng hơn. Các nhà nghiên cứu muốn sự nghiên cứu tìm hiểu của mình phải được chứng minh một cách khoa học. Nhiều cuốn sách viết về vấn đề này đã được xuất bản, các tác giả chuyên nghiên cứu về đề tài linh hồn, ma quỷ thuộc các nước Âu Mỹ có thể kể đến là Daniel Cohen, Jay Anson, John G. Fuller, Joseph Braddock, David và Charles, Robert Hale, Simon Marsden, Harry Price, Janet và Collin Bord v.v...



Hồn ma xuất hiện trước mặt nhiều người (Đây là bức ảnh vẽ của Katie King trích cuốn The Encyclopedia of Ghosts) (nhà xuất bản Avon Books - New York - ấn hành và xuất bản)

Theo các tài liệu của những tác giả vừa kể, người ta có thể tìm thấy được một số lớn hình ảnh về hồn ma. Đặc biệt nhất là hình ảnh chụp được từ mạn tàu của chiếc tàu dầu Hoa Kỳ chở dầu đi Panama (chiếc tàu S.S. Watertown) cho thấy 2 gương mặt của 2 thủy thủ đã chết trước đó mấy ngày xuất hiện trên mặt nước biển. Sự kiện có thật này đã xảy ra vào tháng 12 năm 1924 ở trên biển Thái Bình Dương. Bức ảnh này đã được lưu trữ tại các thư viện lớn ở Hoa Kỳ và sau đó, hai nhà nghiên cứu về "Những hiện tượng không thể giải thích được" là Janet và Colin Bord đã đăng trong cuốn sách nhan đề "Unexplained Mysteries of the 20th Century".

Ngoài ra một bức ảnh đặc biệt khác cũng được các nhà nghiên cứu thuộc nhóm SORRAT (Society for Research on Rappoport and Telekinesis) ghi nhận đó là bức ảnh lạ lùng về một nữ sinh viên tên là Myra, cô này theo học tại trường Đại Học Missouri và mất năm 1869. Nhưng vào ngày 27 tháng 6 năm 1967 nghĩa là 98 năm sau một bức hình chụp phong cảnh trường này khi rửa ra tự nhiên thấy xuất hiện ảnh cô

nữ sinh Myra ngồi trên đám cỏ, mình mặc bộ đồ đen.



Bức ảnh chụp được hồn ma cô nữ sinh viên Myra (Đại Học Missouri, Hoa Kỳ) ngày 27 tháng 6 năm 1967 tại khuôn viên trường sau khi cô mất (khoảng năm 1869). (nh trong tài liệu của Janet và Collins - 1989) trong cuốn Unexplained Mysteries of the 20th Century - 1989 - USA)

Câu hỏi được đặt ra là tại sao có sự kiện này, có phải đây là địa điểm mà xưa kia cô Myra thường đến ngồi chơi không? Mới đây nhiều tờ báo có đăng tải những câu chuyện có thật về ông William Lewis Hope, thợ giặt ở Pendletown. Ông này một hôm chụp ảnh người bạn và khi rửa hình lại thấy xuất hiện hình bóng của một người đàn bà ngồi cạnh. Điều kỳ lạ hơn nữa là người bạn này đã tái xanh mặt khi nhận ra người đàn bà ấy chính là người chị ruột của mình đã qua đời cách đó mấy năm.

Câu chuyện kể tiếp được Bác sĩ Lucien Graux kể lại: Một người Ấn Độ tên là Laila Kundan Lal Kapur chết vì bệnh ở Burdwan. Khi xác người chết đặt nằm ngay ngắn để chờ hỏa táng thì người cháu chụp một bức ảnh kỷ niệm. Điều kỳ dị là khi bức ảnh được rửa ra lại thấy nhiều người ngồi quanh xác chết. Những người đó không ai khác hơn là những người trong gia đình đã qua đời trước đó. Phải chăng những hồn ma mà này đã đến thăm người mới chết?

Cách đây 40 năm, một câu chuyện gây xôn xao cả nước Liban khi sư huynh Elie Nonhra thuộc giáo đoàn truyền giáo Kraimiles ở tu viện Djoumie tới thăm cha Elias Hemgi là người kế vị Đức cha Charbel thuộc nhà tu ở Annaya. Hôm chụp ảnh, cha Hemgi chụp chung với 4 người học trò. Nhưng khi rửa ảnh lại thấy có hình ảnh của một tu sĩ rất già đứng ở trước mà hình ảnh như có phần mờ nhạt. Khi bức ảnh được gửi đến những tu sĩ đã

lớn tuổi khác xem thì các vị này đều quả quyết rằng đó chính là Đức Cha Charbel.

Mới đây trong the Encyclopedia of Ghosts, của Daniel Cohen (nhà xuất bản Avon Books - New York) có đưa ra một tài liệu đặc biệt về hình ảnh của một hồn ma xuất hiện ngay trên ngôi mộ.

Hai nhà nghiên cứu về các hiện tượng huyền bí là John Marke và Allan Jenkins đã tận dụng mọi kỹ thuật tân kỳ của khoa học để mong thu thập các dữ kiện, các chứng cứ, các hình ảnh do các hiện tượng kỳ dị phát sinh. Ngoài sản lùng, chụp ảnh các hiện tượng lạ, hai nhà nghiên cứu này còn lưu ý đến các tiếng động từ những nơi có lời đồn đại là có ma xuất hiện. Năm 1982, John Marke và Allan Jenkins đã dùng máy thu băng để thu thập một số âm thanh ma quái phát ra tại Kenfig. Mới đây, trong một số tài liệu viết về những đồ vật tự nhiên bị xáo tung, vung vãi ra khắp nơi về đêm (things that go bump in the night...) Collin Bord và Janet đã ghi lại những sự kiện lạ lùng đã xảy ra trong những ngôi nhà. Như trường hợp đã xảy ra vào ngày 19 tháng 12 năm 1976 tại một ngôi nhà ở Pearisburg, thuộc tiểu bang Virginia (Hoa Kỳ). Bà Beulah Wilson đã qua một đêm sợ hãi vì thấy chén đĩa, đồ đạc trong nhà như có ai xô đẩy, chuyển dịch. Cảnh sát và chuyên viên điều tra đã ghi nhận trong bản báo cáo như sau:

"Đồ đạc trong nhà phần nhiều to lớn cồng kềnh và rất nặng. Cái tủ ở nhà bếp nặng tới 200 pounds và còn hơn thế nữa, nhưng những vật nặng này vẫn chuyển dịch trong đêm khuya như có ai dời đi. Điều đáng lưu ý là các đồ vật này đều lâu đời".

Ở Ipiranga thuộc Ba Tây (xứ Brazil) năm 1973 sự kiện tương tự đã xảy ra và nhà nghiên cứu Guy Lyon Playfair đã tận mắt chứng kiến sự kiện lạ lùng này và đã chụp được một số ảnh về các đồ đạc bị chuyển dịch, xô ngã, quẳng từ nhà trên xuống theo đường thang lầu. Lần kế tiếp, trong đêm khuya lại xảy ra chuyện lạ khi mọi đồ đạc, áo quần nằm trong các hộc tủ tự nhiên bị kéo đổ xuống sàn nhà và lần này Guy Lyon Playfair cũng đã chụp được bức hình rất rõ về sự kiện này. Nhưng điều làm Guy Lyon Playfair thất vọng là ông hy vọng khi rửa hình có thể thấy được ít nhất là một phần lơ mờ nào đó về "một vật gì đó", có khả năng gây tác động về chuyển dịch đồ đạc ấy

nhưng tuyệt nhiên ông không thấy. Như vậy những bức ảnh chụp được chỉ cho thấy sự việc, tình trạng của sự việc sau khi hiện tượng đã xảy ra mà thôi.

Tuy nhiên, như đã trình bày từ trước, từ ngày xuất hiện máy chụp ảnh, các nhà nghiên cứu về các hiện tượng lạ cũng như những người chụp ảnh có tính cách tài tử, hoặc vô tình hay hữu ý, họ cũng đã có được một số hình ảnh không phải là ít về các hiện tượng lạ lùng. Như ngày 16 tháng 10 năm 1967, một bức ảnh chụp được hình ảnh của một người đàn bà mặc đồ trắng xuất hiện trên bầu trời ở San Damiano thuộc nước Ý. Bức hình này được lưu trữ trong Viện Bảo Tàng của Ý và cũng đã được đăng lại trong nhiều sách vở báo chí. Mới đây còn gặp lại trong tài liệu Unexplained Mysteries of the 20th Century do Contemporary Books xuất bản có đăng tải bức ảnh ấy.

Ở Ai Cập, năm 1968, tại ngôi giáo đường Zeitoun ban đêm tự nhiên phát ra hiện tượng hào quang bao phủ trên mái. Trong Encyclopedia of Ghosts, nhà sưu tập các sự kiện có thật về hồn ma đã đăng tải một bức hình chụp một hồn ma đang xuất hiện nơi bậc thang của một ngôi nhà. Hồn ma có dạng một người đàn bà mặc toàn đồ trắng.



nh chụp hồn ma ở cầu thang (theo Daniel Cohen)

Ngày nay việc dùng máy ảnh để chụp các hiện tượng lạ lùng và nhất là những gì gọi là "hồn ma" vẫn được các tay săn lùng chuyện kỳ dị tiếp tục. Ngoài ra họ còn tận dụng cả Video để quay phim. Với các kỹ thuật hiện đại này, các nhà sưu tập hy vọng sẽ thu thập được nhiều dữ kiện và hình ảnh lý thú. Tuy nhiên, câu hỏi vẫn được tiếp

tục đặt ra cho vấn đề là có phải hồn ma chỉ hiển hiện vào thời điểm nào đó thuận lợi nhất hay hồn ma có khả năng nhận biết "minh sẽ bị chụp ảnh" nên đã biến mất trước khi máy ảnh hoạt động? Hoặc giả, hồn ma thuộc vào một thể loại vật chất khác nên khó ăn nhập hình ảnh vào thuốc ảnh hoặc có thể rằng từ một góc cạnh nào đó trong không gian mới có thể thu được hình ảnh v.v... Nhiều nhà khoa học đủ mọi ngành đã hăng hái đi sâu vào lãnh vực nghiên cứu và tìm hiểu hồn ma. Dĩ nhiên, mỗi người áp dụng theo mỗi phương cách cũng như dùng phần lớn các trang thiết bị thuộc lãnh vực nghề nghiệp của họ để hỗ trợ cho việc khảo cứu.

Như Kỹ sư Albert J. Stokes ở San Francisco đã dùng cả máy chụp hình thuộc về Hồng Ngoại Tuyến để chụp các hình ảnh về hồn ma và dùng máy ghi âm Raudive để thu những âm thanh liên hệ. Sau một thời gian làm việc, nhóm nghiên cứu của Kỹ sư Albert J. Stokes đã có được một số lớn hình ảnh chụp được về hồn ma và nhiều cuộn băng ghi lại những âm thanh lạ lùng mà họ đã thu được. Kỹ sư Albert J. Stokes khẳng định rằng: Mặc dầu chừng ấy dữ kiện thu thập được, chưa đủ để kết luận rằng có sự hiện hữu của hồn ma, nhưng qua những lần công tác và kết quả đem lại, chúng tôi cảm thấy rõ ràng có cái gì đó ở kề cận chúng ta mà từ lâu ta vẫn không biết hoặc có biết chăng thì cũng chỉ trong sự nghi ngờ hay có khi còn giễu cợt.

Hiện nay nhóm này đang vừa sưu tập vừa phân loại những gì liên hệ đến hồn ma. Nhóm chủ trương tận dụng càng nhiều máy chụp hình, máy quay phim, máy thu âm càng tốt vì phải có tư liệu rõ ràng trung thực mới mong tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích, suy luận được vấn đề một cách đúng đắn.

Bác sĩ Stephen H. Prentice, trưởng nhóm nghiên cứu về các hiện tượng tâm linh huyền bí ở con người tại Massachusetts cho rằng: "Cần phải tìm hiểu đến nơi đến chốn về những gì gọi là hồn ma hay linh hồn, tìm hiểu và thu thập những bằng chứng rõ ràng để chứng minh sự kiện. Nhóm nghiên cứu vấn đề này cần tiếp xúc với tất cả những gì có liên quan đến hiện tượng "ma quái": Người chết, địa điểm đồn đại về ma xuất hiện, bãi tha ma... ngay cả các phù thủy, những người đồng bóng, những thầy mo, những người

hành nghề "xuất hồn" hay "nhập xác"... để tìm hiểu qua khoa học thực nghiệm. Muốn có kết quả khả quan, chắc chắn, không gì hơn là trang bị đầy đủ các dụng cụ mà khoa học kỹ thuật hiện đại có được để thu thập các hình ảnh, âm thanh của những gì liên hệ đến hồn ma...".

Giống như các nhà nghiên cứu về sinh vật học, thường đến ngay môi trường mà sinh vật đã hay đang sinh sống để nghiên cứu thì những nhà nghiên cứu về hồn ma, sự chết, cũng phải đến ngay những nơi phát sinh sự kiện ấy để nghiên cứu.

Báo East West Journal đã có lần đăng tải một tài liệu chuyên đề về vấn đề nghiên cứu hồn ma của những nhóm nghiên cứu trên thế giới. Theo báo này thì nhiều nhóm nghiên cứu có tổ chức quy mô ở Anh, Hoa Kỳ, Nga Xô... cũng như những nhóm nghiên cứu có tính cách tài tử đã sử dụng khá nhiều dụng cụ máy móc dò tìm hồn ma, ngoài máy ảnh thường và đặc biệt cũng như các dụng cụ ghi âm, máy quay phim, video... Các nhà nghiên cứu còn sáng chế ra những dụng cụ mới hay những chất thuốc mới phụ trợ cho việc thu, bắt hình ảnh vào phim ảnh nhạy hơn.

Bác sĩ Pretice, trưởng nhóm nghiên cứu hồn ma ở Oregon đã thu thập được vô số hình ảnh và các dữ kiện liên hệ đến hồn ma nhờ các dụng cụ đặc biệt. Ông cho rằng vấn đề khẳng định có linh hồn hay không, giờ đây chỉ còn là vấn đề thời gian. Tiến sĩ Carl Standish phát biểu trong một cuộc phỏng vấn của báo chí về vấn đề hồn ma có hay không như sau:

"Không còn nghi ngờ gì nữa về sự hiện diện của các hồn ma trên quả đất này. Hồn ma thường hay xuất hiện ở nơi những căn nhà có người ở hơn là ở những nơi hoang vắng (điều này có thể giúp các nhà nghiên cứu phân loại hồn ma nào ở đơn độc, hồn ma nào thích sống ở nơi có người). Những hồn ma thường xuất hiện vào những giờ nhất định (có lẽ tùy vào điều kiện nào đó như môi trường, thời gian...) và họ muốn quán quýt bên người sống.

Những hồn ma này thường là những người thân, họ chưa muốn rời hẳn người thân yêu và muốn tiếp tục sống. Có thể tình thương là một năng lực đặc biệt giúp hồn ma tồn tại cũng có thể tình thương là sợi dây liên lạc giữa người sống và kẻ chết...".

Điều đặc biệt đáng ghi nhận là theo nhóm nghiên cứu hồn ma thuộc Hội Siêu Hình St. Leonard thì họ đã có lần thu bằng được lời nói của một hồn ma tự xưng là Alexander Graham Bell (ông này là người đã sáng chế ra máy điện thoại) và hồn ma này còn giúp cho nhóm kỹ thuật một số ý kiến đặc biệt để sửa chữa các sai sót về máy móc dụng cụ trong khi ghi âm hay chụp ảnh hồn ma.

Vấn đề chụp ảnh hồn ma từ lâu đã gây ra nhiều tranh luận sôi nổi. Vào năm 1862, tại Boston một người chụp ảnh chuyên nghiệp tên là Mumler đã gây sự chú ý cho mọi người khi ông cho biết bức ảnh chân dung do ông tự chụp lấy có sự kiện hết sức lạ lùng. Ông nói: "Khi sang hình từ phim ảnh ra, tôi kinh ngạc khi thấy xuất hiện bên chân dung tôi có hình một người khác nữa. Nhìn kỹ tôi sợ quá vì người đó chính là chú tôi, người đã chết từ lâu". Khi tin này được loan ra, các nhóm chuyên về nghiên cứu linh hồn, ma quỷ... lũ lượt kéo đến chỗ làm việc của Mumler... Sau đó nhiều ảnh chụp thuộc loại này được Mumler trưng ra. Phần lớn các ảnh chụp về cái gọi là hồn ma thường có vẻ mơ hồ không rõ nét, dĩ nhiên hồn ma thì làm sao có thể đậm nét về hình ảnh như người thật được nhất là gương mặt. Tuy nhiên các bức ảnh này bị các nhóm khác (phần lớn là các nhà chụp ảnh và những người muốn tìm hiểu sự thật của vấn đề) nghi ngờ. Những người chụp ảnh chuyên nghiệp tìm thấy "có cái gì đó bất ổn" ở ngay bức hình chụp có bóng dáng hồn ma. Điều đáng nghi ngờ là Mumler bỗng nhiên rời khỏi Boston một cách vội vã, ông ta đến trú ngụ ở một địa điểm mới tại thành phố New York và tại đây lại xuất hiện những bức ảnh kỳ dị về hồn ma. Tại đây, Mumler bị khởi tố về tội phình gạt qua hành động giả mạo hình ảnh, vì nhiều nhóm người cho rằng các ảnh chụp hồn ma do Mumler tung ra là giả, vì ông ta dùng các kỹ thuật chụp ảnh để tạo nên các hình ma quái. Mặc dầu vậy nhiều người vẫn có cảm tình với Mumler và binh vực ông ta.

Theo các nhà chụp ảnh chuyên nghiệp thì vấn đề "biến hóa" trong phòng tối để cho các bức hình có tính cách ma quái, lạ kỳ rất dễ dàng vì nhờ các xảo thuật ghép hình, cắt xén ráp nối lúc chụp, sang hình... Họ có thể cắt gương mặt của một nhân vật nổi tiếng nào đó để ráp nối vào cơ thể của chân

dung một người khác, đôi khi để che giấu chỗ ráp nối và để tạo sự huyền bí, linh thiêng, họ còn cho thêm hình ảnh sương khói mờ ảo hay những đám mây mập mờ vào.

Một trường hợp khác xảy ra tại Pháp trong khoảng năm 1870, một nhà chụp ảnh tên là Buget đã hoạt động mạnh mẽ về nghề ảnh từ Anh đến Pháp. Buget có biệt tài tạo ra những bức ảnh về hồn ma và đến năm 1875 thì bị truy tố về tội phình gạt, buôn bán loại ảnh giả mạo.

Cảnh sát Pháp đã tịch thu nhiều tang vật, trong đó còn có cả những hình nộm và đồ giả dùng cho việc chụp ảnh hồn ma.

Tuy nhiên không phải luôn luôn các ảnh chụp về hồn ma đều có chú ý nhắm vào ma. Đôi khi tình cờ trong bức ảnh sang ra lại thấy có hình của người khác mà người ấy không hiện diện lúc chụp ảnh. Trường hợp nhà nghiên cứu tâm linh Frank Podmore năm 1900 đã nhận được một ảnh chụp trong đó có hình gương mặt của một người quá cố xuất hiện. Tuy nhiên theo sự phân tích kỹ lưỡng thì đây là do một sự tình cờ ngộ nhận mà ra. Theo sự giải thích của Podmore thì phim ảnh mà người chụp ảnh đã dùng lúc ấy chậm in hình ảnh vào phim nghĩa là độ nhạy bất hình ảnh chậm. Hơn nữa máy ảnh lúc ấy để tự động cho máy chụp trong một thời gian lâu, ánh sáng dùng lại yếu, ngoài ra lúc đó lại chụp ngay trong nhà thờ. Người chụp ảnh không nắm bàn ảnh mà lại đặt bàn máy ảnh lên cái giá 3 chân, mở ống kính rồi đi xa ra khỏi phạm vi máy ảnh. Nếu trong thời gian ấy có người nào bước vào vùng thị trường của ống kính thì hình ảnh người ấy sẽ được ghi vào phim ảnh, dĩ nhiên hình ảnh sẽ rất mờ. Nếu người ấy nhìn vào ống kính thì gương mặt nhạt nhòa cũng dễ hiện ra. Nếu người chụp ảnh lúc đó không để ý điều này thì khi ảnh được sang ra, họ sẽ ngạc nhiên và tưởng rằng đó là hồn ma. Paul Brunton, nhà nghiên cứu các hiện tượng tâm linh đã ghi lại một câu chuyện lạ lùng do một viên chức người Anh làm việc tại Ai Cập kể lại như sau:

Một thanh niên Anh đến Ai Cập trong một chuyến du lịch và đã từ Lougisor đến Karnak.

Một buổi trưa, anh ta vào nhà thờ thần Amen-Ra chụp một bức ảnh. Khi bức hình được rửa xong anh ta vô cùng kinh ngạc và khiếp sợ vì thấy có hình

một người đứng dựa vào một trụ đá trong ngôi đền. Người đó không thể là người của thời đại mà anh ta đang sống. Đó là hình của một vị tu tế thời cổ đại nét mặt trang nghiêm, hai tay khoanh ngay trước ngực đưa mắt nhìn chăm chăm về phía trước. Xem bức ảnh, người thanh niên này lấy làm lo sợ và từ đó anh tự nhiên có ý định xa rời cuộc sống giàu sang (cha mẹ anh ta là những nhà buôn bán lớn tại Luân Đôn) và quyết tâm dốc thân vào con đường nghiên cứu những gì có tính cách huyền bí, cao siêu... Một trường hợp khác về ảnh chụp hồn ma được nhà sưu tập chuyện Huyền Bí Thế Giới là Daniel Cohen kể lại: Tại Tòa Đại Sảnh Rayham ở Norfolk của nước Anh, nổi tiếng có hồn ma xuất hiện. Hồn ma là một người đàn bà thường mặc áo màu nâu. Người ta đã canh chừng giờ xuất hiện của người đàn bà ma quái ấy và đã vẽ được một bức ảnh. Sau đó ảnh được treo lên vách Tòa Đại Sảnh. Năm ấy vào khoảng 1835, một du khách đến viếng tòa nhà, ông ta là Đại Tá Loftus, lúc ấy khoảng 5, 6 giờ chiều. Khi bước sâu vào Tòa Đại Sảnh, ông thấy có một người đàn bà đi qua mà dạng thể, áo quần và bước chân đi rất lạ lùng, như lướt đi trên sàn nhà, đặc biệt gương mặt thoáng mờ. Đại tá Loftus cố sửa lại gương đeo mắt để nhìn cho rõ hơn thì người đàn bà bỗng nhiên biến mất.

Một tuần lễ sau, vì tính tò mò, Đại tá Loftus lại đến Tòa Đại Sảnh một lần nữa, lần này ông lại thấy người đàn bà ấy xuất hiện. Theo sự mô tả của ông thì đây là một người đàn bà có dáng dấp của một mệnh phụ, mình khoác áo màu nâu bằng loại vải satin, đặc biệt gương mặt như hòa lẫn trong một thứ ánh sáng huyền ảo.

Khi Đại tá Loftus kể lại chuyện này cho nhiều người nghe, nhiều người đã cười chế giễu, nhưng ông ta vẫn nhất quyết điều mình thấy là có thật và một họa sĩ đã phác họa bức ảnh người đàn bà ấy. Bức ảnh được ghi chú là "Người Đàn Bà Áo Nâu". Đó chính là bức ảnh đã được treo lên vách của Tòa Đại Sảnh.

Sau đó mấy năm, một nhà văn và cũng là một sĩ quan đã đến viếng tòa nhà, ông ta là Đại úy Frederick Marrayat ông là người ham thích tìm kiếm những chuyện ly kỳ, ông đã nghe câu chuyện về người đàn bà áo nâu và muốn đích thân ngủ lại nơi căn phòng mà người

đàn bà ấy thường hay xuất hiện, ông muốn nằm đối diện với vách tòa nhà có treo bức ảnh về người đàn bà ma quái ấy. Đại úy Frederick Marrayat đã trải qua nhiều đêm ngủ chập chờn tại căn phòng của Tòa Đại Sảnh với ý muốn gặp lại bà áo nâu.

Một hôm, khi trời bắt đầu hoàng hôn, viên Đại úy cùng với hai người bạn đang đi dọc theo hành lang ở tầng gác trên thì bỗng nhiên thấy một người đàn bà tay nắm một cây đèn đi lại phía họ. Ánh sáng ngọn đèn hắt lên cái áo choàng màu nâu. Đại úy Marrayat sẵn mang khẩu súng lục bên mình liền bấm cò khi người đàn bà áo nâu bước qua cửa lớn. Nhưng viên đạn như xuyên qua khoảng không và người đàn bà vụt biến mất rất nhanh.

Câu chuyện lạ lùng về người đàn bà áo nâu từ đó như chìm dần trong quên lãng, mãi cho đến năm 1926 người ta lại nghe nhắc lại, lần này chúng nhân là hai thiếu niên, họ cũng mô tả lại dáng dấp và cử động của người đàn bà áo nâu với những gì mà đã thấy cũng tương tự như những gì mà những người trước đó đã thấy. Mãi đến năm 1936, nghĩa là 10 năm sau, hôm ấy là ngày 19 tháng 9 năm 1936, hai nhà nhiếp ảnh của tạp chí Country Life đã đến Tòa Đại Sảnh Rayham Hall để chụp ảnh bên trong tòa nhà. Một người là Đại úy Provand chụp ảnh phần chính cầu thang nơi tòa nhà. Trong khi đó người thứ hai là ông Indre Shira đứng cầm đèn nháy (loại đèn chớp chụp ảnh flash-gun). Bỗng nhiên ông thấy bóng của một người đàn bà xuất hiện, người đàn bà có khăn choàng mặt đang bước xuống thang lầu. Shira ra dấu cho Provand nổ súng vào người đàn bà. Nhưng Provand lại bấm máy ảnh. Người đàn bà biến mất. Tuy nhiên khi ảnh được sang ra, bức ảnh có vẻ mờ tối nhưng điều đặc biệt là hình ảnh của người đàn bà đang đi xuống thang lầu thấp thoáng ẩn hiện bên trong... Bức ảnh được phổ biến và dĩ nhiên vẫn có nhiều nghi vấn bên trong vì hình ảnh trong hình không rõ ràng.

Tưởng cũng nên nhắc đến một trường hợp xảy ra vào năm 1966 tại Anh Quốc cũng có nhiều nghi vấn về ảnh chụp các hồn ma. Mục sư Reverend Ralph Hardy và người vợ đến thăm Bảo Tàng Viện Hàng Hải tại Greenwich, Anh. Vùng đất rộng lớn của Bảo Tàng Viện này có một tòa nhà

lớn, gọi là tòa nhà của Hoàng Hậu. Ngôi nhà này do vua James Đệ Nhất ra lệnh xây cất cho vợ là Anne. Bên trong tòa nhà có một cầu thang hình xoắn ốc được gọi là Thang Hoa Uất Kim Hương (Tulip Staircase). Mục sư Reverend Ralph Hardy đã chụp nhiều ảnh ở địa điểm này. Khi trở về Canada, ông rửa phim và sang ra trong đó có một bức ảnh rất đặc biệt, bức ảnh có hình của một người khoác áo choàng đang bước lên cầu thang mặc dầu lúc bấm máy ảnh không có bóng dáng người nào ở cầu thang cả. Điều đáng làm nhiều người nghi ngờ kể cả những nhà nghiên cứu về hồn ma và những người theo thuyết duy linh thì trước đây chưa có ai thấy hồn ma hay nghe tin đồn về hồn ma ở Viện Bảo Tàng cũng như tòa nhà Hoàng Hậu cả.

Ngày nay, máy quay phim và máy chụp ảnh ngày càng phát triển về kỹ thuật vì thế vấn đề chụp ảnh hồn ma càng trở nên phức tạp. Phức tạp vì máy ảnh và máy quay phim hiện đại nên có khả năng chụp được những hình ảnh mà trước đây nó không chụp được đồng thời vì kỹ thuật hiện đại nên có thể có những tay chụp ảnh chuyên nghiệp hay tài tử muốn đùa giỡn hay vì trục lợi hoặc với ý đồ gì đó mà họ đã tạo được một cách tinh vi những hình ảnh về hồn ma... Điều này sẽ làm vấn đề nghiên cứu về các hình ảnh ở thế giới siêu linh trở nên khó khăn phức tạp, rắc rối hơn.

Nhưng không thể vì một số bức ảnh giả mạo về hồn ma mà các nhà nghiên cứu vấn đề này bỏ cuộc nửa chừng, cũng như phải đi đến kết luận là không có hồn ma hay thế giới siêu linh. Những nhà nghiên cứu càng ngày càng đi sâu vào vấn đề nhiều hơn và dĩ nhiên trong vô số trường hợp vẫn có nhiều trường hợp mà hình ảnh xuất hiện trong tấm ảnh hoàn toàn xác thực như trường hợp bức ảnh chụp được hai hồn ma xuất hiện trên mặt biển Thái Bình Dương vào năm 1924 của hai thủy thủ trên tàu dầu S.S. Watertown bị chết vì tai nạn. Bức ảnh được chụp qua sự chứng kiến của các thủy thủ có mặt trên tàu cùng với thuyền trưởng. Đến năm 1989 bức ảnh này lại được công bố trên nhiều sách báo của Hoa Kỳ và từ năm 1924 đến nay (1992) chưa có một bài báo, một tin đồn nào chỉ trích, bác bỏ hay cho câu chuyện là bịa đặt. Ngay cả bức ảnh, mặc dù đã được giao nghiệm kỹ cả phim lẫn ảnh (rửa

từ phòng thí nghiệm bởi các chuyên viên về chụp ảnh tài ba vẫn không thấy điểm nào có thể gọi là giả.

Khi bàn đến vấn đề chụp ảnh hồn ma, bác sĩ Stephen H. Prentice phát biểu như sau:

"Hiện nay quả thật còn quá sớm để chúng ta có thể thu nhận hình ảnh của hồn ma vào phim ảnh một cách rõ ràng trung thực dù khoa học kỹ thuật đang ở giai đoạn tiến triển mạnh. Nhưng chúng ta không nên chú tâm vào sự cần thiết phải được quan sát tận mắt hình ảnh của những gì gọi là siêu hình và cũng không cho đó là cứu cánh. Ngày xưa họ chưa có kính hiển vi, các nhà y học cũng khẳng định được rằng bệnh tật phát sinh là do tác nhân nào đó nhưng chưa có thể tìm ra tức thì mà thôi. Đến khi kính hiển vi ra đời thì rõ ràng đã chứng minh được rằng có những sinh vật vô cùng nhỏ là các vi trùng, vi khuẩn và chính đó là những tác nhân. Ngày nay dưới kính hiển vi điện tử, các nhà y học còn phân tích, cấy ghép và nghiên cứu toàn bộ cơ thể và cuộc sống của các vi sinh vật này... Riêng về hồn ma, chúng ta cũng nên nghĩ rằng rồi cũng sẽ đến giai đoạn như thế..."



Năm 1978 một người tên là Silvio đã chụp được ảnh của một "người áo trắng" hiện ra trong sương mù ở ven rừng lúc anh này có việc phải đi ngang qua sau khi mẹ anh ta qua đời trước đó một ngày. (nh tài liệu trong Great Mysteries Ghosts của Robert Jackson - 1992 - Smithmark)

(Còn tiếp)

Âm hưởng

Thầy Cô



*Nhớ thời áo trắng thư sinh
Đến trường học tập cho mình
thành nhân*

*Liu lo chìm hát vui sân
Lời thầy cô giảng thiết thân như
là*

*Tiếng lòng của mẹ của cha
Của người xây dựng sơn hà xưa
nay*

*Gió vờn lùa suối tóc bay
Mực trò làm đổ dính tay dính
bàn...*

*Nhà trường là khoảng không
gian*

*Của tình yêu mến nồng nàn,
thanh cao*

*Thầy cô trân trọng bước vào
Trò liền đứng dậy, cúi chào
nghiêm trang*

*Bài ghi lên bảng rõ ràng
Nét người nét chữ từng hàng
chân phương*

*Thầy cô dạy sống khiêm nhường
Khai tâm, khai đạo tình thương
cho trò*

*Qua sông sử dụng cầu, đò...
Không thầy cô dạy, mình mò sao
ra ?*

*Thầy cô thay mặt mẹ cha
Là "tư phụ-mẫu" thật thà, trung
kiến...*

*Thầy cô ngắm tuổi hoa niên
Nghe lòng phơi phới, bình yên,
nhẹ nhàng...*

● Phan Văn Phước



Ý NGHĨA SỰ THÀNH ĐẠO của ĐỨC BỒN SỰ

● HT. Thích Thị Đức

Trong cuộc đời phù du mộng ảo, kiếp người vật lộn với khổ đau khôn cùng, quanh quẩn với mé bờ luân hồi không lối thoát đánh bắt lực trước nghiệp lực của chính mình. Nhưng hơn hai mươi lăm thế kỷ đã có một con người rất bình thường và dung dị đã làm chấn động lịch sử của nhân loại. Con người đó không ai khác chính đức Sĩ Đạt Ta. Ngài đã tự chiến đấu với bản thân, tự mình phá vỡ xích xiềng của luân hồi sanh tử. Lời tuyên bố đầu tiên khi chứng đạo quả vẫn còn vang vọng đến hôm nay và mai sau:

"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà chẳng gặp kẻ làm nhà. Khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi! Nay hỡi kẻ làm nhà kia! Nay ta đã thấy người rồi. Từ đây người không thể làm nhà được nữa. Đòn tay người đã bị gãy, sườn nhà bị rã tan. Tâm ta đã tịch diệt hết các hành, tất cả ái dục đều dứt sạch".

"Kẻ xây nhà" ngũ uẩn là ái dục - "Đòn tay" là vô minh - "Sườn nhà" là những phiền não vi tế. Tất cả phiền não vô minh đã tận diệt, tất cả ái dục đều đoạn trừ. Ngài triệt ngộ các hành vô thường và các pháp vô ngã, chứng nhập Niết Bàn thường trụ. Chính sự chứng ngộ đó đã đưa Ngài từ thân phận chúng sinh vượt thoát lên địa vị của một bậc thánh siêu phàm, thầy của trời, người.

Cũng từ thời điểm đó Sa môn Cù Đàm được thể gian tôn xưng là Đức Phật, là bậc Giác Ngộ Tối Thượng. Chính là đêm thiên định của ngày thứ 49 dưới cội Bồ Đề khi sao mai vừa mọc Ngài đã chứng thành đạo quả. Suối nguồn reo vui, cỏ cây tươi cười, muôn chim ca hót để chào đón một bậc giác ngộ phi thường, sự giác ngộ của Ngài là thông điệp của từ bi che chở cho muôn loài.

Suốt qua những tháng ngày trường chinh gian khổ, Ngài đã từng tham học với các bậc thầy nổi danh thời bấy giờ như Đạo sư Alara Kalama, người chứng được định Vô Sở Hữu Xứ và Đạo sư Uddaka Ramaputta, người chứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài đã đạt được những gì mà hai vị Đạo sư này đã chứng ngộ. Nhưng Ngài vẫn chưa hài lòng với sở chứng, sở đắc đó, bởi vì pháp tu này chỉ thấy vui trong khi định, khi xuất định vẫn còn đắm nhiễm khổ đau. Do đó khi hưởng hết phước thì vẫn phải sa đọa, bị định luật vô thường chi phối, luân hồi quanh quẩn trong ba cõi, tứ sanh, lục đạo, chưa giải quyết được vấn đề sanh tử rất ráo.

Những vấn đề mà Ngài tự hỏi khi vượt thành xuất gia lúc nào cũng canh cánh bên lòng "Con người từ đâu sinh ra? Sau khi chết đi về đâu? Làm thế nào thoát khỏi luân hồi sanh tử?"

Cuối cùng Ngài phải tìm lời giải nơi tự thân, bằng ý chí kiên cường nỗ lực phi thường trong 49 ngày đêm. Ngài hoá thân đại ngộ vào đêm cuối cùng, mọi thắc mắc ưu tư về những vấn đề. Cuộc đời và con người đã được giải bày, như mây đen phủ kín bầu trời nay đã được ánh sáng mặt trời xua tan hiển lộ một chân trời bích ngọc.

Vào canh ba của đêm thành đạo, Sa môn Cù Đàm đã chứng Túc Mạng Minh: Thấy rõ tướng sanh tử của mình và của chúng sanh, luân chuyển vô lượng vô biên kiếp quá khứ. Thân này vốn không có thực, vốn không có nguồn,

sanh trong vô thủy kết liễu trong vô chung, không từ đâu đến, chẳng đi về đâu. Do vọng chấp mà có sanh tử luân hồi.

Vào cuối canh tư Ngài chứng Thiên Nhân Minh. Ngài thấu rõ tướng nguyên nhân sanh, tử, nghiệp báo, phúc họa của mình và chúng sinh ở đời vị lai, cũng gọi là trí siêu phàm, phi sanh tử. Như thế Ngài đã tự mình giải đáp câu hỏi thứ 2.

Và đến cuối canh năm khi sao mai vừa mọc, Ngài chứng lậu tận sinh. Ngài thấu rõ khổ tướng hiện tại, đoạn mọi phiền não lậu hoặc dứt khổ sanh tử, an vui giải thoát. Thấy rõ mầm móng của sanh tử và phiền não. Chuyển phiền não thành Bồ Đề, sanh tử thành Niết Bàn, mãn vô minh đã được giải tỏa, trí tuệ phát sinh. Rõ được sự sanh tử là phi sanh tử. Cũng còn gọi là nhứt niệm vô sanh, tánh không tịch diệt. Giải quyết được vấn đề thứ 3.

Trong 45 năm hành đạo, Đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho môn đệ những điều mà Ngài nhận biết bằng trí tuệ siêu phàm. Lời huấn dụ của Ngài về cuộc sống, những cái liên hệ với cuộc sống, cách đây trên 25 thế kỷ, đến bây giờ vẫn là chân lý không ai có thể thay đổi được. Khoa học càng tiến bộ thì lời dạy của Ngài càng có giá trị, vì lời dạy của Phật là chân lý muôn đời. Bởi vì chân lý ấy không do ước đoán, nhờ trí hữu dư, ý thức hữu hạn hẹp hòi vay mượn của phàm phu. Mà ý thức ấy được phát xuất từ trí tuệ vô sự của bậc đại thánh, Ngài đã nhận ra một cách thấu triệt về bản chất của mọi sự vật.

Bài thuyết pháp đầu tiên tại Vườn Nai là Tứ Đế, trong đó Khổ Đế nổi dai dẳng của kiếp người. Khổ do Thân là sinh, già, bệnh, chết. Khổ do Tâm là thương yêu nhau phải xa lìa, oán thù mà gặp gỡ, mong cầu không như ý; và Khổ do năm ấm lấy lừng. Biết rõ cuộc đời là khổ, biết nguyên nhân của khổ (Tập Đế) là tham, sân, si. Con người phải tìm cách thoát khổ để đến con đường an lạc giải thoát (Diệt Đế) chỉ được thành tựu khi ta theo đúng phương pháp đoạn tận khổ đau (Đạo Đế).

Khổ - Tập - Diệt - Đạo là bốn sự thật có giá trị vĩnh cửu nên là chân lý muôn đời.

Hơn nữa Ngài dạy về Lý Duyên Sanh một cách thấu triệt. Không có một pháp nào có hình tướng mà không có y_ou tố khác thành. Một hạt bụi nhỏ cũng là tập hợp của nhiều phân tử; mỗi phân tử lại được cấu tạo bởi nhiều nguyên tử. Bản thân nguyên tử cũng gồm có nhân cùng các điện tử, và khi chia chẻ đến cùng cực thì chỉ là hư không. Con người, sinh linh tối thượng trong vũ trụ, chỉ do tập hợp của các tế bào mà bản chất cũng gồm nhiều yếu tố vi tế. Cuộc sống đáo cùng chỉ là sự vay trả. Mượn từ đại bên ngoài để nuôi dưỡng tư đại bên trong; vay trả thông suốt thì khỏe mạnh, vay trả trở ngại thì ốm đau. Ngay cả những tình cảm mà lâu nay ta nhận lầm là tâm mình, cũng chỉ như dợn nước trên đường, như hoa đốm trong hư không, đủ duyên thì hiện, hết duyên thì biến, sinh sinh diệt diệt không cùng.

Vì vậy các pháp có mà không thật, gọi là không thật có, chỉ do duyên hợp mà thôi, nên không có ta thật (ngã), không có gì thật là linh hồn của ta (tự ngã) và những sở hữu của ta (ngã sở). Vô ngã là chân lý tuyệt đối mà Đức Phật là vị Giáo Chủ duy nhất tuyên dương.

Như chúng ta đã nhận biết thân xác hữu hình chỉ là thân vay mượn, nó chỉ tạm có mặt trong một thời gian; Còn pháp thân chân thật không hình tướng, không đến mà cũng chẳng đi, không có tướng sanh diệt như trong kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn đã dạy: "Tự tướng các pháp xưa nay thường vắng lặng". Đó là tánh giác là bản tâm, luôn sẵn đủ nơi mọi chúng sanh; Vì chúng sanh mê lầm nên quay cuồng theo thức tâm phân biệt, từ đó tạo nghiệp thiện ác, quẩn quanh trong luân hồi ba cõi, sáu đường. Mỗi chúng sanh đều có mặt trời tuệ giác sáng rõ như vầng trăng, nhưng vì bị mây mù của phiền não khổ đau đã phủ mờ trên bầu trời của tuệ giác, nên vầng trăng của tuệ giác không thể hiển bày - chúng sanh đã lầm chấp nhận vô minh phiền não là

thật có, nhận làm ý thức lãng xăng là mình. Phật và chúng sanh bình đẳng ở tánh giác, chỉ khác nhau ở Ngộ (trở về sống trọn vẹn với pháp thân) và Mê (quên mất pháp thân, dong ruổi theo ngoại cảnh) mà xa cách muôn trùng.

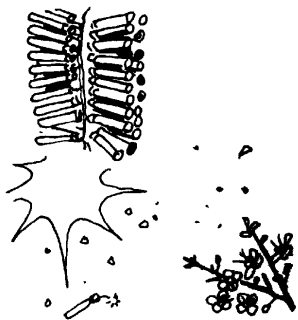
Qua quá trình Sa môn Cồ Đàm tìm đạo, tức tìm lời giải đáp cho những vấn nạn lớn của cuộc đời và con người. Lời giải đáp đó chính là lẽ thật, là chân lý muôn đời không thay đổi.

Đi tìm chân lý tuyệt đối này là "Tim Đạo", thấy được chân lý là "Ngộ Đạo" và hằng sống với chân lý ấy là "Thành Đạo".

Chân lý không phải tìm cầu ở nơi đâu, ở người nào, mà lại xoay lại soi sáng chính mình, tìm con người thật bất sinh ở ngay thân năm uẩn sinh diệt, tìm tự tánh chân thường hằng hữu ngay nơi biến động vô thường.

Hãy bật dứt những vọng niệm phân biệt, phải trái, có không, đau khổ, hạnh phúc, mình và người... dù vẫn đối duyên xúc cảnh, vẫn biết rõ ràng các pháp, ta sẽ thấy sự thật luôn dần trải trước mắt ta trong từng giây phút. Không làm chạy theo các pháp sanh diệt, không làm chấp cái vọng tưởng điên đảo là tâm mình, nhận biết những gì có hình tướng đều là duyên hợp hư giả, chúng ta sẽ an nhiên trước mọi đổi thay của hoàn cảnh và lòng người. Chúng ta không nhọc công ra sức vun vén cho bản thân và gia đình mà phải biết phát tâm bồ đề rộng lớn, xem tất cả đều bình đẳng, đều là những vị Phật hôm nay và mai sau. Được như thế ta đã làm lợi ích cho người và vật. Ta sẽ có cơ hội thường thức về kỳ diệu của thiên nhiên, có niềm cảm thông với muôn loài. Tuy có những tiếng nói riêng, nghiệp quả riêng nhưng đều cùng chung mong muốn. Được có niềm vui và hạnh phúc.

Hy vọng một ngày nào đó, thời tiết nhân duyên hội đủ chúng ta sẽ nhận ra mặt thật xưa nay của chính mình vốn hồn nhiên diệu trạm.-



Thơ

Tâm sự cùng em trai

*hình như có tổ chim trên mái rạ
anh nghe vui tiếng mẹ rĩa lông con
chao ôi nhớ chiếc lồng tre thơ dại
ôm say mê lên đôi mắt xưa tròn*

*giờ thì chúng tập nhau bay, có lẽ
cho anh xin viên sỏi nhỏ tay em
anh còn lại chút lương tâm này đó
nỡ lòng nào đem bắn chúng sao em*

*anh vẫn nhớ trên hoàng hôn bờ cỏ
đôi chim nào đập mái, ngượng bàn tay
khí giương ná bằng hoàng nghe tuổi lớn
bỏ tình trôi theo đường cánh chim bay*

*cũng từ đó nguyện yêu đời mãi mãi
sao bây giờ bọt lệ trắng niêm vui
làn chân mỏng hoang vu vòng ngực nhỏ
nghe gì em trong thăm thẳm môi cười*

*chắc vang vọng một vài viên đạn nhỏ
ngang lưng trời, ngang khúc ruột què
hương
người người chết cho tự do vẫn sống
xác thay phân bón cho cỏ xanh đường*

*anh ngại nói, đã từ lâu anh muốn...
tội cha già bán một nhọc nuôi con
may mẹ đã nằm yên trong lòng đất anh
em mình mỗi đứa mỗi cô đơn*

*em đừng trách anh bỏ nhà bỏ cửa
sống lang thang xao lãng cả học hành
em cũng khóc từng đêm nằm suy nghĩ?
nín đi nào, đừng xé nát lòng anh.*

● Luân Hoán

confiding in BROTHER

*There seemed to be a bird-nest under the thatch roof;
I was pleased to hear the adult preen the young.
How I remember the bamboo cage I clasped as a kid
with little creatures to which my passionate eyes clung.*

*Now that those fledglings were perhaps learning to fly;
Please give me the small stone from your hand.
This is the bit of Conscience that still remains in me:
Have the heart using it to shoot at them? what brand!*

*I can even recall a sunset, on a grass edge,
a pair were mating. My hands wavered at the sight
while aiming the catapult. Aware of my adolescence,
I allowed their Love to freely fly with the birds' flight.*

*Thenceforth too I pledged to prize Life forever;
but now why do such tears foam to blur the elation?
The blanket so thin to cover the chest so deserted;
Could you hear beyond the smiling lips the desolation?*

*Perhaps the resonance of some exploding shells
piercing the air, tearing our motherland's intestines.
Men after men have died for Liberty to survive,
bodies as manure to fertilize the grass as fate destines.*

*I was hesitant to say this since long I have meant to:
Poor Dad swapped his sweat for food to feed each son.
Mom luckily has rested in peace in earth's womb;
We brothers each of us have our life lonely and dun.*

*Do not reproach me for leaving our dear dwelling
to walk the streets, especially from studies to depart.
Have you also been every night lying in bed reflecting?
Oh, please, stop crying – do not rend apart my heart!*

THANH-THANH

(Poems by Selected Vietnamese)



Cách xưng hô trong Phật Giáo Việt Nam

● Thích Chân Tuệ Cơ sở Phật học Tịnh Quang Canada

Trong khóa nghiên tu an cư mùa hạ năm 2005, tại Tổ đình Từ Quang Montréal, Canada, các thắc mắc sau đây được nêu lên trong phần tham luận:

1. Khi nào gọi các vị xuất gia bằng Thầy, khi nào gọi bằng Đại Đức, Thượng Tọa hay Hòa Thượng?
2. Khi nào gọi các vị nữ xuất gia bằng Ni cô, Sư cô, Ni sư hay Sư Bà? Có bao giờ gọi là Đại Đức Ni, Thượng Tọa Ni hay Hòa Thượng Ni chăng?
3. Khi ông bà cha mẹ gọi một vị sư là Thầy (hay Sư phụ), người con hay cháu phải gọi là Sư ông, hay cũng gọi là Thầy? Như vậy con cháu bắt kính, coi như ngang hàng với bậc bề trên trong gia đình chăng?
4. Một vị xuất gia còn ít tuổi đời (dưới 30 chẳng hạn) có thể nào gọi một vị tại gia nhiều tuổi (trên 70 chẳng hạn) bằng "con" được chăng, dù rằng vị tại gia cao niên đó xưng là "con" với vị xuất gia?
5. Sau khi xuất gia, một vị tăng hay ni xưng hô như thế nào với người thân trong gia đình?

Trước khi đi vào phần giải đáp các thắc mắc trên, chúng ta cần thông qua các điểm sau đây:

1) Chư Tổ có dạy: "**Phật pháp tại thế gian**". Nghĩa là: Việc đạo không thể tách rời việc đời. Nói một cách khác, đạo ở tại đời, người nào cũng đi từ đời vào đạo, nương đời để ngộ đạo, tu tập để độ người, hành đạo để giúp đời. Chư Tổ cũng có dạy: "**Hàng thuận chúng sanh**". Nghĩa là: Nếu phát tâm tu theo Phật, dù tại gia hay xuất gia, đều nên luôn luôn thuận theo việc dùng tứ nhiếp pháp (bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự) để đem an lạc cho chúng sanh, tức là cho mọi người trong đời, bao gồm những người đang tu trong đạo.

2) Từ đó, chúng ta chia cách xưng hô trong đạo Phật ra hai trường hợp: Một là, **cách xưng hô chung** trước đại chúng nhiều người, có tính cách chính thức, trong các buổi lễ, cũng như trên các văn thư, giấy tờ hành chánh. Hai là, **cách xưng hô riêng** giữa hai người, tại gia hay xuất gia, mà thôi. Người chưa rõ cách xưng hô trong đạo không nhứt thiết là người chưa hiểu đạo, chớ nên kết luận như vậy. Cho nên, việc tìm hiểu và giải thích là bổn phận của mọi người, dù tại gia hay xuất gia.

3) Có hai loại tuổi được đề cập đến, đó là: **Tuổi đời và tuổi đạo**. Tuổi đời là tuổi tính theo đời, kể từ năm sinh ra. Tuổi đạo là tuổi thường được nhiều người tính từ ngày

xuất gia tu đạo. Nhưng đúng ra, tuổi đạo phải được tính từ năm thụ cụ túc giới và hằng năm phải tụng hạ tu học theo chúng và đạt tiêu chuẩn, mỗi năm như vậy được tính một tuổi hạ. Nghĩa là tuổi đạo còn được gọi là tuổi hạ (hay hạ lạc). Trong nhà đạo, tất cả mọi việc, kể cả cách xưng hô, chỉ tính tuổi đạo, bất luận tuổi đời. Ở đây không bàn đến việc những vị chạy ra chạy vào, quá trình tu tập trong đạo không liên tục.

Bây giờ, chúng ta bắt đầu từ việc một người tuổi đời dưới 20 phát tâm xuất gia, hay do gia đình đem gửi gắm vào cửa chùa, thường được gọi là **chú tiểu**, hay **điệu**. Đó là các vị đồng chơn nhập đạo. Tùy theo số tuổi, vị này được giao việc làm trong chùa và học tập kinh kệ, nghi lễ. Thời gian sau, vị này được thụ 10 giới, gọi là **Sa di** (nam) hay **Sa di ni** (nữ), hoặc **Chú** (nam) hay **Ni cô** (nữ). Khi tuổi đời dưới 14, vị này được giao việc đuổi các con quạ quấy rầy khu vực tu thiền định của các vị tu sĩ lớn tuổi hơn, cho nên gọi là "**khu ô sa di**" (sa di đuổi quạ).

Đến năm được ít nhất là 20 tuổi đời, và chứng tỏ khả năng tu học, đủ điều kiện về tu tánh cũng như tu tướng, vị này được thụ giới cụ túc, tức là 250 giới Tỷ kheo (nam) hay 348 giới Tỷ kheo ni (nữ) và được gọi là **Thầy** (nam) hay **Sư cô** (nữ). Trên giấy tờ thì ghi là **Tỷ Kheo** (nam) hay **Tỷ Kheo Ni** (nữ) trước pháp danh của vị xuất gia. Ở đây xin nhắc thêm, trước khi thụ giới Tỷ kheo ni, vị Sa di ni (hoặc thiếu nữ 18 tuổi đời xuất gia và chưa thụ giới Sa di ni) được thụ 6 chúng học giới trong thời gian 2 năm, được gọi là **Thức xoa ma na ni**. Cấp này chỉ có bên ni, bên tăng không có. Tuy nhiên trong tạng luật, có đến 100 chúng học giới chung cho cả tăng và ni. Cũng cần nói thêm, danh từ Tỷ kheo có nơi còn gọi là Tỷ kheo, hay Tỷ khuru, Tỷ khuru. Bên Nam tông, Tỷ kheo có 227 giới, Tỷ kheo ni có 311 giới.

Giới cụ túc (Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni) là giới đầy đủ, viên mãn, cao nhất trong đạo Phật để từng vị xuất gia tu tập cho đến lúc mãn đời (thường gọi là viên tịch), không phải thụ giới nào cao hơn. Việc thụ Bồ tát giới (tại gia hay xuất gia) là do sự phát tâm riêng của từng vị theo Bắc tông; Nam tông không có giới này. Ở đây, xin nói thêm rằng: Bắc tông (hay bắc truyền) là danh từ chỉ các tông phái tu theo sự truyền thừa về phương bắc của xứ Ấn Độ, qua các xứ Tây Tạng, Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật bản và Việt Nam. Nam tông (hay nam truyền, nguyên thủy) là danh từ chỉ các tông phái tu theo sự truyền thừa về phương nam của xứ Ấn Độ, qua các xứ Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cao Miên và Việt Nam.

Trong lúc hành đạo, tức là làm việc đạo trong đời, đem đạo độ đời, nói chung sự sinh hoạt của Phật giáo cần phải thiết lập tôn ti trật tự (cấp bậc) có danh xưng như sau theo Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo:

1. Năm 20 tuổi đời, vị xuất gia thụ giới Tỷ kheo được gọi là **Đại Đức**.
2. Năm 40 tuổi đời, vị Tỷ kheo được 20 tuổi đạo, được gọi là **Thượng Tọa**.
3. Năm 60 tuổi đời, vị Tỷ kheo được 40 tuổi đạo, được gọi là **Hòa Thượng**.

Còn đối với bên nữ (Ni bộ):

4. Năm 20 tuổi đời, vị nữ xuất gia thụ giới Tỷ kheo ni được gọi là **Sư cô** (hiện nay ở Canada, có giáo hội gọi các vị Tỷ kheo ni này là Đại Đức).

5. Năm 40 tuổi đời, vị Tỳ kheo ni được 20 tuổi đạo, được gọi là **Ni sư**.
6. Năm 60 tuổi đời, vị Tỳ kheo ni được 40 tuổi đạo, được gọi là **Sư bà** (bây giờ gọi là **Ni trưởng**).

Đó là các danh xưng chính thức theo tuổi đời và tuổi đạo (hạ lập), được dùng trong việc điều hành Phật sự, trong hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo, không được lạm dụng tự xưng, tự phong, tự thăng cấp, mà phải được xét duyệt và chấp thuận bởi một Hội đồng Giáo phẩm có thẩm quyền, và được cấp giáo chỉ tấn phong, nhân dịp đại lễ hay đại hội Phật giáo, trong các giới đàn, hay trong mùa an cư kiết hạ hằng năm.

Như trên, chúng ta có thể hiểu rằng: Sư cô nghĩa là Đại Đức bên Ni bộ. Ni sư nghĩa là Thượng Tọa bên Ni bộ. Sư Bà (hay Ni Trưởng) nghĩa là Hòa Thượng bên Ni bộ. Bởi vậy cho nên, các buổi lễ hay văn thư chính thức, thường nêu lên là: “Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni”, chính là nghĩa đó vậy. Tuy vậy, trên thực tế, chưa thấy có nơi nào chính thức dùng các danh xưng: Đại đức ni, Thượng tọa ni, hay Hòa thượng ni. Nếu có nơi nào đã dùng, chỉ là cục bộ, chưa chính thức phổ biến, nghe không quen tai nhưng không phải là sai.

Đối với các bậc Hòa Thượng mang trọng trách điều hành các cơ sở Giáo hội Phật giáo trung ương cũng như địa phương, hay các Đại tăng lâm, Phật học viện, Tu viện, thường là các vị trên 80 tuổi đời, được tôn xưng là **Đại Lão Hòa Thượng** hay **Trưởng Lão Hòa Thượng**. Các vị thuộc hàng giáo phẩm này thường được cung thỉnh vào các Hội đồng Trưởng lão, hoặc Hội đồng Chứng minh Tối cao của các Giáo hội Phật giáo. Tuy nhiên, khi ký các thông bạch, văn thư chính thức, chư tôn đức vẫn xưng đơn giản là **Tỳ Kheo**, hay **Sa Môn** (có nghĩa là: Thầy Tu).

* * *

Đến đây, chúng ta nói về cách xưng hô giữa các vị xuất gia với nhau và giữa các vị Cư sĩ Phật tử tại gia và Tu sĩ xuất gia trong đạo Phật.

- 1) Giữa các vị xuất gia, thường xưng **con** (hay xưng pháp danh, pháp hiệu) và gọi vị kia là **Thầy** (hoặc gọi cấp bậc hay chức vụ vị đó đảm trách). Bên Tăng cũng như bên Ni, đều gọi Sư phụ bằng **Thầy**, (hay **Sư phụ**, **Tôn sư**, **Ân sư**). Các vị xuất gia cùng tông môn, cùng sư phụ, thường gọi nhau là **Sư huynh**, **Sư đệ**, **Sư tỷ**, **Sư muội**, và gọi các vị ngang vai vế với Sư phụ là **Sư thúc**, **Sư bá**. Có nơi dịch ra tiếng Việt, gọi nhau bằng Sư anh, Sư chị, Sư em. Ngoài đời có các danh xưng: Bạn hữu, hiền hữu, hội hữu, chiến hữu. Trong đạo Phật có các danh xưng: **Đạo hữu** (bạn cùng theo đạo), **Pháp hữu** (bạn cùng tu theo giáo pháp). Các danh xưng: Tín hữu (bạn cùng tin ngưỡng, cùng đức tin), Tâm hữu (bạn cùng tâm, đồng lòng) không thấy được dùng trong đạo Phật.
- 2) Khi tiếp xúc với chư Tăng Ni, quý vị Cư sĩ Phật tử tại gia (kể cả thân quyến của chư Tăng Ni) thường đơn giản gọi bằng **Thầy**, hay **Cô**, (nếu như không biết rõ hay không muốn gọi phẩm trật của vị tăng ni có tính cách xã giao), và thường xưng là **con** (trong tinh thần Phật pháp, người thụ ít giới bổn tôn kính người thụ nhiều giới bổn hơn, chứ không phải tính tuổi tác người con theo nghĩa thế gian) để tỏ lòng khiêm cung, kính Phật trọng Tăng, cố gắng tu tập, dẹp bỏ bản ngã, dẹp bỏ tự ái, cống cao ngã mạn, mong đạt trạng thái: Niết bàn vô ngã, theo lời Phật dạy. Có những vị cao tuổi xưng

tôi hay **chúng tôi** với vị tăng ni trẻ để tránh ngại ngùng cho cả hai bên. Khi quý y Tam bảo thụ ngũ giới (tam qui ngũ giới), mỗi vị Cư sĩ Phật tử tại gia có một vị Thầy (Tăng bảo) truyền giới cho mình. Vị ấy được gọi là **Thầy Bổn Sư**. Cả gia đình có thể cùng chung một vị Thầy Bổn Sư, tất cả các thế hệ cùng gọi vị ấy bằng **Thầy**. Theo giáo pháp khất sĩ, nam tu sĩ được gọi chung là **Sư** và nữ tu sĩ được gọi chung là **Ni**. Còn Nam tông chỉ có Sư, không có hay chưa có Ni. Việc tăng bốc, xưng hô không đúng phẩm vị của tăng ni, xưng hô khác biệt trước mặt và sau lưng, tất cả đều nên tránh, bởi vì không ích lợi cho việc tu tâm dưỡng tánh.

- 3) Khi tiếp xúc với quý vị Cư sĩ Phật tử tại gia, kể cả người thân trong gia quyến, chư tăng ni thường xưng là **tôi** hay **chúng tôi** (hay xưng pháp danh, pháp hiệu, hoặc bản tăng, bản ni), cũng có khi chư tăng ni xưng là **Thầy**, hay **Cô**, và gọi quý vị là **đạo hữu**, hay **quí đạo hữu**. Cũng có khi chư tăng ni gọi quý vị tại gia bằng **pháp danh**, có kèm theo (hay không kèm theo) tiếng xưng hô của thế gian. Cũng có khi chư tăng ni gọi quý vị tại gia là **“quí Phật tử”**. Chỗ này không sai, nhưng có chút không ổn, bởi vì xuất gia hay tại gia đều cùng là Phật tử, chứ không riêng tại gia là Phật tử mà thôi. Việc một Phật tử xuất gia (tăng ni) ít tuổi gọi một Phật tử tại gia nhiều tuổi bằng **“con”** thực là không thích đáng, không nên. Không nên gọi như vậy, tránh sự tôn đức. Không nên bất bình, khi nghe như vậy, tránh bị loạn tâm. Biết rằng mọi chuyện trên đời: Ngồi thứ, cấp bậc, đều có thể thay đổi, nhưng giá trị tuổi đời không đổi, cứ theo thời gian tăng lên. Theo truyền thống Đông phương, tuổi tác (tuổi đời) rất được kính trọng trong xã hội, dù tại gia hay xuất gia.
- 4) Trong các trường hợp tiếp xúc riêng, tùy thuận theo đời, không có tính cách chính thức, không có tính cách thuyết giảng, chư tăng ni có thể gọi các vị Cư sĩ Phật tử tại gia, kể cả người thân trong gia quyến, một cách trân trọng, tùy theo tuổi tác, quan hệ, như cách xưng hô xã giao người đời thường dùng hằng ngày. Danh xưng **Cư sĩ** hay **Nữ Cư sĩ** thường dùng cho quý Phật tử tại gia, quý y Tam bảo, thụ 5 giới, phát tâm tu tập và góp phần hoằng pháp. Còn được gọi là **Ưu bà tắc** (Thiện nam, Cận sự nam) hay **Ưu bà di** (Tín nữ, Cận sự nữ).
- 5) Chúng ta thử bàn qua một chút về ý nghĩa của tiếng xưng **“con”** trong đạo Phật qua hình ảnh của ngài La Hầu La. Ngài là con của đức Phật thọ cả hai nghĩa: **Đời và đạo**. Ngài sớm được tu tập trong giới pháp, công phu và thiền định khi tuổi đời hãy còn thơ. Ngài không ngừng tu tập, cuối cùng đạt được mục đích tối thượng. Ngài thực sự thừa hưởng gia tài siêu thế của đức Phật, nhờ điểm phúc được làm **“con”** của bậc đã chứng ngộ chân lý. Ngài là tấm gương sáng cho các thế hệ Phật tử tại gia (đời) cũng như xuất gia (đạo), bất luận tuổi tác, tự biết mình có phước báo nhiều kiếp, hoan hỷ được xưng **“con”** trong giáo pháp của đức Phật.
- 6) Đối với các vị bán thế xuất gia, nghĩa là đã lập gia đình trước khi vào đạo, vẫn phải trải qua các thời gian tu tập và thụ giới như trên, cho nên cách xưng hô cũng không khác. Tuy nhiên để tránh việc gọi một người đứng tuổi xuất gia (trên 40, 50) là

chú tiểu, giống như gọi các vị trẻ tuổi, có nơi gọi các vị bán thể xuất gia này là **Sư chú**, hay **Sư bác**. Hai từ ngữ này có nơi mang ý nghĩa khác. Việc truyền giới cụ túc, hay tấn phong, có khi không đợi đủ thời gian như trên đây, vì nhu cầu Phật sự của giáo hội, hay nhu cầu hoằng pháp của địa phương, nhất là đối với các vị bán thể xuất gia có khả năng hoằng pháp, đảm nhận trọng trách, nghiên cứu tu tập trước khi vào đạo.

- 7) Vài xưng hô khác trong đạo như: **Sư ông**, **Sư cụ** thường dành gọi vị sư phụ của sư phụ mình, hoặc gọi chư tôn đức có hạ lạp cao, thu nhận nhiều thế hệ đệ tử tại gia và xuất gia. Một danh xưng nữa là **Pháp sư**, dành cho các vị xuất gia tăng hay ni (sư) có khả năng và hạnh nguyện thuyết pháp (pháp) độ sanh. Ngoại đạo lạm dụng danh xưng này chỉ các ông bà thầy pháp, thầy cúng.
- 8) Danh xưng **Sư tổ** được dành cho chư tôn đức lãnh đạo các tông phái còn tại thế, và danh xưng **Tổ sư** được dành cho chư tôn đức đã viên tịch, được hậu thế truy phong vì có công lao trọng đại đối với nền đạo. Đối với các bậc cao tăng thạc đức thường trụ ở một tự viện, người trong đạo thường dùng tên của ngôi già lam đó để gọi quý ngài, tránh gọi bằng pháp danh hay pháp hiệu của quý ngài, để tỏ lòng tôn kính.
- 9) Ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, các vị tỳ kheo thường dùng tiếng Đại Đức (bậc thầy đức độ lớn lao, phúc tuệ lưỡng toàn) để xưng tán Ngài, mỗi khi có việc cần thưa thỉnh. Các vị đệ tử lớn của đức Phật cũng được gọi là Đại Đức. Trong các giới đàn ngày nay, các giới tử cũng xưng tán vị giới sư là Đại Đức.
- 10) Nói chung, cách xưng hô trong đạo Phật nên thể hiện lòng tôn kính lẫn nhau, noi theo Thường bất khinh Bồ tát, bất tùy phân biệt, bất luận tuổi tác, dù tại gia hay xuất gia, nhằm ngăn ngừa tư tưởng luyện ái của thế tục, nhằm thẳng hướng giác ngộ chân lý, giải thoát sinh tử khổ đau, vượt khỏi vòng luân hồi loanh quanh luẩn quẩn. Nhất giả lễ kính chư Phật. Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. **Cho nên đơn giản nhất là “xưng con gọi Thầy”**. Theo các bộ luật Bắc tông và Nam tông còn có nhiều chi tiết hơn.

✱✱

Tóm lại, **ngôn ngữ, danh từ chỉ là phương tiện tạm dùng giữa con người với nhau, trong đạo cũng như ngoài đời, có thể thay đổi theo thời gian và không gian, cho nên cách xưng hô trong đạo Phật tùy duyên**, không có nguyên tắc cố định, tùy theo thời đại, hoàn cảnh, địa phương, tông phái, hay tùy theo quan hệ giữa hai bên. **Đó là phân tu tướng**.

Các vị phát tâm xuất gia tu hành, các vị tại gia phát tâm tu tập, đã coi thường mọi thứ danh lợi, địa vị của thế gian thì quan trọng gì chuyện xưng hô, tranh hơn thua chỉ lời nói, quan tâm chỉ chuyện ăn trên ngồi trước, đi trước đứng sau, tranh chấp danh tiếng, tranh cãi lợi dưỡng, tranh giành địa vị, đòi hỏi chức vụ, nếu có, trong nhà đạo. Đồng quan điểm hay không, được cung kính hay không, xưng hô đúng phẩm vị hay không, chẳng đáng quan tâm, tránh sự tranh cãi. Nơi



*Đã lâu không thơ... thân
Hôm nay gặp bạn hiền
Viết đôi câu ẩm ớ
Ghi vào mảnh hoa-tiên*

*Ngoài kia gió vẫn vơ
Trong này thơm mùi... "bơ"
Bò-đào chưa nhấp giọng
Chùng đã to... lơ... mơ !*

*Hết chuyện Tây đến ... ta
Mọi sự đều... "xà-va"
Mặc thế tình đen, trắng
Cuộc đời vẫn nở... hoa !*

Hồ Trọng Khôi
(Nam Thiên Hàn Sĩ)

đây không bàn đến cách xưng hô của những người không thực sự phát tâm tu tập, hý ngôn hý luận, náo loạn thiên môn, dù tại gia cũng như xuất gia. Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai. Nhất niệm sân tâm khởi, thiêu vạn công đức lâm, chính là nghĩa như vậy.

Cách xưng hô nên làm cho mọi người, trong đạo cũng như ngoài đời, cảm thấy an lạc, thoải mái, hợp với tâm mình, không trái lòng người, không quá câu nệ chấp nhứt, thể thôi! **Đó là phân tu tâm**.

Trong đạo Phật, cách xưng hô có thể biến đổi nhưng có một điều quan trọng **bất biến**, không biến đổi, đó là phẩm hạnh, phẩm chất, đức độ, sự nỗ lực, cố gắng tu tâm dưỡng tánh không ngừng, cho đến ngày đạt mục đích cứu cánh: Giác ngộ và giải thoát, đối với Phật tử tại gia cũng như xuất gia.

Đó chính là một phần ý nghĩa của **“tùy duyên bất biến”** trong đạo Phật vậy. ■

Cơ sở Phật học Tỉnh Quang Canada
Email: cutranlacdao@yahoo.com



Tư tưởng Phật Giáo trong thi văn Khuông Việt

Thích Thắng Hoan

A.- PHẦN TIỂU SỬ

Thiền sư Khuông Việt, tục danh là Ngô Chân Lưu, con của Ngô Xương Tỷ, cháu của Ngô Xương Sắc (1), người làng Cát Lợi, huyện Thường Lạc (2), trụ trì chùa Phật Đà (3). Thuở nhỏ ngài theo Nho Học, lớn lên thọ giới với Thiền sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc. Năm 40 tuổi ngài nổi tiếng tinh thông Thiền Học và được vua Đinh Tiên Hoàng quý trọng phong chức Tăng Thống. Năm sau, niên hiệu Thái Bình thứ 2 (971), vua lại phong Quốc Sư với tước hiệu là Khuông Việt Thái Sư (Khuông Việt Thái Sư nghĩa là Quốc Sư chuyên lo giúp đỡ sửa sang nước Việt).

Khi Lê Đại Hành lên ngôi (980-1105), Thiền sư Khuông Việt và Thiền sư Pháp Thuận được vua mời tham dự những việc quan trọng trong triều đình. Năm Thiên Phúc thứ 7 nhà Tiền Lê (986) nhà Tống phái Sứ giả Lý Giác sang nước ta, vua cử Thiền sư Khuông Việt và Thiền sư Pháp Thuận ra đón tiếp. Khi Lý Giác về Trung Hoa, Thiền sư Khuông Việt thay vua làm một bài thi tiễn chân Lý Giác theo điệu hát "Tống Vương Lang Qui". Tống Vương Lang Qui, nghĩa là tiễn đưa Ngọc Lang về nước.

TỐNG VƯƠNG LANG QUI

*"Tường quang phong hảo, cảm phạm trường,
Thần Tiên phục Đế Hưởng,
Thiên lý vạn lý thiệp thường lương,
Cửu Thiên qui lộ trường,
Nhân tình thâm thiết đối ly trường.
Phan luyến sử tình lang,
Nguyện tướng thâm ý vị Nam Cường,
Phân minh báo ngã Hoàng".*

Ngô Tất Tố dịch:

*"Trời quang, gió thuận, buồm giương
Thần Tiên chúc đã giục đường Bằng Lai,
Mông mênh muôn dặm bể khơi,
Lối về trong bóng chín trời xa xa,
Bâng khuâng trước chén quan hà,
Mến ai, lòng những thiết tha nỗi lòng,
Xin ai vì cõi Nam Trung,
Rõ ràng gửi lại mặt Rồng trước sau".*

(Văn Học Đời Lý, trang 20, của Ngô Tất Tố)

Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, trang 112, của Thích Mật Thể ghi Thiền sư Khuông Việt ở triều được ít lâu thì lấy

cớ già yếu xin về hưu. Thiền sư dựng một ngôi chùa ở núi Du Hỷ để mở trường dạy đạo. Học trò đến học với Thiền sư rất đông. Trong số học trò nổi trên, Thiền sư Đa Bảo là người xuất sắc nhất của Thiền sư Khuông Việt, được thầy xem như đệ tử thân tín của ngài. Theo Thiền Uyển Tập Anh, một hôm Đa Bảo nghe danh Thiền sư Khuông Việt liền đến tham vấn. Đa Bảo hỏi Thiền sư về sự khởi đầu và sự kết thúc của việc học đạo. Thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thơ:

*"Thủy chung vô vật diệu hử không,
Hội đắc chân như thể tự đồng".*

Ý nghĩa hai câu thơ này là:

Không có vấn đề "Thủy" và "Chung", chỉ có vấn đề "Hu Không" mới là màu nhiệm, nếu hiểu được "Chân Như" thì vạn vật đều đồng một thể.

Đa Bảo nghe qua tỏ ngộ liền xin thọ giáo với Thiền sư Khuông Việt và về sau được thầy truyền tâm pháp.

Ngày 15 tháng 1, niên hiệu Thuận Thiên thứ hai đời nhà Lý tức là ngày 22 tháng 3 năm 1011, Thiền sư Khuông Việt trước khi viên tịch gọi Đa Bảo đến đọc bài kệ rằng:

*"Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toán tại hà do manh".*

Thích Mật Thể dịch:

*"Trong cây vốn có lửa,
Tia lửa mỗi sáng lò.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát sao lại ra?"*

Đa Bảo hiểu tâm ý của thầy liền sụp xuống lạy. Thiền sư Khuông Việt ngay lúc đó chấp tay viên tịch, thọ được 81 tuổi. Thiền sư Khuông Việt là đời thứ tư của hệ phái Vô Ngôn Thông. Đây là phần tiểu sử của Thiền sư Khuông Việt đã được nhiều sách sử ghi lại.

B.- PHẦN TƯ TƯỞNG

Thiết nghĩ, trong các hệ phái của Thiền Tông Việt Nam, Thiền Môn Gia Huấn lẽ tất nhiên phải có và có rất nhiều do các thiền sư nối tiếp sáng tạo để làm phương châm cho sự đạt đạo của các thiền sinh. Thiền Môn Gia Huấn nghĩa là những lời giáo huấn trong gia phả của thiền môn và những lời giáo huấn đó chính là khuôn vàng thước ngọc không thể thiếu để phát huy hệ phái Thiền Tông. Thiền Môn Gia Huấn có khi là thi kệ, có khi là văn bản, đều là những Pháp Ngữ có tánh cách trực nghiệm thiền sinh nhằm trao truyền chỗ chứng đắc của mình cho đệ tử. Thiền Tông càng phát triển thì Thiền Môn Gia Huấn càng phong phú. Căn cứ nơi lịch sử truyền thừa của các hệ phái Thiền Tông Việt Nam, danh bộ các thiền sư được liệt kê trong gia phả không phải là ít và được thấy một số thiền sư như Khuông Việt, Pháp Thuận, Vạn Hạnh v.v... đã để lại thanh danh một thời cho dân tộc và đạo pháp. Nhưng Thiền Môn Gia Huấn của các ngài thì bị bỏ quên trong lịch sử Việt Nam và chỉ còn lại thừa thớt một vài thi kệ nghèo nàn nơi lịch sử truyền thừa của các Thiền Tông. Hơn nữa các thi kệ còn lại của các thiền sư mặc dù chỉ một vài câu thi ngắn gọn, đơn giản, nhưng chúng ta nhận thấy tư tưởng trong đó vô cùng súc tích và phong phú. Chúng tỏ trình độ thông bác và đạt đạo của các thiền sư thời bấy giờ không phải tầm thường. Trường hợp Thiền sư Khuông Việt là một trong những bằng chứng của lịch sử

Phật Giáo Việt Nam. Thiền sư là Quốc Sư của một triều đại mà lịch sử dân tộc lại ghi danh thật quá đơn giản và phủ phàng. Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Lược của Thích Mật Thể cho biết Thiền sư Khuông Việt sau khi cáo lão về hưu mở trường dạy đạo ở núi Du Hỷ và học trò đến học rất đông thì không phải kết quả chỉ có một Thiền sư Đa Bảo thôi đâu. Đã là học trò đến học rất đông, Thiền sư Khuông Việt lẽ tất nhiên cũng phải tổ chức học đường cho qui củ và cũng phải sáng tác rất nhiều Thiền Môn Gia Huấn để giáo dục các thiền sinh. Thế mà những Thiền Môn Gia Huấn đó không thấy lịch sử ghi lại và chỉ tìm được nơi thiền sư một vài thi kệ thừa thớt như thi kệ: Tống Vương Lang Qui, Thủy Chung, Thị Tịch. Thật là vô cùng thương tiếc cho thân phận đời Ngài và cũng thương tiếc cho thân phận của lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Giờ đây chúng ta thử khảo sát tư tưởng của Thiền sư Khuông Việt trong thi kệ "Thủy Chung" qua câu chuyện vấn đáp giữa hai thầy trò để hiển bày giá trị đạt đạo của Ngài.

I.- GIÁ TRỊ THI KỆ THỦY CHUNG

Câu chuyện vấn đáp giữa Thiền sư Khuông Việt và học trò Đa Bảo được thấy trong Thơ Văn Lý Trần tập I, trang 210, do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1977, ghi rằng: "Theo TUTA thì một hôm có người học trò là Đa Bảo hỏi về sự khởi đầu và kết thúc của việc học đạo, Khuông Việt đã trả lời bằng hai câu thi:

*"Thủy Chung Vô Vật Diệu Hư Không,
Hội Đắc Chân Như Thế Tự Đồng".*

Dịch nghĩa:

"Không một vật nào có thủy và chung, chỉ có hư không mới là nhiệm mầu. Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm".

Đại ý hai câu này:

Vạn vật đều đồng một bản thể chân tâm nơi thế giới Chân Như. Hình tướng của vạn vật thì có sanh (có thủy) và có diệt (có chung), như tự thể của vạn vật thì không tồn, cho nên không có điểm khởi đầu (vô thủy) và cũng không có điểm kết thúc (vô chung).

Giá trị tư tưởng hai câu thi trên của Thiền sư Khuông Việt trả lời câu hỏi của học trò Đa Bảo được nhận định như sau:

1/- Vấn đề thủy chung

Thủy gọi cho đủ là Vô Thủy và Chung gọi cho đủ là Vô Chung. Vô Thủy nghĩa là vạn pháp không có nguyên nhân đầu tiên sanh ra và Vô Chung nghĩa là vạn pháp không có điểm cuối cùng của sự hoại diệt.

Vấn đề Thủy Chung được đặt ra là căn cứ nơi sự sanh diệt của vạn pháp. Vạn pháp trong thế gian, theo quan niệm của Phật Giáo đều do nhân duyên nên được sanh thành và cũng do nhân duyên nên bị hoại diệt. Nối tiếp theo đó, vạn pháp từ nơi chỗ hoại diệt lại liên tục sanh ra nữa và cứ như thế sanh diệt mãi cho đến vô cùng tận. Dựa trên nguyên lý duyên sanh vừa trình bày, vạn pháp không có vấn đề thủy chung (không có nguyên nhân đầu tiên sanh ra và cũng không có điểm cuối cùng của sự hoại diệt).

Kinh Thắng Man Bào Quật, quyển trung ghi rằng: "Nhiếp Luận nói: "Vô Thủy tức là hiển nhân. Nếu hữu thủy thì vô nhân, hữu thủy thì hữu sơ, sơ thì vô nhân. Vô Thủy thì hữu nhân, cho nên làm sáng tỏ sự hữu nhân, để hiển bày Phật Pháp là cái nghĩa nhân duyên".

Giải nghĩa: không có nguyên nhân đầu tiên tức là hiển bày được nguyên lý nhân duyên. Nếu như có nguyên nhân

đầu tiên thì nhất định không có nguyên lý nhân duyên. Nếu như có nguyên nhân đầu tiên thì phải có cái nguyên lý sơ khởi và nếu như có cái nguyên lý sơ khởi thì không có nguyên lý nhân duyên. Còn như không có nguyên nhân đầu tiên thì mới có nguyên lý nhân duyên. Cho nên một khi làm sáng tỏ vấn đề nguyên lý nhân duyên là hiển bày được Phật Pháp.

Đúng thế, đời này chính là do nhân duyên đời trước xây dựng (hiển nhân), đời trước thì lại cũng do nhân duyên đời trước nữa thành lập. Chúng ta cứ như thế suy cứu mãi trở về trước thì sẽ thấy vạn pháp không có điểm khởi đầu, nên gọi là Vô Thủy. Chúng ta đã thấy vạn pháp không có điểm khởi đầu (vô thủy) thì lại cũng thấy vạn pháp không có điểm kết thúc, nên gọi là Vô Chung.

Thật ra vạn pháp không có vấn đề điểm khởi đầu (hữu thủy) hay điểm kết thúc (hữu chung), chỉ có sự tác dụng hay không tác dụng của các nhân duyên mà thôi. Nguyên nhân (dòng tâm thức) của vạn pháp mỗi khi tác dụng liên quan hệ với nhau (nhân duyên) qua nghiệp tướng và nghiệp lực để hiện ra hình tướng gọi là sanh (thủy) và đến khi không còn tác dụng để hiện tượng nữa gọi là diệt (chung). Nhưng nguyên nhân của vạn pháp thật sự không có vấn đề Thủy và Chung. Nguyên lý này nếu như so sánh với dòng điện thì không khác nhau lắm. Dòng điện một khi tác dụng qua Video Tape (nhân duyên của vân pháp) liền hiện ra hình tướng trên màn ảnh gọi là sanh (thủy) và dòng điện không tác dụng nữa thì hình tướng trên màn ảnh không còn hiện ra nên gọi là diệt (chung). Nhưng ở đây, dòng điện chỉ có tác dụng hay không tác dụng mà thôi. Riêng dòng điện thật sự không có vấn đề sanh hay diệt.

Như kinh Bồ Tát Thiện Giới, quyển I (Đại 30-962 Hạ) cũng chứng minh cho những nguyên lý vừa trình bày trên có ghi: "Bổn tánh là 5 Ấm, 18 Giới, 6 Nhập cứ theo thứ tự tác dụng nối tiếp với nhau từ vô thủy cho đến vô chung (4)". 5 Ấm, 18 Giới, 6 Nhập là chỉ những nguyên nhân của vạn pháp. Những nguyên nhân này đã có từ vô thủy và tác dụng mãi cho đến vô chung để tạo nên dòng sanh mạng của vạn pháp. Dòng sanh mạng của vạn pháp cứ liên tục quay tròn mãi để tạo thành bánh xe luân hồi trong ba cõi. Các pháp cứ sanh diệt và diệt sanh trong cái vòng tròn của bánh xe luân hồi đang quay. Bánh xe luân hồi của dòng sanh mạng cứ quay mãi vô định, quay mãi không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc của vòng tròn, nên gọi là Vô Thủy Vô Chung.

Qua những dữ kiện trên, vấn đề Thủy Chung trong câu "Thủy chung vô vật diệu hư không" của Thiền sư Khuông Việt không khác so với nguyên lý Vô Thủy Vô Chung của các kinh luận chủ trương, như Nhiếp Luận, Kinh Bồ Tát Thiện Giới v.v... Đó là một trong những giá trị tư tưởng của thiền sư đã đạt đạo được thể hiện trong câu thi nói trên.

2/- Vấn đề Hư Không

Hư Không, tiếng Phạn Àkasa, nghĩa là khoảng không gian (không) trống rỗng (hư) mênh mông vô cùng tận. Vạn pháp trong thế gian đều hiện có mặt và xoay vần trong hư không. Hư Không là một nguyên lý và nguyên lý này có giá trị bao trùm cả muôn pháp ở trong. Muôn pháp không thể có mặt và cũng không thể tồn tại ngoài hư không. Hư Không có thể xem là bản thể, là nền tảng của muôn pháp sanh khởi và tồn tại.

Kinh Bắc Bổn Niết Bàn, quyển 22, phẩm Đức Vương và quyển 6, phẩm Phạm Hạnh đều cho Hư Không "rộng lớn

không có bờ mé, có thể dung chứa tất cả pháp". Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận là cho Hư Không và Vô Vi Pháp. Bát Thức Quy Củ Tụng của dịch giả Thích Thắng Hoan, trang 21 cũng cho Hư Không là Không Vô Biên Xứ.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 3 của dịch giả Thích Chơn Giám, Đức Phật giải thích Hư Không có hai loại:

a)- Tướng Hư Không

Tướng Hư Không được thể hiện từ nơi nghiệp tướng và được xây dựng theo nghiệp lực của chúng sanh. Tướng Hư Không được thành hình theo từng giống loại. Chúng sanh có nhiều giống loại khác nhau thì Tướng Hư Không được thành hình cũng có nhiều thứ không giống nhau. Tướng Hư Không của loài người thì khác hơn Tướng Hư Không của loài cá, của loài ngựa quý, của loài địa ngục v.v... Tướng Hư Không của dục giới thì khác hơn Tướng Hư Không của sắc giới, của vô sắc giới v.v... Mỗi loại, mỗi giới đều có Tướng Hư Không riêng biệt không giống nhau.

Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn của Duy Thức, tác giả Thích Thắng Hoan, trang 55-57 cho Tướng Hư Không là "Môi Trường Sống". Quyển Bát Nhã Tâm Kinh này giải thích:

"Tướng Hư Không của loài cá là khối lượng nước, thuộc môi trường sống của loài cá. Khối lượng nước nếu như cạn khô thì loài cá bị chết ngạt. Nhưng khối lượng nước nói trên không phải là Tướng Hư Không của loài người; nguyên vì loài người khác giống với loài cá. Tướng Hư Không của loài người là không khí, thuộc môi trường sống của loài người. Không khí nếu như bị cháy tan thì loài người cũng bị ngạt thở mà chết. Tướng Hư Không của loài người không phải là Tướng Hư Không của loài ngựa quý, của loài địa ngục, của loài a-tu-la, và của các cõi trời; nguyên vì loài người không giống với loài ngựa quý, với loài địa ngục, với loài a-tu-la và với các cõi trời. Cho đến loài ngựa quý, loài địa ngục, loài a-tu-la và các cõi trời cũng thế, nghĩa là mỗi loài mỗi cõi khác nhau thì môi trường sống của họ hoàn toàn không giống nhau về Tướng Hư Không".

b)- Tánh Hư Không

Tánh Hư Không thì thuộc về chân như và vẫn tồn tại muôn thuở. Ngược lại Tướng Hư Không thì thuộc về mê vọng và luôn luôn bị sanh diệt biến hóa. Tướng Hư Không là biến tướng của Vô Minh Nghiệp Tướng, thể hiện ở bên phía trong Tánh Hư Không và chọn Tánh Hư Không làm nơi nương tựa để hiện khởi. Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật giải thích: "A Nan! Người phải biết trong Tạng Như Lai, (Tánh Giác) tức là thiệt hư không, (Hư Không) tức là thiệt tánh giác, thanh tịnh bản nhiên, đầy khắp pháp giới...".

Tánh Giác gọi cho đủ là Thể Tánh của Giác Ngộ. Tánh Giác tức là chỉ cho Tạng Như Lai, thuộc về Tâm Chân Như. Tạng Như Lai của Tâm Chân Như thì mới có tánh giác. Tánh Giác của Tạng Như Lai thì bao trùm cả thánh và phàm, cả chân và vọng. Hơn nữa, Tánh Giác tức là Tánh Hư Không thì không thể có ngoài Tạng Như Lai, đều thuộc về nguyên lý sự sống của vạn pháp. Cho nên Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh nói: "Tâm Chân Như là cái tâm tánh bất sanh bất diệt, Thể và Tướng (Tạng Như Lai) của nó to lớn bao trùm tất cả các pháp".

Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức, trang 58 giải thích: "Tánh Hư Không của Tâm Chân Như không phải là Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba cõi.

Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba cõi sở dĩ khác nhau là do bởi Nghiệp Tướng của mỗi loại chúng sanh không giống nhau trong những cõi đó tạo nên. Nhưng đặc biệt nhất, Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba cõi thầy đều thể hiện ở bên phía trong Tánh Hư Không của Tâm Chân Như và được Tánh Hư Không của Tâm Chân Như che chở với hình thức bao trùm".

Thí dụ, Tánh Hư Không của Tâm Chân Như cũng tương tự như không gian của cái phòng. Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh cũng tương tự như không gian của ngọn đèn xanh, không gian của ngọn đèn đỏ, không gian của ngọn đèn trắng, không gian của ngọn đèn vàng v.v... Không gian (Tướng Hư Không) của các ngọn đèn xanh, đỏ, trắng, vàng v.v... đều thể hiện ở bên phía trong không gian (Tánh Hư Không) của cái phòng và được không gian của cái phòng che chở với hình thức bao trùm.

Như thế, Tánh Hư Không chính là Tạng Như Lai của Tâm Chân Như, nguyên vị Tạng Như Lai theo Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh thì thuộc về hình tướng của Tâm Chân Như. Tâm Chân Như là cái tâm không sanh diệt thì Tánh Hư Không lẽ tất nhiên cũng thuộc về loại Bất Biến. Tánh Hư Không này thì vẫn hiện có mặt, vẫn tồn tại mãi trong Tạng Như Lai và không thể nào có mặt ngoài Tạng Như Lai.

Từ giá trị này, "Diệu Hư Không" trong câu thi "Thùy chung vô vật diệu hư không" mà Thiền sư Khuông Việt đề cập đến đích thực là chỉ cho Tánh Hư Không của Tạng Như Lai thuộc Tâm Chân Như. Tánh Hư Không đối với vấn đề thành hình vạn pháp thì quả thật màu nhiệm vô cùng. Vạn pháp trong thế gian, nếu như không có Tánh Hư Không làm nền tảng thì không biết nương tựa vào đâu để sanh trưởng và tồn tại. Vạn pháp có thể nói là luôn luôn bị sanh rồi diệt, diệt rồi sanh trong Tánh Hư Không trường tồn bất diệt.

3)- Vấn đề Chân Như

Chân Như, tiếng Phạn là Bhūta-tathatā hoặc gọi là Tathatā, nghĩa là căn nguyên của vạn pháp, cũng gọi là bản thể chân thật của vũ trụ. Vấn đề Chân Như có rất nhiều kinh luận giải thích.

Duy Thức Luận định nghĩa Chân Như: "Chân vị chân thật, hiển phi hư vọng; Như vị như thường, biểu vô biến dịch. Vị thủ chân thật nhất thiết pháp, thường như kỳ tánh, cố viết chân như".

Dịch nghĩa:

Chân là chân thật, hiển nhiên không phải hư vọng; như là sự trường tồn, chỉ bày cái lý không thay đổi. Hai chữ Chân Như là nói lên cái nguyên lý chân thật của tất cả pháp và thể hiện cái tánh trường tồn của nó, vì thế nên gọi là Chân Như.

Phật Địa Kinh Luận, quyển 7 có ghi: "Chân Như chính là thật tánh của tất cả hiện tượng. Cái tướng của tất cả hiện tượng tuy có các thứ sai biệt, nhưng thật tánh của chúng thì chỉ có một vị, so với tất cả pháp không phải là một, không phải khác, lia ngôn ngữ, lia cả suy luận và khảo cứu. Thật tánh này xa lia quan điểm lầm lỗi và hư vọng, nên gọi là Chân Như".

Kinh Đại Bát Nhã, quyển 360 giải thích Chân Như gồm 12 nguyên lý Không. 12 Chân Như gồm có:

1. **Chân Như:** Chân là chân thật và Như là như thường, nghĩa là thể tánh chân thật của các pháp thì như thường.

2. **Pháp Giới:** Giới là nghĩa sở y (chỗ nương tựa). Chân Như là chỗ nương tựa (sở y) của các pháp.

3. **Pháp Tánh**: nghĩa là thể tánh của các pháp thì chân như.

4. **Bất Hư Vọng Tánh**: nghĩa là Pháp Tánh Chân Thật đã lia hẳn hư vọng nên gọi là Chân Như

5. **Bất Biến Di Tánh**: nghĩa là bản thể của các pháp thì không biến đổi nên gọi là Chân Như.

6. **Bình Đẳng Tánh**: nghĩa là chân như sau khi lia hẳn các tướng sai biệt của các pháp đều duy nhất bình đẳng không có hai.

7. **Ly Sanh Tánh**: nghĩa là chân như đã lia hẳn sự sanh diệt.

8. **Pháp Định**: nghĩa là pháp tánh thì an trụ và thường hằng nên gọi là Chân Như.

9. **Pháp Trụ**: nghĩa là ngôi vị của các pháp thì thường trụ nơi Chân Như.

10. **Thật Tế**: nghĩa là nguyên lý của chân như thì rất thật tế đến chỗ cùng cực.

11. **Hư Không Giải**: nghĩa là lý thể của chân như thì biến khắp pháp giới.

12. **Bất Tử Nghì Giải**: nghĩa là lý thể của chân như thì không thể nghĩ bàn.

Bao nhiêu kinh luận cũng đủ chứng minh được giá trị của nguyên lý Chân Như. Chân Như là thể tánh thường hằng, không sanh không diệt của vạn pháp và vạn pháp thường an trụ trong chân như, lấy chân như làm thể tánh của mình. Lý do đó, Thiền sư Khuông Việt cho rằng, vạn pháp đồng một thể tánh chân như thế nên có câu: "Hội đắc chân như thể tự đồng".

Tóm lại, Diệu Hu Không là chỉ cho Tánh Hu Không của Tạng Như Lai nơi Tâm Chân Như. Tánh Hu Không này làm nền tảng sanh ra muôn pháp một cách mau nhiệm không thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Hu Không. Tâm Chân Như tự nó thuộc về loại trường tồn bất diệt thì Diệu Hu Không lẽ dĩ nhiên bản tánh cũng thuộc về loại thường hằng bất biến. Bản thể của muôn pháp (vạn vật) đã là Tâm Chân Như thì bản tánh của muôn pháp chính là Diệu Hu Không. Diệu Hu Không là những nguyên lý duyên sanh để biến hiện ra hình tướng của muôn pháp và hình tướng của muôn pháp thì có sanh có diệt (hữu thủy hữu chung) theo nguyên lý duyên sanh, nhưng thể tánh của muôn pháp thì thuộc về chân như cho nên không có vấn đề sanh diệt (vô thủy vô chung). Từ đó Thiền sư Khuông Việt mới nói lên hai câu thi:

"Thủy chung vô vật diệu hư không,

Hội đắc chân như thể tự đồng".

(Không một vật nào có Thủy và có Chung, chỉ có Hu Không mới thực sự là nhiệm màu. Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một bản thể Chân Tâm).

4)- Mục đích Thiền sư Khuông Việt

Khi Đa Bảo hỏi về sự khởi đầu và kết thúc của việc học đạo, Thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thi: "*Thủy chung vô vật diệu hư không, hội đắc chân như thể tự đồng*".

Thiền sư trả lời hai câu thi này có mục đích:

a) Thiền môn chủ trương cho vấn đề tu chứng là trên hết và xem thường sự học rộng cũng như sự biết nhiều. Thiền môn quan niệm rằng, người học rộng biết nhiều mà không tu thì cũng vô ích. Họ chỉ là một lý thuyết gia, chuyên môn lý luận suông, không thực tế trên con đường đạt đạo. Còn kẻ chuyên môn tu tập làm đầu, mặc dù họ không học rộng, hiểu sâu, nhưng khi đạt đạo thì thông bác tất cả không khác

người có học. Vì lý do đó, các Thiền môn chú trọng sự tu tập nhiều hơn sự học hỏi, theo các vị thiền sư nhận thức, sự học hỏi làm trở ngại cho sự tu chứng và những điều tu chứng theo họ thì khác xa mà cũng không có trong vấn đề học hỏi.

Thời xưa, Đức Phật đã chỉ dạy trong các kinh điển, các đệ tử phải thường xuyên tu học theo ba môn huệ học là "**Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ**". Văn Huệ là trí tuệ do học kinh nghe pháp được thành tựu. Tư Huệ là trí tuệ do suy nghiệm và giác ngộ lý nhiệm màu trong các kinh luận. Tu Huệ là trí tuệ do công phu tu tập được chứng ngộ và cũng có chỗ gọi là được chứng đắc trong sự đạt đạo. Theo Đức Phật, ba môn huệ học này là ba yếu tố rất cần thiết không thể thiếu trên con đường giải thoát. Người tu hành nếu như thiếu một trong ba môn huệ học nói trên thì không thể đạt đạo cũng giống như một cái ghế có ba chân đã thiếu đi một chân thì không thể nào ngồi vững được.

Ngày nay các thiền môn thì cạnh tân hơn. Trong ba môn học căn bản của Đức Phật chỉ dạy vừa trình bày ở trên, các thiền sư chỉ chuyên hành trì một phương diện Tu Huệ để được chứng đắc và khinh thường hình thức Văn Huệ. Đúng theo lãnh vực Văn Huệ, các thiền sinh phải trải qua thời gian tu học kinh luận theo khóa trình đã vạch sẵn, nghĩa là thiền sinh phải hoàn tất chương trình tu học từ Sơ Cấp, Trung Cấp và cho đến Cao Cấp Phật Học do thiền môn soạn thảo. Những khóa trình tu học này đều được quy định **thời gian khởi đầu và thời gian kết thúc** là bao nhiêu năm.

Còn lãnh vực Tu Huệ thì khác hơn, tùy theo căn cơ lãnh lợi hay đần độn trong việc đạt đạo của các thiền sinh, nghĩa là thiền sinh nào có căn cơ thông minh lãnh lợi thì đạt đạo nhanh chóng và thiền sinh nào có căn cơ đần độn kém cỏi thì lãnh hội chậm chạp hơn trong việc hành trì, cho nên Thiền môn không có quy định thời gian khởi đầu cho công trình tu tập và cũng như thời gian kết thúc cho vấn đề chứng đắc. Nguyên vì chủ trương Tu Huệ trên hết của Thiền môn, Thiền sư Khuông Việt liền trả lời câu hỏi của Đa Bảo là:

"Thủy chung vô vật diệu hư không,

Hội đắc chân như thể tự đồng".

(Không một vật nào có thủy và chung, chỉ có Hu Không mới là nhiệm màu. Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm).

b) Mục đích thứ hai, Thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thi trên nhằm trắc nghiệm tư tưởng và đánh giá trình độ thông bác của Đa Bảo trước khi cho nhập môn. Một vị thiền sư mỗi khi nhận đệ tử nào phải nắm vững tâm yếu cầu đạo của vị đệ tử đó để cho tâm truyền có thể chính xác hơn. Muốn nắm vững tâm yếu của đệ tử, thiền sư trước hết phải đánh giá trình độ, đo đạc khả năng và tìm hiểu khuynh hướng nhận thức của thiền sinh bằng phương pháp trắc nghiệm tư tưởng. Nhờ thể thiền sư mới thật sự nắm vững tâm yếu và dễ dàng phân loại khả năng hành trì của mỗi thiền sinh. Đúng trong chiều hướng này, Thiền sư Khuông Việt liền trả lời câu hỏi của Đa Bảo qua hai câu thi "*Thủy chung vô vật diệu hư không, hội đắc chân như thể tự đồng*" mà trong đó hàm chứa cả hai ẩn ý nói trên. Đa Bảo cũng là một nhà thông bác, sau khi nghe qua hai câu thi kệ của thầy liền tỏ ngộ ngay và xin thọ giáo với Thiền sư Khuông Việt.

c) Hơn nữa, "**Thủy chung vô vật diệu hư không, hội đắc chân như thể tự đồng**" là hai câu Thoại Đầu mà Thiền sư Khuông Việt trao truyền cho Đa Bảo làm phương châm tu tập để quán chiếu. Thiền sinh Đa Bảo tu tập quán chiếu hai

câu thi kệ nói trên cho đến khi nào ngộ được nguyên lý và sự dung thông về tánh tướng của vạn pháp là chừng đó mới chứng tỏ được mình đã đạt đạo. Vì muốn trao truyền câu Thoại Đầu cho Đa Bảo làm phương châm tu tập thiền quán, Thiền sư Khuông Việt liền nói lên hai câu thi kệ:

"Thủy chung vô vật diệu hư không,
Hội đắc chân như thể tự đồng"

(Không một vật vào có Thủy và Chung, chỉ có hư không mới là nhiệm màu. Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm).

II.- GIÁ TRỊ THI KỆ THỊ TỊCH

Thiền sư Khuông Việt khi viên tịch gọi Đa Bảo đến đọc bài **Thị Tịch** để di chúc và nội dung của bài thi kệ **Thị Tịch** như dưới đây:

"Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sanh,
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toàn toại hà do manh"

(Trong cây vốn có lửa, tia lửa mới sáng lò. Nếu bảo cây cây không lửa, cọ xát sao lại ra?)

Ý nghĩa của bài thi kệ Thị Tịch được giải thích như sau:

Thi kệ Thị Tịch là thi kệ có tính cách di chúc hơn là tâm truyền. So với thi kệ Thủy Chung, thi kệ Thị Tịch không ngoài mục đích làm phương châm trong lãnh vực truyền thừa của Thiền Tông hơn là khai thị mà Thiền sư Khuông Việt muốn Đa Bảo trong việc kế thừa đi đúng đường hướng Tâm Truyền của Thiền Tông. Yếu chỉ của thi kệ Thị Tịch mượn lửa là một trong những sự vật để ám chỉ Tâm Linh mà Thiền sư Khuông Việt di chúc cho Đa Bảo. Ở đây thiền sư không phải đề cao vật chất trên phương diện tâm truyền.

Theo Thiền sư Khuông Việt, trạng thái của Tâm Linh cũng giống như trạng thái của lửa và sự hiện hữu của Tâm Linh trong thân thể con người cũng giống như sự hiện hữu của lửa trong thân cây. Chúng ta không thể nhìn thấy hình tướng của Tâm Linh như thế nào và chỉ biết khi nó tác dụng sanh ra tư tưởng cũng giống như chúng ta không thể nhìn thấy hình tướng của lửa như thế nào và chỉ biết khi nó tác dụng sự cọ xát thành tia sáng. Tâm Linh giả sử không thật có trong thân thể con người thì làm sao có tư tưởng cũng giống như lửa giả sử không thật có trong thân cây thì làm sao có tia sáng.

Hơn nữa, trong con người, Tâm Linh vốn có nguyên thể riêng và nó không phải do vật chất sanh ra, cũng như lửa vốn có nguyên thể riêng (Mộc trung nguyên hữu hỏa) và nó không phải do thân cây sanh ra. Tâm Linh mặc dù không có não bộ thì không thể phát sanh ra tư tưởng được cũng giống như lửa mặc dù không có thân cây thì không thể phát sanh ra tia sáng được.

Người ta thật sự lầm lẫn nếu như cho rằng Tâm Linh phát sanh từ nơi vật chất cũng như có kẻ cho rằng ánh sáng điện phát sanh từ nơi bóng đèn. Đúng hơn, dòng điện nương nơi bóng đèn để phát ra ánh sáng cũng như Tâm Linh nương nơi não bộ để phát ra tư tưởng.

Thật sự, Thiền sư Khuông Việt đã khai thị cho Đa Bảo từ lâu và Đa Bảo cũng đã đắc pháp tự bao giờ bằng lối tâm truyền của thầy. Vạn pháp về phương diện lý tánh theo thiền sư thì đồng một bản thể chân như sanh ra với hình thức duyên khởi. Nhưng về phương diện sự tướng, Tâm Linh và vật chất của vạn pháp trên lãnh vực tác dụng thì có khác nhau, một bên là chủ và một bên là khách, nghĩa là Tâm

Linh luôn luôn làm chủ sự vật, dẫn đầu cả mọi việc (5), có khả năng quyết định sự thành bại của muôn loài chúng sanh. Còn vật chất thì vô tri giác và luôn luôn ở tư thế bị động trong sự sanh tồn của các pháp. Thiền sư muốn cho Đa Bảo lãnh hội một lần chót giữa lý và sự của vạn pháp ở mọi khía cạnh thể và dụng, cũng như phân loại rõ ràng giữa tâm và vật ở tư thế chủ và khách trong việc truyền thừa. Thế nên trước khi viên tịch, Thiền sư Khuông Việt di chúc cuối cùng về vấn đề này cho Đa Bảo với thi kệ Thị Tịch:

"Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sanh,
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toàn toại hà do manh"

Đa Bảo hiểu được thâm ý của thầy liền sụp xuống lạy và cũng từ đó Thiền sư Khuông Việt an tâm ra đi một cách tự tại trong tư thế chấp tay viên tịch.

Tóm lại, qua một vài thi kệ vừa trình bày, chúng ta nhận thấy Thiền sư Khuông Việt là một con người thật sự đặc đạo của hệ phái Vô Ngôn Thông, một Tăng Thống cao minh đáng quy ngưỡng của Phật Giáo Việt Nam và cũng là một Quốc Sư lỗi lạc của triều đại nhà Đinh mà cho đến ngày nay thiền sư vẫn còn dư âm trong lịch sử Việt Nam. Những tư tưởng ẩn chứa trong các Thi Kệ cũng đủ chứng minh cụ thể sự chứng đắc của Ngài. Đối với giáo lý cao thâm trong Phật Giáo, Ngài rất thông bác giữa sự và lý trong mọi lãnh vực thể và dụng với hình thức duyên khởi của muôn pháp. Mặc dù những điều thông bác này được gói gọn bóng bẩy trong các thi kệ đơn giản, chúng ta đem quán chiếu cũng có thể nhận thấy được tư tưởng sâu xa của Ngài. Chúng ta vui mừng vô cùng đã có được một Thiền sư Khuông Việt là người đầu tiên khơi nguồn sanh mệnh của đạo pháp với danh nghĩa Tăng Thống và cũng là người đầu tiên khai thông sanh lộ cho dân tộc với danh nghĩa Quốc Sư Khuông Việt. Nhờ thiền sư, sanh mệnh đạo pháp và dân tộc hòa hợp nhịp nhàng, dung thông chuyển hóa, nảy nở phát triển trên khắp mọi nẻo đường đất nước, trải dài từ thế kỷ thứ chín cho đến ngày nay. Thật là lành thay cho Phật Giáo Việt Nam và Dân Tộc Việt Nam muôn đời bất diệt.-

• Thích Thắng Hoan

GHI CHÚ:

- (1) Thiền Uyển Tập Anh, Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học, nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1990, trang 42.
- (2) Văn Học Lý Trần, tập I, trang 208 của nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội.
- (3) Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, trang 109, của Thích Mật Thể.
- (4) Năm Ấm, sáu Nhập, 18 Giới:
 - a.- Năm Ấm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức.
 - b.- Sáu Nhập: Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý.
 - c.- 18 Giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức.
- (5) Kinh Pháp Cú, phẩm Song Yếu.



Danke schön Deutschland

Thich Nhu Dien
Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von
Hanh Tan & Hanh Gioi

*
**

(Fortsetzung von VG Nr. 149)

Kapitel IV

Über 30 Jahre im Ausland - 25 Jahre in Deutschland

いわき論集

目

次

手廻和紙業における専業の形成について —分布論的考察—	関 恵 司	1
IMF・GATT体制の意義と限界 —戦前・戦後の経済政策の相違点についての一考察—	高 崎 譲 治	7
般若心経における色と空	山 下 康 司	21
いわき地方における二・三の地質学的特性について(その1)	柳 沢 一 郎	29
相統制度の歴史性 —南北朝鮮の現行制度を中心に—	李 丙 洙	35
	F・ルエラン著	
日本における米の生産	菊 池 一 雅 訳	43
研究資料		
明治時代における日本の英語教育について	レ・クオン	53

いわき短期大学商経学会 1978

いわき短期大学商経学会会則

Keiji SEI On the Paper	第 1 条 本会は「いわき短期大学商経学会」とよぶ。
	第 2 条 本会は会員の研究およびその発表を目的とする。
	第 3 条 本会は前条の目的を達するためにつぎの事業をおこなう。 1. 「いわき論集」および「セミナー紀要」の編集ならびに発行 2. 研究会および講演会などの開催 3. 評議員会が適当と認めたとその他の事業
Jyoji TA The N.	第 4 条 本会の会員はつぎのとおりとする。 1. 普通会員 本学教員および在学生 2. 賛助会員 本学卒業生および本会の趣旨に賛同し、かつ評議員会の承認をえた者 3. 名誉会員 本会のために多大の功績があり、かつ評議員会が推薦した者
Kuraji Y/ Matter I chiro Y On So	第 5 条 本会の会員は機関誌の配布をうける。
Byong S. A Hist —With S and So Francis R Kazumasa La Pro Materials	第 6 条 本会につきの機関をおく。 1. 名誉会長 本学学長を推す 2. 会 長 評議員の互選による 3. 評 議 員 本学専任教員 評議員会は評議員をもって構成し、本会の運営にあたり、会長が議長を兼ねる。 4. 評議員は編集委員、会計委員、庶務委員各若干名を選出できる。
L E Cuong On Jap	第 7 条 本会の経費は会費、事業収入、寄附金などをもってこれにあてる。 ただし、会費は評議員会の決議したところによる。
SHOK	第 8 条 本会の会計年度は4月1日にはじまり翌年3月31日におわる。 第 9 条 本会は事務局をいわき短期大学内におく。 第 10 条 本会期は昭和50年4月1日から効力をもつ。 ただし、本会期の変更は評議員会の決議による。

資 料

明治時代における日本の英語教育について

レ・クオン

ベトナムにいた時、私は、世界史の時間が大好きであった。世界史には、世界の事情、状況、政治、経済、教育などが出て来るのであるが、中でも私が一番関心を持ったのは日本の明治維新のことである。フランス革命(1789年)、中国の革命(1910年)、あるいはロシア革命(1917年)等、数ある革命の中でも、特に日本の明治維新(1868年)について深く研究したいと思った。これは、日本に行きたいという、私の一つの大きな理由となった。

なぜ明治維新は有名になったのか。日本という国はずっと前から東洋文化の影響を受けてきた国である。特に、中国の文化を中心として吸収し、政治、文化、宗教、経済等を形成、実現して来たのである。明治維新というのは、この長い伝統の中で的一大革新であった。ちょうどこの時代から日本は西洋文化の影響を受け、実践科学主義を習いはじめたと言えるであろう。もちろん、明治維新以前においても、西洋の学問を吸収したが、それはオランダ国との国交しか触れる事ができなかった。それが、ひろくヨーロッパ、アメリカの新しい文化を吸収する時代に切りかわったのであるから、明治維新は、日本にとって一大革新であったのである。

この明治維新の特色の一つは、日本は農業国から工業国へと進んで行ったことである。この意味で、この維新ということは現在の日本の近代化の源泉だったと言えるのである。ところで維新と革命はどういうふうに違うのか、「維新」というのはすべてがあらたまり、あたらしくなることである。「革命」は王朝が代わること、あるいは政府が代わるのである。維新と革命とはそれぞれ意を異にしているのである。

特に日本の王朝は他の諸国の王朝と違っている。日本は、今まで123代も天皇が在位しているが、外国の場合は王朝がよく変わっている。王朝、あるいは政府などが代る時、これは革命と言える。しかし、明治維新は革命と言えない。天皇制が変わらなかったからである。私にとって、維新という言葉には殺す、殺されるという意味がないと思う。というは、以前が古いから、今から維新する、新しくなおすことと思うからである。しかし、

— 53 —

革命という言葉を知ったら、この言葉の中だけでも、血を見る印象が私の胸に残っているのである。

前王朝、前政府と戦い、人命を落とさなければ政権交代が成功出来ない時に行なうのが革命ではないかと思えるのである。

この様な簡単な理由で、私は明治維新について研究したいし、考察しなくてはならないのである。

しかし、何を勉強にしても、一番大切なことは言語である。西洋の文化で、一番影響が深い言語は英語、フランス語、ドイツ語である。でも、どうしても英国また米国の方が他の国よりも影響が深いのである。

日本の英語学は、文化5年(1808年)からはじまったと言える。これは英艦フェートン号が長崎に侵入した時である。日本人はこの時から英語を勉強する必要が出来たのである。

もちろん、その時期と現在とを比べれば違う点が出て来るのであるが、過去の事を知らなければ現在の結果も解かないし、現在のことがわかれば未来の行き方も理解することができなくなってしまうのである。

私自身、外国人であるので言語という問題は一番大切であると思うから、日本人が初期の英語を受け入れる時、どうであったのか非常に興味を持ち、この「明治時代における英語教育について」を書く理由になったのである。

特に、日本語は文法が難しいから、他の国の言葉よりも勉強に時間がかかる。でも国と国との文化の伝達の為に、私はこの身体を渡り橋にしたいと思い、なんとかこの明治時代の日本の英学について考察したいと思う。

日本人が、学問の中心を蘭学から英学に移したのは、文化6年(1809年)から始まったと言える。その1年前、長崎港に英艦フェートン号が侵入して以来、日本人あるいは日本文学界の関心等がこの時期から転換した。文化6年から明治維新(1868年)にかけて約60年間日本の英学がどの様な進歩をして来たか、詳しく考察してみたい。

60年間をわたっても、日本側の英学者はまだ出て来ない。幕府は日本の学生を留学生として英米に送る。慶應元年(1865年)薩藩の森有礼ら19名はひそかに英国留学へ出発した。もちろん、その前に英語の本、辞書を訳した人もいたが、この時期に、最初における日本の英学の様子が見られる。米国側の宣教師も渡来する。

明治初期に入ると外国語の学校がだんだん設置された。留学生も英米に何回も送ったのであった。

この時期英米から代表的な人物、宣教師などが多く見えた。やはり、これは、日本国内の英学人材がまだ足りないので外国人が必要であったからだと思うのである。

— 54 —

しかし、なぜ蘭学をそのまま続けて行かなかったのか、なぜ日本国民は英語を学ばなければならなかったのであろうか？

事実、英語は世界で一番文明国の国語であったのである。日本が最文明最強国の言葉を学ぼうとするのに何の不思議もなかったかも知れない。その頃の英語は、その栄華の絶頂に達していたから日本は蘭学から英学に変った一つの理由なのであろうか、明治元年は1868年であるが、英国の最盛期は凡そ1870年と思われる。

新日本国を建設するに於いて英国の伝統の経験主義、実利主義などを学ぶため英学に転換したと思える。あるいは英国的自由主義を理解するために日本人の目的が変わったのである。

明治新政府は富国強兵策を実現するため、西洋先進国へ向わなければならないのであるから、留学をしたり、技術を学んだりするのは当然なことである。

明治4年に中村敦吉の訳した「西国立志篇」の影響が強かったから、英学の影響もだんだん広がった。

明治5年日本政府に於ける御雇外国人は、英人119人、仏人50人、米人16人、その他で計214人、3分の2が英米人であった。この統計を見ると、やはり明治初期の日本人に人材が足りないから、外国人教授を雇ったことと思われる。

しかし文学的に見るとヨーロッパ文明の導入以来の英学書の出版は明治5年を以て最高頂とされているが、それから西暦戦争が過ぎると翻訳小説が流行し出した。おびただしい小説が訳出された中で、政治小説が特に歓迎された。それは矢野龍雄「経国美談」（明治17年）、東海散士「佳人の奇遇」（同18年）、末広鉄腸「雪中樞」（19年）等である。これらは日本の政治小説を創作に導いた始まりである。坪内逍遙の自由太刀余波鏡録（17年）はシェクスピアの「ジュリアス・シーザー」の訳であるが、相共に国会開設に至る日本の道を開いたものであったと言える。

この西暦戦争前後10年が明治英学の初期であるとされる。

明治時代における日本の英語教育には、いろいろな節目があるが、ここで省略する。例えば明治初期の英語学校の設置、英語教師の採用、英和及び和英辞書の発達などはそれぞれ明治初期に始まる。あるいは明治中期（20年-32年）の中期の生徒における英語教育、英語の発音と日本人、明治末期（33年-45年）に入ると英語教育に関する著作、英和訳の著作、森有礼の英語国語化論など、たくさんこの頃の節目があるが、ここで「森有礼の英語国語化論」について、私は、外国人の目で見えて論じてみたいと思う。

言語というのはその国の言葉である。その国の民衆の生活を表わしている。習慣、礼儀、信仰、あるいは文化、それらはその国のすべてのことを表現する。その国が文化を持つならばもちろんその国の言語がある。もし、文化があっても自分の国の言葉がなければ、そ

-55-

れは不連続の存在となる。もしも言葉があっても文化がなければ、それは未開部族である。だから言葉というものは大切である。

森有礼は英語を国語化するについて沢山の論争を起こした。なぜ森有礼がそういうふう考えたのであろうか。

彼は慶應元年（1865年）イギリスに渡航してロンドン大学にて化学や数学を学び、慶應3年（1867年）アメリカに渡り、その後明治元年（1868）帰朝した。

「森有礼の英語国語化論は森が日本公使として米國に滞在中の明治6年に著わした『日本の教育』（Education in Japan: A series of letters addressed by prominent Americans to Arinori Mori, New York, 1873）に出ている。その一部分は「日本教育策」と題して翻訳されている（『明治文化全集』（教育篇）所収）が、その序論に述べられている森有礼の意見をまとめると次のようになる。

- (1) 日常語は数が少なく、くも大部分が漢語である。漢字を仮名で書くことは不便であり、実行不可能である。
- (2) 漢語の助けを借りなければ伝達手段として役に立たないということは國語の貧弱性を示す。
- (3) 今日の世界は英語国民の商業力の支配下にある。國の独立維持のためには英語を習得することが絶対に必要な条件である。
- (4) 西洋文明が全面的に採り入れられるとき、日本国内に英語が氾濫する運命にある。
- (5) 日本語のような貧弱な伝達手段によっては西洋文明を吸収することはできない。

（日本の英語教育史196頁～197頁まで）。

以上、森有礼が述べた一つ一つの問題をを分析するとどのようになるか。もちろん、この英語国語化について学者たちが論争したが、私は外国人の目から見て少し意見を述べたいと思う。

日本語というのは日本人の持つ言語である。なぜ英語を取り入れなければならないのであろうか。もし、日本語が英語化されれば日本人という言葉は消えてしまったかも知れない。アメリカがイギリスの属国になったのであろう。日本人が存在する限り、日本語がなければ、日本人とは言えない。歴史を見ると、植民地が広まった時、大きな国が小さな国を支配した。植民地政策は属国の民衆を愚民化し、言語も自国語を被支配国に強制したのである。例えば私の国（ベトナム）では19世紀後半（1866年）から20世紀前半（1945年）まで約80年間フランスの植民地であった。彼等が一番大切にしたのは教育である。教育というよりも言語である。ベトナムのすべての学校はフランス語を教えなければならなかった。フランス語はベトナム語の代わりに使わなければならない、ベトナム語は外国になった。しかし、ベトナムが独立してからは（1945年）ベトナム語を國語とし

-56-

て使いはじめた。また自分の国の言葉は他の国より良くないと思ったら、その人は売国奴であると言う人もいる。ベトナムの問題だけでなくインドあるいは台湾、それからアフリカ諸国等、独立してからは自分の国の言葉を守ってる。

特にフランスの文化は高いと評判があったがフランスの文化とフランス語とは違うのだ。だからベトナム人はフランスの言語より自国語の方が良いと選んだ。ただ、日本は島の国であり、幸いに日本人は他の国に支配されなかったから森有礼は自分自身、植民主義がわからなかったので、英語国語化と言ったのであろう。

「日本語は大部分が漢語から借りる」と言ったが、これは当然である。しかし日本は音読がある。訓読なら日本語ではないのか？

日本では平安朝以来漢文が学問の言葉である。しかし、日本文化は中国の文化の影響を受けたが、日本語が中国語になったのではなかったのである。

現在英語は世界語と言えるけれども「商業」と貿易のために英語を国語化して良いものであろうか？

西洋文明はギリシャ、ローマ以外、イギリスやアメリカなどは日本よりも新しい国家ではないのか？アメリカは建国後200年経ったばかりだから、アジアの文明に比べれば未開民族であろう。アジアの文明は精神的な文明である。アメリカの文明は物質の文明ばかりを人間に与えるから、精神不安、精神混乱が問題になった。

以上、私は外国人からみて森有礼に不賛成の意見を述べたが、私自身、日本語について意見を述べたい。

日本語は外国語の中で一番か二番目に難しい言語と言えられ、なんとか、簡単にして外国人にわかりやすいようにするのが日本人の責任である。その為、日本語を変化改革しなければならぬのである。

もし日本語を全部ローマ字に書いて直したらどうなるのであろう。ローマ字は明治時代に盛んとなった。

「明治19年チェンバレンの『ローマ字日本語読本』（A Romanized Japanese Reader）が出版された。同年第3版を出したヘボン辞書はローマ字会式を採用したが、これがほぼ現在のヘボン式となっている。それまでのヘボン辞書は仮名遣い主義であったが、ローマ字会の発音主義となった。たとえば shiyatsu (シャツ) hiyaku (百) → (shatsu, hyaku)。ローマ字会は会員数2万にも達した時もあったが、明治25年に解散した。『Rōmaji zasshi』（19年2月10日号）を見ると「英國公使ブランケット氏の演説（チェンバレン氏訳述）」が出ていますので、その一節を紹介する。

Shikashi, shokun yo! kono kai no moukuteki wa, nan de arimashō?
Kōno kai no moukuteki wa, gakujuitsu mizou no dai-henkaku de arimas-

-57-

uru. Kore made arikitari no Shina-moji wo haishi, kore ni kaeru ni no nijuu-yo-ji wo motte suru toki ni oitewa, fRoomaji utatsu no ooi naru rieki uru koto ga arimasu. Hitotsu ni wa, Seiyoo kakkoku to k- oosai wo hiroku shi; futatsu ni wa, Shina-moji ni jikan wo tsuiyasu tema wo habuki; motte konnichi no bummei - sekai ni hitsuyoo naru jitsugakuju ni sono tema wo mochiita naraba, sunawachi 37,000,000 nin no saiwai to iu mono de arimashoo.

（しかし諸君よ、この会の目的は何であります。この会の目的は学術上未曾有の大変革であります。これまでありきたりの支那文字を廃し、これに代えるローマ字の24字をもってするときにおいては、二つの大なる利益を得ることがあります。一つには西洋各国と交際を広くし、二つには支那文字に時間を費やす手間を省き、もって今日の文明世界に必要な実学上にその手間を用いたならば、すなわち37,000,000人の幸いというものであります。『日本語の教育史』203-205頁）。

上の文章をみると、やはりローマ字になってはまだ日本語である。ここでは英語国語化の必要がない。ただ日本語はローマ字ばかりを使うと同じ発音で意味のちがう言葉が沢山あるので、これは問題である。しかし、日本人の名前でも日本人に読めないものが沢山あるので、ローマ字になった方が良いのではないかと思う。外国人は始めて日本語を習う時、ほとんどローマ字で教えられるのである。外国人は日本語が全部ローマ字であればと思う人が多い。私の意見も日本語をローマ字に直した方が良いとする者である。そうすれば外国人も日本語の理解をしやすし、日本語も国際的になりやすいと思う。このままでは日本語というものは日本人にしかわからないのである。日本人は東西南北の文明に影響を与えるのに、伝達するところがなければそれは不幸だと思う。伝達するためには言葉が一番大切であるから、何とかして日本語をおおきくと話しくい。例えば私も留学生は日本に来て日本語を勉強し、日本人から日本語を習っても日本人のように日本語をよくしゃべれない。日本に5年いても10年いても決して日本語が上手になれない。私たちはなまけものではない。ただ日本語が難しいのである。ひらがなもあるし、かたかなもある。漢字もある。ローマ字もあるのだから相互理解がしにくい。例えば馬場辰猪の英語採用反対論を見ると、彼は明治3年9月にロンドンへ行き、明治6年にその反対論を全部英語で書いた。在英3年であったがこのように英語で書かれた理由は何であらうか？彼は天才とは言えるかも知れないが、やはり英語が日本語よりも勉強しやすかったからであらう。これは『日本語文法』……… An Elementary Grammar of the Japanese Language with Easy Progressive Exercises (1873)……

-58-

We have two objects in publishing this book. The first, to give a general idea of the Japanese language as it is spoken, and thesecond, the protest against a prevalent opinion entertained by many of our countrymen, as well as foreigners who take some interest in our country, and to show the reasons why we do so. It is affirmed that our language is so imperfect we cannot establish a regular and systematical course of education by means of it; and that the best way is to exterminate the Japanese language altogether, and to substitute the English language for it. Those who maintain this opinion ought to have examined the language and proved its imperfection as a medium of intellectual thought and expression, but so far as we are aware they have not done so. 『日本英語の教育史』 195-200頁。

結局、森有礼の英語国語化について、外国人の私から、日本の明治時代の事情を見た上での問題についての意見は以上である。多少その意見に対し、反論があるかとも思うが、これは事実だと思われる。

今まで「明治時代にける日本の英語教育」を述べて来たが、私にとって何か深い意味があると思う。ここで、結語の代わりに私の目を見た日本の英語教育（明治時代）について述べたい。

私自身外国人であるが、ヨーロッパ人ではなかったため、西洋の英語の使い方、日常の英語の話し方などの経験がなかった。私はアジア的に私の国と同じく英語を外国語とする日本の現場の教育的制度を検討していきたいと思う。

明治初期から末期にかけての45年間に英学が成長したのを見て分かる様に、日本に於いては明治時代の急激に英学がもっとも興味深かったと言えるだろう。また、明治初期から末期にかけて英語学だけでなく、ヨーロッパの文化、技術なども深く影響したと思われる。

明治初期には日本国内は人材不足のため、外国人教授、技術者、機械などを導入、勧誘したりした。あるいはヨーロッパに留学させた森有礼、津田梅子、馬場、坪内などがいた。こういう人々は自分達のためだけでなく、日本の未来のために勉学した。今日、日本国がこういうふうな立派になったのは彼らの働きと言えよう。

長い間、日本の文化は中国の影響を受けていたが、明治になってヨーロッパの文化、技術と東方の文化とが調和した点に日本の世界的な一つの視点が見える。

私は、外国語を勉強すれば、その国の民族文化、感情、礼儀、教育、社会、宗教などを

- 59 -

理解する事ができると思う。もし、何も研修しなければ、昔の鎖国時代とかわらない。英語は世界語であり、人類の一つの共通性はこの代表的な言語からはじまると思われ。そうすれば、この地球上に於いて人類の未来ではどこに行っても、何を言ってもこまることなくなくなるであろう。その日はまだ遠いかも知れないが、以前から比べれば、今日の人類はだんだんそれに近くなって来たと思う。これは、やはり、言語の伝達の方便なのであると思う。

将来も、日本語が改善すれば、世界の共通性をもっとも広くなりやすいと思う。日本の場合も同じように、国の建設、国際親善のために、世界の国と交流してお互いに助け合うという人類は兄弟の様な活躍ができると思う。もちろん優點の中で欠点もあるが、代表的に検討するならば、日本という国は文学的にも技術的にも立派な国、すばらしい国だと思う。

これを以て、結語として、以上のことを述べた。(原文のまま)

執筆者紹介 (執筆 順)				
岡	恵	司	城西歯科大学	
高	崎	義	いわき短期大学 講師	
山	下	庫	司	いわき短期大学 教授
柳	沢	一	郎	いわき短期大学 教授
李	丙	泳	いわき短期大学 教授	
菊	池	一	雅	いわき短期大学 教授
レ	ク	オ	ン	ベトナム人留学生

編集委員 (◎印は編集委員代表)
青藤五蔵 山下庫司 李丙泳 ◎菊池一雅

— いわき論集 —

1978年4月20日 発行 (非売品)

発行者 いわき短期大学商経学会
会長 菊池 一雅
〒970 福島いわき市平塚田山
いわき短期大学 内
電 0246 (74) 9185 6
印刷 木野印刷

IWAKI RONSHU

Contents

Keiji SEKI	On the Formation of a Monopoly in the Handmade Japanese Paper Industry — A Study of Its Distribution —
Jyoji TAKASKI	The Meaning and Limit of the IMF and GATT Systems — A View on Difference between Prewar and Postwar Economic Policies —
Kuraji YAMASHITA	Matter and Void in "Hannyashingyo"
Ichiro YANAGISAWA	On Some Geological Features of the Iwaki District
Byong S. Lee	A Historical Nature of the Inheritance System — With Special Reference to the Present System in North and South Korea —
Francis RUELLAN	
Kazumasa KIKUCHI	La Production du Riz au Japon
L E Cuong	On Japan's English Education in the Meiji Era

1978

SHOKEI GAKKAI OF IWAKI JUNIOR COLLEGE

Im Folgenden sind die übrigen, ebenfalls von mir im Rahmen des Studiums der Pädagogik in Japan belegten Fächer und die Bewertungen meiner Leistungen aufgeführt:

Soziologische Psychologie:	gut
Soziologische Dialektik der Pädagogik:	befriedigend
Pädagogik der Arbeiterjugend:	befriedigend
Untersuchende ethische Pädagogik:	ausreichend
Psychologie des Besitzes:	befriedigend
Pädagogische Diskussion:	befriedigend
Pädagogische Diagnose:	befriedigend
Pädagogische Praxis:	gut
Japanisch I:	gut
Japanisch II:	gut
Japanisch III:	befriedigend
Bei den Prüfungen wurden für die erreichten Punktzahlen folgende Bewertungen vergeben:	
80 bis 100:	gut
70 bis 79:	befriedigend
60 bis 69:	ausreichend

Die Anforderungen an japanischen Universitäten waren sehr hoch. Wer in einer Prüfung weniger als 60 Punkte erreichte, musste sie wiederholen.

Als ausländischer Student der Universität Teikyo musste ich außerdem - wie aus der obigen Aufstellung zu ersehen ist - Japanisch belegen. Mein Japanisch-Lehrer an der Universität war ein Fachmann von einer Sprachschule. Er brachte zu jeder Unterrichtsstunde die Zeitung „Yomiuri“ mit und wählte daraus einen Kommentar zu einer Nachricht oder zu einem Thema aus Kultur, Politik oder Religion als jeweiliges Thema für die Klasse aus. Obwohl er so hohe

Anforderungen stellte, bin ich - wie oben erwähnt - zweimal mit „gut“ und einmal mit „befriedigend“ bewertet worden.

Nach Japanisch folgte in meinem Studium Englisch als von mir zu belegendes Fach, denn ich hatte Englisch als Schwerpunkt meines Pädagogikstudiums gewählt; und das Thema meiner Abschlussarbeit lautete: „Erziehung auf Englisch während der Meiji-Dynastie“. Die Kulturrevolution von Meiji wurde von mir 1976 untersucht, also erst mehr als 100 Jahre nach ihrem Beginn im Jahre 1868. Trotzdem hatten vor mir schon viele Menschen Interesse an diesem Thema gezeigt. Meine Leistungen in den von mir - neben den bereits erwähnten Sprachkursen - mit der englischen Sprache zusammenhängenden einzelnen Fächern waren wie folgt:

Entstehungsgeschichte der englischen Sprache:	ausreichend
Englische Phonetik:	ausreichend
Englische Geschichte I:	befriedigend
Englische Geschichte II:	befriedigend
Englische Vorlesepraxis I:	ausreichend
Englische Vorlesepraxis II:	ausreichend
Englische Konversation I:	gut
Englische Konversation II:	ausreichend
Praktische Erstellung englischsprachiger Texte:	gut
Westliche Literatur:	gut
Englische Gesetze:	ausreichend
Englische Pädagogikgesetze:	ausreichend

Von den insgesamt 62 Scheinen während des gesamten Studiums sind also 19 mit „gut“, 20 mit „befriedigend“ und 23 mit „ausreichend“ bewertet worden. Überträgt man meine Leistungen auf das deutsche Punktesystem, dann habe ich wegen meiner mit „sehr gut“ bewerteten Abschlussarbeit einen zwischen den Zensuren 1 und 2 liegenden abschließenden Notendurchschnitt erlangt. Ein solcher Abschluss eines ausländischen Studenten in Japan nach nur vierjähriger Studiendauer war nicht einfach zu erreichen.

Ich hatte zu Beginn meines M.A.-Studiums in Japan schon vier Jahre im Tempel verbracht, und mein Japanisch war entsprechend gut. Die Verbindung nach Vietnam war inzwischen abgebrochen. Nach 1975 dauerte die Beförderung eines Briefes von Vietnam nach Japan sechs Monate. Solch ein Brief kam meistens durch die Zensur zerknittert an und hatte in meinem Fall Mittelvietnam zunächst in Richtung Saigon verlassen und war dann nach Hanoi, weiter nach Peking, in die Sowjetunion und schließlich von dort aus nach Japan geschickt worden. Beim Empfang eines Briefes aus Vietnam durch mich war dieser nicht nur total zerknittert, sondern die Schrift auf dem Papier war auch verschmiert, und die Buchstaben waren außerdem oft bis zur Unleserlichkeit verwischt. Ich konnte mir ein kommunistisches Vietnam überhaupt nicht vorstellen. Doch während des Lesens eines solchen Briefes von dort kam in mir stets das Gefühl der Schwermut hoch.

Ich konnte nicht nach Vietnam zurück und wusste nicht, wohin sonst ich gehen sollte. Da ich damals in einem Nichiren-Tempel wohnte, stellte ich einen Antrag auf ein M.A.-Studium an der Fakultät für Buddhismus. Ich entschied mich für die Han-Sprache als Hauptsprache für das Studium, da meiner Erfahrung nach die meisten japanischen Studenten nur die sinojapanische Sprache gut beherrschten, nicht aber die alte, von mir gewählte Han-Sprache. Mit meiner Sprachauswahl wollte ich meine Chance auf ein M.A.-Studium erhöhen.

Thema der Aufnahmeprüfung der Fakultät war die Aufteilung der Lehre des Buddha in fünf Abschnitte durch Tri Gia von der Tien-Tai-Schule. Die Aufgabe bestand darin, die einzelnen Sätze auseinander zu halten, die Abschnitte voneinander zu trennen und den Text auf Japanisch zu kommentieren. Ich kannte mich mit dem Stoff sehr gut aus, während manche japanische Studenten Schwierigkeiten bei der Bearbeitung des Themas hatten. Für den zweiten Teil der Aufnahmeprüfung hatte ich Französisch als zweite Fremdsprache gewählt. Auch bei diesem Teil hatte ich nicht viele Probleme. Nach dem Ende der Prüfung konnte ich nur im Tempel abwarten. Da ich mir meines Erfolges ziemlich sicher war, machte ich mir auch keine großen Sorgen. Es war wie in der Zeit meines Abiturs; ich war mir immer sicher. Deshalb quälte ich mich auch nicht viel mit der Sorge um mein Prüfungsergebnis.

Nach zehn Tagen bekam ich die Nachricht von meiner Aufnahme an der Fakultät. Ich denke allerdings, dass Professor Oikawa meinen Fall bei den Prüfern angesprochen hatte; denn falls ich durchgefallen wäre, hätte er sich bestimmt Sorgen um mich gemacht, obwohl ich mich während meines Studiums wie auch in meiner Prüfung sehr bemüht hatte. Doch dies ist nur eine Vermutung, und ich habe mich auch nicht bei ihm danach erkundigt.

Damals musste ein Student 250.000 Yen (damals umgerechnet etwa 1000 US-Dollar) Aufnahmegebühr bezahlen. Obwohl es eine buddhistische Universität war, galt diese Regelung sowohl für Mönche als auch für Laien. Die Hälfte des zu zahlenden Geldes hatte ich mir von den Spenden für die Abhaltung von Zeremonien gespart. Die andere Hälfte war ein Geschenk des Abtes Oikawa. Somit brauchte ich mir auch keine Sorgen wegen der Gebühr zu machen.

Viele vietnamesische Ehrwürdige schlossen ihr Studium mit Titeln an der Universität Risso ab, z.B. der Hochehrwürdige Minh Tam, der Hochehrwürdige Chon Thanh, der Hochehrwürdige Tri Quang und der Hochehrwürdige Thanh Nghiem aus Taiwan. Letzterer ist ein

成績証明書		LE CUONG		8393			
学年	科目	単位	成績	学年	科目	単位	成績
1	倫理	4	可	東洋学	4	可	
	心理	4	可	西洋学	4	可	
	英語	4	可	英語教育	4	可	
	国文学	4	可	英語教育	4	可	
	外国史	4	可	外国史概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	教育心理学	4	可	教育心理学概論	4	可	
	教育学	4	可	教育学概論	4	可	
	教育心理学	4	可	教育心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
2	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	
	心理学	4	可	心理学概論	4	可	
	社会学	4	可	社会学概論	4	可	

Noch bevor ich mein Diplom-Studium abgeschlossen hatte, plante ich bereits ein M.A.-Studium. In Japan wurden die M.A.-Studenten nicht mehr als Lernende angesehen, sondern als sich in ihren Fächern weiterbildende Personen, die gleichzeitig in der Forschung tätig waren.

angesehener buddhistischer Wissenschaftler unter Taiwanesen und Chinesen. Ich traf ihn einpaar Male in Japan, und 1985 besuchte ich auch sein Zentrum in New York.

Während meines Studiums an der Universität Rissó fühlte ich aus unerklärlichem Grund in mir den Drang, ins Ausland zu gehen. Ich hatte Kontakt zu Herrn Van Cong Tram, einem Medizinstudent in Kiel, aufgenommen. Er sandte mir eine Einladung nach Deutschland sowie eine Aufnahmebestätigung für einen Deutschkurs der Volkshochschule Kiel zu. Die deutsche Botschaft reagierte prompt auf meinen Antrag für ein Visum. Freudig lief ich von der Botschaft in den Tempel und berichtete dem Abt und seiner Frau von meiner Absicht, ein Urlaubssemester in Deutschland zu verbringen. Außerdem beabsichtigte ich, mehr schriftliches Material über den vietnamesischen Buddhismus aus einer fremden Sprache für meine zukünftige M.A.-Abschlussarbeit und Doktorarbeit zu sammeln.

Ich kaufte also ein Hin- und Rückflugticket, das ein Jahr lang gültig war, bei der Lufthansa und hatte auch ein Visum zur Rückkehr nach Japan beantragt. Alles deutete also darauf hin, dass ich von meinem Deutschland-Aufenthalt nach Japan zurückkehren würde.

Ich landete am frühen Morgen des 22. April 1977 auf dem Flughafen Hamburg. Schon am Flughafen Haneda in Tokyo hatte ich ein Telegramm von Herrn Lam Dang Chau erhalten, in dem er angegeben hatte, dass er mich nicht am Flughafen abholen könne, da er verhindert sei. Ich vermutete, dass Tram Herrn Lam um meine Abholung gebeten hatte. Deshalb rief ich gleich, nachdem ich angekommen war, das Krankenhaus an, in dem Tram gerade seine Probezeit absolvierte. Es war an einem Freitag. Nach etwa einer Stunde holte Tram mich ab und brachte mich zu seiner deutschen Freundin. Das Haus, in dem sie wohnte, lag in einem schönen, sehr ruhigen Dorf, wie es dem Charakter der Deutschen entspricht. Zu der Familie gehören eine alte Dame, eine junge Frau (Trams Freundin) und ein Hund. Damals benutzte ich nur Englisch zur Verständigung, da ich Deutsch noch nicht beherrschte. Umgekehrt sprachen die beiden deutschen Frauen aber kein Englisch; deshalb musste Tram als Übersetzer fungieren. Seine Freundin hieß - wenn ich mich nach inzwischen 25 Jahren recht erinnere - Waltraud. Sie war sehr höflich, fröhlich und ein bisschen älter als Tram. Er war etwas kleiner als sie. Sie passten meiner Ansicht nach nicht so richtig zusammen. Ich dachte aber im Stillen: „Dies ist eine transkontinentale Liebe.“

Mein erstes Wochenende in Deutschland verbrachte ich bei diesen Leuten. Die Atmosphäre war sehr angenehm. Nachmittags um vier Uhr gab es Kuchen mit Tee oder Kaffee. Ich hielt dabei die Serviette in der Hand, ohne sie zu benutzen - aus Angst, sie könnte zerknittert werden. Ich dachte: „Wie verschwenderisch!“ Ich fragte, ob man sie nur einmal benutzen und dann wegwerfen würde. Tram antwortete lachend, dass sie doch nur aus Papier bestünde.

Ich hatte meine Bhiksu-Ordination 1971 erhalten, also vor meinem Auslandsstudium in Japan. Tram und ich waren bereits Freunde in der Grundschulzeit gewesen und anschließend bis etwa 1978 oder 1979 in Freundschaft miteinander verbunden geblieben. Doch in der Zeit danach änderte er sein Verhalten mir gegenüber und betrachtete mich von nun an als einen Mönch und sich selbst als einen Laien. In Japan hatte ich nie die Muße gehabt, den

Nachmittag mit Kuchen und Tee zu verbringen wie nun hier in Deutschland. Mein erstes Wochenende in Gelassenheit genoss ich aus vollem Herzen. Mich erstaunte hier der Hund in seiner Eigenschaft als Familienmitglied. Die Deutschen lieben Tiere sehr. Tiere dürfen hier zusammen mit Menschen leben und werden wie Babies behandelt. In Japan gibt es so etwas nicht. In Vietnam ist es noch schlimmer; die Menschen dort haben ja selbst nicht genug zu essen, wie sollten sie also ein Tier so halten?

Am Sonntag, dem 24. April 1977, brachte Waltraud Tram und mich am Nachmittag zu seinem Dienst im Krankenhaus, in dessen Nähe er eine Wohnung hatte. Hier war es noch ruhiger als bei Waltraud zu Hause. Jeden Morgen stand ich früh auf, um mit Tram zu frühstücken. Es gab Brötchen und Kaffee. Danach ging Tram zum Krankenhaus, und ich schrieb Briefe über meine Ankunft in Deutschland an meine Freunde, welche nun überall in der Welt verstreut waren. Wenn ich mich richtig erinnere, schrieb ich damals täglich durchschnittlich 10 bis 15 Briefe und Postkarten. Es waren insgesamt etwa 100 Briefe. Ich schickte sie mit viel Genugtuung ab. An jedem Mittag, wenn Tram zurück nach Hause kam, war das Essen schon fertig. Abends allerdings bereiteten Tram und ich die Mahlzeit gemeinsam vor. Solche Erinnerungen bleiben ewig im Gedächtnis - ungeachtet des Alters.

Abends gingen Tram und ich an einem See spazieren. Wir beobachteten die jungen und alten Paare, die sich sehr natürlich verhielten und verliebt miteinander umgingen. Solche Szenen hatte es in Japan nicht gegeben. In Asien allgemein zeigen die Menschen ihre Gefühle nicht so offen wie in den westlichen Ländern. Es geschieht dort sogar selten, dass jemand einer Frau die Hand gibt. Für einen Mönch wie mich waren daher solche Bilder, wie ich sie nun in Deutschland täglich sah, sehr befremdlich. In Trams Freizeit tauschten wir unsere Erfahrungen und Ansichten über die vietnamesischen Studenten in anderen Ländern wie den USA, Japan oder Deutschland aus. Manchmal sprachen wir auch über Politik.

(Fortsetzung folgt)

Impressum

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD
(gemeinnütziger Verein e.V)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630. Fax. (0511) 8790963
Homepage: <http://www.viengiac.net> .
E-Mail : viengiac@viengiac.net
E-Mail : baoviengiac@viengiac.de

Herausgeber :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.

Redaktion :

Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in
der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : 6 mal jährlich
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck
nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



Số

Táo

Quân

(kịch)

Muôn tâu Ngọc Hoàng
Từ trần thế Táo vừa về
đến
Thần vội vào bệ kiến
thiên nhan
Và tâu lên sự việc dưới
trần gian
Năm Ất Dậu để Ngọc
Hoàng phán xét

NH.

Ta chào Táo,
Theo thông lệ hàng năm
gần tới Tết
Giữ ngôi trời ta phải tổng
kết tình hình
Một năm qua trong tất cả
chúng sinh
Xem dưới thế ra sao để
mà điều chỉnh
Vậy cứ tâu ra để ta suy
tính !

TQ.

Táo xin vâng lệnh
Thần đây sẽ tâu
Trước nhất bắt đầu
Tình hình thế giới

Sau đó nói tới
Chuyện nước Việt Nam
Phần này chia làm
Trong và ngoài nước
Cuối cùng tường thuật
Sinh hoạt việc Chùa
Lời có vui đùa
Ngọc Hoàng thú lỗi

NH.

Đó không phải tội
Táo chớ vội lo
Nơi nào tự do
Có cười chế giễu
Cũng là tiêu biểu
Thời đại bây giờ
Khác hẳn khi xưa
Lúc còn phong kiến
Táo cứ tùy tiện
Nhưng hãy khéo lời
Văn minh loài người
Phải dùng ngôn ngữ
Giờ ta muốn hỏi
Biển Ấn Độ dương
Chuyện gì đau thương
Nhiều người khiếu nại ?

TQ.

Nhắc tới kinh hãi
Muốn nổi da gà
Dù một năm qua
Vẫn còn rợn tóc
Cú này quá độc
Chẳng kịp trở tay
May mà Táo đây
Không đi nghỉ mát
Lòng biển động đất
Vào cuối Giáp Thân
Nhiều đợt sóng thần
Nổi cơn cuồng nộ
Tấn công Ấn Độ
Tàn phá Nam Dương
Cảnh tượng kinh hoàng
Vô cùng khủng khiếp
Sóng vô Phú-kết
Sóng tới Tích Lan
Sóng còn bò sang
Phi Châu lục địa
Số chết phải kể
Đến mấy trăm ngàn
Chắc họ thác oan
Nên đầu đơn kiện
Dọc theo vùng biển
Đổ nát tan hoang
Thế giới bàng hoàng
Hè nhau giúp đỡ
Chắc vì muốn vợ
Mấy lão thủy tinh
Thấy gái phơi mình
Lòng không chịu nổi

Đi dăng lễ hội
Thì chẳng biết nơi
Lôi hết mọi người
Xuống luôn cho tiện
Thần có ý kiến
Đề nghị như vậy
Gọi hết về đây
Hỏi cho ra lẽ

NH.

Vụ này ta sẽ
Xét cho đến cùng
Xem dưới thủy cung
Tại sao như thế

TQ.

Muôn tâu Ngọc Đế
Cũng chuyện thiên tai
Xảy ra dài dài
Khắp Âu, Á, Mỹ
Nhà cửa tiêu hủy
Người chết quá nhiều
Quang cảnh tiêu điều
Trần gian ta thán
Lại thêm vấn nạn
Dịch cúm gia cầm
Còn đang âm thầm
Chờ ngày bộc phát
Khắp nơi cảnh giặc
Nhưng khó diệt trừ
Bớ lẽ con người
Chưa tìm được thuốc

NH.

Hãy coi chừng mấy loài
vi-rút
Thứ yêu tinh, chúng biến
hóa khó lường
Lạng quạng là nó đem
tới tai ương
Hàng chục triệu sẽ hết
đường ăn Tết

TQ.

Tâu qua cái chết
Của đức Giáo Hoàng
Người dân Ba Lan
Đau buồn vô kể
Năm Châu bốn bể
Đều tiếc thương Ngài
Khoảng một tỷ hai
Tín đồ Công Giáo
Mất người lãnh đạo
Tòa Thánh Rô-ma
Người được ngợi ca
Thương yêu nhân loại
Thế giới lo ngại
Cái trục qui ma
Thuộc loại ác tà
Hai tên còn lại

Bắc Hàn lái nhái
Hù dọa chế bom
I-rắc om sòm
Đòi làm nguyên tử
Đúng là quỷ dữ
Đe dọa loài người
Dám hỏi ngôi Trời
Vì sao lại đế?

NH.

Cũng bởi trần thế
Còn nhiều quốc gia
Do kẻ gian ma
Độc quyền cai trị
Người dân cứ bị
Chúng lái đi theo
Lạc hậu đói nghèo
Lại càng hung dữ!

TQ.

Táo xin tâu tới
Vùng Trung Cận Đông
Do Thái bằng lòng
Rút quân trả đất
Kể đến I-rắc
Khủng bố quậy hoài
Mỹ chết lại rai
Hơn hai ngàn mạng
Đám này cố gắng
Khuấy động tình hình
Để Mẽo thất kinh
Kiếm đường lui bước
Tâu qua các nước
Cộng đồng Âu Châu
Hiến Pháp ló đầu
Dân Tây bóp mũi
Nhiều người tiếc nuôi
Thở ngắn than dài
Công khó lâu ngày
Bỗng nhiên đem vút
Riêng về nước Đức
Vài đoạn như sau
Thấp nghiệp lên cao
"O-i-rô" kiếm khó
Vật giá đắt đỏ
Hạn chế sắm mua
Muốn cỡi ô-tô
Tiền xăng cũng ngại
Dầu cứ hăng hái
Tiếp tục leo thang
Chính phủ thiếu ngân
Dân gồng cổng thuế
Con thuyền kinh tế
Lung lổ nước vào
Chính phủ đổ nhào
Mạnh ai nấy lợi
Bầu lại Quốc hội
Ông xuống bà lên
Hy vọng Mét-kèn
Ra tay cứu vãn!

NH.

Nhân chuyện bầu bán
Ta có vài lời
Nói về ngôi trời
Khỏi ai thắc mắc
Kể từ trái đất
Chưa có loài người
Bầu lên ngôi trời
Diễn ra lần một
Táo thử bấi đốt
Tính lại mà xem
Trần thế trăm năm
Cõi trời vài bữa
Thêm nhiệm kỳ nữa
Chắc hết loài người
Bối vậy ngôi trời
Ta đây vẫn giữ
Thôi chuyện bầu cử
Hãy tạm gác qua
Giờ hãy cho ta
Rõ về nước Việt!

TQ.

Như Ngọc Hoàng biết
Đảng cộng từ lâu
Một đám ma đầu
Đặt ra điều bốn
Quyền lực thâu tóm
Ngân sách giấu dân
Vay mượn nợ nần
Chẳng ai được biết
Biên giới ký kết
Tự ý tự quyền
Hàng ngũ đảng viên
Nhiều người phần uất
Tệ trạng cướp đất
Dân chúng kêu ca
Đảng cứ ba hoa
Hứa lèo hứa cuội
Vờ họp Quốc hội
Sửa đổi nọ kia
Nhưng cứ bao che
Từ trên xuống dưới
Ai nói động tới
Chúng bắt bỏ tù
Trung ương giả mù
Tuồng như cầm đũa
Thần Táo chẳng biết
Họ lấy quyền gì
Mà sao lại ghi
Vào trong Hiến pháp
Công nhân giai cấp
Lãnh đạo nước nhà
Như vậy hóa ra
Cõi đầu trí thức!

NH.

Sang năm Bính Tuất
Chưa bỏ điều này

Quả thật như vậy
Một điều quá nhục!

TQ.

Nhiều nỗi bức xúc
Ngậm đắng nuốt cay
Như đầu năm nay
Tại vùng Thanh Hóa
Người dân đánh cá
Vùng biển lấu rày
Tàu cộng bao vây
Tấn công bắn giết
Lớp thi bị chết
Lớp bắt sang Tàu
Thật chẳng khác nào
Vào thời „Bắc thuộc“
Xét ra nhơ nhuốc
Cho đảng cầm quyền
Chỉ lo lợi riêng
Cam tâm cúi mặt
Cũng vì hiến đất
Nhượng biển cho Tàu
Trung Cộng mới vào
Bắt ngư dân Việt
Hà Nội tuy biết
Chẳng có nửa lời
Đảng sợ hờ môi
E rằng rằng lạnh
Chắc Nông Đức Mạnh
Học mừng trước đây
Diễn trò đu dây
Mỹ, Trung qua lại.
Bắc Kinh cũng khoái
Vì thích kiểu này
Bồi họ bậc thầy
Để gì qua mặt
Nhiều người thắc mắc
Đảng cứ chủ trương
Tiếp tục con đường
Xuống Hàng Chó Ngựa!

NH.

Chủ nghĩa xã hội
Là cái quái gì
Mà đám vi-xi
Bày điều đặt chuyện
Người có chứng kiến ?
Khối cộng Đông Âu
Vứt bỏ từ lâu
Chẳng ai thêm lượm
Loại này ghê tởm
Đụng đến chết người
Ngay như cõi trời
Thần tiên còn né
Vậy mà trần thế
Bao kẻ vẫn mơ
Ta thật không ngờ
Nhiều người quá tệ!

TQ.

Thật ra chỉ để
Lừa phỉnh mà thôi
Và tiếp tục ngồi
Độc quyền hưởng thụ
Họ cứ ru ngủ
Mê hoặc nhiều người
Nên nhiều con mồi
Tự đem thân nạp
Được chúng phủ phép
Thì lên rất nhanh
Nhưng đã lưu manh
Tất nhiên gian xảo
Bản chất lừa đảo
Bắt nạt người dân
Nếu không cho ăn
Tức thì dờ què
Bày mưu lập kế
Rồi bắt bỏ tù
Tài sản tịch thu
Kiểu chơi anh chị
Gần đây chúng bị
Kiện cáo lung tung
Quốc tế phải dùng
Ngọn roi công lý
Cho dù ma quỷ
Cũng phải hiện hình
Vụ Trịnh Vĩnh Bình
Đòi thường trăm triệu
Còn rất nhiều kiểu
Xây đến nay mai
Đây thuộc chuyện dài
Thiên đường xã nghĩa
Bài học thấm thía
Cho những kẻ nào
Ham đồ lao vào
Để cho chúng giết!

NH.

Ta nghĩ họ điếc
Súng bắn không nghe
Khi thấy tê tê
Mới hay lãnh đạn!

TQ.

Còn về tệ nạn
Xin tấu sơ qua
Con gái đi ra
Nước ngoài làm vợ
Trở thành ở đợ
Nô lệ dục tình
Do đám yêu tinh
Bày mưu sắp đặt!

NH.

Thiên đình thắc mắc
Không hiểu vì sao
Cứ mê chổng Tàu
Mà chê trai Việt?

TQ.

Theo như thần biết
Đa số quá nghèo
Nên để nghe theo
Những lời dụ dỗ
Cũng như con số
Lao động nước ngoài
Nhật, Mã, Hàn, Đài
Làm nhiều hưởng ít
Hà Nội khuyến khích
Nhằm để thu tiền
Nên đám dân đen
Biến thành nô lệ
Nghiện ngập phải kể
Con số trăm ngàn
Đi điểm lan tràn
Thị thành thôn xóm
Nạn hàng hóa dỏm
Thiên hạ điên đầu
Đa số từ Tàu
Luồn qua các ngả
Cho nên văn hóa
Ảnh hưởng rất nhiều
Tâu thêm mấy điều
Về phần tôn giáo
Văn Khái tới Mễ
Hứa hẹn nọ kia
Việt Nam vừa về
Thẳng tay đàn áp
Nhà nguyện phá nát
Nhóm họp phải từ
Ép buộc mọi người
Ký tên bỏ đạo
Phật Giáo Hòa Hảo
Chúng làm dữ hơn
Nhiều người cùng đường
Tự thiêu phản đối
Đảng ngoài vờ nói
Trong lại âm mưu
Do đám chớp bu
Cứ ngấm ra lệnh
Ai nói động đến
Tham những lộng quyền
Trung ương ủy viên
Thẳng tay trừng trị
Thế mà vẫn thấy
Nhiều kẻ say mê
Vẫn đem tiền về
Để cho họ hưởng
Táo thấy quá chướng
Cho sự việc này
Nên chép lại đây
Để chờ Ngọc lệnh!

NH.

Chính vì chúng bệnh
Mù quáng tôn sùng
Để rồi cuối cùng
Trở thành nô lệ
Chính thể chuyên chế
Độc đảng độc quyền

Chẳng phải ngẫu nhiên
Mà hình thành được
Nếu ngăn ngừa trước
Đâu đến nỗi này
Khổ hận lâu rày
Phải nên học hỏi!

TQ.
Về phần hải ngoại
Xây chuyện sau đây
Số là vào ngày
Ba mươi tháng bốn
Tại Hoa Thịnh Đốn
Người Việt tập trung
Cờ xí tung bồng
Xuống đường tưởng
niệm
Lần này nhiều điểm
Khác những năm qua
Bối thấy nước nhà
Vẫn chưa sáng sủa
Vì đám lãnh chúa
Quyền lực giữ nguyên
Vấn đề nhân quyền
Ngày càng thêm tệ
Vận động quốc tế
Áp lực tăng thêm
Chấm dứt kẹp kềm
Tự do tín ngưỡng
Tiếng nói hưởng ứng
Lan rộng khắp nơi
Đây thật những người
Có lòng đất nước
Mặc dù họ được
Sung sướng từ lâu
Nhưng có nỗi đau
Ngồi nhìn dân khổ
Nguyên nhân chế độ
Quá sức độc tài
Dù ở nước ngoài
Nhiều người vẫn chống
Thế nhưng đảng cộng
Vẫn cứ tuyên truyền
Thêm nhiều xỏ xiên
Thật là trái nghịch
Mang tiền du lịch
Nói yêu quê hương
Biểu tình xuống đường
Cho rằng phản động!

NH.
Ta xét đảng cộng
Khuyến khích tuyên
dương
Chỉ là lớp đường
Bọc ngoài viên thuốc
Thử hỏi các nước
Tư bản nhảy vào
Mỹ, Pháp, Nhật, Tàu
Kẻ nào yêu nước?

Chẳng qua mưu chước
Cốt để moi tiền
Do đó lợi quyền
Họ đâu muốn nhà!

TQ.
Một trò hèn hạ
Của Trần Đức Lương
Xúi giục Nam Dương
Phá bia tưởng niệm
Thật là nham hiểm
Cho đảng cầm quyền
Chúng cứ tuyên truyền
Hận thù xóa bỏ
Nhưng làm chuyện đó
Như lửa thêm dầu
Người Việt năm châu
Ấm ấm tổ cáo
Chúng ra lệnh báo
Vốn đám tay sai
Viết chữ nhiều bài
Thật là hết nói!

NH.
Đó là bừa bối
Chế độ độc tài
Xúi dân chống ngoại
Khi trong bất ổn
Thuật này đảng cộng
Xử dụng từ lâu
Có gì lạ đâu
Xưa như trái đất!

TQ.
Người Việt tại Đức
Cũng chẳng kém ai
Nào tham gia ngày
Diễn Hành Văn Hóa
Cộng đồng cũng đã
Vận động dài dài
Xây dựng tượng đài
Thuyền nhân tại Đức
Giờ Táo tưởng thuật
Công việc nhà chùa
Đất Viên Giác mua
Xem như tạm ổn
Số tiền dâng cúng
Chỉ mới có ba
Phật tử gần xa
Cho chùa mượn bả
Tiền tuy không lãi
Chùa cũng rất lo
Công trình thấy to
Nhưng tiền giới hạn!

NH.
Ta thấy phương án
Cần phải thực hành
Khi gặp duyên lành
Mọi điều tốt đẹp!

TQ.
Táo thần tâu tiếp
Phật Đản, Vu Lan
Người đến ngày càng
Đông không kể xiết
Mỗi năm vào Tết
Phật tử đón Xuân
Nhộn nhịp tung bồng
Dâng hương hái lộc
Thêm mấy khóa học
Giáo lý định kỳ
Học hạnh Từ Bi
Học võ lượng kiếp!
Thần xin nói tiếp
Tối vụ Khánh Anh
Cũng còn mới toanh
Vi đang phản đối
Chùa chưa thay đổi
Nên cứ Ba-nhở
Từ trước đến giờ
Vẫn thường sinh hoạt
Nay bỗng kinh ngạc
Thành phố đưa thư
Nào cấm đồng người
Nào „nô" nấu nướng
Chắc bà thị trưởng
Có ý gì đây?
Lẽ nào xứ Tây
Lại như cộng sản
Thật là quái đản
Khó hiểu quá chừng
Khi gió chẳng ngừng
Làm sao cây lặng
Sân si oán hận
Hiện diện khắp nơi
Táo thấy loài người
Ngày càng hung dữ
Mặc dù tiến tới
Trình độ văn minh
Mà trên hành tinh
Quá nhiều tội ác!

NH.
Ngày xưa thì khác
Quả đất vắng người
Nên sự hận thù
Xảy ra cũng ít
Nay người đông nghet
Sanh chuyện lời thôi
Bản giết tươi bời
Tợ như cơm bữa!

TQ.
Thần Táo dâng sớ
Bệ ngọc xét xem
Thần mong sang năm
Thiên đình giải quyết
Vấn đề thời tiết
Táo cũng xin thưa

Khi quá nhiều mưa
Lúc thì thừa nắng
Do đó họ ráng
Chinh phục thiên nhiên
Đụng tới thần tiên
Là điều khó tránh!

NH.
Đó là sự kiện
Phải chấp nhận thôi
Quy luật đất trời
Có sanh có diệt
Ta thấy hiểu biết
Năng trí con người
Nhiều khi cõi trời
Cũng còn thua hẳn
Một điều chắc chắn
Tất phải xảy ra
Khi cõi Ta Bà
Lên ngôi thống trị
Chiếm luôn vị trí
Chúa tể muôn loài
Lúc ấy ngôi trời
Ta đây nhường lại!

TQ.
Táo thần vẫn nghĩ
Vạn vật muôn loài
Đều do đất trời
Tạo ra tất cả
Con người giỏi quá
Đoạt chức hóa công
Quan niệm phương Đông
Ấy là phản phúc!

NH. (Cười.. ha... hả...!!!)
Câu: „Nhà có phước
Con phải hơn Cha"
Điều đó xét ra
Có gì là quấy!

TQ.
Đến đây Táo thấy
Sớ đã mấy trang
Xin phép Ngọc Hoàng
Cho thần chấm dứt
Hẹn cuối Bính Tuất
Trở lại thiên đình
Báo cáo tình hình
Về năm con Chó
Táo chúc tuổi thọ
Ngọc Đế tặng thêm
Năm mới trước thềm
Mọi điều như ý
Ngọc Hoàng vạn tuế!

● TRẦN THẾ THI
(Tây Đức, Tháng Chạp 2005)



TRANG HOA PHƯỢNG

Chuyện hai con chó



● Hồng Nhiên

Sáng hôm nay, ngày cuối năm, bà Hai thức dậy sớm hơn mọi hôm. Công việc mà bà đã tính trước từ mấy ngày qua. Từ việc lau nhà, lau cửa sổ, lau dọn bàn thờ, đến nhà bếp nhà

tắm v.v..., cũng mất gần ba tiếng đồng hồ. Sau đó bà đi siêu thị mua trái cây, bông hoa để trưng bày trên bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà, chuẩn bị tối cúng Giao Thừa và mua thêm đồ ăn dự trữ.

Công việc thì không bao nhiêu so với người trẻ tuổi, nhưng với tuổi già như ông bà thì cũng phải mất hơn nửa ngày mới xong.

Bà Hai còn dự tính sẽ nấu món nào cho ngày mai, vì theo thông lệ cứ mỗi năm vào đầu năm, Tết dương lịch, không nhắc nhở các con cháu của bà cũng kéo nhau về đây sum họp. Trước là chúng mừng sinh nhật của ông Hai. Sau là dịp để toàn gia đình anh, chị, em của chúng gặp gỡ nhau chung vui Tết và có cơ hội hàn huyên, chuyện trò.

Đầu óc bà đang nghĩ vẩn vơ thì tiếng chuông ngoài cửa chánh reo và nghe tiếng trẻ con nói ồn ào ngoài cửa. Bà vội lau tay đang ướt và bước tới mở cửa. Bà chưng hửng thấy ba thằng cháu ngoại tới nhà.

Cháu Khoa (lớn nhất):

- Thưa bà ngoại.

Cháu Minh (giữa):

- Thưa bà ngoại.

Cháu Phúc (nhỏ nhất):

- Thưa bà ngoại mạnh khỏe.

Bà Hai thắc mắc, chẳng biết tại sao mà các thằng cháu của bà lại đến đây vào giờ này?

Bé Khoa nhìn bà nói:

- Ngoại ơi, mẹ dẫn tụi cháu đi mua đồ ăn, mẹ bảo tụi cháu ghé vào đây ở chơi với ông bà ngoại, mẹ mua đồ xong, mẹ về nhà trước. Còn tụi cháu thì tối nay ông bà ngoại sẽ đưa về nhà để đốt pháo đón giao thừa.

Bà Hai gật đầu vừa cười vừa nói:

- Mẹ tụi bây *trấn* tụi bây vào đây cho rảnh tay đi chợ chứ gì? Thôi tất cả vào đây chơi với ông ngoại, bà ngoại cũng đã làm xong công việc rồi.

Bé Phúc là đứa nhỏ nhất nhưng cũng lanh lợi nhất trong ba đứa nói:

- Ngoại ơi, lát nữa ngoại kể chuyện đời xưa cho tụi cháu nghe nhen ngoại.

Bé Minh, không lanh lợi bằng thằng em nó, nhưng lại xen vào than đói bụng:

- Ngoại ơi, có gì ăn không? Minh đói bụng quá!

Bà Hai lấy trong tủ lạnh ra một đĩa trái hồng màu thật tươi và nói:

- Ngoại mua nhiều trái hồng lắm, vì mùa này người ta bán nhiều hồng ngon và ngọt. Mấy trái nhỏ này để ngoại gọt cho các cháu ăn, còn mấy trái lớn kia ngoại để dành tối cúng giao thừa.

Bé Khoa hỏi:

- Giao thừa là gì hở ngoại? Tại sao mình phải cúng?

Bà Hai cười giải thích:

- Giao thừa là sự tiếp nối giữa năm cũ và năm mới, vào lúc 12 giờ đêm ngày 30 tháng 12 mỗi năm, còn cúng là để nhớ và biết ơn Tổ Tiên, Ông Bà mình đã mất.

- Khoa nhớ ngoại nói năm nay là năm con gà, còn năm kế tiếp là năm con gì hở ngoại?

- Năm nay là năm Ất Dậu con Gà, còn năm tới là năm Bính Tuất, con Chó đấy cháu!

Nói tới con chó, ba đứa cháu tranh luận với nhau, đứa thì nói con chó mình biết có lông màu đen, đứa thì cãi con chó có lông màu vàng, màu trắng, đứa thì nói con chó chỉ có lông màu trắng thôi.

Bà Hai nghe các cháu cãi nhau, bà cười, nói:

- Nè các cháu, con vật nào cũng có nhiều giống và lông màu sắc khác nhau. Thí dụ con chó người hàng xóm của ngoại thỉnh thoảng các cháu thấy đó, có bộ lông màu đen, nhưng người ta không gọi con chó đen mà họ gọi là con chó Mực. Con chó nhà bên cạnh nhà ba mẹ của các cháu có bộ lông màu trắng pha lẫn với màu vàng, người ta gọi là con chó Vện. Còn con chó có lông màu trắng người ta gọi là con chó Cò. Bởi giống con cò có bộ lông màu trắng.

Tội cho các cháu của bà, không biết có hiểu gì không mà chúng cũng gật gật cái đầu.

Bé Phúc không quên cái mực kể chuyện đời xưa, nó nhắc bà:

- Ngoại ơi, kể chuyện đời xưa cho cháu nghe đi ngoại.

- Ủ! Sắp sửa bước sang năm con Chó, ngoại sẽ kể cho các cháu nghe câu chuyện. Con chó Vện (chó nhà) và con chó Mực (chó rừng). Bà kể:

"Một hôm, con chó Vện thừa lúc chủ đi vắng nó chạy ra đường chơi một lúc. Sau thấy có người đi tới Vện ta cấm đầu chạy một mạch, lạc vào rừng cây lúc nào không biết. Con Vện đang quanh quẩn tìm đường ra, thỉnh linh gặp con chó Mực thật lớn. Con Vện sợ quá định chạy đi chỗ khác, nhưng con chó Mực vội nói:

- Nè, chú Vện ơi! Chú đi đâu đó?

Vện vẫn còn sợ, nhưng cũng trả lời:

- Tôi đi lạc, nên tìm đường về nhà. Nếu tôi về quá muộn chắc bị chủ tôi đánh đòn. Anh có giúp tôi được gì không?

Mực cười:

- Bộ anh sợ chủ nhà lắm sao? Anh hãy nhìn tôi đây nè. Tôi sống nhơn nhơ thoải mái, không sợ ai hết.

Vện thật thà hỏi:

- Nhà anh ở đâu? Chủ nhà anh ở đâu?

Mực cười đắc chí:

- Anh hỏi nhà tôi đâu à? Nhà tôi là cái rừng này, là hàng cây cổ thụ rợp bóng kia, tôi muốn ngủ ở đâu mà chẳng được. Muốn ăn món gì mà chẳng có. Nè, anh theo tôi.

Vện đang đói, chân đang mỏi, nghe chú Mực bảo đi theo nên cũng ráng bước theo.

Mực khoe với Vện:

- Tôi đang "nhấm" một con thỏ rừng. Anh có từng ăn thịt thỏ chưa? Nhấm thử một miếng cho biết.

Vện đang đói nên cũng chẳng khách sáo gì, cầm cúi ăn ngon lành.

Chờ cho Vện ăn no nê, Mục lại nói:

- Anh khát nước chưa? - Theo tôi!

Gần đó là dòng nước suối trong veo, tha hồ mà uống, tắm rửa...

Nửa đêm hôm đó, nhờ Mục thương hại nên ráng tìm đường đưa Vện về nhà.

Sáng hôm sau, chủ nhà dậy sớm, tìm thấy Vện co ro nằm ở góc nhà. Chủ đánh cho một trận về tội bỏ nhà đi hoang, thương tích cùng mình.

Trong lúc này Vện thường hay nghĩ phạm mình với con Mục ở trong rừng, Mục sống rất tự do, ăn uống sung sướng, thoải mái. Còn ta luôn bị chủ hăm dọa, rầy la...

Nhưng rồi một hôm con Vện đang nằm ở ngoài hiên nhà ngủ trưa, không biết con Mục đến từ lúc nào, nó lấy chân khều Vện tỉnh dậy, Mục rung rung nước mắt than thở với Vện:

- Mấy hôm rày nơi tôi ở, mưa gió cả ngày, tôi tìm không ra một nơi khô ráo để nằm, tôi đói và không có một con vật nào chạy ra để mà bắt ăn. Trong lúc đang khổ sở như vậy thì tôi lại nghĩ đến anh. Trên đường đến đây, tôi bị người ta cầm cây rượt đuổi, chạy dờ sống dờ chết thì anh lại nằm trên nền gạch khô ráo để ngủ trưa. Thức ăn chủ cho anh ăn còn dư để trong cái tô sành đây. Quả anh sung sướng và có phúc hơn tôi...".

Bà kể đến đây thì hai đứa cháu kia đã ngủ, còn lại cháu Khoa đang theo dõi câu chuyện hai con chó của bà đang kể.

Bà nói với cháu Khoa rằng:

- Câu chuyện trên là của hai chú chó, nhưng ngụ ý khuyên người ta phạm việc gì cũng tương đối thôi, hề được cái này thì mất cái nọ, không có gì tuyệt đối cả. Chúng ta cũng đừng nên "đứng núi này, trông núi nọ" mà tự làm khổ cho chính bản thân mình.

Bên ngoài trời giá lạnh, tuyết phủ đầy đường, ông bà Hai gọi hai cháu kia dậy để đưa cả ba cháu về nhà cha mẹ chúng.

Đồng hồ treo tường điểm 12 tiếng, báo hiệu giờ Giao thừa đến. Dân bản xứ rộn ràng đốt pháo nổ rang, pháo bông đủ màu vụt bay lên làm không gian tỏa sáng. Họ vui mừng đón năm mới tới và tươi cười chúc nhau gặp những điều lành. Tưởng chừng như bài ca "**Ly rượu mừng**" của Phạm Đình Chương đâu đây vọng lại, nhắc cho ta nhớ đến trong đời, nơi quê hương nghìn trùng yêu dấu có những năm Tuất (chó) đã đi qua, nay tại xứ người năm Tuất cũng sắp đến!...

(Willich vào Đông 2005)

Ông Khổng Lồ Đúc Chuông

● Hương Ngọc Lan



Nghề đúc chuông bắt đầu ở Việt Nam vào khoảng năm 1220 đời nhà Lý. Lúc ấy Ngọc Hoàng ra lệnh cho ông Khổng Lồ xuống giúp dân Việt. Ban đầu ông Khổng Lồ vào chùa tu.

Một hôm ông tâu với vua nhà Lý rằng:

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho phép bản tăng qua bên Tàu lấy ngọc ngà châu báu.

Nhà vua bằng lòng. Ông Khổng Lồ bèn mang bị mang gậy đi qua nước Tàu, đến đâu ăn xin đến đó. Ngày nọ tới kinh đô, ông nài nỉ vào bái yết vua Tàu.

Vua Tàu hỏi:

- Hòa Thượng vào đây có việc chi?

Ông Khổng Lồ đáp:

- Tàu bệ hạ, bản tăng xin phép được vào kho tàng để thỉnh chút ít đồng đem về đúc chuông thờ Phật. Bản tăng không lấy nhiều, chỉ xin đầy bị nhỏ này.

Thấy cái bị của ông Khổng Lồ không lớn mấy, vua bằng lòng cho phép ông vào kho. Trước cửa kho, có tượng một con trâu to lớn đúc bằng vàng ròng. Quan Tàu giữ kho nói với ông Khổng Lồ, giọng mỉa mai:

- Tôi cho Hòa Thượng con trâu vàng này, nếu Hòa Thượng vác nó nổi đem về An Nam.

Biết rằng quan giữ kho khinh khi mình, ông Khổng Lồ đáp:

- Bản đạo làm sao vác nổi nó. Là người tu hành, bản đạo chỉ muốn thỉnh chút ít đồng đem về đúc chuông.

Vào đến kho đồng đen, ông Khổng Lồ hốt đồng bỏ vào bị, bỏ rất nhiều mà không đầy, vì bị của ông có phép. Chừng đầy bị thì kho của vua Tàu đã lung hơn phân nửa. Quan giữ kho hoảng sợ vì biết ông Khổng Lồ là kẻ dị thường, bèn cấp báo cho vua hay.

Lập tức, vua Tàu sai quân lính tới bao vây.

Vì số đồng mang nhiều quá, ông Khổng Lồ không thể nào hóa phép thành con chim để bay được, ông phải chạy rất nặng nhọc, vất vả. Quân Tàu đuổi theo gần kịp, nhờ họ cưỡi ngựa.

Nguy hiểm làm sao! Ông Khổng Lồ chạy tới sông Hồng Hà, lập tức ông lấy cái nón thả xuống nước, đứng trên nón, nón ấy hóa ra chiếc thuyền chở ông và bị đồng đen nọ đến bên kia sông.

Quân Tàu hoảng sợ không dám đuổi theo.

Thành Thăng Long thưở ấy gọi là Bắc Thành. Về tới đó, ông Khổng Lồ nhờ mấy người thợ rèn thật ổng bế rồi lấy đồng kia để đúc một cái chuông thật lớn, ông căn dặn: Đúc cái chuông này giống hình cái bông sen nở, khi đánh vào thì kêu rền khắp nơi, khắp chốn ai cũng nghe. Vì họ là thợ rèn không chuyên môn đúc đồng, nên cái chuông không được như ý muốn. Rốt cuộc ông Khổng Lồ dùng đất sét nắn kiểu khuôn trước, rồi đổ đồng vào sau. Nhờ vậy cái chuông hoàn thành.

Ông Khổng Lồ bèn sửa sang cuộc lễ để tạ ơn Trời Phật. Đúng ngày ông đánh chuông, mấy tiếng đầu vang rền ngân nga Đông, Tây, Nam, Bắc ai nấy đều hay biết... đến đổi con trâu bằng vàng đứng giữ kho bên Tàu cũng giật mình... ngỡ rằng trâu mẹ gọi mình, tượng trâu vàng chạy một mạch từ kinh đô nước Tàu qua kinh đô nước Việt Nam thời đấy.

Ông Khổng Lồ vừa mừng vừa sợ hãi. Mừng vì thấy của cải mà người Tàu vợ vét của dân Việt Nam bây giờ trở về Việt Nam. Sợ vì e vua Tàu cử đại binh qua xâm chiếm nước nhà phen nữa. Bởi vậy, ông liệng cái chuông nọ xuống Hồ Tây, con trâu vàng cũng nhảy xuống nước theo mẹ.

Đời sau, ông Khổng Lồ được tôn là Thần đúc chuông.

Bà KIÊM GIAO



Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất trong vịnh Xiêm La, hình dáng giống như con cá hóa long, đầu ở phía Bắc, đuôi ở phía Nam.

Tục truyền rằng ngày xưa có ông chúa người Cao Miên ra đó lập nghiệp. Ông này tên là Ông Vua Lối. Về sau mùa

màng thất bát, vua Lối bỏ đảo trở về đất Cao Miên.

Sau đó có một người phụ nữ Việt Nam tên là Kiêm Giao ra đó lập nghiệp. Bà chiêu mộ chừng 100 dân gồm người Việt và người Miên. Bước đầu là khai phá vùng cửa cạn, thấy đất phì nhiêu, bà cho người vào trong đất liền mùa đem ra 50 con trâu. Nhờ vậy mà mùa màng càng thêm thịnh vượng.

Năm đó bà Kiêm Giao được 70 tuổi, nhuốm bệnh nặng, bà gọi gia nhân lại mà nói:

- Khi ta chết, bao nhiêu ruộng đất này sẽ đem ra chia đồng đều cho các người, vì ta không có con kế tự. Ta chỉ ao ước điều này thôi, làm sao các người cũng phải thả bầy trâu này cho chúng nó được thành thoi. Nếu còn trói cùm nó, vong hồn ta ắt bị tội nặng dưới diêm đĩnh.

Sau khi bà nhắm mắt, bầy trâu nó được thả ra chạy tứ tán trong rừng. Vì vậy bây giờ ở Phú Quốc trâu rừng rất nhiều. Nơi chuồng trâu cũ của bà Kiêm Giao còn di tích một cây cột bằng trai, cột ấy cao chừng một thước rưỡi, cây trở nên cứng như đá.



(Sưu tầm để tặng Đoàn sinh GDPT Tâm Minh)

Những ngôi Chùa cổ trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam

● Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Trong số báo Viên Giác trước đã nói về Chùa Phật Tích hay Vạn Phúc Tự xây vào triều Lý Thánh Tông (1054-1079) năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 và Vạn Phúc còn là chỗ dưỡng tâm của vua Lý Thánh Tông nên trong chùa còn có chỗ để thờ Ngài.

Riêng Vạn Phúc còn có sự tích của nàng Giáng Tiên, nhân ngày hội Mẫu Đơn đến vân cảnh xem hoa, lỡ tay vịn gãy một cành bị chủ vườn giữ lại bắt đền. Nhân dịp Tết đến, Xuân về xin viết tiếp câu chuyện về nàng Giáng Tiên và chàng Từ Thức năm xưa.

"Từ Thức người ở Hóa Châu (Thanh Hóa). Trong thời Quang Thái, đời vua Thuận Tông nhà Trần, được làm chức Tri huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Chặng huyện có ngôi chùa to, trong vườn chùa có một cây Mẫu Đơn, mỗi khi mùa xuân hoa nở, khách thập phương dập dìu đến chùa xem hoa đông như hội.

Năm Bính Tý (1396) giữa tháng hai là ngày hội chánh, có một cô gái nhan sắc mỹ miều, tuổi độ 15, 16, phấn son

điểm nhạt, mặt mũi xinh tươi, đến xem hoa lỡ tay vịn gãy một cành, nàng bị bắt giữ lại. Từ Thức đi qua trông thấy đứng lại hỏi cố sự đầu đuôi, rồi tự cởi áo của mình đang mặc trao cho chủ vườn để chuộc cho cô gái ấy đi.

Từ bấy giờ ai cũng khen Từ Thức là một quan huyện nhân đức, nhưng vì tánh hay uống rượu ngâm thơ, bỏ động giấy tờ việc quan, nên bị quan trên quả trách. Từ Thức than rằng: Ta không thể nào vì đồng lương mà buộc mình vào đám danh lợi mãi được, thôi thì một mái chèo bơi đi tìm nơi non xanh nước biếc cho thỏa chí ta còn hơn, nên Từ Thức đã treo ấn từ quan rồi bỏ đi.

Từ Thức thích đến chơi ở những nơi có khe động, nên về huyện Tống Sơn làm nhà ở tại huyện ấy. Mỗi khi đi du ngoạn thì dẫn theo một thuyền nhỏ, mang theo một bầu rượu và một túi thơ. Hễ đến chỗ nào thích ý thì thầy trò ngồi lại chơi, uống rượu, gảy đàn và ngâm thơ.

Một hôm Từ Thức dậy sớm, trông ra cửa Thần Phù (theo Đại Nam Nhất Thống Chí thì cửa biển Thần Phù, tên cũ là Thần Đầu tức sông Thần Phù ở tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trước đây hơn 4 thế kỷ, nơi đây có núi Thần Phù chạy dài ra tới cửa biển cùng tên là Thần Phù, nhiều sóng gió bập bùng, thuyền bè qua lại rất nguy hiểm. Đến cuối đời nhà Lê bị cát bồi lấp thành chỗ dân cư. Ngày nay nếu ta có dịp đi ngang qua đây sẽ không còn thấy mênh mông sóng gió, mới thấy sức mạnh của tạo hóa đã tạo ra nhiều cuộc biển dâu và ta chỉ còn nghe văng vẳng câu ca dao quỵện vào trong gió: *Lênh đênh cửa biển Thần Phù, Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*. Cùng với câu chuyện cưới vợ tiên của chàng Từ Thức) cách vài mươi dặm, có khí mây năm về kết lại như hình hoa sen, Từ Thức sai bơi thuyền đến tận chỗ ấy thì thấy có núi rất đẹp. Đậu thuyền lại và trèo lên núi thì thấy khí núi xanh biếc, cao vời vợi. Nhân ngẫu hứng chàng đề một bài thơ để vịnh cảnh. Xong bài thơ Từ Thức nhìn xem phong cảnh một hồi bỗng thấy trong sườn núi đá có một cái hang, cửa hang tròn và rộng độ một trượng, thử vào hang xem ra làm sao, vừa đi được vài bước thì cửa hang đóng sập lại, trong hang tối mù mịt không biết đường nào mà đi. Từ Thức nghĩ chắc là chết ở đây nhưng cứ liều đi, mới quờ tay theo sườn đá đi tới, trước còn loanh quanh trong khe nhỏ, dần dần thấy có ánh sáng, trông lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm mới cố vịn đá leo lên thì đường đi đã nói rộng.

Khi lên đến đỉnh núi thì lại thấy mặt trời rực rỡ, trông ra bốn bề thấy lầu đài cung điện, cửa nhà trang hoàng, cây cối tươi tốt tựa hồ một cảnh chùa chiền.

Từ Thức lấy làm lạ lùng, ngấm nhìn phong cảnh, rồi thấy hai à con gái nhỏ mặc áo xanh bảo với nhau rằng: "*Chú rể mỗi nhà ta đã đến kia kia!*"

Nói thế, đoạn trở vào trong báo tin rồi trở ra bảo Từ Thức rằng: Phu nhân cho chúng tôi ra mời người vào chơi.

Từ Thức theo hai cô gái đi vào, qua một dãy tường gấm, vào cửa sơn son, thấy đôi bên cung cấm, vàng bạc sáng ngời, có đề chữ: **Quỳnh Hư Chi Điện, Giao Quanh Chi Các**.

Khi trèo lên gác thì thấy một bà tiên mặc áo trắng ngồi trên giường thất bảo. Chặng giường có đôi kỳ gổ đàn hương, bà tiên mời Từ Thức ngồi trên kỳ và bảo rằng:

- Người vốn hay chơi cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không?

Từ Thức thưa:

- Tôi tuy dong chơi giang hồ đã nhiều nhưng không biết ở đây lại có tiên cảnh, xin bảo cho tôi được rõ.

Bà tiên cười nói rằng:

- Người biết đâu được chỗ này. Đây tức là hang thứ 6 trong 36 động núi Phù Lai, núi ấy đi khắp mặt bể, chân không bén đến đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thôi. Ta tức là địa tiên núi Nam Nhạc, gọi là Ngụy phu nhân đây. Vì thấy người có cao nghĩa nên mới đón đến chơi.

Phu nhân bảo con hầu gọi một người con gái ra. Từ Thức trông ra thì là người con gái làm gãy cành hoa mẫu đơn ngày trước.



Bà tiên trở vào người con gái bảo với Từ Thức:

- Con em tên nó là Giáng Tiên khi trước xem hoa phải bị ách nạn, nhờ người cứu cho, ta vẫn còn ghi cái ơn ấy, nay muốn cho nó kết duyên với người để báo ơn.

Lập tức đêm hôm ấy, truyền sai đốt đèn mờ phụng, trải chiếu vảy rồng cho hai người làm lễ thành hôn.

Hôm sau các tiên đến ăn mừng. Bà tiên mở tiệc

trên gác Giao Quang. Các tiên ngồi riêng một bên tả, còn mẹ hữu thì để Từ Thức ngồi.

Trong khi ăn yến, đủ thứ sơn hào hải vị, chà phụng, nem công, thơm tho ngào ngạt, toàn những vị dưới trần không bao giờ có, lại có đàn sáo bát âm rất vui vẻ. Chiều tối tiệc tan, các tiên ở đâu về đấy.

Từ Thức ở lại được một năm thì có ý nhớ nhà, nhân một hôm chàng nói với Giáng Tiên rằng:

- Tôi vốn đi chơi xa xôi đã lâu, khó dè nén được bụi trần, lại tưởng nhớ đến quê cũ, xin cho tôi về thăm nhà ít hôm.

Giáng Tiên có ý ngần ngại không nỡ ly biệt.

Từ Thức lại nói rằng:

- Tôi về chơi ít lâu để bảo cho anh em ở dưới đó biết rồi trở lên lại đây.

Giáng Tiên khóc và nói:

- Thiếp không dám vì tình chồng vợ mà ngăn trở bụng quân tử, chỉ vì cội trần bé nhỏ, ngày tháng ít ỏi, nếu có về chẳng nữa chỉ sợ cây cối nhà cửa không còn như trước.

Nàng trình với Phu nhân, Phu nhân than rằng:

- Không ngờ gã ấy còn vương víu trong đám bụi trần, làm chi mà phải ngậm ngùi như thế?

Phu nhân mới cho một cỗ xe "cấm vân" sai ngồi lên xe ấy mà về. Giáng Tiên viết một phong thư buộc kỹ đưa cho, dặn về đến nhà hãy mở ra xem.

Từ Thức cáo biệt ngồi lên xe vừa chớp mắt là đã đến nhà. Về đến nơi thấy phong cảnh đã khác xưa, nhân dân, thành quách không còn giống như khi trước, chỉ có hai bên khe núi vẫn y nguyên.

Từ Thức đem họ tên mình hỏi thăm các cụ già trong làng thì có một cụ nói rằng:

- Tôi từ lúc nhỏ có nghe cụ Tổ ba đời nhà tôi cùng tên họ như thế sa vào hang núi đã hơn 60 năm rồi.

Từ Thức buồn rầu muốn ngồi lên xe để trở lại non tiên thì xe đã hóa làm chim loan bay đi mất rồi. Chàng mở bức thư ra xem có câu rằng: "Trong mây kết bạn loan-hoàng, duyên

xưa đã hết, trên bể tìm người tiên tử, hội khác khôn cầu". Mới biết là lời từ biệt.

Về sau Từ Thức mặc áo khinh cừ, đội nón nhỏ vào núi Hoàng Sơn ở huyện Nông Cổ (Thanh Hóa) không biết lên tiên hay là đi đâu mất, không ai còn thấy nữa".-



Chùa Cổ Pháp



giáo phát triển, còn Phật giáo thì đạt đến mức cực thịnh.

Lý Công Uẩn lên ngôi lấy hiệu là Lý Thái Tổ. Vua thứ I nhà Hậu Lý (1010-1028). Niên hiệu Thuận Thiên, người làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh, làm quan nhà Lê đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Long Đĩnh mất, bấy giờ lòng người oán ghét nhà Tiền Lê, mới mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua tức Lý Thái Tổ lập ra nhà Hậu Lý (1010). Thái Tổ sùng đạo Phật, xuất của kho cất chùa, đúc chuông v.v... mời các vị cao Tăng vào triều tham gia chính sự, tạo cho đất nước lúc bấy giờ thanh bình, thịnh trị.

Tháng 6 năm Mậu Ngọ (1018) nhà vua sai Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc sang Trung Hoa thỉnh kinh Tam tạng, đem về lưu vào tàng kinh cát Đại Hưng. Bấy giờ năm 1021, trị vì 10 năm, thọ 55 tuổi.

Chùa Cổ Pháp nay chỉ là phế tích. Song các vật như bia đá, chuông đồng là những chứng tích và tài liệu để xác định địa điểm chính xác của ngôi chùa này.

(Tham khảo và sưu tầm từ các sách danh lam, Cổ tự, Đình, Chùa, Lăng, Miếu nổi tiếng cùng Sử và sách Địa lý Việt Nam).

Đừng Chừa Tân Xuân



Tri ân

Vừa tròn 18 tuổi, tôi sang Đức, đi hợp tác lao động. Lúc ấy ở nhà hay nói câu: "Giàu đi Đức, trí thức đi Nga, ba hoa đi Tiệp". Đi Đức "có giá" lắm, bạn bè đứa nào cũng mừng cho tôi.

Chả hiểu ông bà phù hộ thế nào, chỉ trong vòng một tháng, tôi đã nhận giấy gọi đi tập trung ở Trại Gà - Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Kỳ niệm thì nhiều, nhưng điều mà tôi nhớ nhất là chuyện về bố tôi.

Bố tôi ít nói, đôi mắt thẳng thắn và nghiêm nghị. Với tôi, sau ánh mắt ấy là cả một trời yêu thương không cần diễn tả bằng lời. Bố tôi khi sinh thời là nhà giáo, nên dù có qua bao thăng trầm cũng không mất đi cái chất thanh nhả vốn có. Tôi nhớ, ông đã dạy anh em chúng tôi: "Chẳng phải ngẫu nhiên chúng ta có một đôi mắt để nhìn, một đôi tai để nghe nhưng chỉ có một cái miệng để nói". Ngày còn bé, miệng bao giờ cũng to hơn cả mắt lẫn tai. Bây giờ trưởng thành, tôi mới dần hiểu thâm ý của ông. Tuy vậy, "người trần mắt thịt", tôi vẫn lỡ lời như thường. Rồi sau đó, chỉ mong những người xung quanh tôi không chấp nhặt từng câu nói, tức là tôi gặp may rồi!

Trở lại chuyện bố tôi. Khi tôi chuẩn bị xuất ngoại, bố tôi không còn khỏe nữa. Sáu mươi tám tuổi ta, thêm bệnh thấp khớp hoành hành, ông không đưa tôi đi được. Khi tôi gần khóc, nghẹn giọng chào bố để ra đi, bố tôi chỉ dặn một câu: "Bố mong con thành người. Là phụ nữ con cần dịu dàng, thông minh và tốt". Cái từ "tốt" bố tôi nói chậm và rõ ràng đến nỗi tôi đã cho rằng, tất cả những từ bố tôi nói chỉ gói gọn trong đấy mà thôi. Suốt ba ngày nằm chờ ở Trại Gà, tôi nghĩ đến từng lời bố nói. Tôi tự hứa với lòng mình, lấy chữ "tốt" làm cẩm nang cho cuộc sống, hoàn thiện mình hơn.

Mười mấy năm sống ở nước ngoài, tôi vẫn không quên câu nói ấy. Mỗi tối, tôi chưa thấy mình làm được điều gì cho đúng nghĩa. Này nhé: Dịu dàng thì năm thì mười họa mới được thể hiện, bởi vì cứ dịu dàng là bị bắt nạt đến tận nơi. Cũng có một vài lần tôi cư xử tốt, nhưng liền sau đó bị vài... vố khiến tôi phải suy nghĩ về cái sự nhận thức tốt hay xấu ở mỗi người. Còn thông minh, theo tôi, là của trời cho, chứ tự mình không học được. Thiết nghĩ, kiến thức cuộc đời không phải là trí thông minh vốn có, chẳng lẽ bố tôi... nhầm?

Ai chứ bố tôi thì không nhầm lẫn một cách vô lý như vậy được. Là con gái, chắc ai cũng có lần nghĩ như vậy. Tôi may mắn có bố là thần tượng, nhưng không may cũng từ đấy mà ra. Thật đấy, bởi trên đời này làm gì có ai giống bố tôi một cách tuyệt đối như thế. Khi còn ít tuổi, hay còn gọi là "còn trẻ", tôi đã lông bông khắp chốn để tìm lấy một nhân vật lý tưởng cho mình. Dĩ nhiên tôi thất bại, thất bại đến thảm hại. Tôi lấy chồng, chồng tôi hoàn toàn khác bố tôi. Tôi nêu ra đây để tiện bề... phân tích. Bố tôi gầy, chồng tôi hơi đậm; bố tôi đen, chồng tôi trắng; bố tôi thâm trầm, chồng tôi hào hoa; bố tôi nói ít, chồng tôi hay cười; bố tôi dịu dàng, chồng tôi sôi nổi. Mỗi người mỗi vẻ, mà có điểm giống nhau đến khó tin: Chồng tôi yêu con gái của chúng tôi như bố tôi với tôi ngày xưa vậy. Thế mới biết, cha nào chẳng cưng chiều con gái, tôi có phải là trường hợp điển hình đâu!

Tôi có một người bạn lớn tuổi, tôi gọi là "bạn già". Anh bạn già của tôi hơi giống bố tôi, nghiêm nghị, hay ít ra anh đã tỏ ra như vậy. Dĩ nhiên anh đã có gia đình và hai đứa con ngoan. Nguyễn Ngọc Ngạn đã từng nói: "Mấy ông kha khá thì đã rụng hết rồi còn đâu!". Nhưng "rụng" đúng gốc của mình, đâu phải ai cũng dễ dàng làm được. Tôi phục anh lắm, bởi tôi nghĩ rằng, anh đã "rụng" đúng nơi, đúng chốn rồi.

Anh khiến tôi để ý vì anh giản dị như bố tôi. Thật thiếu tế nhị khi nói ra điều này nhưng công bằng mà nói, nếu không phải vì lý do ấy thì chắc tôi vẫn chưa thêm để ý đến anh. Chính những lời giản dị của anh làm tôi nghĩ đến bố tôi. Tôi kiểm điểm lại mình, bỗng chợt thấy mình bé nhỏ và dại dột quá. Rồi từ "tốt" của bố tôi ngày nào hiện diện trong tôi, tôi nhớ bố tôi da diết.

Vốn "tự nhiên như người Hà Nội", mỗi lần gặp anh tôi đều chân thành, dĩ nhiên tôi bày tỏ thiện cảm của mình. Tôi hài lòng với mối quan hệ tốt đẹp của anh với gia đình tôi. Chồng tôi mỗi lúc có dịp thích ngồi chuyện phiếm với anh về những vấn đề tôi cho là "trên trời dưới biển". Xét phận đàn bà, tôi chẳng "xía vô".

Khi đã thân nhau hơn, có lần anh nói đùa rằng, anh vẫn nhớ lần gặp tôi đầu tiên vì tôi là "người có ấn tượng" mà. Nghe vui vui, đã thế còn động chạm đến "dây thần kinh ưa nịnh" của phụ nữ, tôi khoái lắm. Qua cách xử thế, suy nghĩ chắc chắn, cùng những lời khuyên tôi cho rằng "có sức thuyết phục", anh cảm hóa tôi lúc nào chẳng biết. Dĩ nhiên, anh bảo được tôi thì chồng con tôi được nhờ. Tôi bớt lạnh chanh và dần tập cho mình thói quen suy nghĩ trước khi nói. Tuy vậy có lúc tôi vẫn tìm cơ hội phá bĩnh, giống như tôi vẫn tìm cách phá đám anh trai tôi khi có dịp vậy.

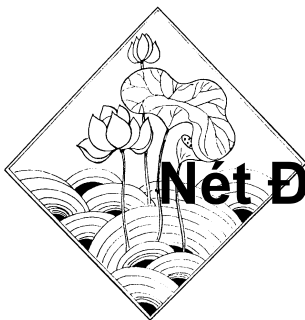
Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tôi vẫn lỡ lời với anh một đôi lần. Anh độ lượng, giữ lời, chẳng thêm giận tôi. Ừ, có thể tôi mới nể anh chứ. Và qua đó, tôi thấy lời ăn tiếng nói quan trọng thật. Mới biết cái câu "ta chỉ có một cái miệng để nói" của bố tôi ngày nào đáng ghi vào cẩm nang của đời tôi từ lâu mà tôi đã vô ý không nhận ra. Tuy muộn nhưng tôi đã nhận thức ra điều ấy, nhờ anh. Anh trở thành chỗ dựa tinh thần của tôi, mỗi khi có điều gì khúc mắc tôi đều muốn tìm đến anh. Thật may, tôi đã tìm được một người bạn hiểu và thông cảm với những suy nghĩ của tôi. Anh như bố tôi, độ lượng, thâm trầm. Anh như anh trai tôi, nâng tôi dậy khi tôi ngã đau và dịu dàng, thân thiết khi tôi buồn. Anh trở thành một phần của đời tôi, tôi hiểu được những gì tôi đang có là hạnh phúc.

Tôi muốn nói với anh lời cảm ơn chân thành, tôi luôn nghĩ đến anh với niềm cảm mến sâu sắc. Tôi biết anh hiểu tôi. Và tôi trân trọng tất cả những gì tôi đã có với anh.

Thật là một thiếu sót lớn nếu tôi không nói đến một chuyện ngoài lề. Tôi đã từng có một người bạn tốt, nhưng vì cái tính đành hanh chưa thuần của tôi ngày ấy, tôi đã làm mất đi một người bạn bằng lời nói thiếu suy nghĩ của mình. Tôi chẳng được nói lời xin lỗi, kể cả lời cảm ơn muốn dành cho bạn bây giờ không có người nghe. Nên tôi mong mọi rằng, những gì tôi đang dành cho anh hôm nay, xin anh hãy cảm nhận nó như lòng biết ơn của tôi.

Vài dòng tôi viết để trải lòng mình. Hy vọng rằng, mỗi chúng ta đều có may mắn gặp được người bạn tâm đầu ý hợp. Hạnh phúc nhất là ta hiểu được điều ấy.

● VÂN



Nét Đẹp Tình Quê

● Đan Hà

Thân tặng "nhóm Thanh Thiếu Niên Phật Tử Stuttgart & Reutlingen", chúc mừng hai Chú Đồng Tú và Đồng Ninh cùng gia đình nhân ngày thí phát xuất gia tại Niệm Phật Đường Tam Bảo ngày 04- 9- 2005.

*Buổi sáng trước vườn chùa nghe lá hát
Bản tình ca muôn điệu của thiên nhiên
Suối trong veo như hồn xanh bát ngát
Như chung hòa nguồn hạnh lạc vô biên*

Khung cảnh trước hay sau ngôi "Chùa Nhỏ" này thật yên bình và thanh thoát, vì có suối reo chim hót, có lá gió ru hoài bản tình ca muôn điệu của thiên nhiên. Khiến cho lòng người dù chìm trong phiền muộn, vì cuộc đời đang trôi nổi, hay lòng nhớ nhung về dĩ vãng xa xôi..., cũng thấy được lòng mình nhẹ nhàng đi, mát mẻ hơn như đang đi giữa đường nắng cháy, chợt gặp một tàn cây để núp bóng. Bóng mát của tàn cây và gió chiều của buổi trời nắng nực sẽ đem đến cho chúng ta sự dễ chịu. Thiên nhiên cũng có ảnh hưởng đến con người nhiều ít, không những về cơ thể sinh lý, mà còn có thể về cả địa hạt tâm linh. Cảnh u tịch của rừng núi cũng có thể cảm hóa những con người phóng đảng, hiếu chiến. Có lẽ vì thế mà ngày xưa các vị Thiền sư thường hay lên xây chùa trên núi, hay dựng cốc trong rừng để tu tĩnh. Cho nên sự trùng hợp phong cảnh của địa điểm ngôi chùa nhỏ này cũng là điều đáng ghi nhớ. Tuy khung cảnh không thâm u như những ngôi cổ tự trên quê hương chúng ta, nhưng cũng có rừng cây, có suối mát làm tăng vẻ thanh tịnh và thâm nghiêm. Chỉ đơn sơ vậy thôi, nhưng đã ghi lại nhiều thiện cảm của khách thập phương mỗi lần đến viếng.

Sự hiện diện của ngôi chùa nhỏ này cũng đang hòa chung nguồn vui với mọi người. Tại địa phương này mấy năm gần đây đã đem đến cho cộng đồng người Việt nhiều niềm an vui và hạnh lạc như thế. Vì đã có những sinh hoạt tâm linh mang màu sắc và nét đẹp của quê hương yêu dấu của chúng ta.

*Nhỏ chùa xưa cảnh yên bình thanh tịnh
Mờng một ngày rằm mẹ đến dâng hương
Con theo gót những lần nay còn nhỏ ...
Còn giữ hoài lòng yêu mến quê hương*

Cái cảnh chùa xưa ấy nó vẫn còn hoài trong tôi, như hình ảnh mẹ tôi thành tín và cần trọng trong mỗi lần chuẩn bị đi chùa. Có một chút gì thiêng liêng đã in sâu trong tâm mẹ. Nhất là những mùa Vu Lan Báo Hiếu, một cơ hội để cho con cháu tỏ lòng. Đã làm mẹ thì hình như vừa có bổn phận đối với song thân, vừa có trách nhiệm đối với con cháu. Tất cả phải cho tròn, cả hai vai mang nặng nên luôn luôn kiên nhẫn và vị tha.

Nên giờ đây, nơi chốn tha phương này có một ngôi chùa để che chở tâm linh thì là một nguồn hạnh phúc vô biên. Nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu, chúng con xin chân thành cảm niệm tất cả những ân đức đã duy trì và phát triển. Sự hưng

thịnh hôm nay cũng là những tiến trình của người xưa đã để lại. Mà Niệm Phật Đường Tam Bảo tại Reutlingen với Ni Sư Thích Nữ Như Viên trụ trì là một trong những sinh hoạt Phật giáo tại xứ Đức này.

Trong đó nổi bật nhất là việc giáo dục thanh thiếu niên. Lóp trẻ sinh trưởng tại đây, xem như quê hương của chúng. Một xã hội mà vật chất đã được thăng hoa đến tuyệt điểm, khoa học kỹ thuật được phát triển đến tột cùng. Nếp sống xa hoa đã bóp chết tất cả những tấm lòng bao dung độ lượng, để chạy theo một nhịp sống xô bồ mà hẹp hòi, ích kỷ. Do đó mà ảnh hưởng đến giới trẻ rất mạnh mẽ. Ra đường là gặp nhiều trò chơi hấp dẫn, dễ quyến rũ sự tò mò của tuổi thơ. Chỉ cần một phút yếu lòng là sẽ sa vào vòng đam mê. Sau này lớn lên sẽ lâm vào con đường danh lợi đến tối tăm mặt mày. Lòng tham con người thì không đáy, bao nhiêu chất vào cũng không đủ.

Thế nhưng, lóp trẻ tại đây đã tỉnh thức trước tất cả những cám dỗ xa hoa, để ung dung tiến bước trên con đường lý tưởng, hầu xây dựng cho cuộc đời được thành người tốt lành và cùng chung bước trên con đường tiến lên chân thiện mỹ.

Đặc biệt nhất là mấy năm gần đây, Thầy Thích Hạnh Tấn, Trụ trì chùa Viên Giác, thành lập một nhóm thanh thiếu niên và được Thầy Thích Hạnh Giả tiếp sức hướng dẫn để cùng nhau tu học. Chỉ khiêm nhường có vậy mà sau một thời gian không lâu đã đem đến một kết quả trông thấy. Tuổi trẻ như ngựa không dây cương, mà dừng lại theo ý muốn của mình thì đã là thành công rồi. Được biết nhóm thanh thiếu niên tại Stuttgart và Reutlingen, được thành lập cách đây ba bốn năm mà bây giờ đã trở thành những Phật tử thuần thành, hiền ngoan học giỏi từ ngoài Đồi cũng như trong Đáo. Biết kính trên nhường dưới, gặp người lớn tuổi thì chấp tay chào bác, chào cô. Nhất là các em đã xây dựng được một Tâm Đáo sắt son, một lòng hướng về ngôi Tam Bảo. Thấy thương biết mấy khi nghe các em trong những ngày nghỉ thường rủ nhau lên chùa, vừa làm công quả vừa tu học. Còn biết tiết kiệm nên chỉ mua vé xe cuối tuần (Wochenende) cho rẻ. Mà loại vé này về đến chùa là mất gần một ngày, vì loại "tàu chợ" thì phải đổi nhiều trạm nên rất vất vả. Thêm vào đó không những riêng cho các em trẻ, mà các em còn hướng dẫn mấy cụ bà muốn đi chùa cùng theo. Bây giờ mỗi lần đến dịp nghỉ hè, cha mẹ hỏi các con muốn đi đâu, thì sẽ được câu trả lời là: Đi chùa. Câu trả lời này chắc chắn đã làm mát lòng mát dạ những bậc phụ huynh có nóm nóp lo âu, sợ con mình sẽ bị tiêm nhiễm những thói hư tật xấu, trong một xã hội đầy cám dỗ như hiện tại. Vì đi chùa là đến nơi những sinh hoạt hướng về đạo đức và tâm linh. Nơi ấy, mọi người đều noi theo công đức và hạnh lành của chư Phật và các vị Bồ Tát, để phát nguyện đi theo con đường thánh thiện ấy.

Qua các lần tổ chức Trại Thanh Thiếu Niên Phật Giáo tại Aschaffenburg, Wiesbaden và Frankfurt, đã thể hiện một chương trình giáo dục thanh thiếu niên rất cần thiết và bổ ích. Ngoài việc học Phật pháp, quý Thầy còn cho học viên tham dự các buổi pháp đàm hay hội thảo các đề tài có tính cách Văn hóa, hầu tạo cho các em có một khái niệm về hai nền Văn hóa mà đối với những di dân cần phải gìn giữ, nó có thể làm đẹp thêm, phong phú thêm cho đời sống của chúng ta. Như những đề tài: "Sự biến dạng của Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài". Hay "Bản chất của Đạo Phật với khoa học" chẳng hạn, là những đề tài rút ưu khuyết điểm cho hai nền Văn hóa ấy, cái gì cần duy trì và cái gì cần thay đổi, để còn lại là những tinh hoa của đời.

Những tinh hoa ấy sẽ đem đến cho đời sống con người một nguồn sinh lực vô biên, có một cuộc sống nhiều ý nghĩa và an vui. Nếu chúng ta biết sử dụng những phương tiện tốt

để áp dụng hàng ngày. Ví dụ chúng ta niệm nờ khi gặp nhau, chào hỏi và miệng nở nụ cười; hay dùng lời ái ngữ để nói với nhau, thì lúc ấy là đã trao cho nhau niềm hạnh phúc an vui rồi.

*Nắng rất đẹp hong vàng lên ngày mỗi
Mùa đang xanh muôn cây cỏ phối bày
Hồn chợt thấy niềm vui đang bước tới
Để chung hòa với hạnh phúc hôm nay*

Có lẽ, niềm hạnh phúc hôm nay là khi thấy con cháu chúng ta đã trưởng thành. Mà trưởng thành trong khuôn khổ và quan niệm tuy cổ hủ của người Việt Nam, nhưng không đến nỗi lạc hậu là khi thấy con đi đúng theo con đường mà cha mẹ đã sở cầu sở nguyện. Và có lẽ còn hơn thế nữa: "Con hơn cha là nhà có phúc". Bậc cha mẹ mà có những đứa con như vậy là đã toại nguyện rồi, vì hạnh phúc là sự đáp ứng tất cả những mong cầu.

Bằng chứng là hôm nay hai trong số các em thanh thiếu niên ấy, đã đồng mãnh tin tấn trên con đường cầu đạo giải thoát. Đó là ngày thí phát xuất gia cho hai Chú. Một chú còn nhỏ, nhưng một chú với tuổi mười tám là cái tuổi đẹp nhất, đã tốt nghiệp bậc Trung học. Với tuổi trẻ phơi phới và nhiều kỳ vọng như vậy (nói theo đời thường) mà vẫn buông bỏ, thì đây phải nói là một chí nguyện phi thường rồi. Nhất là đáng sanh thành của các Chú, thường tình thì không mấy ai muốn con mình đi tu. Vì quan niệm của người Việt chúng ta là sanh con để nối dõi tông đường, để gìn giữ gia tài của cha ông để lại. Cho nên mặc dầu có sự quyết định của con, nhưng người mẹ nào lại muốn con mình phải rời xa những tháng ngày đã từng tay bồng tay bế nâng niu, nuôi dưỡng đến thành người. Nên trong lòng họ làm sao tránh khỏi giây phút đau buồn. Tuy thế, có lẽ họ nghĩ lại dù đã hy sinh con mình, nhưng sẽ cống hiến cho đời một tài năng mai sau. Sự hy vọng bù đắp ấy cũng sẽ với bớt nỗi niềm. Vì đứng trước sự mất còn, hay thiện ác thì cũng nên chọn sự tương đối để an ủi, chẳng hạn như: "Sát nhất miêu, cứu vạn thú" (giết một con mèo để cứu vạn con chuột) chẳng hạn, là một sự lựa chọn trong vòng đối đãi của người đời đối với thiện ác vậy.

Việc hướng về lễ hội Vu Lan tại Niệm Phật Đường Tam Bảo cũng là một hiện tượng đặc biệt nhất tại địa phương này, khi Thầy Phương Trượng chùa Viên Giác chọn nơi đây làm lễ xuất gia cho hai Chú, cũng mang nhiều ý nghĩa rất hay. Đáng lễ Phật tử muốn xuất gia thì phải về "Chùa Tổ" để tỏ lòng ghi nhớ ân đức của Thầy Tổ mình, nhưng đây lại đưa về địa phương của các Chú để làm lễ thí phát xuất gia. Có thể dành sự ưu ái cho gia đình, cũng như khích lệ sự tu học của Phật tử địa phương.

Và hôm nay, ngày lễ hội Vu Lan rất đông Phật tử tham dự, buổi lễ thí phát xuất gia cho hai Chú rất trang nghiêm và cảm động. Mở đầu vị Bổn Sư trầm nghiêm về kinh điển căn bản của người mới xuất gia, kể đến cầm kéo đưa lên đầu nhấp ba nhát tóc với những ý nghĩa tuần tự. Thứ nhất là: Thề tránh những điều dữ. Thứ hai là: Nguyện làm những việc lành và thứ ba: Thề nguyện độ tất cả chúng sinh. Vì muốn thể nhập chánh pháp, thì điều trước tiên là phải mang bức thông điệp của đức Thế Tôn vào đời để hành đạo. Lời dạy ấy còn vang vọng lại muôn sau để giáo hóa chúng sinh... Tiếng tụng kinh trầm bổng theo nhịp mõ, xen lẫn tiếng rề rề của chiếc máy hút tóc, đang cắt bỏ cái gốc con người, để đi làm sứ giả của Như Lai. Chợt tôi sực tỉnh lại, để nhìn vào hôm nay, nhìn cho rõ những diễn biến đang xảy ra trước mắt tôi, mà tưởng chừng như giấc mộng.

Thay áo Diệu vào rồi trở ra đón nhận sự chúc tụng và quà tặng của chư tôn đức cùng quý thân hữu. Ni Sư trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo chúc lành cho hai Chú và kể

đến là bác Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn Reutlingen và vùng phụ cận cũng chúc cho hai Chú tinh tấn trên đường Đạo. Cũng như đại diện nhóm Thanh Thiếu Niên chúc nhau. Cuối cùng là đôi lời nhắn nhủ của bậc phụ huynh. Mẹ của Chú Thông Ninh: Hôm nay chúng con rất vui sướng được nhìn thấy con mình đi theo con đường lý tưởng. Nhưng cũng hơi buồn vì lâu nay nuôi con ẵm bồng, kề cận bên mình mà nay phải xa...! ; còn mẹ của Chú Thông Tú thì: Mẹ xin được gọi Tuấn một lần cuối, vì mai đây mẹ sẽ không còn được gọi tên con nữa...!

Sao nghe mà xót xa đến thế? Nhưng mà, nghĩ lại thì hai người mẹ đã thể hiện tình mẫu tử một cách rất chân thành và thiết tha. Nó rất thật với tình cảm của con người. Tuy thế hai người mẹ cũng đã chúc cho hai Chú luôn tinh tấn và đi đúng theo con đường mà hai Chú đã theo. Thì ra trước sau rồi tất mình mất đi theo nhiều nghĩa. (Một đứa con m lòng của người mẹ vẫn như một, không muốn con của ới lớn lên, đi theo bạn xấu làm những việc phi pháp rồi ở tù, hay con gái đi lấy chồng xa cũng xem như cha mẹ đã mất con). Theo tình tự ấy, thì khi thấy con mình đi tu, là đã rời xa gia đình (cắt ái tử ân) thì làm cha làm mẹ ai không khỏi thấy lòng buồn. Nhưng đi tu được an ủi là mai sau sẽ có nhiều hứa hẹn. Thật là tình mẹ đã ẩn chứa một tình thương tròn đầy, thật trọn vẹn. Tôi lắng lòng để nghe trong sâu thẳm của tâm thức, chứa đầy cảm xúc mỗi khi gọi nhớ đến Tình Mẹ: *Lòng mẹ thương con như vầng trăng tròn mùa thu. Tình mẹ tha thiết như làn gió đùa mặt hồ.* Câu hát ấy đã nghe nhiều lần, nhưng mỗi lần nghe lại là cảm xúc trào dâng. Đặc biệt là tiếng đàn rất điệu luyện của một thành viên trong nhóm Thanh Thiếu Niên này, đã từng biểu diễn nhiều lần trong các lễ hội tương tự.

Cũng như lễ khai kinh Vu Lan Báo Hiếu: *Đệ tử chúng con. Vâng lời Phật dạy. Ngày rằm tháng bảy. Gặp hội Vu Lan...*, như luôn nhắc nhở cho Phật tử ghi nhớ đến công đức của Ngài Mục Kiền Liên đã cứu mẹ thoát khỏi địa ngục. Tiếp theo là lễ Bông Hồng cài áo, là một biểu tượng Văn hóa Phật giáo Việt Nam rất tuyệt vời. Trước đây đã thực hiện từ trong nước, và giờ đây, những Bông Hồng ấy đang nở giữa bầu trời hải ngoại, như khắc lên một dấu ấn muôn đời của con người là luôn tâm niệm đến công ơn của Mẹ và Quê hương.

*Vườn hoa nở nụ cười xinh như mộng
Như đóa hồng trong ngày hội Vu Lan
Như con đường vừa thấp lên hy vọng
Lai láng ân tình nét đẹp Quê hương*

Nguồn Đạo và tình Đời vẫn luôn dạt dào như gió trăng trong những ngày lễ hội. Vẫn luôn ban phát cho đời những nụ cười để thấp sáng tin yêu. Như làm sống lại nguồn sống phong phú, nhờ đó sẽ với đi những phiền muộn nhọc nhằn. Như trong đây tiếng kinh cầu vẫn thiết tha khẩn nguyện, và ngoài kia suối vẫn reo vui, chim vẫn hót ca như chào mừng một ngày hội vui mang nhiều ý nghĩa làm dịu mát lòng người, thấy cuộc đời thêm hưng phấn.

Nét đẹp được lồng trong cảm xúc khi đón nhận một nguồn hoan lạc, sẽ làm cho tâm hồn mình thăng hoa, những đóa hoa tượng trưng cho sự yêu thương và lòng trân trọng. Nên dù nơi phương trời nào đi nữa, khi con người cảm nhận được nguồn hạnh phúc, thì sẽ không còn thấy cuộc đời đang bấp bênh trôi nổi trong kiếp tha phương này nữa. Cũng như nếu còn nguồn Đạo soi sáng cho bước Đời, thì con đường chúng ta đi sẽ chan chứa ân tình và mãi còn long lanh nét đẹp của Quê hương.



Đón Xuân

● Kim

Vào tháng hai, thời tiết vùng Tây phương rất lạnh, nhiều nơi trên đường đã phủ đầy tuyết trắng. Dân cư ngụ những nơi đó thường thích quây quần trong nhà và ngồi bên lò sưởi để được ấm cúng hơn. Thanh và Nhã cũng vậy nên khi tan học về, cả hai vội vàng chạy nhanh về nhà. Vừa bước vào cửa chính, thấy ba mẹ đang trang trí cành mai. Nhã reo to:

- A! Sắp đến Tết Việt Nam rồi! Ôi vui quá!

Thanh nhanh miệng hỏi em:

- Chị đó Nhã này! Thế Tết năm nay sẽ là năm tuổi con gì nào?

- Em không biết!

Thanh trả lời:

- Năm nay mừng tuổi con Chó.

Nhưng khi đọc hàng chữ trong tám liễn đỏ treo trên cành mai, Nhã thắc mắc:

- Ủa! Sao trên bảng này ghi là: "Mừng Xuân Bính Tuất" vậy ba?

Ba Nhã nhìn con triu mến và đáp lời:

- Chữ "mừng xuân" thì chắc con đã hiểu, còn chữ "Bính Tuất" là danh từ riêng của các nhà làm lịch đã đặt tên cho từng năm. Riêng chữ Tuất dành cho năm con Chó. Chữ "Bính" là một từ đệm làm nổi bật thêm sự khác biệt của chu kỳ tháng năm. Còn nhiều chữ nữa để đặt cho tên từng con vật khác, có lần ba đã đọc cho chị Thanh của con nghe rồi, Thanh con còn nhớ không?

Thanh đến bên cạnh, khẽ nói:

- Dạ! Con sẽ đọc lại ba nghe nhé.

Rồi Thanh cao giọng đọc, vừa giải thích:

Tên của các con vật này phải đúng thứ tự như sau: Tý là Chuột. Sửu là Trâu. Dần là Cọp. Mão là Mèo. Thìn là Rồng. Tỵ là Rắn. Ngọ là Ngựa. Mùi là Dê. Thân là Khỉ. Dậu là Gà. Tuất là Chó. Hợi là Heo. Còn các chữ đệm đứng trước tên từng con vật chỉ có mười chữ thôi và cũng đúng trình tự: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Nhã gật đầu tỏ vẻ đã hiểu ra vấn đề. Nhưng chẳng bao lâu, Nhã lại chạy đến bên mẹ hỏi:

- Mẹ ơi! Tại sao lại chỉ có tên các con vật trên? Còn tên con vật khác thì không được chọn?

Mẹ vuốt đầu Nhã, ngắm nhìn con. Nhã còn nhỏ nên khó hiểu về lý toán tử vi của âm lịch được thịnh hành tại vài nước thuộc khối Châu Á, nên mẹ cố tìm cách giải thích phù hợp hơn. Sau một lúc suy nghĩ, mẹ nhẹ nhàng bảo:

- Thế Nhã có nhớ những ngày Tết đến, gia đình mình có tục lệ gì không nào?

- A, con còn nhớ chứ. Vào ngày đầu năm mới, chúng con sẽ được ba mẹ kể cho nghe những câu chuyện cổ tích về tục lệ Tết ở nước mình hoặc vài câu chuyện có liên quan đến năm mới.

- Vào ngày ấy mẹ sẽ kể cho cả nhà nghe một câu chuyện cũng là lời giải thích điều thắc mắc của Nhã.

Thế rồi ngày Tết đến, cả nhà ngồi quây quần bên nhau vừa thưởng thức bánh Tết cùng món dưa hành, dưa cải do chính ba mẹ làm, hòa trong tiếng người mẹ kể:

"Ngày xưa thật là xưa, trên trời có một vị tối cao, người ta gọi đó là Ngọc Hoàng. Đấng đã tạo nên muôn loài. Ngài rất thích đi du ngoạn khắp nơi. Để đánh dấu những nơi Ngài đã đi qua, Ngài thường chọn ra một cái tên đặt cho địa danh đó. Luôn cả loài hoa Ngài cũng đã tìm kiếm những cái tên thật mỹ lệ tặng cho chúng. Rồi sau này đôi khi để nhớ đến kỷ niệm với các nhân vật đã cống hiến nhiều cho muôn loài, Ngài đã ghép tên của nhân vật đó vào các địa danh thích hợp.

Một hôm các thú vật trong rừng tụ tập lại bảo nhau: "Tại sao chúng mình cũng có rất nhiều cống hiến cho đời, nhưng Ngọc Hoàng lại không lấy tên mình đặt cho một sự kiện hay một di tích nào cả, như thế có bất công không?...". Thế rồi loài vật đem nguyện vọng của mình dâng lên Ngọc Hoàng.

Trước lời đề nghị đó, Ngọc Hoàng đã nghĩ đến việc ghép tên loài vật và tháng năm. Nhưng chỉ có 12 tháng còn loài vật thì rất đa dạng, biết chọn tên nào đây? Sau cùng Ngài đã cho mở một cuộc dự thi:

"Đúng ngày dự định, con vật nào đến cửa nhà Trời trước thì sẽ được vinh hạnh có tên trong danh sách của 12 con giáp cho chu trình 12 tháng, sau đó là 12 năm".

Tin được truyền đi khắp nơi, khiến cho mọi loài luôn xông xáo chờ đợi ngày hội đến. Con nào cũng muốn sẽ được thắng cuộc. Trong số ấy, có một chú Chuột Lắt thân hình nhỏ bé biết sức mình không thể nào tranh đua với những con vật to khỏe khác, nó thường cảm thấy tiếc nuối với thân phận của mình, nhất là mỗi khi nhìn anh Trâu chuẩn bị cho chuyến đi đến nhà Trời. Bỗng một hôm chú Chuột Lắt nói với trâu:

- Anh Trâu ơi! Tôi yếu bé thế này thì không dám thi đua với ai cả, còn anh thật to khỏe thì hy vọng sẽ đạt may mắn hơn tôi. Nhưng tôi biết con đường rất ngắn dẫn đến nhà Trời, tôi sẽ mách cho anh. Anh có thích không?

Trâu bảo:

- Nếu được thế, tôi sẽ có nhiều hy vọng thắng cuộc hơn, vậy Chuột chỉ lối cho tôi nhé.

Đến ngày hẹn, cửa nhà Trời rộng mở chờ đón các thí sinh đến. Ngay từ sáng sớm tinh sương Chuột đã kêu Trâu thức dậy lên đường. Chuột ngồi trên đầu Trâu, chỉ hướng cho Trâu chạy. Qua bao nhiêu núi rừng cùng sông suối hiểm trở Trâu cũng không ngại khó khăn, Trâu chạy rất hăng. Các con vật khác cũng vội vàng lên đường. Riêng Cọp Vằn nổi tiếng hung dữ và khỏe mạnh nên tất cả mọi loài đều sợ hãi, phải tránh đường cho Cọp chạy. Đến một đoạn nọ, Cọp nhìn thấy Trâu đang chạy phía trước. Trâu rụt rề, định tránh sang nhường lối cho Cọp, nhưng Chuột Lắt lại gào to:

- Anh Trâu ơi! Gần đến cửa nhà Trời rồi. Ôi chết! Cọp Vằn sau lưng anh đấy. Xem chừng hấn giạn anh lắm vì này giờ anh không chịu nhường lối cho hấn, hấn sẽ vồ đến ăn thịt anh thôi. Chỉ còn một cách phải cố chạy đến bên Ngọc Hoàng, trước mặt đông người hấn sẽ không dám làm điều gì và chúng ta sẽ thoát nạn. Anh Trâu ơi! Phải cố gắng lên, chạy nhanh hơn nữa.

Trâu nghe nói thế, sợ quá càng cố chạy nhanh hơn. Cuối cùng Trâu đã đến được trước cửa nhà Trời. Nhưng khi vừa đến gần cửa, Chuột Lắt đang ngồi trên đầu Trâu bỗng bật người phóng nhanh đến trước mặt Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng đón lấy Chuột Lắt trên tay, Trâu quá mệt vì cố gắng chạy, còn đang thở phì phò sau đó mới dần dần đến bên. Cọp cũng vừa chạy tới, kế tiếp là Mèo, Rồng bay đến... tuần tự sau nữa là: Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Heo... Thế là Ngọc Hoàng đã chọn được 12 tên con vật đến trước. Rồi Ngài đặt tên mới cho chúng là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi".

Tiếng người mẹ ngừng lại, Nhã vô cùng thích thú được biết thêm một câu chuyện cổ tích. Tiếng ba tiếp lời:

- Năm nay tuổi con Chó nên ba sẽ kể cho hai con nghe một câu chuyện: "**Con Chó Đá**". Câu chuyện như sau:

"Thuở xưa, có một anh học trò tính tình hiền lành lại rất chăm chỉ học hành. Theo năm tháng anh lớn dần cùng với kiến thức càng ngày càng phong phú. Nghe nhà vua mở hội kén chọn nhân tài, anh càng cố gắng học tập nhiều hơn. Ngày ngày đến trường học anh phải băng qua một con đường mòn, nơi đó có một cái miếu thờ trước cửa có một con Chó Đá. Khi một hôm vì đường đi xa, anh thường ngồi nghỉ chân bên Chó Đá. Bỗng một hôm Chó Đá bật nói:

- Chào anh.

Nói xong, chiếc đuôi của Chó Đá lại ngoe ngoài cử động đờ đẫn và tỏ vẻ mừng anh học trò. Vô cùng ngạc nhiên, khi đã bình tĩnh lại, anh học trò thốt lời hỏi:

- Có phải Chó Đá vừa nói không? Tại sao hôm nay, mi lại nói đờ đẫn và mừng ta?

Chó Đá trả lời:

- Vì năm nay, anh sẽ thi đỗ đầu trong khoa thi.

Nhiều lần như thế, anh học trò đã tỏ vẻ tự tin về điều báo trước của con Chó Đá bên miếu thờ. Anh sung sướng, về nhà kể lại chuyện lạ cho ba mẹ cùng nghe. Nhưng cũng từ đó ba mẹ anh trở nên hống hách tự hào con mình sẽ được chức cao hiển vinh, khinh miệt người nghèo, còn anh học trò lại xao lãng việc học hành, tự cho mình đã đạt được công danh cao cả rồi, không cần đến trường học nữa.

Một thời gian sau có dịp đi qua miếu thờ nơi có con Chó Đá. Anh học trò đến gần nó hỏi chuyện, nhưng không nghe tiếng đáp lại và nó cũng không còn chồm dậy mừng như những lần trước, anh học trò ngạc nhiên hỏi:

- Này Chó Đá! Sao mi không trả lời ta và cũng không mừng ta như trước đây?

Một lúc sau, chó mới khẽ nói:

- Trước đây anh là người học trò chăm chỉ học hành giỏi giang và hiền lành, nhưng chỉ thoáng chốc anh lại trở nên lười biếng. Riêng gia đình anh rất nhân đức nhưng nay đã trở thái hống hách với mọi người chung quanh, vì thế Thiên đình đã nổi giận, gạch bỏ tên anh trong danh sách những người thi đậu của khoa thi này. Tôi không mừng cho anh nữa.

Đúng như lời Chó Đá báo trước, khóa thi ấy và luôn những khóa sau anh học trò đều thi rớt. Cả nhà anh vô cùng buồn bã. Họ hiểu ra trời đất rất chí công, tự sửa đổi việc làm xấu của mình và hết lòng tu nhân tích đức.

Lần khác anh học trò đi ngang qua chỗ Chó Đá, nó bỗng nhồm dậy mừng rỡ nhìn anh. Anh chưa hỏi gì thì Chó Đá đã lên tiếng:

- Bây giờ thì gia đình anh đã biết ăn năn hối cải làm điều thiện và anh chăm chỉ học hành, nên Thiên Tào đã ghi tên anh vào sổ Tân Khoa, tôi mừng cho anh đó.

Quả nhiên, khoa thi đó, anh học trò đỗ đạt rất cao. Trở về làng được đón rước thật linh đình. Anh nhớ Chó Đá, vội vàng đến miếu tạ lễ. Miếu xưa còn đó nhưng con Chó Đá đã biến đi đâu mất rồi".

Thanh vừa nghe qua câu chuyện, liền góp ý:

- Câu chuyện trên giáo dục cho mọi người phải luôn rèn luyện học tập, ngoài ra còn phải trau dồi đạo đức nữa, đúng không ba mẹ?

Cả nhà đều đồng ý theo lời nhận xét của Thanh, tự mỗi người góp thêm ý kiến cùng những câu pha trò tiểu lâm càng tạo thêm không khí vui nhộn.

Đấy là những nét Xuân nơi gia đình của Thanh và Nhã, nó thật giản dị và bình thản. Chắc chắn rằng sẽ còn biết bao nét Xuân đặc sắc và lý thú hơn ở khắp mọi nơi. Dù sao đi nữa, mùa Xuân vẫn luôn đem đến cho người đón Xuân những niềm hy vọng về tương lai tươi đẹp.

(Áo Quốc, viết xong ngày 06.11.2005)



*Đất khách tha hương gió trở mùa
Xuân về ray rứt nhớ chùa xưa
Quê em trong khoảng mù sương ấy
Một mái đình rêu phủ gió mưa*

*Khói lam che khuất đường lên núi
Một dây thông xanh đứng chọc trời
Em nhớ con đường trơn đất đỏ
Mỗi lần trèo núi muốn tàn hơi*

*Mẹ dất tay em tới cổng chùa
Áo quần lem luốc những bùn nhơ
Bởi em trượt té trên con dốc
Cực khổ bao nhiêu cũng tỉnh bơ*

*Chùa nhỏ nhưng người đến rất đông
Chùa xa nhưng chẳng ngại trong lòng
Tay bông tay dất tay mang gió
Rạng rỡ trên môi những nụ hồng*

*Một mái đình sơn son thếp vàng
Bụi rêu bao phủ bởi thời gian
Nhặt nhòa trong khói hương nhang ấy
Phật tử cầu kinh cõi Niết Bàn*

*Ta Bà thế tục chốn trần ai
Lệ đầm thương vay trả nợ đời
Hãy cố tu tâm rèn luyện tánh
Lên thuyền bát nhã trở về xuôi*

*Bây giờ lặng lẽ mùa xuân đến
Pháo nổ còn đâu giữa chợ người
Mẹ có còn đâu, tay dất tay
Chùa xưa khuất dạng cuối chân trời ...*

● Nguyễn Phan Ngọc An



Tâm sự của Mẹ

● Diệu Anh

Niềm tin về tôn giáo không biết gắn chặt với tôi từ thuở nào, chắc hẳn từ hồi còn tuổi thơ vì tôi rất thích đi chùa cùng các bạn. Những câu kinh, tiếng kệ, tiếng ngân nga niệm Phật, quen thuộc và rất quen thuộc trong tôi.

Gia đình tôi đến sinh sống ở nước Đức. Nơi tôi ở nằm trên vùng đồi núi yên tĩnh, nhưng trong gia đình mỗi người vẫn hiểu rằng nó không êm đềm như mặt nước hồ. Gia đình nhà chồng thờ đạo Ông Bà, nên chồng tôi chưa quen với Phật, Pháp.

Tuy nhiên vì thương vợ con nên chồng tôi cũng chiều ý khi tôi muốn đi Thọ Bát hay Huân Tu ở đơn vị bạn tổ chức. Từ nhà tôi đi đến những vùng phụ cận khác xa trên 150 km. Nürnberg là Chi Hội tôi quen trước tiên, trong đó có Gia Đình Phật Tử dẫn dắt những bé Thiếu Nhi học và viết tiếng Việt, hướng dẫn tu học Phật Pháp và lịch sử Đức Phật, v.v... Đến với Chi Hội này tôi thấy mình thật ấm áp hạnh phúc và đầy tình người.

Có lúc mình thấy những gia đình bạn đạo, vợ chồng con cái đều hiểu đạo, mình cũng mong muốn gia đình mình được như thế.

Niềm tin về Phật chưa thấm nhuần trong người chồng tôi nên mỗi khi đến chùa chồng tôi vẫn còn lẩn quẩn đi quanh quần bên ngoài. Chưa bước vào, chỉ chờ một tíc-tắc nào đó thì chắc hẳn chồng tôi cũng trở thành bạn đạo như những người khác. Tất cả do thành ý và sự vươn lên mà thôi.

Tôi có ba đứa con, đứa con lớn của tôi có lối sống khác của tuổi trẻ, còn hai đứa nhỏ thường đi theo với chúng tôi nhiều hơn. Có một lần chú Hồ Thanh, cựu Chi Hội Trưởng Nürnberg nói với hai đứa con của tôi: *Mai một cơn về đây tu giữ chùa nghe !...*

Cuối năm 2004, tôi dẫn hai con về chùa Viên Giác, dự khóa huân tu một tuần. Còn hai ngày nữa thì sửa soạn đi về, bỗng Khang- con tôi có pháp danh là Đồng Ninh, chạy đến bên tôi và nói:

-Mẹ ơi, con muốn như Chú, con muốn ở lại chùa.

Đồng Ninh nói giọng rất nhỏ, ngập ngừng như sợ mẹ mình không đồng ý. Tôi mới hỏi lại:

-Con muốn đi tu hả?

-Dạ.

-Tu khó lắm, con phải tự biết lo cho con, cực khổ con chịu được không?

-Dạ được.

-Đề mẹ gặp Thầy xin phép đã.

Tôi dẫn Khang đến Thầy Hạnh Tấn kể rõ mọi việc và thưa:

-Bạch Thầy, con thường dẫn các con về chùa vào những ngày lễ, đông vui, thật sự con không hiểu Đồng Ninh có ý nghĩ đi tu thật hay là thấy chùa luôn đông vui nên muốn ở lại đây và muốn đi tu.

Thầy mới kêu Đồng Ninh đến gần từ tốn hỏi:

-Sao con thích đi tu?

-Dạ con muốn như Chú!

Thầy cũng chưa hiểu ý Đồng Ninh. Tôi mới giải thích:

-Bạch Thầy, như Chú, ý là muốn xuất gia.

Thầy nói tiếp:

-Bây giờ là ngày lễ nên đông vui; mai một mọi người đi về hết buồn lắm, ở chùa đâu có vui, xa ba mẹ bộ không nhớ sao? Mà con có chịu nổi không?

-Dạ con chịu khổ nổi, còn ba mẹ thì tháng 8 và tháng 12 sẽ đến thăm con.

-Con xin phép Thầy cho Đồng Ninh ở đây thêm một tuần nữa rồi tụi con sẽ đến rước Đồng Ninh về.

Chúng tôi để Đồng Ninh ở lại chùa. Trên đường đi đến thăm bà chị, chồng tôi nói:

-Chưa gì thấy mất một đứa con.

-Mình cho con ở lại tập sự, chưa chắc gì Khang đi tu luôn, mà nếu thật sự con thích đi tu thì con đường này cũng tốt. Em nghe Thầy Hạnh Tấn nói: Đi tu ở nước ngoài còn có thể đi học song song với học đạo, nếu con mình hết duyên thì xin ra đời lại cũng không thua thiệt gì.

Khi đến nhà bà chị, chị không thấy Khang thì mới hỏi. Tôi mới kể hết mọi việc. Đến mấy hôm sau như chị không bằng lòng việc của Khang, ám ức trong lòng không chờ được, chị mới nói với tôi:

-Khang đi tu bộ ba nó cũng chịu hay sao? Tao thấy mày tin đạo một cách mù quáng. Tao thấy người này, người kia cho tiền mấy ông Sư, ông Cha nhưng mấy ông đó đem tiền xài một cách phung phí, chính mắt tao thấy. Nếu Phật có linh thiêng thì tại sao không cứu những người bị nước lụt đó, người ta chết, người ta nghèo ông ngồi đó mà nhìn, mày có tiền mày cho những người đó còn có ý nghĩa hơn cho chùa. Tao về già không ai nuôi. Tao xin vào làm những chỗ phụ giúp người tàn tật có phước hơn là mày làm chuyện tào lao, v.v...

Chị tôi lấy chồng người theo đạo Thiên Chúa nên tôi không muốn hai bên đôi co vì sợ nói nhiều thì chị tôi mang tội phỉ báng Phật, nên tôi nói:

-Việc em làm em biết sống và hành động như thế nào để cho đúng. Chị đừng thấy một vài người mà gom tội cho tất cả, ai làm tội nấy chịu và tôi bỏ vào phòng.

Chị tôi mang một ý nghĩ thật đơn giản về ý nghĩ phước đó. Chị tôi không hiểu về luật Vô Thường của Nghiệp do mỗi người tạo ra và có rất nhiều người rất hiền ở trong kiếp này vẫn gặp nhiều sự phiền toái mang đến hay là chết một cách oan uổng. Vâng, mỗi người tự trả nghiệp của mình mang và Đức Phật không thể cứu được, ngoại trừ họ biết sống một cách chân chính để tự cứu họ mà thôi...

Trở lại chùa để rước Đồng Ninh, tôi thấy Đồng Ninh đeo tượng Phật, đeo chuỗi hạt... Tôi gặp Thầy Hạnh Giác mới được biết trong một tuần qua Thầy dạy cho Đồng Ninh viết Kinh A Di Đà, học Chú Đại Bi, lòng tôi thật thán phục, thật sự ở nhà khó mà kêu Đồng Ninh học được như thế.

Trên đường về chúng tôi dừng xe ở trạm xăng để nghỉ mệt, tôi nghe phía sau có tiếng khóc thút thít, nhìn thấy Đồng Ninh khóc, tôi vội hỏi:

-Tại sao con khóc?

-Con xa chùa con buồn lắm, các Thầy, các Chú cũng buồn...

Càng nói Đồng Ninh càng khóc nhiều hơn. Tôi tiếp:

-Con đừng khóc nữa, khi nào về nhà mẹ sẽ xin phép ba để con đi tu.

Về nhà bầu không khí không như bình thường, trái lại nặng và buồn hơn. Qua ngày hôm sau tôi hỏi ý chồng tôi:

-Nếu Khang xin đi tu thì anh nghĩ sao?

Chồng tôi không trả lời. Tôi nói với Khang:

-Con tự xin ba đi, vì mẹ hỏi ba không đáp.

Cứ cách 2, 3 tuần Khang tự đến để xin phép ba, bị ba từ chối, và nói:

-Tại sao bỏ ba đi sớm vậy?

Khang buồn khóc nức nở. Khánh anh Khang nói với mẹ:

-Mẹ à, hồi trước đến giờ con chưa thấy sự việc như vậy, Khang có ý nghĩ giỏi quá mẹ!

Tôi vừa thương con cũng hiểu lòng chồng mình nên nói với Khang:

-Ba thương con lắm, không muốn xa con sớm như vậy, mình chờ thời gian đi, mỗi ngày con tụng Chú Đại Bi 7 biến rồi con hồi hướng cho ý nguyện con muốn. Mẹ tin chư Phật sẽ phù hộ cho con.

Làm theo lời tôi chỉ dẫn, sau một thời gian ngắn, tâm của Khang sáng hơn, học giỏi hơn đến nỗi cô chủ nhiệm của lớp khen ra mặt.

Sau đó, bỗng dưng tôi có ý nghĩ đã đến lúc xin cho Khang đi tu được rồi, tôi có cảm tưởng mọi việc sẽ êm xuôi. Sáng chồng tôi uống cà-phê, hút thuốc xong, tôi mới nói:

-Con xin đi tu, hướng đó cũng tốt, đi tu không phải là xấu anh à, không phải ai muốn khoác áo nhà tu cũng dễ, phải hội đủ nhân duyên, anh nhìn xem hàng ngàn đứa nhỏ cũng theo ba mẹ đi chùa, có đứa nào đủ nhân duyên để tu, ít lắm vài ba người. Con mình một trong số đó, cũng có thể đời trước đã kết duyên với tu sĩ nên đời này mới có ý nghĩ như vậy. Anh cho con đi là tạo duyên, thì anh được phước rất lớn. Nếu mình hy sinh một đứa con mà mấy chục năm sau nếu thuận duyên con mình có thể hóa độ, giúp được nhiều người thì phước đó anh cũng có phần. Nếu cho con đi nên cho đi bây giờ vì tuổi nhỏ lên chùa quý Thầy dạy bảo Khang dễ tiếp nhận nhiều. Mình không cho Khang đi mãi một biết đâu khi lớn nghĩ lại buồn hận mình. Em có quen nhiều người bạn đạo, họ rất mộ đạo, cả gia đình từ cha mẹ đến con cái đều biết đạo, cha mẹ cũng muốn cho con đi tu mà những đứa trẻ đó lại không muốn...

Chồng tôi nghe xong cũng im lặng nhưng sự im lặng này cảm giác nói lên cho tôi biết chồng tôi sẽ bằng lòng. Trong lòng tôi hân hoan nói lên rằng:

-Hoan hỷ thay chồng mình biết xả bỏ.

-Hoan hỷ thay chồng mình đã làm được việc nơi người khác khó làm nhất.

Giọt nước mắt của tôi tự tràn ra. Chồng tôi đi làm, Khang đi học về tôi mới hỏi:

-Mẹ đã nói chuyện với ba rồi, hôm nào gặp ba con xin ba một lần nữa thử xem.

Khang trong lòng vẫn còn hồi hộp lắm vì sợ ba không cho nữa, nhưng lần này Khang đến nói ý định của mình được ba đồng ý, Khang mừng lắm chạy ra khoe tôi:

-Ba cho con đi tu rồi mẹ ơi!

Ba cho con đi rồi đáng lẽ con phải lạy ba một lạy mới đúng, khó khăn lắm con mới được đi đó.

Tôi viết thư trình bày mọi sự việc và xin ý kiến của quý Thầy trên chùa Viên Giác. Đầu tháng 8.2005 chúng tôi về Việt Nam thăm gia đình, cho Khang gặp ông bà nội ngoại. Đi nghỉ hè xong tôi hỏi Khang:

-Về Việt Nam con thấy vui không?

-Bây giờ vui lắm, mai một hết vui rồi. Khang đáp.

Khang đã ý thức được mình sẽ làm việc gì sắp tới...

Ngày 04.09.2005 Lễ Vu Lan ở Niệm Phật Đường Tam Bảo, ngày đó Đồng Tú, Đồng Ninh cũng làm lễ xuống tóc dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Phương Trưởng chùa Viên Giác, Đại Đức Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Tuệ, Hạnh Giả chùa Viên Giác, Thầy Chánh Định đến từ Việt Nam, Ni Sư Như Viên trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo. Tiếng mõ gõ đều, lời kinh vang trầm bổng của quý Thầy, Cô, những sợi tóc từ từ rơi xuống như được cởi bỏ lớp bụi ngoài đời, nước mắt tôi tự dưng tuôn xuống. Tôi thường đọc kinh sách Phật dạy, vẫn nghe các thời thuyết pháp của các vị Pháp

sư, nhưng mà sự phân ly làm tôi không cảm được giọt nước mắt bởi vì tôi vẫn còn là một phạm phu.

Bữa đó tôi không nói hết được cảm nghĩ của mình, tôi vẫn biết đứa con vẫn còn đó, mừng con mình đã đi đúng đường chân chính, gặp Thầy có đức hạnh, buồn vì con chỉ sống 12 năm ngắn ngủi với mình rồi không gần mình nữa. Tôi cũng cảm thông với chồng tôi, người thiện hữu tri thức của tôi có bao giờ anh khóc, mà hôm đó anh cũng khóc như tôi, trong thâm tâm tôi rất cảm ơn chồng tôi cho Đồng Ninh đi tu nên hôm nay Đồng Ninh mới hội đủ duyên lành để đi tiếp con đường mình muốn.

Đồng Ninh à, mẹ đã giúp con đi một đoạn đường rồi, ở đường sắp đến con phải nhớ bao giờ cũng tinh tấn dù bây giờ con đã được phủ một lớp áo mỏng trong Tăng đoàn nhưng nếu tâm mình không vững mạnh thì mình không vượt qua mọi chướng ngại được. Con hãy học hạnh của các vị trưởng bối của mình, màu áo vàng chưa đựng Từ Bi và Trí Tuệ. Con hãy kính mến các vị đó như cha mẹ mình. Thật sự lòng cha mẹ dành cho con thật bao la với một câu nói thì không thể diễn tả hết được tình người mẹ, với lứa tuổi này của con cũng không thể hiểu hết được, chỉ khi nào con lớn, con sẽ tự cảm nhận.

Sau buổi lễ đó tôi được một vài sự phỏng vấn:

-Chỉ có 3 đứa con, nếu chúng muốn đi tu hết thì sao?

-Nếu 3 đứa con của tôi muốn đi tu hết tôi không giữ lại chỉ sợ rằng các chú đó không đủ nhân duyên mà thôi.

-Bộ chị kêu chú đi tu hả?

-Dầu cha mẹ có tin đạo nhưng vẫn không ép con, dẫn dắt con đi theo con đường chân chính, chúng ta cũng biết trẻ con mình không ép được ngoại trừ chúng nó muốn.

-Tại sao chị không khuyên chú tu tại gia như chị vậy, chị cho chú đi bộ chị không buồn sao? Chú đi tu trẻ tội nghiệp chú...

-Dù chú còn nhỏ nhưng chú đã đủ duyên rồi thì nên tạo duyên cho chú, bao giờ chú hết duyên thì thôi, tuy mình nhớ con nhưng có những lúc phải hy sinh đó chị.

Điều này làm tôi nhớ đến câu hỏi của Đồng Ninh hỏi mẹ:

-Sao mẹ cho con đi tu để vậy?

-Đồng Ninh à, lúc nhỏ mẹ bằng tuổi con cũng thích đi tu lắm, Ngoại không cho vì sợ xa mẹ. Con của mẹ bây giờ đã biết đi và làm theo Hạnh Bồ Tát vì chúng sinh, mẹ rất vui và không vì sự ích kỷ để ngăn bước, ý nguyện cao cả của con.

Có gia đình tâm sự với tôi:

-Chồng em thấy như vậy nên ít dẫn mấy đứa nhỏ đi chùa lắm, sợ chúng sẽ xin xuất gia.

-Các bác và anh chị đừng sợ khi thấy có một vài đứa trẻ xin xuất gia rồi sợ không dẫn con mình đi chùa, chúng ta sống mỗi người mang một nghiệp duyên khác nhau, một trăm người đi chùa thật sự đếm trên ngón tay bao nhiêu người đi tu, chỉ một vài người. Nếu chúng ta không dẫn con em đi chùa thì chúng sẽ không biết được tôn giáo của chúng như thế nào khi bị một người khác hỏi về tôn giáo mình, nếu không hiểu chính xác về tôn giáo thì niềm tin ở tôn giáo mình không có, để dẫn con mình đi về chiều hướng tà đạo. Nói một cách khác như vậy chúng ta vô tình dẫn con mình xa rời đạo mình sao! Đạo Phật là đạo giáo dục con người đi đến đường thiện. Có nhiều người không hiểu tại sao niềm tin Phật mãnh liệt trong tôi. Các bạn ạ, nếu chúng ta đọc sách Phật, nghe lời giảng của các Pháp sư. Có những lúc tôi nói chuyện với pho tượng Phật tôi tôn thờ đó như một người bạn, thì một lúc nào đó mình sẽ cảm nhận được tia sáng ấm áp của Đức Phật đem đến cho mình và tôi nghĩ rằng cũng có nhiều người đã nhận được sự đó hoặc hơn thế nữa, nhiều việc mình không thể diễn tả hết bằng lời nói của một sự màu nhiệm khi mình tiếp nhận, thật bất khả tư nghĩ.

(Kün- 30.09.2005)

Trò đùa



● Phạm Minh Châu

Thuở còn cắp sách đến trường, tôi không nhớ mình đã viết đến bao nhiêu dòng suy nghĩ trong các quyển lưu bút mỗi khi bắt đầu thấy hàng phượng ở sân trường một hôm bỗng đơm hoa đỏ thắm. Những dòng chữ ngây ngô mang nặng nỗi buồn man mác khi sắp phải xa trường lớp với thầy cô cùng bè bạn dù chỉ trong vài tháng hè ngắn ngủi, là hình ảnh đẹp và thơ mộng đối với tuổi học trò của tôi lúc bấy giờ, vì nó chứa đựng những cảm xúc chân thật của chính mình.

Hình ảnh này giờ đây thỉnh thoảng vẫn sống lại trong tôi, mỗi khi tình cờ đọc được vài dòng tâm sự nhắn gửi mây gió vu vơ của ai đó trong báo chí hay qua mạng Internet, hoặc từ các mục tìm bạn bốn phương... luôn làm cho tôi vui vui nhớ về tuổi thanh xuân của mình cũng có những lần thả hồn lang thang như thế.

Thật vậy, chẳng phải riêng tôi mà hình như mọi người, một lúc nào đó trong cuộc sống đầy nhộn nhịp vui buồn này, chợt mang nặng những tâm sự riêng tư và cảm thấy rất cần đến một ai đó để cùng mình chia sẻ những điều thầm kín đó. Y như trường hợp của cô thiếu nữ xa lạ tuổi vừa đôi mươi, đang trò chuyện say mê với tôi này giờ, từ một nơi rất xa xôi qua mạng Internet.

-...Cuộc đời em đau khổ quá nhiều rồi, lúc lên năm đã mồ côi Mẹ và lớn lên trong sự côi cút thiếu thốn tình thương của người Cha bệnh hoạn. Ở quê, nhà nghèo quá, không thể sống được, nên em lặn lội lên thành phố kiếm ăn từ năm mười bốn. Làm đủ nghề nhưng chẳng ai thêm mướn, vì không có hộ khẩu ở thành phố, không người thân, không nghề nghiệp... Khổ lắm anh ơi! Đôi khi em muốn mặc kệ buông xuôi cho dòng đời đưa đẩy, tới đâu hay tới đó và không dám nghĩ tới ngày mai nữa.

Tôi trầm ngâm suy tư, bồi hồi theo dõi từng dòng tâm sự u buồn của cô gái mà cứ tưởng như đang trực tiếp trò chuyện với một người quen biết từ lâu. Những ngón tay tôi vẫn liên tục gõ đều đặn trên bàn phím:

-Thế bây giờ em làm gì và sống ở đâu?

-Thất nghiệp cả tháng nay rồi! Khó khăn lắm! Em nản quá và đã quyết định rồi...

-Quyết định gì vậy em? Tôi tò mò hỏi.

Cô gái im lặng một lát, rồi đề nghị:

-Thôi, anh em mình nói qua chuyện khác đi nha! Một đề tài gì đó có thể vui hơn. Thí dụ như về những chuyến du lịch xa của anh ở bên đó đi!

-Em à, anh đang muốn tìm hiểu về hoàn cảnh hiện tại của em mà! Tôi van nài.

-Cuộc đời của em chẳng có gì thú vị đâu. Anh đừng nên tìm hiểu làm chi rồi sẽ khinh khi em như bao người khác

thời. Em không được học hành đàng hoàng, chỉ tới lớp năm rồi phải ra ruộng cuốc đất, do vậy, không có gì để kể về mình hết. Em buồn và tủi thân lắm!..

Câu chuyện cứ loanh quanh với những điệp khúc ai oán không hồi kết thúc đã bắt đầu làm cho tôi chán ngán và muốn chấm dứt cuộc trò chuyện, nếu cứ tiếp tục vô vị như vậy. Tuy nhiên, hình như cô gái đã cảm nhận được điều này, nên dòng tâm sự trở nên thoải mái hơn:

-Em muốn phỏng trợ, mỗi tháng trả hết mấy trăm ngàn đồng, nhưng người ta không muốn cho mướn nữa. Tháng này không có tiền, chủ nhà dọa sẽ tống cổ đi bất cứ lúc nào. Em khổ lắm nhưng không biết có tìm được công việc gì đó trong nay mai không, em lo sợ quá! Cả ngày nay đạp xe cộc cạch đi khắp nơi, vào các nhà hàng quán nước để xin việc rồi lại về không với niềm thất vọng tràn trề! Tại sao ông trời sanh ra em xinh đẹp và lành lặn như vậy để rồi bắt em phải hứng chịu toàn chuyện bất hạnh thôi...!?

Lại than van nữa rồi em gái ơi! Tôi nhủ thầm rồi nhìn đồng hồ và bỗng giật mình. Đã gần bốn giờ sáng ở Việt Nam rồi, vậy mà cô gái này vẫn thức để tâm sự trong khi tôi lại quá hững hờ không để ý đến giờ giấc. Có lẽ vì ngày hè ở Châu Âu dài quá nên tôi quên mất thời gian hay là chính tôi cũng đã thực sự bị lôi cuốn vào số phận hẩm hiu của cô gái rồi cũng nên?

Cái yếu điểm của tôi luôn là thế, rất dễ bị xúc động trước trước hoàn cảnh éo le của bất cứ ai đó. Nhiều khi ra phố, dù biết rằng đằng sau những người đang ăn xin có tổ chức từ các nước lân cận nghèo khổ kéo đến kia, là bóng dáng các tay ma cô đang ẩn hiện đầu đó để lèo lái canh chừng... Tôi vẫn khó có thể không móc hầu bao của mình ra để giúp đỡ được. Đôi lúc vừa xem phim hay đọc sách báo, tôi cũng cảm thấy mình đang sống y chang với những nhân vật ở trong đó, đến nỗi Loan, cô bạn gái thân thiết của tôi thường nói đùa:

-Nếu theo nghề diễn viên, có lẽ anh đã nổi tiếng từ lâu rồi đó!

Tôi thường cười vui khi nghe thế. Sự thật, từ lâu rồi tôi luôn quan niệm rằng, niềm hạnh phúc của mình là làm sao mang được niềm vui đến cho người khác bằng những việc làm bình thường trong cuộc sống, chứ không phải là sự nổi tiếng này nọ. Bởi vậy, khi vừa biết qua hoàn cảnh không vui này, trong đầu tôi đã nảy sinh ra kế hoạch muốn giúp đỡ cô gái chút ít gì đó trong thời gian tới... Tuy nhiên, kế hoạch này tôi chưa tiết lộ, vì muốn dành cho cô ta một sự ngạc nhiên trong lúc đang tuyệt vọng. Vài hôm sau cô gái bỗng cho biết:

-Anh ơi! Em cảm ơn anh thật sự, trong những ngày qua đã dành thời gian để an ủi, quan tâm và động viên em nhiều. Em rất mừng khi có được một người anh tinh thần ở phương xa như vậy, nên khi viết những dòng chữ này mà nước mắt em cứ muốn tuôn trào. Em không muốn làm anh buồn và đánh mất đi mối quan hệ tốt đẹp đáng quý của chúng ta, nhưng đây là hoàn cảnh thôi. Em không muốn, nhưng không thể nào làm khác được... Hãy tha lỗi cho em!

-Có chuyện gì nữa vậy?

Tôi thắc mắc hỏi, hình như có vấn đề gì đó chẳng lành lại sắp xảy ra với con người đầy bất hạnh này. Nhìn qua cái WebCam nhỏ nơi góc màn hình Computer, khuôn mặt của cô gái hôm nay trông thật buồn, thỉnh thoảng lại đưa tay lên giụi mắt và hình như cô ta đang khóc thì phải? Tôi thấy bối rối khi mình chưa thật sự mang được niềm vui đến cho cô ta trong thời gian ngắn ngủi qua. Theo phản ứng tự nhiên tôi đặt nhiều câu hỏi, nhưng cô gái không trả lời trực tiếp mà cứ lặp đi lặp lại những lời lẽ ai oán thật não nề, khiến cho tôi cũng muốn rã rời tay chân theo. Cuối cùng, không chờ đợi được nữa, tôi đi thẳng vào vấn đề mà có lẽ vì tế nhị hay ngại ngùng, cô gái không dám đề cập đến:

-Anh có thể giúp gì được cho em trong lúc này?

Cô gái vẫn tiếp tục ì a:

- ... Tất cả chỉ vì hoàn cảnh thôi anh ơi! Ba em bệnh nặng không có tiền để giải phẫu trong khi lại phải sống lây lất ở ngoài trời mưa gió với đứa em gái nhỏ, vì nhà cửa đã giao cho chủ nợ từ lâu rồi. Em đau lòng lắm nên muốn hy sinh tất cả đời mình để cứu lấy gia đình. Em đã nhận tiền của người ta với lý do đó. Nói thiệt đó, em không xử dụng đồng nào cho bản thân hết...

Tôi thở phào nhẹ nhõm khi thấy vấn đề đã được khoanh vùng tương đối rõ ràng. Như vậy có nghĩa là cô ta đang gặp khó khăn về tài chính, nhưng còn chuyện phải hy sinh cái gì đó thì tôi vẫn thắc mắc:

-Em à, em nhận của người ta bao nhiêu tiền và người ta là ai vậy?

-Anh ơi, em không muốn nói ra điều này vì sợ mọi người sẽ khinh bỉ em, nhưng hết cách rồi..! Chỉ còn vài ngày nữa thôi, nếu không gặp lại trên Net nữa, thì hãy hiểu cho hoàn cảnh của em nha... Em không muốn ra đi, nhưng không còn sự lựa chọn nào khác và dù ở phương trời nào đi nữa, cũng sẽ không quên anh đâu. Hãy tha lỗi cho em!

Tôi chẳng hiểu cô gái đang lái nhải chuyện gì và tại sao không trả lời thẳng vào những câu hỏi của mình? Bây giờ tự nhiên lại có chuyện ra đi mà đi đâu, rồi lại chuyện không bao giờ gặp lại... Khó hiểu quá! Đầu óc của tôi cũng bị rối bời theo câu chuyện kỳ lạ này, nếu sự việc cứ mập mờ như thế mãi. Ước gì được ở Việt Nam ngay lúc này để trấn an, tìm hiểu và giúp đỡ cô ta một cách trực tiếp thì hay biết mấy! Sau một hồi tì tê ngắn dài thì cô gái cũng trở về thực tế. Con số một triệu đồng Việt Nam, là số tiền đang thiếu ai đó, làm cho tôi nhẹ nhõm thật sự:

-Em à! Tưởng gì nhiều lắm. Hãy an tâm đi, số tiền này anh có thể giúp cho em trả nợ ngay được mà! Đừng buồn nữa nha.

Tưởng rằng cô gái sẽ vui, nhưng không, cô ta đang hùng hổ quả quyết rằng tôi đã đọc sai con số, vì đó là con số mười chứ không phải con số một. Tôi ngạc nhiên về thái độ giận dữ lạ thường đó và cẩn thận xem kỹ lại con số mà cô ta đã viết đến ba bốn lần. Rõ ràng mình không đọc sai bao giờ và mặc kệ tôi chứng minh, cô gái vẫn thần nhiên kỳ kèo:

-Anh à! Một triệu đồng thì em đâu có cần tới sự giúp đỡ của người khác làm chi, em có thể kiếm được mà! Cái này là mười triệu lận đó... Số tiền này rất lớn đối với em, nhưng em biết chẳng đáng bao nhiêu đối với anh ở bên đó! Em không muốn làm phiền anh nhiều, nhưng đây là hoàn cảnh của em mà. Nếu đã thương thì thương cho hết đi! Đừng bỏ rơi em trong lúc tuyệt vọng này nha. Nghĩ tới nay mai phải ra đi em lo sợ quá. Đời em kể như hết từ đây... Mười triệu đồng lận đó anh ơi...

Tôi thấy khó xử trước tình huống bất ngờ. Linh tính cho biết, hình như có chuyện gì đó không được ổn ở đây cho lắm. Do vậy, tôi quyết định tìm hiểu thêm:

-Em đi đâu và tại sao phải ra đi?

-Chỉ còn vài ngày nữa thôi, nếu không có tiền trả lại cho người ta thì họ bắt em qua đó làm việc. Hiện giờ họ luôn canh chừng và theo dõi em, ngay tại dịch vụ Internet này cũng vậy. Nếu bỏ trốn họ sẽ giết, còn nếu muốn sống thì phải đi thôi. Em không muốn đi, em lo sợ quá! Cứu em với!

-Sao em không đến báo Cảnh Sát hay nhờ ai đó can thiệp? Tôi gọi ý.

-Trời ơi! Đây là Việt Nam chứ đâu phải là nước ngoài và anh làm như người ta quan tâm đến trường hợp của em lắm sao! Em đâu phải là người duy nhất gặp phải hoàn cảnh này. Anh biết không, ở đây người ta chơi luật giang hồ với nhau hàng ngày đó. Sợ lắm!

Tôi im lặng suy nghĩ. Cái đầu của mình bây giờ cũng lúng lúng theo lời kêu cứu của cô gái luôn rồi thì phải! Đến nước này rồi mà tại sao cứ còn muốn vòng vo úp mở hoài như thế? Tại sao cô ta cứ thích để cho người đối diện phải sống trong một tâm trạng thắc mắc lo âu như vậy hoài? Bực mình quá, tôi không muốn ở mãi trong thế bị động nữa, nên

điện thoại ngay đến dịch vụ Internet, nơi cô gái đang có mặt. Một giọng nói run run không rõ ràng xen lẫn những âm thanh ồn ào ở đầu dây bên kia vọng sang, làm cho tôi có cảm giác ngỡ ngàng yên tâm và vui vui đôi chút. Sau một hồi than thở ngắn dài, giọng nói của cô gái phứt chốc đã trở nên ríu ra ríu rít tự tin một cách lạ thường:

-...Anh nhớ gọi về ngay cho em nha! Gọi bằng dịch vụ chuyển tiền nhanh đó! Chỉ còn mấy ngày nữa thôi, nếu anh còn muốn gặp lại em được trong tương lai. Không có anh, đời em chắc sẽ kết thúc từ nay...

Đêm về, tôi mệt mỏi mang theo những lời nhắn gửi của cô gái đi vào giấc ngủ. Giấc ngủ sao cứ chập chờn lúc xa lúc gần theo lời thở than ấy, đôi lúc nghe giống như tiếng kêu cứu đầy tuyệt vọng của biết bao nhiêu con người nhỏ bé vùng vẫy giữa đại dương mênh mông trong cơn bão tố trên những con thuyền ọp ẹp vượt biên của thuở nào! Những cảnh cướp biển ghê sợ, hãm hiếp man rợ và chết chóc thảm thiết trên đường đi tìm tự do của bao nhiêu người Việt Nam vô tội cũng lần lượt hiện về trong giấc ngủ. Kìa là hình ảnh của những thanh niên Việt Nam đi làm nô công với đồng lương chết đói, bị đối xử tàn tệ và sống vất vưởng tại một số quốc gia quanh vùng hay ngày đêm phải ngụp lặn trong các hầm tàu ngộp ngạt hôi hám lênh dênh trên biển cả... Còn đây là những con người sống như những bóng ma ẩn hiện hay chui nhủi tại vài góc phố xa lạ nào đó trên hành tinh này, chỉ vì họ không có giấy tờ hợp pháp và không một quốc gia nào thừa nhận ngay cả chính quê hương của họ, như trường hợp của cả ngàn người Hmong đang gặp phải tại biên giới Thái Lan và Lào. Hình ảnh về số phận hẩm hiu của nhiều thiếu nữ Việt Nam khác đang bị ngược đãi, bị lạm dụng và bị làm dâu bắt dắc dĩ tại Trung Quốc, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore, Kampuchia... Mà báo chí thỉnh thoảng vẫn đưa tin, trong đó không ít nạn nhân là những cô gái Việt trẻ măng, mặt trét đầy son phấn đang nhún nhảy ngày đêm để mua vui cho du khách trong một khu phố ăn chơi nào đó và ngay tại chính quê nhà cũng ẩn hiện hoài trong giấc ngủ...

Không thể làm ngơ được, phải giúp cô ta thôi! Mười triệu hay hai triệu đồng Việt Nam hoặc nhiều hơn thế tôi vẫn có cơ hội kiếm được tại đây mà, chẳng lẽ lại ngoài mặt khi mình có thể làm thay đổi được số phận một con người? Thà đừng biết, chứ biết rồi mà để người ta đi vào con đường tuyệt vọng như vậy thì ác đức quá! Nhớ lại thuở chân ướt chân ráo đến đây, có vô số người không hề quen biết đã tình nguyện giúp đỡ, lo lắng và dìu dắt tôi một cách nhiệt tình mà không hề đặt điều kiện gì, ngoài việc chỉ mong cho tôi sớm hội nhập vào môi trường sống mới này... Bởi vậy tôi không có quyền quên đi những ngày tháng đó và lặng thinh trước lời cầu cứu của những người khác. Nhân dịp Loan ghé thăm, tôi đem chuyện này ra kể rồi hỏi:

-Em thấy sao về ý định giúp cô gái của anh?

Tôi im lặng nhìn mông lung ra ngoài cửa sổ chờ đợi. Bầu trời xanh trong hôm nay bỗng dưng có thật nhiều đám mây trắng nhỏ bồng bênh trôi qua thật thơ mộng, không giống như tâm trạng đang nặng trĩu của tôi lúc này chút nào.

-Anh nè! Loan lên tiếng: Theo em, anh nên đọc kỹ lại những lời đối đáp giữa anh và cô gái trong thời gian qua đi rồi sẽ hiểu ý em thôi!

Tôi không biết Loan muốn góp ý gì, nhưng làm theo ngay. Quả thực sau khi đọc đi đọc lại vài lần, tôi thấy câu chuyện có nhiều phần ngộ nghĩnh quá mà trước đó đã không nhìn thấy được. Đùng như Loan nói, có lẽ vì bị ám ảnh bởi nhiều số phận bị thương đã được chứng kiến hay thu nhận được từ các phương tiện thông tin, nên trong đầu tôi đã tự vẽ ra hoàn cảnh của cô gái xa lạ kia thêm phần bi thương hơn. Còn cô ta cũng không phải là tay vừa, luôn khéo léo lái tôi để đạt được mục đích được vạch sẵn...

-Anh thấy không? Đây chỉ là một trong số rất nhiều trò lường gạt xảy ra chung quanh chúng ta thôi! Tuy không mới

lạ gì nhưng vô số người nhẹ dạ vẫn bị vướng phải. Đánh vào tâm lý thương kẻ hoạn nạn của người ở xa, cô gái này đã liên tiếp tung ra những đòn độc chiêu để làm cho anh phải yếu lòng và sẵn sàng giúp đỡ. Em thấy, chỉ riêng cái khoảng thời gian quen biết chưa được vài hôm rồi trở nên thân thiện một cách lạ thường và vài ngày sau bỗng phải chia tay đột ngột với lý do bị đưa qua Thái Lan làm việc gì đó để trả nợ... Đã chứng tỏ cô ta là một người có kinh nghiệm trong bài bản này rồi. Chỉ vòn vẹn một tuần lễ thôi mà câu chuyện diễn tiến quá nhanh như vậy, đã gọi cho em nhiều nghi vấn ngay thôi.

Tôi thăm phục sự sáng suốt của Loan và chăm chú theo dõi tiếp. Loan nói:

-Không chừng, anh mới là nạn nhân chứ không phải cô ta đâu. Nghe nói, những người chuyên dùng mảnh khóe tương tự như thế này để lừa gạt người khác qua mạng Internet ngày nay rất đa dạng. Họ luôn đánh nhanh rút gọn dù được hay không và luôn thay đổi nội dung với những cái Nick mới lạ. Ai nhẹ dạ thì bị họ tấn công liên tiếp bằng nhiều lời lẽ ngon ngọt và người đối diện không có đủ thời gian và sự yên tĩnh để đọc và suy nghĩ sự việc đúng sai trong khi đang Chat như thế này. Nó không giống như hình thức viết thư hay Email cho nhau, vì khi Chat thì sự việc tuôn chảy nhanh hơn, nhiều khi câu hỏi và trả lời chẳng bao giờ khớp với nhau cả, nên dẫn đến sự hiểu lầm không hay. Anh nên cẩn thận, kéo lại giúp người một cách không đứng chỗ đó!

Tôi thăm cảm ơn Loan và thấy mắc cỡ về sự hiểu đời còn ít ỏi của mình. Nếu tình cờ Loan không ghé thăm, thì nay mai tôi sẽ tiến hành việc giúp cô ta một cách vô nghĩa rồi!

-Vậy theo ý Loan, anh cần phải làm gì đây? Chẳng lẽ nói toạc ra với cô ta về việc này hay là cứ tiếp tục trò đùa như thế này?

Loan vui vẻ góp ý:

-Việc này tùy anh quyết định thôi và hãy làm theo những gì anh cảm thấy đúng. Em chỉ là người phân tích khách quan những đúng sai mà mình thấy được. Tuy nhiên, em phải khen ngợi anh là đã nhập vai một cách xuất sắc đó, nhưng cô gái kia mới thật sự là một diễn viên tài giỏi hơn anh nhiều. Nè, anh nghĩ lại coi! Lúc nào cũng than thở đủ điều, vậy mà từ lúc quen biết tới giờ, ngày nào cũng có mặt ở dịch vụ Internet tới gần sáng. Thử tính coi, mỗi giờ trung bình phải trả ít nhất ba ngàn đồng, ngồi cả ngày đêm như vậy chưa kể tiền ăn uống linh tinh... thì đâu phải là người nghèo khó gì cho lắm! Nếu là người đang hoang, thay vì dùng thời gian và tiền bạc để tìm người tán dóc linh tinh như vậy, cô ta đã tìm một việc làm gì khác có ý nghĩa hơn rồi, phải không anh?

Tôi thận trọng về sự khù khờ của mình. Nói thật, nơi xứ sở tôi đang sống hầu như những con người với hoàn cảnh hẩm hiu như cô gái kia đã kể, luôn được sự quan tâm giúp đỡ của các hội đoàn từ thiện, tôn giáo, xã hội hay từ phía chính quyền rồi. Người ta không cần phải bày chuyện này chuyện kia ra, để nói dối đủ điều mới mong được sự giúp đỡ của người khác. Tôi không muốn trách móc hay giận hờn gì cô gái kia hết, chỉ hơi buồn là kết quả của sự quen biết này diễn ra không như ý muốn. Có thể môi trường cô ta đang sống, những chuyện như vậy xảy ra hàng ngày là bình thường cũng nên. Tuy nhiên, nói cho cùng thì qua đó, tôi cũng hiểu thêm về chính bản mình nữa, khi nhận ra tâm hồn mình không bị chai sạm trong cuộc sống đua chen với nhiều vật chất này. Nó vẫn luôn rung động và cảm thông trước niềm vui và nỗi đau của người ác, y như tôi đã sống với nhân vật mà cô gái đã vẽ ra. Hy vọng rằng câu chuyện này sẽ không bao giờ có thực.

Cứ cho rằng cô gái đã an lòng với số phận đầy đọa như thế, nhưng không, cô ta vẫn xuất hiện đều đặn và để lại trên màn hình những lời nhắn tin:

-Anh ơi! Em mừng quá khi người ta bằng lòng cho em trả thêm tiền lời trong mấy ngày tới. Anh gửi tiền về nhanh

lên để em trả nợ nha! Em sẽ không đi qua Thái Lan nữa đâu...

-Anh ơi, em quên cho anh biết, Ba em cũng là Sĩ Quan chế độ cũ đó... Anh gắng giúp... Khó lắm...

Tôi lặng thinh khi đọc những dòng chữ này, vì chẳng hiểu là thực hay giả khi nó không còn đủ sức để lôi cuốn tôi nữa. Không phải là ích kỷ gì, nhưng cũng như Loan nói, tôi muốn sự giúp đỡ phải được đặt đúng chỗ, bằng không thì chỉ là trò cười cho thiên hạ. Vài người bạn xa gần có ít nhiều kinh nghiệm trong vấn đề tương tự khuyên:

-Cứ cho cô ta ăn bánh vẽ đi! Hứa đủ thứ này nọ rồi gọi về cho cô ta một bao thư trống rỗng. Có trời mới biết thật hư ra sao khi trong đó không có tiền... Và cô ta sẽ tự hiểu thôi.

Mỗi người có cách giải quyết riêng và đều có lý lẽ của họ, tôi tôn trọng tất cả ý kiến đó. Riêng tôi chẳng làm gì hết ngoài sự yên lặng và ghi nhớ sự việc này để lần sau giải quyết tốt đẹp hơn. Tôi không thích chơi trò hứa cuội hay đùa giỡn vô ý thức trước sự hy vọng của người khác. Dù chỉ là một trò đùa trong chốc lát, nhưng không những cô ta mà cả chính tôi cũng gắm vào đó những suy tư và cảm xúc thật của mình, do vậy nếu cứ tiếp tục, chắc chắn kết quả sẽ không hay lắm, biết đâu sẽ dẫn đến việc oán thù nhau lâu dài... Tôi vẫn quan niệm rằng, khi không thể nói với nhau được những lời chân thành, thì tốt hơn nên giữ im lặng. Đừng nên dùng lời lẽ mỹ miều không thật mà lừa dối hay tăng bốc nhau, để rồi khi trò đùa chấm dứt, tất cả đều sẽ cảm thấy hụt hẫng chơi vui trong kiếp sống.

Thời gian âm thầm trôi qua, hôm rồi tình cờ đọc được một bài báo nói về việc giải thoát cho vài cô gái Việt tại các nhà Thở ở Campuchia và Đài Loan, chợt làm cho tôi nhớ đến cô gái quen biết qua Internet ngày nào. Không biết bây giờ cô ta ra sao? Có còn thường xuyên ngồi liên tục hàng giờ trong các dịch vụ Internet nữa không? Hy vọng trong số những cô gái vừa được giải thoát kia, không có số phận của cô ta trong đó. Nếu có, chắc tôi phải xấu hổ lắm vì đã không cho cô ta một cơ hội, khi tôi có thể.

Tôi vẫn biết, cuộc sống sẽ đẹp và có ý nghĩa thêm khi người ta chỉ cần dành vài phút giây im lặng trong tâm hồn mỗi ngày để nhìn lại chính mình. Tuy nhiên, có những người không thích làm như vậy, nên bước chân của họ cứ bị hụt hẫng mãi. Quá khứ luôn là một bài học quý giá cho tương lai, như việc tôi đã được người khác giúp đỡ và cần phải bắt chước theo. Do vậy, đến hôm nay tôi vẫn thăm mong mình mang được nhiều niềm vui và hạnh phúc đến cho bất cứ ai đó, kể cả cô gái xa lạ hôm nào, nhưng không phải bằng trò đùa như đã qua...

Bây giờ ở đây trời lại vào hè. Tháng này là tháng của sự nghỉ ngơi vui chơi đối với mọi người. Học sinh, sinh viên ở mọi nơi không biết có còn thích viết cho nhau những dòng lưu niệm để thương đầy chân tình trong các quyển lưu bút như thuở tôi còn cấp sách đến trường không? Nhưng các bạn đồng nghiệp chung quanh tôi, ai cũng chúc mừng nhau có một kỳ nghỉ hè tuyệt vời và tôi tin tưởng đó là những lời chân thật.

Chung quanh tôi, ánh nắng ấm áp vẫn chan hòa cùng màu xanh tươi mát của cây lá. Đầu đó trên cành cây, những chú chim vô tư đang ríu rít gọi nhau thật vui nhộn. Có lẽ, những chú chim nhỏ này không bao giờ biết hát sai những điệp khúc mà thiên nhiên đã trao tặng... Thật kỳ diệu!

(Linz – Austria Juli - 2005)

Bản đàn ma



● Hà Ngọc Bích

"Một ngọn đèn xanh lửa đỏm,
hắt hiu tranh sáng với loài ma,
Bao phen dặm cát bụi hồng,
tất cả khêu cười cho lũ quỉ" (1)

Tình Long Hồ có Vũ Sinh chơi đàn nổi tiếng tài hoa, vốn dòng dõi nho gia thanh bạch. Sinh từ nhỏ đã say mê nghiệp cầm ca, thích hơi đàn cò hay đàn gáo nhưng đặc biệt nhất là đánh đàn độc huyền. Chàng tính tình nhã nhặn, được cha mẹ cho theo học với một ông Đồ nhưng Sinh hay xao lãng việc đèn sách, ngày ngày chỉ đam mê cung đàn tiếng nhạc, vì vậy cha vẫn rầy rắng luôn. Tuy nhiên Sinh chứng nào tật nấy không thể bỏ được, riết rồi cha chàng cũng bỏ mặc kệ cho. Nơi nào có những Cầm sư nổi tiếng là chàng cũng cố tìm đến, mong học hỏi cho được tuyệt nghệ, đạt đến mức tuyệt đỉnh của tiếng đàn.

Gần nhà chàng có một bến đò trên sông lớn, khách thập phương thường hay qua lại nên có một người nghệ sĩ già, mù cả đôi mắt hay ngồi gầy độc huyền cầm làm phương tiện kiếm ăn. Sinh thường hay lên cha đến bến đò để ngồi nghe hàng giờ tiếng đàn của người nhạc sĩ, nhiều khi quên cả bữa cơm chiều. Tiếng độc huyền cầm lạnh lạnh, ai oán tài hoa dường như đã đến chỗ tột cùng, đôi khi kèm theo vài câu vọng cổ muối rệu thê lương của người nghệ sĩ mù đã làm cho Sinh say mê như điếu đổ. Riết rồi người nghệ sĩ mù cũng biết tật đam mê của chàng mà dần dà đem lòng thương mến kẻ đồng điệu nên không ngần ngại truyền lại cho Sinh kỹ thuật đánh đàn độc đáo dị thường của ông ta. Dần dần chàng đạt được đến chỗ sở trường và nổi tiếng đàn hay nhất trong vùng, ít người sánh kịp.

Các bạn hữu thường hay tụ họp tại nhà chàng để nghe Sinh đánh đàn, dần dần phóng túng quên hẳn việc học hành nên có vài người trách chàng phóng túng quá độ, trở thành kẻ phóng đảng đam mê nghệ thuật cầm ca. Sinh chỉ cười mà không giận. Chỉ có một lần, nhân khi cao hứng chàng mới cảm khái bảo các bạn thân:

- Phàm là người trần tục thì ít ai được phẩm cách thanh cao tột cùng, toàn thiện toàn mỹ mà luôn luôn phải có một cái gì tạm gọi là đam mê phóng túng, nên cổ nhân vẫn thường nói: Nhân vô thập toàn, là vậy.

Nếu tiểu đệ giả sử chẳng may đam mê rượu chè be bét, ngày say lướt khướt tới đến lè phè, chẳng biết trời đất là gì thì chẳng những thân tàn ma dại, tàn phá sức khỏe mà tránh sao cho khỏi bạn hữu cười chê? Giả như tiểu đệ lại đam mê hút sách, nằm dài kéo ro ro ngao này đến ngao khác, đi mây về gió, sớm tối làm bạn với tiên nữ Phù Dung, gia nhập vào hàng công dân làng bẹp, xem đời như giấc mơ dài thật là mất hết cả khí phách của đấng nam nhi vậy. Lại nữa, nếu sanh tật muốn hít bạch phiến, tự phá hoại cuộc đời, chỉ mê vào thế giới ảo tưởng, mơ mơ màng màng cảm thấy bay bổng phiêu diêu. Chẳng có việc gì xấu xa mà chẳng dám làm, miễn sao có tiền để mua cho đủ thuốc dù phải bán vợ đợ con, bỏ bê cha mẹ già yếu, làm chồng bất nghĩa, làm con bất hiếu, thật đáng hổ thẹn cho một kiếp người.

Ngưng lại một lát để nhìn các bạn hữu, chàng lại tiếp:

- Giả sử tiểu đệ lại sanh chứng đam mê cờ bạc đồ đen, ngày tối máu mê chỉ nghĩ tới quân bài và đồng phỉnh, vận số may rủi phó mặc cho thần tài. Rồi thì nhà cửa bán dần, vợ con đói rách, quyết tiền quyết nợ, trăm ngàn đồ đi mất lúc phui tay trắng cả cuộc đời. Có được đồng nào cũng đem nướng sạch mà tật vẫn không chữa rõ đúng là phường để tiện ngu si.

Đó là chưa nói đến nếu tiểu đệ lại lỡ đam mê sắc dục, chìm đắm lẫn lóc trong vòng tục lụy, dâm dục đến mức tột cùng. Thật chẳng khác gì giống súc vật chỉ mong thỏa mãn được dục tính bất kể hình thức sa đọa hay tội ác nhớp nhơ, ngày tối chỉ mong gần kề nữ sắc thì hổ sấu tội lỗi biết kiếp nào mới hết được.

Nay tiểu đệ không đam mê các thứ trên để bỏ phí cả đời người mà chỉ đam mê lời ca tiếng nhạc, âm điệu réo rắt du dương, khi trầm khi bổng như đưa tiểu đệ vào một thế giới thanh cao huyền ảo kỳ diệu của âm giai. Trời đất sinh ra, tiểu đệ không thể là ngoại lệ được, nên từ nhỏ đã say mê âm nhạc gần như dòng máu đã mang sẵn âm điệu mang mang của tiếng nhạc rồi. Tiểu đệ chỉ mong ngày tháng tiêu dao với cung đàn tiếng nhạc, mượn tiếng cầm ca để cho tâm hồn mình rung cảm thênh thang, lòng mình sáng khoái lâng lâng quên hết các việc phiền toái của thế gian trần tục.

Tuy phóng túng thì thật là phóng túng, đam mê thì thật đam mê nhưng chẳng qua cũng chỉ là một thú vui tao nhã trong sạch, không đối hại ai, không lường gạt kẻ khác hay làm một việc bất nhân bất nghĩa nào. Tiểu đệ vui lòng với cuộc sống đạm bạc, tự nghĩ mình vẫn giữ được tinh thần của một kẻ sĩ, không điên đảo đảo điên, lấy đen làm trắng, lộng giả thành chơn mất hết cả thiện tâm. Cho nên nghĩ lại dù nay có phải đam mê cái nghiệp cầm ca đi nữa thì như vậy cũng vẫn là may cho tiểu đệ lắm rồi, thật không dám mong muốn gì hơn nữa.

Các bạn Sinh cũng đành chịu, không biết phải nói làm sao.

Một hôm cao hứng đi thăm người bạn thân ở xa. Mải mê trò chuyện gần như quên về. Bạn cố giữ lại qua đêm nhưng Sinh cao hứng bảo là trăng sáng, chàng lại quen đường, sẵn dịp đi dạo dưới ánh trăng ngang qua khu rừng thưa cũng là một điều thích thú nên thơ vậy. Trăng treo vàng vạc trên đỉnh đầu, tỏa rộng xuống khu rừng thưa hoang vắng, soi rõ con đường sỏi đất ngoằn ngoèo tĩnh mịch như một dải lụa vàng. Ánh trăng ngà mờ ảo mông lung, tràn ngập một bầu ánh sáng huyền diệu như đưa con người vào một thế giới liêu trai huyền ảo xa xăm nào. Chợt đâu có tiếng độc huyền cầm ảo não bi ai, ma quái vang lên trong đêm vắng, nửa xa nửa gần khi thì đứt đoạn dường như có một mãnh lực vô hình nào thu hút chàng vậy. Sinh vốn bản tính gan lì, không biết sợ là gì lại vốn có tật si mê tiếng đàn cung nhạc nên không ngần ngại tìm đến nơi phát ra tiếng đàn kỳ diệu mà chàng mới nghe được lần đầu. Từ xa ánh đèn leo lét dường như từ một ngôi nhà cổ của một vị quan hồi hưu đã quá cố, có lẽ bỏ hoang trên năm chục năm rồi mặc cho dậu đổ bìm leo, tường xiêu vách ngã. Tiếng đàn vẫn man man bất tận quái đản mê hồn dìu dặt đưa đến. Sinh với

bước nhanh đến gần để chợt nhìn thấy dưới ánh đèn vàng leo lét một thiếu nữ mảnh mai xinh đẹp lạ lùng, mái tóc đen xõa dài, đang ngồi đánh đàn độc huyền. Chàng mê mẩn đứng yên nghe đàn kỳ bí, âm điệu lạ kỳ dường như không có ở chốn trần gian.

Tiếng đàn chợt ngưng bật rồi một giọng lạnh lẽo liêu trai bảo chàng:

- Người là ai mà dám đến chỗ hoang vắng này, không sợ ma thiêng quỷ dữ làm hại người à?

Sinh lật đật giải bày:

- Cô nương, xin đừng hiểu lầm. Tại hạ tuy là một lãng tử nhưng cũng siêng đọc sách thánh hiền, biết điều lễ nghĩa, giữ mình ngay thẳng theo đúng gia phong, quyết không có lòng tà vạy hay dám có một cử chỉ khinh bạc nào đối với cô nương đâu. Chẳng qua vì tôi cảm lòng không được trước tiếng đàn nỉ non ai oán tuyệt vời của cô nương nên không câu nệ tìm đến để nghe, vô tình phá rối sự yên tĩnh của cô, xin cô nương tha lỗi cho.

Thiếu nữ nở một nụ cười quái đản nhìn chàng rồi dịu giọng bảo:

- Người cũng biết đàn độc huyền à? Vậy cũng là một kẻ tri âm đồng điệu. Từ lâu ta không có bạn hữu, đâu người hãy đánh cho ta nghe một bản xem sao?

Sinh không dám chối từ lại cũng muốn làm quen với thiếu nữ nên xin phép ngồi xuống bên cạnh để cho tâm hồn lắng đọng lại rồi bắt đầu dạo một bản đàn độc huyền đặc ý nhất của chàng. Tiếng đàn trầm bổng du dương lạnh lẽo vang lên giữa đêm trường vắng lặng. Thiếu nữ trầm ngâm thích thú lắng tai nghe rồi mỉm cười bảo chàng:

- Kể ra người cũng là một kẻ tài danh trên dương thế, ít người theo kịp. Tuy nhiên vẫn chưa phải là bậc kỳ tài điều luyện đạt đến chỗ mê hoặc được lòng người.

Sinh áp ứng nhìn thiếu nữ như cầu khẩn:

- Tại hạ vẫn biết mình chưa thấu triệt đến chỗ tinh vi, nghệ thuật vẫn còn kém cỏi, tiếng đàn phát ra chưa xuất thần để đưa con người vào thế giới mộng ảo của âm giai. Nay gặp cơ hội hiếm có này, mong sao cô nương không chê tại hạ là kẻ ngu đần mà chỉ điểm cho thì thật là duyên phận may mắn của tại hạ vậy.

Thiếu nữ nhìn chàng với nhiều thiện cảm rồi điềm đạm bảo:

- Bản nhạc người lén nghe hồi nãy vốn là một tuyệt tác hiếm có của cõi âm, đã thất truyền từ lâu nên âm điệu thật là réo rắt, bi ai man man bắt tận đầu để gì cho người dương thế có dịp nghe được. Tuy nhiên vì là một vật u linh của cõi vô hình nên mang âm khí nặng nề, u hồn uất ức. Người dương thế không nên nghe, làm tổn mất tuổi thọ. Ta vì thấy người là một hàn sĩ nho phong lại có lòng dạ ngay thẳng đồng thời cũng là một tri âm biết thưởng thức tiếng đàn, chớ đâu có tiếc gì mà chẳng truyền lại cho người đâu.

Sinh vì quá đam mê bản nhạc kỳ bí lạ lùng nên liều lĩnh bất chấp đến thân mạng, cố nài nỉ cầu khẩn thiếu nữ:

- Cô nương, ngày xưa Sư Khoáng vì muốn thấu đạt đến mức tột cùng của tiếng đàn mà còn dám tự làm cho mù cả đôi mắt để không còn bị ngoại cảnh chi phối nữa. Tôi nay cũng vì nghệ thuật, chỉ mong học được đến chỗ tuyệt đỉnh cao siêu dù có phải mất đi một vài năm tuổi thọ cũng cam chịu mà! Và lại cô nương và tôi vốn không thù oán, lại có duyên một lần gặp gỡ nên tôi tin chắc là cô không có lòng nào nỡ hại một hàn sĩ như tôi đâu!

Thiếu nữ nhìn Sinh, mỉm cười bảo:

- Người thật đúng là một kẻ đam mê ngông cuồng. Thôi được, ta sẽ truyền lại cho người bản đàn bất hủ này để cho nó khỏi mai một, nhưng người nhớ là sau này không được hối tiếc oán hận ta nhé. Đó là nghiệp số của người. Cũng may, người là người có thiện lương, trồng nhiều căn lành từ kiếp trước nên sau này người sẽ gặp được một duyên may hóa giải cái tai ách cho người vậy.

Sinh mừng rỡ thốt lời cảm ơn rồi rít, chỉ mong sao mình học được bản đàn ma, tuyệt không chút gì lo nghĩ đến cảnh

người dương thế kẻ âm cung khác biệt. Vì là người thông minh đĩnh ngộ, có thiên tư về nhạc khí, lại vốn sở truyền về môn độc huyền cầm, đồng thời cũng nhờ thiếu nữ tận tình chỉ dạy cho nên chàng lãnh hội được nhanh chóng. Sinh mê mẩn cố sức tập dượt quên cả mệt nhọc nên dần dà hiểu được nhịp nhàng, có chỗ nào sai thì thiếu nữ lại nắn sửa cho, chỉ mong cố học cho hết bản đàn kỳ diệu, sẽ không có dịp may lần thứ hai nữa.

Đêm trường qua nhanh chóng. Từ thôn xóm xa xa vắng lại tiếng gà gáy sập sảng. Thiếu nữ nhìn chàng cười bảo:

- Nay người đã đạt được gần đến chỗ điều luyện tuyệt kỹ của môn độc huyền cầm, khó có người bì kịp ở chốn trần gian. Chỉ cần người chịu khó tiếp tục trau dồi luyện tập là có thể xem như người độc nhất ở thế gian đánh được bản đàn tuyệt tích này đến chỗ độc đáo tột cùng. Tiếng đàn của người đã đến mức phát ra được âm khí vô hình, ta không còn gì để chỉ dạy thêm cho người nữa, xem như duyên phận gặp gỡ đến đây là chấm dứt. Tuy nhiên để kỷ niệm cuộc tao ngộ, ta tặng cho người cây đàn độc huyền cổ này, nó là một linh vật đã theo ta từ lâu lắm rồi.

Sinh bịn rịn xá dài người thiếu nữ, áp ứng nói không ra lời từ biệt...

Từ đó chàng nổi tiếng là một nhạc sĩ tài hoa nức tiếng trong vùng, đặc biệt là đàn độc huyền, không có một Cầm Sư nào có thể qua mặt chàng được. Tuy nhiên chỉ có vào những đêm trăng rằm vàng vạc mờ lung, người ta mới chợt nghe vắng lên từ căn nhà lá của chàng một bản nhạc kỳ bí lạ lùng, mơ hồ huyền ảo tuyệt vời. Tiếng đàn réo rắt ai oán nhưng lại dường như toát ra một cái gì âm u quái đản, lạnh khí rợn người lôi cuốn người nghe vào một thế giới vô hình, u minh vọng động. Không ai biết bản đàn ấy xuất xứ từ đâu và làm sao Sinh lại có được. Có hỏi chàng, Sinh cũng chỉ đáp âm ừ nên thiên hạ đồn đãi là chàng đã được một bản đàn ma.

Ngày tháng trôi qua, Sinh vẫn sống đạm bạc tương chao rau cải qua ngày, vui với cảnh bần hàn thanh bạch không mơ ước cầu mong một điều gì nhưng chàng vẫn chứng nào tật nấy không bỏ được tật đam mê cung đàn tiếng nhạc. Tuy nhiên gần đây sức khỏe chàng càng ngày càng thấy yếu kém, người xanh xao, tâm thần đôi khi hoảng hốt vật vờ như người mắc phải bệnh âm tà dù cho có nhờ các thầy lang mát tay điều trị cũng vẫn không hết được.

Một hôm rảnh rỗi vắng người, chàng đang ngồi thưởng thức một ấm trà xanh, đột nhiên cảm thấy cao hứng nên mang chiếc đàn độc huyền cổ ra dạo chơi vài khúc. Lần hồi tâm thần mê mẩn, Sinh lại đánh đến bản đàn ma mà chàng đã thuở nào mê mẩn. Tiếng đàn ai oán, liêu trai kỳ bí mơ hồ đưa Sinh dần dần vào một cõi u minh của những hồn ma bóng quế.

Chợt đâu có tiếng niệm Phật hiệu vang lên trước cổng nhà. Sinh chợt tỉnh, vội vã chạy ra để kịp nhìn thấy một vị Đâu Đà hành cước tăng đứng chờ khát thực. Vị lão Sư, tăng bào rách nát, dép cỏ te tua nhưng vẫn không mất vẻ tiên phong đạo cốt của một nhà tu hành giác ngộ. Vốn là một Phật tử thuần thành, luôn luôn kính trọng các vị Tăng Ni nên Sinh trình trọng lễ phép mời vị lão tăng vào nhà.

- Đại Sư chắc từ phương xa đến, có lẽ mệt lắm. Vậy có thể tạm nghỉ chân để tiểu sinh được dâng chén trà xanh và một ít trái cây của vườn nhà cho Đại Sư đỡ lòng, có được chăng?

Vị Sư nhìn chàng hồi lâu rồi vui vẻ nhận lời. Vào trong nhà, vị Sư nhìn cảnh nhà thanh bạch không có gì quý giá, vài pho sách cũ trên kệ, nhưng đặc biệt lại có nhiều nhạc khí nhất là một cây độc huyền cầm chắc đã cổ xưa lắm rồi nên trở vắn tuyệt đẹp, lên nước bóng láng lạ kỳ.

Sinh trình trọng rót trà, bưng trái cây ra mời vị lão tăng rồi lễ phép đứng hầu một bên. Vị lão tăng chợt hỏi:

- A Di Đà Phật. Chắc thí chủ là người tài hoa, sành âm điệu nên xử dụng được nhiều nhạc khí và khi này Bản tăng đã vô tình được nghe qua tài nghệ tuyệt học của thí chủ.

Sinh khiêm tốn đáp lời:

- Tiểu sinh thật đáng trách, suốt đời lỡ đam mê nghệ thuật cầm ca đặc biệt là thích chơi đàn độc huyền. Thật là bê bối phóng túng đáng chê trách, nói ra chỉ e Đại Sư cười cho. Các bạn hữu vẫn thường chế nhạo nhưng tiểu sinh vẫn không thể bỏ được, đành phải chịu vậy.

Nhà Sư nở một nụ cười từ bi nhìn chàng:

- A Di Đà Phật. Bản tăng muốn có đôi lời khuyên giải, không biết thí chủ có tùy duyên chấp nhận không?

Sinh vội vã đáp:

- Được nghe lời giáo huấn của Đại Sư là cái phước phần của tiểu sinh rồi. Mong sao Đại Sư từ bi hỉ xả mà chỉ rõ chỗ u mê ngu tối cho tiểu sinh được nhờ.

- A Di Đà Phật. Thật là thiện tai. Thí chủ, đam mê một cái gì dù cho đẹp đẽ thanh nhã đến đâu cũng vẫn là một đam mê, một hình thức trói buộc. Nay thí chủ vẫn còn đắm say trong vòng âm sắc, tuy có tao nhã thanh khiết nhưng cũng vẫn là đắm say thế tục. Tâm vẫn còn vọng niệm khát khao, dính mắc vào lời ca tiếng nhạc, vào thế giới huyền ảo của âm thanh nên vẫn là một trói buộc lôi cuốn vào vòng lẩn quẩn của sinh tử luân hồi. Khẽ nhắm cặp mắt lại một lúc, nhà Sư chậm rãi tiếp:

- Bản đàn mà thí chủ mới đánh hồi nãy, tuy hiếm có ở cõi trần, thật là một tuyệt khúc vô giá, nhưng Bản tăng nhận thấy nó mang nhiều âm khí nặng nề, u hồn quán quít vốn không phải thuộc chốn trần gian nên người dương thế giữ nó chỉ e có hại đến tính mạng thôi. Lão tăng đã nhận thấy ra trên ấn đường của thí chủ ẩn hiện nhiều âm khí.

Sinh không dám giấu giếm nhà Sư nên đem chuyện kỳ ngộ ngày trước thuật lại. Vị Sư già trầm ngâm chốc lát rồi bảo chàng:

- A Di Đà Phật. Thật ra người ấy không có lòng muốn hại thí chủ, nhưng dù sao bản đàn ma ấy vẫn là một vật bất tường, chỉ có người ở chốn u minh mới dùng được. Bản tăng với thí chủ có chút duyên phần gặp gỡ, thấy người mắc nạn không cứu thì trái với đức từ bi của nhà Phật. Thí chủ hãy nghe lời lão tăng mà đốt cây đàn cổ ấy đi, dù cho nó có là một bảo vật hiếm có nhưng vốn là một vật u linh của âm giới, giữ nó chỉ có hại cho thí chủ. Vậy nên trả nó về cho người khuất mặt nơi cõi u minh.

Sinh kính cẩn vâng lời. Nhà Sư lại tiếp:

- Bản tăng còn có một vật mọn xin tặng thí chủ, có thể giải trừ tai ách được.

Nói xong vị lão tăng lấy từ trong túi ra một viên thuốc màu vàng nhạt và đưa cho chàng. Sinh trịnh trọng đón nhận rồi bịn rịn tiễn đưa vị lão sư lên đường....

Từ ngày uống viên thuốc của nhà Sư cho, Sinh dường như tỉnh giấc mộng dài. Chàng không còn thấy lưu luyến đam mê bản đàn ma nữa và nhớ lại lời của nhà Sư, chàng khẩn vội rồi đem đốt cây độc huyền cầm cổ quái. Tinh thần chàng trở nên minh mẫn sáng suốt, sức khỏe cũng dần dần bình phục dường như không còn chịu ảnh hưởng của cõi vô hình nữa. Cho đến tiếng đàn điều luyện tài hoa, ngọt ngào thanh thót của chàng cũng mất hẳn đi cái âm điệu quái đàn âm u rờn rợn khó giải thích được của ngày trước. Thời gian sau, không còn ai nghe được bản đàn ma kỳ bí nữa, có hỏi thì Sinh bảo là đã thật quên hết và đã trả nó về vĩnh viễn cho cõi vô hình u minh huyền bí, không còn để lại một dư âm gì ở chốn trần gian nữa.

(Paris)

Tài liệu tham khảo:

- (1) Khuyết danh, không nhớ rõ xuất xứ. Xin tạ lỗi.
- (2) Liêu Trai Chí Dị, Bồ Tùng Linh - Đào Trinh Nhất "Người dạy ma đàn", NXB Xuân Thu.
- (3) Điển Tích Chọn Lọc, Mộng Bình Sơn "Giang Châu Tư Mã" Bạch Cư Dị, NXB Xuân Thu.

Thơ : Diệu Trân

Thấy Rồi



Thấy rồi,
Mây ngũ sắc
Thuyền Bát Nhã ra khơi
Biển trầm luân khô cạn
Thuyền trôi trên mây trời

Thấy rồi,
Giọt nước mắt
Tuệ nhãn bừng tâm si
Tóc râu Xá Lợi Phát
Rụng trên đường Phật đi

Thấy rồi,
Tâm sám hối,
Từ vết chém giây oan
Là nợ duyên tiền kiếp
Vay, trả, đều hân hoan

Thấy rồi,
Sương dốc núi
Phủ một trời hoa bay
Tạ ơn người đã mở
Vòng tay lỏng xương gầy

Thấy rồi,
Ai thấy tôi ?
Chân trần, áo rách vai
Lành lặn tâm an tịnh
Là cùng Phật, không hai.

(Mùa Sen tháng 7, 2005)

Hạt giống Như Lai

● Diệu Trần

Tiếng gõ cửa dồn dập, khẩn cấp, nóng nãy, cuồn cuộn... Tôi buông cuốc, không kịp rửa tay, vừa chạy lên nhà trên, vừa chùi hai bàn tay bết bùn vào quần jeans.

Cửa mở. Bạn ào vào như cơn lốc, nước mắt tuôn như suối, nức nở như sấm chớp mưa giông! Tôi dùng nguyên bàn tay lem luốc, ấn mạnh bạn xuống ghế và ra lệnh:

- Ngồi yên đó, ta rửa tay, pha trà xong rồi hãy khóc tiếp.

Không ngờ trong tình cảnh đó, bạn lập tức tuân hành mệnh lệnh, nín bật, không cả tiếng sụt sùi. Được đáp ứng bất ngờ, tôi lại là người bối rối. Tôi cố tình đổ nước vào ấm thật đầy, để lâu sôi, cố tình nhẩn nha rửa bình trà dù bình đã sạch lấm. Tôi câu giờ chuyện pha trà vì chưa biết sẽ mở lời với bạn thế nào. Cùng học đạo với nhau đã lâu, tôi chưa bao giờ thấy bạn tỏ lộ sự bi thảm đến thế! Tôi phải làm gì để chia sẻ với bạn đây?

Đặt khay trà xuống bàn, chúng tôi nhìn nhau, im lặng. Chắc bạn khóc đã nhiều trước khi đến đây, đôi mắt mới đỏ ngầu, sưng húp thế kia. Hai bàn tay bạn run rẩy, xoắn vào nhau. Hình như bạn đang cố dùng lực xiết mạnh vào hai tay để nén tiếng khóc. Tôi buột miệng:

- Khóc đi! Đừng giữ lại! Nước mắt tuôn ra nhẹ ngàn lần hơn nước mắt nuốt vào!

Như chỉ chờ có thế, con đê vỡ bung, sức nước hung hãn cuốn phẳng làng mạc, thôn xóm. Đột nhiên, không biết bắt nguồn từ dây mơ rễ má nào, câu thơ của Thầy Tuệ Sỹ vụt ngang như lấn chớp: "Nước lũ tràn. Em nhỏ chết đuối. Tôi ngồi trên bờ. Vuốt ngọn cỏ mơ". Khi viết câu này, không biết Thầy Tuệ Sỹ viết về tình huống nào, tâm trạng nào nhưng vô tình lại đang tả tình tả cảnh rất đúng với hai chúng tôi, một đứa đang khóc như sông trôi mùa lũ, một đứa lại thản nhiên như kẻ ngồi trên bờ, vuốt ngọn cỏ mơ. Cảm ơn Thầy Tuệ Sỹ, chính hai câu thơ xẹt ngang khung trời giông bão này đã giúp tôi cách chia sẻ niềm đau khổ với bạn. Tôi cứ ngồi yên, nhìn bạn khóc, thỉnh thoảng tiếp tế giấy lau. Không biết bao lâu, rồi mưa cũng phải ngớt, gió cũng phải ngừng. Tôi rót trà vào tách, đưa cho bạn. Bạn đỡ lấy, nhìn tôi, rồi lí nhí mở lời:

- Đạo hữu biết không

Đã có chủ định, tôi chặn ngay:

- Không, tôi không biết, chuyện gì cũng sẽ kể sau. Ngày mai phải trả bài cho Thầy rồi mà tôi còn nhiều điểm lúng túng quá, bạn phải giúp tôi với. Tư tưởng Kinh Duy Ma cao siêu, nhiều ẩn dụ quá, như khu rừng thiên mệnh mông, không cần trọng là lạc ngay.

Quả nhiên, bạn bị tôi lái nhẹ sang hướng khác mà không hay. Bạn vừa lau nước mắt, vừa hỏi:

- Minh đang học Kinh Duy Ma Cật, phẩm thứ tám phải không?

- Đúng, phẩm "Phật Đạo" đó. Khi ngài Duy Ma hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi "Những gì là hạt giống của Như Lai?" câu trả lời của ngài Văn Thù khó hiểu quá! Bạn nhớ câu đó không?

Bạn quên khóc, đi ngay vào bài học:

- Nhớ, Văn Thù Sư Lợi trả lời rằng "62 tà kiến và hết thảy phiền não ở khắp cõi đều là hạt giống Như Lai cả".

Tôi lại cố tình khơi sâu vào bài học, xòe mười ngón tay ra và bắt đầu lẩm nhẩm tính:

- Hữu thân là hạt giống, vô minh hữu ái là hạt giống, tham sân si, tứ điên đảo, thập bất thiện là hạt giống ...

Bạn tiếp lời:

- Thất thức xứ, bát tà pháp, cửu não xứ là hạt giống...

Tôi ngắt lời:

- Chúng ta sẽ phải học từng phần trong 62 tà kiến đó; nhưng riêng phần phiền não, ta có thể ôn bài với nhau bây giờ vì đó là phần tôi chưa thấu triệt khi ngài Duy Ma hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: "Sao lại thế? Sao tà kiến và phiền não lại là hạt giống Như Lai?".

Tới đây, không những bạn ngưng khóc mà còn mỉm cười:

- Ủ, trong Kinh điển tả là ngài Duy Ma hỏi ngài Văn Thù nhưng thật ra ngài Duy Ma hỏi cho chúng ta đấy chứ! Các ngài đã khéo lồng những tình tiết này khiến khi học Kinh chúng ta cảm thấy gần gũi, thích thú. Ngài Văn Thù đã trả lời rằng: "Đúng, tà kiến và phiền não chính là hạt giống Như Lai vì đối với những người đã thấy pháp vô vi rồi mà vào Niết Bàn thì không thể phát tâm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nữa."

Tôi phải giả ngây thơ để bạn nói tiếp:

- Sao thế? Người đã thấy vô vi thì dễ cầu pháp hơn chứ?

Bạn hăng say:

- Ấy, tuấn trước, khi học tới đây Thầy cũng nhắc phải cẩn thận. Quả nhiên, khi giảng rộng ra thì nghe thế mà không phải thế! Người đã thấy vô vi, ví như đã ở trên gò cao; gò cao làm sao mọc được hoa sen mà chỉ nơi bùn lầy nước đọng sen mới vươn lá, đơm hoa; hoặc, cũng như khi gieo hạt giống, có ai tung hạt trên không trung trắng thanh gió mát mà hạt này mầm được không? hay phải gieo xuống đất bùn phân ăm mới đâm chồi nảy lộc?

Tôi bàn thêm:

- Nói nôm na thì như người trí không còn cầu học nữa, dừng lại ở cái mốc tự đặt ra, cho là đủ. Ngược lại, người ngu si, biết mình ngu nên miệt mài học, phát tâm cầu học đến vô cùng nên có thể vượt qua người trí, đạt đến tột đỉnh mà trong phạm vi cầu đạo ta có thể gọi là đạt đến Phật quả.

Bạn đồng ý ngay:

- Trong Kinh Duy Ma có nhấn mạnh thêm về đoạn này với hình ảnh liên đới rất hay, là người không lặn xuống biển sâu thì không tìm được ngọc trai quý giá; không khác gì người không trầm luân trong biển phiền não sẽ chẳng tìm được ngọc Nhất Thiết Trí vì từ chông gai mới bùng lên hào khí, từ khổ đau mới phát sanh trí huệ. Do đó mà ngài Văn Thù nói rằng, phiền não là hạt giống Như Lai.

Tôi reo lên:

- Đúng rồi, hạt giống đó chính từ mầm phiền não mà nở thành bông sen.

Giọng bạn bỗng trở lại buồn bã:

- Tri và hành là hai việc khác nhau. Biết thế mà làm được thế mới khó.

Sợ cơn giông bão lại kéo về, tôi vội vã trấn an: - Đường tu cũng như đường đời, chúng ta luôn phải đối đầu với thuận và nghịch, có thể ta mới nhìn ra chân lý, nên đôi khi chúng ta phải cảm ơn nghịch cảnh vì không có nghịch cảnh ta không có dịp biết mình tu chứng tới đâu. Chỉ khi chúng ta thoát ra khỏi sự chi phối của ngoại cảnh ta mới vào được thế giới Diệu Hỷ, đó là thế giới không bị sương gió trần ai xao động.

Bạn thuộc bài hơn tôi tưởng khi phát biểu:- Đã vào được thế giới Diệu Hỷ thì làm gì còn tu với chứng nữa. Trong phẩm bầy "Quán chúng sanh" chúng ta vừa học, tôi rất thích đoạn Thiên nữ thị hiện rải hoa cúng dường và đàm luận cùng ngài Xá Lợi Phất. Mỗi câu hỏi, câu đáp ở đoạn này là mỗi bài pháp trí tuệ tuyệt vời.

- Thí dụ.

- Thí dụ ư, nhiều lắm, nói một đoạn thôi. Khi Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ "Trong Tam-thừa Như Lai, cô tu ở thừa nào?" thì thiên nữ trả lời "Tôi không tu thừa nào cả!" Xá Lợi Phất lại hỏi gặng "Không tu thừa nào thì cô có phải là đệ tử của Như Lai không?" Tới đây Thiên nữ mới nói rõ: "Khí đi vào rừng cây chiến đàn, ta sẽ chỉ ngửi thấy mùi hương chiến đàn mà thôi, không mùi nào khác nữa". Câu trả lời đầy trí tuệ này khai mở cho chúng ta suy nghĩ rằng Thiên nữ đã lia

khỏi khái niệm tam thừa, chỉ còn thừa duy nhất là nhất thừa mà thôi; và nhất thừa đó không tách rời tam thừa, nhất thừa đó dung chứa tam thừa.

Tôi hỏi vặn:

- Ý bạn định nói Thanh-Văn-thừa, Duyên-Giác-thừa chỉ là phương tiện dẫn đến Bồ-Tát-thừa, phải không?

Tương tôi phản đối, bạn ngạc nhiên, cao giọng:

- Chứ không phải phẩm bầy nói rõ vậy ư?

Tôi im lặng mỉm cười. Hình như bạn vừa nhận ra "âm mưu" của tôi, là hóa giải phiền não của bạn bằng cách ôn bài học "phiền não là hạt giống Như Lai". Nhưng nhận ra điều đó có hại gì đâu khi nó giúp bạn biết rằng mọi sự trên đời đều có hai mặt như chiếc mề đay, và mặt trái mới là mặt quan trọng vì đó là mặt tàng ẩn những gì ta phải chống trả, đối phó, hứng chịu và nếm mọi đắng cay. Công lực ta có hay không là khi trực diện mặt trái đó.

Sau khi xả thiền, bạn chậm rãi đọc cho tôi nghe bài kệ của Thiền-sư Vạn Hạnh, và đọc luôn cả bài dịch của Thích Mật Thể như sau:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu pho

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời*

*Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi
đầu cành.*

Trước khi về bạn còn ra vườn hái mấy bông ngọc lan, loanh quanh ngắm những cành bưởi trĩu trái mà tôi vẫn chưa phải nghe "chuyện gì bi thảm đến nỗi khóc như mưa bão!!!"

Bạn đã thấu triệt bài học "Phiền não là hạt giống Như Lai" mà bạn không hay.

(Tháng 9, 2005; mùa thanh long)



Tạp bút cuối năm -



Hấn

● Hạo Nhiên

Có một câu chuyện làm hấn có ấn tượng. Đó là câu chuyện "Nỗi Lòng Tu Đi" của Ni Sư Trí Hải.

Ngày xưa có một con chó bị bệnh ghê lác, nên bị chủ quăng bỏ ra ngoài bờ sông. Cạnh bờ sông có một vị sư già sống trong một am cốc nghèo nàn, ngày ngày đi khất thực để sống. Trông thấy con chó đói bệnh, vị sư động lòng từ mẫn, đem về chăm sóc, chia sót cho nó phần ăn hằng ngày sư xin được, tắm rửa, xức thuốc cho nó. Chẳng bao lâu nhờ sự tận tâm của sư mà con chó khỏi bệnh. Lòng mọc lại trên thân, trở thành con chó bảnh bao để nhìn. Nhà sư đặt tên nó là "Tu Đi" có ý muốn thọ ký nó phát tâm tu hành để chuyển nghiệp cho.

Nhưng từ khi khỏi bệnh, Tu Đi đâm ra ưa lêu lổng. Nó tìm gặm những cục xương của người ta vứt bên bờ sông, và bỗng thấy hết ưa mùi vị tương chao của nhà sư tốt bụng người đã cứu tử nó. Ngày ngày nó đi tìm ăn những cơm thừa cá vụn nên đâm ra quen mùi trần tục.

Một hôm nó đang ngồi bên bờ sông ngẩng mồm nhìn mống sang bên kia bờ bỗng một làn gió từ bên ấy hất qua, thơm phức mùi thịt xào, hành mỡ. Nó tung mình nhảy xuống sông lội về hướng ấy. Khi nó lội đến giữa dòng thì nhà sư cũng vừa về đến am, không thấy Tu Đi, ngài ra sông tìm. Thấy con chó thân yêu đang chơi với giữa dòng theo tiếng gọi của dục vọng, nhà sư tha thiết gọi nó quay về.

- Tu Đi! Con nỡ nào bỏ thầy già yếu cho đành? Con hãy mau về với thầy. Tu Đi, nào có mùi vị gì nơi mảnh xương khô trần tục, con chỉ tự ăn nước bọt chính con tiết ra đây thôi. Hãy quay về, hỡi Tu Đi!

Con chó nghe lời thầy gọi vội vã quay trở lại, nhưng nó vừa quay lưng với bờ kia thì bỗng một làn gió từ bên ấy hất lại, tạt mùi thịt ngon lành vào mũi nó. Không cưỡng được, nó lại bơi trở lui về hướng thịt xào. Bên bờ này vị sư lại thiết tha khuyến khích. Con chó cảm lòng không đậu cũng quay lại, nhưng vừa muốn quay lại với thầy, thì gió lại đưa mùi thịt xào đến mũi nó, cứ thế Tu Đi quay qua lộn lại giữa dòng sông không thể quyết định được. Và cuối cùng nó bị chết chìm ngay giữa dòng.

Đôi khi hấn thấy mình như con chó giữa dòng sông. Những ước mơ và nghị lực của hấn trôi theo sự cám dỗ của thế trần.

Hấn sinh trưởng trong một gia đình có điều kiện được ba mẹ chăm sóc. Hấn thấy mình chỉ có một con đường là phải học thật giỏi để đền ơn cha mẹ, nhưng rồi những đam mê đèn ca, hát xướng đã ngốn biết bao thời gian mà lẽ ra hấn phải đầu tư đèn sách. Để rồi dẫu bây giờ hấn cũng có bằng cấp như ai nhưng hấn cũng không giỏi như ý muốn...

Rồi hấn lập gia đình có vợ đẹp con khôn. Hấn mong muốn tạo lập một gia đình khuôn mẫu như ý muốn. Tự nguyện mình sẽ bảo vệ vợ con đến hơi thở cuối cùng, dù sẽ gặp bất kỳ trở ngại nào. Nhưng rồi hấn không chịu nổi sự ràng buộc, thói đồng đành đàn bà cộng với sự khắc nghiệt của thời buổi thị trường. Hấn đã để gia đình tan vỡ, con trẻ mà hấn yêu thương khôn xiết bơ vơ, làm hấn day dứt mãi không nguôi...

Từ khi biết đến Phật Pháp, hấn hiểu cuộc đời hư ảo, giả tạm; chỉ có một con đường duy nhất để giải thoát sự đau khổ phiền não là phải tu tập theo lời Phật dạy. Nhưng rồi hấn thấy không đơn giản tí nào. Để vươn tới phương trời cao rộng hấn phải đi sâu vào nội tâm. Nhưng trước mắt hấn thấy đường vào nội tâm như một hố sâu thăm thẳm...

Hấn muốn quên hết sự đời để dành thời gian học Phật để cứu thế độ sinh. Nhưng rồi hấn biết tự thắng mình còn khó gấp triệu lần thắng người.

Hấn muốn kèm giữ tự ái của mình mỗi khi ai xúc phạm nhưng nó lại bùng nổ dữ dội mỗi khi ai coi thường hấn.

Hấn muốn kiểm soát nỗi đam mê xác thịt nhưng nó như ngọn lửa làm sục sôi cơn lũ ham muốn của hấn.

Hấn muốn theo gương các thầy cô sống cuộc đời tịnh hạnh nhưng những thói quen cố hữu cứ bám chặt hấn như những vết rỉ sắt lâu năm không rửa.

Hấn nhớ mùa đông năm ngoái, hấn tự hứa sẽ sửa chữa mình để ngày một tốt hơn trong năm mới. Nhưng đã gần một năm trôi qua mà hấn chẳng làm nên chuyện gì. Một năm cả thế giới thiên tai, dịch họa làm chết hàng triệu người mà hấn vẫn chưa cảm nhận sâu sắc cuộc đời vô thường như bóng ma vất vưởng.

Hấn biết cái đáng sợ nhất trong mọi việc là tính do dự. Nhưng ngay cả việc này hấn cũng đổ thừa cuộc đời là thế.

Nhưng vẫn còn may cho hấn là hấn còn thờ, còn đi đứng được. Hấn biết hấn còn phải cố gắng mãi, từng giờ từng phút vì hấn... sợ chết giữa dòng sông. (Tháng 11/2005)

THUỞ NGHỊCH NGỘM



• Hoàng Thị Doãn
München / ĐQ.

Lời chú thích: Có một số bạn bè nói rằng loạt bài viết về Huế của tôi sao buồn quá và muốn tôi viết một bài gì khác vui hơn.

Để đáp lại lời yêu cầu của các bạn, lần này tôi đã đổi đề tài, mong rằng bài viết sẽ đem đến cho quý bạn ít nhất một nụ cười dù chỉ là cười mỉm thôi! - HTD.

Nếu nói theo các ông bà mình thường nói thì tôi thuộc loại "Mụ bà bất lộn", tôi phải là con trai mới đúng. Tôi phá phách, nghịch ngợm và điều thích nhất là chọc ghẹo cho người khác cười. Nhưng nói cho ngay, cũng có phần hơi oan cho tôi, lỗi không phải hoàn toàn tại tôi mà một phần cũng do hoàn cảnh gia đình mà ra. Tôi không có chị gái, chỉ toàn anh trai, hai ông anh ruột cộng thêm một ông anh con bác mà Ba tôi nuôi ăn học, thành ra không chơi với các anh thì tôi chơi với ai bây giờ?!

Ngày nhỏ, tôi tham gia đủ các trò chơi, trưa thì chờ Ba tôi ngủ, lén đi bắt chim sẻ, tôi có nhiệm vụ lượm sỏi xách theo cho các anh bắn. Rồi đi tắm mương, dù đã có lần bị đĩa đeo sợ gần ngắt xiu cũng vẫn không chừa. Đi câu cá thì bị mắc lưới câu, cúi xuống gỡ tuột luôn dưới nước, khóc la kêu cứu om sòm; về nhà cả mấy anh em bị bẻ cần câu và lảnh mấy roi vào mông đích đáng.

Trò chơi hào hứng khác là đi đá banh hoặc chờ đêm có trăng đi đánh giặc giả, đi lật đất cày bắt dế; đầu chỉ có mấy sợi tóc mà cứ bứt tóc cột cho dế quay vù vù cũng đủ sôi đầu.

Tôi thích những trưa hè, ra vườn lấy lá chuối khô, vo tròn làm thành trái banh mà mỗi lần có trận đấu; tôi chuyên môn làm kẻ giữ "gôn". Rồi còn đi lượm trái mù-u về phơi khô để đánh bị, đánh đáo nữa.

Lớn lên một chút, khi vào Đệ Thất, Đệ Lục lại nghịch kiểu khác. Buổi trưa ở lại trường, ăn xong là có chuông reo, vị Giám thị sẽ đi từng lớp để lừa hết học sinh lên lầu rồi khóa cửa lại. Tôi thường rủ vài đứa bạn trốn dưới bụi của Thầy Cô để khỏi bị nhốt. Có lần ham ngồi tán dóc không nghe tiếng chân bước đi bên ngoài, đến lúc nghe tiếng mở cửa, hoảng quá tụi tôi nhảy đại qua cửa sổ để thoát. Tôi là đứa chạy sau cùng, xui xẻo làm sao gió lật ngược tà áo mặc sau kẹt cửa, thế là tôi bị lòi đầu xuống và lảnh một chầu phạt cấm túc cuối tuần đó. Điều đau khổ nhất là về nhà phải ăn nói làm sao về việc bị đi phạt này!

Tụi tôi còn thích trốn qua nhà thương điên chọc ghẹo những người điên trong đó, dù đứng ở ngoài cửa phòng nhưng hai chân vẫn run và chực để chạy cho mau. Còn trò chơi "u mọi" bị kéo rách vạt áo, về giấu sau kẹt cửa là chuyện thường như ăn cơm bữa.

Lên đến Đệ Tứ là năm thi nên tôi đã bớt nghịch nhiều rồi. Nhưng thấy lớp Đệ Tứ B2 bên cạnh có cây phượng trước cửa lớp nở hoa nhiều quá, sợ họ thi đậu nhiều hơn lớp mình nên tôi hay mang theo cái ná để bắn cho hoa bên đó rung bót đi!

Rồi đến Đệ Nhị Cấp phải chuyển qua trường Khải Định học chung với con trai. Ngày đầu tiên vào lớp tôi run như thần-lăn đứt đuôi, mặt cứ cúi gằm xuống, sống lưng cứ có cảm giác nhột nhột vì bàn đằng sau là con trai ngồi. Nhưng dần dà rồi tôi cũng lấy lại phong độ "ba trợn" của mình. Trưa ở lại, cứ thấy cái ghế nào lung lay là đổi xuống cho con trai ngồi. Đối tượng được nhắc đến nhiều nhất là các Thầy, đặt ra nhiều hỗn danh, dù không ác ý, mà chỉ do sự tinh nghịch yêu quái của tuổi học trò thôi. Thầy Du, dạy Vạn Vật, mà kêu chị Cơ lên đọc bài là chúng tôi phải bùm miệng lại cho bớt cười.

Vì học bàn để trống phía trước nên mỗi khi bạn nào bị kêu trả bài mà không thuộc là chúng tôi lật vờ ngược dưới bàn, để vừa tầm mắt nhìn cho rõ. Thế là các Thầy hài lòng với đám học trò chăm chỉ học tập. Vậy đó mà có lần bản thân tôi bị "tổ trác" về bài Vạn Vật của Thầy Du. Thầy không cho đứng dưới bụi để trả bài mà bắt lên bảng. Bài thực vật này hình như tôi mới coi qua một lần, Thầy đặt câu hỏi, ngồi chờ đợi; tôi im lặng không trả lời được! Dưới lớp, TN. cùng một đại yêu quái, nhón lên ngồi xuống, một tay bắt làm loa, miệng nhóp nhép nhắc. Thầy giáo "suyt! suyt!" chơi trò cút bắt với tôi và cả lớp, tôi đứng yên như phỗng đá. Đứng trên bụi nhìn xuống, thấy hết miệng này đến miệng kia, đưa thì phát âm chữ gì không biết mà cái miệng rộng bành ra, đưa thì miệng nói đầu gục gục xuống. TN. vẫn là người hăng hái nhất, miệng nói, đưa tay chỉ xuống đất rồi giựt giựt cái áo. Tôi như cuồng lên giữa bầy quỷ hồ trợ; thôi mệt quá, đoán đại cho rồi để đi về chỗ. Theo tay chỉ của TN. tôi suy luận nhanh: Nó chỉ dưới đất mà dưới đất chỉ có mấy con kiến thôi và bị kiến cắn nên mới rũ áo, tôi trả lời gọn gàng hai chữ "con kiến". Ôi thôi, cả lớp cười òa lên như ong vỡ tổ. Thầy giáo và tôi nhìn nhau ngơ ngác, hai bên đầu hàng nhau... cười trừ. Trời ơi là trời, thực vật thì làm gì mà có sâu với kiến vào đây! Thì ra đó là "địa y", địa là đất nên TN mới chỉ tay xuống đất, còn y là như y phục nên nó mới cầm áo kéo ra kéo vổ. Từ đó cả lớp mỗi lần nhớ tôi là nhớ "giai thoại con kiến". Bây giờ, nhắc lại, cả bọn tôi đưa nào đưa đó cười chảy nước mắt, cười đau cả bụng. Bởi vậy một kinh nghiệm cho học trò lười, không thuộc bài thì đứng cầm quách, đừng có nghe nhắc, thấy chỉ chỗ mà đoán bậy bạ để được vào kỷ lục cười của KĐ. Ha, ha!

Như vậy cũng chưa yên đâu! Một lần, mới bước vào lớp, vừa ngồi xuống lật tập ra học giờ Văn, hai thằng bạn ngó ngáo ngồi đằng sau đưa cho tôi một gói giấy, lấu tấu mở ra tôi đã hét lên tá hỏa làm rung động cả một bầu trời vì con

Thần-lần nhảy ra làm cho Thầy DK đang ngồi trên bàn cũng văng ra khỏi ghế luôn.

Vui nhất là giờ Hán tự, tôi rất dốt môn này, cứ chờ đũa bạn nào viết chữ đẹp, chấm điểm xong là mượn, tẩy điểm đi đem lên chấm lại. Thầy mặc áo dài đen, khăn đóng, đi giày hạ, tôi hay bò lên dưới bục giấu bớt đi một chiếc giày của Thầy làm Thầy la hét quá chừng.

Lên đến Đệ Nhị, tôi đã tu bớt nhiều để lo học thi cho đậu cái bằng Tú Tài I nhưng cái tính láu táu vẫn không chừa. Giờ thì Lý-Hóa, Thầy TQN đổi chỗ lung tung, tôi bị đưa xuống bàn cuối. Gần hết giờ con bạn trên bàn đầu quay xuống hỏi đáp số, tôi ghi vào một mảnh giấy rồi lấy dây thun bắn lên trả lời. Thiên địa ơi! Lại trúng nhầm Thầy, vậy là tôi lãnh đủ dù đã van xin Thầy hết lời nhưng Thầy vẫn không tha.

Năm Đệ Nhất, năm cuối cùng, chúng tôi chỉ chú tâm học những môn chính, không có thì giờ để học những môn phụ như môn Địa-Lý chẳng hạn. Chúng tôi, một bàn 3 đứa chia nhau học; hôm thi ra trúng đề của G. mà nó thì chưa thấy tới. Tôi và T. ngồi trơ như đá không biết viết cái gì, què quá, nên hai đứa cứ viết đại bài mình đã học, chứ ngồi bàn đầu mà Thầy LKP luôn luôn đứng đó, không lẽ ngồi im mà ngắm dung nhan Thầy sao! May quá, rồi G cũng tới nhưng vì đi trễ phải lo chạy cho kịp nên nó vừa thở vừa đọc như xe bò kéo, tội tôi năn nỉ nó đọc nhỏ lại một chút nhưng nó quá mệt làm sao xuống giọng được!?

Thế là Thầy đã biết, phân tán đi bớt 2 đứa. Cuối cùng tôi đã lãnh số điểm như thế nào chắc các bạn cũng đã biết. Điểm của môn phụ không cần thiết lắm nhưng tôi đã bị "quê một cục" với Thầy và các bạn cùng lớp. Thầy còn bảo ngày thường tôi học khá lắm mà!

Ôi! Sao ngày đó tôi nghịch ngợm, phá phách quá chừng như vậy không biết. Thế nhưng tôi vẫn được bạn bè ưa thích, ai cũng muốn ngồi đầu lớp với tôi vì tôi hay nói chuyện tiếu lâm. Tôi thích thấy các trận cười bò lăn bò càng của các bạn trong khi nét mặt tôi vẫn tĩnh bơ!

Hồi sau 1975, ba tháng trời phải đi học tập chính trị (may mà về sau họ rút ngắn thời gian), chỗ ngồi của tôi lúc nào cũng đất khách, ai cũng muốn ngồi gần tôi để tôi chọc cười cho bớt buồn ngủ.

Cũng may trong suốt thời gian đi học, tôi chưa dám "cúp cua", dù biết rằng:

"Nắng mưa là bệnh của trời

Cúp cua là bệnh của đời học sinh" !!!

Bây giờ, ngồi nhớ lại tôi vẫn thấy vui và dù đã làm bà nội, bà ngoại, tóc đã bạc dần với thời gian nhưng tôi vẫn thích tiếu, vẫn thích cười vì cười có ích cho cuộc sống vô cùng; hơn nữa "đời có còn vui, ta cứ vui".

Theo William Fry, giáo sư đại học Stanford thì "Nếu một ngày bạn cười 100 lần, bạn đã dùng sức tương đương với việc chèo thuyền trong mười phút".

Kinh điển đã khuyên con người: "Lòng càng vui thì đời càng dài" và "Một trái tim vui sẽ chữa bệnh như một ông thầy thuốc" vì một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ kia mà!

Hơn nữa, lứa tuổi như chúng tôi đã và đang bước vào một ngã rẽ khác của cuộc đời, vậy thì xin các bạn hãy tặng cho nhau nụ cười và mong rằng tất cả sẽ thênh thang trên đại lộ hoàng hôn.●

● Ngô Minh Hằng



VIỆT NAM, NGÀY LỊCH SỬ

(Cảm xúc khi đọc tin: Chủ Nhật, ngày 21 tháng 8 năm 2005, tại Đức Quốc, trên sân cỏ Marienfeld, Koeln, Đức, Tân Giáo Hoàng cử hành thánh lễ bế mạc Đại Hội Giới Trẻ, ngay trên lễ đài, sau Đền Thánh, một lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ rực rỡ tung bay - Xin gửi bài thơ này tặng quê hương và dân tộc Việt Nam tôi, đặc biệt, giới trẻ. Riêng cảm ơn vô cùng người dựng lá cờ vàng)

*Quá xúc động, lòng mừng, mi ứa lệ
Khi đọc bản tin trên báo hôm nay
Nơi Đức Giáo Hoàng cử hành thánh lễ
Lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tung bay ...*

*Ôi đó màu Vàng hồn dân tộc Việt
Ý nghĩa: Tự Do - Dân Chủ - Nhân Quyền
Kể từ buổi lũ cộng thù hung hiểm
Cướp nước, diệt nòi, phản bội Tổ Tiên*

*Thì lá cờ cùng người dân, lưu lạc
Khắp bốn phương, tìm nhân bản, công bình
Có vạn con người biển Đông vùi xác
Có triệu con người đất khách tồn sinh ...*

*Họ giữ màu cờ trong tim, trong não
Họ dựng lá cờ mọi nẻo đường chân
Họ che chở cờ dù giông, dù bão
Họ thương màu cờ hơn cả thương thân !*

*Dù có những cội tre già nằm xuống
Nhưng măng non tràn sức sống đã vươn
Đã nối tiếp những vẻ vang truyền thống
Đã hào hùng mong quang phục quê hương !*

*Lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm
Là kho tàng khí giới mạnh vô song
Ngày thánh lễ, lá Cờ Vàng hiển hiện
Ngày Việt Nam hùng sử thắm muôn dòng !*

*Xin cảm ơn em, những người tuổi trẻ
Vì giống nòi, vì lý tưởng, dẫn thân
Em dựng Cờ Vàng tôn vinh chính nghĩa
Giữa lúc tôn vinh mẫu nhiệm Thiên Thần !*

*Hình ảnh đó đã đi vào lịch sử
Trong hân hoan mơ ước của muôn người
Lá Cờ Vàng đã đi vào bất tử
Giữa thiêng liêng chứng nhận của Ngôi Trời*

Viết về anh Vũ Ngọc Long



● Thích Như Điển

Một ngày vào Đông cách đây đúng 10 năm về trước, khi tôi đến dự tang lễ của anh tại vùng Reutlingen như mọi đám tang khác; nhưng khác hơn những đám tang kia là tôi có cầm một nhánh hoa cúc trắng để tiễn anh lần cuối, trước khi huyết mộ được lấp đất bằng.

Đó chỉ là một động tác bình thường thôi. Vì lẽ bao nhiêu người khác cũng đã làm thế; nhưng với anh thì khác hẳn. Vì lúc đó anh vẫn là cây viết chủ lực về thời sự của báo Viên Giác, và lại anh cũng đã cộng tác suốt gần 10 năm với Viên Giác ở nhiều bình diện khác nhau như thơ, văn nữa. Nên tôi đã tiễn biệt một người đặc biệt đã năm xuống, đã có công không nhỏ cho tờ báo Viên Giác nói riêng và cộng đồng Phật Tử chúng ta tại Đức nói chung như thế!

Anh ra đi để lại hai con lúc ấy chưa trưởng thành và mong rằng sau 10 năm các con anh đã vào đời và làm những gì còn lại mà bố của chúng chưa làm xong khi còn sống, để trả hiếu. Tôi cũng được tin anh Nguyễn Hòa Phù Vân đứng ra lo tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm của anh Vũ Ngọc Long tại Niệm Phật Đường Tam Bảo, nơi Ni Sư Như Viên trú trì, trong tháng 11 năm 2005 này. Thật sự tôi xúc động. Vì lẽ anh Hòa và anh Long cũng chỉ là những bạn văn với nhau thôi. Nhưng cái tình văn hữu ấy tôi không ngờ nó bền lâu đến thế. Nhiều khi những cái tình khác trên thế gian này chắc cũng khó sánh bằng thì phải. Văn chương chữ nghĩa tuy không cần ai dựng mỗi mở đường; nhưng chính nó đã tạo cho mỗi văn sĩ có một chỗ đứng trong lòng của những người còn ở lại, trong đó có anh Vũ Ngọc Long.

Tôi thấy một chiếc lá rụng hay một cành hoa rơi, luôn liên tưởng đến sự vô thường của nhân thế và thế nhân thì cứ đón nhận nỗi buồn nhiều hơn niềm vui; nhưng mấy ai thức tỉnh về điều này. Nếu sự sống nó có giá trị tương đối nào đó trong cuộc đời, thì sự chết nó phải được đánh giá một cách trung thực hơn đối với một người đã năm xuống, mà người đó đã một thời sánh bước với mình trên văn đàn tại Hải Ngoại.

Sau 15 năm nữa không biết tôi có còn ở lại trên cõi đời này nữa hay không. Vì vô thường ai tránh được. Nhưng khi kỷ niệm ngày mất 25 năm của anh, tôi mong rằng con anh và những người bạn cũ của anh nếu ai còn đó, không quên anh, đầu cho việc ấy đã sẽ trải qua 25 mùa lá rụng rồi nhưng vẫn còn đến dự lễ, thì chắc là hình ảnh ấy đẹp vô cùng.

Mong sẽ có những chuyện bất ngờ như vậy. ●



● Tỳ Anh (Nhân ngày giỗ 10 năm của Vũ Ngọc Long)

Thương nhớ Vũ Ngọc Long

*Anh nằm đó, mười năm dài đằng đẵng
Có buồn không khi xa vắng người thân?
Nghe lá rơi mà ngỡ tiếng bước chân
Của bằng hữu âm thầm đến viếng mộ!*

*Ôi thương nhớ thuở chúng mình tao ngộ
Gặp nhau rồi tưởng gấn bó nghìn thu
Có ngờ đâu đời chưa vẹn đường tu
Nên phiêu hốt như nén hương tống biệt!*

*Nghe tê tái, lệ nhòa trong mắt biếc
Màu thời gian làm phai nhạt dung nhan
Trời cuối năm nghe từng độ điều tàn
Mưa nặng hạt hay mắt tuôn dòng lệ?*

*Anh nằm đó nghe gió về kẻ lẻ
Buổi giao mùa buốt lạnh đến tâm can
Có buồn vui cũng là chuyện thế gian
Trong hiu quạnh của nghĩa trang xa lạ!*

*Dù mai một tuyết phủ đầy bia đá
Cũng không làm lạnh giá hết niềm thương
Cũng không mong xoay chuyển lẽ vô thường
Anh ở đó, có muôn đời ở đó?*

*Nghe ròn rợn ấm vào lòng huyết mộ
Đây niềm vui, bè bạn đến tâm tình
Có linh thiêng về niệm một thời kinh
Rời siêu thoát tìm an nhiên tự tại!*

(20. 11. 2005)

„Tiếng đời xô động buồn tênh“

(trong „*Nỗi buồn xa xứ, ai buồn hơn ai...*“ của Hạ Long)

● Nguyễn Hữu Huân - Hamburg



Mấy ngày hôm nay, Hamburg bỗng trở lạnh. Đi làm về ngồi xem truyền hình, chờ vợ gọi vào cho ăn cơm tối thì có điện thoại của anh Phù Vân Nguyễn Hòa, Chủ bút báo Viên Giác. Anh nhắc nhở tôi cố gắng viết về một người mang tên Vũ Ngọc Long, nhân kỷ niệm 10 năm, ngày anh tử nạn. Thật quá thừa thãi khi tôi viết hay kể lại thêm nữa về một ký giả quá cố mang tên Vũ Ngọc Long, vì đã có khá nhiều nhà văn, nhà thơ viết về Long, từ ngày giỗ 1 năm trên báo Viên Giác năm 1996 và sau đó rải rác cho đến nay trên các báo chí của người Việt tại Đức cũng như Hoa Kỳ, Úc, Canada... Ở một nơi nào đó, tôi nghe như Long đang cười nói nói, đang nhăn mặt chửi thề, đang rơi những giọt nước mắt khóc cho quê hương đất nước, cho chính thân phận và gia đình mình. Giữa Long và tôi chỉ đóng khuôn trong một tình bạn khảng khái vượt ra khỏi mọi chuyện thể sự chính trị chính em hay văn chương chữ nghĩa. Chính vì thế mà tôi chỉ muốn được giữ lại riêng cho bản thân và gia đình mình những kỷ niệm vui buồn của một quãng thời gian ngắn ngủi trong tình bạn cho đến ngày Long ra đi. 10 năm đã trôi qua, hình như có chút gì nhạt nhòa nguội lạnh cho cái tình bạn giữa Long và tôi – (tôi phải thú thật như thế !). Sau cuộc đàm thoại với anh Phù Vân, những kỷ niệm với Long chợt trở lại nguyên vẹn từ hình ảnh đến thanh âm, khuôn mặt ấy, giọng nói ấy, cái vóc dáng lẳng tử phong trần qua chuỗi thời gian ngắn ngủi của cuộc

đời, lại thêm sự thúc hối của vợ tôi - người rất quý mến Long, muốn cùng tôi ghi lại những kỷ niệm chung với Long như một nén hương nhớ người quá cố trong dịp giỗ 10 năm của Long...

Tôi gặp Vũ Ngọc Long lần đầu tiên vào năm 1984 tại Hamburg. Lúc đó người Việt tỵ nạn Hamburg có tờ báo VietHamb do anh Nguyễn Hòa đảm trách. Thời gian này cũng là thời gian Long vừa mới được mời vào cộng tác với tờ Viên Giác tại Hannover. Không biết làm sao mà anh Nguyễn Hòa lại „dụ dỗ“ được Long một mình mò mẫm lên tội hơn 700 cây số từ Lichtenstein/Reutlingen lên tận Hamburg bằng xe lửa vào một buổi tối mùa đông Giáng Sinh giá rét. Anh Nguyễn Hòa và tôi chờ mãi chẳng thấy Long đâu trong đám khách đang vội vã xuống tàu. Hóa ra anh Nguyễn Hòa cũng chẳng biết mặt mũi ông ký giả nhà ta méo hay tròn, thấp hay cao. Bỗng có một anh chàng co ro trong chiếc áo lạnh rộng thùng thình, đầu tóc như ổ quạ với cặp kính cận dày cộm, vai đeo cái túi lưng lẳng xăm xăm đi đến hỏi:

-Xin lỗi, có phải anh là anh Nguyễn Hòa ?

Tôi chỉ anh Nguyễn Hòa rồi tự giới thiệu và bắt tay Long với vài ba câu xã giao. Ngồi trong phòng khách nhà anh Nguyễn Hòa, tôi nhìn Long đang phi phào điều thuốc đối diện. Anh Nguyễn Hòa có nhã ý mời Long tham gia viết cho tờ VietHamb và nhân tiện giới thiệu Long với ban biên tập. Mặc dù Long lúc đó ít nói (sau này tôi mới biết chỉ vì lạ nước lạ cái và chưa gặp đúng đối tượng), nhưng tôi biết ngay Long là người đã có nhiều kinh nghiệm về nghề „viết lách“. Không biết từ đâu mà người ta thường hay dùng chữ „viết lách“ để ám chỉ những người viết văn làm báo, nhưng khổ nỗi là Long chỉ biết „viết“ mà lại chẳng chịu „lách“, nên sau này khi đã nổi tiếng trong giới báo chí Việt Nam tỵ nạn tại hải ngoại, có lắm kẻ „có tật giật mình“ chẳng ưa gì Long mấy. Lần đầu tiên gặp Long tôi liên tưởng đến chàng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Cũng đáng dấp nhỏ quá toát ra cái gì có vẻ nghệ sĩ kiểu bất cần đời, gọng kính cận màu đen, đầu tóc chẳng bao giờ chải chuốt gọn ghẽ, không quan tâm đến vẻ bề ngoài. Chỉ khác là cái trán không đưa quá ra phía trước và Long không phải là nghệ sĩ. Nhìn Long người ta dễ biết ngay đó là con người của nội tâm, của khắc khổ và chịu đựng.

Vũ Ngọc Long sinh năm 1946 tại Thái Bình (Bắc Việt), cái xứ mà người ta vẫn thường nói: „Thái Bình, Thái lọ, mới sinh ra tay đã cầm cái đùi chó,..“ Năm 1954 theo gia đình di cư vào Nam. Tốt nghiệp cử nhân báo chí tại viện Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn) và Chính trị Xã hội ban cao học thuộc viện Đại học Đà Lạt. Sau khi ra trường, Vũ Ngọc Long trở thành biên tập viên báo Sóng Thần và là phóng viên thời sự chính trị của nhiều tờ báo khác tại miền Nam Việt Nam, trong đó có tuần báo Đồi của nhà văn Chu Tử và tờ Quạt Khởi của nhóm Dân biểu và Nghị viên trẻ tại Sài Gòn. Như thế có lẽ Vũ Ngọc Long là một trong số rất ít các người viết báo tại Đức nói riêng và hải ngoại nói chung, hành nghề viết báo „có bằng cấp hẳn hoi“ chứ không như đại đa số các nhà báo „thời cuộc“ mãi bút cho đến nay. Cái kiên hãnh thầm kín của Long có lẽ cũng nằm trong chỗ ấy, và theo tôi, Long có quyền để nghĩ như thế mặc dù Long chưa một lần nói ra lời. Sau năm 1975 Long bị đi tù. Năm 1981, Long dẫn hai đứa con, một trai một gái và một đứa cháu con bà chị vượt biển, rồi được được tàu Cap Anamur cứu vớt sau 4 ngày đêm tưởng đã chết với sóng gió và hải tặc. Hơn 1 năm ở đảo Phi, sau đó tất cả định cư tại miền Nam Đức vào năm 1983.

Lần gặp Long đầu tiên ấy cũng là lần cuối cùng Long với tôi gọi nhau bằng hai chữ „anh“ „tôi“ thật xa lạ, đầy kiểu cách và khách sáo. Không biết hai đứa chúng tôi đối cách xưng hô vào dịp nào, chỉ biết từ đó cho đến ngày Long vĩnh viễn ra đi, chúng tôi chỉ gọi nhau bằng „mày“, „bằng“, „tao“ thật gần gũi và tràn đầy thân thương. Có lẽ ở hải ngoại này ít có người Long xưng hô bằng hai chữ „mày tao chỉ tớ“ như

đôi với tôi, lại thêm cái tính hay rụt rè nhưng không kiểu cách trước người đối diện. Kỷ niệm đầu tiên của tôi với Long thật không giống ai. Long biết tôi có một tật xấu là hay... chửi thề, nên sau vài tuần Long đã gọi điện thoại thách tôi... thi chửi nhau. Tôi nhận lời thách đấu chẳng cần suy nghĩ... „mày dám múa riu qua mắt thợ“ với ông, với điều kiện không được chửi tục mà phải chửi làm sao cho bay bướm, cho văn hoa, cho có vần có điệu, cho người đọc phải đã con mắt, sướng lỗ tai, nhưng nghĩ lại thì đau hơn bị thối. Thời gian này giá điện thoại còn quá đắt, lại chưa có Internet, chưa có i-meo, thậm chí đến cái máy Fax giá vẫn còn cắt cổ. Tôi đã nghèo, Long lại còn nghèo hơn, nên đành nhờ ông bưu điện Đức chuyển „thư chửi nhau“ qua lại dùm. Bao nhiêu chữ nghĩa học hành kinh kệ khi còn bên VN hai đứa ráng vắt óc tuôn ra mà chửi, mỗi lá thư đều cố viết cho đầy vài tờ giấy A4. Long sửa đổi cả thơ của bà Hồ Xuân Hương, của ông Cao Bá Quát, Tú Xương vào những trang giấy... chửi nhau bằng bút. Đang chửi nhau ngang ngựa bất phân thắng bại thì Long bỗng chịu thua vì không biết chửi bằng tiếng miền Trung như tiếng Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Long điện thoại cho tôi gửi thông điệp... đầu hàng, nhưng vẫn còn cố chửi thêm câu thòng:

- Tiên sư mày, ông là con nhà văn, mày là con nhà võ có nhiều dịp đi lung tung. Nhưng lịch sử nhân loại cho thấy con nhà võ bao giờ cũng chỉ là công cụ để con nhà văn chúng tao sai khiến thôi con ạ ! Ráng mà chửi cho hay đi để ...bổ mẹ mày vui !

Chúng tôi đùa với nhau kỳ quái như thế đấy. Không biết Long ra sao, phần tôi mỗi khi nhận được thư... chửi, vội mở ra ngay, vừa đọc vừa cười lấy làm khoái chí, rồi tìm cách trả đũa hay cố bới móc trong đó những kẽ hở để chửi lại, nhưng giấu tịt không cho vợ tôi biết, mặc dù vợ tôi không có tật hay... “kiểm soát” thư của chồng. Bà vợ tôi thoạt đầu còn thắc mắc lấy làm lạ, nhưng càng về sau thì đâm ra càng nghi ngờ như có chuyện gì không ổn cho tình nghĩa vợ chồng. Tôi đành phải cho xem rồi chờ... nghe chửi. Nào ngờ bà đọc một cách thích thú vừa cười vừa bảo: „Cái anh này viết thư... chửi nhau sao mà có duyên thế!”. Tôi hú vía... Sau này Long biết chuyện lại rêu chửi tôi „... đồ con bò, còn làm mất mặt bầu cua“. Cũng từ đó tình bạn giữa Long và tôi lại càng gần bó hơn.

Long có tật hút thuốc rất nhiều, hút bừa bãi, hút miên man không dứt, nhiều nhất là những lúc ngồi cong lưng viết bài đăng báo. Tòa soạn báo nào nhận được bài của Long đều ngất ngư vì Long không dùng máy chữ mà chỉ viết bằng tay. Chữ viết của Long thì không hơn đàn gà bới đất, chấm phẩy lại tùy hứng quãng tứ tung, tòa soạn cũng điên đầu nhiều khi phải đoán mò. Chỉ xem tuồng chữ cũng đủ để đoán tính nết và cuộc đời người viết: Bướng bỉnh nhưng thẳng thắn, gian truân nhưng tự ái rất cao, chịu đựng nhưng bất cần đời. Đó cũng là số phận và kiếp đời của Long.

Lần thứ hai Long lên Hamburg vào cuối năm 1989. Tôi rủ Long về nhà... “để tao giới thiệu thằng „thợ chửi“ với vợ tao!”. Long ái ngại không muốn đến nhưng cũng chiều bạn. Vợ tôi biết Long cũng là người Bắc nên đãi Long toàn món Bắc Kỳ. Thời gian này tìm mua món ăn Việt rất hiếm, thế mà vợ tôi xoay xở đâu ra được vài món khoái khẩu của dân Bắc chúng tôi, nào là rau muống luộc đánh giấm cà chua, một lọ cà pháo, thêm đĩa thịt bò cũng xào với rau muống thơm ngát mùi tỏi. Tất cả đều gốc Thái Lan, kể cả nước mắm, trừ thịt bò. Long ăn một cách thú vị như tìm lại được của quý, thấy mà thương. Gà trống nuôi con từ ngày qua Đức là thế, làm sao nấu được các món ăn ngon lành hai bữa cho mình và con hai đứa con mọn. Bây giờ được vợ tôi mời ăn, lại đúng ngay mấy món... ruột, ăn ngon là phải. Ăn xong chúng tôi ngồi quây quần trước máy truyền hình, vừa uống cà-phê vừa nói chuyện thể thái nhân tình. Trong lúc truyện trò Long khám phá ra được rằng, gia đình vợ tôi trước năm 1975 cũng nằm trong làng báo chí viết lách như Long. Thế là cả hai tha hồ nói chuyện ngày xưa, Long như

được gãi đúng chỗ ngứa nên nói huyền thuyên: Chuyện ông chủ bút này bị bắt, đến chuyện ông ký giả kia nhận „tiền bịt mồm“ không viết thiên phóng sự „đi đêm“ về mấy ông quan lớn, chuyện báo này năm đó tại sao bị đóng cửa, chuyện xe cán chó, chó cán xe, chuyện một đám mây ông ký giả nổi hứng hè nhau đi biểu tình cho ngày „ký giả đi ăn mày“... Ôi thôi đủ chửi chuyện. Tôi ngồi nghe nhưng mù tịt vì biết mình chỉ là...“ký thiệt“ và Long cũng biết tôi có hai ông anh trước đây cũng là phóng viên báo chí của thông tấn xã CBS và UPI tại Việt Nam.

Hôm sau Long đòi tôi chở sang Bá Linh cho biết, nhân tiện thu thập tài liệu tận mắt để viết báo, vì lúc đó bức tường Bá Linh sắp sửa bị sập, tình hình chính trị nước Đức rối ren, Ba Lan đang nổi dậy, dân Việt bên Đông Âu đã bắt đầu vượt biên giới qua phía Tây Đức xin tỵ nạn. Long rủ thêm anh Nguyễn Hòa và anh Huỳnh Thoảng cùng đi cho vui. Tôi làm tài xế lái xe vù vù từ sáng sớm tinh sương. Ranh giới Đông Tây vẫn còn, trên phần đất bên Đông xe cộ tuy nhiều hơn bình thường nhưng đó đây vẫn còn nhiều chòi gác với mấy ông Đông Đức mặt hầm hầm như cú vọ, tay lăm lăm khẩu súng thấy mà ớn lạnh. Đang chạy ngon trốn thì nghe Long kêu đau bụng. Chạy thêm một quãng nữa thì mặt mũi Long xanh như tàu lá chuối, hai chân co quắp trên ghế nhằn nhố như gái ngồi phải cọc, miệng rên oai oái:

- Mày, mày... ráng tìm... chỗ nào ghé... vào... để tao...

Tôi chẳng biết ghé vào đâu để Long „nhà bầu tâm sự“ vì suốt đoạn đường chạy xe ngang Đông Đức vồn vện vài quán „duty free“ nghèo nàn như một quán cóc bên VN, nhưng ai dám ghé vào. Dân Đức thứ thiệt chạy xe từ Tây sang Đông cũng còn chưa dám ghé, đằng này bốn trụ trên xe thì ba trụ còn mang Passport tỵ nạn, chỉ mình tôi là thẳng ba rọi, nửa nạc nửa mỡ Đức không ra Đức mà Việt cũng chẳng ra Việt, khơi khơi mà nhào vô thì cứ như đâm đầu vào cũi, chưa nói đến chuyện buồn buồn bị chụp cho cái nón gián điệp CIA thì chỉ có nước bỏ vợ bỏ con. Nhưng nếu chạy hoài không tìm được chỗ nào để Long thỏa mãn thì trong bốn cái túi khoai của cuộc đời thì lại sợ nó... “làm bậy” trong xe thì sao chịu nổi, có kéo cả bốn cửa kính xe xuống thì cũng chẳng ai dám thờ! Đang tiến thối lưỡng nan thì anh Huỳnh Thoảng ra lệnh quẹo đại vào... hy sinh cứu chúa! Cả bọn dạn nhau cố làm ra vẻ tỉnh bơ, xuống xe nhẩn nha đi vào quán. Xe chưa tắt máy thì Long đã tung cửa cửi gập người phóng như bay. Khốn nỗi, tiếng Tây tiếng U nói không nên lời, Long ú ớ hết chỉ vào bụng, đến chỉ vào sau quần... Thế mà mà máy trụ Đức cũng hiểu mới là tài, phá lên cười hô hô rồi chỉ chỗ cho Long làm chuyện... đại sự. Để cho có vẻ ung dung tự tin, chúng tôi còn ráng mua mấy cái xúc xích, vừa ăn vừa mong Long trở ra để chuẩn cho nhanh. Gần 10 phút sau mới thấy anh chàng toe toét bước ra quác miệng cười cầu tài, tiện tay „chôm“ luôn vài bộ dao, muống tài sản XHCN Đông Đức làm kỷ niệm... Không biết khi ngồi viết bài về tình hình chính trị Đông Âu cho các báo, Long có nhớ những giây phút đó hay không? Riêng tôi vừa về đến nhà đã vội kể lại ngay cho bà vợ nghe, thế là cả đám lại có dịp xúm vào chọc Long tiếp. Long đỏ mặt đỏ mày rồi lại tiếp tục chạy vợ ra nhà... sau. Hôm Long từ già ra về, Long đứng trước mặt vợ tôi khoanh tay mà nói rằng:

- Xin cảm ơn „mẫu hậu“ đã cho ăn cho ở, bây giờ từ già „mẫu hậu“... con về !

Vợ tôi đứng lặng người chết trân, nhưng cũng ráng đưa Long ra xe để tôi chở đến nhà ga cho kịp chuyến xe lửa. Long chơi trò... móc họng! Vì vợ tôi biết khá nhiều về mấy ông ký giả ký thiệt trước kia? Hay Long trả thù vợ tôi mời Long ăn cơm để bị... Tào Tháo đui? Sau này Long nói với tôi:

- Mày ngu quá! đàn bà nào mà không thích nịnh. Ông cho vợ mày đi... tàu bay giấy để bà chiều mày hơn và tao được hưởng lây! Biết chưa, bổ khí!

Từ đó về sau Long đều gọi vợ tôi là „mẫu hậu“. Riết rồi vợ tôi cũng quen đi và chỉ cười trừ. Long rất trân trọng những giây phút vui đùa với bạn bè, đó chính là liều thuốc tiên để Long quên đi một thứ nghiệp chương của nghề cầm bút mà Long đã theo đuổi trọn đời, như một cách thể chọn lựa để tồn tại trong cõi đời không mấy an vui may mắn của Long.

Một lần chúng tôi đến thăm Long (cũng với các anh Nguyễn Hòa, Huỳnh Thoảng và anh Phạm Văn Thế), nơi Long vẫn thường kể là: „Nhà tao mướn ở cuối rừng ngay dưới chân một ngọn đồi, tinh đ. tả. Sáng sớm nghe tiếng chim hót, nhìn mây lang thang giữa lưng đồi. Chiều về nghe tiếng gió thổi vi vu giữa rừng thông. Tao bây giờ trở thành tiên ông lúc nào đ. hay !“. Khi đến nơi thì Long không có nhà, mặc dù đã được báo trước. Cháu trai nhanh nhẩu nói:

- Bố cháu đi làm, nhưng bố cháu nói khi nào các bác đến thì cháu đi gọi bố cháu về.

Hóa ra hằng Long làm kế cận bên nhà. Anh em chúng tôi tò mò đi theo cháu trai đến tìm Long. Chưa đến hằng đã nghe nhiều tiếng máy nổ rầm rầm. Một người Việt Nam đeo khăn bịt miệng chỉ hở hai con mắt phờ phạc, đầu tóc và quần áo dính đầy mụn vải và chỉ dệt đang lúi thủi bước ra trong tiếng máy nổ điếc óc. Long làm nghề se chỉ trong một hằng dệt, ngày 8 tiếng chạy đua với hàng máy ồn ào, với bụi chỉ và hơi nóng khùng khiếp từ máy phát ra. Gặp chúng tôi mắt Long bỗng sáng ngời ánh tinh ranh, vừa đi vừa nói:

- Đâu biết lúc nào các ông đến mà chờ, cứ đi làm, được đồng nào hay đồng nấy để nuôi con, tôi đã dặn thằng nhỏ khi các ông đến thì gọi tôi... Thôi bây giờ về nhà!

Long „đổi đời“ thật thảm hại, thiếu may mắn hơn nhiều người khác cùng thời. Tôi nhìn Long mà lòng quặn đau. Ba cha con Long chen chúc trong căn nhà nhỏ xíu và cũ kỹ của hằng dệt cho nhân công thuê. Lương nhân công nhân cu-li thì rẻ mạt, cuối tuần còn cố làm thêm, nhưng Long vẫn chất chiu nuôi con ăn học: Học chữ, học đàn, học võ và học cả đạo làm người, vì đó chính „là nguồn vui và ý sống trong chuổi ngày ly xứ“ của đời Long. Long chấp nhận cuộc đời „đổi mới“ bẽ bàng, Long chịu đựng chưa một lần oán than, Long không buông xuôi vì vẫn luôn xác định bổn phận làm cha của mình và Long vẫn tự như lòng mình không chiều theo những lời cuốn binh thường của một người đàn ông sống cu-ky thiếu một bóng hồng, sợ rằng có thể ảnh hưởng đến các con... Bữa cơm đón „khách quý phương xa“ – như Long nói, thật đầy đủ. Hóa ra trước khi đi làm, Long đã sửa soạn nấu nướng đãi anh em. Chúng tôi ăn uống say sưa như nuốt vào lòng tình bạn hữu ngọt ngào, còn Long thì nói nhiều hơn ăn, trong khi hai cháu bé vội vã vào phòng ngủ đóng cửa im lìm.

- Mà biết không, từ ngày qua Đức đã 5 năm đến nay, mỗi buổi sáng trước khi tao đi làm, chưa bao giờ tao quên một việc, là để hai cái bàn chải đánh răng trong phòng tắm rồi quét kem lên trên cho hai con tao, sau đó gói thêm hai ổ bánh mì để trên bàn cho chúng nó ăn sáng. Chưa bao giờ tao quên!

Nhiều khi trong lúc trò chuyện, chỉ một giây thật ngắn Long chợt dừng lại, nhìn mông lung. Những lúc ấy trông Long thật xa xôi, như đang chìm vào vực sâu thẳm của suy tư. Long có chút lập dị trong người, một thứ lập dị dễ thương. Phòng làm việc của Long cũng là phòng ngủ và là nơi bữa bộn nhất trong nhà. Long ngồi trên giường thay ghế hay nằm sấp trên sàn nhà mà viết báo. Tôi ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều tạp chí và tuần báo ngoại quốc như Times, Newsweek.. nằm ngổn ngang trên sàn nhà, một máy Fax mới tinh hiệu Olivetti và một máy chữ bằng điện. Long hiểu ý khoe ngay:

- Tất cả đều do ông Thầy ở Hannover sắm cho tao để tao làm báo đấy, chứ tao tiền đ. đâu mà mua, với lại lấy tài liệu của mấy báo Tây vẫn đầy đủ và có giá trị hơn.

Hoá ra vốn liếng Anh ngữ của Long từ ngày mài quần trong trường vẫn còn hữu dụng, chẳng bỏ cho cái vốn tiếng

Đức của Long chỉ được học mấy tháng trời ngắn ngủi, ù ù cạc cạc như con gà cục tác. Long đã lấy ngòi bút chân tình và thẳng thắn của mình như để quên đi thời gian đang thách thức trên người, quên những thiếu thốn vật chất và con tim đang giày vò thân xác, để rồi đi đến một cuộc sống bình thường, không bon chen, không a dua bè phái, không đội mũ đeo râu, không cần phải đọc những bài diễn văn hoan hô hay đã đảo. Cuốn sách đầu tay được Long viết trên... sàn nhà do Chùa Viên Giác xuất bản năm 1987 mang tên „Nỗi buồn viễn xứ, ai buồn hơn ai...“ trong đó Long đã viết ra những suy tư của mình đối với tình đời và tình người trước mắt, những kỷ niệm một thời đã qua, những xót thương vô vàn cho người mẹ già yếu đuối cô đơn bên què nhà và những ê chề lạc lõng của một đời người xa lìa quê hương.

Từ những tháng năm trong viện đại học, lại thu thập được nhiều kinh nghiệm qua thời gian hành nghề ký giả, nên sở trường của Long là những bài nhận định và tham luận về thời sự chính trị Việt Nam và thế giới. Cũng nhờ thế mà Long quen biết rất nhiều ký giả, phóng viên nổi tiếng, Việt lẫn ngoại quốc đã có mặt tại Việt Nam cho đến năm 1975. Nhưng cũng đã có lần Long bị tổ trác... ê ảm, mặt mũi chầy dài thộn ra như con vịt đực! Âu cũng là cái „khẩu nghiệp vốn có tự Trời“ của Long. Câu chuyện xảy ra cũng trong nhà tôi với nhiều anh em bạn bè qua nhiều đề tài liên quan đến cuộc chiến Việt Nam, điểm chính nói về một ký giả người Ý tên là O. Fallaci. Ký giả này nổi tiếng trên thế giới vì chỉ phỏng vấn các nhân vật nổi tiếng như Bộ trưởng Ngoại gia Mỹ Henry Kissinger, ông trùm Ayatollah Khomeini, Bác học Werner vonn Braun, Yasser Arafat, Muahmed al-Gaddafi, Willy Brandt... trong đó có cả Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và đặc biệt là cựu Tư lệnh Cảnh sát miền Nam VN Nguyễn Ngọc Loan.

Bác sĩ Dương Anh Dũng, một đứa em trong gia đình tôi - một con một sách, đọc nhiều nhớ dai - thao thao bất tuyệt kể lại đoạn viết về ông tướng Nguyễn Ngọc Loan vào năm 1969 của O. Fallaci trong cuốn sách mang tựa đề „Chúng tôi, thiên thần và ác thú“ (Wir, Engel und Bestien):

„... Vì ông Loan không có cảm tình với hầu hết các ký giả ngoại quốc, đặc biệt là O. Fallaci, người mà ông Loan cho rằng chỉ viết những điều bất lợi cho miền Nam VN, nên tuy có hẹn để phỏng vấn lúc 08,00 giờ sáng, nhưng ông cố tình bắt ngồi chờ viện lý do bận hành quân, đồng thời ra lệnh cho một nhân viên mặc xà lỏn áo thun ra tiếp O. Fallaci trong phòng tiếp tân, nhưng không cho rót nước mời khách. O. Fallaci vẫn gan gì ngồi chờ. Mãi đến 14,00 chiều ông Loan mới trở về, không một lời chào, đi thẳng vào phòng làm việc rồi cho mời O. Fallaci vào. Phòng ông Loan trưng bày rất đơn giản, trên bàn một bình cắm hoa màu trắng vồn vẹn 1 nhánh hồng đỏ tươi thắm. Ông Loan rút cánh hoa hồng đưa lên ngửi, gạt gù thường thức hương thơm của đóa hồng, rồi trao cho O. Fallaci và hỏi O. Fallaci uống gì. O. Fallaci trả lời uống Coca Cola. Nhưng nhân viên của ông Loan chỉ bung ra ly rượu „Whisky on the rock“ cho ông mà thôi. Trong cuộc phỏng vấn, ông Loan chỉ trả lời những chuyện ông muốn trả lời, còn những chuyện khác thì nói rằng „bí mật quốc gia“. Thế là... huê tiền! Một lúc sau ông Loan lại hỏi O. Fallaci uống gì. Câu trả lời của O. Fallaci vẫn là Coca Cola. Nhân viên mang ra lại vồn vẹn cũng chỉ một ly rượu Whisky cho ông Loan. Cứ thế năm bảy lần trong suốt cuộc phỏng vấn kéo dài suốt 3 tiếng đồng hồ. O. Fallaci giận đến người vì bị ông Loan chơi khăm, không những chẳng thu thập được điều gì mới lạ, mà cổ họng gần như khô cứng vì từ 8 giờ sáng chờ đợi, cộng thêm suốt 3 tiếng đồng hồ phỏng vấn, vẫn không được một miếng nước thông cổ”.

Câu chuyện vừa dứt thì Long vội lên tiếng... thầy đời:

- Ủ! Ông tướng Loan tuy làm Giám đốc Cảnh sát nhưng vẫn còn cái máu Pilot trong người! Biết thắng nhà báo phỏng vấn chỉ để bới móc nói xấu mình mà vẫn tỉnh bơ

tặng cho một cánh hoa hồng, ý nói ông tuy có bàn tay sắt nhưng ông vẫn biết thưởng thức cái đẹp tinh túy và hương hoa ngọt ngào của tạo hóa đầy chứ.

Chú em bác sĩ Dương Anh Dũng sửa lại ngay:

- Sai rồi anh Long ơi, không phải là thằng đầu, nó là con mới đúng ! O. Fallaci là một nữ ký giả tên là, tên là... là... Oriana Fallaci, tên con gái mà!

Long cãi :

- BỐ LÁO, nó là thằng ký giả đực rựa trăm phần trăm. Tôi cũng đọc bài của thằng này rồi. Báo chí miền Nam ai mà chẳng biết thằng này thiên cộng, nó chỉ dám lẩn quẩn trong Sài Gòn thôi chứ bố bảo nó cũng không dám lò mò chỗ súng đạn chết chóc.

Thế là bắt đầu cuộc tranh cãi với đề tài „đực, cái“, nam hay nữ, giữa Long và chú em tôi. Long xưng cò, xui bọt mép đôi cá độ, cả bọn nhận đứng làm trọng tài. Báo hại tôi phải bỏ mấy ngày hết mò ra thư viện rồi lục tìm trong các nhà sách cũng chỉ vì hai chữ „đực, cái“ vô duyên. Cuối cùng Long bị tổ trách vì Oriana Fallaci là một người nữ trăm phần trăm, sinh tháng 6 năm 1930 tại Florence, miền Bắc nước Ý. Long thua cá độ, cười hề hề nhưng vẫn còn ngang bướng: „... thì chỉ là cái lằm lằm của nhà bác học!“. Người thua cá độ đến hôm nay vẫn... chưa kịp trả và sẽ mãi mãi không trả! Tôi ôm bụng cười chọc Long thêm:

- Cho mày bưng đặt lấy tên Hạ Long, mà Hạ Long thì đồng nghĩa với... độn thổ! Biết không?

Có lần Long khoe với tôi:

- Dạo này tao ngon lắm, chúng nó tranh nhau mời tao đi... “múa mả“, nay hội này mai đảng nọ, cứ thế mời tao liên tục, lại còn bao luôn vé xe cho tao nữa!

Tôi phì cười chọc quê:

- Mẹ kiếp! Giọng mày nói chua như giấm bổ thằng nào nghe nổi!

Long cãi :

- Ông nói cho mày nghe! Chúng nó còn mời ông đi họp hành lung tung. Mày còn nhớ bọn thằng X. cùng với vài ba cái đảng đoàn không? Chúng nó tụ tập hè nhau ra thông cáo, phát truyền đơn, in cả tờ thông tin, kỳ nèo tao ký chung, để chụp cho mày và ông Tiến sĩ Neudeck cái nón cối to tổ bố đày con ạ, vì Cap Anamur chờ gạo đi giúp dân chúng miền Bắc bị lụt tàn phá.

Tôi lại phì cười vì cách nói chuyện „dễ mất lòng nhau“ của Long, rồi Long phân trần :

- Nhưng ông không phải thằng dễ dụ đâu! Chúng nó mời ông đi thì ông đi để biết chúng nó múa may ra sao thôi!

Lần khác anh em chúng tôi từ Hamburg lại lái xe xuống thăm Long và rủ cha con Long lên Hamburg sinh sống vì tôi đã tìm được việc làm cho Long. Long rất muốn nhưng lại thương hai con xa bạn bè cũ và lạ nước lạ cái nên không muốn lên mặc dù rất tiếc. Cũng dịp này, chúng tôi được mấy anh em bạn cũ ở không xa Long mời đến dùng cơm. Tôi nói với Long, Long không đồng ý cho đi, bắt phải ở lại với Long. Tôi phân bua là đã hẹn với anh em ấy từ trước rồi, sao từ chối được, hơn nữa bao nhiêu năm mới có dịp gặp lại anh em bạn cũ. Long nhất quyết không đồng ý, chúng tôi cũng nhất quyết ra xe, hứa khoảng 3 tiếng đồng hồ sau sẽ quay về chén chú chén anh với Long cho đến sáng. Khi chúng tôi trở về lại nhà Long, đập cửa hoài mới thấy cháu trai ra mở cửa. Hỏi bố cháu đâu? Bố cháu trong phòng ngủ. Tôi chạy vào tìm Long nhưng cửa khóa chặt và trên bàn phòng khách vẫn bày biện ngập tràn các món ăn trên đĩa đã nguội tanh như chưa ai động đến. Anh Huỳnh Thoảng năn nỉ mãi Long mới mở cửa, mặc xà lỏn ở trần bước ra, hai dòng nước mắt chảy ròng ròng:

- Thôi đủ rồi, cảm ơn mấy ông! Các ông nói các ông xuống thăm tôi, tôi dọn dẹp sửa soạn suốt một ngày đón các ông nhưng các ông chê tôi, các ông lại bỏ đi chỗ khác. Tôi có ăn gì đâu, ngồi chờ các ông về mãi cũng chẳng thấy...

Tôi không ngờ Long nhiều tình cảm đến thế! Không ai thốt ra được một lời trong lúc này. Long đã khóc, khóc thật sự, khóc như một đứa bé thiếu sữa mẹ. Long khóc vì trân trọng tình bạn cao quý, Long khóc vì nỗi cô đơn của cuộc sống mình, Long khóc vì thương nhớ người mẹ già yếu đuối xa xôi, Long khóc vì tưởng như mình bị bỏ rơi giữa sa mạc hỗn độn tình người.... Tôi vội đánh trống lảng mong phá tan bầu không khí khó thở này:

- Thôi ra ăn đi ông nội! Anh em đói gần chết đây này! Không chịu ra ăn tao gọi điện thoại méc „mẫu hậu“ mày bây giờ!

Cuối tháng 10 năm 1995 Long gọi điện thoại cho tôi báo sắp đi qua Mỹ thăm bạn bè cũ, còn bảo „chúng nó rủ tao qua và mua cả vé máy bay cho tao“. Đây là lần đầu tiên Long đi Mỹ sau hơn 10 năm tại Đức. Tôi chúc Long đi chơi thật vui. Tôi nhận được thiệp Long gửi từ Mỹ, đầu bưu điện đề ngày 29.11.1995, viết nguệch ngoạc hơn gà bới như sau:

Huấn con!

Bố chu du với nàng bông nhớ tới con, bèn gửi con vài chữ. Chúc vui khỏe và „kính“ thăm mẫu hậu. Ba tuần lang thang ở Cali và Nevada thấy thiên hạ ăn chơi mà tui.

Thân mến

Vũ Ngọc Long, 29.11.1995

Chưa kịp gọi điện thoại hỏi thăm Long sau chuyến đi Mỹ về thì được tin sét đánh: Long tử nạn trên xa lộ, ngày 11 tháng 12 năm 1995, chưa đầy một tháng sau. Vợ chồng tôi bàng hoàng nhìn nhau lặng người. Người ta thường nói về cái thứ định mệnh trời tru và cay nghiệt nào đó đành đoạn ra tay cướp đi mạng sống của một con người một cách bất ngờ không tưởng. Không ai có thể linh cảm trước được cuộc xa lìa vĩnh viễn này mà người ra đi lại là Long. Vâng! Vũ Ngọc Long, kẻ sinh ra bất phùng thời. Ngay khi vừa nghe tin, vợ tôi đã bật khóc và vội đốt mấy nén hương với một chén gạo cho Long ngay trong phòng khách, lại còn nhắc tôi mỗi chiều thuốc để trên bàn cho Long cùng hút chung. Không ngờ cái thiệp Long gửi cho tôi từ Mỹ lại là dấu tích cuối cùng của Long mà vợ chồng tôi vẫn còn giữ kỹ cho đến hôm nay, như một kỷ niệm quý báu của một tình bạn gần gũi nhưng rất đậm đà gắn bó. Tôi chợt nhớ câu nói của Manzoni: „Một trong những hạnh phúc lớn của đời sống là tình bạn và một trong những hạnh phúc lớn của tình bạn là có người để gửi gắm một bí mật, một tâm tư“.

Mười năm rồi từ ngày Long ra đi. Long vẫn mơ một ngày trở về quê hương để không còn „ai buồn hơn ai...“ trên xứ người. Long vẫn mơ được thăm lại người mẹ hiền hòa để „mẹ và con được quay quần trong một mái ấm khi mùa Xuân tới“. Bài viết này xin được xem như một tưởng niệm đến một người bạn thân thương xấu số và đây cũng là một lời tạ lỗi với Long, vì không được nói với nhau lời vĩnh biệt, vì không tham dự được ngày giỗ đầu cũng như ngày giỗ 10 năm của Long. Mười năm cứ tưởng những xúc cảm đã lắng theo thời gian. Xin được thắp lên một nén hương nguyện cầu cho vong linh Long tìm thấy sự thông dong thanh thản vì đã vĩnh viễn xa rời sân khấu ô trọc của cuộc đời. Xin muôn vàn cảm ơn chị S., mãi cho đến hôm nay vẫn thay Long và vì Long lo lắng đùm bọc hai cháu Vũ Trường Chinh và Vũ Thị Như Phương cho đến khi thành tài và xây dựng gia thất. Chị S., người đàn bà chung tình, đầy quả cảm và hy sinh, một phụ nữ với cả một tấm lòng „hào hiệp, quảng đại và quân tử“ còn hơn nhiều đáng nam nhi. Như thế cho dù Long đã:

„...nằm xuống, không bạn bè, không có ai;

không có ai, từng ngày, không có ai đời đời...“ (TCS)

nhưng chắc chắn Long đã nghìn thu lấy lại sự an bình và thanh thoi muôn thuở nơi vĩnh cửu.

(Hamburg, ngày 20.11.200)

Hồn quê còn vọng

(Tuởng niệm Văn hữu Vũ Ngọc Long
nhân ngày giỗ thứ 10)

Lời cảm niệm về anh, đáng lý ra phải nhắc nhở đến luận chính trị rất sâu sắc và có giá trị lâu dài. Sách dành cho những người còn thao thức về quê hương và đồng bào. Vì anh đã dành nhiều tâm huyết vào con đường mà người Việt lưu vong của chúng ta hằng mong muốn. Là những đoạn văn sục sôi khí thế đấu tranh, và ước vọng được nhìn thấy quê hương Việt Nam được sống trong thanh bình, tự do và hạnh phúc. Vì quyền lợi ấy là tặng phẩm của Trời ban, mà bây giờ con người vẫn chưa được thụ hưởng những đặc ân mà đáng lẽ đã có từ lâu. Vì những người có tầm quyền sắp xếp an ninh trật tự của xã hội, không làm đúng chức năng của mình, nên đã đánh mất những tặng phẩm. Nhưng ở đây tôi chỉ đọc lại thi tập "Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó" với tập thơ mỏng chỉ khoảng 100 trang, nhưng đã ghi lại một thời, với chất chứa một trời thương hận, thương nhớ quê hương đang chìm trong tang tóc và khổ đau, hận quân bán nước đã rước chủ nghĩa ngoại lai về giày xéo dân tộc suốt một thời gian dài...

Qua những vần thơ chất ngất thương đau ấy, đã ẩn chứa một một tấm lòng mà anh đã từng cưu mang từ những ngày còn trong nước. Vì muốn góp chung lời kêu gọi hòa bình và tự do cho Việt Nam nên ngay từ sau ngày di cư vào Nam anh đã chọn vào học ngành báo chí tại Viện Đại học Vạn Hạnh và ngành Chính Trị Xã Hội tại Viện Đại Học Đà Lạt. Ra trường anh đã đi làm phóng viên chiến trường cho các báo: Nhật báo Sóng Thần, Tuần báo Đồi và Quạt Khởi của nhóm Dân Biểu Nghị Viên trẻ.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 anh bị đưa đi học tập cải tạo tại các trại Tân Hiệp, Khám Lớn, và U Minh Thượng. Đến tháng 2 năm 1982 tôi gặp anh tại đảo Palawan, Phillipines, mới biết anh đã thoát nạn. Ở đây anh vẫn tiếp tục hăng say trong ngành truyền thông văn hóa, mong đóng góp tiếng nói để đấu tranh cho người Việt Nam trong giai đoạn thanh lọc, dĩ nhiên là gặp nhiều điều không công bằng.

Mở đầu thi tập nhỏ này là bài thơ "Xin Tạ Lỗi Cùng Người" với hoài vọng như một lời nguyện:

*Anh sẽ về quê hương
Nơi đất nước đã một lần trốn chạy
Tìm lại những gì mất mát ngày xưa
Tìm mộ mẹ, mộ cha, mộ bạn bè chiến hữu
Gục đầu thật sâu, xin tạ lỗi với mọi người
Rằng thuở ấy quê mình đầy lang sói
Lũ cộng Hồ về tàn phá quê hương
Anh đã chạy lấy thân quên người ở lại
Để giờ này mang ân hận đầy voi.*

Thế mới biết ra đi là sự bất đắc dĩ, cho nên ngày trở về là một chuyện rất xa vời. Vì có cuộc ra đi nào nào không ẩn chứa đằng sau một xua đuổi, và trước mặt là nỗi bấp bênh không định hướng. Bây giờ lấy gì để làm "chứng minh thư" cho cuộc sống hiện tại? Nên cuộc trở về cũng chỉ là giấc mơ:

*Ta mơ chiều bếp ấm
Bên ngọn lửa rơm bùng
Quây quần đông đủ cả
Cha mẹ anh chị em ...*

Hình ảnh ấy có bao giờ quên được, cho nên thi nhân vẫn mơ tiếp:

*Ta mơ ngày chiến thắng
Trở lại chốn quê nhà
Khơi bếp hồng ngày cũ
Tìm hơi ấm hương nồng
Của chiều xuân năm đó.
(Trích Bếp Hồng Ngày Cũ)*

Ly Khách Bên Trời Nghe Muốn Khóc cũng là tựa một bài thơ ghi lại giây phút thức tỉnh sau khi đã dần thân vào cuộc lữ. Tất cả đều ngỡ ngàng khi thấy hiện tại là một thế chệnh vênh không cưỡng lại được:

*Ta cứ ngỡ ra đi là hạnh ngộ
Là yên lòng, là thanh thân như mơ
Là mộng đẹp, là vương tròn đầy đặn
Là công hầu, là khanh tướng ngựa xe
Nhưng bao thuở mộng với đời là một
Ra đi rồi là trăm nhớ ngàn đau ...*

Qua đến xứ Đức này, anh về sinh sống tại Pfulingen, làm một "Tên Se Chỉ Lưu Đày":

*Như cuộn chỉ quay quanh trục 180 vòng một phút
Những âm thanh cuồng loạn*

*...
Một người bạn hỏi ta mầy ở Việt Nam làm nghề gì
Mà tay chân mầy dễ dàng bèn nhảy
Ồ! gần năm mươi tuổi
Sáu năm cầm súng chiến đấu cho tự do
Thêm 7, 8 năm cầm bút viết lảng nhãng
Và hơn năm năm trôi giạt các lao tù ...*

Tâm sự với bạn bè cùng làm chung một hãng... Rồi về nhà với cảnh gà trống nuôi con lại tâm sự với con thơ. Có lẽ bài thơ này là một trong những bài cảm động nhất vì đã diễn tả đúng tâm trạng của một người cô đơn vì chỉ nói chuyện với đứa con chưa đủ tuổi để hiểu biết tình đời... Đây là chỉ bày cho con mình làm một việc bình thường nhất trong gia đình, là việc nội trợ:

*Con mở tủ lạnh lấy miếng thịt bò đông đá
Bỏ vào Microwave mở số lớn thịt mềm
Rồi lấy dao xắt sao cho thật mỏng
Mỏng như tình người của xứ sở này đây...
Xắt xong thịt, con rửa rau luộc bún
Bày ra bàn sao cho đẹp mắt dễ coi
Rồi đâm tỏi, vắt chanh làm nước chấm
Lấy cái nồi, nấu giấm để cho sôi
Giấm chưa gắt con nêm tí tí bột ngọt
Cho mặn môi như đời bố đã có con ...
Nhớ đem cho bố dăm ba trái ớt
Ăn cho đời chua, ngọt, mặn, cay*

*...
Mười năm xứ người mệt mỏi dẫu biển
Gà trống già, bỏ lạng lẽ nuôi con
...
Giờ con lớn, phụ bố ăn đi cuộc đời nghiệt ngã Cẩn nạt
uu phiền, nhai ngấu nghiền kiếp tha hương.*

Bài thơ này đọc lại thấy rất cảm động bởi vì đây là sự chuyện trò với con gái của anh, hay đúng hơn là yêu cầu con mình đem đến cho đời bố những tiện nghi để bồi xoa đi nỗi buồn đang gặm nhấm từng ngày nơi đất lạ. Nó rất thực tế với tất cả mọi hoàn cảnh. Anh nói chuyện với con mình mà ngỡ như lời tình tự của đêm, khi màn đen chưa khuất lấp nỗi bóng dáng cô đơn. Nên lời tâm sự trở nên một điệu ru buồn cho con anh mai sau khôn lớn. Rồi chúng nó cũng kéo lê thân chum gửi vẫn trôi giạt phương trời. Mà bóng cô đơn làm sao che lấp cho được, cảnh đơn độc vẫn còn hiện hữu với anh như hình với bóng, nó gặm nhấm hàng ngày

nổi buồn anh đang động lặng. Nhìn vào cuộc sống bất ứng hiện tại mà muốn đem nó đi xào nấu để nhai ngấu nghiến, nhưng không dễ gì vì nó như cái bóng theo mình, càng đi nhanh thì nó không thể nào chậm lại.

Những lời thơ định mệnh, như đang buộc vào số kiếp của anh. Những giọt nước mắt khóc cho tháng tư đau buồn, không ngờ lại khóc cho chính anh đã hóa kiếp nơi xứ lạ quê người. Thơ viết cho tháng tư năm 1995 thì đến tháng mười hai anh lại ra đi.

*Tôi đã khóc khi tháng tư lại đến
Mười năm rồi sao nước mắt chẳng rơi*

...
*Bên song cửa tuyết trắng màu tang phủ
Tựa khăn xô quần trọn kiếp lưu đày*

...
*Thôi vĩnh biệt quê hương ơi yêu dấu
Chắc thân này yên nghỉ xứ người thôi
(Ôi! Đời Ly Xứ)*

Vẫn biết cuộc đời là vô thường, ai cũng phải một lần ra đi nhưng ra đi mà chưa làm tròn ước nguyện thì cuộc đi này cũng đã chưa xót nhường bao.

Phần hai của thi tập là bản trường ca: Khóc Lên Đi Ôi Quê Hương Yêu Dấu gồm 526 câu, một bài thơ với những dòng thơ uất nghẹn trào dâng như hai câu mở đầu:

*Viết lên đây những dòng thơ bằng máu
bằng hận thù, bằng uất nghẹn trời cao*

...
Và kết thúc bằng một ước vọng mà muôn người đều ôm ấp:

*Những vùng kinh tế mới
được biến thành trường học dạy yêu thương
đàn con Việt tha hương ngày xưa ấy
Nay trở về chung sức dựng quê hương
ngày hội ngộ mừng vui tràn nước mắt
cùng vang lòng tiếng hát mẹ Việt ơi!*

Sự mong ước này vẫn còn tiềm tàng mãi trong tâm của những người ly xứ... Ở giữa là chia ly, mất mát, hận thù... đang bủa vây chung quanh kiếp sống của muôn người, thì ra đi là một nghiệp dĩ và ở lại cũng không phải là lẽ sống còn có ý nghĩa trong một nước bị rơi vào tay cường bạo! Cho nên ngày trở về cũng trở nên vô vọng như những lần ra đi!

Vũ Ngọc Long của "Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó" của mười năm trước và cho đến bây giờ, mười năm sau, cũng chẳng có gì thay đổi, vẫn đọc đảng tôn, vẫn áp dụng sách lược bắt bớ giam cầm những thành phần tranh đấu cho tự do nhân quyền, đàn áp tôn giáo một cách tinh vi hơn; tham nhũng và cửa quyền, cắt đất dâng biển để củng cố quyền lực... Như vậy chúng ta có thể nói thay Vũ Ngọc Long: Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ "VẮN" Là Thế Đó!?

VIỆT NAM
QUÊ HƯƠNG TÔI
BÂY GIỜ LÀ THẾ ĐÓ!



thơ vũ ngọc long

Anh vẫn còn đây

**Kỷ niệm 10 năm ngày giỗ
Văn Hữu Vũ Ngọc Long**

*Bằng lý tưởng suốt đời anh theo đuổi
Tìm con đường cho dân tộc vươn lên
Viết nghị luận đấu tranh qua ngọn bút
Mong thanh bình cho quê mẹ Việt nam*

*Quê hương đã trải nhiều cơn binh biến
Hồn muôn dân còn vất vưởng làm than
Bờ xương trắng ngậm ngùi qua mấy nổi
Lạnh lùng trôi như con nước xuôi ngàn*

*Nhiều lúc ngỡ cuộc đời xuôi như nước
Nên ước mơ mai thuận gió thuyền về
Vì quê hương nâng niu như mộng ước
Cho sóng lòng tha thướt đẹp chiều quê*

*Những cánh én mang xuân về từ biển
Chưa một lần đón hưởng phút vui xưa
Và vẫn thiếu bóng mây thời niên thiếu
Tắm mộng hồn một thuở ngát trời thơ*

*Anh chấp cánh bay ngang trời quê mẹ
Tôi lang thang mãi miết tận xứ người
Trong ta vẫn muôn đời tình huynh đệ
Sao vẫn còn ngăn cách giữa ngàn nơi*

*Lời cầu nguyện cho anh đừng hóa kiếp
Mong linh hồn vẫn mãi nét trung trinh
Tình quê hương vẫn muôn đời tha thiết
Giữ trong tim như dấu chút hương tình*

*Đã nhiều bận lên rừng hay xuống biển
Để mong sao "Tìm Lại Nẻo Đường Về" (*)
Sao nửa cuộc chợt tan tành mây nước
Sao nửa chừng chìm khuất cõi diên mê*

*Thôi vĩnh biệt cùng anh thêm lần cuối
Nơi xứ người hoang lạnh mấy mùa trôi
Anh nằm xuống mùa thu vàng gió thổi
Tôi ngồi đây nghe thương tiếc đây vơi*

*Xin tưởng niệm một đời anh dong ruổi
Hồn còn bay trong mấy kiếp buồn đau
Khi lòng trắng như buổi chiều mây nổi
Cũng còn đây hình bóng thuở ban đầu!*

● **Đan Hà**

(*) Tựa sách "Tham luận chính trị" của Vũ Ngọc Long

Chó Tây và Chó Ta



● Nguyễn Quý Đại

Mùa xuân trở về, năm Ất Dậu chấm dứt vào nửa đêm 29.01.2006, bắt đầu năm mới Bính Tuất. Tuất là chó, con vật đứng thứ 11 trong 12 con Giáp được chỉ cho hạn tuổi của con người. Thập Nhị: Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu; Can Chi: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Tổ tiên của loài chó khoa học gọi là: "Canis Familiaris/Canidae," đều có nguồn gốc thuộc các loại sói rừng: Wolf, Hyaenahund, Maehnenwolf, Fuechse, Schakale, Coyote. Cách đây 7.000, trước Công nguyên, con người bắt chó rừng mang về thuần hóa thành gia súc (Haustier). Thời đó con người dùng chó để săn bắn, hay kéo xe trên những vùng băng giá. Trong quá trình thuần dưỡng, có thể nói trong những súc vật nuôi trong nhà, chó là người bạn lâu đời thông minh và trung thành nhất, chính những mối quan hệ thâm giao chó hiểu được tiếng người.

Ngày nay chúng ta thấy rất nhiều giống chó, người ta thường nuôi: Chow-Chow, Collie, Leonberger, Cokerspaniel, Husy, Bernhardiner, Basset-Hound, West Highland White Terrier, Mops, Boxer, Mastiff, Dalmatiner, Afghane, Deutsch Kurhaar, Airedaleterrier, Labrador, Balthazar, Dino, Bullstiff, Old English sheepdog, Siberian husky... Hơn 300 loại chó được tiến hóa, loại chó cao to như "Great Dane" hay giống chó thật nhỏ bằng con mèo gọi là "Chihuahua". Ở Đức giống chó nổi tiếng thông minh, người ta gọi là chó Cảnh sát hay chó biên phòng „German



Shepherd/ Deutscher Schäferhund" Loại chó này thông minh, giúp Cảnh sát truy tìm ma túy, vũ khí và tội phạm, các nông trại dùng chó để chăn cừu. Ngoài ra còn có các loại chó Deutsche Gogge, Deutscher Wolfspitz được nhiều người ưa thích.

Các quốc gia Tây Phương, người ta yêu thích chó, họ đặt tên như: Jackson, Mina, Tina... Họ ôm ấp chó như trẻ con, hôn hít, chăm sóc cẩn thận, đóng bảo hiểm y tế. Mùa đông may áo cho chó mặc, chó có bộ lông dày và dài thì họ

phải chải lông, cắt tỉa tắm gội, dắt đi khám bệnh chủng ngừa, ngoài ra có trại nuôi (Tierheim) săn sóc thú vật vô chủ. Có hội bảo vệ thú vật với khẩu hiệu „quäle nie ein Tier zum Scherz, dem es fühlt wie du dem Schmerz," nghĩa là đừng hành hạ một con thú để làm vui, vì nó cũng cảm nhận nỗi đau đớn như mình. Tuần báo "Ein Herz für Tiere/ Một trái tim cho thú vật," hướng dẫn cách nuôi chó, mèo, v... Các siêu thị bán thức ăn riêng cho chó mèo. Người La Mã cổ đại đã biết dùng chó tham gia chiến đấu, chó cắn vào chân ngựa địch thủ, ngựa bị đau bỏ chạy. Vào thế kỷ 15, người Tây Ban Nha còn trang bị cho chiến binh chó những chiếc áo giáp bằng. Quân đội Hoa Kỳ, có đội Quân Khuyển lớn, mang tên từng đơn vị phục vụ trong chiến tranh, thời chiến tranh Việt Nam, những đàn Quân Khuyển này đã tìm hầm bí mật, hệ thống địa đạo ở Củ Chi, dù ống thông hơi được nguy trang khéo léo dưới gốc cây, ổ mối đất...

Từ ngày 1.11.2005, chính quyền Anh cho áp dụng việc thi vào quốc tịch Anh với bài thi gồm 24 câu hỏi, tập trung nhiều vào lịch sử và các vấn đề liên quan đến thể chế và sinh hoạt công dân, ngoài ra còn có câu hỏi về chuyện nuôi chó? Khác với Việt Nam nuôi mèo để bắt chuột, nuôi chó để giữ nhà, ăn cơm thừa canh cặn, đôi khi dọn vệ sinh cho em bé.

Mỗi quốc gia đều nuôi những giống chó đặc thù riêng, giống chó Berger thường to con nặng ký, Ở Á Châu, Phi Châu có chó xoáy nhỏ con. Theo các tài liệu thì giống chó có xoáy trên lưng được liệt vào danh sách những loài chó tinh khôn, lanh lợi trong việc săn bắn và trên thế giới chỉ 3 giống chó có xoáy lưng, đó là là chó Phú Quốc, chó xoáy Thái Lan và chó xoáy Rhodesia Nam Phi. Nguồn gốc chó xoáy, hai nhà vật học Hoa Kỳ là Merle Wood và Merle Hidingner trong các nghiên cứu về giống chó Thái Lan (Thai Ridgebacks) đều cho rằng, những cái xoáy lưng từng được ghi nhận chỉ bắt gặp duy nhất ở giống chó xoáy miền Đông Thái Lan. Chó xoáy Thái Lan được biết đến nhiều như là "Mah Thai Lung Ahn". Năm 1627 triều đại của Vua Songtham Ayutthaya, cho rằng giống chó xoáy bản địa Thái có từ lâu đời nhất ở Đông Nam Á. Loại chó này có nhiều màu và mỗi con có một xoáy trên lưng. Giống TRD (Chó Xoáy Thái) có bộ lông ngắn (Kon San), có xoáy (Lung Ahn), có tai thẳng (Hoo Tang), và có đuôi cao như lưỡi kiếm (Hang Dab). Kiểu xoáy lớn nhất gọi là „Bai Pho" giống như lá cây „Bhodi". Ngoài các loại màu lông đen, trắng, vàng đồng có loại màu xanh da trời và màu đỏ.

Để bảo vệ về giống chó xoáy, ở Thái có Hiệp Hội Chó Thái Lan (DAT= Dog Association of Thailand) nay là Câu Lạc Bộ Cũi Chó Thái Lan (Kennel Club of Thailand = KCTH). Câu Lạc Bộ Chó Xoáy Thái Lan (TRCUS= Thai Ridgeback Club of the United States), AKC-FSS (American Kennel Clubs Foundation Stock Service), UKC (TRAC) Thai Ridgeback Association of Canada, và ARBA ở Hoa Kỳ. Ở cấp bậc quốc tế, giống đã được chấp nhận bởi FCI và AKU



(Asian Kennel Union).

Thời Việt Nam Cộng Hòa có Trung Tâm Huấn Luyện Quân Khuyển, huấn luyện chó Berger. Ở chợ Cũ trên đường Hàm Nghi có chợ chó mèo. Ngày nay ở Việt Nam cũng có Trung tâm Huấn luyện chó đua ở Vũng Tàu, những đoàn chó đua greyhound với những cái tên chó hết sức hay như: Chiến Phong, Phi Phụng, Hoàng Gia, Hằng Nga, Phú



Long...

Hàng tuần, khoảng 80 chó đua được chọn vào trường đua chó Vũng Tàu, với hình thức bán vé để phục vụ công chúng, nhưng thật sự đó là những lần cá được ăn tiên. Nhiều đại gia nuôi chó Berger nhập cảng như: New Foundland từ vùng biển Canada, Great Dane của Đan Mạch...

Chó Phú Quốc cũng là loại đang được người nuôi chú ý hiện nay, giống chó Phú Quốc, có thể bắt nguồn từ giống chó Thái Ridgebacks, trước đây những ngư phủ Thái đã mang vào đảo Phú Quốc? Giống chó Phú Quốc thì xoáy lưng thường gặp là dây lông mọc ngược chiều so với phần lông trên mình chó, có hình dáng rất đa dạng có thể là hình kim, hình mũi tên, yên ngựa, cây đàn, chiếc lá... Dừng từ xoáy lưng chưa sát nghĩa lắm, vì xoáy lưng có cảm nhận vòng tròn tròn ốc. Đẳng này, xoáy lưng chó Phú Quốc lại chạy thẳng một đường trên sống lưng từ vai đến xương khu với bề ngang độ 1 - 2 phân. Ngoài xoáy lưng như nói trên, còn có các xoáy ở hai bên cổ, sau mông. Lông chúng xoáy lại cứng và dài hơn bình thường. Lúc đuổi mồi hoặc gặp đối thủ mạnh tấn công, ngay lập tức hàng xoáy dựng đứng lên như cái bờm ngựa khiến con vật như to hơn, dữ dằn hơn. Bàn chân của chúng khác với các loại chó khác là giữa các ngón có một màng thịt như chân vịt giúp chúng bơi lội giỏi như rái. Hai chân trước hầu hết là 5 ngón, thường có móng đeo ở chân sau. Chó Phú Quốc rất thích tắm biển, nhờ bộ lông mượt ngấn như nhung không có lông măng không bị ướt, lông có thể nhiều màu khác nhau, đây là đặc tính khiến chó Phú Quốc rất khó thích nghi khi được đưa vào nuôi trong đất liền. Mỗi khi sinh con chó Phú Quốc thường tự vào rừng đào hang sinh đẻ, đến khi nào chó con cứng cáp thì cả bầy mới dắt díu nhau về. Chó Phú Quốc có nhiều đặc tính nổi bật trong việc giữ nhà, săn chuột, bắt chim... cũng như vốc dáng thanh sắc, mình thon dài, chân cao, bàn chân rộng, ngực nở, bụng thon, tai đứng, đuôi vót như cần câu. Chó Phú Quốc có đầu nhỏ, gọn phù hợp với thân hình thon, mõm dài vừa phải và thường có màu đen, xương đầu thuộc nhóm đầu dài. Chiều dài tai trung bình. Mắt chó đa số có màu nâu, một số khá lớn có màu vàng, còn lại màu đen rất ít. Đa số chó có độ dài mõm vừa, lưỡi chó có đốm hay bót. Hầu hết chó có màu đen tuyền, một số khác có thể có ực vàng hay chân và ực đều vàng hoặc nâu. Nhóm màu này chiếm tỷ lệ cao nhất. Chó Phú Quốc có thể săn được thú lớn hơn chúng rất nhiều như: Nai, heo rừng, rắn độc. Chó sủa rất tốt, nhạy cảm với người hay vật lạ. Ban đêm, chó dễ dàng phát hiện những mục tiêu lạ và không bao giờ buông

tha. Chó Phú Quốc rất gần gũi và thân thiện với chủ, dễ làm quen. Đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan nguồn tài nguyên biển, rừng nguyên sinh phong phú, bãi biển cát trắng trải dài đã làm hấp dẫn bước chân du khách đến nghỉ mát, tắm biển. Bên cạnh đó phát triển vùng nuôi ngọc trai và trại nuôi chó giống, giá bán một chó con giống tốt khoảng 30 Euro. Điều lo ngại đảo Phú Quốc chiều dài 50 km rộng 28 km diện tích 573 km² từ thị trấn Dương Đông, An Thới tới Gành Dầu đều có các quán „cày tơ, nai đồng quê„ là những quán nhậu thịt cày, khác với Tây phương có tên Chili dog, Hot dog nhưng họ không bao giờ giết chó bán thịt. Nếu chính quyền Việt Nam không bảo vệ chó Phú Quốc, rồi một ngày nào đó chó xoáy sẽ mất dần, bởi nhiều người nghiện thịt chó từng nói:

Sống trên đời, không ăn miếng dồi chó
Chết xuống âm phủ, đâu có mà ăn.

Trong văn chương bình dân Việt Nam thường nhắc đến chó, và người ta gọi con chó lông đen là chó mực, chó có nhiều đốm lông gọi là chó đốm, chó vàng, chó vện. Chó là con vật trung thành với chủ nhà, dù ăn uống thiếu nhưng nó không bao giờ bỏ nhà đi hoang, như ca dao:

Con không chê cha mẹ khó
Chó không chê chủ nghèo.

Chó ngoan và trung thành, nhưng đề phòng chó mèo ăn vụng „chó treo mèo dầy“ đôi lúc cũng bị vạ lây như trường hợp con mèo leo trèo làm bể nồi con chó bị vạ:

Con mèo làm bể nồi rang
Con chó chạy lại mà mang lấy đòn

Chỉ những thói quen của chó,

Chơi với chó, chó liếm mặt
Chó cạy gần nhà, gà cạy gần chuồng
Chó nào chó sửa chỗ không
Chẳng thẳng ăn trộm, cũng ông ăn mày
Chó giữ nhà, gà gáy trống canh
Chó gặm xương, mèo liếm chảo
Chó liến da, gà liến xương
Chó ngáp phải ruồi
Cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi

Giai thoại Ông Ích Khiêm về chó, sau khi vua Tự Đức (1829-1883) băng hà, triều đình rối loạn vua kế vị còn nhỏ, các quan đại thần vì quyền lợi riêng không lo việc nước. Ông bực mình bèn làm tiệc mời các quan tới dự. Bàn trên cỗ dưới các món ăn đều bằng thịt chó. Lúc vào tiệc, nhiều quan không quen ăn thịt chó, hỏi có món nào khác không? Ông trả lời:

- Bẩm, hôm nay trên dưới toàn là chó cả.

Tiệc xong, các quan gọi nước mãi không thấy người nhà mang nước cho khách, vì ông dặn trước đừng đưa nước, các quan khát nước, khô cổ vì rượu. Một lúc lâu, người nhà đến bàn tiệc, ông quát tháo:

- Lũ chúng bay đưa lớn, đưa nhỏ ăn hại cơm trời, chẳng biết việc nước là chi cả?

Các quan tham dự buổi tiệc biết bị chửi khéo, ra về trong lòng mỗi người một suy tư, thương, ghét theo thể thái nhân tình, nhưng Ông Ích Khiêm cũng đã lấy thịt chó để răn đời.

Trong ngôn ngữ Đức cũng có những câu nói về chó: Hund, die bellen, beissen nicht chó sủa chó không cắn, der Grosse Hund, der Kleine Hund để gọi chòm sao Đại Thiên

lang, Tiểu Thiên lang; *ein feiner Hund* một người đáng tin cậy, nhưng ngược lại: *er ist ein krummer Hund* một kẻ đáng nghi ngờ...



Đôi khi nghe người ta chửi "Đồ chó mất dạy, ngu như chó", nhưng không ai chửi "Đồ chó phản bội". Bởi con chó không bao giờ phản bội. Trung thành là một đức tính cao quý của con người, nhưng kẻ tiểu nhân thường không có đức tính đó. Bản tính của con chó rất trung thành, bất di bất dịch.

Bên Nhật tại nhà ga Shibuya, nơi có bức tượng con chó Hachiko. Hachiko là con chó nổi tiếng trung thành nhất ở Nhật. Mỗi ngày Hachiko đều đến ga Shibuya chờ chủ đi làm về. Một ngày kia, chủ nó chết ở sở và thế là con chó trung thành tội nghiệp vẫn tới nhà ga hằng ngày chờ chủ cho tới khi già yếu và chết, liên tục trong 10 năm liền. Con chó không bao giờ bỏ chủ. Nếu chủ gặp gian nguy, con chó bao giờ cũng liều mình cứu chủ. Vì chủ, nhiều con chó đã xả thân. Khi chủ chết, nhiều con chó ra mộ nhìn ăn chết theo chủ, ở nghĩa trang Munich, Đức, năm qua người trồng hoa, cắt cỏ, ngạc nhiên thấy con chó, nằm bên ngôi mộ đang xây, nhiều ngày không ăn uống, ông ta báo cảnh sát đến mang nó vào trại nuôi dưỡng, con chó đáng yêu trung thành với chủ, được nhiều người giàu nộp đơn xin nó về nhà.

Đời sống tập tính của chó có những đặc thù, Mỗi khi ngủ, nó dấn tai xuống đất, bởi mặt đất truyền âm thanh vừa nhanh hơn không khí vừa rõ ràng hơn, chỉ cần nghe thấy tiếng động gì là chó tỉnh ngay lập tức; dù chó có khứu giác rất nhạy cảm. Cấu tạo mũi chó phức tạp hơn nhiều so với mũi những loài động vật khác. Bộ phận để phân biệt các mùi vị của nó cũng đặc biệt lớn. Trong xoang mũi có nhiều nếp nhăn, bên trên có một màng nhầy, niêm mạc trên thường xuyên tiết ra chất dịch nhầy làm ướt các tế bào khứu giác này. Nhờ đó, chúng có thể đưa các loại mùi vị từ thân kính khứu giác lên đại não, niêm mạc đầu mũi này thường xuyên tiết ra rất nhiều dịch nhờn để làm ướt mũi, khiến khứu giác của chó đặc biệt nhạy cảm, nhưng chó rất kỵ tiêu bột.

Về sinh lý của loài chó khác những con vật khác, theo tài liệu Anh ngữ đã giải thích rõ về sự giao phối của chó. Chó đực tiếng Anh gọi là chó (dog), con cái gọi là (bitch) và chó nhỏ gọi là chó con (puppies hoặc pups)... Sự giao phối được cho phép bởi chó cái chỉ trong thời kỳ phát dục (estrus/ động dục). Thời kỳ phát dục trong hai hoặc ba tuần lễ và xuất hiện chừng mực trong khoảng thời gian sáu tháng... (1)

Loại cây có tên „chó đẻ“ lá răng cưa Đông y gọi là Hy Thiêm, được dùng chữa viêm gan, đau mỗi cơ, xương, đau lưng, đầu gối, tê dại tay chân, đầy bụng, chán ăn hay bệnh thấp nhiệt lở loét. Cây chó đẻ mọc hoang nhiều ở vùng

trung du và miền núi, được thu hái vào mùa hè, chặt nhỏ thành từng đoạn từ 3-5 cm, rửa sạch phơi khô. Một số bài thuốc cụ thể:

Chữa phong thấp lở loét: Hy thiêm 15 g, cầu tích 8 g, cốt toái bồ 10 g, rễ gấc 6 g. Dùng sắc uống hằng ngày, mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 40-50 ml. Uống 10-20 ngày liền.

Chữa tay chân tê dại: Hy thiêm 1.000 g, rượu trắng 1.000 ml, mật mía 30 g. Hy thiêm băm nhỏ, mật quấy đều tan trong rượu. Lấy một phần rượu mật tẩm vào hy thiêm trộn đều, đem sao trên lửa nhỏ cho khô rồi lại tiếp tục tẩm rượu mật đem sao. Làm như vậy 9 lần, đem tán nhỏ hy thiêm thành bột mịn, dùng phần rượu mật còn lại trộn đều, đem vo thành từng viên nhỏ, uống ngày 3 lần, mỗi lần 15 viên uống với nước sôi nguội. (Tôi chỉ tham khảo theo tài liệu, vấn đề điều trị bệnh phải cần hỏi các thầy Đông y).

Năm con Gà đã gây nên thiên tai, sóng thần, động đất bệnh cúm gà khắp nơi trên thế giới. Theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của Ngũ Hành thì năm 2006 thuộc „Can sanh Chi“ tức Trời sanh Đất. Hy vọng năm mới cảm tinh con Chó, đời sống nhân loại đến với nhau trong tình thương, hòa bình và thịnh vượng.

Tài liệu tham khảo:

Universal Lexikon
Ein Herz für Tiere
chó xoáy Thái (www.thairidbackdog.com),
chó xoáy Châu Phi (www.dogbreedinfo.com),
www.hund.de

(1) SEX, MATING, GESTATION and PARTURITION

The male is usually just called, dog. The female dog is called, bitch. The young are called puppies or pups. A group of dogs may be referred to as a pack.

The external genitalia of a male dog consists of two testes contained in an external scrotal sac. The external orifice of the penile sheath is located just caudal to the umbilicus. The female's external genitalia consists of a vulva. The bitch becomes sexually mature somewhere between eight and twelve months old; there is a great deal of variation between breeds and larger dogs tend to have slower onset of sexual maturity. Mating is permitted by the female only during estrus (heat). Estrus lasts for two or three weeks and occurs at approximately six-month intervals. The start of estrus is signaled by vulvar swelling and a blood-tinged vaginal discharge. Ovulation is spontaneous and takes place during early to mid-estrus. The female is attractive to males during the entire estrus two-three week period, but usually permits mating only during a four to ten day window, beginning eleven to seventeen days after the onset of full estrus.

After some exploratory sniffing and licking by the dog, the bitch signals her readiness to mate by standing with her tail held to one side. The dog mounts the bitch, clasping her around the loins with his forelegs.

He makes thrusting motions and releases his semen within a minute. After ejaculation of the semen, a gland at the base of the dog's penis expands to lodge itself in the vagina, which serves to "tie" the two together. Often the male will turn so that the dogs are partially back to back. After about twenty minutes, the blood vessels to the penis relax, the glands and the penis return to normal size and the tie is broken. The dogs part, usually retire to lick themselves clean, after which they may play together, or just rest peacefully.



Năm Tuất muốn biết Thuận Hạp & Khắc Kỵ như thế nào? (Bính Tuất 29-01-2006 đến 17-02-2007)

Sau khi năm Ất Dậu chấm dứt, thì đến năm Bính Tuất được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu ngày chủ nhật, 29-01-2006 để cầm tinh đến 24 giờ ngày 17-02-2007. Năm Bính Tuất này cũng thuộc hành Thổ và mạng Ốc Thượng Thổ tức Đất Trên Nóc Nhà, năm này thuộc Dương, có can Bính thuộc mạng Hỏa và có chi Tuất thuộc mạng Thổ. Căn cứ theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này “Can sinh Chi” tức Trời sinh Đất. Bởi vì : “Mạng Hỏa sinh mạng Thổ”(mạng Hỏa tức Trời bị sinh xuất, mạng Thổ tức Đất được sinh nhập). Do vậy, năm này rất thuận chiều tốt nhứt, bởi vì được Trời sinh dưỡng Đất và năm này là cũng năm tạo dựng cùng tài bồi cho các năm : Tân Tỵ (2001), Quý Mùi (2003) và Giáp Thân (2004) vừa qua, đã bị Chi khắc Can. Riêng năm Nhâm Ngọ 2002) đã bị Can khắc Chi.

Được biết năm Tuất vừa qua là năm Giáp Tuất thuộc hành Hỏa, nhằm ngày thứ năm, 10-02-1994 đến 30-01-1995.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm thứ 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2006 = 4643$, rồi đem chia cho 60 thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 cho đến năm 2043. Do vậy, năm Bính Tuất 2006 này là năm thứ 23 của Vận Niên Lục Giáp 78 và năm Tuất kế tiếp sẽ là năm Mậu Tuất thuộc hành Mộc, nhằm ngày thứ sáu tính từ 16-02-2018 đến 04-02-2019.

Năm Bính Tuất có người thắc mắc, muốn biết năm này tuổi ảnh hưởng vận mạng như thế nào? Vậy chúng ta thử phân tách năm Bính Tuất, thì thấy ba việc phải làm như sau:

1.- Đối với Mạng ảnh hưởng như thế nào?

Bởi vì, năm Bính Tuất thuộc mạng Thổ sẽ đưa đến thuận hạp hay khắc kỵ với mạng Thổ, cho nên năm này, sẽ đưa đến thuận hạp hay khắc kỵ với mọi người như thế nào? Xin trích dẫn như dưới đây:

- **Những người có tuổi cùng mạng Thổ như: Canh Ngọ (1930-1990...), Tân Mùi (1931-1991...), Mậu Dần (1938-1998...), Kỷ Mão (1939-1999...), Bính Tuất (1946-2006...), Đinh Hợi (1947-2007...), Canh Tý (1900-1960...), Tân Sửu (1901-1961...), Mậu Thân (1908-1968...), Kỷ Dậu (1909-1969...), Bính Thìn (1916-1976...) và Đinh Tỵ (1917-1977...).**

Xem như tương hòa với năm Bính Tuất bởi vì có cùng mạng Thổ, cho nên năm này có đời sống an cư và lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt

đẹp. Tuy nhiên, những người có mạng Âm Thổ như tuổi: Tân Mùi, Kỷ Mão, Đinh Hợi, Tân Sửu, Kỷ Dậu và Đinh Tỵ, thì tốt hơn những người có mạng Dương Thổ như tuổi: Canh Ngọ, Mậu Dần, Bính Tuất, Canh Tý, Mậu Thân và Bính Thìn.

Bởi vì, theo luật Dương Âm lần lượt trưởng tiêu, không khác ngọn thủy triều lên xuống hoặc có không rồi không có hay nói khác đi là Sắc Không rồi Không Sắc. Ví thế: “Dương Âm tương ngộ tất ứng” còn “Dương ngộ Dương và Âm ngộ Âm bất ứng”. Phương pháp này áp dụng cho tất cả các tuổi, để chúng ta thực hành sau này.

- Những người có tuổi mạng Kim như : Giáp Tý (1924-1984...), Ất Sửu (1925-1985...), Nhâm Thân (1932-1992...), Quý Dậu (1933-1993...), Canh Thìn (1940-2000...), Tân Tỵ (1941-2001...), Giáp Ngọ (1954-2014...), Ất Mùi (1955-2015...), Nhâm Dần (1962-2022...), Quý Mão (1963-2023...) và Tân Hợi (1911-1971...).

Những người có tuổi mạng Kim gặp năm Bính Tuất thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Thổ sinh mạng Kim”. Bởi vì, mạng Thổ bị sinh xuất và mạng Kim được sinh nhập, cho nên những người có mạng Thổ năm này tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Kim.

- Những người có tuổi mạng Mộc như: Mậu Thìn (1928-1988...), Kỷ Tỵ (1929-1989...), Nhâm Ngọ (1942-2002...), Quý Mùi (1943-2003...), Canh Dần (1950-2010...), Tân Mão (1951-2011...), Mậu Tuất (1958-2018...), Kỷ Hợi (1959-2019...), Nhâm Tý (1912-1972...), Quý Sửu (1913-1973...), Canh Thân (1920-1980...) và Tân Dậu (1921-1981...).

Những người có tuổi mạng Mộc gặp năm Bính Tuất thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Mộc khắc mạng Thổ”. Bởi vì, mạng Mộc được khắc xuất và mạng Thổ bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Mộc năm này mặc dù bị khắc kỵ, nhưng tổng quát nó không bị ảnh hưởng xấu nhiều, vì những người đó có mạng khắc kỵ với năm và cũng không có lợi bằng những người có mạng Thủy cùng năm mạng Thủy đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Mộc.

- Những người có tuổi mạng Thủy như: Bính Tý (1936-1996...), Đinh Sửu (1937-1997...), Giáp Thân (1944-2004...), Ất Dậu (1945-2005...), Nhâm Thìn (1952-2012...), Quý Tỵ (1953-2013...), Bính Ngọ (1906-1966...), Đinh Mùi (1907-1967...), Giáp Dần (1914-1974...), Ất Mão (1915-1975...), Nhâm Tuất (1922-1982...) và Quý Hợi (1923-1983...).

Những người có tuổi mạng Thủy gặp năm Bính Tuất thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Thổ khắc mạng Thủy”. Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Thủy, năm này xấu tổng quát, không thể thực-hiện gì kết quả tốt đẹp. Trường hợp này, giống như những người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Thủy.

- **Những người có tuổi mạng Hỏa như: Bính Dần (1926-1986...), Đinh Mão (1927-1987...), Giáp Tuất (1934-1994...), Ất Hợi (1935-1995...), Mậu Tý (1948-2008...), Kỷ Sửu (1949-2009...), Bính Thân (1956-2016...), Đinh Dậu (1957-2017...), Giáp Thìn (1904-1964...), Ất Tỵ (1905-1965...), Mậu Ngọ (1918-2078...) và Kỷ Mùi (1919-1979...).**

Những người có tuổi thuộc mạng Hỏa, gặp năm Bính Tuất thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Hỏa sanh mạng Thổ”. Bởi vì, mạng Hỏa được sanh xuất và mạng Thổ bị sanh nhập, cho nên năm này tổng quát những người có mạng Hỏa mặc dù được tương sanh, nhưng năm này bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Kim

2.- Đối với Thiên Can ảnh hưởng như thế nào? :

☞ **Năm Bính gặp can Giáp Ất:**

Năm nay là năm có Can là Bính, thuộc mạng Hỏa và những người có tuổi Can là Giáp Ất thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Mộc sanh mạng Hỏa”. Bởi vì, mạng Mộc bị sanh xuất và mạng Hỏa được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Mộc, dù được tương sanh, nhưng bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc cũng được tương sanh, vì “mạng Mộc sanh mạng Hỏa như đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Mộc.

☞ **Năm Bính gặp can Bính Đinh:**

Năm nay là năm có Can là Bính, thuộc mạng Hỏa và những người có tuổi Can là Bính Đinh, thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì có cùng mạng Hỏa, thì xem như tương hòa, cho nên năm này có đời

sống an cư và lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phạm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

☞ **Năm Bính gặp can Mậu Kỷ:**

Năm nay là năm có Can là Bính, thuộc mạng Hỏa và những người có tuổi Can là Mậu Kỷ, thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Hỏa sanh mạng Thổ”. Bởi vì, mạng Hỏa bị sanh xuất và mạng Thổ được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Thổ, xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có: Mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Thổ.

☞ **Năm Bính gặp can Canh Tân:**

Năm nay là năm có Can là Bính, thuộc mạng Hỏa và những người có tuổi Can là Canh Tân thuộc mạng Kim, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Hỏa khắc mạng Kim”. Bởi vì, mạng Hỏa được khắc xuất và mạng Kim bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim, xem như là năm xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả như ý. Trường hợp này, giống như những người có: Mạng Hỏa gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Kim.

☞ **Năm Bính gặp can Nhâm Quý:**

Năm nay là năm có Can là Bính, thuộc mạng Hỏa và những người có tuổi Can là Nhâm Quý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Thủy khắc mạng Hỏa”. Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất và mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thủy dù bị tương khắc, nhưng bị khắc xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Thủy gặp năm mạng Thủy. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Hỏa gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Thổ và mạng Thổ gặp năm mạng Thủy.

3.- Đối với Địa Chi ảnh hưởng như thế nào?

☞ **Năm Tuất gặp Chi Hợi Tý:**

Năm này có Chi là Tuất thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Hợi và Tý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Thổ khắc mạng Thủy”. Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thủy, xem như là năm xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả như ý. Trường hợp này, giống như những người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Thủy.

☞ **Năm Tuất gặp Chi Thìn Tuất Sửu Mùi:**

Năm này có Chi là Tuất thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Thìn Tuất Sửu và Mùi tức Tứ Mộ thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì có cùng mạng Thổ, thì xem như tương hòa, cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

☞ **Năm Tuất gặp Chi Dần Mão:**

Năm này có Chi là Tuất thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Dần và Mão thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Mộc khắc mạng Thổ”. Bởi vì, mạng Mộc được khắc xuất và mạng Thổ bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Mộc dù bị tương khắc, nhưng bị khắc xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Mộc gặp năm mạng Mộc. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Thổ gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Mộc.

☞ **Năm Tuất gặp Chi Tỵ Ngọ:**

Năm này có Chi là Tuất thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Tỵ và Ngọ thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Hỏa sanh mạng Thổ”. Bởi vì, mạng Hỏa bị sanh xuất và mạng Thổ được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Hỏa, dù được tương sanh, nhưng bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc cũng được tương sanh, vì “mạng Mộc sanh mạng Hỏa như đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: Mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Mộc.

☞ **Năm Tuất gặp Chi Thân Dậu :**

Năm này có Chi là Tuất thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Thân và Dậu thuộc mạng Kim, theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì “mạng Thổ sanh mạng Kim”. Bởi vì, mạng Thổ bị sanh xuất và mạng Kim được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim, xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có : mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Kim.

Để tạm kết thúc bài này, tôi xin kính chúc tất cả quý bà con đồng hương bước sang năm mới Bính Tuất 2006 được: An Khang Thịnh Đạt - Công Thành Danh Toại - Tâm Thân Thường Lạc và Phúc Thọ Khương Ninh.

● **Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ**
Mùng Xuân Bính Tuất 2006



Thơ: Ngô Minh Hằng

Nói với bạo quyền

*Không ai muốn lia quê hương, tổ quốc
Để tha phương nung nấu đất quê người
Để hung hiểm giữa muôn trùng sóng nước
Hải tặc bạo cuồng, thịnh nộ ngàn khơi...*

*Nhưng vì chữ Tự Do, vì Lý Tưởng
Người lại người trốn lén dắt nhau đi
Có những con tàu thoát vùng gió chướng
Nhưng có những tàu gặp cảnh gian nguy*

*Có những con tàu không còn vết tích
Tiếng hét hãi hùng chìm xuống đại dương
Có những xác người trôi vào vô định
Có những mảnh tàu vụn vỡ, tang thương!*

*Người sống sót trên đảo buồn, tỵ nạn
Những hoàng hôn, nhìn biển, xót xa người
Trên mặt sóng, khói sương bay lãnh đặng
Hay đó hồn oan tiếc nuôi cuộc đời...*

*Và người sống nhớ về người đã chết
Dựng tấm bia trên đảo họ dừng chân
Bia tưởng niệm những thuyền nhân nước Việt
Chết đau thương vì trốn chạy vô thần !!!*

*Hình ảnh đó là vết như thế kỷ
Là những kinh hoàng nhân loại gớm ghê
Là sản phẩm đảng độc tài thống trị
Là nước Việt Nam khổ nạn ê chề...*

*Nên Việt Cộng muốn xóa đi tội ác
Do họ tạo ra mấy chục năm dài
Khi phá bỏ tấm bia sâu tỵ nạn
Là đảng giết người đã chết lần hai !!!*

*Vì đảng muốn những người cùng thế hệ
Phải quên đi lưỡi hái đảng gian hùng
Và lừa dối để đời sau, hậu thế
Hiểu sai lầm hùng sử của Cha, Ông !*

*Ôi, hiểm độc của những lòng dã thú
Lưỡi rắn miêng hùm nói trắng thành đen
Bia dấu phá, nhưng lương tâm, lịch sử
Vẫn muôn đời minh bạch tiếng chê, khen !*

*Cứ lừa mị cứ che đi sự thật
Cứ phá hết đi dấu tích oan hồn
Nhưng che được nào trời long, đất sập
Và phá được nào sức mạnh hỏa sơn ?!*



Nguyên lý chọn ngày

(Khoa Trạch Cát)

Ngô Quốc Phong

Từ ngàn xưa, những nước Á Đông chịu ảnh hưởng nền văn hóa và văn minh Trung Hoa, như Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v... cũng có một số tập quán mê tín dị đoan tương tự như kiêng cử về con số, cúng bái Thổ thần Thổ địa, Táo thần, đốt vía dữ để mời gọi vía lành trong các tiệm đang ế khách, v.v... Ảnh hưởng của Kinh Dịch, Âm Dương, Ngũ Hành lan tràn rộng rãi khắp Á Đông và trở nên hấp dẫn đối với các chuyên gia nghiên cứu Âm Dương học trong lãnh vực siêu tâm phát triển, suy diễn có hệ thống, áp dụng những khám phá mới về Dịch Lý, những quẻ Dịch (đơn và kép), ảnh hưởng của Bát Quái, Âm Dương, Ngũ Hành đến sự an sinh và vận mệnh con người. Ngành Đông Y, lý số, Phong Thủy - âm và dương trạch- đều đặt trên nền tảng căn bản thiết yếu là Âm Dương, Ngũ Hành, và ảnh hưởng cùng những ứng dụng của chúng. Theo tâm lý chung, mọi người chúng ta đều mong muốn có sự lành, và tránh được sự dữ trong mọi sinh hoạt hằng ngày, hùn hạp thương mại, quan hôn tang tế. Điều mong muốn là tăng phúc giảm họa cho công danh sự nghiệp cá nhân hoặc sự thăng tiến của cả dòng họ (Địa lý Phong Thủy dương và Âm trạch). Để chắc chắn có thêm được nhiều may lành hơn nữa, một thói quen mà phần lớn dân gian vẫn duy trì và áp dụng trong cuộc sống hằng ngày là chọn lựa ngày tốt lành cho mọi toan tính của mình. Khởi công xây cất, khai trương cơ sở mới, chôn cất, đính hôn và thành hôn, dọn vào nhà mới, ký kết mọi văn từ, khế ước v.v..., đối với những người thận trọng thì dù trước đó đã kỹ lưỡng tỉ mỉ trong việc tính toán hơn thiệt, cũng không thể nào thiếu được việc chọn ngày lành tháng tốt. Sự lựa chọn ngày tốt và thích hợp cho dự tính của mình là khoa (thuật) Trạch Cát, và việc chọn ngày do đó hiển nhiên trở nên cần thiết vì có rất nhiều ngày quá là có ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con người. Lựa chọn ngày tốt hợp lý có thể giải tỏa được phần nào niềm âu lo và thỏa mãn được tâm lý con người là "cầu lành, tránh dữ", từ lâu đã trở thành một yếu tố thiết yếu trong bản năng sinh tồn của họ.

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CHỌN NGÀY

Dưới đây là những phương pháp chọn ngày, gồm những phương pháp theo sinh khắc Ngũ Hành, xem cát hung của 28 sao (Nhị Thập Bát Tú), xem cát hung của 12 chi Trực, xem cát hung theo phương pháp Lục Diệu:

1. Chọn ngày theo sinh khắc Ngũ Hành

Hệ thống Can Chi, như chúng ta biết, đã được "âm dương hóa" và "ngũ hành hóa". Âm Dương theo thứ tự các số của Can Chi: Can Chi thuộc số lẻ 1, 3, 5, 7, 9, 11, là Dương, thuộc số chẵn 2, 4, 6, 8, 10, 12, là âm. Ngũ Hành hóa thì Giáp, Ất thuộc Mộc; Bính, Đinh thuộc Hỏa; Mậu, Kỷ thuộc Thổ; Canh, Tân thuộc Kim; Nhâm, Quý thuộc Thủy. Về Chi thì Hợi-Tý thuộc Thủy; Tỵ-Ngọ thuộc Hỏa; Dần-Mão thuộc Mộc; Thân-Dậu thuộc Kim; Thìn-Tuất-Sửu-Mùi thuộc Thổ.

Sự ghép các Can Chi, Dương với Dương Âm với Âm thành những cặp Can-Chi khác nhau, đã có sẵn trong chúng sự "sinh, khắc" của Ngũ Hành, và sự "đối xứng" của Âm, Dương. Can là "Trời", Chi là "Đất", và nếu sự giao hòa giữa Trời Can và Đất Chi là thuận thảo tốt đẹp, nghĩa là có sự tương sinh hoặc tương hòa giữa Can-Chi là cát, thí dụ Giáp-Ngọ (Can Mộc sinh Chi Hỏa: Can sinh Chi là đại cát, và là Bảo nhật); Bính-Dần (Chi Mộc sinh Can Hỏa: Chi sinh Can là tiểu cát và là Thoạ nhật); Tân-Dậu (Can Chi tương hòa vì cùng là Kim; là ngày Bát Chuyên, thường được khuyên là không nên làm việc lớn). Trái lại, Can-Chi tương khắc được hiểu là hung: Thí dụ Tân-Mão (Can Kim khắc Chi Mộc, Can khắc Chi là Phạt nhật, đại hung); Đinh-Hợi (Chi Thủy khắc Can Hỏa: Chi khắc Can là Chế nhật: Tiểu hung). Nếu đã biết học thuyết "Âm Dương tiêu trưởng và Ngũ Hành sinh khắc" là một lý luận có tính cách khái quát hợp lý cao siêu của nền "Triết cổ", thì không thể nào phủ nhận những ứng dụng của chúng. Do đó, nhiều người cho rằng việc chọn ngày chỉ cần dựa vào thuyết này cũng đủ. Nếu dùng nhiều phương pháp để tìm cái "gần tuyệt đối hơn nữa", thì cũng nên lấy phương pháp này là chính.

2. Phương pháp chọn ngày dựa trên 28 vì sao (Nhị-thập-bát-tú)

Hệ thống 28 chòm sao trên bầu trời được phát hiện rất sớm, từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên, được các nhà Lịch toán cổ dựa vào đó để làm lịch mà thôi. Lúc ban đầu thì người xưa cũng chưa dùng chúng để dự đoán cát hung... Mãi sau khi lý thuyết Âm Dương, Ngũ Hành ra đời, 28 vì sao này mới được ngũ-hành hóa, và mới trở thành những yếu tố để dự báo cát hung. Gọi là 28 vì sao nhưng thực sự là 28 chòm sao, vì mỗi chòm là một tập hợp nhiều sao, và được ngũ-hành hóa như sau:

1. **Giác**, Mộc: Hung tinh, kỵ cưới hỏi, ma chay, tế tự.
2. **Cang**, Kim: Cát tinh chủ sự vui mừng, mọi việc đều thuận lợi.
3. **Đế**, Thổ: Cát, chủ sự vui mừng như cưới hỏi, hội hè, yến tiệc, tổng kết, mai táng.
4. **Phong**, Hỏa: Hung tinh, mọi sự không thuận lợi, kỵ xây cất, an táng.
5. **Tâm**, Thủy: Hung, chủ tai ương, bệnh hoạn, kỵ hôn nhân, mai táng.
6. **Vị**, Hỏa: Hung, chủ việc ác, bắt lương, kỵ cưới hỏi, xây cất.
7. **Cơ**, Thủy: Hung tinh, chủ sự bất lợi, không thành, kỵ kiện tụng, tu tạo, hôn nhân.
8. **Đẩu**, Thủy: Chủ sự bất lợi mọi sự, đặc biệt hôn nhân, tế tự, mai táng.
9. **Ngưu**, Kim: Chủ sự gian nan, lao khổ, xấu cho tu tạo, mai táng.
10. **Nữ**, Thổ: Mọi việc thuận lợi như khởi sự, động thổ, ma chay, cưới hỏi.
11. **Hư**, Hỏa: Chủ điều tốt lành cho những việc tế tự, hôn nhân, tang lễ, mai táng.
12. **Nguy**, Thủy: Chủ tai họa, đau yếu, xấu cho việc xây cất.
13. **Thất**, Hỏa: Mọi sự như hôn nhân, tế tự, mai táng đều thuận lợi.
14. **Bích**, Thủy: Mọi việc dễ thành, tế tự, xây cất, dọn nhà mới.
15. **Khuê**, Mộc: Thành đạt, xây cất, tang lễ, cưới hỏi.
16. **Lâu**, Kim: Chủ về tài lộc, mọi việc có lợi, hôn nhân, mở cửa (khai môn), mở cổng hướng tốt.
17. **Vị**, Thổ: Chủ tai ương, bất lợi cho xây cất, hưng công, động thổ.

18. **Mão**, Hỏa: Chủ sự hanh thông, hôn nhân, tế tự, ma chay.

19. **Tất**, Thủy: Chủ tài lợi, xây cất, mở cửa hàng, tế tự, tu tạo.

20. **Chủy**, Hỏa: Lợi cho việc cưới hỏi, ma chay, động thổ, tế tự, hưng công, tu tạo.

21. **Sâm**, Thủy: Chủ phú quý, nhiều tài lộc, tân tạo, động thổ, ma chay, hôn nhân.

22. **Tính**, Thủy: Chủ sự hao tán tài sản, mọi việc xấu.

23. **Quý**, Kim: Chủ sự hao tán tài sản, mọi việc xấu, đặc biệt xấu cho việc mua bán, cầu tài.

24. **Liểu**, Thổ: Chủ phúc lộc tài ngân, tốt cho việc mai táng, cưới hỏi.

25. **Tinh**, Hỏa: Chủ tai họa, ốm đau, xấu cho việc hưng công, động thổ, xây cất.

26. **Trương**, Thủy: Đại cát tinh, chủ phúc lộc, tốt cho tế tự, hôn nhân, khởi công xây dựng, tu tạo, mai táng.

27. **Dực**, Hỏa: Chủ tài lộc, tốt cho khởi công, khai trương, nhập học.

28. **Chấn**, Thủy: Chủ tai họa, ly tan, xấu cho mai táng, hôn nhân.

Tóm lại, trong 28 sao thì 15 sao là tốt và 13 là xấu.

3. Phương pháp chọn ngày theo 12 Trực (Thập nhị Trực)

Thập nhị Trực là tên 12 sao hay 12 thần của 12 tháng hoặc 12 giờ. Chúng chi phối sự hưng cát của mỗi tháng, mỗi giờ. Thần đây không phải là thần thánh, mà là cái "tinh hoa", cái "cốt lõi", hay đúng hơn là nguồn "năng lượng" chi phối thời gian đó. Theo tư tưởng biến dịch thì "Thập nhị Trực" diễn đạt quá trình vận động luân hồi qua 12 cung đoạn sinh - trưởng - thành - hoại của vạn vật trong vũ trụ. 12 Trực là Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Ngụy, Thành, Thu, Khai, Bế.

a. Ngày có sao **Kiến**: "Kiến" là kiến lập, khai tạo ra cái mới. Vì vậy, vào ngày có sao này nói chung, mọi việc khởi đầu đều tốt. Tuy nhiên theo cuốn "Trạch Cát Thần Bí" thì người Trung Hoa thường không chọn ngày này để xây cất, có lẽ không muốn là yếu tố "thò đầu" ra trước tiên trong xã hội cổ hủ, phong kiến Trung Hoa chăng?

b. Ngày có sao **Trừ**: Cái mới đã được kiến lập thì cái cũ được loại trừ, nên sau Kiến là Trừ, nghĩa là giai đoạn có cả cái mới lẫn cái cũ ganh đua. Vì vậy, ít có việc gì thuận lợi vào ngày có sao này.

c. Ngày có sao **Mãn**: "Mãn" có nghĩa là đầy tràn, nghĩa là cái mới đã phát triển ở giai đoạn sung mãn, đầy đủ như trăng ngày rằm vậy. Vì vậy, những việc như cầu phúc, cúng bái, tế lễ thường hay được tiến hành vào những ngày có sao Mãn. Vì có nghĩa là đầy tràn, tức là tốt đỉnh, mà theo tư tưởng Dịch Lý thì lên tốt đỉnh là thái quá thì ắt phải xuống. Vì vậy, một số việc tốt cần phát triển như nhậm chức vụ mới, thì cũng nên tránh ngày này. Theo quan niệm người Tàu thì việc cưới xin cũng không nên chọn ngày có sao Mãn.

d. Ngày có sao **Bình**: Vì sự vật đã phát triển tới độ sung mãn thì tất phải dừng lại để hoàn thiện, nên sau Mãn là Bình. Bình cũng giống như "bình định", làm cho yên ổn và bổ sung những chỗ còn khiếm khuyết cho thật hoàn mỹ. Do đó, ngày có sao này là điều tốt cho mọi việc.

e. Ngày có sao **Định**: Mọi sự đã đạt tới mức đầy đủ, đầu vào đó. Vậy nên mọi sự đều tốt. Tuy nhiên, những việc

có tính cách phá thể ổn định thì lại không nên, thí dụ như hội họp tranh luận, cử tướng xuất binh, chữa bệnh...

f. Ngày có sao **Chấp**: Theo nghĩa của Thập nhị Trực thì Chấp có nghĩa là giữ lại cái đã được hoàn thành nhờ Bình-Định. Vì vậy, nên tiến hành những việc có lợi cho việc lưu giữ lâu dài cái tốt cho tương lai như trồng trọt, cất giữ tiền bạc, hạt giống v.v... Đồng thời nên kiêng cử những việc như xuất tiền của, dời nhà ở, xuất hành, khai trương tiệm, xướng v.v...

g. Ngày có sao **Phá**: "Phá" có nghĩa là bỏ cái bất lợi, cũ nát. Vì vậy, ngày có sao này có thể dỡ bỏ vật cũ để chuẩn bị tiến hành cái mới như phá bỏ nhà cũ nát chẳng hạn, để rồi sau đó mới xây cất nhà mới.

h. Ngày có sao **Ngụy**: "Ngụy" có nghĩa là nguy hiểm. Cái mới chưa tạo dựng mà cái cũ đã phá bỏ nên đây là giai đoạn tranh tối tranh sáng, chưa có chủ định rõ ràng. Vậy nên mọi việc đều bất lợi vào ngày này.

i. Ngày có sao **Thành**: Cái mới đã bắt đầu được tạo ra, nên mọi sự khởi đầu vào ngày này, như khai thị, bắt đầu kinh doanh, nhập học, kết hôn, nhậm chức, dọn vào nhà mới v.v... đều thuận lợi. Tuy vậy, việc khởi tố là việc chỉ nên giải bỏ lại không nên chọn ngày có sao Thành.

j. Ngày có sao **Thu**: "Thu" có nghĩa là thu hoạch, gặt hái kết quả. Do đó, ngày này là ngày nên làm những công việc gặt hái kết quả như thu hoạch hoa màu, ngũ cốc, dựng kho hàng, cất chứa của cải v.v... Trái lại, những việc mới có tính cách khởi đầu không nên thực hiện vào ngày này.

k. Ngày có sao **Khai**: "Khai" là mở ra. Ngày này hợp với các công việc mới như kết hôn, bắt đầu kinh doanh, nhận việc mới. Kỵ tang lễ.

l. Ngày có sao **Bế**: "Bế" là ngưng trệ, vùi lấp, vì vậy chỉ thích hợp với những công việc mang tính chất của "Bế" như đắp đập, ngăn nước, tu sửa đê điều, chôn cất. Mọi việc khác đều không thuận lợi, không tốt.

12 Trực trên còn được sắp vào hai cung đối xứng là Hoàng Đạo (tốt) và Hắc Đạo (xấu) như sau:

Cung Hoàng Đạo: Trừ, Bình, Chấp, Thành, Thu, Khai.

Cung Hắc Đạo: Kiến, Định, Phá, Ngụy, Mãn, Bế.

4. Phương pháp chọn ngày theo Lục Diệu

Lục Diệu nghĩa là 6 (sáu) sao. Tuy không trực tiếp dựa vào Dịch Lý, âm dương, ngũ hành và không có tính cách thuyết phục như những phương pháp trên, nhưng lại rất phổ biến trong dân gian nên người viết cũng xin trình bày để tiện việc tham khảo. Phương pháp này dựa trên "số 6" là số đầu của dãy số thành trong Hà-Đồ là 6, 7, 8, 9, 10.

Số 6 là chỉ 6 "thần" của các ngày, trong đó có 2 thần tốt (Đại An, Tiểu Cát), 2 thần trung bình vừa có tốt, vừa có xấu (Tốc Hỷ, Xích Khẩu), và 2 thần xấu (Lưu Liên, Không Vong), gọi là Lục Diệu, được gắn vào các ngày trong mỗi tháng. Nói chung tốt xấu hay trung bình đều có hai mức độ khác nhau (nhiều và ít). Phương pháp này còn được gọi là "Tiểu Lục Nhâm", và 6 sao (Lục Diệu) theo trật tự sau:

a. Đại An là Cát Thần: Mọi việc được an toàn, có thể yên tâm làm mọi việc.

b. Lưu Liên (hay Hữu Dẫn): Hung nhật: Mọi việc đều gặp trở ngại, khó thành.

c. Tốc Hỉ (hay Tốc Hỉ Tiên Thăng): Tốt vừa. Tốt buổi sáng, xấu buổi chiều. Làm nhanh thì tốt, làm chậm thì xấu.

d. Xích Khẩu: Xấu vừa. Cần giữ gìn miệng lưỡi, cần đề phòng tai nạn, mất của, thị phi, cãi cọ tranh chấp.

e. Tiểu Cát là cát thần, mọi việc đều tốt lành, ít trở ngại, dễ thành công. Tuy nhiên không tốt bằng Đại An.

f. Không Vong (hay Phạt Diệt) là hung nhật. Mọi việc không thành, dễ gặp tai nạn.

Lục Diệu được phối hợp với các ngày mùng 1 (ngày Sóc) của các tháng như sau:

- Tháng giêng, tháng 7: Ngày Sóc (mùng 1): Túc Hỉ.
- Tháng 2, tháng 8: Ngày Sóc (mùng 1): Lưu Liên.
- Tháng 3, tháng 9: Ngày Sóc (mùng 1) Tiểu Cát.
- Tháng 4, tháng 10: Ngày Sóc (mùng 1) Không Vong.
- Tháng 5, tháng 11: Ngày Sóc (mùng 1): Đại An.
- Tháng 6, tháng 12: Ngày Sóc (mùng 1) Xích Khẩu.

Sau đó, các ngày kế tiếp ngày Sóc của mỗi tháng cứ theo đúng trật tự từ a đến f nên trên. Thí dụ: Mùng 2 tháng giêng là Xích Khẩu, mùng 3 tháng giêng là Tiểu Cát, v.v...

Ngoài ra, còn một thuật toán cổ dựa trên cơ sở Lạc Thư, tức là trên hình Ma Phương là vị trí cố định của 9 số đếm, gọi là Cửu Tinh Toán thuật, mỗi số có màu sắc tương ứng. Phương pháp cổ này rắc rối, phức tạp, không phổ thông trong dân gian mà cũng không mấy thực tế nên không được trình bày ở đây.

Sau hết, người viết xin lưu ý quý vị độc giả là ngày tốt trên lịch là tốt cho tất cả mọi người xem lịch, và đây mới lại là điều cần phải xét lại vì như vậy là chủ quan, không hợp lý và thiếu tính cách xác đáng. Lý luận này nhắc ta chớ nên dễ tin mà không chú ý xét thêm để biết rõ ràng và chắc chắn hơn nữa, là ngày ta tra cứu đó tốt về những phương diện gì, cho những tuổi nào v.v... Thí dụ ngày Giáp Tý chẳng hạn, là ngày mà Chi sinh Can (Thoa nhật: Cát tốt), nhưng lại là thiên khắc địa xung với tuổi Mậu Ngọ (Can Giáp phá Can Mậu, hai Chi Tý, Ngọ xung nhau). Ngoài ra, hai hành bản mệnh Kim (Giáp Tý) bị Hỏa (Mậu Ngọ) khắc và như vậy đâu có phải là ngày Thoa nhật Giáp Tý tốt cho hết thảy mọi người tra cứu lịch trong đó có những người Mậu Ngọ? Nếu xét thêm những khía cạnh tốt/xấu của sao (Nhị thập bát tú) ngày hôm đó, và hiểu rõ ý nghĩa của Trực trong ngày thì ta mới đủ dữ kiện cân nhắc, và sự kết luận tốt hay xấu lúc đó mới hợp lý và chính xác hơn. Nếu ta tin rằng ngày tốt là cần thiết thì điều phải có đủ dữ kiện để cân nhắc kỹ lưỡng mức độ tốt nhiều/ít ra sao cũng rất là cần thiết vậy.

Trân trọng,

Ngô Quốc Phong

14515 Cardinal Creek Ct
Houston, Texas 77062
(281) 488-7550

Tài liệu tham khảo:

- Lịch Vạn Niên Dịch Học Phổ Thông
- Âm Dương Đối Lịch của Nghiêm Minh Quách
- Nguyên Lý Chọn Ngày theo Lịch Can Chi của Giáo Sư Hoàng Tuấn.

Bình minh dâng mạch sống

• **Vân Nương**

*Một buổi sáng mặt trời vừa thức dậy
Đánh thức tôi bừng dậy một niềm vui
Qua một đêm bóng tối đã chìm lui
Mở cửa sổ tôi đón mời ánh sáng*

*Chao đẹp quá! Ánh bình minh xán lạn
Từ phương Đông rực rỡ những tia hồng
Những tia hồng bắt ngát cháy mệnh mông
Đem sự sống tới cho người trần thế*

*Mạch máu tôi, cuộc hành trình nhập thể
Lại rộn ràng, sôi động trước bình minh
Qua một đêm phiêu lãng cõi vô hình
Một cảnh giới mơ hồ đầy ác mộng*

*Trước mặt tôi gió thổi lên lồng lộng
Những hàng cây chao động vẫy chào tôi
Những giọt sương lấp lánh lá xanh ngời
Đáy có phải những tâm linh vừa tỉnh thức ?*

*Đầu óc tôi chợt bừng lên náo nức
Đong đưa theo sóng nhạc gió ngàn ca
Nghe tâm tư trút hết mọi phiền hà
Theo nhịp điệu giao hòa dâng mạch sống.*

**

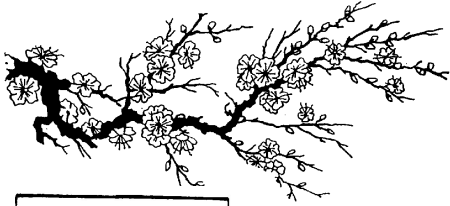
HẠT CÁT và SA MẠC

*Ta nhỏ bé giữa đời
Như hạt cát âm thầm
Nằm trong sa mạc
Loay hoay tìm người bạn đồng hành
Rồi như thể tự nhiên là thế!
Bạn và ta thành tri kỷ - tri âm ...
Cùng vui buồn bên nhau
Cùng đón nhận những giông tố đất trời
Những lúc gió xoáy
Những khi ánh mặt trời đổ lửa
Ta và bạn bên nhau nương tựa
Nhưng niềm hạnh phúc mong manh !
Cơn gió nào vô tình, đã mang bạn bay xa
Và đời ta bỗng hóa ra nghiệt ngã
Khi gió về - gió như cơn lốc
Ánh mặt trời trở nên chói bóng
Làm rất lòng ta, bạn có biết không ?
Và cuối cùng ta vẫn chỉ là hạt cát
Vẫn âm thầm trong bể đời sa mạc mệnh mông ...*

Rottweil 24.09.05

● **Hồ Phương Dung**

● Hồi ký của *Trường Sa*



Xuân mồ côi

Hôm qua (*một ngày trong tháng 6.1975*) đài tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Đài phát thanh Sài Gòn cũ) kêu gọi Sĩ quan chế độ cũ chuẩn bị đi trình diện với bản giải thích và lời bình luận nghe rất thuận lợi. Nhật báo duy nhất "Sài Gòn Giải Phóng" đăng tải và các Thông cáo dán nơi công cộng ấn định ngày giờ và địa điểm đến đăng ký, nhấn mạnh: "... Chỉ nên đem theo vật dụng cá nhân gọn, nhẹ và tiền ăn với lương thực đủ ăn trong 10 ngày..."

Một màng lưới được giăng ra nhẹ nhàng. Một quả lừa to tỏ chẳng hiển hiện mà ai cũng tin. Sự ngây thơ của Sĩ quan "ngụy" càng rõ hơn:

- Hạ Sĩ Quan học tập 3 ngày đã xong. Sĩ Quan học tập 10 ngày là chí lý! Vì cách mạng đã nói rõ "tiền và lương thực đủ ăn trong 10 ngày".

Lý luận nghe rất lọt tai. Có nhà nước nào lại đi lừa nhân dân mình? Cách mạng thì lại chí tình và khoan hồng nhiều hơn nữa! Cách mạng cần lấy lòng nhân dân vùng mới chiếm.

Một cuộc đi nghỉ mát, đổi gió 10 ngày, có gì mà àm ĩ. Một thoáng hoang mang nhưng tôi tự trấn an. Vài bạn bè thân cố bà con tham gia hai mùa kháng chiến chống Pháp và Mỹ khuyên tôi yên tâm. Cách mạng trước sau như một, không có cảnh quít làm cam chịu.

Tôi phải tin, buộc phải tin. Người đấm tàu phải bám vào tấm gỗ mục đang trôi. Người anh em Bắc Mỹ đã rút chạy, phản bội tất cả văn bản cùng lời hứa và người anh cả (?) huynh đệ chi binh đã cúi mặt khóc từ chức và cao bay xa chạy qua Đài Loan.

Những công chức và giáo viên không bị lệnh động viên chi phối, được "vinh dự" học tập chính trị sớm nhất trong kỳ hè 1975 này. Họ đang bị tẩy não.

Tôi thao thức suốt đêm, dậy thật sớm. Nồi cơm với thức ăn đạm bạc buổi trưa đã được vợ tôi chuẩn bị sẵn. Có lẽ giờ này vợ tôi đang học bài vỡ lòng "Dân tộc ta anh hùng".

Vài bộ áo quần dân sự đã chuẩn bị, cuộn trong chiếc mùng xám nhà binh với tối thiểu đồ dùng cá nhân và một số tiền nhỏ mang theo, tôi đã cho vào bị xách.

Các con tôi đã rửa mặt xong, đang ngóng chờ ăn sáng. Gánh xôi dừa đậu xanh ngang qua nhà. Các con ăn nắm xôi rất ngon lành.

Các con của ba ơi! Tôi nhìn từng đứa, từng đứa, thu vào mắt mình, tìm mình, trí mình... hình ảnh và lời nói của các con. Bồng bé Meiji trên tay, con úp mặt vào vai ba như thường lệ. Bồng bé Cò, đôi tay con ôm lấy cổ của ba. Rồi bé Nai, Tư cùng đứa con đầu. Tôi muốn ôm tất cả vào cõi lòng thương cảm mệnh mông mà cánh tay mình thì giới hạn.

- Các con phải ngoan, nghe lời mẹ, bà nội, bà ngoại và đừng gây lộn nghe con.

Tiếng dạ của các con nghe sao náo nùng. Đàn con đứng trong song cửa tiễn đưa tôi, chẳng biết nói gì. Tôi thoáng nhìn lui. Những đôi mắt, đôi mắt trẻ thơ đi vào hồn tôi.

Ngôi trường tư thực ở đường Trần Quốc Toản đối diện với Việt Nam Quốc Tự làm tôi bối ngỡ. Cửa hông của trường thỉnh thoảng được mở ra rồi khép lại ngay khi đón người đến trình diện. Thấp thoáng vài chú bộ đội đeo súng AK 47. Các cán bộ không đeo quân hàm, tỏ ra lịch sự và nhỏ nhẹ hướng dẫn làm bản khai lý lịch cá nhân quá đơn giản. Có phải đây là mật ngọt bẫy đàn ruồi chằng?

Đúng 12 giờ trưa, đại tửu lâu Đồng Khánh mang xe đem cơm nước đến phục vụ Sĩ quan Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa không ai còn mặc quân phục và đeo quân hàm.

Các đầu bếp, bồi bàn mặc áo "bờ lu" trắng sạch sẽ, chia phần ăn có vẻ nghèo nàn: Cũ cải thịt kho, canh trái su hào, cơm trắng. Một vài sĩ quan "công tử" chê phần cơm, gỏi tiền qua khe cửa mua hàng quà bên ngoài. Thuốc lá thơm, bàn cờ Domino rộn ràng trong khung cảnh tao ngộ. Chuyện quá khứ, dự tính tương lai sau 10 ngày học tập. Có người đắc chí hát ca khúc "Ngày Về".

Cánh cửa vào trình diện là đường một chiều. Các nhà bình luận thời cuộc nửa mùa mọc ra nhan nhản và thêu dệt thêm qua các mẩu tin của người đi trình diện muộn màng vào.

Mưa chiều thật buồn. Các phòng đã nệm chặt. Vuông nylon, tờ báo cũ trải vội lên sàn đầy bụi làm chỗ tạm ngủ lưng, chờ lệnh của cán bộ cách mạng.

Nhà hàng Bát Đạt được phân công phục vụ bữa cơm chiều cho sĩ quan với cung cách rất trọng vọng, nhưng chất lượng thức ăn sa sút hẳn.

Nhen nhúm nhiều nỗi hoang mang và trống vắng lạ khi đêm về. Lệnh điểm danh khất khe từng Tổ, từng Trung đội. Lệnh tắt đèn, yên lặng ngủ. Lệnh được tất cả sĩ quan từ cấp Thiếu úy đến Đại úy thi hành răm rắp.

Niềm thao thức giày vò. Tôi lại nhớ đến các con tôi đêm nay thiếu ba nằm cùng và xót xa vội tôi một tay năm đứa con nhỏ với mẹ già bệnh hoạn.

Tiếng còi bồng rít lên lạnh lạnh. Lệnh chuẩn bị "khẩn trương" để lên đường.

- Có vậy chứ. Cải tạo nhanh để về sớm!

Điện bật sáng trưng. Lính cộng sản ở đâu ra nhiều thế. Súng AK 47 cầm tay lăm lăm trong tư thế chiến đấu. Mặt lăm lăm. Họ không trả lời bất kỳ một câu hỏi nào cả. Đoàn xe đủ loại Motolova, Hồng Hà... mui che bạt trùm kín, đậu thành một dãy dài hai bên đường vắng ngắt.

Vài ngọn đèn vàng vọt soi đường. Vũng nước tù mù. Vài con chuột cống chạy lạng quạng. Lũ chó hoang ốm đói đang bới rác, giành ăn gầm gừ. Điềm danh lẩn chột.

- "Nén" xe, mỗi B (Trung đội) một xe.

- "Neo nén", nhanh "nén" (leo lên, nhanh lên).

Tiếng quát giọng Bắc quê mùa ngọt ngào nhưng hung dữ, đe dọa. Tôi nhanh chân ngồi đôn đống giữa sàn xe. Thùng xe quá chật không đủ chỗ ngồi, mấy người phải đứng lom khom. Nhiều tiếng rên than nho nhỏ, như bị nghẹt thở. Mỗi xe có 4 vệ binh áp tải, đạn lên nòng súng, ngón tay không rời cò súng. Tiếng kêu thất thanh khi các tấm bạt phủ kín mít.

- Ngộ thở, ngộ thở! Xe chuyển bánh. Mùi khói xăng rất nặng và hôi. Tiếng ho sặc sụa nổi lên. Tiếng hăm dọa cộc cằn của bộ đội áp tải. Tối đen bao trùm. Không thấy trời đất trắng sao và mặt người ngồi cận kề nhau.

Đoàn xe khoảng 30 chiếc, chạy chậm chậm trên đường khuya giới nghiêm, vắng tanh. Vài người ngồi gần thành xe nhìn qua lỗ thủng biết xe đang chạy vào ngã tư Bảy Hiền và thăm mong xe đến Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung mà tôi biết rõ có khả năng chứa 20.000 tân binh. Chết chân,

tê căng, tức ngực... vì bị dồn ép liên tục ở tứ phía. Bộ đội vẫn im lặng như không nghe, không thấy, không biết. Thật ra chính bản thân họ cũng đang bị gò ép khôn khổ không kém.

Các sĩ quan oai hùng một thuở, dọc ngang trên chiến trường liệt oanh ngày nào, đang đi vào tương lai mờ mịt.

Gần 4 giờ sáng, xe đột ngột dừng lại bên đường. Nghiêm lệnh trật tự và im lặng. Những lời van xin cho xuống xe là việc vệ sinh, thư giãn gân cốt đang tê cứng, được để ngoài tai.

Xe lại lên đường, sau khi có mấy đoàn xe khác đến nhập chung, có đến hàng trăm chiếc. Âm thanh của động cơ náo động một vùng trời. Xe nhung nhúc nối đuôi nhau trên đoạn đường dài 4 - 5 km. Thành phố Tây Ninh, một bạn tù reo lên nho nhỏ. Đoàn xe quẹo phải, lên dốc thoải thoải rồi xe ngừng hẳn khi trời mờ sáng. Rừng chồi lưa thưa, cỏ úa vàng. Mây xa bàng bạc phủ. Một chóp núi xanh đậm nổi lên giữa bầu trời hiu quạnh. Núi Bà Đen. Một bạn đã từng hành quân ở vùng này khẳng định đoàn xe đang đi vào Trảng Lớn.

Lệnh cho xuống xe là một nỗi mừng vĩ đại. Sáu tiếng đồng hồ tắm thân bị hành hạ như một cục hình chưa bao giờ xảy ra. Đoàn lữ hành bắt đầu đi giữa 2 hàng lính canh nghiêm nhặt. Không một ai dám mở lời. Đây là bạn đâu là thù? Ai là người yêu nước, ai là kẻ phản quốc nơi này?

"B" của tôi được phân vào ở một phần ngôi nhà gỗ mái tôn lủng lổ chỗ vết đạn, nguyên là doanh trại của Tiểu đoàn Dân Sự Vụ của Phi Luật Tân.

Đói và khát ập đến. Ngọn lửa cơm chiều đã bùng lên. Chiếc chảo gang sứt mẻ, phế phẩm của bộ đội dùng làm nồi nấu cơm. Mấy chiếc bao bố nhúng nước đắp mặt chảo làm vung đập khi cơm bắt đầu cạn. Nồi cơm từ cải tạo đầu tiên có nhiều màu sắc trắng lẫn vàng, đen và mùi khê khét.

Đêm không trăng, không đèn. Mấy vì sao đều hiu. Sao băng vút ngang bầu trời kéo dài vết sáng. Dấu vết của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Mỹ còn ngồn ngộn: Phòng tắm có gương sen, bàn cầu tiêu bằng sứ trắng men màu ngà.

Cuộc họp toàn trại này, khoảng 200 người, được triệu tập để cán bộ giải thích cách làm Bản Tự Khai viết tay mà nếu trong tay có cuốn gia phả cũng không thể thực hiện được.

Cái đói bắt đầu hành hạ thân xác. Cơn ghìen thuốc lá vật vã nhiều người. Nỗi nhớ nhà thêm xốn xang. Trông vờ vợi cánh rừng xa, trăng cô Mỹ cây lêu nghêu đang thay màu xanh nhờ mấy trận mưa đêm. Những mẩu chuyện tiếu lâm được kể, thêm thất lời bản, tạo được vài phút vui nhộn quên đi cảnh cá chậu chim lồng.

Cái lạnh lan ra từ rừng, từ lòng đất ẩm sũng nước xuyên vào da thịt toi tả vì thiếu áo quần. Nhiều cơn ho bộc phát. Bệnh tiêu chảy và táo bón phát sinh.

Mười ngày đi học tập qua nhanh. Sự thất vọng lớn dần. Trầm ngâm, một anh ghiền cầm bao rỗng thuốc lá Quân Tiếp Vụ đọc to: Huỳnh Đệ Chi Bình.

Các huynh cao bay xa chạy. Để các đệ ở lại ngồi lóc nhóc nơi đây!

Bóng núi Bà Đen ngã dài rất nhanh khi mặt trời chéch hướng Tây. Bài hát quen thuộc lúc bấy giờ là bài "*Tiến về Sài Gòn*" và bài "*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*" là bài hát tù, ai cũng phải thuộc và to tiếng hát mỗi khi có cán bộ xuống tham dự sinh hoạt trước khi đi ngủ.

Mảnh trăng non lơ lửng rất buồn. Sương mù về đêm lan rất nhanh từ hẻm núi. Phong trào cầu cơ rộ lên. Từng toán nhỏ kín đáo, thu mình ngồi quanh 24 chữ cái của bộ vần quốc ngữ. Sau khi đã khấn vái, cơ sẽ linh ứng, quay và di chuyển theo một ma lực siêu hình. Những vần chữ do cơ ứng được ráp lại thành câu trả lời.

Hôm nay cơ phán: -Tuần sau bắt đầu học tập.

Mừng xuýt xoa mong đợi.

-Hai tuần nữa được về.

Nghe tưởng chừng như thật. Các huyền diệu của tạo hóa không ai giải thích nổi. Thực tại ở đây đang trở thành mơ hồ. Mỗi mòn trông chờ bằng sự tự lừa dối bản thân, cũng đi đi phân nào căng thẳng.

Một Trung úy Dược sĩ dùng lựu đạn lượm được khi đi tạp dịch quanh bờ rào để tự tử. Mấy tấm ván mục được ghép vội làm chiếc áo quan. Đào huyệt sơ sài để chôn anh cũng gần như đào huyệt tự chôn mình.

Hy vọng cứ phai dần. Trại như không có người quản. Trông chờ ngày và đêm càng thêm khắc khoải. Niềm tin về cơ linh ứng phai tàn dần. Chúng tôi trở thành đàn cừu tự quản, nhưng ai là quan ai là linh? Vài bộ đội lơ là canh gác. Vì không đeo quân hàm, chúng tôi đều coi họ là cán bộ cả, và mỗi lời nói của họ trở thành mệnh lệnh đến nỗi mấy tên bộ đội nhỏ bé loắt choắt kháo với nhau:- Sao bọn sĩ quan nguy hiểm thế!

Một chiếc "xe con", loại 1/4 tấn của khối quân sự Varsava trở tới gần trại. Lệnh tập hợp "đột xuất".

- "Cơ động" nhanh lên! Lời nói gắt gỏng của một bộ đội. Ai cũng thắc mắc tự vấn: Lệnh thả hay thông báo ngày nhập học. Một bộ đội già giặn "lên lớp", ca ngợi mùa xuân đại thắng hàng giờ và đặt câu hỏi:

- Nguyên nhân sụp đổ của nguy quân nguy quyền?

Bất tài, tham nhũng, bóc lột, mất đoàn kết v.v... là câu trả lời chung. Cách mạng cho học tập đơn giản vậy sao? Đó là đề tài duy nhất ở căn cứ Trảng Lớn mà chúng tôi phải làm và trả bài "thu hoạch" vào hai hôm sau. Lao động là vinh quang. Lao động là thước đo tinh thần cải tạo, phải tin như thế. Người ta tranh nhau để được chấp thuận cho đi làm vệ sinh, dọn dẹp vài nơi quanh trại, phi trường dã chiến.

Gần đến ngày 2.9.1975, kỷ niệm ngày Độc Lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, một sáng kiến được cho là có ý nghĩa thi đua lập thành tích. Một số vĩ sắt cong queo rách nát vì đạn pháo 130 ly của Việt Cộng được mang về sân trại. Với tài nghệ của một Trung úy Công binh nguyên là Kiến Trúc Sư, một hình tượng hoàn toàn bằng sắt thép được dựng lên. 4 vĩ sắt cong vênh ra bốn phía được hình dung các cánh hoa, phần nhọn đầu, rách tua tua chỉ lên trời biểu trưng cho nhụy hoa. Công trình mỹ thuật này được đặt tên là "Hoa Thép".

Hai ngày sau Hoa Thép bị triệt hạ. Tác giả bị kiểm thảo vì quan điểm chưa được cấp trên duyệt.

Mưa rừng nặng hạt. Nhiều ngày mù sương dâng cao che khuất đỉnh Núi Bà Đen và Núi Cậu xa hơn. Nhà dột, sàn nhà đầy những vũng nước. Ngày và đêm đều u buồn thăm thẳm. Bệnh kiết lỵ hoành hành mà không có bất kỳ thuốc chữa nào.

100 ngày xa Sài Gòn. 10 lần dài hơn ước đoán lúc ra đi. Những tiếng thở dài trong đêm, ai oán rên than mỗi khi tựa mình.

Chiều nay, một tin rất đặc biệt vụt đến. Nấu cơm rất sớm để chuẩn bị lên đường. Cán bộ ra lệnh lần này có nụ cười nhẹ nhàng. Hung hay kiết đây? Bài hát "Tiến về Sài Gòn" được đồng ca tự phát thật náo nức vào tối hôm đó. Câu hát đặc ý nhất: "*Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù, tiến về Sài Gòn giải phóng thành đô*". Ôi nụ cười của những người sa cơ, muốn lật thế cờ trong tưởng tượng.

Những chiếc xe chở hàng dân sự, lơ xe và lái xe đều cảm nín, đáng vẻ lấm lét. Họ sợ bộ đội và cũng ái ngại cho các sĩ quan "ngụy" vẫn còn một số phong độ hào hoa. Nhưng hy vọng đã vươn lên.

Vẫy tay chào các chiến hữu ở các trại lân cận. Đoàn xe đủ màu sắc và kiểu dáng Tây phương lẫn bánh trong bụi mù. Thùng xe rộng. Các tấm bạt không phủ kín thành xe nên rất thoáng. Giã từ Trảng Lớn, sân bay tiền phương này nổi danh trên thế giới với cuộc hành quân Junction City lớn nhất, với 20.000 quân Mỹ tham dự, càn quét vào vùng Tam Giác Sắt, đầu não của Cục R và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ngày 22.2.1967.

Trời mát và ít bụi do cơn mưa hồi đêm. Về bàn hàn hiện ra trong dáng đi của khách bộ hành, của đám trẻ con nhà gần đường đưa tay vẫy, tiếng chó sủa đoàn xe, tiếng gà gáy v.v... Cuộc sống ở thế gian đã trở lại trong tôi. Ngã ba Gò Dầu Hạ đã hiện ra. Lại đoán non đoán già. Xe giảm tốc độ và quẹo trái.

- Ôi, về Sài Gòn!

Là mộng hay thực, được tha về hay sao? Hân hoan lên cao độ khi xe tiến vào vùng Bà Quẹo, rồi ngã tư xa lộ Đại Hàn. Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung cũ bây giờ im lìm, lác đác vài chú bộ đội lếch thếch kéo nhau đi hàng một.

- Chắc xe sắp ngừng?!

- Tới nơi rồi anh em ơi!

- Tới rồi!!! Nhiều tiếng cười châm biếm.

Xe qua cầu An Phú Đông. Nhiều khuôn mặt ngẩn ngơ, âu sầu, thất vọng. Xa ven biển Sài Gòn đã hai giờ xe. Các nóc giáo đường vùng Hồ Nai sừng sững, cô đơn. Khung cảnh rộn rã tấp nập của một thời hưng thịnh biến mất. Một giáo hội trầm lặng bị thương.

Rừng cao-su rất xanh tươi nổi bật trên nền đất đỏ. Ngã Ba Dầu Dây vẫn còn hoang phế, đầy dẫy những tàn tích chiến tranh, cỏ dại mọc lán mặt đường.

Một vài nỗi lo lắng hiện trên nét mặt, khi có người nói nếu xe rẽ trái là đi Lâm Đồng, còn nếu rẽ phải có thể lên Cao Nguyên, ra Trung, ra Bắc.

Trận địa cộng quân bị dội bom CBU ở gần đây. Chiến trường khốc liệt của Sư Đoàn 18 cũng từ nơi này đến Suối Tre, đèo Mẹ Bồng Con, còn nguyên vẹn dấu vết chiến tranh. Đường vào Thị xã Xuân Lộc hiện ra sau khúc quanh.

Tôi hồi hộp thăm nghĩ các được phòng thân chủ của tôi còn hoạt động hay đã phải đóng cửa và vợ tôi có còn hàng tuần đến lấy thuốc đặt hàng và giao thuốc nữa không.

Trung tâm Thị xã ngừng ngang những đồ nát, những xác quân xa cháy đen nằm chênh vênh mặt đường. Dấu đạn chì chít trên các bức tường khắp khênh. Những người đi đường đều dừng chân đăm đăm nhìn đoàn xe đi qua. Men theo bìa rừng cao-su và đường xe lửa chừng 2 km rồi rẽ trái, đoàn xe dừng lại.

Lệnh xuống xe. Vệ sinh cá nhân 5 phút. Tập hợp khẩn trương. Đám vệ binh vây quanh sân rộng lúc nhúc những sĩ quan hào hoa một thời. Mỗi sĩ quan bộ đội trông coi một Đội gồm khoảng 10 Tổ, mỗi Tổ có chừng 10-13 người. Họ là Quân Giáo của chúng tôi, cải tạo viên. Các Tổ Trưởng và Tổ Phó được chỉ định ngay tại chỗ, cùng với Đội Trưởng và Đội Phó hình thành Ban Chỉ Huy của Đội.

Khu Gia Bình của Sư Đoàn 18 bây giờ trở thành trại cải tạo. Những căn nhà này vừa mới hoàn thành, chưa có người ở. Những dấu tích bom đạn còn đậm nét trên mái tôn và các bức tường thấp xây bằng loại gạch được đúc bằng xi-măng. Ánh nắng chiều xuyên vào nền đất gồ ghề, nước mưa hắt vào loang lổ vì tất cả cửa nẻo đã không còn.

Bữa ăn đứng diễn ra rất nhanh để rời qua đêm khắc khoải. Chấn dung thân này dài hay ngắn không ai quan tâm, miễn là tránh được mưa gió và rét là mừng.

Phải mất một tuần lễ để ổn định nơi ở. Những tấm tôn lợp của những căn nhà hư hại được gỡ ra và dần cho mất gọn sóng. Xà nhà và đòn tay bằng gỗ thông của Mỹ được xử dụng làm khung sập phủ kín sàn nhà bằng tôn. Chỗ nằm được cố định với băng tên. Chiều ngang chỉ 60 phân, vừa đủ để nằm kề sát nhau. Âm thanh làm chói tai thức giấc mọi người khi có ai trở mình.

Có một buổi sáng, Quân giáo và 4 vệ binh trang bị vũ khí xuống trại. Kềng tập hợp được giục giã vang lên:

- Mang tất cả đồ vật, dụng cụ cá nhân ra khỏi phòng.

- Tập trung hàng dọc theo Tổ, cự ly khoảng cách 2 thước. Khẩn trương lên!

Cảnh chợ trời được thể hiện nhưng không có kẻ bán và cũng không có người mua. Quân giáo và vệ binh lần lượt lục soát từng món đồ. Chủ nhân của nó phải đứng yên. Nhà ngục cũng được quan tâm kỹ lưỡng. Các vật nhọn, sắc bén,

sách báo đều bị tịch thu và kiểm thảo tại chỗ. Mỗi lần kiểm tra như vậy mất 3 tiếng đồng hồ.

Việc khai lý lịch trích ngang là một đại họa. Có người khai đến cả chục tờ giấy. Quân giáo đã hăm dọa rằng Trung Tâm An Bài Điện Tử ở Bộ Tổng Tham Mưu "ngụy" còn nguyên vẹn, cần phải khai một cách thành khẩn và đầy đủ. Cách mạng sẽ kiểm tra và đối chiếu. Lại thêm một lần lừa gạt nữa mà vẫn có nhiều người tin vì được tha về sớm hay muộn là do bản lý lịch này. Theo các câu hỏi đặt sẵn, không ai trốn tránh việc khai báo này. Phải nặn óc để có câu trả lời hợp tình hợp lý mà ít phượng hại đến bản thân. Đôi lúc mình tự buộc tội mình. Khu cải tạo này có 4 "T" riêng rẽ, mỗi "T" có 3 - 4 Đội. Khoảng gần 2.000 người miệt mài suy tư để bản lý lịch đạt yêu cầu. Một tuần lễ để viết và một tuần lễ nữa để thông qua Tổ trước khi nộp Tiểu Đoàn. Đối với Việt Cộng, tất cả sĩ quan ngụy đều có tội với tổ quốc và nhân dân. Cán bộ và Quân giáo thay phiên nhau dự cuộc thảo luận này, họ luôn luôn đồn đốc: "Không được chểnh thờ gian chết" để bắt mọi người phải liên tục phát biểu. Cực hình này cứ tái diễn cho đến hết giờ quy định. Trí óc căng thẳng vô cùng. Con người cải tạo ở thời điểm này có hai thái cực: Vừa là bị cáo vừa là quan tòa kiêm công tố tự buộc tội mình.

Mỗi ngày "anh nuôi" phụ trách cấp dưỡng hai lần phát thức ăn trưa và chiều. Khẩu phần ngày càng giảm thiểu. Chất lượng gạo hết sức tệ. Các kho gạo bộ đội chôn giấu dưới đất được moi lên. Hạt gạo mục nát bốc mùi thối. Khi nấu phải đợi cho nước trong chảo thật sôi mới trút gạo sống chưa được vo này vào và nhẹ tay quậy đều. Gạo sẽ bị nát thành cám nếu làm nặng tay. Khi cơm chín phải mở vung và xới cơm cho thật toại. Mùi hôi sẽ thoát ra, bay là là mặt đất. Cơm được chia cho các Tổ bằng cân và chiếc xèng đào đất được rửa sạch dùng để xén cơm.

Đã giữa tháng 12, cuối mùa mưa nhưng tiết trời còn lạnh. Sương mù từ các cánh rừng chồi lân cận ủa vào, cái lạnh được bồi thêm. Đây cũng là thời điểm gieo trồng. Các loại rau mọc hoang như rau tàu bay, rau sam, dền gai, rau má... đã hoàn toàn cạn kiệt. Các chuyên viên canh nông vận dụng kiến thức gieo trồng, xin mua hạt giống cải, rau dền... Nước tiểu pha loãng tưới cây rau cho năng suất cao. Phân hầm cầu ủ hoai để bón lại cho rau có phẩm chất tốt hơn. Nhiều cải tạo viên chẻ rau mát vệ sinh, khiêu nại với cán bộ. Họ có biết đầu dân Bắc Kỳ quá quen thuộc xử dụng loại phân này từ xưa. Phong trào trồng rau tự phát rất mạnh. Hầm cầu tập thể được tận trang, phân và nước tiểu được quản lý rất kỹ. Phân tươi được tận dụng ngay sau khi người đi vệ sinh vừa nhóm đit. Nhà cầu trở nên sạch sẽ hơn bao giờ.

Ban chỉ huy trại lợi dụng tình thế, phát động cần rau nghĩa vụ cho nhà bếp. Đội được khoán chỉ tiêu rau giao nộp. Cá nhân cải tạo viên là kẻ nhận khoán cuối cùng. Có người dám ví phân quý hơn vàng vì làm ra của cải lúc này.

Một bi hài khác xảy ra. Phân hầm cầu còn tươi đem bón lộ thiên sản xuất giò rất nhanh và từ đó phát triển thành cơ man nào là ruồi. Ruồi non cần nơi đậu để cứng cáp trước khi bay xa. Hàng rào dây thép gai không đủ chỗ đậu, thân cây rau bị ruồi đậu đen ngòm, dày cộm che khuất cả màu xanh. Cũng may dịch tả chưa hoành hành, nhưng bệnh kiết lỵ lại xuất hiện mà thuốc men duy nhất là lá ổi, lá mơ và thuốc Xuyên Tâm Liên do Bệnh xá của trại cấp một cách hiếm hoi.

Sầu tháng đã trôi qua. Thiếu dinh dưỡng trầm trọng, các nguồn dự trữ trong cơ thể gần cạn kiệt. Nhiều thứ bệnh xuất hiện dồn dập: Mắt mờ dần, teo cơ, tâm thần ngơ ngác, liệt giường, còn tuổi thanh niên mà phải chống gậy mới quờ quạng đi đứng được v.v... Bác sĩ, Dược sĩ quân y có quân hàm từ Trung úy đến Đại úy có đến hàng chục người ở mỗi "T". Họ còn có khả năng định bệnh, cho toa nhưng làm sao để mua.

Trong số khổ lụy của cuộc đời, đăm cải tạo này đang trải qua: SINH, LÃO, BỆNH, còn đang chờ cửa TỬ. Thiếu ăn, thiếu mặc... thiếu cả nước để tắm, bệnh ghê ngứa lây lan rất nhanh và hoành hành. Bao cát ẩm mục được bó lên, giặt qua loa không có xà-phòng, dùng để may áo, quần mặc tạm bợ che thân.

Dịch ghê ngứa đã trở nên nguy kịch. Con ghê đục khoét dưới da, tạo ra ngứa ngáy rất khó chịu. Gãi đã ngứa làm trầy da. Con ghê bò, chui rúc trong thớ thịt, cảm nhận rợn rùng và càng thêm ngứa ngáy. Vào khoảng 11 giờ đêm, ở một góc nhà có phòng trống nhưng kín đáo, chỉ có ngọn lửa bập bùng. Màn khiêu vũ khóa thân bắt đầu trong im lặng hoàn toàn.

Một trăm phần trăm anh em ơi! Thân thể trần truồng. Hình hài ma quái lộ dần: Đỏ loét màu máu, nồng nặc mùi tanh hôi. Những vầng ghê bê bết máu khô cứng bám vào mảnh vải che thân được xuýt xoa lột đi. Các nạn nhân này đã quen mắt, quen tai, quen mũi. Họ sẵn sóc cho nhau với cả chân tình. Những miếng ghê đang rớm máu ấy được lau vội bằng chút nước muối rồi được hong khô cạnh ngọn lửa bập bùng!

Lửa hòa ngục, theo Thánh Kinh, chỉ có thiêu đốt mà không thiêu hủy. Còn ngọn lửa này tự mình nhóm lên để có được chút ánh sáng tạm bợ và một ít hơi ấm sưởi cho một thể xác đang bị hủy diệt dần. Những thân người khập khểnh ấy thay vội áo quần mới giặt rồi im lặng trở về Tổ, Đội của mình trong tiếng cú rúc gọi ma rùng xa xa.

Trên những đồi thấp quanh trại, vài tàn cây xơ xác, thỉnh thoảng mới có vài người dân đi một củi gọi lên sinh khí đời thường. Sự cô lập hoàn toàn đã trở nên quen thuộc. Bọn tôi thật sự già đi trong thể xác nhưng đôi lúc trẻ lại trong nội tâm. Những phút vô tư quên đời đen bạc, cùng nhau nói chuyện gẫu như trẻ thơ, quanh bàn cờ Domino, cờ tướng dẻo gọt rất công phu. Nhờ trí óc phong phú, chiếc kim may, chiếc kéo cắt tóc và hàng loạt vật dụng khác được sáng tạo để đáp ứng nhu cầu. Những chiếc lược bằng nhôm lấy từ đuôi hỏa tiễn, vòng đeo tay, chiếc nhẫn bằng "i-nốc" chạm trở tinh vi được trân trọng hơn. Bộ đội và Quân giáo thần phục, mê mẩn, phải nhờ làm dùm để làm quà trong mỗi lần đi phép.

Hầu như tất cả bản chất cá nhân đều bộc lộ nơi đây. Quá đói và thèm khát, người ta chỉ còn hau háu về cái ăn. Miếng ăn không còn là miếng tòi tàn mà phải ăn để sống, nó không nằm ở một trong tứ khoái của đời thường mà trở thành sinh tử.

Cái lạnh, đói và tất bệnh thật trầm trọng. Ba dòng thác này tăng cường tốc độ. Số khai bệnh mỗi sáng lên đến 60% là lời báo động khẩn cấp.

Một hồi kặng tập hợp đột xuất. Quân giáo hâm lại chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước cho anh em được viết thư về thăm gia đình và xin gửi quà không quá 3 kg cho mỗi cải tạo viên. Những con ma đói chúng tôi giặt mình, lặng người nhìn nhau bằng đôi mắt lóe sáng đầy hy vọng. Mỗi bức thư vồn vện chỉ một tờ giấy học trò đầy danh mục thuốc tây và thức ăn. Bức thư chữ nhỏ li ti, cách hàng rất hẹp, chất chứa biết bao ân tình và điều muốn nói, đều phải được Tổ trưởng, Đội trưởng kiểm soát trước khi được chuyển lên Tiểu đoàn kiểm tra lần nữa trước khi đem gửi Buu điện.

Gần 3 tháng xây dựng bằng tay không, chắp vá các vật liệu, hội trường có sức chứa 500 người đã hoàn tất. Chào mừng ngày lễ thành lập "Quân Đội Nhân Dân" 23 tháng 12. Thức ăn được cải thiện bằng một miếng thịt ba rọi chừng 20 g cho mỗi người bằng cách hạ thịt con heo đang mang thai mà ba tháng trước bộ đội đã mượn được ở Tiểu đoàn bạn con heo nọc để phủ giống...

Sự xôn xao của trại đã đến, khi có người đi lao động tập dượt ở Tiểu Đoàn về báo tin cho hay nhiều chuyến xe chở đầy bao bì vừa đến.

- Hàng về, hàng về! ...

Vòng vây thân ái lớp lớp bao quanh đều hướng về các bao hàng mở ngõ. Tay nhận gói hàng mà tưởng mình đang mơ. Những nét chữ thân quen tưởng không bao giờ gặp lại, sao mà thương cảm bồi hồi. Những gói hàng tình nghĩa ruột thịt. Gói hàng cải tử hồi sinh. Dòng thư nhà thấm dần vào tâm tư. Có nhiều nụ cười hàm tiếu, có nhiều dáng vẻ đăm chiêu, run run đôi môi.

Hôm nay người chiến thắng nhìn kẻ chiến bại có vồn vện gói quà nhỏ mà trông sao có vẻ phồn vinh. Trầm trở, nhóm vệ binh kháo nhau:

- Bọn nguy sao mà lắm hàng thế!

- Đẹp nhỉ, trông hay nhỉ!

- Ô kia, trông như chuột con mới sinh, cái gì thế?

Một xâu lạp xương ướp rượu Mai Quế Lộ màu hồng đậm, thơm phức.

Niềm vui lừng lững đến trong căn phòng không đèn. Đã có mùi cà-phê, thuốc lá thơm, trà tàu, khói thuốc lảo. Những dòng thư nhà được xem lại nghe như mật ngọt ân tình. Đã có bản tin tổng hợp về hiện tình xã hội bên ngoài. Các Bác sĩ và Dược sĩ lại có cơ hội để ra tay tế độ, đẩy lùi bệnh tật.

Trong ánh sáng bập bùng của bếp lò cải thiện cá nhân, dòng chữ viết trên tường u ám bụi đắp vào mắt: "An tâm học tập cải tạo để sớm thành người dân lương thiện". À, thì ra mình thuộc loại bất lương? Một nửa nước Việt Nam bất lương, sống trong phồn vinh giả tạo nhưng đã làm choáng ngợp đoàn quân giải phóng và đang thu hút cả thiên đàng miền Bắc.

Món quà tạo ra sinh khí mới, cho từng cá nhân. Ban quản lý trại thỉnh thoảng lại xuống đọc danh sách vài trại viên được đơn vị cũ can thiệp cho biệt phái vì lý do công vụ cần thiết. Họ là những chuyên viên kỹ thuật. Một số khác được chuyển trại do có bí chuyên tư tưởng? Họ đi về đâu nào ai biết và việc ấy là một hình phạt hay sự tưởng thưởng? Có lần Thủ trưởng của trại chất vấn ngược:

- Các anh đòi về? Vậy các anh tự đánh giá xem đã học tập tốt chưa?

Sinh hoạt của trại chậm lại. Cơm gạo mục cũng không còn. Bột mì nhào nước lã, nắn thành bánh bao, đem luộc nước sôi là lương thực duy nhất. Và bột mì cũng cạn, nhà ăn được cấp gạo mì, nhiều người gọi là bo bo. Đây là một loại lúa mì chỉ mới qua công đoạn tách vỏ lúa, hạt gạo mì còn nguyên vỏ cám. Khó nấu thành cơm. Những ai yếu bao tử đều kinh sợ loại thức ăn này.

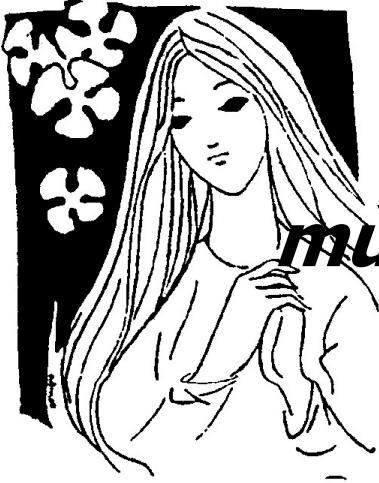
Trại có chủ trương cho cải tạo viên tự quản. Vệ binh ít đi kèm hơn và Quân giáo xuống trại cũng không còn kẻ kè kè súng bên hông.

Cơ sở vật chất đã hoàn tất nhưng việc học tập chưa đã động đến. Hàng rào kẽm gai đã được trở ngõ để đỡ mắt thì giờ ra suối. Một vấn đề bức xúc khác là các giếng đào sâu 15-20 thước vẫn không đủ nước sinh hoạt.

Con suối chảy quanh hàng rào được quan tâm. Vào 4 giờ chiều hàng ngày, một vệ binh ra mở cổng. Các cải tạo viên đã sẵn sàng, chỉ chờ hồi còi cho phép. Khúc suối dài chừng 200 thước đầy đặc những người tắm, giặt, hụp, lội. Nước suối dùng đục, chảy lờ lờ. Cỏ hoang đại phủ kín đôi bờ cách xa chừng 3-4 thước. Con suối chật ních những người. Thân mình bẩn thì lấy nước để rửa nhưng nước nhớt thì lấy gì để gạt đục khơi trong? Hàng trăm con người tắm giặt khẩn trương với thời gian quy định 30 phút. Những màn tắm thoát y 100% diễn ra một cách bình thường. Cũng may ghê ngứa không còn lây lan.

Một vài loại hoa dại đã khoe sắc: Bông trang đỏ mọc từ khe đá; hoa mơ đất lá màu tím nhạt và từ gốc mai già xơ xác hoa vàng đang hé nụ.

Một cái Tết giữa rừng đồi hoang dã không có lấy một bóng người dân lai vãng, không có tiếng gà gáy. Con suối mùa xuân một mình ở lại với đăm cải tạo mồ côi... •



Tìm lại mùa xuân đã mất

● Trần Thị Hồng-Châu

Tuyết bắt đầu rơi mỗi lúc một nhiều. Con gió đông lạnh cắt da cứ thi nhau tạt nước đá vào mặt tôi thật đau rát. Tôi đưa tay lạnh cóng buốt mặt. Đôi chân tê buốt, mất cảm giác vì đi bộ quá lâu dưới lớp tuyết dày.

Tôi dừng lại nhìn con đường trắng xóa trước mặt. Chung quanh tôi, cánh đồng tuyết mênh mông để tìm một chiếc xe hơi xin quá giang ra thành phố. Đã nhiều xe chạy qua, nhưng không một ai ngừng để chở giùm một đứa con gái cô đơn lạc lõng như tôi quá giang. Có lẽ họ sợ tôi là gái đứng đường?!

Gió lạnh vẫn rít lên từng cơn tê cóng đã khiến đôi vành tay tôi buốt như muốn rụng ra. Nước mũi tôi đã thi nhau nhỏ giọt. Đôi môi tê cóng, hai hàm răng cắn vào không còn cảm giác. Tôi lao đảo như người say rượu say té. Đôi mắt mờ mờ nhìn về phía trước, chỉ một màu trắng xóa bao la. Không một căn nhà, vì nơi đây chỉ là cánh đồng hoang hiu quạnh. Tôi thật bối rối sợ hãi. Nếu tình trạng này kéo dài độ vài giờ nữa, tôi có thể chết cóng nơi đây. Năm nay mùa đông quá khác nghiệt, tại miền Nam nước Ý mà tuyết rơi không dứt.

Một chiếc xe hơi chạy qua mặt tôi rồi dừng lại. Tôi vận dụng hết sức lực để đến bên cửa xe, một đôi vợ chồng già người Ý tốt bụng. Tôi toan mở miệng để xin đi quá giang, thì bà Ý đã mỉm cười hiền lành, nhìn tôi hỏi:

- Cô đi đâu dưới trời mưa tuyết như thế này?

Tôi nói dối rằng: Đi tìm người quen ở nông trại gần đây mà họ đã dời đi nơi khác rồi. Xin nhờ ông bà đưa về ga xe lửa nào gần để đi về miền Bắc Ý.

- Bến xe lửa gần đây thôi. Chúng tôi sẽ đưa cô đến đó.

Tôi cảm ơn hai vợ chồng người Ý và bước lên xe. Dựa lưng vào ghế xe, tôi thở phào nhẹ nhõm. Hơi nóng trong xe đã làm cho cơ thể tôi trở lại dễ chịu. Tuyết rơi mỗi lúc mỗi nặng hạt. Tuyết trắng bám đầy trên kính xe. Ông chồng vẫn chăm chú lái xe, bà vợ không hỏi gì tôi thêm.

Độ 15 phút thì xe đến phố xá và họ đã đưa tôi đến ga xe lửa. Tôi cảm ơn và bước xuống xe, đi vào trạm mua vé. Tôi lên xe lửa vào băng ghế cuối cùng còn trống. Xe lửa chuyển bánh. Tôi nhắm mắt lại để cố dỗ giấc ngủ, nhưng đầu óc tôi trôi bồng bồng, tôi cứ miên man suy nghĩ. Những chuỗi ngày sóng gió, giông hồ của tôi trôi về trong ký ức, như cuốn phim đang hiển hiện trên màn ảnh. Gương mặt hiền hậu của mẹ tôi hiện ra như ánh hào quang rực rỡ mà 4 năm nay tôi chưa hề gặp lại một lần.

Mười năm về trước, tôi là một đứa con gái ngây thơ, hồn nhiên ở tuổi 12. Theo lời mẹ tôi kể lại, sau khi miền Nam Việt Nam bị cộng sản xâm chiếm, ba tôi đã chết ở trại cải tạo. Mẹ tôi chân yếu tay mềm, không còn cách gì nuôi tôi và em tôi. Nên bà đã gởi chị em tôi về quê ngoại và nhờ có chút ít nhan sắc, mẹ tôi làm gái bán bar và gởi tiền về nuôi chúng tôi. Mẹ tôi đã may mắn gặp được người đàn ông Ý lớn tuổi nhận cưới và bảo lãnh 3 mẹ con tôi sang định cư tại Ý. Hồ hởi như bắt được vàng. Đến được xứ tự do với sự hào phóng của văn minh vật chất, chúng tôi lại được nuông chiều, sống hưởng thụ, chẳng chịu cực nhọc hành. Mà nếu có đi học cũng chắc vất vả lắm vì hồi còn ở Việt Nam không được đi học đầy đủ, sang đây vấn đề ngôn ngữ khó khăn, tuổi tác phải vào bậc Trung học mà học lực chưa xong Tiểu học. Không được giáo dục và hướng dẫn của người thân nên tôi đâm ra lười biếng và sống lêu lổng, học hành chỉ có hình thức mà mẹ tôi không hay biết. Chăm chỉ học tập thì khó, chứ vui chơi, lêu lổng, bất chước tạt xấu thì lại rất nhanh.

Dương Luigi (chồng của mẹ tôi) thương yêu chiều chuộng mẹ con tôi nên tôi mặc sức vui vênh. Tôi giao du với các bạn xấu, trai lẫn gái. Cuối tuần theo chúng vào discoteca tập uống rượu, hút thuốc, tưởng như thế mới đúng lối sống văn minh. Từ Việt Nam, tôi vốn có bệnh đau phổi, nên nhiều lần uống rượu và thức đêm bị xỉu và cảnh sát phải chở vào bệnh viện cấp cứu và báo tin mẹ tôi vào thăm. Nhìn mẹ nước mắt lưng tròng mà tôi không thấy gì hối hận. Người xưa thường nói "Nhân vô viễn lộ, tất hữu cận ưu" rất đúng với gia đình tôi.

Ông dương đột ngột qua đời vì cơn đau tim. Tài sản để lại chỉ có một căn nhà cũ, nhỏ mà chúng tôi đang ở với tiền hưu vớt ít ỏi của ông. Một lần nữa gia đình tôi mất trụ cột để nương tựa. Nhưng cuộc sống đỡ bi đát hơn ở Việt Nam. Vì mẹ tôi không có việc làm, nên phòng xã hội nhờ một gia đình người Ý nhận em tôi về nuôi đến trưởng thành và tôi được gởi vào trường nội trú để mẹ tôi hai tuần đến thăm hoặc rước tôi về nhà một lần. Như vậy mẹ tôi mới có thì giờ đến giúp việc nhà cho những gia đình người địa phương kiếm thêm tiền tiêu vật.

Phần tôi chứng nào tật ấy, tôi không chịu nổi kỷ luật và khuôn khổ của trường nội trú. Nên sau vài tháng tôi trốn khỏi trường để về nhà mẹ tôi. Vốn biết tính bướng bỉnh của tôi, mẹ tôi vẫn chấp nhận lo cho đứa con nghịch được theo học các lớp Ý ngữ và sau đó học nghề. Tôi nhận tiền của mẹ cho để trả chi phí thì ít; để tiêu pha thì nhiều mà mẹ tôi đâu có ngờ. Tôi nói dối với mẹ đi thăm bạn gái nhưng thực sự tôi đã cặp bồ với một bạn trai người Nam Tư tên Frank hơn tôi 4 tuổi.

Tôi là một thiếu nữ cao ráo, sắc đẹp trên trung bình, nhưng các thanh niên Việt Nam thấy tôi bê tha nên không dám làm quen và ngược lại tôi cũng chế chúng lùn và xấu hơn thanh niên da trắng. Tính đến nay tôi đã gần 17 tuổi mới biết yêu nên không suy tính, hoặc tìm hiểu gì về Frank. Thấy hẳn có vẻ thành thật yêu tôi, một cô gái Việt Nam khá dễ nhìn, nên tôi tin nơi hắn. Rồi một hôm tôi trốn nhà đi theo hắn mà không một lời từ giã mẹ, người đã khổ cực, chấp nhận mọi vinh nhục để đưa chị em chúng tôi đến bến tự do. Nơi đó mọi người có cơ hội học tập, làm việc, phát huy sáng kiến khả năng để sống theo ý muốn của mình. Nhưng xã hội nào cũng có mặt trái của nó. Với những người chuyên sống bóc lột kẻ khác, Frank dẫn tôi đi thật xa về phương Nam đến thành phố Naples và giới thiệu tôi với một người đàn ông, gương mặt hung dữ và gian ác tên Henry mà nó gọi "đại ca".

Chúng tôi được xếp ở chung trong một căn phòng nhỏ của một căn nhà cũ kỹ với một nhóm nhỏ thanh niên bụi đời. Ban ngày chúng tản mát khắp nơi, chỉ tụ về ăn cơm chiều do tôi nấu và trở về ngủ rất khuya. Thấy tôi có vẻ không vừa lòng nơi ăn ở như vậy, nên Frank hứa khi tìm được việc làm sẽ tìm nơi khác tươm tất hơn.

Dần dần tôi mới khám phá ra là chúng thuộc một nhóm băng đảng dưới quyền của đại ca Henry, chuyên trộm cắp, cướp giết, dẫn mối cho gái mãi dâm, bán xi-ke ma-túy... có lần Frank đem về khoe với tôi được chia 2.000 Euro trong vụ trộm xe, nguyên là có một tổ chức chuyên mua xe ăn trộm, loại xe đắt tiền của những du khách đến thành phố Naples đem về cạo sửa, thay bằng số và giấy tờ xe và lái về Albania, Yougoslavia bán lại. Frank và tôi sống chung như vậy đã hai năm. Frank cũng tỏ ra yêu tôi qua việc chia tiền kiếm được hoặc mua sắm quà cáp cho tôi.

Thình thoảng tôi cũng nhớ về mẹ và đứa em trai, nhưng nghĩ mình đã là đứa con ngỗ nghịch, trốn nhà theo trai, đã phóng lao nên phải theo lao. Nhưng dòng đời không lặng lẽ trôi xuôi mãi. Tôi nhớ một đêm gần Giáng Sinh, Frank đã bị đâm chết trong một cuộc tranh giành giữa hai băng đảng. Tôi cảm thấy hụt hẫng, bơ vơ, buồn bã vô cùng. Thấy vậy, cô đưa gạ tôi dùng xi-ke, hoặc sống với chúng để quên Frank.

Tôi không bằng lòng và tìm gặp đại ca Henry để xin đi về nhà. Henry an ủi tôi, cho ít tiền nhưng không thỏa mãn yêu cầu của tôi mà đưa tôi vào biệt thự ngoại ô mà y đang ở, cửa rào luôn đóng kín và có người canh gác. Hänn giao tôi cho một người đàn bà to lớn, phốp pháp có vẻ đáng ác. Bà bắt tôi trao các giấy tờ và vào sống chung với các thiếu nữ trẻ đẹp người Albania, Nam Tư hoặc Thái Lan, Bắc Phi. Về sau tôi mới biết đây là một động mãi dâm trá hình, thỉnh thoảng có người đến chơi hoặc chiều tối có xe đưa các cô đến nơi chờ khách.

Người đàn bà to lớn mà tôi gọi là "má nuôi" một lần gọi tôi lên và nói với tôi hai tuần nay cô đã được săn sóc đầy đủ, bây giờ cô phải làm việc cho chúng tôi. Nghĩa là cô được huấn luyện vũ khỏa thân và tiếp khách. Ngày một chúng ta sẽ bắt đầu tập luyện. Tiền thù lao của cô được hưởng 40%, tức là cô 4, chúng tôi 6, cô đã hiểu rõ chưa? Tôi nghe lòng mình cay đắng, tâm hồn quặn thắt, hối hận về việc thoát ly gia đình. Tôi đứng chết trân, lặng im không nói nên lời. Với gương mặt gian ác mù mờ thêm: Hãy vui vẻ nhận lời. Đừng để chúng tôi áp dụng kỷ luật sắt với cô.

Về phòng buồn rầu, bỏ ăn, một chị cô lễ cao niên nhất đâm dùi đến hỏi thăm tôi. Chị khuyên tôi nên đổi lời họ, nếu không họ sẽ áp dụng kỷ luật nghĩa là bỏ đói, hoặc họ chích xi-ke cho mình ghiền, chừng đó mình phải van lạy họ cho đi làm để có tiền mua thuốc chích. Chị đã chứng kiến nhiều cô trẻ mới bước bình bị hành hạ thương tâm.

Tôi hỏi chị sao chị biết như vậy mà vẫn cam phận, không chịu trốn ra ngoài. Chị chua chát: Ra ngoài làm sao chị sống, vì chị là dân ở lậu bất hợp pháp. Chị đã mất bao nhiêu tiền mới sang tới đây được, tưởng sẽ có việc làm sống đời sung túc, nào ngờ bị gạt đưa về đây. Tôi nghĩ mình khá hơn chị, có giấy tờ hợp pháp, có gia đình mẹ và em.

Từ hôm đó ý nghĩ một cuộc đào thoát đã nhen nhúm trong tôi. Tôi đã giả vờ vui vẻ chấp nhận để họ huấn luyện tôi trở thành vũ nữ trá hình. Lúc đầu họ chưa tin nên chỉ cho tôi tiếp khách ở bên trong. Lần lần họ cho tôi ra ngoài, tuy vậy vẫn có người lảng vảng canh giữ nên khó trốn thoát. Ra ngoài "đi khách" nhưng về khuya trở về "động" để ăn ở chớ đâu đủ tiền mướn khách sạn hoặc nhà trọ. Thời gian này "lợi tức" không khá vì giá biểu khách trả có hạn, phải trả nước cho tên ma-cô đưa đón, đêm mưa gió ế khách hoặc bị "bổ ráp" phải trốn chạy, tuy có tin đồn chủ đã chỉ rồi, nên họ chỉ làm lấy lệ. Mỗi đêm về, mục chủ kiểm soát tiền và giữ phần của bà.

Tôi nhớ một hôm thứ bảy, có một người đàn ông Á Châu, đứng tuổi dừng xe lại nói chuyện và sau khi dò hỏi biết tôi là người Việt Nam mới đề nghị đưa tôi về nhà ông một đêm với giá mà tôi đòi hỏi. Sau khi cho các cô bạn đồng nghiệp biết là đừng đợi tôi về, tôi theo ông về nhà trọ. Ông cho tôi biết, ông đã qua lại nhiều lần nơi tôi đón khách,

sinh nghi tôi là người Việt Nam nên mới dừng lại hỏi chuyện chớ không phải mục đích mua vui.

Ông cho biết ông là người tỵ nạn chính trị. Trước năm 1975, ông là quân nhân (sĩ quan) tin lời kêu gọi của cộng sản trình diện cải tạo một thời gian ngắn để trở thành công dân tốt xã hội mới, nhưng sau hơn một năm mà thấy ngày về biên biệt nên ông đã trốn trại. Cũng may cuộc vượt thoát được thành công. Sau khi trốn trại, ông không dám về nhà với vợ và 3 con, mặc dù gia đình ông đang túng quẫn. Ông lẩn mò tìm lại các bạn bè cũ và lẩn la ở các bến tàu. Thấy ông ở hoàn cảnh hết sức bi đát, nếu bị bắt lại sẽ nguy hiểm vô cùng, nên bạn bè hoặc có thể ân nhân từ tâm giúp ông trốn dưới một tàu buôn. Khi tàu cập bến ở Naples, ông lén lộn vào và xin tỵ nạn. Lúc bấy giờ (1980) người tỵ nạn và di dân rất ít nên được chính quyền Ý chấp thuận. Ông có xin được đoàn tụ vợ con. Chính phủ Ý chấp thuận, nhưng về phía Việt Nam còn rất mơ hồ vì gia đình không có tiền để lo lót, hơn nữa lý lịch trốn trại và vượt biên của ông được xem là cực kỳ phẫn động, rất ít hy vọng được thỏa mãn, nên ông vẫn còn sống độc thân.

Tôi cũng cho ông biết ba tôi cũng bị cải tạo và chết trong tù vì sống kham khổ và đau bệnh không có thuốc men.

Sau khi nghe tôi kể gia cảnh, ông rất thương tình, xem tôi như con cháu. Ông cho biết gia đình tôi thật là may mắn, thoát khỏi ngục tù cộng sản qua đường chính thức, không mấy may nguy hiểm mà không biết lợi dụng cơ hội để học, hầu có đời sống sung túc, hưởng nền tự do của một nước văn minh. Ông nói rất nhiều mà tôi không nhớ hoặc không hiểu hết ý. Cuối cùng ông khuyên tôi nên trở về với gia đình vì còn mẹ và em. Đừng kéo dài cuộc đời trác táng sẽ lãnh hậu quả tai hại của người con gái buồn hương bán phần. Ông cho tôi một số tiền lớn hơn tôi đòi hỏi và tuyệt nhiên ông không đòi hỏi điều gì nơi tôi và xem tôi như con ông còn sống vất vưởng ở Việt Nam.

Từ đấy tôi mới nhận ra được sự thật là mình được phúc đức, may mắn đến xứ tự do không chút nguy hiểm, lại còn có mẹ và em, được điều mà các thanh niên nam nữ ở Việt Nam mơ ước và sẵn sàng đánh đổi bằng mọi giá để được ra đi như tôi. Đứng như lời tiên đoán của ông Việt Nam, cuộc sống về đêm của các cô gái "ăn sương" như tôi càng ngày càng xuống dốc vì thức đêm, sương lạnh giá, hút nhiều thuốc lá. Sức khỏe mau tàn tạ, cơn ho khục khặc bắt đầu. Có nhiều đêm sốt không thể "đi làm" được mà tiền xài không giảm, nên nợ nần thêm nhiều. Nhớ lời cảnh tỉnh của ông Việt Nam tôi càng quyết chí thoát ly.

Vài lần trong tuần, có xe vận tải nhỏ chở thực phẩm hoặc vật dụng đến giao hàng. Tôi thường làm quen tài xế để nhờ mua mấy thứ lặt vặt cũng như mấy cô gái khác. Tôi cố ý mua chuộc cảm tình với hắn. Theo tôi, chỉ hắn là người duy nhất có thể chở tôi ra khỏi ngôi biệt thự hắc ám này. Gần đến cuối năm, tài xế thường giao hàng buổi tối. Tôi lén ngó ý với hắn giúp đỡ tôi vượt thoát. Ban đầu hắn còn do dự vì đang làm ăn, sợ phạt lòng chủ. Nhưng vì đã nhận quà đút lót của tôi từ trước, nên hắn dạn tôi 2 ngày sau, thừa lúc vắng người trong đêm tối, chui lên phía sau xe, ẩn mình vào đồng thùng giấy. Tôi làm theo đúng lời dặn của hắn. May mắn cho tôi, hôm nay trời lạnh nhiều và đổ tuyết không có ai lai vãng bên ngoài. Tôi nằm co ro trong xe với chiếc áo ấm trên người cùng với cái túi xách nhỏ.

Năm giờ sáng, tôi nghe có tiếng người nói chuyện lao xao, rồi xe nổ máy khởi hành. Tôi nằm nín khe trong cái lạnh tê giá như cắt từng mảng da thịt, cho đến khi cánh cổng sắt đóng âm lại, tôi mới hoàn hồn. Tôi nhìn qua khe hở của tấm vải bố và biết trời đất đang phủ một màu trắng xóa, bởi tuyết rơi suốt đêm qua. Tôi không định hưởng được và chỉ biết xe đang chạy trên xa lộ và sắp rẽ vào con đường nhỏ. Cẩn thận, hắn chở tôi rất xa khu biệt thự và biết đoạn đường này an toàn không có đàn em của Henry nhận diện ra tôi và khai hắn giúp phương tiện vượt thoát sẽ bị

trừng phạt theo luật giang hồ. Hấn ngừng xe cho tôi xuống đi bộ.

Trời đổ tuyết càng lúc càng nhiều, tôi làm lúi đi trong tuyết gió. Sắp kiệt sức thì gặp được vợ chồng người ân nhân già như đã trình bày phần trên... và bây giờ tôi đang ở trên xe lửa chạy từ miền Nam Ý để về miền Bắc Ý.

Có tiếng nói lao xao của hành khách xuống ga, kéo tôi về thực tại. Tôi đã dật dờ mệt mỏi suốt ngày nay. Xe lửa đã tới ga chánh ở Milan. Tôi xuống xe lửa và lấy xe Bus để về ngoại ô Milan, nơi mẹ tôi ở. Một số tiệm Tàu ở Milan đã đóng cửa, khiến tôi sực nhớ hôm nay đã là ba mươi Tết. Xe lướt nhanh qua những khu phố mà tôi đã quen thuộc. Tôi bấm chuông để xe ngừng lại và bước xuống...

Căn nhà mẹ tôi đã hiện ra trước mặt bên kia đường. Mấy năm nay bỏ nhà đi hoang, tôi không biết sức khỏe của mẹ tôi như thế nào. Tim tôi đập liên hồi trong lồng ngực. Tôi có mẹ và có em, nhưng tôi là đứa con hư thân bất hiếu và người chị thiếu bốn phận với em. Tôi sống ích kỷ, chỉ lo hưởng thụ, ra đi không một chút thương xót. Tôi đã sống tàn ác và đã chuốc vào thân bệnh phổi vì những đêm sống trác táng. Tôi bằng lòng chịu hình phạt nhưng còn mẹ tôi. Tôi nhắm mắt lại, cố hình dung gương mặt khả ái, hiền dịu của mẹ. Mẹ tôi là người mẹ gương mẫu, đã lo tròn bổn phận với chị em tôi và là người con hiếu thảo. Dù sống cực khổ nơi xứ người, nhưng mẹ tôi không bao giờ xao lãng bổn phận làm con với ông bà ngoại tôi. Dù đồng lương ít ỏi, kiếm được rất khó khăn, mẹ tôi vẫn độ khoảng 6 tháng gởi về giúp ông bà ngoại sinh sống lúc tuổi già. Nhưng còn tôi? Trời ơi! Tôi là một đứa con bất hiếu. Nước mắt tôi tuôn dài trên má.

Tôi đứng lại trước ngôi nhà quen thuộc. Tôi đứng thật lâu để cho tâm hồn lắng dịu. Tuyệt vẫn rơi. Tôi lấy hết sức can đảm bấm chuông. Tôi hồi hộp chờ đợi và thẳm cầu nguyện cho mẹ tôi vẫn khỏe và không có điều gì rủi ro xảy ra cho gia đình tôi. Cửa xịch mở. Mẹ tôi hiện ra với gương mặt buồn phiền. Còn tôi với đôi môi run run, đôi mắt đầy lệ:

- Mẹ!

Mẹ tôi nhìn sững tôi một giây và ôm chàng lấy tôi trong tiếng òa khóc:

- Trời ơi! Vân. Sao con ra nông nỗi này?

Hai mẹ con tôi ôm nhau cùng nước nờ.

- Con về đây để xin lỗi mẹ tha thứ cho con.

Mẹ tôi lau nước mắt cho tôi với gương mặt hoan hỉ, mẹ nói:

- Con đừng nói gì nữa, mẹ không trách gì con đâu, con về đây lại là mẹ mừng lắm rồi.

Tôi xúc động mạnh ôm chầm lấy mẹ mà nước mắt tự tuông tràn. Lòng thương của mẹ bao la như biển cả. Vậy mà tôi mù quáng, không nhận rõ điều ấy. Bao năm sống lây lất trong tủi nhục đắng cay. Nhưng may mắn cho tôi, tôi còn có mẹ để làm lại cuộc đời. Và tôi đã tìm được mùa Xuân trong đời. •



● Truyện ngắn



T hử đọc lại lá thư một lần nữa trước khi bỏ vào thùng quà gửi cho Lộc. Nàng đã bỏ ra gần hết buổi sáng thứ bảy để nắn nót lá thư và sắp xếp quà tặng. Thủy ít khi viết thư, kể cả thư thăm hỏi thân nhân ở Việt Nam. Cuộc sống hối hả ở Hoa Kỳ đã làm cho nhiều người, trong đó có Thủy, bị cuốn hút theo vòng quay, đến cả không còn thì giờ để viết thư thăm hỏi thân nhân và bạn bè. Nếu không có thư của Lộc gửi về thúc giục - đã hai tuần lễ nay rồi - chắc gì Thủy viết thư cho chàng. Nàng ở nhà ngày thứ bảy là mất đi một ngày lương phụ trội. Đó là một sự hy sinh thật to tát. Những món quà mà Thủy gửi cho Lộc là do tiền lương làm giờ phụ trội ngày thứ bảy. Tiền lương căn bản của nàng chỉ vừa đủ trang trải các chi phí trong gia đình, nào là tiền thuê nhà, tiền điện nước, tiền điện thoại, tiền xe, tiền xăng, tiền chợ... Thủy không bao giờ đụng tới số tiền trợ cấp người già của mẹ nàng. Bà cụ dùng số tiền ấy để làm quà cho thân nhân ở quê nhà. Mọi việc chi tiêu trong gia đình đều do Thủy đảm đương, xếp đặt đầu vào đó thật chu đáo. Riêng quà cho Lộc là ngoại lệ. Vì vậy, Thủy phải cố gắng làm việc ngày thứ bảy để có thêm tiền mua sắm quà tặng cho Lộc cùng các anh em Nghĩa Bình trong tổ chức.

Chỉ còn ba tuần lễ nữa là tới Tết âm lịch. Ôi chao! Sao mà một năm đi nhanh thế nhỉ?! Thủy chặc lưỡi. Nàng đã chuẩn bị sẵn một keo mứt gừng cho Lộc. Bên ấy chắc là thêm mứt ghê lắm! Nàng moi thư ra, viết thêm câu tái bút ở cuối trang thư:

"Mẹ gửi tặng anh cùng các Nghĩa Bình năm kí mứt gừng để đón xuân nơi biên thùy Quê Mẹ. Bao giờ kháng chiến thành công thì chúng mình mới được động phòng hoa chúc đấy nhé! Vợ và cũng là đồng chí của anh, Thủy".

Đọc đến đoạn tái bút chắc là anh chàng ầm ức lắm! Thủy nghĩ bụng. Chính nàng cũng phải nén lòng để làm gương cho Lộc. Đó là một sự hy sinh thật cao quý, hơn hẳn những sự hy sinh về tài chính và thời giờ. Tổ chức của Thủy đã từng nói như thế.

Ồ đời không ai đại gì hy sinh hạnh phúc êm đềm của mình, nhất là những người tuổi trẻ đầy tương lai xán lạn như Lộc và Thủy. Thế nhưng, hai người tuổi trẻ này dám làm, dám hy sinh. Không phải họ khờ dại nghe lời dụ dỗ của tổ chức, mà chính họ đã đặt lý tưởng và tình yêu Tổ Quốc lên trên mọi quyền lợi cá nhân nên họ vui vẻ chấp nhận hy sinh. Đó là một hành động can đảm đầy cao quý, đáng kính phục và ca ngợi.

Thủy và Lộc gặp nhau trong một tổ chức hoạt động chính trị. Lúc đó, Lộc đang là Kỹ sư điện của một công ty điện thoại lớn nhất ở Mỹ. Còn Thủy đang học năm chót ngành điện toán. Hai người yêu nhau vì có cùng chung lý tưởng giải phóng quê hương khỏi bàn tay sắt máu của quân thù. Cả Lộc lẫn Thủy đều có những mối thù rất lớn đối với Cộng sản.

Sau tháng 4 năm 1975, Lộc đã phải phí phạm cuộc đời trai trẻ trong trại tập trung cải tạo của Cộng sản. Lúc đó, Thủy sắp sửa thi Tú Tài hai. Biến cố 30-4-75 làm cho gia đình nàng tan nát, phân ly. Cha nàng và anh cả nàng bị Cộng sản bắt đày ra Bắc Việt rồi cả hai bỏ xác ngoài đó. Trong lúc đó, gia đình nàng ở Sài Gòn bị chúng tịch thu, hai mẹ con phải sống chui rúc qua ngày ở vỉa hè. Mẹ con nàng tìm đường vượt biên, đến lần thứ bảy mới vượt thoát được địa ngục Cộng sản.

Ý thức được sự cần thiết của học vấn, sau khi đặt chân lên miền đất tự do, Lộc và Thủy tiếp tục sự học, trước hết để cập nhật hóa kiến thức, sau là để tiến thân trong xã hội mới hầu đóng góp được gì cho công cuộc giải phóng quê hương.

Khi được biết tổ chức cần cán bộ phục vụ tại chiến khu, Lộc tình nguyện xin đi. Thủy chẳng những tán đồng mà còn khuyến khích Lộc nên đi. Thế là sau lễ thành hôn, Lộc lên đường đi vào chiến khu ngay, chưa kịp hưởng tuần trăng mật.

Trước ngày chia tay, Thủy nói đùa với Lộc:

- Minh cách mạng mà anh, phải cách mạng cả tình yêu nữa chứ!

Lộc gượng cười, tát yêu vợ:

- Em là điển hình của Chị Giang, lý tưởng hơn cả những người lý tưởng!

Thủy bá cổ chồng, nói:

- Anh phải xứng đáng là người anh hùng thì mới được em yêu và kính trọng. Nếu anh mà tham sanh quý tử thì em sẽ bye-bye anh ngay. Đời người ta chỉ chết duy nhất có một lần, thế sao phải hèn nhất?

Lộc gỡ tay vợ ra, nói:

- Em hãy nhìn thẳng vào mắt anh, thử xem anh có chết nhất hay không? Ở tù Việt Cộng mà còn chưa chết thì sá gì ở biên cương!

Thủy nựng đôi má Lộc, an ủi:

- Nói đùa với anh vậy thôi, chứ em đã hiểu lòng anh quá nhiều rồi và lúc nào em cũng quý phục anh. Anh an tâm mà đi lo việc nước, còn em ở lại lo việc tổ chức cho thật chu đáo. Lúc nào anh cần đến em thì em sẽ đi theo anh.

Thủy nhớ lại cảnh chia tay với Lộc mà lấy làm thích thú, nhớ mãi. Nàng đã tìm được ý trung nhân thật xứng đáng và vừa ý. Sự hy sinh của nàng ở hậu phương chẳng thấm vào đâu so với sự hy sinh vô bờ bến của

Lộc ở biên thù. Có lần nàng nhận được tin Lộc bị sốt rét hoành hành, may mà đồng đội cấp cứu kịp thời. Nếu không thì... Ôi chao! Nàng không dám nghĩ tới giây phút ấy. Lộc được tiếp hết năm chai nước biển mới hồi tỉnh. Thế mà anh chàng chẳng hề hé lộ tin tức gì cả! Thủy biên thư trách thì Lộc bảo rằng chuyện đã qua rồi, có nhắc lại cũng bằng thừa. Thâm tâm Lộc không muốn làm cho Thủy nhọc tâm lo lắng cho chàng mà xao lãng công tác của tổ chức.

Thỉnh thoảng Thủy có nhận được hình ảnh cùng tin tức về Lộc do tổ chức trao lại. Lộc chưa bao giờ trực tiếp gửi thư cho nàng. Đơn vị của Lộc đóng quân trong một cánh rừng già, Thủy đoán thế. Nàng không đoán ra được nơi đó là nơi nào và tên gì. Nàng chỉ biết nơi đó có một đơn vị kháng chiến, trong đó có Lộc và các Nghĩa Binh đang làm công việc mạo hiểm, đội đá vá trời.

Thấm thoát đã gần hai năm đánh dấu ngày tiễn chân Lộc lên đường. Cái Tết này nữa là hai cái Tết ở chiến khu của Lộc. Thời gian sao mà đi nhanh thế không biết! Thủy chép miệng. Công cuộc kháng chiến vẫn còn kéo dài, chưa biết ngày nào mới chấm dứt.

Tin từ trong nước đưa ra cho biết lòng dân đang náo nức chờ đợi ăn cái Tết Sài Gòn thật tung bừng, rộn rã niềm vui của toàn dân. Nếu ngày đó xảy ra, Thủy sẽ là người nhanh chân nhất, nàng sẽ có mặt tại Sài Gòn để tham dự cái Tết Vinh Quang của Dân Tộc. Nàng chỉ chờ đợi có thể. Mọi người ở trong nước đều mong chờ như thế.

Tổ chức của Thủy chạy học tốc để lo cho đủ số tiền chi tiêu trong dịp Tết cho Nghĩa Binh. Làm thế nào cũng phải có tối thiểu năm trăm đờn bánh tết và vài chục ký mít để anh em Nghĩa Binh đón Tết. Thủy nghĩ thâm trong bụng.

Công cuộc vận động của Nghĩa Trợ Phục Quốc, một thành viên ngoại vi của tổ chức, coi mò không mấy trôi chảy vì lòng người ở hải ngoại có tính dè dặt. Họ như con chim bị thương nên khi thấy cành cây cong thì liền tưởng đến mũi tên. Hiện trạng vàng thau lẫn lộn, cá mè một lứa làm cho lòng người hoang mang, dẫn đến tình trạng nghi kỵ và đứng đưng, không phân biệt được ai thật ai giả!

Trước tình trạng phân hóa như vậy, chẳng lẽ tổ chức của nàng đành khoanh tay hay sao? Nàng không đành lòng nhìn thấy cảnh anh em Nghĩa Binh bóp bụng nhịn thèm trong ba ngày Tết. Thế là Thủy phải xắn tay áo nhào vô, tìm cách xoay ngược thế cờ, chuyển bại thành thắng.

Có lẽ lòng thành của nàng đã thấu tới trời xanh nên cuộc vận động tài chánh của Thủy rất là suông sẻ. Chỉ trong vòng hai tuần lễ đầu, Thủy đã thu được món tiền có thể thực hiện được vài trăm đờn bánh tết và mua được vài chục kí-lô mít đủ loại. Tổ chức của Thủy không ngờ nàng có tài "thao lược" đến như thế! Bỗng chốc Thủy gỡ rối cho tổ chức, ai nấy thở phào nhẹ nhõm.

Trong một buổi họp, Thủy đề nghị:

- Tổ chức phải có đơn vị đặc trách kinh tài thì mới đi đường dài được. Mà kháng chiến của chúng ta có tính cách đường dài. Nếu tổ chức ta không đủ sức đi đường

dài thì dừng tính đến chuyện làm kháng chiến. Nếu làm như vậy chỉ để khổ cho anh em Nghĩa Bình mà thôi.

Ý kiến của Thủy rất thực tế và xác đáng, nhưng làm cách nào để “kinh tài” thì không có ai giải đáp được, kể cả Thủy. “Kinh tài” là điều nan giải nhất của tổ chức kháng chiến, vì những người có lòng chỉ có sở trường chiến đấu ở chiến trường mà thôi.

Trong tổ chức, Lộc là cán bộ năng động và hăng say nhất. Nhưng Lộc chỉ là cán bộ giỏi ở biên cương chứ chưa có kinh nghiệm về kinh tài. Cả Thủy cũng vậy. Nàng chỉ biết đưa ra sáng kiến chứ chưa có kinh nghiệm thực hiện ý kiến đó. Thành ra, tổ chức của nàng thiếu hẳn cán bộ có khả năng kinh tài.

Ai cũng biết rằng một tổ chức kháng chiến không thể ngửa tay xin tiền đồng bào, mặc dù việc nước là việc chung của mọi con dân Việt và đồng bào hải ngoại có thừa khả năng nuôi tổ chức kháng chiến tới ngày thành công. Như thế có thực tế không nhỉ? Thủy tự hỏi. Tại sao tổ chức không dám nói ra sự thật cho đồng bào biết để thông cảm và giúp sức? Nếu tình trạng dè dặt này kéo dài thì liệu tổ chức sẽ cáng đáng được bao lâu nữa? Tiến hành một cuộc cách mạng thật là gay go, Thủy nghĩ, còn việc nuôi dưỡng cho bằng được cuộc cách mạng thì lại càng gay go gấp trăm lần. Liệu có ai hiểu và thông cảm cho hoàn cảnh đầy khó khăn của tổ chức hay không?

Thủy chỉ dám nêu lên những khó khăn của tổ chức trong phiên họp đơn vị, chứ nàng chưa hề dám hé môi tâm sự với mẹ. Nàng e ngại mẹ hay được tin này thì lấy làm ưu phiền, có thể bà vô tình làm cho nàng chán nản, nhụt chí rồi bỏ cuộc. Mặt khác, lúc nào Thủy cũng hâm nóng tinh thần của chồng, an ủi và khuyến khích chồng. Thủy tìm mọi cách đối phó với các khó khăn về mặt tài chánh của tổ chức để Lộc được yên tâm mà chiến đấu.

Từ ngày gia nhập tổ chức tới nay, Thủy không còn thời giờ để nghĩ tới cuộc sống riêng tư cho mình. Ngoài giờ làm việc ở sở, thời giờ còn lại của nàng đều dành hết cho tổ chức. Thế mà nàng cảm thấy làm chưa hết việc.

Có lần Thủy tâm sự với Lộc qua thư: *“Xin Lộc hiểu cho em, vì lý tưởng và vì anh mà em phải vất vả như thế này, quên mất cả tuổi thanh xuân và hạnh phúc riêng tư”*.

Trong lá thư vừa viết cho Lộc, Thủy tâm sự: *“Lẽ ra giờ này em đang có mặt trên phố Bolsa để mua sắm đồ Tết cho gia đình và cho chúng mình. Thế mà em phải ở nhà để chia xẻ hạnh phúc cùng anh. Còn anh cũng vì lý tưởng nên giờ này phải lặn lội nơi rừng thiêng nước độc mong tìm hạnh phúc cho dân tộc chứ không riêng gì cho hai đứa chúng mình. Nhưng... nếu anh có hề gì thì em ân hận suốt đời! Nhớ là lúc nào em cũng yêu anh và ở bên cạnh anh”*.

Thủy đọc lại lá thư, đến đoạn đó thì nàng không sao ngăn được dòng lệ. Nàng đang bước vào ngưỡng cửa tuổi ba mươi đầy xuân sắc, với nhựa sống đang độ tràn trề. Là con người, có lúc Thủy cũng không sao tránh khỏi suy nghĩ vẩn vơ về hoàn cảnh của nàng, một hoàn cảnh không giống bất cứ một hoàn cảnh nào khác của các thiếu nữ Việt Nam trang lứa đang tỵ nạn ở hải ngoại. Thực tế có phần nào bất công đối với những người có

lòng như Thủy và Lộc. Có biết bao cặp thanh xuân ở hải ngoại đang hưởng thụ vật chất một cách say sưa. Cuộc sống của họ vô tư đến độ tưởng chừng như họ không còn dính dáng gì đến tổ quốc Việt Nam! Và họ cũng chẳng hề để lọt vào tai bốn tiếng thiêng liêng: Kháng Chiến Việt Nam! Thảo nào đã hơn một thập niên trôi qua mà công cuộc kháng chiến vẫn còn giậm chân tại chỗ. Lỗi này do ai? Chắc chắn là không phải do tuổi trẻ. Người đáng bị qui trách là các bậc cha mẹ vì họ không dạy dỗ con cái họ lòng yêu nước và đức tính hy sinh. Họ sống bên lề sinh mệnh dân tộc, nhưng lúc nào có lợi lộc thì họ nhào vô ăn có, giành phần. Chính họ là người đứng đưng trước nỗi khổ đau của đồng bào ruột thịt thì còn trách chi đàn con của họ!

Thủy đã từng bỏ công quan sát tỉ mỉ cái xã hội Việt Nam thu hẹp hiện được mệnh danh là “Little Saigon”. Một xã hội phụ bản được sao chép lại nguyên văn từ hai cái xã hội trái nghịch của Việt Nam trước và sau 1975, với đầy đủ những đặc tính hỉ nộ ái ố của trình độ dân trí thấp kém. Nàng lắc đầu ngao ngán thương cho số phận Mẹ Việt Nam bất hạnh, lúc nào cũng phải gánh nặng hai vai các đồng rác dơ bẩn đang trôi lênh bênh ở hải ngoại.

Nghĩ đến người rồi lại nghĩ đến mình, Thủy tâm sự với Lộc qua bức thư chúc Tết như sau:

“Em chưa biết ngoài phố đang bán những gì trong dịp Tết này. Mẹ và em đều tiết kiệm tối đa, không mua sắm chi cả, chỉ làm những mâm cơm thịnh soạn cúng Ông Bà, Ba và anh Hai trong ba ngày Tết mà thôi.. Mẹ nói sẽ về ăn Tết tại Sài Gòn cùng với anh và em. Tổ chức của chúng ta lúc này khá vững, cán bộ đầy trung kiên và tinh thần rất cao. Việc đóng góp tài chánh có phần sút kém, nhưng em vẫn lo được ít nhất cũng trên 600 đòan bánh Tết, vài chục kí mít và một con lợn. Tiền đã chuyển đi rồi. Anh cứ yên tâm ăn Tết cùng với các anh em Nghĩa Bình. Bên này em cố gắng đỡ thêm “xì dầu” vào. Bên ấy anh em hãy giữ vững tinh thần chiến đấu nhé! Hôn anh”.

Thủy nói thế để cho Lộc an tâm, chứ thực ra nàng đã phải chạy vất vả giò lên cổ. Không phải chỉ có chừng ấy là đủ. Khoản tiền ấy chỉ đủ cho ba ngày Tết mà thôi. Nam thực như hổ mà lị! Nghĩa Bình phải ăn mạnh và ăn thật nhiều để đủ sức chịu đựng gian khổ. Rừng thiêng chướng khí đã “đớp” biết bao nhiêu Nghĩa Bình yêu quý. Ngày nào còn khả năng lo bồi dưỡng được anh em Nghĩa Bình thì cú lo; lỡ khi gặp lúc ngặt nghèo thì anh em đâu nỡ lòng nào than trách.

Trong thư gửi cho Thủy, Lộc viết:

“Ồ đây chả biết không khí Tết là gì! Hôm qua anh gặp cây Mai rừng, thấy có dấu hiệu trở hoa nên đoán được Tết sắp đến. Thời tiết đã trở lạnh, thường hay rét buốt về đêm. Bọn muỗi rừng đua nhau làm thịt bọn này ghê quá! Mừng lúa là nhu cầu cấp thiết nhất. Vất cũng là tai họa lớn! Hỏi thăm Bác sĩ giùm anh, xem có loại thuốc nào trị được vất hay không? Anh sẽ cho Nghĩa Bình ăn Tết ba ngày như đã hứa, nhưng bên đó nhớ gửi “xì dầu” gấp nhé! Bên này mong đợi lắm đấy!”.

Đọc xong thư Lộc, lòng Thủy cồn cào, xốn xang. Nàng lo lắng cho sức khỏe của các Nghĩa Bình như thế

những đứa em ruột thịt của nàng. Vì thế mà Thủy đã phải vất vả trong các tuần lễ vừa qua để vận động cho được số tiền nuôi Nghĩa Bình trong ba ngày Tết. Mỗi khi nhận được thư từ của khu chiến gửi qua, Thủy lại thêm một lần mất ăn mất ngủ. Hai tiếng *tài chánh* cứ quần quanh trong trí não nàng cho đến khi nào nàng giải quyết xong mới thôi.

Có lần Thủy đòi qua thăm chồng một chuyến, nhưng tổ chức và cả Lộc đều ngăn không cho nàng đi. Lộc viết: “*Đường đi rất nguy hiểm, có đi mà ít khi có về. Liệu em có thể lợi bộ ròng rã mười đêm mười ngày không?*”. Ủi chà! Thế thì làm sao Thủy kham cho nổi. Nàng chưa từng chịu đựng gian khổ bao giờ nên đành phải rút lại ý định thăm Lộc, mặc dù sự nhớ nhung chàng đang gia tăng nhịp độ từng lúc.

Thủy dán xong thùng quà cho Lộc thì vừa đúng ngọ. Mẹ nàng khệ nệ mang giỏ xách đựng thức ăn mua từ chợ về. Hai mẹ con chuẩn bị bữa cơm trưa. Hàng tuần, Thủy chỉ được ăn cơm trưa với mẹ vào ngày chủ nhật mà thôi vì các ngày khác nàng phải ăn cơm tại sở làm.

Thủy đang lật rau thì chợt có tiếng gõ cửa. Nghe ám hiệu, Thủy biết có người trong tổ chức đến. Khách gõ cửa là Phong, trưởng cơ sở của nàng.

Sau khi chào cụ Thúc xong, Phong nói với Thủy: - Đến thăm bác và chị Thủy để xin bữa cơm trưa gia đình, nhân thể sẽ mang thùng quà đi gửi cho anh Lộc.

Thủy mừng rỡ, reo lên:

- Thế thì quý hóa! Vừa được anh đến dùng cơm với gia đình, lại được anh giúp cho một tay thì còn gì hân hạnh cho bằng.

Trong bữa ăn, Phong trình bày sơ lược cho Thủy biết qua công tác đặc biệt mà tổ chức dự định sẽ thực hiện tại biên thùy trong một ngày rất gần. Nếu kế hoạch hoàn toàn thành công thì kháng chiến sẽ được báo chí ngoại quốc nhắc nhở tới, và từ đó con đường ngoại vận sẽ khai thông.

Thủy gật gù khen:

- Tôi cũng nghĩ như anh vậy. Phải có một kế hoạch thực tiễn và nhịp nhàng như thế thì mới có tiếng vang.

Sau bữa cơm, Phong cáo từ ra về ngay. Chàng mang thùng quà đi và không quên trao cho Thủy một phong thư. Phong căn dặn nàng chỉ nên đọc một mình vì thuộc loại mật.

Đợi cho Phong đi khuất dạng, Thủy lật đật vào phòng riêng để mở phong thư ra đọc.

“*Thân gửi Đồng chí Thủy, cơ sở B3*

“*Thưa Đồng chí,*

“*Tổ chức của chúng ta vừa thực hiện xong 'kế hoạch L1'. Kế hoạch này do đồng chí Lộc thực hiện và điều*

động. Kết quả rất khả quan, địch chết khá nhiều. Tuy nhiên, đối lại bên ta đã phải chịu sự mất mát chút ít, trong đó có các Nghĩa Bình can trường và một cán bộ ưu tú. Tin sơ khởi vừa nhận được sáng nay cho biết: Đồng chí Lộc được ghi nhận bị thất tung tại chiến trường...”.

Đọc đến đây, đôi mắt Thủy hoa lên và đôi tay nàng run rờ. Thủy nấc lên một tiếng cực mạnh rồi ngã lăn xuống chiếc giường nệm. Toàn thân nàng bất động và ướt đầm mồ hôi. Nàng nằm mơ, thấy đi đến một thế giới xa lạ, nơi đó không có tiếng động, cảnh vật hoàn toàn u tịch. Nàng nhận ra Lộc cũng đang có mặt tại nơi đó, nhưng hai người cách nhau một bờ tường. Thủy đưa tay vẫy Lộc nhưng chàng không nhìn thấy nàng. Cánh tay nàng với qua bên kia bờ tường nhưng không chạm được vai Lộc. Nàng hụt chân té xuống một cái giếng thật sâu...

Trong lúc đó, cô bạn cùng sở gọi điện thoại đến tìm Thủy nhưng không nghe thấy nàng trả lời. Cụ Thúc vội vàng nhắc ống nghe. Sau khi gác ống nghe, Cụ Thúc đập cửa phòng Thủy để tìm nàng thì khám phá ra Thủy đang nằm bất tỉnh bên lá thư của Phong. Cụ nhét vội lá thư vào túi áo rồi lật đật gọi xe cấp cứu.

Tại phòng chờ đợi, cụ Thúc tò mò nên lấy bức thư ra đọc.

“*... Sở dĩ tôi không dám báo tin trực tiếp với đồng chí vì tôi sợ đồng chí bị xúc động mạnh nên tôi buộc lòng phải mượn lá thư này. Xin đồng chí hãy nén cơn xúc động vì sự việc chưa rõ ràng cho lắm. Đây chỉ là tin sơ khởi mà thôi. Xin đồng chí hiểu rằng: Không có cuộc tranh đấu nào mà không bị thiệt hại và mất mát; và cũng không có chiến trường nào mà không có đổ máu. Vì thế, tôi thành thực khuyên đồng chí nên bình tâm, nén cơn xúc động và chờ đợi một thời gian nữa. Biết đâu đồng chí Lộc chỉ bị lạc ở đâu đó. Chắc chắn anh sẽ tìm đường về hậu cứ. Tổ chức hy vọng như thế! Mong đồng chí tha lỗi cho tôi vì tôi không đủ can đảm trình bày sự việc trước mặt đồng chí...”.*

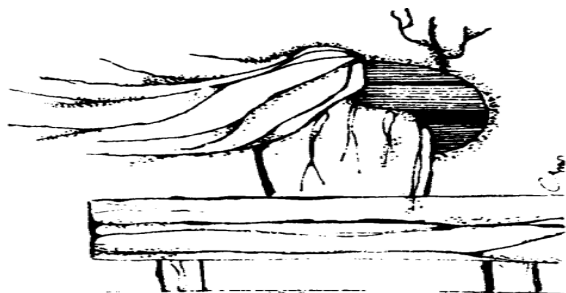
Mắt cụ Thúc đỏ hoe. Cụ nói vào hũ không:

- Khổ chưa! Thế là gia đình mình lại mất thêm một chàng rể nữa. Chiến tranh chi lắm để làm cho mọi người phải đau khổ. Tôi già rồi, chịu đựng đau khổ đã quen thì không nói làm gì. Chỉ tội cho con Thủy, nó mới lấy chồng chưa đầy hai năm thì nay lại ở góa! Lộc ơi hồi Lộc! Rể ơi hồi rể! Bao giờ mẹ con mình mới được ăn cái Tết Sài Gòn như con đã từng hứa với mẹ??

(Đức Phổ, 27-11-1987)

(Trích trong tập truyện *Hồi Hương* – chưa xuất bản)

MÙA ĐÔNG ĐẾN SỚM



● Trần thị Hương Cau

Quỳ đã thức nhưng chưa tỉnh hẳn. Mưa vẫn rơi rào rào trên mái ngói. Đã mấy ngày rồi mưa miền man không dứt. Và gió nữa, hết cơn này đến cơn khác lồng lộng, giạt thốc lên từng hồi như vừa có một cơn bão nào rớt ngang thành phố. Quỳ co người lại, kéo chăn lên đến tận cổ xuýt xoa...

... Hai mẹ con Quỳ dọn về ở trong con hẻm đường Kỳ Đông vậy mà đã trôm trèm bảy năm. Quỳ nhớ mãi hôm về nhà mới được ba ngày, chị đã tổ chức sinh nhật thứ mười cho Nhật Tân giữa những đồ đạc, bàn ghế còn chất đống ngổn ngang bên những thùng vôi trắng xóa, những lon sơn bốc mùi nồng nặc. Tuy vậy chị vẫn cố gắng làm hết sức công phu để con gái khỏi thấy thiếu thốn trong lần sinh nhật đầu tiên vắng bố. Mãi gần đến mười một giờ khuya, Long- chồng cũ của Quỳ- mới ghé qua được vì anh còn bận cháu chực trong nhà thương chờ Tường Vi, vợ sau của anh, đang chuyển bụng sinh con đầu lòng. Lúc Long đến thì Nhật Tân đã ngủ say, tay ôm cứng con búp bê mặc váy hồng xinh xắn mà Quỳ đã tốn công đi mòn gót hết mấy quầy bán đồ ngoại để tìm mua cho con. Thấy con đã ngủ, Long nhờ Quỳ trao quà lại rồi vội vã trở lại nhà thương với Tường Vi. Đến nơi thì nghe người ta bảo cô ta đã sinh xong, mẹ tròn con vuông, một thằng cu đại chàng, nặng gần bốn kí-lô.

Sau này, Nhật Tân ở bên nhà bố và di ghẻ về kể cho Quỳ nghe Tường Vi hay mĩa mai thằng Lân chỉ là thứ con rơi vì lúc sinh nó bố nó có thêm để mắt tới đâu, cứ mãi mê bên vợ cũ và con gái rượu mà thôi! Quỳ nghe mà phát bực: Đàn bà gì mà miệng mồm nanh nọc, đã quyết rũ giành giật chống người ta rồi còn lên giọng kể cả. Con trai nhờ đức mẫu mà mẹ nó sắc sảo quá nên thằng bé tới tuổi đi học rồi mà cứ ngỡ ngỡ nghếch nghếch, trông tổ hết sức.

Quỳ nhớ lại và thắc mắc tại sao ngày ấy chị không khóc lóc hay làm ầm ĩ lên như những người đàn bà khác khi Long bối rối cầu xin chị tha thứ vì anh đã trót làm cho một người con gái khác mang bầu. Nguyên nhân là trong một buổi liên hoan cuối năm của trường, Long say mèm, ngã vào giường của cô thư ký của văn phòng bộ môn nơi Long làm cán bộ giảng dạy. Nói đến cô thư ký Tường Vi thì không ai mà không biết vì tai tiếng lằng lờ cũng như vì vẻ đẹp quyến rũ, mời gọi của cô đã vang dội khắp trường. Chính Tường Vi cũng đã từng nhiều lần ngạo nghễ tuyên bố là cô có thể của đố bất cứ người đàn ông nếu chẳng may người đó lọt vào tầm mắt của cô. Đàn ông trong trường thấy cô thì sà vào tìm cách cạ

quet hay đầu mảy cuối mắt một vài câu dung tục gõ gạc còn đàn bà thì dè bấu lườm nguyệt sau lưng cô như thể cô là mối hiểm họa kinh khủng có thể xảy đến cho gia đình họ. Sau những lần chinh phục các giảng viên miền Bắc quá dễ dàng khiến Tường Vi chán ngán, cô xoay qua lớp cán bộ kỳ cựu của miền Nam mà vì khả năng quá ưu tú nên còn được lưu giữ để giảng dạy trong trường trong đó phải kể đến trước hết là Long. Cứ tưởng lần này Tường Vi sẽ bị ê chề trước những khước từ lạnh lùng từ phía Long ai dè cơn say oan nghiệt đó đã cột chặt đời anh vào người đàn bà mà anh lúc nào cũng ngấm ngấm khinh khi. Chỉ hơn tháng sau, Tường Vi đi rêu rao rùm lên là cô đã có thai và cha đứa bé không ai khác hơn chính là Long! Long biết không còn cách nào giấu giếm được vợ nên đành phải thú nhận với Quỳ và mong chị một lần rộng lượng tha thứ cho anh.

Quỳ đã chết đuối cả người khi nghe những thú nhận của chồng. Lòng tin cậy cũng như sự tương kính giữa hai vợ chồng sau 10 năm chung sống hoàn toàn bị triệt tiêu một giây sau đó. Không để lộ sự đau đớn, Quỳ khẳng khái đòi Long phải ký đơn ly dị lập tức và bế con về nhà em gái ngay ngày hôm ấy dù cho Long có van xin, thể thốt là suốt đời anh chỉ có hai mẹ con Quỳ là người mà anh trân trọng nhất. Quỳ biết, chị đã quá tự tin lẫn tự hào vào giá trị bản thân nên khi bị thua tình chị đã tự ái chất ngất đến nỗi phải bỏ chồng như một món đồ hư hỏng vào sọt rác chứ thật ra anh không phải tầm thường: Tướng mạo uy nghi chững chạc cộng thêm bao nhiêu là bằng cấp và mấy năm tu nghiệp tại Mỹ hồi trước 75, nay đang giữ chức Trưởng bộ môn Anh văn đại học Y Dược thì không thể gọi là đồ xoàng xĩnh được! Chỉ vì trong một cơn tự ái ngùn ngụt, Quỳ đã vô tình xô Long ra khỏi cuộc đời để đưa đẩy anh một cách đương nhiên vào vòng tay êm ái lúc nào cũng mở rộng của Tường Vi.

Nhật Tân có lần ở bên nhà bố về đã hết sức kích động kể cho Quỳ:

- Mẹ biết mỗi tháng bố phải khiêng về nộp thuế cho người Hà Nội (Tên Nhật Tân đặt cho Tường Vi) bao nhiêu không? Tám trăm đô la! Chính tai con nghe... lên được.

Quỳ nhú mày:

- Giết ai ra mà lảm vậy? Dạy ở trường Y với mấy lớp phụ đạo thôi mà.

- Trời ơi, kiếm người có kinh nghiệm như bố đâu phải dễ. Dạy thêm mấy ngày trong tuần cho sinh viên kiếm đã bộn rồi, cuối tuần còn có mấy lớp chuyên tu dành cho mấy tay bác sĩ đến học nữa. Anh văn bây giờ là chìa khóa mở được vạn cửa nên thiên hạ từ già đến trẻ đều phải rần rần đi học chứ mẹ cứ tưởng.

Quỳ thở dài:

- Tội bố, có tiền thiệt nhưng cái nghề bán cháo phở đó chóng hại người lắm.

Nhật Tân bĩu môi:

- Không cần mẹ phải lo. Người Hà Nội đã tẩm bổ cho con gà đẻ trứng vàng của mẹ ấy đầy đủ rồi, quây cả lòng đồ hột gà với sữa tươi cho bố uống nhé. Có vậy mới ngồi không mà tháng tháng thu vô cả nghìn đô chứ như mẹ, mang tiếng là kỹ sư kinh tế mà kiếm chưa được một phần năm của mẹ ấy. Mẹ ta bây giờ phát tướng, to tổ chẳng gấp hai mẹ. Sống quá nên năm nào cũng thấy mặc áo dinh chiến. Nghe người ta nói: Tam nam bất phú nên có hai thằng cu rồi lần này có bầu mẹ ấy đi lễ

khấp các đèn thánh để cầu cho sinh được con gái đó mẹ. Sẵn tiền nên suốt ngày toàn lui tới mấy mỹ viện, bơm bơm hút hút không đẹp thêm mà trông nồng nồng cứ y như là mấy hình nộm trong đoàn múa rối nước, trông kinh lắm.

Quý phì cười trước giọng điệu chua chát của con. Đúng là trên phương diện tài chánh chị hết sức khờ khạo. Ngày chia tay, Long đưa cho Quý số tiền trị giá bằng nửa căn nhà cũ của họ để Quý tậu căn nhà này, còn hằng tháng anh muốn đóng góp tiền nuôi con, chị đều lạnh nhạt từ chối để chứng tỏ với anh là không có anh mẹ con chị không thuộc loài ăn bám. Chỉ từ dạo nhập trường vừa rồi, Nhật Tân đi học về dùng dùng đòi mẹ sắm cho nó chiếc xe gắn máy cho bằng chị bằng em. Quý kiểm số tiền dành dụm thấy chỉ đủ phân nửa, chờ bà chị của Quý ở Mỹ gửi về thì phải đến Tết. Nhật Tân âm mưu xoay tiền bố:

- Mẹ nói với bố dùm con. Bố lúc nào cũng nghe lời mẹ rậm rập. Tiếng nói của mẹ là có trọng lượng ghê lắm.

Từ ngày chia tay Quý không bao giờ hỏi Long một tiếng về chuyện tiền bạc nên đâm ngại ngùng. Chị còn đang tần ngần thì Nhật Tân lại lên ngay phương án:

- Hai mẹ con mình dọn một bữa cơm thật linh đình mời bố đến ăn rồi moi tiền mẹ nhé. Bao tử thỏa thuê rồi thì cái đầu sẽ bị trì trệ, không đủ sức phản đối nữa đâu. À, mà mẹ định dọn món gì nè?

Trong đầu Quý lướt nhanh một danh sách các món ăn mà chị đã học sau khi lấy chồng.

- Bố con chỉ ưng bún thịt nướng...

- Đào ơi- Nhật Tân cắt ngang lời- Mẹ thì chỉ có mấy món bún bò Huế, bún thịt nướng, bánh Flan sao đi sao lại, chán tận cổ!

- Bánh Flan mẹ làm bố khen ngon không thua chi tiệm Như Lan đó à nghen.

Nhật Tân ngẫm nghĩ:

- Con biết rồi, cái gì mẹ làm mà bố dám chê! Vậy thì tùm mẹ hết đó. À, mẹ biết không, lần đầu bố đi Anh kỳ vừa rồi người Hà Nội đứng ra nấu toàn những món có tên choang choang, nào là *Kính ngư tẩm nắng* nhé, nào là *Phượng hoàng hoài thai* rồi *Bạch tuyết kê*... Í ẹ, món nào cũng bỏ bột ngọt cả muống canh to tướng. Con phụ trong bếp hồi hết dám nâng đũa, ăn vô có ngày lủng cha cái bao tử!

Quý chỉ lắc đầu trước lối ăn nói bạt mạng của con. Nhật Tân rất ngổ ngáo nhưng thẳng thắn. Có lẽ vì Quý không trách mắng con bao giờ. Chị cứ sợ mình nghiêm khắc quá sẽ trở thành áp đặt con cái sẽ đâm e dè nhút nhát, không gần gũi với cha mẹ. Nên thay vì la rầy con, Quý đã phải nhẫn nại giải thích đúng sai cho con rất nhiều lần. Quý nhớ tuổi dậy thì của mình rất đổi nhu mì. Mười lăm tuổi mà còn chơi búp bê, có tiền chỉ để dành mua bút màu hay giấy dầu bao vở xanh đỏ và chỉ biết có mỗi con đường từ trường về nhà mà thôi. Còn Nhật Tân chưa được 17 tuổi mà đã có xe gắn máy riêng, mỹ phẩm, áo quần các kiểu và cuối tuần là chị ta cùng đám bạn đi nhảy nhót, hát karaoke tung bùng. Ngay cả chuyện yêu đương của nó với một thằng bé cùng lớp Quý cũng không xen vào. Hôm đó đi làm về, Quý bắt gặp con gái và một tên bạn tại nhà. Nhật Tân bối rối giới thiệu:

- Thừa mẹ, đây là Phong, lớp phó học tập lớp con.

Tụi con học nhóm để chuẩn bị thi học kỳ.

Học nhóm gì chỉ có hai mạng trong cảnh đèn đuốc tối om. Còn thằng bé Phong này thì Quý vẫn nghe Nhật Tân đi học về kể luôn. Nó học giỏi nhưng nghịch như quỷ sứ. Có một chuyện mà khi nghe kể Quý phải cười phun cả cơm ra ngoài là chuyện chính anh chàng Phong trong ngày sinh của Hồ chủ tịch mà nó dám ca là: *Bác kính yêu đang cùng bác gái hành quân!* Nay thì cậu đang đứng rụt rè, hiền lành trong phòng khách nhà Quý. Nhưng Quý cũng không tra hỏi con liền vì biết thế nào rồi Nhật Tân cũng sẽ kể cho mẹ nghe vì giữa hai mẹ con đã có một quan hệ vô cùng tin tưởng.

Đúng là tối hôm ấy Nhật Tân sà vào lòng mẹ thổn thức tâm sự mối tình đầu của mình. Nhìn con gái nước da phù quân óng mịn, mắt nhưng đen thẳm dưới đôi mày rậm, Quý đã nhủ thầm: Con ơi cứ trông mẹ đây, tóc mẹ nâu mềm óng như mặt mà tình mẹ cũng dỏ dang sâu khổ hướng chi là mái tóc mây đen như đầu hắc của con chắc rồi duyên phận của con cũng sẽ đẩy ngang trái. Quý thấy thương con, mình cũng đã từng là con gái, đã từng yêu và có những bối rối rung động như con bây giờ, vậy đừng nên ngăn cấm con trước mối tình trong như nước mưa của nó. Điều mà chị cần phải khuyên giữ con là đừng trao thân quá sớm, phải ráng đợi đến ngày vu quy cũng chẳng muộn.

Từ đó Nhật Tân càng tin tưởng mẹ hơn, kể cho mẹ bao vui buồn giữa hai đứa nó. Nhưng chỉ vài tháng sau là hai đứa đã chia tay. Nhật Tân kể với mẹ là Phong trịch thượng quá, cảm đoán nó đủ thứ từ cách ăn mặc cho đến chuyện giao du bạn bè, lúc nào cũng lên mặt đòi làm anh dù Phong sinh trước Nhật Tân có mười tháng. Quý nghe mà buồn cười chuyện những đứa bé muốn làm người lớn và tự dưng nghĩ lại mình. Có một buổi chiều chuyển mưa, trời đất tự dưng tối sầm ngọt ngọt có một người đàn ông đứng tuổi tới ngân hàng Quý làm việc thanh toán chuyển ngân thấy Quý mặc sơ mi trắng jupe lụa hồng nhạt trong cảnh tranh sáng tranh tối đó đã nhầm lẫn gọi Quý bằng bé và nhìn chị với đôi mắt vô cùng từng trải. Chỉ có vậy thôi mà Quý cũng vui sướng cả ngày vì thấy mình nhỏ bé lại trong đôi mắt người khác phái chả bù với con gái của chị lúc nào cũng đòi hỏi được bình đẳng, ngang hàng. Đôi khi, Quý tự hỏi có phải chị vẫn còn khao khát được khen ngợi hay được ngưỡng mộ như ngày còn con gái? Quý mới có bốn mươi hai, da vẫn mịn màng và đuôi mắt chưa hẳn lên một vết chân chim nào đến ngay những sợi tóc bạc mới lấp ló cũng đã bị Nhật Tân nhổ tiệt cho mẹ. Váy áo của Quý, Nhật Tân vẫn mượn mẹ mặc vào vừa khít. Mỗi lần theo Quý vào phòng tắm là Nhật Tân lại trầm trồ:

- Thân hình mẹ còn gọn bần như con gái, bụng phẳng ro.

- Tóa lòa lòa rồi con ơi!

- Tóa lòa lòa là gì hở mẹ? Kỳ rồi con đi nghe giới thiệu sách của các nhà văn nữ. Có một bà đặt tên cho tác phẩm của bà ấy là *Tóa lòa lòa* mà con chẳng hiểu gì sất.

Nhật Tân là thứ ba rợ chính cống. Cha Hà Đông, mẹ Quảng Trị sinh tại Sài Gòn làm sao mà biết được hết văn chương phong phú xứ Thần Kinh:

- Tóa lòa lòa là thành đàn bà rồi. Bà ngoại con hay đọc:

Con mẹ đã tóa lòa lòa

Còn đòi heo đóng cũi vòng thòa một đôi

Nghĩa là con bà hết còn con gái rồi mà còn thách cưới đòi heo đóng cũi, đòi vòng thòa một đôi thì đâu có được.

Nhật Tân cười như nắc nẻ:

- Tiếng Huế hay thiệt mà mẹ chẳng dạy cho con. Nghe người Hà Nội nói mà phát rét. *Cái Tân mới đến đây à? Nhà ơi, ra đây em bảo cái này!* Xí, người mà mụ ấy cứ kêu là cái này cái nọ như ba cái bàn ghế trong nhà, còn bố già hơn mụ cả 20 tuổi mà mụ cứ ra đây bảo như là kêu con cái tới dạy bảo.

Quý tò mò:

- Rồi bố trả lời sao?

- Bố cứ im như thóc nên mụ ấy sùng lắm, trong nhà chỉ mình mụ ấy ông ổng ngày đêm, còn bố đi dạy thì thôi về tới nhà là lằm lằm lý lý rút vô phòng soạn bài coi sự kiện điện của mụ ấy có mà như không. Sống với nhau kiểu *Thiên Đàng Địa Ngục hai bên* như vậy thì bỏ nhau còn dễ chịu hơn. Mà con không hiểu tại sao bố lại chọn mụ ấy vì con thấy mẹ đẹp sang trọng bằng bạn người Hà Nội. Mấy ông hàng xóm thấy mẹ đi ngang còn nuốt nước miếng, cục thốt nốt chạy lên chạy xuống tung búng.

Nhật Tân nói đúng. Trong hẻm Quý ở có đến ba ông trồng cây si chị từ mấy năm nay. Hai mẹ con gọi các ông bằng số nhà cho dễ nhớ và kín đáo. Ông nhà số bốn có vợ hơi mari sến vì lúc nào bà ấy cũng mặc áo bà ba cổ trái tim viền đàng ten dù ông ta là trí thức gia hần hoi. Cứ tới buổi trưa là bà ta ca cải lương muối mẫn, đủ tuồng đủ lớp sang sảng trong ngõ hẻm chật chội, bẻ ngang chừng mét rưỡi. Giọng ca chính hiệu sông Hậu này đã làm khổ lổ tai mẹ con Quý không ít. Ông số bốn sang thậm thụt với Quý: Tôi lấy vợ là do cha mẹ đòi bên ngày xưa hứa hẹn chứ đồng sàng dị mộng, bà ấy mù chữ! Suýt nữa thì Quý đã thiệt thà khuyên ông nên ghi tên cho vợ vào lớp Xóa nạn mù chữ của phường ở nhà bà Tổ trưởng phụ nữ. Kế đến là ông số mười sáu, nguyên là Giáo sư trung học. Ông cũng có được tấm bằng đại học nhưng chỉ đem lọng kính treo phòng khách, còn việc kiếm sống sinh nhai trong gia đình thì ông phó mặc cho người vợ trẻ đẹp và sexy của mình đi bán bia ôm lo liệu, nuôi ông phủ phê áo quần bánh bao như Việt kiều vì nghe đâu cô ta ngày trước là học trò của ông, mê ông như tin đồ mê Giáo chủ. Thế mà ông luôn mồm mắng nhiếc vợ và không bao giờ cho vợ sống đôi với mình ngoài đường như thể sợ người ta hiểu lầm ông là thứ... ma cô chẳng? Vào một ngày mưa, Quý và ông tình cờ chạy vào trú mưa trước một quán cà-phê, ông số mười sáu đã không bỏ lỡ cơ hội, mời Quý vào uống nước và nhân tiện bịch bịch nỗi lòng: Tôi thiệt mắc cỡ với con vợ lằng lằng của tôi hết sức. Giá mà tôi gặp được người bạn tình nể nếp, đoan trang như Quý chắc đời tôi sướng như lên tiên! Hai chữ *bạn tình* chứ không phải *bạn đời* mà ông sử dụng làm Quý thấy cách dùng từ của ông thật điêu luyện, rất phù hợp với nghề giáo sư văn của ông; Còn để thỏa mãn chuyện *lên tiên* của ông thì chắc Quý phải đem tất cả váy áo trong tủ cất cút lên mười, mười lăm phân như vợ ông hiện nay may ra mới đáp ứng được. Cuối cùng là lão họa sĩ sống độc thân ở số nhà bốn bốn thường hay có tranh triển lãm ngoài Đồng Khởi. Lão đã vài lần rủ rê Quý đến làm người mẫu nhưng Quý đều tránh trút từ chối vì mắt hần đục ngầu

đầy đục vọng. Nói chung, những kẻ đeo đuổi Quý không làm cho chị mấy may xao xuyên. Những lời tán tỉnh, ca tụng của họ chỉ làm cho cuộc đời đều đặn của chị bớt tẻ nhạt phần nào, chứ những rung động thật thà thì hình như đã bị Long mang theo cả rồi. Mới đêm hôm trước thôi, Nhật Tân đi dự sinh nhật cô bạn thân mãi tới gần 11 giờ khuya mà vẫn chưa về khiến Quý ra vô sốt ruột. Mười một giờ đúng, Long ghé nhà báo tin Nhật Tân gọi điện thoại về cho bố nhờ bố chạy lên nhắn với mẹ là tiệc tàn rồi, bọn con trai về hết rồi chỉ còn lại mấy đứa con gái làm Pyjama Party với nhau, sáng mai nó mới về. Báo tin xong, Long đứng tần ngần. Anh bối rối như trông đợi một lời mời vào nhà vì đã lâu lắm anh không ghé qua chỗ hai mẹ con và cũng đứng là từ bấy năm nay họ chưa bao giờ có cơ hội tay đôi như đêm nay. Quý cũng bối rối. Hai người tình cũ đứng đối diện với nhau trong một khuôn cửa hẹp, chỉ cần một cái với tay là họ có thể đụng vào người nhau nhưng cả hai vẫn đứng yên như hóa đá. Quý nghe rất gần mùi ngai ngái quen thuộc ở người chồng cũ khiến chị choáng váng nhận ra rằng: Mình sẽ không bao giờ yêu ai được ngoài Long. Thế thôi. Rồi Long về, Quý vào giường trần trố cả đêm. Nhớ lại ánh mắt buồn bã của Long, Quý biết ngay anh hiện sống không được hạnh phúc cho lắm nhưng chị có thể xoa dịu gì được cho anh sau khi mọi việc đã quá trễ tràng!

Sáng hôm sau, Nhật Tân về nhà là lăn đùng vào giường tía lia:

- Mẹ ở nhà một mình có buồn không. Hôm qua bọn con quậy quá, năm đứa con gái mà nốc hết một chai sừng mù. Say quên cả trời đất.

Và trước khi riu mắt ngủ, nó không quên gheo mẹ:

- À, hôm qua con tạo cơ hội cho hai người rồi ông cụ có mi mi bà cụ được cái nào không? Mẹ đừng làm khổ bố và khổ cả mình nữa, bố vẫn thường tâm sự với con là chỉ có mẹ là người đàn bà duy nhất mà bố tôn thờ thôi đấy.

Qua đôi mày rậm, cặp môi dày của con đang say sưa ngủ, Quý thấy đậm đà hình ảnh của Long và chợt nghe tim mình nhói lên vì hối tiếc. Giá ngày ấy Quý đừng kiêu hãnh quá, thú kiêu hãnh giết người của người đàn bà có học và có nhan sắc, thì giờ đây chị đâu có vô vô một thân. Giá ngày ấy Quý khoan dung hơn một chút hay ráng suy nghĩ bình dân như chị sen trong nhà đã từng nói: Đàn ông mà mợ, như cái gậy thẳng mù, chỗ nào cũng xọc dzô được. Giá ngày ấy Quý cứ gào thét lên, cào cấu chửi rủa chồng cho hả cơn rồi bỏ qua cho anh thì bây giờ gia đình đâu có tan vỡ... Rất nhiều cái *giá* mà dần vật đay nghiến tâm trí Quý. Minh ngu thật! Kỹ sư kinh tế hạch toán gì mà toàn dựa trên công thức thuần thực cứng nhắc, không tính đến các yếu tố lạm phát đức theo xu hướng tuột dốc như hiện nay thì có bị phá sản cũng là đáng đời mà thôi!

... Mưa vẫn cứ dào dạt và gió như vật vờ lồng lộn hơn. Trời sẽ còn trở nên chóng giá rét hơn trong lòng người đàn bà nếu một mai này, vài năm nữa thôi, Nhật Tân đi lấy chồng, lúc đấy Quý sẽ bám víu vào ai đây? Chắc lại xách va-ly trở về cổ thành với cha già mẹ yếu nơi nếp nhà cũ kỹ, rêu phong ở Quảng Trị như ngày còn con gái chớ còn biết đi đâu. Trong chần ảm tự dung Quý buồn bã thở dài: Mùa đông năm nay đến sớm quá!



Chị TƯ Ú

● Tiểu Tử

Chợ cá hồi đó nằm trên khoảng đất trảng xi-măng giữa bờ sông và nhà lồng chợ, chung với hàng rau cải và trái cây. Về sau, thấy việc bơm nước rửa chợ cá vẫn không làm trôi hết mùi tanh của nhớt cá thấm vào xi-măng, nhà chức trách trong làng cho xây chợ cá chờm hẳn ra sông, bằng gỗ theo kiểu nhà sàn chống chân xuống nước nhưng bề mặt rộng như một cầu tàu. Như vậy, nhứt cử lưỡng tiện, bởi vì vừa rửa chợ ngay trên mặt sông, vừa có chỗ cho ghe thuyền cập vào để lên hàng. Ngoài ra, còn thêm một “tam tiện” nữa là chiếu chiếu người ta hay ra đó để câu cá hoặc hóng mát bởi vì chợ chỉ nhóm có buổi sáng thôi.

Ở chợ cá, chị Tư Ú là “xếp sòng”! Không phải chỉ tại vì cái sự “to thuyền lớn bánh” của chị, mà còn tại vì chị thuộc vào gia đình bán cá bán mắm lâu đời nhứt trong làng. Bắt đầu là bà ngoại của chị từ thuở chưa có chợ nhà lồng (hồi đó chợ còn nhóm lộ thiên ở dưới xóm lò heo). Kế đó là má của chị. Thời này, ở nhà không còn làm mắm bán mắm, chỉ bán cá thôi và đã dọn về căn phố trệt nằm ngang hông chợ. Và bây giờ là đến phiên chị Tư. “Trong gia đình, con Tư học hành thì dở nhưng lại chịu cực giỏi. Lại biết bươn chải làm ăn. Chỉ có nó mới nổi nghiệp tao được. Cũng như tao đối với bà ngoại bây hồi đó.” ...Má chị Tư thường nói như vậy, hồi còn sanh tiền, hồi lữ con vừa mới lớn. Về sau, quả đúng như vậy: Má đứa kia sau khi dựng vợ gả chồng, xuống Sài Gòn

làm việc cho nhà nước, có đứa làm cho hãng tư ở đầu tuốt ngoài Trung xa lác xa lơ. Chị Tư ở lại “nổi nghiệp” sau khi bà già nằm xuống. Rồi bởi vì có sự “mẹ truyền con nối” ba đời như vậy mà không riêng gì ở chợ cá, trong làng ai cũng biết tiếng chị Tư và bạn hàng cá cũng nể nang một phần.

Hồn danh “Tư Ú” không phải mới có sau này, mà đã có từ hồi chị Tư còn nhỏ. “Trong nhà chỉ có mình con Tư là số sữa hơn hết” – má chị thường nhắc chuyện này, vì bà rất hãnh diện đã làm một việc “không phải ai cũng làm được”. Bà kể: “Hồi sanh nó ra, tao rặn muốn bứt hơi luôn! Tưởng đâu tao ngủm rồi chớ. May nhờ bà mẹ cũng giỏi, bà rặn phụ tiếp sức mấy lần, con nhỏ mới chịu lọt ra. Ý... nó lì từ còn trong bụng chớ phải mới đây đâu bây ơi!”. Bà hay ngừng ở đó một chút, xía cục thuốc qua lại mấy lần, làm như để nhớ lại cái đau thuở đó và cái nhẹ sau khi đã sổ lòng đứa con... Rồi lúc nào bà cũng tiếp: “Bà mẹ mà còn phải công nhận là cả làng này chưa ai sanh đứa nhỏ nào bự bằng nó hết! Ai tới thăm khi bồng nó lên cũng nói là nó nặng như con Tây! Tía bây đi ruộng về thấy cũng phải hết hồn!”. Rồi cũng vì cái sự nặng như con Tây mà mấy bà, mấy cô xóm Chợ hay tới lui ẵm bồng nựng nịu “bé Tư”. Bé Tư mau ăn chóng lớn, lúc nào cũng “ú na ú năn”, hay cười dễ ngủ nên trong xóm ai cũng thương. Mãi đến khi vào trường tiểu học, trẻ con trong trường mới đặt cho danh hiệu “Tư Ú”. Từ đó, thành tên luôn.

Hồi đó trong lớp, hai đứa học dở “nổi danh” là con Tư Ú và thằng Út Cón. Thằng này người Tàu, tên Lý Cón, con trai út của chú Phấn thợ bạc. Vợ chồng chú Phấn sanh một bầy con gái rồi ngưng ngang. Tám năm sau thím Phấn bỗng lại có bầu. Lần này, hai vợ chồng đưa nhau về Chợ Lớn đi mấy chùa chiêm cầu nguyện cúng vái dữ lắm. Sau đó, sanh Út Cón. Cho nên, cả nhà chú Phấn cưng nó như vàng. Nó muốn gì được nấy. Đến nổi, khi đến tuổi đi học, nó không chịu đi, là cả nhà cũng làm thinh. Cho tới lúc thấy nó “lớn đại” rồi mới tìm cách dụ dỗ, nói khích để nó cấp cấp vào lớp. Vì vậy khi nó đi học với Tư Ú thì nó đã lớn hơn tới bốn năm tuổi!

Trái với Tư Ú, Út Cón gầy nhom trắng nhách. Tánh tình thì hay hờn hay giận trong lúc Tư Ú lại xông xáo “du côn” như con trai. Vậy mà hai đứa lại thích nhau, lúc nào cũng đi chung, chơi chung, và gọi nhau bằng “bỏ”.

Tiệm vàng của chú Phấn nằm ở dãy phố trệt phía bên kia nhà lồng chợ, thành ra đối diện với nhà má Tư Ú. Và vì hai nhà nằm trịch về phía bờ sông ngang sân xi-măng nên từ nhà này có thể nhìn thẳng qua nhà bên kia mà nói chuyện cũng được. Chỉ cần nói lớn tiếng một chút là nghe rõ. Sáng nào, Tư Ú cũng lon-ton chạy qua tiệm vàng để cùng đi học với Út Cón chớ không đi chung với mấy đứa trong nhà. Lâu lâu, con Tư bị kẹt gì đó thì thằng Cón ra trước cửa tiệm réo: “Ú ơi! Ở... Ú! Bỏ làm gì bển mà chưa chịu qua?”. Có hôm, cả hai đứa cùng trễ, nghe tiếng trống trường đánh thúc tới mới hè nhau chạy mà cười hắc hắc, giống như... chạy đua vào lớp.

Những ngày nghỉ, tụi nó hay rủ nhau lên chùa “ăn cắp nhãn”. Thật ra tụi nó còn quá nhỏ để trèo lên mấy

cây nhãn trong vườn sau của chùa, nên đến đó chỉ để lượm nhãn dơi ăn làm rớt rả rác dưới đất. Nhưng vẫn nói là “đi ăn cấp” cho nó oai! Út Cón hay đem hột nhãn về nhà lấy dao cắt khoanh, móc bỏ ruột, còn lại cái vỏ đen huyền bóng lưỡng làm nhẫn đeo vào ngón tay của “bồ” nó. Nó đã phải lựa những hột nhãn thật to để chiếc “nhẫn” đủ rộng cho vừa ngón tay...

... Lật bật rồi hai đứa cũng học hết lớp nhì. Đến đây, Út Cón sang qua học trường Tàu vừa mới mở ở xóm chùa Cao Đài trên lộ cái. Còn lại một mình, Tư ù ráng “kéo” hết năm lớp nhứt rồi nghỉ học luôn, ở nhà giúp việc nhà và tập tành bán cá với mẹ. Lúc này, “con Tư” bắt đầu trở mã. Da dẻ mơn mớn, má hồng hồng, mắt trong vắt, tóc đen mượt thả dài đến ngang lưng, và giọng nói thật là lãnh lót. Thân hình có thay đổi, có “trở thành con gái”, nhưng vẫn... tròn trịa nặng cân.

Út Cón cũng nhỏ giò, cao lêu khêu, nói tiếng trống tiếng mái. Tuy hai đứa không còn học chung, nhưng vẫn qua lại gặp nhau thường và vẫn gọi nhau bằng “bồ”. Tiếng “bồ” từ thuở bé bây giờ không còn nét vô tư nữa, nhứt là tiếng “bồ” của Tư ù gọi Út Cón. Nó có cái gì... khác khác. Một cái gì nhẹ nhẹ. Một cái gì mà chỉ có con gái gọi người con trai mình thích mới gọi được như vậy thôi!

Bây giờ Út Cón đi học bằng xe đạp. Sáng nào, nó cũng đèo một vòng xuống bờ sông để đạp ngược trở lên ở dãy phố bên kia, bởi vì sân xi-măng đã đầy bạn hàng. Và sáng nào vào giờ đó con Tư cũng quét nhà vừa ra đến cửa để chào Út Cón: “Đi học hả bồ?”. Thăng con trai vừa “Úa” vừa nhấn mạnh lên bàn đạp làm tiếng “Úa” như bị kéo dài ra, giống như cái nhìn của con Tư đang kéo dài theo sau lưng bồ nó.

Lâu lâu, tụi nó rủ nhau đào trùng đi câu ở bến gỗ thầy Cai, và luôn luôn đi chung với mấy đứa nữa. Chỉ có hẹn nhau lên chùa là tụi nó đi riêng. Làm như khu vườn sau chùa là một thế giới khác, một thế giới mà tụi nó đã “xí” từ hồi còn học lớp chót. Ở đó có mấy gốc nhãn, mấy gốc sung, gốc mít và vô số ổi, vây quanh bởi một hàng rào tre tươi. Trẻ con trong làng đều biết khu vườn đó nhưng chúng không vào được vì phải bước hẳn vào ngôi tam bảo mới có ngõ để đi qua đó, mà ông thầy cả thì khó tánh không cho trẻ con vào chùa sợ mất nét tôn nghiêm. Ông thầy này là bà con bạn dì với má con Tư, nhờ vậy mà Tư ù, Út Cón được ra vào vườn thông thả. Dĩ nhiên, chúng nó chẳng bao giờ dám lớn tiếng làm ồn. Ngoài ra, khi gặp dịp, hai đứa cũng biết phụ thầy hay mấy chú tiểu làm những chuyện lật vật như quét dọn bàn Phật, chưng bông, nấu nước. Thành ra trong chùa coi tụi nó như... người nhà! Lâu rồi thành quen, chẳng ai để ý rằng “hai đứa nhỏ” đã bắt đầu lớn...

Những lúc lên chùa sau này không còn ý nghĩa ngây thơ “đi ăn cấp nhãn” như hồi còn “lớp năm lớp tư”. Lên chùa bây giờ giống như “đi về nhà của tụi nó” hay “đi về cái ổ của tụi nó”. Cái khu vườn sau mà tụi nó thuộc từng gốc cây bờ cỏ, thuộc từng lối đi quanh quẹo để tránh hòn non bộ, tránh mấy chậu kiểng, tránh mấy cái đôn bằng sành... Ở đó, chia nhau mấy trái ổi chua, mấy trái

dái mít chát... để chấm muối ớt mang theo từ nhà, vừa ăn vừa hít hà vì cay chảy nước mắt, vậy mà sao thấy ngon, thấy vui. Chẳng nói chuyện gì nhiều, vậy mà sao thấy đầy thấy đủ. Ở đó, chỉ có hai đứa...

... Mấy năm sau, Út Cón nghỉ học, ở nhà làm thợ bạc. Mấy năm sau, Tư ù đi lên đi xuống Sài Gòn Chợ Lớn bỏ hàng về phân phối lại bạn hàng trong chợ, để bà già bán cá một mình. Mấy đứa khác trong gia đình đã xuống ở hẳn nhà người dì ở Sài Gòn để đi học. Út Cón bây giờ bảnh trai ra, người dong dỏng cao, mặt mũi khô ngô trắng trẻo. Tư ù thì thân thể đầy đà, chỉ đẹp gái ở giọng nói, nước da và mái tóc! Vẫn hay cười, dễ ngủ và vẫn lạnh lẽo “tay bằng miệng, miệng bằng tay”. Hai người vẫn qua lại với nhau như thuở nhỏ. Vẫn gọi nhau bằng “bồ”, tiếng “bồ” bây giờ thật đậm đà tình bạn mà cả hai chỉ dành riêng cho nhau. Lâu lâu, thấy quần áo gì lạ lạ mới mẻ ở Sài Gòn Chợ Lớn, Tư ù mua về tặng Út Cón “bạn chơi để lấy le với bạn bè”. Để “trả” lại, Út Cón âm thầm vẽ kiểng chạm trổ một chiếc nhẫn bạc. Mấy hôm sau gọi Tư ù qua tiệm nói: “Bồ cho tôi nhiều thứ quá. Bữa nay, tới phiên tôi cho bồ cái này”. Rồi cầm bàn tay Tư ù lên xỏ chiếc nhẫn vào ngón áp út. Xong, nghiêng bàn tay qua lại để nhìn: “Tôi nhắm chừng vậy mà cũng vừa ghê. Hồi nhỏ, tôi hay làm vòng hột nhãn cho bồ, bồ còn nhớ không?”. Tư ù xúc động đến không nói được một lời. Út Cón vẫn cầm bàn tay nghiêng qua nghiêng lại để nhìn, theo thói quen thợ bạc: “Bây giờ có muốn làm vòng hột nhãn cũng không kiếm đâu ra hột to để cho vừa với bàn tay tổ nái này!”. Tư ù rút nhanh tay về đánh lên vai Út Cón cái bốp, nói: “Quí”. Rồi cả hai cười vang tự nhiên, làm như thuở ấu thời hãy còn nguyên vẹn đó. Và có lẽ trong thâm tâm mỗi người đều cũng muốn như vậy. Để đừng có gì thay đổi.

... Vậy rồi Út Cón đi cưới con Doành, con gái út của ông Bang Ky. Đám hỏi và đám cưới làm cùng một lúc theo lời yêu cầu của đàng gái vì ông Bang Ky phải về Tàu gấp sau đó. Hay tin đám cưới, Tư ù bỗng chết điếng trong lòng, đang ngồi trên bộ ván gỗ mà tưởng chừng như chìm sâu dưới nước. Nằm dài xuống bộ ván, Tư ù lấy khăn lông úp lên mặt để nước mắt thú nhận tình yêu giấu kín từ bao nhiêu năm...

Thời gian sau, Tư ù “lấy” tài xế Cước lái xe Thiên Thành chạy lên chạy xuống Sài Gòn... Chuyện này cả làng đều hay. Bà già chữi “tắt bếp”. Tư ù đổ lì chịu trận, và hay vừa cười vừa giải thích: “Đi bỏ hàng riết rồi dính luôn, gỡ không ra! Chắc tại cái số...”. Rồi tài xế Cước dọn về ở chung trong nhà như hai vợ chồng. Bà già mới đầu buồn lắm, nhưng lần hồi quen đi, nên cũng chẳng có lời qua tiếng lại. Bên tiệm vàng Út Cón cũng buồn lắm, thương cho người bạn gái chẳng gặp duyên may, làm cho hàng xóm dị nghị mà mình thì không biết giúp cách nào hết. Có hôm Út Cón ngừng tay, nhìn ngang tủ kiểng sang nhà bên kia, thấy thấp thoáng bóng Tư ù mà có cảm giác như hình ảnh đó mỗi ngày một xa lữ mà mình thì vẫn ngồi đây bất động, chẳng một với tay, chẳng một vẫy tay... Chẳng bằng hồi đó, cái hồi mà còn đi chơi chung với nhau, hai đứa cùng ngồi trên nhánh ổi, chỉ một cái nghiêng người của Tư ù mà mình đã đưa tay

chụp lấy nó vì sợ nó té làm nó cười lên hăng hắc. Chẳng bằng hồi đó... Chẳng bằng hồi đó... Út Cón thở dài quay về với công việc mà nghe lòng se lại. Chụp hộp quẹt máy đốt đầu cây đèn khò, chân đạp cái bơm gió, Út Cón điều chỉnh ngọn lửa đèn khò mà trong đầu hiện về biết bao nhiêu kỷ niệm. Để rồi tiếp tục so sánh “cái hồi đó” với “cái bây giờ”. So sánh để vừa tiếc nuối vừa ân hận. Bỗng Út Cón thốt lên nho nhỏ, giọng như tự trách mình: “Vậy mà gọi nhau bằng bỏ cái nỗi gì?...”. Ý nghĩ đó làm Út Cón muốn chảy nước mắt. Vội vã cầm đèn khò đưa ngọn lửa tạt qua tạt lại trên cục vàng nhỏ như hột bắp nằm gọn trong lòng khuôn. Để dừng nghĩ gì nữa. Vậy mà vẫn nghĩ rằng mình đang muốn đốt cho chảy ra để làm tinh khiết lại một cái gì cũng quý như cục vàng nằm ngay trước mặt...

Ăn ở với tài xế Cước không bao lâu Tư ù mang bầu rồi sanh con trai. Bà già cứng như trứng mỏng. Vậy mà tài xế Cước kiếm chuyện gây gỗ mấy lần rồi “xách gói ra đi”. Ra đi khơi khơi dễ dàng làm như chuyện “đầu ấp tay gối, đũa con hòn máu” chẳng có giá trị gì hơn chuyện quá giang xe đồ của người hành khách! Cũng chẳng thấy Tư ù buồn. Có ai hỏi thì trả lời: “Thằng chả nói nhà tôi tanh cá quá, thằng chả chịu không nổi”. Nói rồi Tư ù cười lên ha hả. Có ai trách thì tự an ủi: “Ồ! ... Thằng chả lái xe dò quen rồi. Tấp vô bến này một chút rồi đi, rồi tấp vô bến khác. Hơi đâu mà trách? Chớ như tôi đây ứ na ứ nần xấu xa xấu xí có thằng đàn ông nào thêm rở. Vậy mà thằng chả chiếu cố hết mấy năm, coi thấy bạc nghĩa vậy chớ vẫn còn có tình. Còn phiền trách nhau chi?”.

Từ ngày tài xế Cước bỏ đi, vợ chồng Út Cón – vẫn chưa có con – hay qua lại nhà Tư ù ấm bằng nựng nịu thằng nhỏ và lâu lâu “mượn” nó về tiệm vàng chơi cả buổi, gọi là để “lấy hên”. Thật ra, đó chỉ là một cái cớ để Út Cón nói lại sợi dây tình cảm bị gián đoạn từ ngày có mặt tài xế Cước và để tiếng “bỏ” vẫn là tiếng nói từ trong lòng của hai người. Vợ Út Cón cũng mến Tư ù ở tánh bộc trực nên thường tới lui “chị chị em em” như đã quen thân nhau từ trước. Tư ù chẳng những không thấy ganh ghét vợ Út Cón mà còn thấy “con nhỏ thiệt dễ thương, nét na đầm thắm, lo cho chồng từng tí từng ly...”. Đối với Tư ù, mọi sự đều dễ dàng: “Không thành duyên nợ thì thôi, tình thương mình để vào lòng chớ làm khó khăn rắc rối nhau chi cho chúng ghét”. Còn về “chữ tình”, quan niệm của Tư ù cũng rất là đơn hậu rõ rệt: “Hễ mình thương ai thì mình muốn người đó sung sướng hạnh phúc. Người đó vui, mình vui. Người đó buồn, mình buồn. Chớ còn nói thương người ta mà cứ đeo theo làm khổ người ta, thì đâu phải gọi là thương!”. Có lẽ nhờ nghĩ như vậy mà tiếng “bỏ” của Tư ù gọi Út Cón lúc nào cũng thấy trong veo mát rượi như giọt sương trên tàu lá buổi sáng...

Mặc dù tâm sự đã “gói ghém” kỹ để trong lòng, lâu lâu Tư ù vẫn thấy thèm được nói lên “tiếng nói của con tim”. Đó là những buổi trưa rỗi rảnh, nằm một mình trên võng đong đưa, ngẫm nghĩ viễn vông để cuối cùng lại trở về hoàn cảnh của hai người. Không kềm được trào lòng, Tư ù ngân nga một câu vọng cổ: “Anh Hai ôi... Cái mối

tình của em đối với anh... nó tựa như trời cao biển rộng.....ừ.....sông... à.....dài...”.

Xuống “hò” thật ngọt, và nghe như nỗi niềm trắc ẩn cũng theo chữ “dài” mà tuôn ra nhẹ nhàng. Mấy tiếng “Anh Hai ôi...” được “vò” một cách tinh tú. Sợ thiên hạ biết, chớ nếu dám “vò” bằng “Anh Út ôi...” chắc phải mùi hơn nhiều... Và chỉ có như vậy thôi, và chỉ cần có như vậy thôi, Tư ù cũng đã thấy nhẹ, thấy thỏa mãn, thấy như đã nói hết những gì mình muốn nói!

Khi chị Tư “nói nghiệp” bà già, chợ cá hầy còn nhóm mỗi sáng trên sân xi-măng. Hồi đó thằng con trai đã lớn, đang đi quân dịch, và vợ chồng chú Út cũng đã có hai cô con gái. Người trong làng kêu Tư ù bằng “chị Tư”, nhưng lại gọi Út Cón bằng “chú Út”. Có lẽ tại cái gốc Tàu. Bởi vì họ đã có thói quen gọi người Tàu bằng “chú” – chú chệt – và vẫn gọi tiếp tục như vậy cho dù “chú chệt” đó lần hồi đã già bảy tám mươi tuổi. (Thành ra trong tiệm vàng đã có “chú Phấn”, bây giờ tấn lên có “chú Út Cón”. Hai cha con đều được gọi bằng “chú”, ngang nhau!)

Mỗi sáng chị Tư dọn hàng ra chợ, ngay trước nhà, nên cũng tiện và nhanh. Hàng cá của chị gồm có hai thau nhôm thật to đầy cá, nước trong veo, một tấm thớt gỗ dầy, hơi trũng xuống ở phần giữa vì đã được sử dụng lâu năm, một con dao yếm để đánh vảy mổ bụng cá, một con dao phay để chặt khúc cá, một cái thau nhôm nhỏ để bắt cá cho khách hàng coi và một cái cân xách. Đặc biệt trong chợ cá, chỉ có chị Tư là không có cái chài vồ. Dụng cụ này bằng gỗ, thường được dùng để đập lên sống dao phay khi muốn chặt con cá to ra từng khúc và nhứt là khi cần bỏ hai cái đầu cá để dùng bị đập và để mỗi miếng “coi cho nó ngon”. Khách hàng không ưa những khúc cá “bảy nhẩy”, cho nên hàng cá nào cũng phải có dao bén ngọt, và khi “rả” con cá cỡ bằng bắp chân trở lên, phải biết dùng dao yếm để khúc và dao phay với cái chài vồ để “xả”. Vậy mà chị Tư không cần tới cây chài vồ. Bởi vì chị mạnh tay lắm và chị “nhắm đầu là chặt đúng ngay đó, không xê xích một ly”. Khách hàng ai cũng phục chị Tư ở chỗ đó. Họ nói: “Con Tư nó múa dao như Sơn Đông. Mình chỉ ở đâu là nó phụ ở đó, ngay bon ngọt xốt... Chớ không phải như mấy con mẹ kia, cầm chài vồ đập bôm bốp nghe mà phát nhứt đầu”.

Dọn hàng xong, chị ngồi lên cái hộp gỗ cao bằng hai viên gạch có cái hộc như hộc tủ. Chị kéo hộc ra để tiền lẻ vào đó, rồi bắt đầu chào hỏi bạn hàng cá và rau cải. Trong làng, và nhứt là trong chợ, phần đông đều quen biết nhau hết, nên câu chuyện trao qua trao lại dễ dàng thoải mái. Đó là giờ “thông tin” của các bạn hàng trong khi người đi chợ còn rải rác lưa thưa. “A... để nói này nghe, đừng nói ai hết nhen! Con gái của dì Năm Đồi có bầu với thầy giáo Thái. Họ giấu dữ lắm đó...” “Chèn ơi! Tội nghiệp con nhỏ hôn!”... “Thầy bà gì mà ác nhen. Vợ con cả đóng cả lèng rồi mà còn dè con nhỏ làm chi cho nó khổ...” “Nè! Nghe nói ông Xã Bảy mới rình về một con vợ bé. Không biết phải hôn?”... “Đâu nà! Cháu gái của ông đó. Đừng nói bậy ông cào nhà bây giờ...” “Ồ...

Con mẹ Sáu bánh lọt sao hôm rày đâu mất hồng thấy há?”, v.v... Trong lúc bạn hàng vãi, hay bạn hàng xén, đều có nhà hay cửa tiệm nằm vây quanh chợ nhà lồng – nghĩa là qui tụ lại một chỗ – thì những người bán cá lại có nhà ở rải rác trong mấy xóm xa chợ như xóm Giếng, xóm Chùa, xóm Lò Gạch, xóm Nhà Máy... Thành ra bạn hàng cá có “tai mắt” ở khắp nơi. Cho nên họ là giới biết nhiều tin tức trong làng nhứt. Và họ thông tin ăn bứt “Phòng Thông Tin”!

Khi chợ đã bắt đầu đông, bắt đầu ồn ào, thì mạnh ai nấy rao hàng mời khách. Chị Tư cầm cái cán cân nhắc lên để xuống đều đặn làm cho ba sợi xích sắt rơi nhịp nhàng vào cái đĩa cân, kêu rền rẹt rền rẹt, miệng mời tía lia: “Cá cô Hai... Cá dì Tám”. Chị nhớ từng sở thích của khách hàng, như “Dì Sáu Lộc ưa cá trê vàng, còn cô Năm Ngự lại không ăn được cá không có vảy. Chị Hai Bia thì hay ăn đầu cá lóc, mà coi chừng, phải có đủ đùm ruột và gan mật còn nguyên chỉ mới chịu...”. Lâu lâu, chị Tư thọc tay vào thau vuốt ve mấy con cá giống như vuốt ve con mèo, con chó! Vậy mà chẳng có con cá nào “chém” bàn tay của chị hết! Và khi mà chị Tư muốn bắt con nào là chị luống thật nhanh ngón tay cái và ngón tay trở vào hai mang cá, nhắc bổng ra khỏi nước. Mấy con cá lóc bằng bắp đùi, chị cũng chỉ bắt có một tay. Mạnh như vậy nên bạn hàng cá ai cũng nể mặt, dù xưa nay họ nổi tiếng là giới thô lỗ hỗn ẩu.

Một hôm, chợ vừa nhóm, chị Tư mặt hầm hầm, cầm con dao phay chém xuống thớt nghe cái cộp rỏi chỉ mũi dao về phía một bạn hàng cá ngồi cách xa mấy thước phía đối diện, giọng lạnh lạnh:

- Lia! Tao nghe nói mấy đang rêu rao vụ gì đó phải không?

Tiếng “không” được nhịp bằng tiếng dao chém xuống thớt. Cô gái tên Lia vừa sang nước cá vừa trả lời:

- Chuyện gì đâu ai biết!

Chị Tư vẫn nhịp dao xuống thớt:

- Vậy chớ đứa nào đi nói cùng đồng là thằng cha Út Cón gian lận, bán vàng giả mà la vàng thiệt? Hả? Hả?

Bỗng con Lia đứng sọc lên, tay chống nạnh, mặt gân gân:

- Ờ! Tôi nói đó! Rồi có sao không?

Chị Tư cũng đứng lên, tay vẫn cầm dao phay điểm điểm:

- Có, chớ sao không! Tao hỏi mấy vậy chớ Út Cón có lường gạt mấy không? Mấy nói cho bà con nghe coi!

Con Lia “khựng” một chút rồi cũng gân gân:

- Thì thằng chả làm đồ giả tôi nói làm đồ giả. Mắc mớ gì chị mà chị xía vô?

Chị Tư nổi nóng, la lớn:

- Mắc mớ chớ sao không mắc mớ! Út Cón là bạn của tao, tao không muốn ai nói xấu thằng chả hết. Nếu mấy có bằng cứ thì trưng ra cho bà con coi, rồi đem lên Hội Đồng Xã mà thưa thằng chả. Chớ còn không có gì hết

mà cứ đi rêu rao nói xấu người ta là tự mày muốn sanh chuyện chớ ai vô đây?

Thấy quá căng, mấy bà bán cá vội vã xúm lại can gián, mỗi người vài câu, ồn ào hỗn tạp. Trước khi ngồi xuống, chị Tư còn “bôi” thêm một câu, gọi là để “dần mặt”:

- Nè! Tao nói cho mấy biết. Mấy mà còn kiếm chuyện nữa thì con dao này nó không tha mấy đâu! Cái thứ ăn ở bất nhơn thất đức không chém cũng uống...

Con Lia vừa sợ, vừa đuối lý, làm thỉnh thoảng nhưng trong lòng “thề sẽ có ngày nó rửa nhục”. Nghe lộn xộn, chú Út Cón từ sau nhà bước ra trước cửa tiệm để nhìn. Lúc đó, cuộc cãi vã cũng vừa chấm dứt. Thiên hạ đi chợ đã bắt đầu đông. Thành ra chú không biết rằng “bồ” của chú vừa mới bình chú.

✽

Về sau chợ cá nhóm trên sàn gỗ xây chõm ra sông. Chị Tư mỗi lần dọn hàng phải đi xa hơn một chút. Chị vẫn “to thuyền lớn bánh”, vẫn hay cười, dễ ngủ, mặc dù thằng con duy nhứt của chị đã chết trận ở ngoài Kontum. Chị nói: “Sống chết tại số. Có khóc mấy, nó cũng không sống lại được!”. Trên bàn thờ, cạnh hình ông bà già, chị để hình thằng con mặc quân phục, ngực đeo huy chương. Chị thích cái ảnh đó lắm bởi vì chị thấy nó giống kếp Hùng Cường!

Trưa trưa, chị vẫn nằm đong đưa trên võng. Chị thích nằm võng bởi vì nó mát lưng. Cái võng của chị được thắt bằng sợi dây gai đập tới ra rồi tết lại mịn màng, thân tau vừa to vừa giẹp lại không có gút thành ra nằm êm và không cần làm ngựa lưng như võng lưới. Chị cũng chề võng nhà binh, tuy nằm êm nhưng khi trở mình nó lại kêu sột soạt!

Và lâu lâu, chị vẫn ngân nga câu vọng cổ của chị để thấy cuộc đời này hầy còn “cái gì để nói”...

✽

Biến cố tháng tư 1975...

Cả làng treo cờ đỏ. Khắp nơi căng biểu ngữ đỏ. Tất cả bảng hiệu đều được sơn lại bằng màu đỏ. Coi hực hỡ như ngày xưa làng xã làm đám cúng ở miếu ông Tà!

Loa được bắt trên cành cây đầu cột, ngã tư ngã ba, phát thanh nghe rõ rõ như có tiếng máy xe đồ Thiên Thành nằm trong đó! Không có phát thanh cải lương nên nghe riết cũng nhàm. Rồi mạnh loa loa nói, mạnh người người nói.

Bây giờ người ta không còn thời giờ rảnh nữa. Hội họp, học tập, hoạt động đoàn thể liên miên, chưa kể đi lao động đều đặn...

Chợ cá vẫn họp buổi sáng. Giờ “thông tin” cố hữu của bạn hàng cá cũng thấy được tiếp tục nhưng có đầu ngăn lại và nhứt là bây giờ thấy nói nhỏ chuyện cho nhau nghe, chớ không bô bô như hồi trước. Cho nên người ta biết là con Lia bây giờ theo tụi cách mạng dữ lắm. Nó nghĩ bán cá để tổ chức “phụ nữ này phụ nữ nọ gì đó” và hay tới lui với “thằng cha Bắc Kỳ công an ở nhà

thầy giáo Thái” (nhà này cách mạng tịch thu vì thầy giáo và gia đình đã bỏ chạy mấy ngày cuối tháng tư bảy mươi lăm). Và họ nói: “Con nhỏ lúc này lên chun lăm, bà con! Thấy có đội nón cối nữa!”.

Một hôm vào xế chiều, tên công an dựng xe đạp trước nhà chị Tư, nhìn quanh rồi bước vào nhà. Trong nhà lu khạp chứa cá đứng dài dài từ nửa nhà trên chạy tuốt ra phía sau. Nhà không có vách ngăn nên nhìn thấy trống bốc xuống bếp. Chị Tư đang lúi húi nhúm lửa ở đó, thấy khách vội chạy lên. Chị khoác vội cái áo bà ba, cầm chổi lông gà quét nhanh mặt ván gỗ, rồi mời:

- Mời anh ngồi. Có chuyện gì không ?

Tên công an ghé dit bên mép ván, nhìn quanh:

- Chị ở có một mình à ?

Chị Tư cũng nhìn quanh:

-Thì anh thấy đó. Còn ai nữa đâu ?

Rồi như sực nhớ ra, chị tiếp:

-À! Còn... ông Táo. Nhưng ông không nằm trong hộ khẩu, ông nằm trong bếp!

Rồi chị cười tự nhiên thích thú với hình ảnh hài hước đó. Tên công an làm thinh. Dưới bếp, lửa nhúm khi nãy không “bắt”, làm khói lên um tùm. Chị Tư “xin lỗi” rồi chạy xuống bếp vùi nhanh mấy cây củ xuống tro. Xong, trở lên, vừa đi vừa nói:

-Lúc sau này dầu hôi bị hạn chế, mỗi hộ chỉ mua được có một xị để dành thắp đèn thành ra không dùng lò dầu hôi. Phải chụm bằng củi, khói thôi là khói !”.

Tên công an cũng nói đẩy đưa:

-Đấy là buổi đầu thôi chị ạ! Tại vì khâu phân phối vật tư chưa hoàn tất mạng lưới đấy chứ. Rồi chị xem. Vài hôm nữa xăng dầu sẽ được đưa về đây cả khói !

Chị Tư vừa cười vừa nói:

- Gì thì tôi không biết. Chớ hôm rồi bà Tám Liệt Sĩ... xin lỗi anh, trong làng bây giờ kêu bà Tám Tiếu là bà Tám Liệt Sĩ, chớ không phải tôi đặt ra như vậy đâu.

Tên công an gật gật đầu:

- Tôi biết. Gia đình bà má đó theo cách mạng từ thời bốn mươi nhăm. Sau này đều hy sinh cả. Giải phóng rồi ít lâu sau chính tôi đã đưa bà má lên tỉnh để lãnh bằng liệt sĩ và huân chương...

Chị Tư gật đầu tiếp:

- Phải rồi. Đứng là bà đó. Hôm rồi, sau khi mua phần dầu hôi của bà, bà đưa xị dầu hôi lên cao, vừa đi dọc theo cái đuôi đồng bào đang đợi tới phiên mình, vừa nói...

Chị Tư đưa bàn tay trái lên trên không, ngón cái và ngón trỏ ra bộ kẹp cổ chai xị tưởng tượng, cất giọng the thé nhái bà Tám Liệt Sĩ:

- Nè... Đồng bào coi đây nè! Cái này là dầu hôi nghe không. Dầu hôi của Nhà Nước ta bán cho nhân dân. Quý

lắm đó! Không phải để thắp đèn. Mà để nhỏ vô con mắt cho nó sáng ra, nghe chưa ?

Nói xong, chị Tư cười thích thú. Tên công an chỉ nhếch mép. Không biết anh ta ráng kềm cái cười đang muốn bật ra hay anh ta đang cố tạo một nét cười để chứng tỏ rằng mình cũng biết thưởng thức khía cạnh trào phúng ý nhị của câu chuyện ? Anh ta bước lại bàn thờ, nhìn mấy tấm ảnh, hất hàm hỏi:

- Ai thế ?

Chị Tư trở ngược cây chổi lông gà chỉ từng tấm ảnh:

- Đây là ông già tôi, hồi ổng còn trẻ. Chớ ổng chết hồi ổng trên sáu mươi lăm. Đây là bà già, chụp hình xòe đủ mười ngón tay !

Chị ngừng ở đó để cười rồi mới tiếp:

- Còn đây là thằng con tôi, liệt sĩ ở Kontum !

Tên công an cãi:

- Chị đừng từ sai. Lính ngụy không thể nào là liệt sĩ cả. Bị giết thì cứ nói là bị giết. Phải cho rõ ràng ở điểm đó.

Chị Tư ngạc nhiên:

- Coi! Đi đánh giặc rồi chết ngoài mặt trận, mấy anh không gọi là liệt sĩ thì gọi là khí gì ?

Anh ta giải thích:

- Chị không hiểu. Giữa ta với ngụy khác nhau chứ. Ta, vì nhân dân vì Tổ quốc mà hy sinh, thế mới gọi là liệt sĩ. Còn ngụy là lính đánh thuê cho đế quốc Mỹ...

Chị Tư đưa một tay lên chặn lại:

-À! À! Đến đây tôi xin lỗi anh. Chính anh mới không hiểu gì hết. Thằng con tôi chưa hề đánh thuê chém mướn. Nó đi quân dịch thì giống như ngoài đó mấy anh gọi là đi nghĩa vụ gì gì đó. Nó cũng vì đồng bào của nó, vì xứ sở của nó mà hy sinh, chớ nó có đánh giặc để giữ gìn đất đai xứ Mỹ bao giờ ?

Trong lúc tên công an chưa kịp “mở miệng” thì chị Tư đã nói tiếp, tay cầm cây chổi lông gà trở ngược quơ qua quơ lại trên không, để “vẽ” cho câu nói:

- Ngoài đó đánh vô thì trong này phải đánh ra chớ bộ ngu dại gì mà đứng làm thinh đưa đầu cho thiên hạ đập? Phải không? Như vậy gọi là đánh thuê chém mướn à ?

Thấy tình hình sắp đi vào ngõ bí và “con mụ hàng tôm hàng cá” này cũng không phải tay vừa, tên công an “đâm” đại một câu:

- Chắc là con chị phải ác ôn lắm nên mới có đến hai huân chương.

Chị Tư cười ha hả:

- Nếu nói như anh vậy thì mấy đồng chí cao cấp của anh phải ác ôn gấp mấy chục lần thằng con tôi. Bởi vì người nào người nấy chụp hình thấy đeo một ngực mề đai !

Rồi sực nhớ ra, chị Tư hỏi:

- À! Chút xíu nữa quên mất. Anh muốn gặp tôi có chuyện gì không ?

Tên công an như nắm được cái phao, vội vã đổi giọng ra chiều thân mật:

-Chuyện này xin chị giữ kín cho. Người ta nói với tôi rằng Út Cón còn giấu vàng, không kê khai hết trong kỳ kiểm kê vừa rồi. Tôi cũng nghi như vậy bởi vì thấy anh ta... thế nào ấy.

Chị Tư nghiêm nghị:

- Chuyện này... Anh là chánh quyền, anh phải đi hỏi ảnh chó sao lại hỏi tôi ?

Tên công an thấp giọng:

-Người ta nói với tôi rằng chị thân với Út Cón lắm. Tôi muốn nhờ chị nói với anh ấy một tiếng để anh ấy mang nẹp cho Nhà Nước số vàng còn cất giấu. Tôi sẽ giữ kín chuyện này và sẽ không báo cáo lên cấp trên. Tôi muốn giải quyết như trong gia đình thôi. Chị hiểu không ?

Suy nghĩ một lúc, chị Tư trả lời:

- Thiệt tình với anh: Tôi với Út Cón là bạn nhưng tôi chưa hề biết chuyện làm ăn trong nhà của anh ra làm sao hết. Và cũng không bao giờ chen vô. Nhưng tôi nhứt quyết với anh là Út Cón xưa nay không có gian xảo. Bà con ở đây ai cũng biết hết. Tánh ảnh lại hiền khô và... hơi nhát nữa. Chắc không dám làm chuyện động trời như anh nói đâu.

Chị Tư mỉm cười, nhớ lại hồi nhỏ lần đầu rủ Út Cón vào vườn sau chùa "ăn cắp nhãn", Út Cón khoát khoát tay từ chối mà mặt mày xanh dờn làm như đã bị bắt tại trận. Vậy mà đã mấy mươi năm... Tên công an đưa tay xem đồng hồ, rồi vừa bước ra cửa vừa nói:

- Tôi về đây. Xin chị giúp tôi và nhớ giữ kín chuyện này nhé.

Chị Tư làm thinh, nhìn theo tên công an, rồi sấn đó nhìn sang nhà bên kia. Bên kia, chắc vừa ăn gì xong nên thấy chú Út đứng xĩa răng trước cửa tiệm.

Đợi tên công an đạp xe đi một lúc, chị Tư mới bước ra ngoài cửa ngõ chú Út. Chú đứng đĩnh đi qua tay vẫn tiếp tục xĩa răng. Vào nhà, chú hỏi:

- Chuyện gì vậy bồ?

Chị Tư thấp giọng:

- Thằng cha công an nó nghi bồ còn giấu vàng đó.

Chú Út cười như mếu:

- Giấu khỉ gì. Hồi kiểm kê, họ nói nghe ngon lắm: Cứ kê khai đầy đủ để làm tài liệu thống kê trong mỗi ngành nghề, chớ còn của ai nấy giữ để tiếp tục hành nghề như cũ, không có gì thay đổi. Vậy rồi... hốt hết của người ta! Không còn tới một chỉ để làm thuốc, lấy gì mà giấu ?

Chị Tư suy nghĩ một lúc mới nói:

- Chắc có đứa nào đâm thọc gì đây. Gặp bọn này là thứ đa nghi nên dễ tin lắm. Bồ cũng nên coi chừng đó nghe! Thời bây giờ không biết ai là ai hết. Thôi! Bồ về đi,

kẻo tụi nó thấy, tụi nó nghi bồ qua... gởi vàng cho tôi giấu thì oan tôi lắm, nghe bồ.

Nói xong, cười hăng hắc làm chú Út đang râu thúi ruột cũng bật cười theo. Làm như chẳng có gì phải quan tâm hết.

Tuần lễ sau, vào quá Ngọ sau khi tan chợ, công an đưa bộ đội tới xét nhà chú Út Cón. Xét kỹ đến nỗi giường chiếu tủ bàn, cà ràng ông Táo, quần áo, sách vở gì gì cũng lôi tung ra. Họ còn bắc thang trèo lên nóc lật một số ngói trong lúc dưới đất một tốp khác cầm búa gõ từng viên gạch, từng mảng tường. Thậm chí còn cạy mấy chục viên gạch và đào quật lên mấy thước đường cống.

Bên ngoài hàng xóm bu lại coi thật đông, kẻ nói vô người nói ra ồn ào không thua gì "trận chiến" ở bên trong. Chị Tư can thiệp mấy lần với tên công an nhưng anh ta làm như "không biết chị Tư là ai". Mặt lạnh như tiền, anh ta chỉ huy cuộc khám xét giống như đang bơi một đồng rác. Cuối cùng, không tìm thấy gì hết, mặt anh ta còn lạnh... hơn tiền. Anh ta ra lệnh bắt chú Út dẫn đi, để lại người nhà – thím Út và hai con gái – gào khóc như đám ma và để lại căn nhà bây giờ thật sự giống như một đồng rác !

Chú Út bị giam trên tỉnh. Ở đâu, người nhà không được biết. Chỉ biết tin tức qua tên công an lúc này tới lui thường xuyên nhà thím Út, gọi là "đến thăm viếng an ủi gia đình và giải thích đường lối chủ trương rõ rệt sáng suốt của Đảng và Nhà Nước". Lâu lâu, thấy anh ta dẫn tới một vài anh bộ đội, ngồi lê la nói chuyện. Chị Tư để ý nhiều lần như vậy nên phân vân tự hỏi: "Không biết cái thằng Trời đánh này nó muốn cái gì ? Nhà tinh là đàn bà con gái không...".

Người ta bắt đầu xì xào bàn tán...

... Chiều hôm đó, tắm xong, chị Tư vừa chải tóc vừa bước lên nhà trên. Chợt nhìn thấy thiên hạ bu đông ở nhà chú Út và có tiếng khóc than trong đó. Chị bước ra cửa thì vừa gặp bà Năm Chia. Vội hỏi:

- Chuyện gì ở bến vậy thím Năm ?

Bà Năm Chia nhìn chị Tư với cặp mắt đỏ hoe, nói bằng một giọng trống rỗng:

- Thằng Út chết rồi !

Chị Tư nghe choáng váng mày mặt, trời đất bỗng tối sầm lại. Chị tì người vào khuôn cửa, cái lược sừng rơi xuống đất. Mắt mở to, ráo hoảnh. Miệng há ra để thở, nhịp thở dồn dập như muốn bứt hơi. Làm như bên trong con người chị chẳng còn gì hết, chẳng giữ được gì hết. Và cũng không còn cảm giác gì hết...

Một lúc lâu sau, chị lão đảo bước vào trong nhà, lần theo mép bộ ván mà đi, lần theo lu khạp mà đi, lần theo vách mà đi. Trong đầu loáng thoáng ý nghĩ phải tới một nơi nào đó kín đáo hơn là ngoài cửa, kín đáo hơn là trong nhà. Một nơi nào đó chẳng còn ai hết. Một nơi nào đó chẳng có gì hết. Một nơi nào đó chỉ có một mình mình. Một cái kẹt. Một cái hốc. Không biết để làm gì. Chỉ thấy

cần làm như vậy, cần được như vậy. Chẳng có gì rõ rệt hết. Lơ mơ lơ mơ...

Cuối cùng, chị bước vào nhà tắm đóng cửa lại. Gài then xong, chị chỉ còn đủ sức dán lưng vào tường và cảm thấy hai chân mềm như bún. Thân chị tuột lún xuống đến khi đụng mặt gạch còn ướt nước tắm khi này. Chị ngồi bẹp ở đó mà nghe trong người có cái gì đang dồn căng lên cổ họng từng cơn làm chị đau thắt. Chị cố nuốt xuống, nhưng càng nuốt, “cái gì đó” càng dồn mạnh lên. Để rồi, chịu không nổi nữa, chị nấc lên mấy tiếng, gục đầu xuống mà nghe nước mắt tuôn ra như suối...

Lâu thật lâu sau, chị Tư đứng lên, vẫn để nguyên quần áo thọc gáo vào lu mức nước xối ào ào. Nước mát lạnh làm cho chị tỉnh hẳn. Chị lau mình thật chậm rãi, thay đồ cũng thật chậm rãi. Làm như để có thời gian lấy một quyết định. Xong chị qua nhà thím Út Cón.

Vừa thấy chị Tư bước vào, thím Út òa lên khóc:

- Tụi nó giết anh Út rồi, chị Tư ơi...

Chị Tư bước lại ôm thân hình mảnh khảnh của thím Út, tay vuốt vuốt lưng như đang vỗ về người em gái. Hai đứa con chú Út từ nhà sau chạy ra, vừa khóc vừa xà vào người chị:

- Cô Tư ơi...

Chị dang tay ôm hết ba mẹ con, ôm hết những gì còn lại của Út Cón. Không còn nước mắt để khóc nhưng còn đủ tỉnh táo để nhận thấy rằng từ đây, mình phải thay Út Cón để bảo vệ gia đình này mặc dù không ai gọi gấm hết.

Nửa khuya đêm đó, chị Tư trở dậy. Trong bóng tối, chị mò mẫm khoác áo bà ba đen máng sẵn trên cây cột từ đầu hôm, cặp nách con dao phay quấn trong cái bao bố nhỏ đặt sẵn cạnh chân bộ ván gỗ, bước ra đóng nhẹ cửa lại. Bên ngoài, trời đầy sao. Gió sông nhẹ nhẹ mát rượi. Chị bước đi tự nhiên, chẳng chậm rãi chẳng gấp rút. Giống như đi công chuyện bình thường. Ngoài đường, vắng teo. Mấy con chó hoang ngủ dưới dây thốt thịch trong nhà lồng chợ ngóc đầu lên nhìn, sủa vu vơ mấy tiếng rồi lại nằm xuống. Chẳng có gì phải bận tâm.

Nhà thầy giáo Thái nằm xéo xéo trường tiểu học, điểm đặc biệt ở đây là nhà bếp và sà nước nằm ngay sân trước bởi vì ở đó có cái giếng. Thành ra hồi xưa vào giờ ra chơi, học trò hay chạy qua đó uống nước. Lâu lâu còn được thím giáo cho mấy cái bánh men vì thím làm bánh men bánh kẹp để bỏ mối ở xóm dưới đầu trên... Từ ngày công an dọn về đó, chẳng thấy đứa nào chạy qua hết.

Chị Tư bước vào hàng ba, thấy trong nhà có ánh đèn. Nghĩ: “Chắc thằng Trời đánh đó đang làm báo cáo. Không biết nó đang muốn hại ai nữa đây?”. Chị đưa tay gõ cửa. Có tiếng người hỏi:

- Ai đấy ?

Chị Tư trả lời như không trả lời:

- Tôi !

Nghe giọng đàn bà, tên công an yên chí:

- Chờ tí !

Có tiếng khóa lọc cọc rồi cánh cửa mở ra. Ánh đèn dầu từ bên trong hắt lên người chị Tư, tuy không sáng lắm nhưng vẫn thấy rõ nét trầm tĩnh tự nhiên trên gương mặt tròn trịa. Ở đó vừa hiện lên một nụ cười mà tên công an giàu tưởng tượng cho là “đầy nhiệt tình cách mạng”. Anh ta bước ra đảo mắt nhìn quanh rồi mới mời:

- Vào đi !

Tiếng “đi” vừa dứt là chị Tư đã bỏ con dao phay vào ngay giữa đầu, nhanh gọn và chính xác như chị bỏ cái đầu cá. Xong, chị bước vào thối tắt cây đèn dầu rồi ra sà nước rửa ráy tay chân mình mấy và con dao. Trước khi ra về chị nhìn lại hàng ba: Trong bóng tối chị vẫn thấy được thằng “Trời đánh” nằm một đống, không nhúc nhích.

Hôm sau, cả làng đều biết tin tên công an bị chém. Vậy là bàn tán xôn xao... “Nhờ mấy con chó bu lại giành giật ở hàng ba nhà thầy giáo Thái người ta mới để ý. Chớ không thì cầu tới trưa trời mới hay”... “Thiên hạ đồn tại thằng chả lấy vợ người ta”... “Ông Sáu Lịch dạy võ ở xóm Lò Heo quả quyết rằng thằng cha nào chém nhứt định phải có nghề. Chớ người thường thì sức mấy mà chém ngọt như vậy”... “Ai mà giỏi vậy không biết ?”... “Còn gan nữa chớ! Chém cách mạng mà...”. Có người vốn đã thù ghét sẵn trong lòng, buột miệng nói: “Chớ phải là tôi, tôi chặt cha nó ra làm ba khúc cho nó đáng !”...

Trong làng, chỉ có một người biết ai đã chém tên công an. Người đó là con Lia bán cá hồi trước “cách mạng”. Nhưng nó đã bỏ làng trốn mất ngay ngày hôm đó, bỏ lại mấy bộ đồ màu cỏ úa và cái nón cối. Chánh quyền nghi ngay cho nó. Vậy rồi hợp hành liên miên để xem có “phát hiện” gì thêm không bởi vì “tên phản động ác ôn do nguy cại vào hàng ngũ của ta từ ngày cách mạng thành công, nhứt định phải để lại nhiều dấu vết hay bè lũ của nó, ta cần phải nâng cao cảnh giác!”.

Trưa đó, nằm đong đưa trên võng, chị Tư suy nghĩ viễn vông rồi đưa bàn tay trái lên nhìn chiếc nhẫn bạc của Út Cón chạm trở cho hồi đó, thuở Út Cón chưa vợ, thuở hai người còn thật “bồ” với nhau... Chị bồi hồi nhận thấy tiếng “bồ” quen thuộc, từ nay sẽ không còn dùng tới nữa. Tiếng “bồ” gọi nhau thuở nhỏ. Tiếng “bồ” nhẹ nhàng êm êm của tuổi dậy thì. Tiếng “bồ” mang nặng yêu thương giấu kín, về sau, khi chẳng thành duyên chẳng thành nợ. Và tiếng “bồ” già dặn, đậm đà của bây giờ, mới đây, trước khi Út Cón bị bắt. Tiếng “bồ” của mấy chục năm đó, còn ai để mà gọi, từ nay? Chị bỗng thềm hát lại câu vọng cổ. Lần này, chị vỗ “Bồ ơi...”. Tiếng “ơi” bị ngen ngang. Chị ngừng ở đó một lúc để kèm xúc động. Rồi chị “bắt” trở lại, nhanh nhanh dồn dập chớ không ngân nga sợ trào lòng cất đôi câu hát: “Bồ ơi! Cái mối tình của em đối với bồ... nó tựa như trời cao biển rộng...ừ...sông...à ...dài”. Tiếng “dài” không còn “ngọt” như xưa. Tiếng “dài” bị đứt quãng. Giống như khúc duối còn nằm kẹt đầu trong lòng. Chị với tay lên đầu võng rút cái khăn lông đắp vội lên mặt, bởi vì chị vừa nghe mí mắt mình mọng nước !

Từ đó chị Tư ù thôi ca vọng cổ. •



Hoài niệm một thoáng qua

(Thoáng qua một lần để nhớ nhau mãi mãi)

● Lưu An -

Vài hàng giới thiệu:

Một cuộc tình đã đi vào dĩ vãng 10 năm, 15 năm, 20 năm hay xa hơn nữa, tình yêu sẽ đẹp mãi mãi nếu nó vẫn còn là những hình ảnh nhiều nhớ thương khi người ta còn hoài niệm về quá khứ. Chính vì vậy khi thời gian đã trôi đi quá lâu, hoàn cảnh sống đã đổi thay quá nhiều nếu không muốn nhận lấy những ngỡ ngàng thất vọng vì cố nhân không còn là bóng dáng của người yêu xa cũ trong ký ức của mình, thì đừng bao giờ tìm gặp lại nhau nữa, hãy cố gắng đứng xa nhau để nhìn, để nhớ về nhau với những cảm giác tuyệt vời khi nhớ đến quá khứ. (LA)

**

Gần như ngày nào cũng thế, khi tiếng chuông reo 11 giờ khuya báo hiệu thư viện đóng cửa, Viễn uể oải đứng dậy thu gom sách vở vào chiếc cặp rồi xuống sân lấy xe về nhà. Gặp những buổi tối không mưa như hôm nay, muốn hưởng thụ cái mát mẻ của Sài Gòn vắng vẻ, yên lặng về khuya, Viễn thường đi vòng vào đường Công Lý hướng về phía phi trường Tân Sơn Nhất để về nhà. Con đường dù hơi xa nhưng không khí ở khu vực này có vẻ thoáng khoáng, dễ chịu hơn.

Chiếc xe chậm chạp lăn bánh lên dốc cầu Công Lý. Làn gió nhẹ từ mặt nước con kênh dù mang theo mùi hôi thoang thoảng của bùn đất tạt vào mặt nhưng cũng vẫn cho Viễn cái cảm giác dễ chịu. Khi xuống khỏi dốc cầu, xa xa vài chục mét đằng trước xe của Viễn, một tà áo dài màu xanh da trời in hình chim bướm sặc sỡ của người thiếu phụ trên yên chiếc xe Honda PC- 50 căng lên vì làn gió, đang chạy cùng chiều với anh. Chiếc túi xách màu trắng bằng da sang trọng của cô ta đeo trên bờ vai, thả dài dọc theo cạnh sườn đu đưa theo di động của chiếc xe. Dù chỉ nhìn từ đằng sau, Viễn đoán phải là một người đàn bà còn trẻ, đẹp, giàu có, sang trọng.

Sau dốc cầu, hướng về Tân Sơn Nhất con đường trở nên rộng rãi, thoáng khoáng hơn. Những ngọn đèn đêm mờ mờ bên đường không đủ phát sáng làm cho không gian như âm u, yên lặng hơn bên kia cầu mà anh vừa vượt qua.

Đúng lúc Viễn đang để hồn hưởng thụ cái nhàn nhã im lặng của đêm khuya, từ hướng ngược lại, bên kia con đường, một chiếc Honda chờ hai, chạy khá nhanh. Chiếc xe vừa qua khỏi vị trí đối diện với Viễn, giảm dần tốc độ rồi của vòng trở lại, đổi hướng chạy đằng sau xe của Viễn. Thình lình chiếc xe rú mạnh vượt qua Viễn, đảo nhẹ đến sát bên

người phụ nữ lái xe PC- 50 đằng trước. Tên ngồi sau đưa tay giạt lấy chiếc xách tay của người thiếu phụ đồng thời chiếc xe rú ga vọt đi. Viễn giạt mình nhìn cảnh cướp giật xảy ra trước mắt, phản ứng tự nhiên anh vận thêm ga rượt hai tên ăn cướp, miệng la lớn:

-Cướp, ăn cướp, đứng lại!

Không biết có phải vì tiếng hét dữ dội vang lớn trong đêm khuya cùng tiếng rú ga xe của Viễn đã làm 2 tên ăn cướp sợ hãi, mất bình tĩnh hay vì sợi dây đeo của chiếc túi xách bị đứt nhưng vẫn còn vướng vào tay lái xe của người phụ nữ làm cho tên ăn cướp ngồi sau phản ứng không khéo léo, chiếc xách tay bị vtuột rơi xuống mặt đường. Đúng lúc xe của Viễn trở tới tên ăn cướp ngồi sau đưa mắt tiếc rẻ ngoái nhìn chiếc xách tay trên mặt đường trong khi xe của chúng vẫn tăng tốc độ tiếp tục phóng đi.

Viễn dừng xe vào lề đường, chạy ra nhặt lấy chiếc túi xách, vội vàng trở lại phía sau nâng đỡ người phụ nữ ngã nằm nghiêng gần giữa đường. Bên cạnh bà ta, chiếc xe PC còn nổ máy, đèn xe vẫn cháy sáng. Viễn đỡ nhẹ người thiếu phụ lên, khuôn mặt bà ta tái xanh, ánh mắt còn bàng hoàng, sợ sệt. Đặt chiếc xách tay vào lòng bà ta với lời trấn an:

-May quá chiếc xách tay không bị mất! Bà có sao không?

Người thiếu phụ ngược mắt nhìn Viễn tỏ vẻ cảm ơn nhưng có lẽ sợ hãi vẫn chưa biến mất trên khuôn mặt tái xanh, đôi mắt thất thần khiến bà ta không thể trả lời Viễn được. Lúc đó Viễn mới nhìn thấy những vết trầy xước rớm máu trên gò má, trên trán bà ta. Lớp vải áo dài nơi cùi chỏ bị thủng lỗ, vết bầm dập trên làn da mỏng nơi khớp xương tay, máu thấm qua mảnh áo lẫn lộn với bụi cát của mặt đường. Chiếc quần tây bị rách ở đầu gối lộ ra lớp da đỏ hồng vì dòng máu từ vết thương chảy dài xuống bắp chân. Mu bàn chân trái tím bầm, trầy xước vẫn còn đeo lủng lẳng chiếc xăng-đan đã đứt quai vì cọ sát xuống mặt đường.

Nâng bà ta đứng dậy nhưng có lẽ bàn chân bầm tím vẫn còn đau, bà ta nhân mặt tỏ vẻ không thể đứng vững được. Cuối cùng Viễn phải dùng đôi tay vòng dưới nách gần như xách bổng thân hình bà ta đến ngồi trên gờ đá lề đường. Sự ồn ào và tiếng la hét của Viễn đánh thức khu phố. Vài người mở cửa bước ra bu quanh Viễn và người thiếu phụ, họ bàn luận lung tung, hỏi han về diễn tiến đã qua. Một người đàn ông giúp đỡ mang chiếc xe PC dựng chiếc xe vào lề đường, quay mặt sang Viễn, ông ta nói:

-Chiếc xe bị gãy bàn đạp rồi, bánh xe và "gi-đông" bị cong chắc chắn không thể chạy được nữa!

Lúc này Viễn mới có thời gian nhìn kỹ người đàn bà hơn. Chiếc áo dài bằng tơ lụa mềm mại, sang trọng, hợp thời trang cho biết bà ta không thể nào là một cô nữ sinh hay sinh viên đơn sơ đang ở tuổi đến trường được. Nhưng nét trẻ trung trên khuôn mặt cũng không có gì chứng tỏ là vị phu nhân đã đứng tuổi đang làm chủ một gia đình, vài ba đứa con được. Nét chungh diện của bà ta, phải là người đã đi làm. Một nhân viên văn phòng hay giao tế đã tạo ra cái vẻ đứng đắn vừa phải của người đàn bà thích săn sóc cho nhan sắc mà thôi. Với suy nghĩ như vậy, Viễn đã đổi ngay lời đối thoại:

-Chỉ có muốn tôi kêu taxi hay xích lô đưa chị đến bệnh viện chữa trị không? Chiếc xe của chị đã hỏng rồi, không thể chạy được nữa, chị nên để lại ở một tiệm sửa xe gần nơi đây rồi tôi giúp chị đi bệnh viện chữa trị các vết thương.

Người đàn bà ngược mắt nhìn Viễn, hàng lông mi hơi nhú lại có vẻ suy nghĩ với lời đề nghị của Viễn. Ngần ngại tí chút, đưa cánh tay không bị thương lên vuốt nhẹ vết thương trên cánh tay bên kia và đầu gối chân nơi mà vết thương máu đã ngừng chảy, đưa mắt nhìn Viễn, bà ta nói:

-Cảm ơn anh rất nhiều, chắc khỏi cần phải đi bệnh viện làm gì. Mấy vết thương trầy xước này chẳng lấy gì làm nặng lắm, có lẽ về nhà rửa sạch và bôi thuốc cũng được.

-Tùy ý chị, tôi gọi taxi hay xích-lô chở chị về nhà nhé?

Người đàn bà lắc đầu, vội vàng cản ngăn ý định của Viễn:

-Không, anh đừng gọi, nhà tôi ở trong ngõ hẻm rất hẹp, taxi và xích-lô không thể vào được!

Viễn lắc đầu nhẹ, tỏ vẻ không biết làm sao với lời nói của bà ta. Người đàn ông vừa kéo chiếc xe PC hư hỏng vào lề đường nhìn Viễn, đưa tay chỉ vào một tiệm sửa xe ngay đằng sau đám đông, ông ta đưa ra giải pháp:

-Chú nói cô ta đưa xe vào tiệm của tôi, rồi chú chở cô ta về nhà hay đi bệnh viện chữa trị, vài ngày sau khi khỏi bệnh đến lấy xe thế là tiện nhất.

Viễn mỉm cười với giải pháp quá gọn gàng, hợp lý của ông chủ tiệm sửa xe. Nhờ sự bất hạnh của người khác mà ông ta lại có một khách hàng. Viễn nhìn đồng hồ với một tí ngập ngừng vì đã gần 11 rưỡi khuya. Người đàn bà im lặng ngược mắt nhìn Viễn như áy náy đợi chờ quyết định của anh. Lưỡng lự đôi chút, Viễn nói nhẹ:

-Chị nghĩ sao? Nếu nhà chị không xa và cùng hướng với tôi, tôi sẵn sàng chở chị về nhà.

-Cám ơn anh, nếu không có gì quá đáng, khó khăn, xin phiền đến anh vậy. Nhà tôi cũng trên đường này, ở ngõ hẻm nhỏ gần chỗ đường xe lửa băng ngang.

-Vậy đâu có xa gì, tôi sẽ chở chị đến tận nhà.

Đưa chiếc xe hư hỏng cho ông chủ tiệm sửa xe với vài lời dặn dò, người thiếu phụ có tí chút ngại ngần, ngượng ngáp khi ngồi lên sau yên xe của Viễn.

Sau khi lòn lách qua con đường hẻm chật hẹp theo chỉ dẫn của người đàn bà, Viễn dừng xe trước cái cổng bằng tôn sơn xanh cũ kỹ của căn nhà xây ở cuối hẻm. Nhìn đồng hồ đã gần 12 giờ khuya, Viễn định quay xe ra về, nhưng thấy người đàn bà khập khiễng gần như không đứng vững khi rời khỏi yên xe. Đôi môi bà ta mím chặt tỏ vẻ vẫn còn đau đớn khi cử động đã làm Viễn ái ngại. Anh dựng xe, dìu bà ta đến sát chiếc cổng, đưa tay định bám vào chiếc chuông điện bên cạnh cửa, nhưng bà ta ra dấu ngăn cản, đặt vào tay anh chùm chìa khóa:

-Nhà không có ai, nhờ anh mở khóa hộ, tay tôi còn đau quá!

Hình như nhìn thấy sự ngạc nhiên hiện trên nét mặt của Viễn, tỏ vẻ ngại ngần tí chút, với giọng buồn bã bà ta phân trần:

-Trước đây vài năm, cả gia đình tôi sống ở đây nhưng bây giờ chỉ có một mình tôi mà thôi anh ạ.

Viễn im lặng như chia xẻ cảm giác không vui của người đàn bà, dìu bà ta qua một chiếc sân xi-măng trống trơn trước khi mở cửa căn nhà để vào căn phòng khách rất đơn sơ, gần như trống rỗng chỉ có bộ salon nhỏ bằng da giả màu nâu. Bên cạnh cửa sổ, một chiếc tủ lạnh nhỏ, phía trên để một bình hoa nhỏ với vài bông hoa rữ xuống vì đã héo. Trên bức tường ngăn cách với phòng phía trong nhà, treo một bức tranh sơn thủy, gần bức tranh là 2 tấm ảnh gia đình. Một tấm chụp bà ta bế một đứa bé gái khoảng hai tuổi đứng bên cạnh một cặp vợ chồng đứng tuổi có lẽ là cha mẹ bà ta. Tấm thứ hai chụp đứa con gái đứng giữa bà ta và người chồng mang cấp bậc Thiếu úy trong quân phục.

Viễn dìu bà ta ngồi xuống ghế salon, đưa tay xem đồng hồ, định nói vài câu từ giả ra về, nhưng người đàn bà đưa tay chỉ vào chiếc ghế salon đối diện, nói với anh:

-Cám ơn anh rất nhiều, muộn thì chắc đã muộn rồi, nếu không có gì khó khăn mời anh ngồi chơi, uống nước.

Nói xong, không cần chú ý đến phản ứng của Viễn, bà ta khập khiễng đến mở tủ lạnh lấy 2 hộp nước ngọt mở ra để trên bàn, rồi nói tiếp:

-Một lần nữa cảm ơn anh, nếu không có anh giúp đỡ, không biết tôi sẽ bị phiền phức ra sao nếu tất cả giấy tờ quan trọng bị cướp mất!

Ngần ngừ tí chút, bà ta nói thêm:

-Nhất là những giấy tờ liên quan đến gia đình mà tôi vừa nhận được từ tòa Đô Chính chiều hôm nay!

-Chẳng có gì để chị phải cảm ơn cả, chỉ là ngẫu nhiên gặp trên đường mà thôi. Tuy nhiên từ nay chị nên thận trọng vẫn hơn, không nên treo túi xách quá hở hênh như vậy nhất là vào đêm khuya, vậy về.

Đưa tay chỉ mấy tấm ảnh trên tường, Viễn tò mò hỏi:

-Chắc đây là ảnh gia đình của chị?

Nghe câu hỏi của Viễn, khuôn mặt người đàn bà hình như thoáng buồn. Đôi mắt băng quơ nhìn vào bóng đêm bên ngoài cửa sổ, im lặng giây lát, bà ta kín đáo buông nhẹ tiếng thở dài, với giọng nói chậm chạp buồn chán:

-Vâng đó là chồng con của tôi... Nhưng anh ấy đã mất hơn một năm!

-Xin lỗi chị! Tôi đã vô tình khơi dậy nỗi đau buồn của chị.

Người đàn bà hướng mắt vào Viễn, lắc nhẹ đầu như không chấp nhận sự ân hận của anh. Đôi môi mông thoa nhẹ màu hồng bóng ướt trên khuôn mặt đầy đặn khá xinh xắn hơi lay động như muốn diễn tả nỗi chán chường thất vọng. Bà ta nói rất chậm:

-Không, anh chẳng có lỗi gì cả. Chúng tôi đã ly dị một năm trước khi anh ấy mất!

Viễn chẳng biết nói gì hơn là im lặng đưa mắt nhìn người đàn bà như muốn tôn trọng cái khoảng khắc buồn bã, chán nản trong tâm tư bà ta. Vẫn ánh mắt nhìn sâu vào bóng đêm qua khuôn cửa sổ, bà ta nói tiếp:

-Sự ngộ nhận của tình yêu mang đến cho tôi quyết định vội vã, sai lầm về hôn nhân, để rồi nghịch cảnh dồn dập phủ trùm lên đời tôi từ mấy năm vừa qua!

Lại buông tiếng thở dài chán nản như muốn lột trần cảm giác buồn đau hiện rõ trên khuôn mặt, bà ta chuyển ánh mắt về Viễn, giọng nói rất khẽ:

-Như anh biết, thời gian với cuộc đời người phụ nữ đôi khi không cho phép họ sửa đổi những sai lầm, nhất là khi đã có con! Tất cả đã muộn màng và đầy phiền toái!

Viễn cầm lấy hộp nước đưa lên miệng che giấu sự ngạc nhiên vì lời tâm sự quá vội vàng của người thiếu phụ mới quen. Anh có cảm tưởng tâm tư người đàn bà ngồi trước mặt đang bị dồn nén quá nhiều ảm ức, buồn lo trong cuộc sống. Hôm nay vì bị tai nạn đã kích thích bà ta tìm đến anh như một đối tượng để phơi bày tâm tư, mong đợi nơi anh sự cảm thông về những khắc khoải đang chứa đầy trong lòng bà ta.

Thực, tên người đàn bà, cho anh biết, khoảng 5 năm về trước, khi còn là cô nữ sinh 19 tuổi của một trường trung học ở Sài Gòn. Bố của Thực tàn tật vì một tai nạn, gia đình sống nhờ vào tiệm tạp hóa nghèo nàn được trông coi bởi bà mẹ và vợ chồng người chị gái trong một xóm lao động ở Gia Định. Một lần đi phố Thực quen được Khiêm, Thiếu úy pháo binh. Tình yêu đến với họ vội vàng và cuồng nhiệt như một cơn bão tố, chỉ sau 2 tháng trời, một đám cưới rất đơn sơ đã được tổ chức với vài người bạn cùng đơn vị với Khiêm. Khiêm biết cha mẹ không chấp nhận cuộc hôn nhân cho nên anh đã nói dối gia đình Thực là cha mẹ nghèo, ở miền Trung không có khả năng vào Sài Gòn tổ chức đám cưới rình rang.

Khiêm mua căn nhà nhỏ hiện tại cho tổ uyên ương, được hơn 1 năm sau ngày cưới đứa con gái đầu lòng ra đời cũng là thời điểm gió bão xảy đến. Gia đình Khiêm biết, dùng áp lực bắt anh phải ly dị Thực để kết hôn với một người con gái khác mà gia đình đã lựa chọn. Khiêm vẫn thương yêu vợ con, bứt rứt với áp đặt của cha mẹ, nhưng bản chất yếu đuối, không cương nghị để phản đối, kết quả là cuộc ly dị đã xảy ra và Khiêm có gia đình mới. Cũng trong thời gian lộn xộn đó, ba của Thực mất, mẹ lại bị bệnh, cuộc sống vật chất của gia đình rơi vào thiếu thốn. Thực phải gửi con gái cho mẹ đang sống nhờ vợ chồng người chị để tìm việc làm sinh nhai và giúp đỡ gia đình.

Viễn im lặng ngồi nghe, ngược mắt nhìn khuôn mặt hơi xanh của Thực. Đôi mắt buồn bã của người thiếu phụ vẫn về mơ hồ nhìn qua khung cửa sổ tối đen của đêm khuya, ánh mắt hình như ướt ướt vì nước mắt.

Lắc đầu nhẹ, Thục nói bằng quơ:

-Em đã quá vội vàng quyết định sai lầm Viễn ạ. Sau khi Khiêm bỏ đi, với chằm dứt phũ phàng đó, em mới cảm thấy mình quá dại khờ với tình yêu. Thương hại chính bản thân mình, thương hại đứa con sinh ra trong thiếu thốn tất cả. Em chẳng muốn trách Khiêm đã dối trá lừa đảo em, nhưng em cũng chẳng còn gì để tiếc rẻ con người yếu đuối đó nữa, yếu đuối đến độ tàn nhẫn như thế. Đôi khi em nghĩ tình yêu vội vàng với Khiêm chỉ là cái bông bột ngu ngơ của đứa con gái mới lớn mà thôi.

-Vấn đề của em hiện tại là tìm lại niềm vui. Tình yêu bản ngã, thiếu tính suy của tuổi trẻ đã qua. Hãy đợi chờ một dịp may khác khôn ngoan, suy tính hơn.

Thục đưa bàn tay lên vuốt nhẹ vài lọn tóc lòa xòa trên vàng trán. Hướng về Viễn, ánh mắt vẫn như chứa đựng cảm giác buồn xuôi, chán nản, nặng phân trần với Viễn nhưng tựa hồ như than van với chính mình:

-Thời gian và hoàn cảnh dở dang của em, anh nghĩ còn dịp may để đợi chờ, lựa chọn nữa hay sao?

Chiếc đồng hồ treo tường đánh nhẹ vài tiếng giúp Viễn không phải trả lời mà kéo anh về thực tế:

-Khuya quá rồi, anh phải về, sáng ngày mai anh có 2 giờ trống, không có giờ học, nếu em cần gì anh sẽ đến giúp em.

-Chắc em sẽ nghĩ làm vài ngày, nếu không có gì phiền phức, sáng mai nhờ anh tạt vào tiệm thuốc tây, mua cho em vài viên thuốc kháng sinh để tránh bị nhiễm độc vì đất cát.

✱

Ba tháng đã qua, tình cảm lớn dần theo những lần bên nhau, những khoảng khắc hạnh phúc lứa đôi đầy đủ cho một cặp tình nhân trong thời kỳ thân thiết nhất. Nhưng kỳ lạ, giữa hai người vẫn có cái gì rất mơ hồ xen kẽ. Cả hai vẫn tự dừng lại hay tránh né những câu nói vô tình liên quan đến đời sống riêng tư, gia đình và dự tính tương lai của mỗi tình.

Hiểu biết của Viễn về Thục vẫn chỉ giới hạn trong những điều mà nàng đã tâm sự với anh trong lần gặp mặt đầu tiên. Anh chưa một lần gặp gỡ bất cứ người thân nào của Thục và ngay cả công việc làm của nàng, anh cũng chẳng bao giờ tò mò thắc mắc. Ngược lại Thục cũng chưa bao giờ đặt vấn đề tương lai cho cuộc quen biết, không một lần hỏi han về gia đình cha mẹ hay đời sống riêng tư của Viễn.

Tình yêu của họ dù được diễn tiến trong mù mờ hiểu biết về nhau, nhưng cũng không vì thế mà thiếu đi những lúc gần nhau nồng nàn, cuồng nhiệt. Kỷ niệm với vài lần ra Ô-Cáp tìm về bình yên của tâm hồn khi buổi chiều tối đi bên nhau dọc theo bãi biển, nghe sóng vỗ rì rào trên cát hòa âm với vẻ đẹp lộng lẫy lúc tà dương. Buổi sáng, thật sớm, diu nhau ngồi trên mỏm đá ngắm nhìn những chùm ánh dương quang đồ lửa chui lên từ mặt biển hiền hòa sóng gợn. Những khi thời gian rảnh rỗi quá ngắn ngủi, chỉ vài tiếng đồng hồ vì một lý do nào đó không có giờ học, Viễn lại đến căn nhà ở cạnh đường rầy xe lửa để hưởng thụ hương vị nồng nàn của tình yêu như một cặp vợ chồng mới cưới. Tình yêu của họ diễn tiến đều đặn, ấm nồng như vậy trong ba tháng nhanh chóng trôi qua.

Một buổi chiều, Viễn đang cúi xuống loay hoay mở chiếc khóa chân của chiếc xe trong sân đại học, tiếng nói của Thục vang nhẹ đằng sau đã làm Viễn giật mình:

-Viễn, hôm nay bỏ buổi đến Thư viện được không?

Chẳng để cho Viễn trả lời, Thục nói tiếp:

-Em đến rủ anh đi xi-nê đây! Có một phim rất hay mà người bạn em cho biết hôm nay là ngày chiếu!

-Thế là anh lại phải bỏ học Thư viện tối nay rồi! Nhưng phim gì vậy?

-«Vũ điệu trong bóng mờ», chắc anh biết chứ?

-Anh có nghe phim này rất nổi tiếng, chưa có dịp xem, nhưng đã đọc truyện rồi. Thật ra tên truyện là Waterloo

bridge của Sherwood, nhà soạn kịch của Mỹ, nhờ cuốn truyện này ông đã giải Nobel về văn chương đó.

✱

Đây là một truyện tình lãng mạn, lý tưởng, bi đát của một vị Đại úy tên là Cronin, độ tuổi 26 tuổi trong quân đội Hoàng gia Anh quốc và cô vũ công xinh đẹp Maria của đoàn vũ quốc gia ở London, như sau:

Một buổi sáng mùa thu, năm cuối cùng của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Cronin đang lang thang ở trên cầu Waterloo để chờ ngày mai lên tàu đổ bộ lên đất Pháp, đột nhiên coi báo động máy bay Đức bỏ bom. Trong cuộc chạy vào hầm trú ẩn, Cronin quen biết được Maria. Sắc đẹp và sự nhu mì của Maria đã làm cho Cronin ngây ngất, ngược lại bóng dáng oai hùng của người sĩ quan trẻ cũng chinh phục ước mơ của Maria. Tình yêu của họ đến rất nhanh, vội vàng như tiếng sét dù cả hai đều biết rằng ngày mai phải xa nhau. Trước khi chia tay Maria đã tặng cho Cronin con búp-bê bằng sành, biểu tượng cho sự may mắn và tỏ ý mời Cronin xem buổi trình diễn của nàng ở nhà hát thành phố vào buổi tối.

Dĩ nhiên Cronin đến xem để có thêm một lần nữa gặp lại người yêu và cũng để báo tin cuộc đổ bộ lên đất Pháp được dời lại được 2 ngày. Cronin đã tìm đủ mọi cách qua thủ tục nhà binh trong 2 ngày ngắn ngủi đó để cưới Maria, nhưng vì sự bê trễ của vị Linh mục Tuyên úy, đám cưới đã không thành hình. Lệnh đổ bộ lên Pháp lại bị thay đổi, xảy ra trước một ngày vì vậy hai người đã không kịp gặp mặt nhau trước lúc chia tay, họ chỉ kịp nhìn thấy nhau thoáng qua từ khung cửa sổ của con tàu mang Cronin rời nhà ga London.

Tình yêu vẫn tiếp nối, nồng nàn qua những lá thư đi về giữa chiến trường và hậu phương. Cũng như mọi người trong chiến tranh, Maria bị rơi vào những khó khăn tận cùng của đói khổ. Nàng bị đuổi việc, lại là kẻ cô nhi không gia đình thân thích, Maria và Kitty người bạn gái thân thiết đã phải bán quần áo để sống, nhưng vẫn không giải quyết được lâu. Kitty đã giấu giếm bán thân để kiếm tiền sống cho chính mình và nuôi Maria.

Từ chiến trường bên đất Pháp, Cronin viết thư xếp đặt cho cuộc gặp mặt giữa Maria và bà mẹ (Margaret) tại một nhà hàng ở London. Người mẹ đến chậm vì giao thông cách trở. Trong khi chờ đợi Maria ngẫu nhiên, bàng hoàng đọc được bản tin chiến sự trên một tờ báo viết về cái chết của Cronin. Đứng lúc đó bà mẹ của Cronin xuất hiện với khuôn mặt phác xạ, mừng rỡ gặp được Maria, người con dâu tương lai xinh đẹp của bà ta. Maria biết bà mẹ chưa biết bản tin đau buồn đó, nàng không muốn là người đầu tiên mang đau khổ cho bà ta dù biết rằng trước sau bà ta cũng biết. Maria đã có những câu nói và hành động xoắn sở làm cho bà mẹ của Cronin tức giận bỏ về.

Cũng chính ngày hôm đó, Maria biết được từ lâu nay nàng đã sống nhờ những đồng tiền nhem nhuốc, đầy tình nghĩa hy sinh của Kitty. Sự đau khổ vì tình yêu tuyệt vọng và đời nghèo đã đưa Maria đến quyết định bước vào nghề bán thân nuôi miệng. Rồi chính nơi cây cầu tình ái Waterloo bắc ngang dòng sông Thames thơ mộng của London, nơi kỷ niệm lần gặp gỡ Cronin khởi đầu cho mỗi tình đầu của đời nàng, cũng là nơi Maria bán trinh tiết cho một khách làng chơi để bước vào thân phận một cô gái điếm.

Maria cùng nhiều cô gái bán thân khác hàng ngày với nét mặt mỏi, phần son lem luốc đứng đón khách làng chơi ở trên cầu, nhà ga, dọc theo bờ dòng sông Thames ... là những nơi mà những binh lính Anh trở về từ chiến trường.

Vào một ngày, trong ngẫu nhiên, bàng hoàng Maria nhìn thấy Cronin giữa đoàn người trở về trong bộ quần áo còn bám đầy bụi của chiến trường! Gặp lại nhau trong hoàn cảnh oái oăm đó, Maria đã chết lặng với ân hận và mặc cảm tội lỗi vì tâm thần ô uế của một cô gái điếm! Cronin

ngược lại mừng vui vì nghĩ rằng Maria đã biết ngày về của mình để ra đón!

Trong sự vui mừng tái ngộ đó, Cronin cho biết tin chàng tử trận chỉ là sự lầm lẫn của báo chí. Cronin báo tin về gia đình yêu cầu chuẩn bị tổ chức buổi dạ tiệc vào tối ngày hôm sau ở quê nhà để đón chờ ngày về của chàng và Maria. Lúc đó Maria mới biết Cronin là con trai duy nhất của một gia đình quý phái và thế lực của Anh Quốc, bác ruột của Cronin là Đại tá và cũng Chỉ huy trưởng của chàng.

Buổi dạ tiệc được tổ chức huy hoàng, khách mời là họ hàng và những người chức danh quen biết trong vùng. Mọi người yêu cầu Maria và Cronin khiêu vũ khai mạc. Với sắc đẹp mỹ miều và tài năng của người vũ công Maria đã chinh phục được sự mến yêu của phần đông khán giả, nhưng cũng có những lời chanh chua, ghen tỵ hòa đồng tư cách người vũ công với nghề vũ nữ!

Vị Đại tá vui tính, bác ruột của Cronin rất mến Maria, ông xin khiêu vũ với Maria vì muốn sống lại quá khứ của chính ông đã một lần có người yêu cũng là vũ công. Trong lúc khiêu vũ, Maria đã hỏi về ý nghĩa cảnh hoa màu trắng của huy hiệu Sư đoàn trên cổ vai của ông và Cronin. Vị Đại tá vô tình cho biết ý nghĩa của cảnh hoa nói nên sự trinh bạch, tự hào và trong sáng của những chiến sĩ trong Sư đoàn kể cả cá nhân ông và Cronin! Dù rất bận rộn, nhưng vì tin tưởng ở sự trinh bạch của Maria mà ông đã dành thời gian đến tham dự cuộc dạ vũ này.

Với tình yêu chân thành, nồng nàn của Cronin, với sự phúc hậu đầy lòng thương con của bà mẹ, cũng như lời nói vô tình ngọt ngào, tự hào về dòng họ quý phái, về sự trong sáng của chiến sĩ Hoàng gia từ ông bác Đại tá cùng với những câu nói ghen tỵ chua cay của vài người khách... đã là những vết chêm vào con tim của Maria, khơi dậy mặc cảm tội lỗi trong lòng nàng. Maria cảm thấy con người đơ bản của mình không xứng đáng để chấp nhận tình yêu quá chân thành, ưu ái của Cronin và gia đình.

Buổi tối, sau khi buổi dạ vũ chấm dứt, Maria quyết định rời xa Cronin, nàng đến gặp bà mẹ nói tất cả sự thật về con người xấu xa của mình. Mẹ Cronin bàng hoàng nhưng vì thương con và bản chất bao dung sẵn có, bà cảm thông hoàn cảnh và vẫn chấp nhận Maria làm con dâu của mình. Nhưng sự bao dung thánh thiện đó lại càng làm gia tăng mặc cảm xấu xa của nàng. Cuối cùng Maria đã yêu cầu bà mẹ hứa không cho Cronin biết sự thật rồi ngay đêm đó Maria đã bỏ ra đi không lời từ biệt.

Sáng sớm hôm sau khi Cronin đến phòng tìm Maria, nhưng chỉ thấy một lá thư ngắn gọn từ chối cuộc hôn nhân và lời chào vĩnh biệt! Đọc xong là thư tuyệt mệnh của Maria, Cronin vội vàng lên London tìm gặp Kitty, lúc đó chàng mới biết sự thật cuộc đời đen tối, đáng thương của Maria. Nhưng Cronin đã đến quá muộn khi biết tin từ một cô gái điểm khác bạn của Maria cho biết nàng vừa nhảy vào đoàn xe quân sự trên chiếc cầu Waterloo tự tử, chính là nơi ngày xưa Maria đã gặp Cronin trong tiếng còi báo động. Cronin đến hiện trường, xác Maria vừa được chở đi nhưng trên mặt cầu chàng tìm lại được con búp-bê biểu tượng may mắn của Maria mà Cronin đã trả lại cho nàng ngày hôm trước, lúc gặp nhau bên bờ sông Thames.

Thời gian đã qua 20 năm kể từ ngày Maria chết, Cronin đã là Đại tá, Chỉ huy trưởng của Sư đoàn Hoàng gia, nhưng chàng vẫn độc thân, vẫn nhớ và yêu Maria, người tình bất hạnh đáng thương xa xưa. Hàng năm cứ vào mùa thu, ngày Maria chết, Cronin với bộ quân phục chức vị khác ở bên ngoài nhưng bên trong lại là bộ quân phục Đại úy của ngày xưa, ngày chàng đã gặp Maria ở trên cầu. Cronin vẫn đứng trên thành cầu nơi Maria tự tử cũng là nơi hai người gặp nhau. Chàng cởi chiếc áo bên ngoài để trở về với chiếc lon Đại úy kỷ niệm ngày gặp nhau xa xưa, đôi mắt chàng nhuốm lệ buồn, vuốt ve con búp-bê kỷ vật của tình yêu khởi đầu và cũng là lưu vật của tình yêu vĩnh biệt... Với giọng thì thầm, Cronin nói: «Maria, người anh yêu muôn thuở, em ra

sao bây giờ, anh vẫn nhớ yêu em...» Cronin đã nói với Maria trong hồi tưởng như vậy suốt 20 mùa thu kỷ niệm, chung tình sắt đá của chàng!

Ngồi bên cạnh Thục trong rạp xi-nê, Viễn không thể ngờ được một người đàn bà đã ra đời buồn chán, có chồng con, đã phải chịu những đắng cay của gia đình đổ vỡ như Thục lại có thể khóc thương, đầy xúc cảm gần như suốt hai tiếng đồng hồ của cuốn phim. Dù Thục cố gắng kín đáo nhiều lần đưa tay lau nước mắt, nhưng cũng không thể nào giấu được sự rung động của đôi vai cùng với tiếng sụt xùi nhẹ nhẹ phát ra từ cổ họng.

Cuốn phim chấm dứt, đèn bật sáng, khán giả im lặng xếp đuôi nhau ra khỏi rạp, trên mặt mọi người hình như vẫn còn vương vấn cảm giác buồn của cốt truyện. Viễn đứng dậy kéo nhẹ tay Thục:

-Đi về chứ em?!

Thục uể oải im lặng đứng dậy. Viễn ghé miệng vào sát tai nàng nói rất nhẹ:

-Kiểm chỗ nào ăn tí chút trước khi về nhà, gần 10 giờ rồi.

Bước ra khỏi rạp, dưới ánh sáng mù mờ hơi vàng của đèn đường nhưng Viễn vẫn nhìn thấy quãng đờ hồng quanh đôi mắt của Thục, hàng lông mi hình như vẫn còn đọng lại màn sương của nước mắt. Ái ngại giây lát anh thì thầm:

-Em đa cảm quá Thục ạ, anh không ngờ!

-Tội nghiệp Maria quá! em có cảm tưởng em đã sống trọn vẹn trong suy nghĩ và hành động của cô ta.

Không để cho Viễn đối đáp, Thục lắc nhẹ cánh tay, ngược mắt nhìn anh, nàng nói tiếp:

-Em không muốn về nhà hôm nay Viễn ạ, chúng mình đến một chỗ nào đó yên tĩnh, suốt đêm nay đi Viễn!

Ngồi đối diện với Viễn bên chiếc bàn nhỏ ở góc một quán cà-phê khá vắng vẻ, Thục vẫn chưa xua đuổi hết được cảm giác suy tư buồn bã còn vương trên khuôn mặt sau cuộc xi-nê. Ánh mắt thả lỏng, nhìn băng quơ ra phía ngoài đường, Thục chìm mình vào suy nghĩ, nắm lấy bàn tay Viễn, xoa nhẹ, lưỡng lự tí chút nàng hỏi:

-Viễn anh nghĩ thế nào về Maria trong phim?

Câu hỏi bất chợt của Thục đã làm Viễn giật mình, anh không thể ngờ được cuốn phim vẫn còn lưu lại trong cảm giác nàng lâu như thế:

-Thục, hôm nay em có vẻ khác lạ!

-Không, anh trả lời đi! anh nghĩ sao về Maria?

-Một người đàn bà rất đẹp, đáng thương!

-Không phải thế! em muốn hỏi anh về thái độ của Maria khi nói sự thực của đời cô ta cho mẹ của Cronin biết.

-Cô ta hơi đại khờ khi nói sự thực. Có lẽ nên giấu đi vẫn hơn!

-Anh làm rồi Viễn ạ. Anh tưởng rằng sẽ giấu được mãi mãi hay sao? Hơn nữa giấu giếm có còn là tình yêu tuyệt đối của cô ta nữa hay không?

-Nhưng ít nhất cũng chưa nên nói thực vào ngay hôm dạ tiệc đó!

Ngước mắt nhìn Viễn, Thục buông tiếng thở dài, rồi chậm rãi nói:

-Anh chẳng hiểu gì về tâm lý! Vấn đề không phải là nói sự thật vào lúc nào, sớm hay muộn mà là sự ăn năn, mặc cảm tội lỗi, cảm giác nhơ nhuốc của mình không xứng đáng với tình yêu thánh thiện quá chân thành của Cronin, cũng như với bao dung, đạo đức, thương yêu con của người mẹ, kèm theo danh giá cao sang của gia đình Cronin... Tất cả những cái đó mới quan trọng, mới là yếu tố mà Maria phải rời xa, tìm đến chữ vĩnh biệt người mình yêu.

Ngừng lại tí chút như để suy nghĩ thêm nàng tiếp:

-Quyết định của Maria có thể quá bi đát, nhưng theo em chẳng còn con đường nào khác để chọn lựa tốt đẹp, xứng đáng hơn cho mối tình tuyệt vời, thánh thiện của họ.

-Có lẽ em hiểu sâu xa về tâm lý hơn anh, đúng như thế, vấn đề không đơn giản với chữ nói thực hay giấu giếm!

Thực không chú ý đến lời khen của Viễn, nằng lay nhẹ bàn tay Viễn:

-Anh nghĩ sao về bà Margaret, mẹ của Cronin?

-Một bà mẹ hiếm có trong đời, đầy nhân đức!

Thực ngước mắt lên nhìn thẳng vào mặt Viễn, với giọng nói rất nhẹ và chậm rãi:

-Nếu là cha mẹ anh thì sao, Viễn?

Viễn cau mày tỏ vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi kỳ lạ của Thực, anh hỏi lại nằng với tí miễn cưỡng bực mình:

-Tại sao em lại hỏi và đặt anh vào tình trạng như vậy? Em kỳ cục quá!

-Không, em muốn anh trả lời cho em biết, Viễn ạ.

Đưa tay lên vuốt cằm ra chiều suy nghĩ rồi lắc đầu nhẹ, Viễn ngập ngừng nói:

-Anh nghĩ, cha mẹ anh rất khó có được thái độ bao dung như bà mẹ của Cronin, nếu không muốn nói là phản đối rất mạnh.

-Đúng như vậy, em cũng nghĩ như thế. Những khắt khe của xã hội đầy thành kiến Đông Phương chẳng bao giờ có được cái nhìn phóng khoáng như vậy.

Nói xong, Thực âu yếm đưa tay lên vuốt nhẹ khuôn mặt Viễn, cặp mắt mơ hồ, khó hiểu, rồi buồn bã im lặng nhìn Viễn một tí chút với giọng nói như hơi thở:

-Viễn, anh nghĩ sao về tương lai của chúng mình? Anh đã biết thêm gì về em, ngoài những điều mà em đã tâm sự với anh ngày đầu tiên chúng ta quen nhau?

Câu hỏi đã làm Viễn giật mình, kéo anh về với thực tế mà suốt 3 tháng vừa qua, anh đã vô tình hay vì ngụp lặn với những xúc cảm của cuộc tình đến với anh không hề trong tính toán. Ngập ngừng Viễn trả lời:

-Anh hoàn toàn không nghĩ đến vấn đề này Thực ạ! Đòi lúc anh cũng có vài thắc mắc thoáng qua về em, nhưng rồi anh nghĩ, thời gian còn nhiều, anh sẽ biết tất cả mà thôi.

-Em cũng thế, em chẳng muốn thắc mắc về anh, về gia đình anh... nhưng khác với anh, em cho rằng sự quen biết của chúng mình chỉ tạm bợ, thời gian sẽ mang đến ngày mà chúng ta phải xa nhau.

Im lặng một tí, hình như mang nhiều đắn đo, Thực nói tiếp:

-Anh Viễn, em có nhiều điều muốn nói với anh, nhưng biết bao nhiêu lần vật đã làm em lưỡng lự. Hôm nay em phải nói thật với anh một điều, đó là chỉ còn hai ngày nữa em phải xa anh!

Viễn bóp nhẹ bàn tay Thực, dáng điệu ngần ngại vì diễn tiến quá mau, ra khỏi tưởng tượng của mình, chậm rãi nhưng buồn bã anh hỏi:

-Em có nghĩ rằng quyết định đó quá vội vã không?

-Không, Viễn ạ! Em đã giấu anh cả tháng nay rồi. Em đã có ý định im lặng rời xa anh, nhưng hôm nay khi coi cuốn phim, em cảm thấy phải nói với anh tất cả sự thật về em trước khi xa anh. Ít ra làm như vậy, em đỡ được phần nào áy náy để xa anh và anh có lý do để hiểu tình yêu của chúng ta chỉ là tạm bợ, thoáng qua. Hôm nay phải là ngày chúng ta xa nhau.

Viễn không nói gì, Thực buồn bã nhìn Viễn, nằng hỏi:

-Anh có biết em làm nghề gì không?

-Không. Hoàn toàn không.

-Viễn, anh có muốn biết không? đủ can đảm để biết không?

Viễn thẫn thờ đưa mắt nhìn Thực, anh có linh cảm sự thực đang đến là những ngạc nhiên ra ngoài suy đoán của mình.

-Em là một cô gái bán bar, hoàn cảnh túng thiếu, chán nản với nghịch cảnh trong đời sống đã đưa em vào cái nghề nghiệp không mấy tốt đẹp này từ hơn 1 năm qua.

Buồng tiếng thở dài buồn bã Thực phân trần tiếp:

-Anh thấy đó với cái thân phận như em, trong xã hội, con người VN đầy rẫy thành kiến này, đâu có chỗ nào yên

ổn, dù rất nhỏ cho em. Một người đàn bà đã có chồng con, ly dị, nhà nghèo phải làm cái nghề hạ tiện để kiếm sống

Giọng nói trở nên cứng mạnh hơn, nằng tiếp:

-Em phải tìm cách rời xa xã hội và con người này Viễn ạ. Em phải tìm đến xã hội khác với bất cứ dạng thức, phương tiện nào. Em đánh đổi tất cả, dù phải xa anh, người mà em biết chắc chắn nếu không cứng mạnh rời xa, em sẽ bị nhận chìm vào tình yêu để rồi lại chước lấy khổ đau vì tuyệt vọng. Em sẽ đến một nơi, nơi đó quá khứ của em sẽ được tẩy rửa. Cuộc đời em sẽ được khởi đầu trong bầu không khí mới. Ngày một mẹ con em sẽ ra Đà Nẵng với một người đàn ông, quân nhân Mỹ, em cũng chỉ mới quen anh ta, không có gì để gọi là tình yêu nhưng em vẫn làm thủ tục theo ông ta về Mỹ.

Viễn vẫn im lặng, anh hiểu rõ chọn lựa của Thực là một giải quyết có vẻ táo bạo mù mờ nhưng vẫn có phần rất hợp lý cho đời nằng. Tình yêu với anh chỉ là con đường cụt, đầy rẫy những phiền buồn, rắc rối mà thôi.

Thực nói tiếp:

-Em nghĩ rằng với Khiêm ngày xưa, tình yêu chỉ là ngộ nhận, vội vàng đã đem em đến với nghịch cảnh. Với anh, tình yêu đang lớn dần trong tim em, nhưng không cho phép em mù lòa nữa Viễn ạ. Âm thanh của con tim đôi khi cần phải được trấn áp bởi lý trí, khôn ngoan.

-Em không hoãn lại một thời gian nữa hay sao?

-Không thể làm khác được Viễn ạ. Dịp may rất thường lổi điếu với thời gian, em không muốn chậm trễ. Hơn nữa xa nhau hôm nay hay ngày mai hay tuần tới cũng thế mà thôi.

Thực vuốt nhẹ bàn tay Viễn, đưa lên miệng mình, hôn nhẹ rồi áp sát vào đôi vành môi trong khoảng khắc như không muốn mất đi những âm điệu yêu đương mà nằng tưởng rằng nó đã đi vào dĩ vãng từ ngày gẫy đổ trước.

Khoảng một tuần lễ sau, buổi sáng trên đường đến đại học, Viễn tạt vào con hẻm bên đường rầy xe lửa. Anh muốn nhìn lại căn nhà của Thực, người thiếu phụ đã đến với đời anh bằng những cảm giác ấm nồng của cuộc tình thoáng qua, nhưng lại êm ả, nhẹ nhàng ra đi để lại trong lòng và ký ức anh những dấu tích kỷ niệm khó quên.

Con hẻm chẳng có gì khác lạ, vẫn những khúc quanh chật hẹp, làm Viễn nhớ đến cảm giác ấm mềm của thân thể của Thực ngồi đằng sau yên chiếc xe. Vô tình hay cố ý nằng âu yếm ôm chặt lấy anh, ép sát mặt vào lưng anh để giữ cân bằng. Vài nhánh cây lòa xòa bên cạnh chiếc cổng như đồng lõa với đêm khuya, vắng vẻ để hai người có dịp cho nhau nụ hôn phút nhẹ lúc già từ... Tất cả vẫn còn đó, nhưng đã có tí gì khác lạ, chiếc cổng bằng tôn đã được gò nắn, sơn lại với màu sắc khác. Nhìn qua hàng rào, chiếc sân không còn bề bộn với vài chậu cảnh như trước nữa mà có vài chiếc ghế trẻ con cùng với tiếng ồn ào chơi đùa của mấy đứa bé... Một gia đình đứng tĩnh lặng với con thơ và cha mẹ đã được thay thế cuộc sống tĩnh lặng của Thực, người tình thoáng qua của anh đã rời xa.

Hơn một năm sau, Viễn hoàn tất việc học rồi đi làm cho một cơ quan của chính phủ ở ngoại ô Sài Gòn, nhưng chưa được một năm thì cuộc chiến tranh chấm dứt. Gia đình Viễn cũng như mọi người của miền Nam đất nước đều bị ít nhiều ảnh hưởng của lần đổi thay to lớn đó. Cuối năm 1978 nhờ sự bảo lãnh của người em ruột đi học ở Pháp trước 1975, gia đình Viễn được sang Pháp định cư.

Khi đến Pháp, qua sự mai mối của chú ruột, Viễn kết hôn với Trang, một phụ nữ tỵ nạn ở Pháp. Dù tình yêu đến sau hôn nhân nhưng Viễn vẫn có một gia đình hạnh phúc. Hai đứa con trai của vợ chồng anh lớn dần, ngoan ngoãn và tài năng vượt xa mức trung bình trong xã hội đã là tấm gương soi và ước mơ thêm muốn của rất nhiều người đồng hương trên đất Pháp. Hạnh phúc gia đình, thành công của con cái là những âm thanh tạ tội nguyện của vợ chồng Viễn.

Một buổi chiều vừa về đến nhà, Viễn đã ngỡ ngàng khi nhận được lá thư của Thục từ Mỹ gửi sang. Lá thư đầu tiên sau hơn 20 năm im vắng dù có tí chút dò la tình cảm nhưng vẫn tiềm tàng âm thanh kín đáo của nhớ thương kỷ niệm xa xưa đã gây cho Viễn nhiều xúc động. Hình ảnh Thục, người đàn bà thoáng qua đời anh hơn 20 năm về trước lại hiện về, khơi dậy cảm giác ấm nồng của mối tình vội đến rồi nhanh chóng ra đi. Kỷ niệm của 3 tháng yêu đương ngắn ngủi ngày đó lại trở về trong trí nhớ và tưởng tượng làm cho Viễn mang khá nhiều xúc cảm khó nói.

Lá thư cho biết ngay sau khi cuộc chiến chấm dứt, Thục đã có ý dò hỏi tin tức về Viễn từ những đoàn người tỵ nạn đến Mỹ nhưng không thành công. Gần đây, một gia đình người bạn của Thục có dịp đến Âu Châu dự đám cưới, ngẫu nhiên họ quen biết Viễn, nhờ vậy Thục có địa chỉ của Viễn.

Sau khi theo chồng trở về Mỹ được vài năm, chồng của nàng giải ngũ rồi đi học trở lại lấy xong bằng cấp. Hai vợ chồng mở một văn phòng buôn bán về địa ốc rất thành công. Nhưng không lâu người chồng bị chết vì tai nạn giao thông để lại cho nàng hai đứa con và cơ sở thương mại đang phát triển rất tốt đẹp. Thục đương nhiên thay chồng làm giám đốc, điều hành cho đến ngày nay.

Dù có tí ngại ngần vì thời gian xa cách đã lâu và hoàn cảnh đã đổi khác, hạnh phúc gia đình, con cái đang diễn tiến tốt đẹp nhưng Viễn cũng không thể nào cưỡng lại được cảm giác vương vấn, lưỡng lự muốn gặp lại cố nhân. Những lá thư, những cú điện thoại kín đáo là nhịp cầu nối kết, khơi dậy mối tình xa xưa. Thục muốn sang Âu châu thăm anh, nhưng Viễn đã tìm cách chối từ vì nghĩ đến gia đình vợ con và nhất là không muốn phá vỡ những kỷ niệm đẹp của mối tình đã qua. Thục lại ngỡ ý sẵn sàng đón tiếp Viễn nếu anh sang Mỹ. Hiện trạng của nàng chẳng có gì để giấu giếm, luật pháp và đạo đức xã hội cũng chẳng có gì gò bó một góa phụ hoàn toàn tự do như nàng... Nhưng ngại ngần vẫn làm cho Viễn tìm cách tránh né. Đôi khi anh có linh cảm cuộc tái ngộ sẽ chẳng phải là giải pháp tốt mà còn gây ra những xáo động không hay cho cả Viễn và Thục. Anh tự bảo, hãy đứng xa nhìn về nhau với những mơ hồ đẹp đẽ hơn là đến gần để phải nhận lấy những thất vọng, không vui.

Nhưng cũng chỉ là tính suy, khôn ngoan của lý trí mà thôi. Tình yêu vẫn có tiếng nói riêng biệt, thúc đẩy người ta tìm đến nhau khi trong lòng còn tiềm tàng cảm giác yêu đương? Viễn cũng thế, dù trong suy nghĩ vẫn có nhiều nghi ngờ cho lần tái ngộ nhưng làm sao tránh được khi anh có dịp đi công tác ở Mỹ. Viễn kéo dài hơn thời gian ở Mỹ, dành riêng 3 ngày cuối cùng để gặp lại Thục.

Khi vừa ra khỏi phi trường, Viễn đã nhận ngay ra Thục từ xa, đang mỉm cười sung sướng chờ đón anh. Hình ảnh đầu tiên đập vào nhãn quan của Viễn là Thục vẫn còn trẻ dù đã ở tuổi mấp mé 50. Thời gian hơn 20 năm qua hình như không đủ mài giũa nét đẹp của nàng như Viễn tưởng tượng. Thục vẫn đẹp, cái đẹp sang trọng, hấp dẫn mập mờ với những đường nét khỏe mạnh lồ lộ của bóng dáng Tây phương. Mái tóc hơi nâu buồng xoàng bờ vai làm nổi lên khuôn mặt đều đặn được điểm trang nhẹ nhàng khôn khéo của người biết rất kỹ về nghệ thuật làm đẹp. Thục hiện ra trước mặt Viễn dưới nét đẹp quý phái đầy hấp dẫn. Dáng điệu và ánh mắt vững chãi, đã cho nàng nét tự tin pha ít nhiều cao ngạo của một người đang quản trị một cơ sở thương mại. Thục hiện ra hoàn toàn khác với Thục của mơ mộng, mặc cảm thua kém hơn 20 năm về trước.

Viễn ngỡ ngàng nhìn Thục, trí nhớ chợt kéo anh về với Thục của xa xưa, đôi mắt thất thần trong lần bị cướp xách tay giữa đêm khuya. Thục ngày đó với ánh mắt rất buồn, buồng lơ vào màn đêm qua khung cửa như ngấm nhìn vào nỗi cô tịch của lòng mình với những ước mơ được yên bình

cho tâm thức trong ngày đầu tiên gặp anh. Thục của cảm xúc dâng trào, run run đôi bờ vai với tiếng nấc tắc nghẹn trong cổ, ngồi bên anh trong rạp xi-nê, khóc thương cho nhân vật Maria trong phim tình cảm lý tưởng... Tất cả bóng dáng Thục của hơn 20 năm xa xưa đã biến mất để hiện hữu Thục của vững chãi, thành công trên thương trường đang đứng chờ đón anh với nụ cười rạng rỡ tự tin!

**

Ba ngày qua đi thật mau, ngồi đối diện với Thục trong một nhà hàng sang trọng của phi trường, Viễn mang khá nhiều cảm giác mâu thuẫn trước lúc chia tay. Viễn để mắt nhìn xuyên qua khung cửa kính, xa xa ánh mặt trời của buổi chiều tà chiếu rọi xuống phi đạo, phản xạ lấp lánh lên bầu trời. Anh hồi tưởng lại quá khứ với những kỷ niệm xa xưa của hơn 20 năm về trước với Thục, người đàn bà đã có lần ghi đậm nhiều cảm xúc trong tim của mình. Rồi Viễn so sánh với những giây phút cuồng nhiệt của thể xác trong ba ngày tái ngộ vừa qua với Thục, người thiếu phụ giàu có tự tin hiện tại. Viễn chợt tìm được một cái gì rất khác biệt khó hiểu trong tâm thức của mình, cái khác biệt mờ mờ đó làm cho Viễn có cảm giác đã sai lầm khi quyết định gặp lại Thục.

Buồng tiếng thờ dài, đưa mắt nhìn Thục, Viễn nói nhẹ:

-Có lẽ chúng ta không nên gặp lại nhau nữa, Thục ạ.

-Vì sao? Sắc đẹp hay cá tính của em đã làm anh thất vọng?

-Không, hoàn toàn không! Em đẹp hơn xưa, hấp dẫn anh hơn xưa, hơn rất nhiều so với sự tưởng đoán, mong đợi của anh.

Ngắn ngủi tí chút Viễn nói tiếp:

-Nhưng em đã là con người khác, khác với Thục, hình ảnh mà anh ghi đậm trong ký ức của anh hơn 20 năm xa xưa. Anh muốn hình ảnh Thục xa xưa không đổi thay để đời anh nếu có những giây phút hồi tưởng về quá khứ, nó sẽ là những hoài niệm đẹp đẽ của riêng anh.

-Nhưng em cảm thấy chính em không có gì khác lạ mà, ít nhất em vẫn còn muốn gặp lại anh. Với anh, ba ngày vừa qua em vẫn tìm thấy ngày xưa nhiều mơ mộng và ước muốn của em.

-Thục ơi, có thể em đang sai lệch khi nhìn về anh đó. Ba ngày vừa qua làm sao đủ để nói đúng thực về tình yêu còn hay mất của hơn 20 năm về trước được?! Ví dù em vẫn tìm thấy nơi anh những điểm nào đó còn lại của ngày xưa để yêu anh, thì lại càng đáng cho chúng ta xa nhau, vì đó mới là cái đẹp đẽ đáng trân trọng, theo anh, em nên gìn giữ nó trong ký ức của em.

Thục im lặng, như có vẻ suy nghĩ. Viễn nói tiếp:

-Anh không muốn khám phá về em, Thục của hiện tại, bởi vì hoàn cảnh và tuổi tác của anh bây giờ đã khác. Nhưng anh lại muốn gìn giữ bóng dáng của em trong trí nhớ anh, Thục trong quá khứ, Thục của 3 tháng yêu nhau hơn 20 năm về trước. Anh muốn nó mãi mãi còn trong hồi tưởng và hoài niệm của anh.

Chẳng để cho Thục trả lời, Viễn nắm tay nàng đứng dậy, chậm rãi hai người đi đến khu vực cách ngăn của hành khách và người tiễn đưa. Thục đưa đôi tay choàng qua cổ Viễn, âu yếm kéo sát anh sát vào thân mình, đặt nụ hôn nóng bỏng trên môi anh trước ánh mắt tò mò của người kiểm soát hành khách. Viễn ngượng ngập vội vàng bước nhanh qua ngưỡng kiểm soát. Quay đầu nhìn lại Viễn vẫn thấy Thục ngỡ ngàng đứng trông theo. Đôi mắt thật buồn nhìn theo Viễn, bàn tay để nhẹ trên bờ môi như muốn giữ lại mùi vị ngọt ngào của nụ hôn cuối cùng mà nàng vừa gửi cho Viễn.

(Suisse, mùa xuân 2005)

Hiếu Thảo



● Đặng Đình Hùng

Tiếp theo VG 148)

*Đã sanh làm phận nữ nhân,
Nữ sanh ngoại tộc bỏ phần mẹ cha.*

Lúc còn nhỏ thì người con gái sống với cha mẹ ruột, tùy thuộc vào cha mẹ mình. Nhưng đến khi lớn lên, cha mẹ gả lấy chồng thì phải theo về sống với gia đình bên chồng, phải tùy thuộc vào lễ giáo của gia đình bên chồng. Muốn về thăm cha mẹ ruột phải xin phép gia đình bên chồng, lúc cha mẹ ruột chết, muốn về để tang, cũng phải xin phép gia đình bên chồng. Đến khi chồng chết thì phải sống với con. Sau này khi chết, sẽ do gia đình bên chồng lo việc chôn cất: "Tại gia tòng phu, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử".

*Ai kêu ai hú bên sông,
Mẹ kêu con dạ, thưởng chồng phải theo.*

*Ai về nhắn với mẹ cha,
Chồng tôi nay đã giao hòa cùng tôi.*

*Bậu để chế cho ai mà tóc mai rành rạnh,
Để chế mẹ chồng vậy hiếu hạnh bậu đâu ?*

Để chế: Để tang cho người chết.

Bậu: Em; tiếng người chồng gọi người vợ, tiếng người con trai gọi người con gái, em bạn.

*Có chồng thì phải theo chồng,
Đắng cay cũng chịu, mặn nồng cũng cam.*

*Có chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hàng rấn hàng rờng cũng theo.*

*Con ông Đô đốc, Quận công,
Lấy chồng cũng phải kêu chồng bằng anh.*

Đô Đốc: Chức của quan võ ngày xưa; chỉ huy một đạo binh lớn và cai trị một khu vực gồm nhiều tỉnh.

Quận Công: Một chức tước công ngày xưa không cao lắm, trên tước hầu và dưới quốc công.

*Con quốc kêu khắc khoải mùa hè,
Làm thân con gái phải nghe lời chồng.*

Sách có chữ rằng: "Phu xướng phụ tùy"

Làm thân con gái lấy chồng xuất gia.

Lấy em về thờ mẹ kính cha,

Thờ cha kính mẹ ấy là người ngoan.

Con quốc: Còn gọi là con Cuốc hay con Quác; tiếng kêu và cũng là tên của một giống chim, vào mùa hè bỏ vùng rừng núi xuống đồng ruộng kiếm ăn.

Phu xướng phụ tùy: (Thành ngữ) có nghĩa là chồng bảo gì vợ cũng phải nghe theo.

Con vua lấy thằng bán than,

Nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo.

Ghe bầu trở lái về Đông,

Làm thân con gái thờ chồng nuôi con.

Ghe bầu: Loại ghe dùng để chuyên chở hàng hóa trên sông; mạng ghe cao, mũi và lái ghe hơi bầu tròn.

Lạy cha ba lạy một quỳ,

Lạy mẹ bốn lạy con đi lấy chồng.

Lấy chi trả thảo cho cha,

Đền ơn cho mẹ con ra lấy chồng.

Lấy chồng thì phải theo chồng,

Thôi đừng theo thói cha ông nhà mình.

Mẹ cha bú mớm nâng niu,

Tội trời thì chịu chẳng yếu bằng chồng.

Mẹ già là mẹ già anh,

Em vô bảo dưỡng cá canh cho thưởng.

Mồ hôi gió đượm,

Thiếp thưởng chồng thiếp phải chạy theo.

Con ỏi, mẹ dất leo dèo,

Chim kêu bên nọ, vượn trèo bên kia.

Rượu lú ly chân qui tay rót,

Cha mẹ uống rồi dôi gót theo anh.

Lú ly: Cành xa nhà, xa cách.

Tay mang khăn gói sang sông,

Mẹ kêu lạy mẹ thưởng chồng phải theo.

Tam tòng sách hãy còn ghi,

Bé nường cha mẹ, lớn thì theo anh.

Tam tòng: Hay còn gọi là Tam tòng; ba giếng mối mà người phụ nữ sống trong xã hội theo luân lý của Khổng giáo phải tùy thuộc :

- Tại gia tòng phụ: Khi người con gái chưa có chồng, thì phải tùy thuộc theo cha.

- Xuất giá tòng phu: Khi người đàn bà có chồng thì phải tùy thuộc theo chồng.

- Phu tử tòng tử: Khi chồng chết thì người quả phụ phải tùy thuộc vào con.

Thuyền bồng trở lái về Đông,

*Con đi theo chồng để mẹ cho ai ?
Mẹ già đã có con trai,
Con là phận gái dám sai chủ tòng.
Đã thề nước thẳm non xanh,
Theo nhau cho trọn tử sanh cũng đành.
Trời cao bể rộng mộng mênh,
Ở sao cho trọn tấm tình phu thê.
Trót đà ngọc ước vàng thề,
Dấu rằng cách trở sơn khê cũng lều.*

*Trước lạy cha sau lạy má,
Con đã có chồng xuất giá tòng phu.
Vai mang khăn gói qua sông,
Mẹ kêu con dạ, thưởng chồng phải theo.*

*Vai mang khăn gói qua sông,
Mẹ thưởng mặc mẹ, thưởng chồng phải theo.*

Làm thân con gái, khi về làm dâu ở nhà chồng, ngoài bốn phận làm người vợ hiền phải thờ chồng, làm dâu phải gánh vác mọi công việc ở nhà chồng, lại còn có thêm bốn phận: sanh đẻ con cái để nối dõi cho dòng họ bên chồng.

Vì muốn cho tròn chữ hiếu với đấng sinh thành, mà người con gái phải vâng lời cha mẹ, làm vợ của một người chồng do cha mẹ mình tự lựa chọn và tự quyết định lấy. Cũng vì muốn cho tròn chữ hiếu với đấng sinh thành, mà người con gái phải chịu về làm dâu cho một gia đình xa lạ, phải chịu sự hà khắc của những người trong gia đình bên chồng và nhất là phải chịu sự hành hạ của bà mẹ chồng:

*Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,
Đêm nằm mơ tưởng nghĩ ông láng giềng.*

*Năm nay em phải lấy chồng,
Không vui thì cũng bằng lòng mẹ cha.*

Vào cuối thập niên 60, đoàn kịch Kim Cương có diễn một tuồng kịch mang tựa đề là "Lá Sầu Riêng", được chiếu trên màn ảnh đài truyền hình của Việt Nam Cộng Hòa, đã làm rơi lệ hàng triệu khán giả. Tuy là nội dung của vở kịch được soạn phỏng theo tác phẩm "Đoạn Tuyệt" của Nhất Linh, nhưng nó đã lột trần được cái thảm trạng của xã hội ngày xưa: "Mẹ chồng nàng dâu"! Đáng tiếc, sau này đã đã bị Cộng Sản Việt Nam dùng để tuyên truyền chống lại chế độ phong kiến.

Từ xưa đến nay, ở xã hội chúng ta, có bao giờ mẹ chồng lại thương nàng dâu hay không? Có thể là có, nhưng đó chỉ là thiểu số nhỏ đủ đếm trên đầu ngón tay. Những sự hà khắc, xích mích giữa mẹ chồng và nàng dâu đã được lưu truyền từ thời xưa cho đến thời nay mà cũng vẫn chưa chấm dứt.

Có lẽ nhờ vào sự văn minh và tiến bộ của nhân loại ngày nay, sau khi con cái được cưới gả xong, có nhiều bậc làm cha mẹ thường để cho con cái tách ra sống riêng, có lẽ vì thế nên ít xảy ra những sự gây cản giữa mẹ chồng và nàng dâu. Tuy nhiên cũng còn thiểu số ở các vùng thôn quê, họ vẫn còn giữ những tục lệ xưa, nên người con gái vẫn còn phải làm dâu, nhưng các bà mẹ chồng ngày nay không đối xử đến nỗi tàn nhẫn như những bà mẹ chồng ngày xưa.

Ở vào xã hội xưa, khi người con gái có chồng, họ không có sự lựa chọn nào khác hơn là phải sống chung với gia

đình bên chồng và phải biết bốn phận làm dâu. Từ bà mẹ chồng, rồi đến anh chị em ruột của chồng, tìm mọi cách hà hiếp nàng dâu. Mẹ chồng thì lại thương con gái nhiều hơn là thương con dâu, sau này cũng phải gả chồng cho con gái, rồi khi đưa con gái về làm dâu, cũng bị gia đình bên chồng hà hiếp lại. Nàng dâu sau này có con, cưới vợ cho con, lại cũng theo thói của mẹ chồng ngày xưa, hà hiếp lại nàng dâu...

*Con gái là con người ta,
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.*

*Trời mưa ướm lá dài bi,
Con mẹ mẹ xót, xót gì con dâu.*

*Thưởng chồng phải lụy cùng chồng,
Đáng cay phải chịu mặn nồng phải cam.*

Phải chăng đó chỉ là cái vòng lẩn quẩn mà cổ nhân của chúng ta chỉ biết tạo ra rồi tự đâm đầu vào, mà không muốn tìm lối để giải thoát? Nhờ học hỏi được nhiều nơi sự tiến bộ của khoa học thời nay, nên chúng ta đã biết phân biệt được những điều hay cần giữ và đã loại bỏ dần những sự không còn được thích hợp với thời nay nữa.

Nhưng chúng ta cũng cần phải suy nghĩ lại, nền luân lý của xã hội vào thời đó, có lẽ đã thích hợp với cổ nhân, nên ông bà chúng ta đã chung sống với nhau được cho đến ngày răng long đầu bạc, con cháu đầy nhà và từ đó mới có chúng ta ngày hôm nay. Ngoài ra các cô gái ngày xưa đâu có chuyện vợ chồng ly dị để chia tài sản như ngày nay. Ngày xưa các cô gái thất tình vào chùa đi tu, chứ đâu đến nỗi dùng độc dược hay nhảy xuống sông cầu Bình Lợi để tử như thời nay.

Ngày xưa, trong khi sống với chồng và gia đình bên chồng, người chồng có quyền thối vợ và đuổi trả vợ về với cha mẹ ruột, nếu như người vợ phạm một trong bảy lỗi sau đây:

1. Vô sinh: hay còn gọi là hiếm muộn, tức không sanh đẻ được để có con nối dõi cho gia đình bên chồng.
2. Dâm loạn: mặc dầu có chồng rồi mà vẫn còn lẳng chạ với trai.
3. Bất hiếu với cha mẹ chồng.
4. Gây ra sự bất hòa với anh chị em hoặc bà con thuộc gia đình bên chồng.
5. Tham lam.
6. Ghen chồng quá mức.
7. Bệnh hoạn: mang bệnh gia truyền hay nan y.

Nhưng có thể được người chồng hay gia đình bên chồng châm chế cho ở lại, nếu như người vợ thuộc vào một trong ba trường hợp sau đây:

1. Trong thời gian làm dâu đã có chịu đại tang cho gia đình bên chồng.
2. Hạp tuổi tác: kể từ khi về làm dâu, người chồng hoặc gia đình bên chồng gặp nhiều may mắn và làm ăn phát đạt.
3. Trường hợp phía bên gia đình không còn có ai để nương tựa.

Đó là những khát khe của nền tảng luân lý Á Đông ngày xưa, mà thân phận nữ nhi phải cam chịu: "Con gái mười hai bến nước, Bến đục thì chịu bến trong thì nhờ"

Anh đừng chê thiếp xấu xa,

Bởi chung bố mẹ sinh ra thế này.

Anh về hái đậu trẩy cà,
Để em đi chợ kéo mà lỏ phiên.
Chợ lỏ phiên tốn công thiệt của,
Miệng tiếng người cười rõ sao nên.
Lấy chồng phải gánh giang sơn,
Chợ phiên còn lỏ giang sơn còn gì ?
Trẩy cà: Hái cà.

Chợ phiên: Chợ nhóm theo những lúc và từng kỳ có định trước.

Bình phong cần ốc xà cừ,
Vợ hủ để vợ dùng tử mẹ cha.
Cô kia đội áo đi dâu,
Tôi là phận gái làm dâu mỗi về.
Mẹ chồng ác nghiệt quá ghê,
Tôi chẳng ở được, tôi về nhà tôi.

Con gái mỗi về nhà chồng,
Thối nời cơm đồng nửa sống nửa khê.

Con mụ có thưởng mụ dâu,
Để cho chàng rể nàng dâu thưởng cùng.

Của rẻ thật là của hôi,
Lấy phải dâu đại khốn tôi trăm đường.
Của hôi: Đồ vật bị hư thối; ý nói vật rẻ tiền: "Của rẻ của hôi, tôi rẻ tôi trốn, vợ rẻ vợ lộn".

Chồng dữ thì em mỗi lo,
Mẹ chồng mà dữ giết bò ăn khao.
Hay là :
Chồng dữ thì em mỗi sầu,
Mẹ chồng mà dữ giết trâu ăn mừng.
Ăn khao: Bày tiệc ăn mừng

Dâu hiền là báu trong nhà,
Khác nào như gấm thêu hoa rõ ràng.

Đường trường cách trở nước non,
Mẹ già đầu bạc thiệp còn xuân xanh.
Giang sơn thiệp gánh một mình,
Có hay chàng tỏ tâm tình thiệp chẳng ?

Khoan khoan khoát khoát biểu đưng,
Tuổi em còn nhỏ chúa từng làm dâu.
Làm dâu khó lắm chị ỏi,
Vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám than.

Làm dâu khó lắm cô ỏi,
Cho ăn cơm sống chồng thôi cũng vừa.

Làm dâu vụng nấu vụng kho,
Chồng không bắt bẻ, mụ o nhún trề.

Mụ o: (Mụ: bà; O: cô, tiếng địa phương của người miền Trung). Theo như câu ca dao trên muốn ám chỉ đến chị em của chồng.

Mẹ anh như mẹ người ta,
Thì anh đã có cửa nhà từ lâu.
(Thì anh có cửa có nhà từ lâu).

Một trăm ông chú không lo,
Lo vì một nỗi mụ o nở mồm.
(Chỉ lo một nỗi mụ o nở mồm).
Nở mồm : Nhiều chuyện, lắm chuyện.

Mụ gia năm bảy mụ gia,
Mụ thì tiền rưỡi, mụ ba mười đồng.
Mụ gia : Âm chỉ người mẹ chồng.

Tiền : Đơn vị tiền tệ cũ ngày xưa. 1 Tiền bằng 60 đồng tiền kẽm, bằng 1/10 của một Quan xưa và bằng 2 đồng xu (2/100 đồng bạc của ngân hàng Đông Dương) thời Pháp thuộc.

Nàng dâu để chế mẹ chồng,
Đôi bông hột lựu, đôi vòng sáng trong.

Nếu anh mà yếu tay cuồng,
Thì em quyết trở về nương mẹ già.

Nước lên khỏi chậu tràn âu,
Qua lo cho bầu làm dâu không tròn.

Âu: Đồ chứa nước có dung tích khoảng chừng một đôi nước.

Từ ngày em về làm dâu,
Anh thì dặn trước bảo sau mọi lời.
Mẹ già dữ lắm em ỏi,
Nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn lời mẹ cha.
Nhịn cho nên cửa nên nhà,
Nên kèo nên cột, nên xà đòn dông.
Nhịn cho nên vợ nên chồng,
Thời em coi sóc lấy trong cửa nhà.
Đi chợ thời chỗ ăn quà,
Đi chợ thời chỗ rề rà ở trúa.
Dù ai bảo đợi, bảo chờ,
Thời em nói dối: con thỏ em về.

Xà đòn dông: Cây xà bắc trên đầu cây cột cái để dựng mái nhà.

Từ ngày tôi ở cùng cha,
Cái nón chín rưỡi, thao ba mười đồng.
Đến khi tôi về cùng chồng,
Cái nón sáu đồng mà buộc quai mo.

Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.

Thượng chồng phải khúm mụ già,
(Thương chồng phải khóc mụ già.)

Gắm tôi với mẹ có bà con chi.

*Trách cha trách mẹ nhà chàng,
Cầm cân chẳng biết rằng vàng hay thau.*

Vì quan niệm cần phải có con cháu để nối dõi tông đường và lo thờ phụng tổ tiên, nên ở xã hội xưa đã xảy ra tình trạng trọng nam khinh nữ: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", có nghĩa là trong gia đình tuy chỉ có một đứa con trai, thì được gọi là có con, nhưng dẫu cho có mười đứa con gái cũng vẫn bị coi là không có con:

*Khôn ngoan cũng thế đàn bà,
Dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông.*

Đĩ nhiên ở xã hội xưa, giới phụ nữ đã không thể chấp nhận được sự bất bình đẳng đối với phái nam, họ cũng muốn vượt qua quan niệm của xã hội và họ cũng biết tự đề cao cho phái của họ :

*Ba đồng một mỏ đàn ông,
Đem bỏ vào lòng cho kiến nó tha.
Ba trăm một vị đàn bà,
Đem về mà trải chiếu hoa cho nằm.
Đàn ông năm bảy đàn ông,
Đem bỏ vào lòng cho kiến nó tha.
Đàn bà năm bảy đàn bà,
Đem bỏ ra chợ kiến tha nó về.*

*Đàn ông năm bảy đàn ông,
Vợ dạn mua hồng đi mua cây con.*

Cây : Tên của một thứ cây có hình dáng giống hệt như cây hồng, rất khó phân biệt.

Vì ngày xưa chưa có sự tiến bộ của y học như ngày nay, nên khi người đàn bà mang thai, cổ nhân của chúng ta chỉ biết căn cứ theo những kinh nghiệm lưu truyền, để có thể đoán biết trước được, cái bào thai trong bụng người mẹ đang mang là trai hay gái. Nhưng chắc có lẽ phải đứng, nên người xưa mới tin:

- Bụng người mẹ gọn ghẽ và giẹp thì sẽ sinh con trai, nhưng nếu như kềnh cằng và tròn thì sẽ sinh con gái.
- Khi đứa nhỏ cựa quậy trong bụng, nếu cựa ít là con trai, còn cựa nhiều và nặng bụng là con gái.

Ngoài ra còn cách nữa, mà chắc có lẽ cổ nhân của chúng ta đã bắt chước theo quan niệm của người Trung Hoa: "Nam tả nữ hữu" để suy đoán như sau :

- Con trai nằm phía bên trái bụng và con gái nằm phía bên phải bụng.
- Lúc người mẹ đang đi, bị gọi giật lại thỉnh linh. Nếu người mẹ quay về phía bên trái, thì sẽ sinh con trai, còn quay về phía bên phải là con gái.

Nhiều khi còn bị ảnh hưởng bởi mê tính dị đoan như :

- Căn cứ theo tuổi của vợ chồng, ngày cưới v.v...
- Nếu trong giấc ngủ, người mẹ thường nằm chiêm bao thấy những con vật to mạnh, dữ dằn như: voi, sư tử, cọp, beo... thì sẽ sinh con trai; sẽ sinh con gái, nếu thấy những con vật thật mảnh dẻ như: chim, bướm v.v...•

(Còn tiếp)

● **Phan Văn Phước**

Xuân Đồi

*Hân hoan chào đón giao thừa
Cầm nhang con đốt rồi đưa mẹ già
Nén nhang sưởi ấm căn nhà
Mẹ già lẩm nhẩm thiết tha nguyện cầu...
Bên mai nở rộ tươi màu
Mẹ nghe con, cháu, rể, dâu chúc mừng.
Hạt dưa, rượu đỏ, bánh chưng,
Mứt dứa, sen, đậu, bí, gừng đem ra
Mẹ nhìn lặng lẽ, nhớ cha
Các con của mẹ ở xa không về!
Tình xuân phơi phới tràn trề
Mà lòng của mẹ trăm bề ngổn ngang!
Tiếng cười rộn rã xóm làng
Mẹ ngồi trầm lặng, hai hàng lệ sa!
Tình xuân đẹp nhất sơn hà
Là lòng của mẹ, của cha tuyệt vời!
Hoa xuân nào cũng một thời
Hoa lòng cha mẹ, người ơi, không tàn!
Cảm ơn cha mẹ vô vàn
Người là xuân thắm, nồng nàn của con!
Xuân nay buồn bã, héo hon
Nhớ thương cha mẹ, nước non... lệ trào!
(Düsseldorf 2005)*



Phố Quảng tôi về

● **Nguyễn Thị Khánh Hòa**

*Rồi một buổi tôi về thăm phố Quảng
Chiều nghiêng nghiêng cho sợi nắng vàng rơi
Chân thả bước ru tôi về dĩ vãng
Tuông chừng như lịm tắt đã lâu rồi*

*Con phố ngày xưa hàng cây bóng ngả
Ngôi trường năm cũ hoa lá còn xanh?
Tôi ngỡ ngẩn như một người xa lạ
Sao hồn nghe giọt lệ ngẩn long lanh*

*Phố Quảng trong tôi mong manh kỷ niệm
Một thời thơ dại một thuở bán khoăn
Đêm Trà Giang mơ màng nguyệt diễm
Chiều Án Sơn lẳng lặng hành vân*

*Phố Quảng tôi ơi ! Phố nhỏ dịu hiền
Nửa đoạn cung đàn, một khúc phiêu pha
Nơi xa ấy bên dòng đời miên viễn
Tôi khắc trong lòng một đóa tâm hoa.*



● Nguyễn Phan Ngọc An

Tiếng cười nói ồn ào ngoài cửa làm Quỳnh Châu thức giấc, đã 5 giờ chiều, sau cuộc hành trình vất vả nàng đã đến được nơi nầy. Người ta đón tiếp nàng như một thượng khách, lo cho nàng ăn uống chu đáo và một căn phòng cho nàng nghỉ ngơi. Đêm qua Quỳnh Châu nhận được bức điện khẩn của Vũ gửi cho nàng. Châu quen Vũ đã hai năm, chàng hiện là Trưởng công an của huyện này. Vũ thường lái xe xuống thăm Châu vào cuối tuần rồi chở nàng đi xem phim, đi bát phố... Được điện tin Châu đã vội vã đón xe lúc 5 giờ sáng vậy mà đến mãi bây giờ cũng chưa thấy Vũ đến gặp nàng! Quỳnh Châu cảm thấy hoang mang, một chút lo sợ trở dậy trong óc nàng. Xưa nay Vũ rất đúng hẹn, chưa bao giờ để Châu chờ dù là một phút! Không lẽ điện tin giả mạo? Và tại sao những người xa lạ này lại đối xử với nàng quá tốt? Quỳnh Châu hồi hộp đợi chờ và suy nghĩ mãi không tìm ra câu giải đáp.

Tiếng xô cửa mạnh và Vũ bước nhanh vào, Châu mừng chảy nước mắt, chưa kịp trách người yêu câu gì thì chàng đã kéo vội Châu ra ngoài đẩy nàng lên xe rồi chạy rất nhanh về hướng trước mặt. Quỳnh Châu lo lắng nhưng thấy thái độ nghiêm trọng của Vũ nên lặng thinh không dám mở lời... Một lúc lâu Vũ mới nói :

- Em ạ! Đêm nay là đêm quyết định tương lai và sự nghiệp của anh và em. Chúng mình sẽ đi vượt biên ngay đêm nay, tàu đang chờ chúng ta dưới bến. Anh mong em chấp nhận ra đi với anh và xuống dưới đó không nên hỏi han hay nói một điều gì! Quỳnh Châu gật đầu mà nghe nghèn nghẹn trong ngực... Tại sao Vũ không bàn tính trước với nàng? Và lại Châu còn cha mẹ già ai chăm sóc? Xưa nay nàng không bao giờ nghĩ đến chuyện vượt biên, biết bao người đã vùi thây biển cả, biết bao người tan gia bại sản mang thân tù ngục! Một chuyến mạo hiểm ngoài ý muốn của nàng, đến nước này rồi Châu không biết phải làm sao... Nàng gượng gạo bước theo Vũ xuống ghe. Màn đêm bao phủ, gió lạnh rít từng cơn, Vũ đưa cho nàng một áo lạnh và một xách tay hành lý rồi giao nàng cho một người đàn ông vừa bước đến. Châu nhìn Vũ ngạc nhiên, chàng cúi xuống hôn lên trán Châu

và ra dấu lặng yên dừng hỏi. "Em xuống tàu trước, anh thu xếp cho mọi người rồi xuống ngay!". Vũ nói với Châu rồi biến nhanh trong đêm tối.

Tàu đã bắt đầu rời bến, Quỳnh Châu ngồi bó gối trong một góc tối, nàng không biết xung quanh nàng là ai chỉ thấy rất đông kẻ ngồi người đứng, ai cũng lặng im. Nàng đưa mắt nhìn lần cuối quê hương yêu dấu, nghẹn ngào chào biệt mẹ cha... Tàu mỗi lúc mỗi đi xa, quê hương của nàng đã mờ dần theo ngắn lộ!

Đã một tuần lênh đênh trên biển cả, thức ăn chỉ cầm chừng mà hình bóng Vũ thì biệt tăm. Quỳnh Châu buồn và cảm nhận một sự lừa dối ở Vũ! Nhưng Vũ có lợi gì khi gửi nàng đi, chàng đâu có đòi hỏi tiền bạc hay chỉ vàng nào cả, vậy thì tại sao Vũ ở lại không đi với nàng?

Tiếng reo hò inh ỏi của mọi người trên tàu cắt đứt dòng suy tư trong đầu Châu, một chiến hạm to lớn đang tiến dần đến gần tàu của Châu, nhưng rồi chiếc tàu lớn ấy đã lạnh lùng không cứu vớt đoàn người vượt biên! Lần lượt trong năm ngày như thế, bảy chiếc tàu to lớn dừng đứng, tàn nhẫn không xót thương với những lời thống thiết van xin khóc lóc của những người trên tàu... Quỳnh Châu mất hết nghị lực và niềm tin, trước mắt nàng là cõi chết!

Lại tiếng người la lối hỗn độn, rồi những người đàn ông cởi áo vấy túi bụi trên không, tàu của Châu đi đã đến gần vào một chiếc tàu đồ sộ, còn cách chừng 150 mét. Mọi người mừng rỡ, hy vọng tràn trề, đàn bà con nít nhao nhao cả lên như bầy ong vỡ tổ. Đột nhiên chiếc tàu quay hướng băng ngang làm sóng đánh tràn vào ghe nàng đi, chiếc ghe trước lướt sóng to lớn đã hụp xuống biển sâu rồi lại trồi lên mặt nước, mọi người không ai còn hồn vía, nhìn nhau mặt mày xanh lét như bị sốt rét rừng kinh niên. Khi chiếc ghe đã lấy lại được thăng bằng mọi người thở ra đánh phào vì đã thoát chết, một số đàn bà và trẻ con ói mửa lung tung, cảnh tượng ghê rợn hãi hùng giữa biển trời mênh mông. Châu rùng mình sợ hãi nghĩ thầm: "Sao họ ác thế, không cứu chúng tôi còn đánh sóng một cách bạo tàn cho chìm ghe chúng tôi, họ là người hay là loại thú không có lương tâm". Chiếc ghe đang chòng chành trước sự kềm hãm hết sức lực của tài công, mười mấy ngày lênh đênh trên biển cả Quỳnh Châu chỉ thấy mỗi một người cầm lái và xoay sở mọi vấn đề trên ghe cũng như khi gặp sự việc bất trắc thành linh. Người này không ai khác hơn là người đàn ông mà Vũ đã giới thiệu và gửi nàng lên ghe này... Khi sóng lặng gió yên nàng lần la tìm tới làm quen người đàn ông đang lái ghe:

- Thưa ông, xin ông cho Châu được biết quý danh, ông đã cho Châu cơ hội tìm tự do, một đời Châu không dám quên ơn ông.

- Không có gì đâu cô, người đàn ông vừa chăm chú lái ghe vừa trả lời nàng, tôi cầu mong cho tất cả chúng ta đến được bến bờ tự do, đó là tâm nguyện duy nhất của tôi khi quyết định mua ghe rồi chấp nhận cả những việc mà chưa từng làm bao giờ như cô đã nhìn thấy mười mấy hôm nay đó... còn tên tôi, cô cứ gọi Năm Nhân là được rồi, mà tôi đâu đến nỗi già mà cô gọi bằng ông dữ vậy!

Quỳnh Châu trong lòng đã nể phục người có tài này, nay nghe những lời nói khiêm nhường nhã nhặn lòng đã thấy bồi hồi vui vui một niềm vui không rõ nguyên nhân... Châu ngồi xuống bên cạnh Năm Nhân hạ giọng:

- Bao nhiêu ngày lênh đênh trên biển cả, Châu thấy chỉ có một mình anh cầm lái và xông pha mọi việc, ngay cả chuyện ăn uống anh cũng quên luôn, chỉ hơn mười ngày trông anh khác hẳn buổi đầu tiên Châu bước lên ghe, chắc anh đang mệt lắm phải không?

- Phải đó cô Châu, tôi mệt lắm, không riêng về sức khỏe mà lẫn cả tinh thần. Tôi rất lo lắng cầm trong tay sinh mạng bao nhiêu con người mà tôi lại không phải là tài công, chưa từng làm hoa tiêu, trước sự việc bất đắc dĩ này, tôi phải liều mạng thôi, thú thật với cô đây là lần đầu tiên tôi lái ghe ra biển lớn vì tôi sấm ghe mới bốn tháng nay chỉ với hoài bão hôm nay nên cứ lẩn quẩn trong bờ đánh cá với hai cháu còn nhỏ xíu cho có lệ qua mắt bọn công an mà thôi... Còn nghề hoa tiêu chầm hải bàn thì càng khổ cho tôi bởi tôi là Sĩ quan Pháo binh chuyên chấm tọa độ cho trọng pháo bảo vệ các tiền đồn, căn cứ trên đất liền. Tôi chỉ cầu xin Trời Phật phò hộ tai qua nạn khỏi vì chúng ta đi giữa mùa giông bão lớn mà lại là lúc có lệnh ngưng cứu vớt người tỵ nạn trên biển dưới mọi hình thức của các nước trên thế giới. Thôi thì cùng nhau cố mà cầu nguyện sự linh thiêng nhiệm mầu của đấng tối cao vậy.

Nói xong chàng chỉ hai đứa cháu trai đứa đứng đứa ngồi trên sàn ghe:

-Đó, hai cháu kêu bằng cậu, đứa tên Sơn, đứa tên Phong, con của đứa em gái. Bốn tháng trời ba cậu cháu cực khổ vô biên trên nghề đánh cá vì có ai biết gì về nghề biển cả, ghe tàu gì đâu, hôm tuần rồi lạc ghe khi tổ chức bị bể, tưởng hai đứa này và thằng Nghĩa chết đói ngoài biển rồi đó chứ!

- Anh Nhân, Châu thân thiện tâm sự với chàng: Trên ghe này ngoài hai cháu kêu bằng cậu anh có còn thân nhân nào của anh nữa không? Nếu đã sấm ghe hẳn anh phải đem gia đình vợ con đi chứ, sao từ ngày đi đến nay Châu không thấy người nào săn sóc cho anh hết vậy?

- Ô! Chuyện đó dài dòng lắm cô Châu ơi. Tôi đi với hai đứa con gái nhưng chúng đã bị bắt hết rồi vào hôm tổ chức tuần trước. Đợt này tổ chức đi một cách khẩn cấp, hai đứa nhỏ còn đang kẹt trong tù nên tôi đành chấp nhận đi một mình với hai thằng cháu thuyền viên bé tí này thôi...

Quỳnh Châu bàng hoàng xót xa cho hoàn cảnh của anh Nhân, lòng đã quyết tìm hiểu về gia cảnh riêng tư của anh bởi trong Châu đang dâng lên một cảm tình rào rạt xen lẫn niềm trân quý anh Năm Nhân, người thanh niên mà suốt đoạn đường vượt biển đã cho nàng thấy rõ tài năng và tư cách của chàng.

- Châu có linh tính là anh đang buồn và cô độc, Châu cũng là kẻ bị bỏ rơi, người thanh niên gởi Châu lên ghe anh đã tàn nhẫn bỏ rơi Châu rồi, một chuyến ra đi Châu không hề biết trước, anh ta sắp xếp chủ động mọi việc mà cho tới hôm nay trên chiếc ghe định mệnh này Châu chẳng thấy anh ta đâu cả?

- Cô Châu muốn nói về Vũ đó hả? Anh ta đâu có đi vượt biên làm gì, anh ta là công an tổ chức bãi cho tôi

mà, anh ta thường xuyên làm nghề này nên nghe đâu giàu kết sự, có mấy tiệm vàng và sắp lấy vợ cũng con gái tiệm vàng...

Quỳnh Châu nghe nhói trong tim, thì ra Vũ đã gạt nàng, đưa nàng đi cho khuất mắt, khỏi làm chướng ngại vật để cản Vũ trong việc hôn nhân! Đối xử với nhau như vậy sao? Châu lẩm bẩm trong bụng, lòng dạ con người khó mà đo lường được, nhưng dù sao mình cũng cảm ơn Vũ đã giúp mình một lối thoát để không ngỡ ngàng cho cả hai nếu sự thật phũ phàng kia xảy ra. Đời người con gái của Châu đã bị Vũ chiếm đoạt rồi! Nàng yêu Vũ mà không hề nghi ngờ chàng một điều gì, nào hay đâu Vũ đã có sẵn mối tình song đôi. Nào hay Vũ đang tính toán lợi hại trong tình yêu, đây cũng là dịp may cho mình, nếu mình ở lại quê hương thì ngày đám cưới của Vũ... mình sẽ ra sao? Phũ phàng nhục nhã nào hơn cho mình!? Nghĩ được điều này, lòng Châu nhẹ nhàng thanh thản. Nàng phớt lờ như chẳng có tình cảm riêng tư gì với Vũ:

- Thì do thế mà anh ta không có ý vượt biên, thôi cũng cầu chúc anh ta tròn mộng ước, Châu mới quen anh ta nên không biết gì về cuộc đời riêng tư của anh ấy, cứ tưởng mọi người ai cũng thích ra đi tìm tự do. Anh Nhân sao anh không kể chuyện riêng tư của anh cho Châu nghe với có được không, Châu muốn được chia sẻ cùng anh...

- À! chuyện vợ con thế tử ấy nhắc lại chỉ làm đau lòng thôi, vì hoàn cảnh chiến tranh vợ chồng tôi phải xa nhau, hiện nay nàng ở Hoa Kỳ với hai đứa con của tôi, tôi có 4 cháu, 3 gái, 1 trai...

- Nhưng anh có hy vọng ngày xum họp với chị không? Quỳnh Châu tò mò hỏi.

- Tôi không rõ thế nào, tuy rằng trong lòng tôi lúc nào cũng hy vọng điều đó, vợ tôi là người đàn bà hiền hậu thủy chung, nàng rất thương tôi, nàng vẫn viết thư về nói là vẫn chờ đợi tôi và hai đứa con còn kẹt lại Việt Nam... Nhân trả lời Quỳnh Châu mà lòng nghe nghẹn đắng, chàng biết khi Mỹ Nương ra đi với người đàn ông khác thì không trông mong ngày xum họp với chàng. Càng tệ hại hơn khi ông ta quen biết chàng, nhà ở cùng xóm với chàng, ông ta bỏ vợ con ở lại để ra đi với vợ chàng, thì chuyện đoàn viên e không thể có, mặc dù đôi lần Mỹ Nương viết thư về an ủi "em vẫn chờ anh và hai con"!

Quỳnh Châu im lặng thở dài không hỏi nữa, bấy nhiêu đó đủ cho nàng thấy được chỗ đứng của nàng ở đâu rồi, chàng ra đi để xum họp người xưa đang chờ đợi, mình chỉ là hoài vọng chuyện mây bay gió thoảng. Châu dần lòng để cố xem anh Nhân như một người anh, chuyến đi này nàng hoàn toàn cô độc khi đến bến bờ tự do, có một người anh kết nghĩa chẵn là quý lắm sao... Châu là người con gái nghị lực nên nàng không yếu mềm trước tình cảm, nàng cười tươi nói tiếp:

- Anh Nhân này! Hoàn cảnh em khi đến nước người không có một ai là thân quen, xin anh nhận Châu là em gái kết nghĩa, nếu anh bằng lòng em xin cảm ơn anh thật nhiều đã giúp em có niềm tin trên đường vượt biển.

- Gì chớ điều đó tôi chấp nhận ngay! Anh em mình đến xứ người chân ướt chân ráo ai cũng bơ vơ, có em gái cũng có miếng cơm ăn đỡ phải chui vào bếp phải không Châu? Quỳnh Châu nghe mừng ran trong bụng

không trả lời chỉ cười, như vậy là anh Nhân đâu có xum họp người xưa, chắc anh chàng đang giấu giếm sự thật nào lòng rồi đây... Nàng mỉm cười mãn nguyện và tự hứa không tìm hiểu chuyện riêng tư của anh Nhân nữa, nàng đã có niềm tin và hy vọng...

- Anh Năm ơi, có tàu lớn ở đằng xa đang tiến tới ghe mình, Long hết hoảng vừa chạy vừa kêu to.

Long là em vợ của chàng, tội nghiệp nó cũng vất vả lắm trong chuyến đi này, những ngày qua nước tràn vào ghe nó và các bạn trên ghe tát nước thay phiên, cứ 5 người này rồi thay 5 người khác tát nước liên tục. Ghe đã cũ nên chẳng bảo đảm chuyện nước lọt vào các lỗ bị hư thủng khi bị sóng đánh tới bờ, mưa bão phủ đầy chiếc ghe chỉ 8 mét chiều dài, 2 mét rưỡi chiều ngang. Năm Nhân nghe Long báo tin như thế vội nhìn theo hướng Long chỉ, đúng là một chiếc tàu đồ sộ đang tiến thẳng hướng này, mọi người trên ghe nhốn nháo cả lên, đàn bà con nít khóc òa lên, đàn ông thanh niên vẫy vẫy túi bụi trên không những chiếc áo, những chiếc quần dài họ cởi ra để vẫy. Người chỉ còn vồn vện chiếc quần đùi với thân thể ốm teo bởi mười mấy ngày lênh đênh đói khát... Nhân nhìn những thân hình đó mà thương hại, nhớ lại ngày ra khơi họ còn vạm vỡ, lúc gặp tàu quốc doanh chạy gần đến, Nhân đã dẫn họ xuống hầm ghe với những bộ áo quần tươm tất, đâu như bây giờ... Tàu quốc doanh nhìn sơ thấy ghe vẫn nổi, Nhân ngồi trên tay lái, đằng sau một thuyền viên đứng, Hiệp bị rút lại vào gờ chót nên một số dầu cung ứng cho ghe và một số người bên cánh Hiệp không đi được, thành thử giờ xuất phát chỉ có khoảng 23 người tính luôn con nít và ¼ số dầu dự định nên chiếc ghe vẫn nổi trên mặt nước, nhờ đó mà thoát được chiếc tàu quốc doanh đang tuần tra bắt người vượt biên vì họ nghĩ chắc rằng đây là chiếc ghe đi đánh cá về đêm!

Chiếc tàu đồ sộ kia cũng tàn nhẫn không cứu giúp đoàn người tỵ nạn, đã đến thật gần rồi nó lại lách ra xa, Nhân đứng chết lặng buông cả tay lái, nước mắt chàng ứa ra, chàng phải làm sao đây nếu lần này không được vớt nữa thì tất cả sẽ bỏ mạng vì đói vì khát, vì bão giông, không còn lương thực, không còn dầu mỡ 2 ngày rồi, ghe cứ thả lều bều trên mặt biển bao la mưa bão dưng dưng ghê rợn! Bỗng nhiên chàng ra lệnh đục thủng ghe cho nước tràn vô rồi xốc mạnh một đứa bé gờ nó lên cao trên không, Nhân la lớn bằng tiếng Anh:

"Xin các ông hãy bắn tôi chết đi, tôi không thể đứng nhìn thân nhân của tôi từ từ chìm sâu dưới lòng đáy biển, hãy bắn tôi đi, hãy bắn tôi đi!". Đứa bé la toáng lên khi bị nhắc bổng lên cao và khóc thét, nước đã tràn vào trong ghe... Thế là hết... Quỳnh Châu nhắm mắt lại chờ thần chết đưa xuống biển sâu! Nàng không ngờ đời nàng kết thúc đau thương đến thế !!!

- Họ cứu chúng ta rồi, mau leo lên thang, mau lên! Tiếng la lớn của anh Nhân, Châu mở bừng mắt ra, từng người một vội vã leo lên chiếc thang dây do chiếc tàu to lớn thả xuống, thì ra họ vẫn còn lòng nhân đạo trước hiểm nguy của kẻ khác... Quỳnh Châu bật khóc nức nở bám chặt thang dây...

Vào đảo được 3 tuần thì anh Nhân và hai cháu được chính phủ tách riêng ra theo diện Sĩ Quan QLVNCH tỵ

nạn Cộng Sản, từ đó Quỳnh Châu không còn gặp được anh Nhân. Quỳnh Châu buồn lắm, tưởng qua xứ người sẽ được kể cận anh Nhân, cơm nước cho anh như lời anh đã nói với nàng khi còn lênh đênh trên biển cả, đúng là "tính trước bước không tới". Dù không còn gặp anh, nhưng trong lòng Châu vẫn thấy như luôn gần gũi một con người Châu kính phục, anh đã tài ba lèo lái con tàu vượt tử thần, làm tài công, làm hoa tiêu, mưu trí đục thủng tàu, nói tiếng Anh lưu loát... cứu sống bao nhiêu sinh mạng. Người như thế mà sao ơn trên không cho nàng diễm phúc hầu hạ? Rồi những ngày dài lê thê sắp tới, cuộc đời nàng sẽ trôi giạt về đâu, nàng có quên được anh không? Nàng cầu xin dù ở đâu anh vẫn được ơn lành bù đắp, anh nhân hậu, anh tài ba xứng đáng được hưởng những gì may mắn nhất của kiếp người trên dương thế...

Một năm sau Quỳnh Châu được nhận vào Mỹ, nhờ có chút vốn Anh Văn, nàng đi làm cho một văn phòng ngoại giao của chính phủ Hoa Kỳ. Nơi đây nàng đã gặp Luật, chàng là Tiến sĩ Kinh Tế Bộ Ngoại Thương Hoa Kỳ, Luật du học từ năm 1973 nên chàng không hiểu được những đau thương mất mát của quê mình. Luật càng yêu quý Châu hơn khi nghe nàng kể lại cuộc vượt biển của nàng. Nàng không quên nhắc đến anh Nhân với cả sự quý trọng mang ơn và kính phục. Luật bồi hồi mong ước sẽ có ngày được gặp ân nhân nơi miền đất bao la này...

Cho dù có tình cảm mới, Châu vẫn không quên cha mẹ, vẫn chưa quên Vũ, nàng định một chuyến về quê ở lại ăn Tết một tháng. Châu đã mua vé máy bay từ tháng trước, nàng cũng đã chuẩn bị một ít quà cho cha mẹ và cho cả Vũ cho dù Vũ đã phụ nàng...

Về đến quê xưa Châu mới biết Vũ đã lấy vợ. Chàng lấy cô con gái nhà giàu và Vũ có hai tiệm bán vàng. Châu dò hỏi được biết sau nhiều chuyến Vũ đứng ra tổ chức cho người vượt biên Vũ đã giàu có lớn, và ngay sau ngày Quỳnh Châu đi được hai tuần Vũ đã cưới vợ. Đám cưới thật lớn tổ chức nhà hàng đến 3 ngày ba đêm. Đám cưới xong Vũ xin giải ngũ không làm công an nữa... Châu nghe tin này chỉ biết mỉm cười chua chát trong lòng...

Quỳnh Châu trở về Mỹ sau một tuần thăm mẹ cha, nàng quyết định lấy Luật, nàng không còn điều gì ray rứt lương tâm khi biết rõ Vũ đã phụ nàng! Hạnh phúc đang chờ đón nàng, Châu tin tưởng rằng Luật là người trí thức cao hãn chàng sẽ khác xa Vũ... Chàng sẽ không bao giờ bán rẻ lương tâm vì vật chất, nàng sẽ có một đám cưới thật rõ ràng, nàng sẽ là cô dâu đẹp nhất và hạnh phúc nhất trên thế gian này... Nàng sẽ qua đời phát thanh, qua báo chí tìm cho được anh Nhân, ân nhân muôn thuở của nàng, đám cưới nàng anh Nhân sẽ đứng chủ hôn vì Luật du học nên cũng không có thân nhân ruột thịt, còn gì vui hơn, sung sướng hơn với những ý nghĩ miền man thú vị trong đầu, Quỳnh Châu cười mãn nguyện, nàng không thấy oán hận Vũ nữa mà trái lại cảm ơn Vũ đã vô tình cho nàng một tương lai tươi sáng, một hạnh phúc bất ngờ... Tết năm nay mới thật sự là một cái Tết hạnh phúc nhất của nàng mà bao năm Quỳnh Châu hằng mơ ước ...

Một chiều mưa

(Viết thay cho con trai Muscarello Giuseppe Tâm)

● HUỲNH NGỌC ANGA

Đặt chân lên thành phố Saigon lần thứ hai này cùng má tôi sau mười năm cách biệt, chàng trai hăm một tuổi với hai giòng máu Ý-Việt trong tôi không hiểu mình đang là người tìm về nguồn cội hay chỉ là một du khách Âu Châu bình dị. Hình như tất cả nơi đây đều mới lạ, không chỉ riêng tôi nhận xét mà ngay cả má tôi cũng xác nhận điều này. Thành phố quê mẹ tôi sinh động và tươi đẹp hơn nhưng cũng mù mịt khói bụi lưu thông hơn. Duy chỉ một điều không thay đổi tôi nhớ lại được chốn này đó là những cơn mưa sáng, mưa chiều luôn hăm dọa những ai chưa từng quen hai mùa mưa nắng ở VN.

Sau bao ngày thăm viếng nơi này nơi nọ, hôm nay là ngày chạy lạt của má tôi, dì Xuân - bạn thân của má tôi - đưa hai mẹ con tôi đến tiệm cơm chay Bồ Đề ở đường Phạm Ngũ Lão để dùng cơm trưa. Tiệm đông khách ra vào nườm nượp, chúng tôi khó khăn lắm mới tìm được một bàn trống gần cửa ra vào. Trong khi chúng tôi kêu và đợi món ăn, tôi tò mò nhìn ngắm chung quanh như thói quen của khách lạ phương xa và tôi bỗng thấy một hình ảnh đặc biệt. Một người đàn bà tàn tật cụt nửa chân, bà đang dùng hai đầu gối di động trên nửa đôi chân còn lại, lê lét khắp từ bàn này đến bàn khác để bán những tập lưu ảnh cảnh đẹp VN cho khách ăn trong các tiệm quán. Nét phong sương in hằn trên khuôn mặt, với bộ quần áo thô sơ nhưng bà có dáng vẻ tự tin, tự tại. Khi bà đến bàn chúng tôi, má tôi hỏi giá và dù biết hơi đắt hơn giá bán ở tiệm sách má tôi cũng mua hai tập ảnh để gửi bạn bè, bà con bên Ý.

Tôi chợt ngó sang trước tiệm đối diện khoảng cách không xa bên kia đường, có một tiệm bán thức ăn Ý và món Pizza truyền thống của nơi tôi chào đời. Nhìn những món ăn chay mới được dọn ra tôi chợt thấy chán nản và nhớ làm sao một đĩa Spaghetti hay một bánh Pizza thân quen thường nhật. Tôi bỗng hiểu ra lý do vì sao những lần ở nhà tôi thấy má tôi thỉnh thoảng bảo thêm tô canh chua cá lóc, đĩa rau muống luộc xanh om, v.v... Thì ra hương vị thức ăn cũng là cái tình quê hương vô hình tiềm ẩn trong mỗi con người chúng ta, nhất là khi chúng ta bước chân đi xa rời nơi chốn cội nguồn. Má tôi nhìn tôi và quả đúng là đôi mắt của người mẹ, người nhận ra liền sự thêm muốn đó trong tôi. Dúi vai tờ giấy bạc vào tay tôi, má tôi bảo tôi cứ tự nhiên sang tiệm bên kia ăn hoặc ở đó kêu món gì tôi thích rồi nhờ họ đem sang bên này bàn của chúng tôi. Thấy nơi ấy có nhiều khách phương Tây đang líu lo chuyện vãn, tôi đứng dậy bước sang chọn bàn ngồi gần để nghe ngóng xem họ có cùng giống tộc của Cesare như tôi không, nếu phải thì thực may biết mấy vì đi xa mà gặp đồng hương thì còn gì thú hơn. Và tôi nghe thất vọng khi thấy họ nói toàn tiếng Đức, nhưng đã lỡ ngồi rồi, tôi không dời về bàn cùng má tôi và dì Xuân nữa.

Người đàn bà tàn tật cụt chân đang tiến vào tiệm ăn tôi đang có mặt và hướng về phía sau lưng tôi, nơi có vài ba người ngoại quốc ở đó. Tôi không biết họ có mua không, chỉ thấy một lúc sau bà đi về phía chúng tôi. Có thể đã nhận ra tôi là người bên kia tiệm với má tôi nên bà không ghé bàn tôi mà dừng chân nơi bàn của những người khách Đức. Họ không ngược nhìn bà, cứ như sự hiện diện của bà chẳng có gì dù bà đang chia ra một cục bưu ảnh để mời họ mua. Bà cứ đứng đó chờ, có lẽ sự kiên nhẫn của bà làm họ bực bội nên một người trong bọn móc bóp rút ra tờ bạc

mười ngàn đồng rồi ném lên bàn về phía bà mà không cần nhìn bà dù chỉ một ngược mắt để chọn bưu ảnh, họ muốn ngậm bảo với bà rằng tiền đó, bà hãy đi đi, họ không cần mua. Tôi cũng ngỡ là bà sẽ nhận tiền và bước đi, nhưng ngạc nhiên làm sao, bà cất tiếng rõ ràng, tiếng Việt với những từ ngữ mà tôi dễ dàng hiểu được:

- Tôi bán bưu ảnh chứ không ăn xin. Nếu không mua, các ông hãy cất tiền của các ông đi, tôi không nhận.

Những ông khách da trắng đó ngẩng đầu lên ngó bà, họ chẳng hiểu bà nói gì, nhưng thấy bà đẩy tiền trả lại, họ bình thần cất tiền vào rồi tiếp tục nói chuyện với nhau, không màng nhìn đến bà nữa. Người đàn bà tàn tật khập khểnh trên đôi đầu gối lặng lẽ bước ra khỏi tiệm và đi về đầu ngõ. Tôi nhìn theo và chợt nghe xúc cảm dâng đầy. Người dân của quê ngoại tôi tự trọng đến thế sao? Vậy mà bấy lâu nay nghe má tôi thở than hoài về một quê hương khốn khổ sau hơn phần tư thế kỷ chiến chinh, tôi cứ ngỡ trong sự khốn cùng đó người ta có thể mất tất cả để đổi lấy miếng ăn. Ít ra giờ đây tôi đã thấy tận tường cái khí thanh cao trong mảnh áo nghèo của người phương Nam nước Việt, cái khí khái đó sao hao hao giống hình ảnh cậu bé Ý Đại Lợi của văn hào Edmondo De Amicis khi thầy tiền vào mặt những kẻ đã khinh thị nước Ý của cậu. Và trong giây phút xúc cảm đó, tôi nghe sung sướng tự hào rằng mình mang trong người hai dòng máu của hai dân tộc chỉ biết ngưỡng cao đầu. Buổi ăn tàn, tôi trở về bàn cùng má tôi và dì Xuân, kể lại chuyện vừa nghe thấy, tôi chép miệng nói với má tôi:

- Nếu gặp lại bà ấy lần nữa, con sẽ làm một cái gì đó có tình hơn cho bà.

Một tuần lễ trôi qua, tôi theo má tôi ruỗi dong từ thành phố này sang thành phố khác. Những chuyến xe liên tỉnh, những khách sạn lạ xa cho tôi thấy rõ hơn khác biệt của VN hôm nay và của mười năm về trước. Và hôm nay chúng tôi và dì Hai - chị bà con của má tôi - đang trên xe trở lại Saigon sau một ngày về Bến Tre thăm xứ dừa miền Tiền Giang sông nước. Trời lại đổ cơn mưa, tôi nghe bụng dạ lao xao đói, chỉ mong đến nơi sớm để cùng má và dì tôi ghé một tiệm quán nào đó ăn chiều. Xe Du Lịch Sinh Café bỏ chúng tôi xuống trước cửa Công ty đường Phạm Ngũ Lão, mưa vẫn chưa dứt hột. Má tôi thường bảo mưa nhiệt đới dai dẳng như mối tình dai dẳng của má đối với quê hương, tôi không biết sau những chuyến đi tham quan như vậy cái tình đó của má tôi có truyền sang được chút nào cho tôi hay không, chỉ biết rằng tôi mong mưa dứt hột để tôi không bị ướt trên đường về khách sạn vì từ nơi xuống xe đến nơi ở của chúng tôi chỉ cách hai con đường ngắn và bao nhiêu xe Taxi đã được các khách tham quan đồng hành xuống trước tranh mất rồi. Nhưng khổ nỗi má tôi chỉ đem theo có một cây dù trong khi chúng tôi có ba người. Tôi để dù cho má tôi và dì tôi che, còn tôi, tôi phóng nhanh người đi trước cho mau về đến nơi.

Ngang qua khúc queo đường Bùi Viện để về khách sạn, tôi chợt dừng lại, không phải để đợi má và dì tôi mà vì tôi vừa thấy người đàn bà tật nguyên hôm nọ. Bà đang lê đôi gối trước cửa một tiệm ăn, không dù che cũng chẳng phủ áo mưa. Tôi nhìn bà quên cả nước mưa đang từng giọt rơi nhanh xuống người tôi. Và như nghĩ ra được điều gì, tôi chạy ngược về phía má và dì tôi đang còn chậm chạp phía sau. Tôi chắn ngang trước mặt má tôi, vội vã nói:

- Má cho con mượn cây dù.

Má tôi ngạc nhiên nhìn tôi chưa kịp đưa ra thì tôi đã nhanh nhẩu cầm như giựt chiếc dù trên tay người rồi chạy nhanh về phía người đàn bà tàn tật, lòng thầm mong bà đừng biến vào một ngõ hẻm nào. May mắn thay, bà vẫn còn đứng đó, ướt sũng, co ro. Tôi đến bên bà, đưa chiếc dù tận tay và nói mau:

- Chiếc dù này của bà đó, bà che cho bớt lạnh.

Người đàn bà khốn khổ nhìn tôi ngờ ngác, và như chợt hiểu ra, bà cầm dù, nói tiếng cảm ơn và mỉm cười hoan hỉ. Tôi thấy mắt bà long lanh ướt, không biết nước mưa hay

nước mắt tình người. Tôi sung sướng thấy bà không từ chối như đã từ chối những tờ giấy bạc miệt kính của những khách da trắng hôm nào. Má tôi và dì tôi cũng vừa đi trời tới, hai người nhìn cảnh trước mặt và cũng mỉm cười hiểu chuyện, tôi thấy về hải lòng của má tôi, điều đó làm tôi nghe hạnh phúc. Chúng tôi cùng bước dưới mưa, nhưng tôi nghe lòng ấm áp làm sao. Từ giây phút này tôi không nghĩ mình là một du khách tìm thăm xứ lạ nữa. Những giọt nước trong cơn mưa chiều đang tưới mát hồn tôi để tôi nghe nữa dòng máu Việt đang luân lưu đưa tôi trở lại nguồn bồng một chuyến hồi hương về thăm quê mẹ.

(Torino – ITALIA, 27.10.2005)



Về đến quê xưa tìm gốc rễ

● HOA LAN

Tôi xa Hà Nội năm tôi một tuổi khi vừa biết đi. Ấy thế mà mãi tận năm mươi năm sau, tôi mới có dịp đặt chân lên mảnh đất thân thương đấy. Các bạn hãy mừng cho chuyến đi này của tôi. Thật không tầm thường chút nào! Đây nhé! Tôi được tháp tùng Ni Sư Linh Thú ở Berlin và Sư Cô Như Giác ở Sài Gòn. Hai vị này đại diện cho chùa Linh Thú ở Berlin, đem ba mươi hai chiếc xe lăn và hàng trăm phần quà, làm cuộc hành trình về phương Bắc quyết phá tan lũ giặc đói nghèo. Nói thế cho oai, chứ bàn tay bé nhỏ làm sao che hết nổi mặt trời. Làm được chút nào vui chút ấy, nghĩ ngợi nhiều quá sợ vướng căn bệnh Tham Sân Si, tuy cái Tham từ thiện rất dễ thương, nhưng đã gọi là Tham thì không tốt.

Hai địa điểm được chọn để phát xe lăn là vùng đồi núi tỉnh Ninh Bình và các huyện nghèo ở chung quanh tỉnh Hà Tây. Các bạn sẽ tự hỏi, tại sao chương trình xe lăn của Ban Từ Thiện chùa Linh Thú lại nhiều khê, lặn lội vắc xe ra tận chốn này chỉ cho tốn kém. Người khổ ở trong Nam thiếu gì, phát gấn gấn sáng đi chiều về, có phải khỏe thân không? Vâng, các bạn nghĩ rất hợp lý. Nhưng từ lúc thành lập chương trình xe lăn vào đầu Xuân 2000 đến giờ đã hơn năm năm, chương trình đã vắc xe đi khắp các miền trên đất nước, chưa thấy nơi nào còn xa lạ với hai chữ Từ Thiện như những vùng quê nơi đất Bắc.

Lúc trước, từ chính quyền cho đến người dân, không ai chịu tin nổi là trên đời này có người đại khờ, dám đem bạc triệu ra mua xe tặng không cho những người xa lạ. Chắc có mưu đồ hay điều kiện gì đây?

Các bạn ạ! Điều kiện thì không có, mưu đồ cũng chẳng xong. Chỉ mong muốn sao: Sáng mang niềm vui đến cho người, chiều làm cho người bớt khổ. Làm tốt hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền mà thôi.

Lúc phái đoàn sửa soạn ra Bắc, nghe tin tức các đài, biết cơn bão lớn đang tàn phá các tỉnh ở Yên Bái, Nam Định và Thanh Hóa. Ni Sư Linh Thú đã kết hợp với phái đoàn cứu lụt của chùa Bảo Quang ngoài Đà Nẵng. Điểm hẹn là núi đồi Yên Bái, nơi đang bị bão lụt nặng nhất, gây thiệt hại cả tính mạng lẫn tài sản nhiều người.

Kinh nghiệm của phái đoàn đi làm công tác từ thiện là ngày ra đi hành trang còn chất đầy những nốt nhạc Đô và La tuyệt vời chạt túi. Đến ngày về phái đoàn chỉ là những kẻ khố rách áo ôm và nợ như chúa chổm. Nhưng

được cái an ủi là ai ai cũng sẵn lòng móc túi cho mượn tiền để trả về sau. Chúng tôi đã ký những giấy nợ bằng miệng một cách chớp nhoáng không cần suy nghĩ. Tôi xin đi sâu vào chi tiết từng chuyến đi cho các bạn rõ, kể cho đáng "đồng tiền bát gạo mới thôi".

Vì Ni Sư Linh Thú và Sư Cô Giác phải tham dự lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng chùa Hương Sơn ở Ngũ Hành Sơn, nên tôi được dự kế xem thắng cảnh Đà Nẵng. Sau đó lại vội vã ra Hà Nội. Điểm đầu tiên chúng tôi đến Nho Quan. Con đường từ Hà Nội đến Nho Quan chỉ hơn một trăm cây số, nhưng đoạn sau không còn đường cao tốc nữa mới lắm gian nan. Hình ảnh con đê đường làng với những ruộng lúa mới gặt, vài con trâu nằm gặm cỏ hoặc lội bùn bên những hàng cau thẳng tắp, không còn là hình ảnh trong trí tưởng tượng nữa. Tôi khoan khoái ngắm cảnh, ngửi bụi mù và ngâm hai câu thơ cải biên:

*Về đến quê hương tìm gốc rễ
Đi qua cầu khỉ rút đường mương!*

Sư Cô Giác phải kéo tay tôi trở về chánh niệm. Các bạn ơi! Có một điều Sư Cô Giác và tôi rất đau lòng vì những tấm bảng gắn dọc đường của các hàng quán ở khu vực này. Đã quá ba phần tư là món ăn dân tộc thịt cầy, mèo, chó gì cũng xơi tuốt! Tôi nghĩ cũng cùng một thân chó, tại sao không vào những gia đình ở phương trời Âu đất Mỹ. Thân phận có khi còn được xếp cao hơn cả ông chủ nữa. Sinh chi ra ở đất này cho người ta làm bầy món, cho người ta cuộn với Lá Mơ rồi nhâm nhi câu: Sống ở trên đời ...

Đi mãi rồi cũng phải đến, mặt trời đã lên cao làm người tôi muốn bốc hỏa. Khi xe chúng tôi luồn lách một các khó khăn qua các ngõ hẻm chỉ vừa đủ chiều ngang một chiếc xe, thì mọi người đã quy tụ đầy đủ ngoài sân. Một thiếu sót kỹ thuật đáng kể trong buổi phát xe tại Ninh Bình. Chẳng là phái đoàn bạn ra Đà Nẵng nên không nhận được danh sách người nhận xe, để viết sẵn bảng tên ở nhà. Đến nơi Sư Cô Giác mới giao cho tôi viết, làm sao viết kịp, nhờ các Thầy của Chùa viết hộ họ lại viết sai. Các bệnh nhân khuyết tật chờ lâu cũng mệt, người nhà họ thấy xe lăn để mời mọc, bèn bế họ lên ngồi tạm. Phát sinh ra cảnh "râu ông nọ cắm cằm bà kia", thành xe tên người này, bảng cắm tên người khác.

Họ cãi nhau chí choé, đã lờ ngời lên xe rồi không ai muốn đổi nữa!

Sư Cô Giác và tôi phải chia nhau ra dẹp loạn, phải chụp hình từng chiếc, kiểm soát kỹ lưỡng từng tấm hình mới dám để họ ra về. Đến trưa còn sót lại một vài chiếc, vì người nhận ở quá xa hay di chuyển không được, phải đoàn phải đến tận nhà để phát xe. Ni Sư hỏi han những trường hợp đặc biệt và trao cho họ câu niệm Phật. Có thể đây là lần đầu tiên họ nghe đến điều này.

Tối nữa tôi quên, buổi sáng đài truyền hình địa phương cũng cử hai ba nhân viên vác máy đến quay phim. Cả huyện có tin giật gân. Một phái đoàn từ thiện ở đâu xa lác đác đến cho không các người khuyết tật xe lăn, tổng giá trị món quà lên đến gần hai mươi triệu chứ phải chơi!

Đến chiều khi chiếc xe lăn cuối cùng đã trao đến tận nhà, chúng tôi từ giã vùng núi Nho Quan về chùa Diên Phúc ở Hà Tây, sửa soạn cho chuyến phát 16 xe còn lại và 40 phần quà vào ngày mai.

Khi xe chạy ngang Hà Đông, đến nơi dẹt lưa nổi tiếng của tỉnh này. Tôi vẫn mang một đề tài muôn thuở là ngâm thơ cải biên:

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt rét

Bởi vì em là sư tử Hà Đông.

Chẳng ngờ hai câu thơ là Sư Cô Giác tỉnh giấc nồng, Sư Cô mắng yêu: "Thiện Giới chỉ giỏi đổi thơ người ta thôi!".

Đường vào chùa Diên Phúc cũng lắm gian nan, qua bao nhiêu bụi tre, ruộng lúa mới đến được cổng Tam Quan. Chùa thuộc diện Chùa Cổ Di Tích Lịch Sử không được đổi thay.

Sư Trụ trì là bạn đồng học với Sư Cô Giác, ra đón với nụ cười răng đen hạt huyền thật tươi. Tôi được sống hai ngày tại ngôi chùa cổ, như hình ảnh trong bài thơ Nhớ Chùa của Thi sĩ Huyền Không:

Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng làng

Có con đường đỏ chạy lang thang

Có hàng tre gợi hồn sông núi

Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng

Đây ngôi chùa Cổ ngày hai buổi

Cầu nguyện dân làng sống bình yên

Mái chùa che chỗ hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của Tổ tông

Sáng hôm sau phái đoàn lo phát xe lăn và quà tại ngôi chùa nhà, nên rất thanh thoi. Mọi việc đã có Sư Trụ trì và Phật tử chùa lo hết. Việc phát xe diễn ra trong trật tự, Ni Sư và Sư Cô Giác còn đủ thời giờ đi hỏi han các cháu bé đáng thương. Một bé gái học giỏi dễ thương, khiến Ni Sư có ý định đưa về Bệnh Viện Phục Hồi Chức Năng ở Sài Gòn để chữa trị. Phần tôi mãi lo chụp hình tối mắt nên chẳng hỏi han được ai. Gặp một ông cụ mặt mũi dạn dày sương gió, định giờ máy hình lên ngắm cho rõ nên nhỏ nhẹ nói: "Cụ làm ơn ngừng mặt lên một chút!"

Các người nhà con cháu cụ nhao nhao lên nói: "Cụ cười lên nào! Cười cho thật tươi". Ông cụ tuôn ra một tràng: "Khổ bỏ mẹ đi! Còn cười thế nào được!". Tôi phải chụp nhanh cho cụ đem xe về, nhờ để lâu cụ lại xoắn ra vài tràng chữ Nho thì nguy.

Đến trưa mọi việc đều xong, xét lại còn ba xe phải đưa đến tận nhà, hoặc đến chiều con cháu họ chờ đến.

Tuy nhiên chương trình buổi chiều còn phải đến Trại Phong ở Huyện Quốc Oai để phát 130 phần quà. Trại nằm ở sâu trong vùng núi nên khí hậu dễ chịu hơn. Bác sĩ tại đây cho biết Bệnh Phong đã bị diệt trừ từ những năm 80, khả năng lây bệnh không còn nữa. Những người được điều trị ở đây là căn bệnh Hậu Phong Biến Chứng. Trại này đã được Hội đoàn của người Đức bảo trợ, nguyên hệ thống điện nước đã được làm mới từ năm ngoái. Thôi cũng mừng cho các bệnh nhân ở Trại phong Hà Tây.

Trên đường về lại chùa Diên Phúc, tôi cố nài xin được viếng Chùa Thấy. Quả tình tôi nghe gà hóa quốc, cứ tưởng chùa Thấy là chùa Đậu chứa nhục thân của hai vị Bồ Tát nên nặng nề đòi đi. Sau được giải thích là của Thiền sư Vạn Hạnh nơi nuôi ngài Lý Công Uẩn, ai đem con thơ đem bỏ chùa này. Cuối cùng cũng sai bét, thôi đành đi luôn.

Về đến nơi tôi được tắm rửa thoải mái đi dạo cảnh chùa. Còn Sư Cô Giác phải đem xe lăn đến tận nhà chụp hình đến tối mới về, người thơm mùi tôm cá. Sư Cô hơn hỏ khoe, trên đường về gặp một gánh cá tươi rói, Sư Cô đòi mua để phóng sanh. Bên kia vì tình thế bắt buộc nên phải bán rẻ. Sư Cô ôm giỏ cá vào lòng chạy ra bờ sông chú nguyện cho chúng được quy y Tam Bảo. Nhỡ mai có chui vào bụng tay bọm nhậu nào cũng biết được Phật pháp, chóng được vãng sanh. Sư Cô vui sướng ra mặt nói, với số cá này ở Sài Gòn Sư Cô phải trả giá gấp ba. Bù lại Sư Cô phải giặt ngay bộ quần áo thơm mùi bất tịnh đáng sợ này.

Theo đúng chương trình chúng tôi được nghỉ ngơi một ngày, để chờ phái đoàn cứu lụt của chùa Bảo Quang từ Đà Nẵng ra. Đến tối điện thoại reng cho biết Ni Sư đã đổi lộ trình ra Thanh Hóa. Đường lên Yên Bái bị lở, xe lớn không vào được. Cách chỗ cứu trợ mười cây số, xe hơi phải bỏ lại, chỉ xe gắn máy hoặc người đi bộ mới được vào. Chúng tôi đành hủy chuyến đi, tìm đường trở về thành phố sớm.

Trước khi giã từ đất Bắc, chúng tôi được một anh Phật tử cho đi vòng quanh kiêu cuội ngựa xem hoa. Tìm lại nơi chôn nhau cắt rốn của Sư Cô Giác tại đường Hoàng Hoa Thám và của tôi tại phố Mai Hắc Đế. Các bạn có tin rằng cả ba người trong phái đoàn Bắc Du đều tuổi Quý Tỵ cả không? Làm thân con gái nếu không xuất gia thì phải xuất giá. Tôi vì bản Nhạc Sầu Tương Tư của người ấy mà phải chọn con đường thứ hai để trả cho xong món nợ tình. Được đi một chuyến thế này cũng đủ mãn nguyện lắm rồi, chẳng dám kêu ca.

Về chùa Bảo Vân ở thành phố, tôi bị bắt cóc ở chùa một ngày để viết bài và sang hình ra máy vi tính với Sư Cô Giác. Sau buổi điểm tâm, Ni Sư đã ân cần dẫn tôi lên một phòng thoáng mát biệt lập ở trên lầu cao để viết bài. Tuy không dọa nạt nhưng vẫn hiểu rằng, nếu chưa nộp bài thì chưa được về. Thỉnh thoảng Ni Sư vẫn ngắm cho người đưa lên trái dưa xiêm để bồi dưỡng. Hay vào phòng hỏi han xem tôi nguồn thơ đã lai láng đến đâu. Giống như hình ảnh của ông chủ bút đi đòi bài của các phóng viên các ké.

Viết mãi rồi cũng phải xong, tôi nộp bài cho hai vị Trụ Trì, rồi thu dọn tàn binh tìm đường tẩu sớm.

Chúc các bạn một ngày vui, thân tâm an lạc •



Tôi làm phi công

● Thích Như Điển

„Tôi làm phi công“ hay „chuyến đi không định trước“ là tiêu đề của bài viết này khi chúng tôi đã đến thăm nước Lào từ ngày 17 đến 19 tháng 10 năm 2005 vừa qua.

Ngồi trên chiếc máy bay Charter Air Lào bay với hai động cơ và chứa được 74 hành khách; tôi miên mang liên tưởng về chuyến đi này và nghĩ rằng: Không biết là mình có thể xin được Visa tại phi trường Vientian để vào Lào chăng?

Sau khi phi cơ đã đáp xuống an toàn trên phi đạo, tôi nhìn ra ngoài khung cửa nhỏ của phi cơ, thấy mọi sự sinh hoạt vẫn bình lặng của một chiều thu nơi thủ đô được gọi là Vạn Tượng này. Nhìn những khuôn mặt hiền từ nhưng không lạnh nhạt mấy của những nhân viên làm giấy tờ nhập cảnh, tôi như nhẹ nhõm và thoáng mỉm miệng cười, như để tự an ủi mình rằng: mọi việc không có gì đáng lo ngại lắm.

Tôi, Thầy Nguyên Thành và Hạnh Bốn ra khỏi phi trường không có hành lý; vì chuyến đi không định trước; nên tất cả đều vội vã và để tất cả hành lý ở lại Bangkok. Sư cô Thích Nữ Đàm Ngọc, Trụ trì chùa Bàn Long cùng với một số quý Thầy và một số Phật Tử khác cùng đến tận phi trường để đón chúng tôi về chùa.

Tôi quan sát nhà cửa phố xá ở hai bên đường đi và có sự so sánh với Thái Lan cũng như Ấn Độ; những nước mà chúng tôi đã đi qua; thấy nơi đây có một cái gì đó chưa định nghĩa rõ ràng được; nhưng cũng gợi lên trong tôi một cảm giác nhẹ nhàng với một đất nước mà qua bao lần thay chủ đổi ngôi. Tôi biết rằng: Ngày xưa Lào là một Vương Quốc trị vì theo tinh thần của Phật Giáo; rồi năm 1975 họ đã tự biến mình thành chủ nghĩa cộng sản và bây giờ hình ảnh cộng sản ấy chỉ còn thấy nơi lá cờ đỏ trên đó có búa liềm của Liên Xô cũ; mà vốn lá cờ này sau khi cộng sản Nga Sô sụp đổ vào 1990, họ không còn dùng nữa; mà chỉ dùng lá cờ của nước Nga bằng ba màu trắng, xanh, đỏ. Trong khi đó tại phi trường của Lào cũng như dọc theo hai bên đường vào thành phố đầu đó vẫn còn treo những lá cờ đỏ búa liềm phát phối song song với cờ Lào; trông như một người hoài cổ đã ở vào buổi xế chiều. Có lẽ toàn dân Lào không biết rằng chế độ cộng sản Nga Sô đã bị giải thể và biến thành chế độ tự do cùng với các nước cộng sản Đông Âu cho đến nay cũng đã hơn 15 năm rồi. Hoặc nước Lào đã thọ dụng những ơn nghĩa của cộng sản Liên Xô cũ; nên vẫn còn vương vấn một vài điều trong quá khứ chăng?

Đến trước cổng chùa Bàn Long chúng tôi được đón tiếp bởi sư cô Đàm Quy và các Phật tử bằng hai hàng chào ở hai bên cổng ra vào. Đoạn chúng tôi vào chánh điện lễ

Phật, rồi lễ Tổ và xuống trai đường để thăm hỏi những Phật tử hiện diện tại nơi đây. Được biết rằng chùa này do cố Hòa Thượng Thích Trung Quán và Hòa Thượng Thích Nhật Liên đã khai sơn và xây dựng cách đây đã hơn 50 năm rồi. Năm 1975 cố Hòa Thượng Thích Trung Quán đã ra đi ty nạn cộng sản đến Pháp Quốc và Ngài đã đến Paris thành lập chùa Hoa Nghiêm và ở tại Bỉ vùng Bruxelles cũng có một chùa Hoa Nghiêm như thế. Ngoài ra tại Pháp cũng có một vài chùa do Ngài lãnh đạo như ở Lille, Limoges... Ngày nay thì Ngài đã không còn nữa. Vì Ngài đã viên tịch cách đây hơn 2 năm; nhưng những Kinh sách giá trị của Ngài đã dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt như bộ Đại Trí Độ Luận gồm 100 quyển, là một tác phẩm đồ sộ nhất của Ngài vẫn còn lưu truyền lại cho đến ngày nay, mà tôi mỗi tuần một lần căn cứ theo bộ Luận này để hướng dẫn cho Tăng chúng chùa Viên Giác suốt trong 5 năm qua mà chỉ mới được 50 quyển.

Còn Ngài Hòa Thượng Nhật Liên là đệ tử của cố Đại Lão Hòa Thượng đệ tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu đã bị tòa Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975 trục xuất về Việt Nam với lý do là có liên hệ với cộng sản. Rồi cách đây 12 năm khi cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu viên tịch tại chùa Linh Mục, Huế. Hòa Thượng Nhật Liên, Thượng Tọa Trí Tụ là những người đệ tử của Ngài nhưng rất khó khăn để được cư tang trong đám tang của cố Đại Lão Hòa Thượng. Vì chính quyền cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ họ bảo rằng Hòa Thượng Thích Nhật Liên theo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Một buổi sáng vào ngày 19 tháng 10 năm 2005 tại phòng khách chùa Bàn Long tôi đã tiếp chuyện với một cụ già Việt Nam năm nay 84 tuổi và sống tại Lào gần 70 năm, đã cho tôi biết sự thật về vấn đề trục xuất Ngài Nhật Liên rằng: Thuở ấy có con của ông Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa bị chết và đem vào chùa Bàn Long làm lễ cúng 49 ngày; nhưng vì lý do nào đó Ngài Nhật Liên không làm chủ lễ. Thế là một linh trực xuất được ban hành.

Đến đây để thấy công đức của người xưa và thấy được sự hư giả của cuộc đời ảo mộng. Vì thế đức Phật dạy rằng: Tất cả các pháp đều không có tính nhất định; cái đúng của ngày hôm qua có thể là cái sai của ngày hôm nay và cái sai của ngày hôm nay cũng có thể là cái đúng của ngày mai. Con người vốn không phải là tội nhân của lịch sử, mà lịch sử thì bao giờ cũng phải sang trang để nhường lại cho người khác làm nên một lịch sử mới. Do vậy đúng hay sai, chánh hay tà chỉ có thời gian mới thể trả lời được hết. Ví dụ trường hợp của Ngài Nhật Liên là một; ở đây thì họ bảo theo kia và ở kia thì họ bảo theo nơi khác. Như vậy thì cái gì đúng và cái gì sai ở trong cuộc đời tương đối này?

Đến đây chúng tôi mới biết được rằng ngày hôm ấy 17 tháng 10 năm 2005 nhằm vào ngày 16 tháng 9 âm lịch năm Ất Dậu là ngày lễ ra hạ của chư Tăng Nam Tông ở các nước Lào, Thái, Miến Điện v.v... Do vậy các công tu sở đều đóng cửa để mọi người có cơ hội đến chùa làm lễ Takbac (lễ cúng dường Trai Tắng). Đêm hôm đó chúng tôi đi nghỉ thật sớm để còn dậy sớm vào lúc 4 giờ tụng Kinh Lăng Nghiêm; rồi ăn sáng và dùng thời giờ còn lại để đi thăm các chùa trong Kinh Đô nhân ngày mãn hạ tứ của chư Tăng.

Thủ đô Vientiane vốn nhỏ hơn Đà Nẵng; nhưng cứ cách một con đường là có một Đại Tự. Điều đó chứng tỏ rằng lòng tin Phật của người Phật Tử Lào khó diễn tả hết được

bằng ngôn từ. Chúng tôi vào một ngôi chùa được gọi là linh thiêng hàng đầu tại đây thì thấy nam thanh nữ tú; ông già bà cả; trẻ con theo mẹ đến chùa trên tay gồm một bình bát trong ấy có đủ loại thực phẩm cũng như tịnh tài để cúng dường chư Tăng nhân ngày mãn hạ. Họ sắp thành hai hàng thẳng lối đi đến hai bên dãy bàn có để sẵn mấy chục cái bình bát lớn và cứ thế thí chủ cứ phổ đồng cúng dường mà không thấy mặt một vị Tăng nào cả. Sau đó những người Tịnh Hạnh nhưn tại chùa mới tháo lại những cửa cúng dường ấy vào một cần xé lớn và bình bát lại trống không để cho đoàn người tiếp tục bỏ vào đó để cúng dường. Chúng tôi len lỏi vào bên trong Đại Điện thì thấy nơi đây đã chật ních cả người. Hàng bên trên cùng hàng đối diện với Phật tử là chư Tăng và vị Sư Cả của chùa. Có một vị đang giảng pháp và mọi người đang chăm chú lắng nghe. Cũng có một số người Tây phương tham dự lễ Takbac, họ lắng nghe rất thành kính; nhưng có thể chẳng hiểu gì vì các Sư nơi đây chỉ giảng bằng tiếng Lào.

Tôi quan sát thấy một người mẹ cầm tay con mình



hướng dẫn cho cách rải nước xuống mặt đất để chúc phúc, sau khi đã cúng dường xong; một tay bé đưa ngang ngực; tay kia cùng với mẹ thể hiện lòng từ; trong khi đó miệng lầm rầm cầu nguyện. Vì hình ảnh dễ thương và trang trọng này tôi đoán chắc một điều dầu 1000 năm sau nữa nước Lào vẫn là một nước Phật giáo với 90% dân số; dấu cho vật đổi sao dời và chính quyền nào có thay ngôi đổi chủ thì ở tại đất nước này cũng chẳng có gì đổi dời cả, nhất là niềm tin vào tôn giáo đã ăn sâu vào từng thớ thịt của người dân.

Chúng tôi cũng có dịp tiếp xúc với phó Vua Sãi và Vua Sãi của Lào. Các Ngài rất từ bi và mở rộng tấm lòng. Vua Sãi cho chúng tôi biết rằng: Người Lào ưa làm phúc bố thí cũng như xây chùa. Do vậy nơi nào cũng toàn là chùa cả. Ngài nói tiếp: Người Lào chỉ biết sống cho hiện tại và ít có để dành cho tương lai. Vì thế mà họ rất tự tại. Khi được hỏi rằng tại đây có bao nhiêu Tăng sĩ và bao nhiêu ngôi chùa, thì Ngài đáp rằng: Tại Lào hiện có 27.000 Tăng sĩ là hơn 10.000 ngôi chùa trong số hơn 5 triệu dân.

Như thế nếu có một sự so sánh với Việt Nam chúng ta có tới hơn 80 triệu dân mà chỉ có hơn 40.000 Tăng sĩ và hơn 20.000 ngôi chùa từ Bắc tới Nam, là một con số rất khiêm nhường.

Sau khi cúng dường Ngài và được Ngài kể rõ tỉ mỉ thêm là nước Thái Lan đã đem cúng dường cho Ngài một tượng Phật bằng thạch ngọc giả thay thế cho tượng thạch ngọc thật mà họ đã lấy tại chùa Wat Prakeo đem về Thái để thờ trong những thế kỷ trước. Đoạn Ngài chỉ về hướng của pho tượng nằm trong cung của bàn thờ rồi cười lớn. Tiếng cười ấy như hàm ý trách móc; nhưng cũng có thể là một sự cảm thông. Vì người Thái đem về đây cũng để thờ tự; chứ không phải để triệt thoái một Vương triều, mà đã có lần Vua Rama thứ IX của Thái Lan vào đầu thế kỷ thứ 21 đã tuyên bố với

những nhà truyền giáo Tây phương rằng: „Quý vị có thể cải đạo hết dân tôi; nhưng có một người mà quý vị không thể cải đạo Phật thành đạo Thiên Chúa Giáo được. Đó là tôi“. Một ông vua Thái Lan như thế; một hình ảnh em bé theo mẹ đi chùa như thế và những tấm lòng tin Phật của những người tại các xứ Phật giáo này; khiến cho chúng ta đoán chắc rằng là những nơi đây không bao giờ họ đánh mất niềm tin vào đạo Phật cả. Chứ không phải như ai kia ở Việt Nam tuyên bố rằng: “Thà mất nước chứ không mất đạo“. Còn ở đây nước họ vẫn theo đạo Phật và ngày ngày đang phát triển.

Chiều ngày 18 tháng 10 năm 2005 trên chánh điện chùa Bàn Long tôi có một thời pháp ngắn trong hơn 1 tiếng đồng hồ với tựa đề là: „Củng cố một niềm tin“ với gần 30 kiều bào hiện diện. Họ là những người đã sinh ra và lớn lên ở xứ này gồm nhiều thế hệ khác nhau nhưng vẫn còn nói ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Việt Nam; khiến tôi rất mừng.

Tối hôm đó Thầy Nguyễn Thành, chú Hạnh Bản, Sư cô Đàm Ngọc và anh Keo người Lào đã ra tận dòng sông



Mékong để tham dự lễ hội để thả hoa và đèn xuống dòng nước, mà theo tục lệ người Lào đây là một sự Sám hối của chính mình trong suốt cả năm qua đã gây nên biết bao nhiêu tội lỗi trong cuộc đời, nhờ dòng sông chuyên chở và gội sạch những tai ương trong cuộc sống. Thật là một lễ hội mang nhiều ý nghĩa trong cuộc đời với niềm tin yêu vào tôn giáo một cách sâu sắc nhân ngày tự tử của chư Tăng.

Sáng hôm sau ngày 19 tháng 10 năm 2005 sau thời khóa Công Phu và dùng sáng chúng tôi ra tận bờ sông Mékong một lần nữa để xem đua thuyền và chính bản thân tôi đã dùng chính bàn tay của mình khoát nước sông Mékong để rửa sạch những bụi trần của nội tâm và hàm ý gởi về Việt Nam theo dòng sông Mékong này tâm tình của người xa xứ gần 35 năm chưa có một lần trở lại như tâm sự của Hạ Tri Chương đời Đường đã có thơ rằng:

*Thiếu thiếu ly gia lão đại hồi
Hương âm vô cải mao mai thôi
Nhi đồng tương kiến bất tương thức
Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai.*

Tạm dịch:
Tuổi nhỏ xa quê, già trở lại
Giọng quê không đổi, tóc mai thay
Trẻ con tuy thấy nhưng chẳng biết
Cười hỏi khách rằng, đến nơi nao?

Trên đường trở về chùa với những bước chân chậm rãi, tôi quan sát một người mẹ dẫn con đã tự động ngồi xuống với hai tay chắp lên ngang ngực cúi đầu; như để thi lễ trước những nhà Sư đang bước qua. Hình ảnh này và hình ảnh tại phi trường Thái Lan khi chư Tăng đến hoặc đi đều được những nhân viên lo lắng giấy tờ một cách cung kính tận tình, khiến cho tôi liên tưởng đến những người Việt Nam không

hiểu đạo cổ chen lấn với chư Tăng để đi trước; hoặc giành phần tốt về cho chính mình; thì quả thật rằng đất nước Việt Nam mình và Phật Giáo Việt Nam của chúng ta phải còn học hỏi ở Lào cũng như ở Thái Lan nhiều lắm; mà vốn dĩ chư Tăng chỉ mang trong người một hạnh nguyện lợi tha với chữ KHÔNG to tướng thì có gì đâu để mà lấn lướt với chư Tăng.

Rồi chùa Bằng Long với những tấm lòng chân tình của anh Keo, anh Lộc; của những người Hoa và người Lào, người Việt; với sự cung kính của nhị vị Sư cô đã làm cho phái đoàn có nhiều cảm tình đặc biệt, như đã có lần Thầy Đồng Văn cùng Hạnh Giới và Hạnh Tuệ sau khi đi Lào về có viết một bài đăng trên báo Tâm Giác, với nhan đề là „Ai Lao đi để khó về“ cũng đúng như tâm trạng của chúng tôi vào ngày 19 tháng 10 năm 2005 này.

Một lễ tự tứ mãn hạ của chư Tăng đã kết hợp với lễ truyền thống của dân tộc như thế; quả là những ngày lễ đầy ý nghĩa và cũng cho đức tin tôn giáo cũng như văn hóa của dân tộc này.

Rồi phi trường Vientiane với bao hoài niệm và mong rằng sẽ có ngày trở lại chốn này.

Sau khi làm thủ tục xuất cảnh, chúng tôi lên máy bay để trở về Bangkok và chuẩn bị cho một chuyến đi dài hơn thế nữa thì một chuyện lạ lại xảy ra. Đó là việc „Tôi làm phi công“ bất đắc dĩ cũng giống như chuyến đi không định trước đã diễn ra một cách nhịp nhàng trong 3 ngày tại xứ Lào.

Dường như tôi nghe không rõ bằng ngôn ngữ tiếng Anh thật điều luyện của cô chiêu đãi viên: „Xin mời Ngài vào phòng lái. Vì có sự yêu cầu của 2 phi công“.

Tôi hỏi lại cho kỹ một lần nữa: Có phải là tôi lên ngồi hàng đầu không?

Cô ta lắc đầu và bảo rằng: Ở tận bên kia cánh cửa của phi công kia.

Tôi mở cửa bước vào và một trong hai phi công hỏi tôi bằng tiếng Lào; tôi chẳng hiểu gì cả và bảo lại rằng: Tôi chỉ có thể nói được: Tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hoa và một ít tiếng Nga. Vậy ông có thể tự chọn một ngôn ngữ để nói chuyện.

Hai người cùng nhòen miệng cười và nói:

- Thôi thì chúng ta hãy đàm thoại bằng tiếng Anh đi.

Đoạn người phi công trưởng hỏi tôi rằng: Tôi nghe nói tại phi trường, Ngài có nhiều vật kỷ niệm để tặng cho Phật tử phải không?

Tôi tự hỏi rằng: Sao mà thông tin ở xứ Lào nhanh đến thế? Rồi trở lại chỗ ngồi của mình để lấy những quà biếu đem trở lại tặng cho hai người. Rồi phi công trưởng bảo tôi: Thầy có muốn ngồi xuống để xem không?

Tôi đáp: Tôi thấy chỉ toàn là mây không, đâu thấy gì để xem. Tôi muốn trở lại chỗ ngồi của tôi và trước khi máy bay hạ cánh chừng 20 phút tôi sẽ trở lại đây một lần nữa. Chắc quý ông đồng ý?

Sau hai cái gật đầu, tôi trở lại chỗ ngồi của mình với những cái tò mò của người ngoại quốc đi chung chuyến và chính chúng tôi cũng nghĩ rằng: Trong đời này đó là lần đầu tiên mà tôi vào phòng lái của phi công trong khi máy bay đang bay ở cao độ và chắc rằng không có thể xảy ra lần thứ hai trong đời mình nữa.

Nhân viên của phi hành đoàn báo hiệu các hành khách phải cài dây an toàn, thì chính lúc đó cũng là lúc tôi tự động mở cửa phòng lái vào bên trong với hai phi công để xem máy bay hạ cánh như thế nào. Trong khi người phi công trưởng chỉ cho tôi cách hạ ghế xuống và gài dây an toàn để ngồi; thì người phi công phụ đang ghi chép liên tục những độ cao thấp mà đường bay nào để phải hạ cánh.

Tôi quan sát một vòng của phòng lái thấy từ trên đầu đến trước mặt ít nhất cũng có từ 500 đến 1000 tín hiệu khác nhau. Tôi liền hỏi ông trưởng phi công rằng: Ông học lái ở đâu và được đào tạo như thế nào?

Ông ta đáp: 5 năm học ở Nga, 1 năm học tại Trung Quốc và 1 tháng luyện tập tại phi trường Frankfurt.

Ochin Karasho! Tuyệt vời! Đó là tiếng Nga mà tôi khen ông phi công trưởng. Đoạn tôi tiếp:

- Những người phi công phải những người có đầu óc thông minh lắm mới điều khiển được một bộ máy vĩ đại thế này. Và lại nếu một trong hai người không đồng ý với nhau thì chắc là những hành khách sẽ là những nạn nhân phải không ông?

Sau khi ông cười đáp lễ, ông ta điều chỉnh những nút nghe vừa phải. Vì trong phòng lái những tín hiệu từ tổng đài phát ra liên tục bằng cả giọng nam lẫn giọng nữ với ngôn ngữ tiếng Anh thật điều luyện.

Thế rồi những bánh xe máy bay được thả xuống; tốc độ cũng như độ cao được hạ dần; tôi nhìn thấy đất liền và xa xa phía trước là phi đạo của phi trường Bangkok. Nhìn hai cần lái của hai phi công tôi liền tưởng đến cần lái tự động của xe hơi. Cũng bấm tới trả lui; tăng và giảm tốc độ; dường như trên không trung cũng có một con đường để đi. Tuy rằng không hiện thực như hành giả tu theo pháp môn Tịnh Độ muốn bay về cõi Tịnh của đức Phật A Di Đà. Tuy

không có lỗi đi để nhìn thấy như là một sự phác họa vô hình trong 48 lời nguyện của đức Từ Phụ A Di Đà, thì đoán chắc rằng ở cõi Tây phương phải là một hiện thực trong vô tướng của nó.

Máy bay đã đáp cánh xuống phi đạo an toàn và ông phi công trưởng còn chỉ cho tôi thấy rằng: Một phi đạo mà cả hai đường lên và xuống, quả là rất nguy hiểm.

Tôi bảo rằng: Nếu không giới tiếng Anh càng nguy hiểm hơn nữa và tôi hỏi tiếp ông: Lần nào cũng đậu một chỗ giống nhau hay sao?

Ông ta bảo: Mỗi lần mỗi khác và tùy theo sự điều

khiển của đài Kiểm soát Không Lưu và ông ta nói tiếp: Tại sao Thầy không mang máy chụp hình theo?

Tôi đáp: Vì vội quá.

Ông ta bảo: Thôi lần sau nhé và chắc chắn tôi sẽ để cho Thầy ngồi suốt đoạn đường và sẽ cùng nói chuyện với tôi trong khi lái.

Chúng tôi bắt tay nhau và hẹn ngày gặp trở lại.

„Tôi làm phi công“ và chuyến đi không định trước như đề tài của bài này đã giới thiệu bên trên; nhằm giới thiệu đến những người đã có tâm hướng thượng và giới thiệu một vài nét đơn sơ về truyền thống sau lễ tự tứ mãn hạ của chư Tăng tại Lào. Nếu ai muốn biết rõ ràng hơn thì nên một lần đặt chân đến đây để tỏ rõ ngọn ngành.

Viết xong tại Bangkok vào một chiều thu chung quanh những chùa viện san sát bên nhau (2005).

Chiếc xe mang số B-52

● Truyện ký của Hiếu Đệ

Chiếc xe đồ mang số B52035 chạy vòng quanh bến Khổng Tử trước Chợ Lớn Mới, có tiếng cô nàng trên xe mời khách:

- Sài Gòn, Mỹ Tho, Chợ Gạo xe chạy liền đây! Ai có đi thì lên đi! Đi hông chú, đi hông thím, đi hông cô?

Bỗng đâu có 3 người khách từ trong quán cà-phê bước ra ngoắc xe lại hỏi:

- Xe chạy Mỹ Tho hà? Có đi ngang Hòa Đồng không?

Trên xe có tiếng trả lời:

- Có chứ! Lẹ đi, lên xe mau kẻo *phú-lít* phạt tôi bây giờ, tội nghiệp tôi lắm các ông ơi!

Mấy người khách bước lên xe hành lý cũng chẳng có gì, ngoài mấy túi xách và mấy chiếc cần câu được xếp lại gọn gàng. Những người khách ngồi yên nơi yên chỗ và xe tiếp tục chạy. Cô nàng lơ xe hỏi:

- Bộ mấy chú đi câu hả? Chà vui quá hèn! Chẳng phải ngày cuối tuần mà mấy chú cũng rành rang đi câu cá. Tội đoán không sai mấy chú cũng thuộc hàng công tử đó nghen. Chú này với chú này chắc là sĩ quan cải tạo mới được về phải hông chú?

Những người khách mới lên xe bật ra cười:

- Hay quá, chị này đoán sao trúng phúc.

Bây giờ cho phép mấy đứa tui đoán lại chị nghen, được hông?

- Ủ, thì cứ đoán thử coi có gì mà không được, đoán trật thì thôi có ai bắt phạt gì đâu mà sợ.

- Tôi đoán ra chị này ít nữa cũng là một mệnh phụ phu nhân sắc nước hương trời đó chứ chẳng vừa đâu. Có lẽ chị là vợ của một sĩ quan cải tạo mà ông quan này ít nữa cũng phải bị đi cải tạo đến hết mùa.

Chị Muối ngồi làm tài xế xe ở phía trước nói với ra sau:

- Thua rồi em ơi! Mấy ông này đoán không sai tí nào.

Con nhỏ này nó là vợ của họa sĩ Hiếu Đệ đó, ông ta là Đại úy của phòng Báo chí Cục Tâm Lý Chiến. Chồng nó cũng đi cải tạo cũng như mấy ông vậy đó.

Mấy ông khách cười lẫn ra:

- Thôi chết rồi, ông Hiếu Đệ này tội nặng hơn tội tôi nữa, ông ta đã từng vẽ một chục thằng Việt Cộng đánh đu không rụng cọng đu đủ ai lại không biết. Còn lâu ông mới được thả về. Ông ở cùng một trại với tui chứ đâu.

Chị lơ xe bị đoán trúng tim đen cũng ngồi cười quá cỡ.

Chị Muối nói như có vẻ cảnh giác:

- Con nhỏ này ngồi giỡn cho cổ đi. Em bị người ta kiện rồi đấy. Hôm qua chị thấy người ta đưa đơn vào Ban Điều Hành Hợp Tác Xã Thống Nhất kiện em cái tội sang khách qua xe chị ở ngã ba Phú Lâm để quay trở về đem xăng đi bán kiểu làm ăn gian lận. Ông khách kiện chị thấy kỳ tên một ông bác sĩ tên Tân đó em có biết không? Bây giờ ông cũng đang ngồi ở hàng ghế dưới trên xe mình đó.

Cô Mười lơ xe hơi giận giỗi cổ ý nói thật lớn cho cả xe cùng được nghe:

- Bác sĩ cóc khô gì, đồ thằng cha bán thuốc tây lậu thì có. Cái mặt thằng cha thấy bắt ghét. Sang khách mỗi lần cả chục người có ai lại đâm đơn đi kiện như thằng cha này đâu.

Thời buổi ngắn sống cách chợ làm ăn khó khăn ai cũng phải mảnh mung chút đỉnh để nuôi con nuôi chồng vậy mà còn sống không nổi. Hướng chi chồng em là người bị đi cải tạo. Em phải một mình thay chồng nuôi con, sao chả lại còn chơi xử ác với em, kiện em để làm gì? Đồ thằng cha không biết điều, bác sĩ đâu mà ác vậy?!

Bác sĩ Tân người hàng ghế dưới chột bị đàn bà chửi mà không dám lên tiếng, ông ta đành kéo mũ xuống che mặt. Được một lúc xe chạy qua khỏi trạm Tân An, lơ xe khởi sự thâu tiền vé và nói:

- Bà con ơi! Tắt thuốc lá qua cầu, ăn trầu nhà bà bỏ trên xe, lấy tay lấy chân vô. Cho tui thâu tiền vé đây, bà con ơi!

Cô Mười ngạc nhiên thấy ông Bác sĩ Tân ở cuối hàng ghế của chiếc xe đứng dậy phụ thâu tiền vé của hành khách đưa lên giúp nàng. Cô lơ xe chỉ trơ mắt đứng nhìn cũng chẳng biết nói sao. Cô ta stop cơn giận lại nở nụ cười có vẻ như xin lỗi.

Qua ngày hôm sau, ông bác sĩ này đến Ban Điều Hành Hợp tác xã xe khách Thống Nhất rút đơn lại không thừa kiện xe mang số B52035. Ông Sáu Lựa, Chủ tịch Hợp tác xã bật cười kêu bà Đệ hỏi:

- Bà làm sao để người ta kiện bà, mà thuở nay lại có vụ kiện gì chỉ trong một ngày mà người ta xin rút đơn lại vậy?

Thật ra Hợp tác xã Thống Nhất chỉ có hai người phụ nữ tài xế lái xe đồ mà cũng xảy ra không biết bao nhiêu chuyện thua kiện, đó là bà Đệ, bà Chín. Mấy người trong bến xe họ kêu cả hai bà là bà B52. Đến ông Chủ tịch Hợp tác xã cũng nể hai bà này là vì ông có tội học ít chữ nghĩa hơn và tính toán còn chậm rì hơn xã viên. Bà Đệ còn hù ông ta là:

- Hồi đó tôi chỉ lái xe *xi-bo* Toyota, Plymouth hai cửa đi nhảy đầm chớ không ai hơi sức đâu đi cải xe đồ dài nghêu chớ khách như thế này đâu, nói cho ông Chủ tịch biết đừng có giỡn mặt với tôi nghen.

Bảng đi một lúc đến một hôm vợ chồng Bác sĩ Tân đến xưởng vẽ của tôi xin chọn mua một ít tranh để gởi cho mấy người thân ở Pháp. Trong khi hai vợ chồng đang ngắm tranh thấy vợ tôi và bốn đứa con từ dưới nhà bếp kéo lên. Ông bác sĩ nói với vợ vài câu và quay lưng đi. Tôi nghe ông bảo là:

- Em cứ chọn tranh đi, bức nào em thích có nghĩa là ý anh cũng thích, anh ra ngoài mua bao thuốc lá.

Mấy đứa nhỏ nhà tôi reo lên nói với mẹ:

- Ý, mẹ ơi cái ông khách đứng trong nhà mình sao con thấy quen quen, để con nhớ xem đã gặp ở đâu này.

Đứa khác nói vô:

- Thôi con nhớ rồi mẹ ơi! Hôm rồi ông sắp hàng chen lấn đứng sau lưng tui con để mua vé xe đồ đi Mỹ Tho ở quầy vé Hợp tác xã xe khách Thống Nhất đó mẹ.

Vợ tôi đưa ngón tay lên môi làm dấu kêu tui con đừng nói nữa bẻ mảnh hết. Chuyện như thế này, bữa đó vợ tôi bảo lũ trẻ nhà tôi rù thêm trẻ hàng xóm nữa là hơn chục đứa vào xếp hàng mua vé chuyển xe nhà mang số B52, rồi lên xe ra tới Phú Lâm sang khách qua xe chị Muối, xong chở mấy đứa nhỏ về cho tui nó đi học. Ông Bác sĩ Tân được mời sang xe khác ông ta giận quá gọi xích-lô trở lại bến xe viết đơn kiện chiếc xe số B52 trở về đi bán xăng lậu, thật ra đó cũng chẳng phải là xăng lậu mà chính là phần xăng dầu của Hợp tác xã cấp cho chiếc xe chạy trong chuyến tài đó thôi. Như vậy phần xăng dầu nhà nước cấp cho mỗi chiếc xe là tuần lễ 5 tài thì mình chỉ chạy chừng một hai tài thôi còn bao nhiêu thì bán đi chứ ai lại dám trữ xăng dầu trong nhà. Hơn nữa vé xe bán theo giá chính thức của nhà nước thì nhà xe đâu còn ăn được gì. Mấy chiếc xe bạn cũng phải đoàn kết với nhau chạy, nay người này mai người khác cùng chia nhau tiền xăng để kiếm tiền xài. Đến những người cán bộ

lãnh đạo họ cũng đồng ý với nhau giải thích danh từ xã hội chủ nghĩa tức là mảnh mung, chôm chia, chứ chẳng có Mác-Lênin hay tu tưởng Hồ Chí Minh gì cả đừng có hỏi đông dài thêm mắc cỡ. Làm cán bộ phải biết tham nhũng, tên nào chơi đại không biết điều sẽ bị đuổi đi chỗ khác chơi. Đảng viên lương thiện sẽ bị vất vào sọt rác. Tôi để bà Đệ tiếp vợ ông bác sĩ, còn tôi thì ra đầu ngõ đứng nói chuyện với Bác sĩ Tân.

Tôi và Bác sĩ Tân là hai người bạn chơi thân với nhau từ lúc còn ở trong sân trường Tiểu học Phan Thiết. Hai đứa cùng có chân trong một hội banh đi đấu với mấy trường khác. Khi lớn lên mỗi đứa đi một ngành khác nhau cùng đi học ở Sài Gòn. Mỗi năm đến vụ hè chúng tôi thường gặp nhau trên chuyến xe lửa về quê, chạy suốt cả một ngày trời trên đường sắt, cho đến tối mịt mới về tới tỉnh nhà. Thường thì trên chuyến xe chúng tôi được làm quen với nhiều bạn gái. Mấy nàng này đi học Sài Gòn đều là con nhà có tiền, trong thuở học trò anh cũng theo đuổi vợ tôi rất nhiều năm, đếm ra thì cũng kỷ niệm đến ba bốn mùa hè chớ chẳng chơi đâu. Tôi có hỏi vợ tôi tại sao anh Tân không tán tỉnh gì với em được. Vợ tôi cười trả lời rằng:

- Tại anh Tân anh ấy hiền chứ đâu có gian ác như anh vậy. Chưa tán tỉnh người ta bao nhiêu câu mà đã hôn người ta rồi, thành ra em còn chọn ai được nữa bây giờ. Anh là nghệ sĩ, tình yêu của anh có khác với anh Tân một bác sĩ sắp ra trường, họ đang hoang mang nghiêm chỉnh hơn anh nhiều.

Tôi cố bênh vực anh Tân:

- Bộ chính sự đảng hoang nghiêm chỉnh đó mà ảnh bị thua anh sao?

Vợ tôi cười:

- Thôi anh ơi! Chuyện đời chẳng qua do ông trời xếp đặt.

Chị ta không còn gì để cãi với tôi nữa. Như vậy cũng chỉ là một kiểu chạy tội. Cũng như cuốn phim Tàu thôi.

Vợ chồng Bác sĩ Tân có mua của tôi một số tranh lụa tôi vẽ cảnh Huế. Anh Tân có cho tôi địa chỉ và mời tôi xuống nhà uống rượu.

Sống dưới chế độ CS không biết họ làm sao mà mọi người trở thành xa lạ với nhau hết, có khi lại còn thù nghịch với nhau nữa là đằng khác. Lũ bạn cùng đánh đáo với tôi ở sân trường nó được tập kết ra Bắc nay về. Bọn chúng còn cậy mai mối xin được đến nói chuyện với tôi. Đến đổi tôi phải chửi thề:

- Khổ quá tội mày lại làm như tao là đàn bà cũng không bằng. Ai bày tội mày như vậy?

Tội nó còn nói chính tội tao đảng viên với nhau mà còn phải gọi ra nói nhỏ trong lỗ tai không dám để cho người thứ ba nghe chuyện của mình. Tất cả mọi người phải biết nghi ngờ nhau thì mới sống được. Như vậy con người trở thành ác thú rồi còn gì. Những con người hưởng thiện ngay thẳng như Bác sĩ Tân lại phải mắc cỡ trước những người khác, thật cũng là một chuyện lạ đời! Chính cũng do cái tính ngay thẳng và đứng đắn khiến anh đang làm Giám đốc Bệnh viện Mỹ Tho bị họ trục xuất đi kinh tế mới. Thật ra con người mang tính khoa học như anh bắt buộc phải chính xác đảng hoang không được sai lệch, cho nên thấy chuyện sai trái anh không chịu được. Dĩ nhiên là anh phải có phản ứng ngay. Tôi có giải thích cho vợ con hiểu về chuyện thua kiện của Bác sĩ Tân cốt để hai người không còn giận hờn nhau nữa. Bề nào chúng tôi cũng là bạn bè với nhau cả, chúng tôi cùng sống với nhau suốt một thời thơ ấu ở quê nhà.

Cũng may cho Bác sĩ Tân anh vượt biên được trốn lọt vào năm 1985. Tôi đến nhà thăm anh thì được gia đình cho biết là anh đã đến trại Palawan ở Philippine cùng với vợ là chị

Chiêm bái Ngũ Đài Sơn



*Đoàn người lên núi hành hương
Chiêm bái thánh tích dâng hương các chùa
Tọa lạc trên Ngũ Đài Sơn
Ngôi chùa nổi tiếng Bích Sơn đi đầu
Tiếp theo đến chùa Trúc Lâm
Dâng hương lễ Phật lâm râm nguyện cầu
Buổi chiều lên Bạch Tháp cao
Công trình xây dựng lớn lao vô ngàn
Xuống Tháp qua chùa Hiến Thông
Chùa lâu đời nhất bên trong Ngũ Đài
Đời Đông Hán chùa được xây
Qua bao triều đại ngày nay còn truyền
La Hầu Tự tiếp theo liền
Cây xanh bóng mát hoa viên quanh chùa
Hưởng thơm ngào ngạt gió lùa
Ngát hương đạo vị gió mưa thuận hòa
Đến chùa Thất Phật không xa
Văn Thù tôn tượng nguy nga cao vồi
Sân chùa có tảng đá nằm
Văn Thù xưa đã thường nằm hằng đêm
Tướng truyền tảng đá linh thiêng
Có lực chuyển biến Thần Tiên nhiệm màu
Nhất tâm thành kính nguyện cầu
Phật Đà giáo pháp ngàn sau trường tồn...*

Thái Nguyên, ngày 20.09.2004

• **Thiện Lâm Phạm Văn Mộc**

Ảnh trước là Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng Mỹ Tho. Chúng tôi rất mừng cho anh chị và cầu chúc anh chị thành công trên con đường làm lại cuộc đời trên quê hương mới.

Năm vừa qua tôi đi theo anh em trong cộng đồng lên thành phố Ann Arbor thăm bác Nguyễn Xuân Vinh. Bác Vinh có mở cửa cho xem phòng nghiên cứu về không gian của trường Đại học Michigan, nơi bác làm Khoa Trưởng của ngành này. Một phòng nghiên cứu rất lớn và đầy đủ. Tôi nói đùa với anh em: "Điều này bác Vinh mà về Việt Nam chỉ có nước đi làm ruộng thôi". Nhà nước Cộng Sản làm cóc gì thiết lập nổi được một cơ sở nghiên cứu như thế này. Phải như thế này bác mới tạo nên những nhà khoa học như Tiến sĩ Lê Văn Lực và nhiều nhà khoa học rất lỗi lạc trên thế giới... Chú ở Việt Nam nước ta chỉ sản xuất nên những anh hùng tham nhũng, buôn lậu như Phạm Huy Phước Tameco, Nguyễn Xuân Trường ở Lao Kay. Những tên Pol Pot Việt Nam chuyên môn diệt chủng đồng bào ta bằng vi khuẩn HIV, bằng xi-ke ma-túy, bằng một nền kinh tế què quặt và nghèo đói. Bọn chúng đang ngồi chễm chệ trong tập đoàn Hà Nội để chờ nhân dân đứng lên treo cổ chúng. •

Con đường thiên lý



Mùa hè đỏ lửa, chiến trường Quảng Trị còn đang diễn ra ác liệt, đôi bên quyết tranh giành nhau từng tấc đất thì vào đầu tháng 4/1972 đối phương lại mở ra chiến trường mới nhằm búng chốt cứ điểm Bastogne do một đơn vị bé nhỏ trấn biên thủy của SD1BB dưới quyền Tư Lệnh của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, để uy hiếp biên giới phía Tây tỉnh Thừa Thiên và cầm chân Sư đoàn này.

Họ đã huy động một lực lượng gấp trăm lần hơn về quân số lẫn vũ khí. Cả một Trung đoàn chính quy được tăng cường thiết giáp và một Trung đoàn Pháo binh phòng không yểm trợ. Chiến thuật sở trường của họ vẫn là "tiền pháo hậu xung". Sau khi pháo tan nát mục tiêu, tiếp theo những cuộc tấn công tràn ngập biên người để xóa sổ đơn vị trú phòng. Nhưng những người chiến sĩ anh dũng của QĐVNCH nơi đây vẫn hiên ngang cố thủ và chống trả quyết liệt để cứ điểm Bastogne vẫn sừng sững với núi sông. Tạp san NAM của Pháp sau này có viết: "*Bastogne không mất, là một phép lạ*".

Pháo binh phòng không của địch dày đặc như cây rừng, gồm đủ các loại từ trung liên Tiệp Khắc, thượng liên RPD tới 12 ly 7, 12 ly 8, canon 20, 23 ly, 37 ly, 57 ly, 83 ly và nhiều loại tối tân khác, kể cả hỏa tiễn tầm nhiệt SA 7, nhằm ngăn chặn mọi sự can thiệp của Không quân. Với cường độ đó đương nhiên họ đã đặt những "tên giặc lái tàu bay lên thẳng" ra ngoài chiến trận.

Bây giờ mọi sự tiếp tế cho quân trú phòng do C130 Hercule đảm nhận. Nhưng vì đỉnh núi cũng như cứ điểm Bastogne quá nhỏ nên may lắm mới có một hai cánh dù bay lạc vào, còn hầu hết đều rơi trong vùng đất địch, hóa ra mình tiếp tế cho kẻ thù, ngay cả những kiện hàng rớt trên hàng rào cứ điểm cũng không ai dám bỏ ra lấy vì những tên chuyên môn bắn sẽ ấn núp chung quanh và bám sát sẵn sẵn tia từng con một. Cuối cùng phải viện đến Phi đoàn Trực thăng vận và võ trang PD 213/SD1KQ từ Đà Nẵng cùng với những phi công điều luyện của đơn vị thiện chiến này trở lại chiến trường để tìm cách cứu vãn tình thế vô cùng tuyệt vọng của quân trú phòng đang trong cơn hấp hối, từng giây từng phút đợi chờ giọt nước hồi sinh. Cái hy

vọng lớn lao của người lính biên khu này nhỏ bé như thế. Chưa đầy một tháng mà họ đã trải qua hết mười tám tầng địa ngục, thiếu thốn tất cả mọi thứ cần thiết cho sự phòng thủ từ vũ khí đạn dược, lương thực, thuốc men và cả quân số cũng hao hụt trầm trọng. Làm sao thân xác con người có thể tồn tại để hứng chịu ngày đêm mưa pháo và những đợt tấn công biển người... Thế là chúng tôi có mặt bên cạnh Bộ Tư Lệnh SD1BB tại Dạ Lê.

Với cường độ chiến trường và sức mạnh mãnh liệt phòng không địch đã vượt ra ngoài khả năng tiếp vận của trực thăng, vì bay chậm và thấp, chúng tôi luôn luôn hoạt động trong khu vực DMZ (Death man zone - Vùng tử địa). Chưa kể vũ khí phòng không và vũ khí cộng đồng, tất cả các loại vũ khí cá nhân đều bắn tới. Ngoài ra còn hỏa tiễn tầm nhiệt SA7 như Lệnh Xé Xác mà chúng tôi khó lòng tránh khỏi. Nỗi lo ngại chiến trường khốc liệt ấy hiện rõ trên khuôn mặt mỗi người khiến bầu không khí Biệt Động trở nên trầm lộng, vắng tiếng cười rộ chọc phá của những anh Cơ phi, Xạ thủ hay những cái vớ trong bàn Xập Xám Chướng, tiếng chiếu quân cờ. Con bài tẩy chúng tôi người ta chưa lật vội, vẫn còn chờ tổ nhau xả láng nay mai.

Chúng tôi chờ đợi, đợi chờ với hy vọng mong manh, mây mù hay sương đêm rừng núi làm bức màn che mắt địch để bất ngờ đổ bộ vào tiếp tế cho cứ điểm, dù chỉ để kéo dài thêm hơi thở cuối cùng của quân bạn trước lúc vị quốc vong thân, vì không ai dám nghĩ Bastogne có thể tồn tại như vẫn tồn tại mãi sau này.

Mới chiều hôm qua khi màn đêm vừa buông xuống, chúng tôi kéo nhau ra công sự phòng thủ nhìn về chiến trường xa xa trong rừng núi, vỗ tay cổ vũ những chiếc Hỏa Long AC47 (Spooky) từ trên đánh xuống, bên dưới cũng không vừa, phòng không địch thì đua bắn trả, làn đạn lửa giao nhau xé nát không gian làm rực sáng cả góc trời. Đứng là cảnh Long Hồ tranh hùng, trời long đất lở và chính nơi tử khí đang vùn vụt xông lên đó cũng là nơi chúng tôi ước hẹn mai này.

Chuyện gì đến rồi cũng đến. Chiều tàn, tôi đang say sưa tụng bộ "Tiểu Ngạo Giang Hồ" trong Câu lạc bộ bỏ túi của Biệt Động thì Thiếu tá Nguyễn Anh Toàn vào gọi tôi ra ngoài:

- November, lợi dụng trời đang kéo mây mình lấy hai cái Gunship (trực thăng võ trang) làm cho tụi nó một chuyến đi.

Theo anh Toàn ra ngoài, nhìn lên trời thấy mây thưa theo ngọn gió bắc về trắng xóa, tôi nói:

- OK nếu làm thì làm ngay bây giờ đi để chậm mây phủ hết, nhưng mà Gunship nặng quá đầu chuyên chở thêm được bao nhiêu?

- Mình hạ hai giàn rocket xuống và tháo bớt đạn của hai khẩu Minigun ra, chỉ chừa lại vừa đủ để tự vệ thôi.

- Liệu có chắc ăn và qua nổi không đây? Tôi hỏi tiếp.

- Anh đi gom Phi hành đoàn anh lại đi, mình bắt tay vào việc, lên trời rồi sẽ liệu sau.

Thế là chúng tôi mỗi người một việc. Kiểm soát toàn bộ máy bay, tháo gỡ rocket, đạn dược. Nhất là hai khẩu Minigun như hai vị thần hộ mạng được kiểm soát kỹ lưỡng hơn và cùng với anh em khác chất hàng tiếp tế lên tàu. Chừng mười lăm phút sau hai chiếc Gunship bắt đầu dĩ trở thành hai chiếc Slick (trực thăng vận) có mặt giữa khoảng trời xa bao la, bay là đà trên làn mây trắng xóa phiêu bồng. Khi cất cánh chúng tôi bay về phía Đông theo khoảng trống lên mây để nghi binh, vòng ra Huế rồi mới chuyển hướng tiến về mục tiêu trong rừng núi.

Hai con tàu sánh nhau như đôi chim liền cánh bay liệng giữa khung trời xanh thẳm, nhẹ lướt trên ngàn mây dập dề. Chúng tôi cố tìm bay theo những khoảng trống, định hướng và đợi chờ xem khoảng trống nào sẽ bay qua cứ điểm. Thời gian chờ đợi khá lâu nên chúng tôi cũng bắt đầu nao núng, mỗi đứa một niềm riêng riêng khiến bầu không khí yên lặng dường như nặng nề, ngột ngạt bao trùm mà mỗi người

cùng lo cho số phận chung, lát nữa đây biết có còn cùng nhau tung cánh trở lại trời xanh hay kể về người ở đọng lại giọt sương mai, làn khói mỏng u uất trên ngọn cỏ cây rừng. Bỗng có tiếng của anh Dương, xạ thủ, như đê phá tan sự yên lặng ấy nói:

- Kia nhìn xem, mấy đám mây hồng đẹp quá như má hồng con gái hẹn kếp lần đầu. Có tiếng đáp lại:

- Thôi đi ông, bao nhiêu bà rồi chưa đủ sao mà còn lần đầu lần cuối, hãy lo cho cái mạng của ông bây giờ đi.

Nghe họ kháo nhau, lúc bấy giờ tôi mới nhìn kỹ thấy mình đang bay trên dải mây hồng như tấm thảm lụa đào, nhuộm bởi tia nắng chiều còn sót lại bên góc trời Tây và những khối mây đỏ thắm trải dài, không ngừng thay hình đổi dạng, muôn màu muôn vẻ tạo nên một cảnh non bồng huyền hoặc đầy quyến rũ. Phải chăng đây là cảnh thiên thai siêu phàm thoát tục chốn cung đình thượng giới, cõi thần tiên mà những nàng tiên nữ đẹp tuyệt trần rong chơi, mùa hát trong huyền thoại Lưu Nguyễn ngày xưa khiến người hồng trần phải luyến lưu dừng bước... Nhưng nỗi lo héo hắt bên lòng cũng như mãi dõi mắt theo áng mây bay cố tìm khoảng trống thích hợp cho phi vụ bốc lửa này với những tính toán chính xác không một sơ hở nào, nếu không cái mạng của phi hành đoàn cũng trở thành mây khói, còn tâm hồn đâu để chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên hiếm hoi giữa trời đất, dành tặng riêng người chiến sĩ "Bảo Quốc Trấn Không".

Còn những người xạ thủ Minigun gan dạ đây can đảm này là những người từng gieo kinh hoàng cho địch thủ với tài điều khiển tuyệt vời khẩu Minigun sáu nòng của họ trút lên đầu địch bốn ngàn viên đạn mỗi phút, đã từng phá vỡ vòng vây áp lực hay dẹp những chương ngại của đối phương để quân bạn tiến lên truy kích. Giữa năm 1971 khi Phi đoàn 213 về Nam tăng phái cho Căn cứ Không quân Biên Hòa, đặc biệt theo cánh quân Dù hành quân sang Cao Miên và khu Tứ Giác sát vùng biên giới Việt-Miên - Kampong Cham, Snoul, Lộc Ninh, Xuân Lộc, họ đã đu mình chân trong chân ngoài bắn đuổi, rải mưa đạn trên đầu giặc. Chính những người xạ thủ Minigun đó càng xứng đáng hơn trong phi vụ chúng tôi sắp sửa đối đầu trên chiến địa.

Trở lại chuyến không hành hương về Bastogne, Thiểu tá Toàn gọi:

- Gun hai đây một. Anh thấy khoảng trống xa xa hướng hai giờ chưa? Hy vọng nó sẽ bay qua mục tiêu, mình theo nó đi. Kiểm soát lại tàu và chuẩn bị.

Tôi trả lời:

- Rogers (yes). Tôi kiểm soát lại toàn bộ đồng hồ, phi kế, nhắc nhở anh em khóa dây nịt an toàn và sẵn sàng vị thế tác chiến, tôi bay lại theo hàng dọc phía sau. Chúng tôi vượt theo khoảng trống đó và bay thêm nhiều vòng nhỏ trên mây chờ đợi để đặt mình vào vị trí thích hợp sẵn sàng lao xuống khi mục tiêu vừa xuất hiện mà không mất đi một giây phút nào. Gun một là leader được yếu tố thuận lợi "bất ngờ", còn tôi là Wingman yếu tố bất ngờ quyết định quan trọng sự sống còn đó dĩ nhiên không còn nữa, chiến trường bị động, phòng không tua tủa châu vào và pháo binh của họ cũng được điều chỉnh tọa độ chính xác từ khuya để sẵn sàng nhả đạn vào bãi khi chúng tôi tà tà đáp xuống. Sơn pháo 130 ly, 123 ly, hỏa tiễn 122 ly hai ba mươi cây số từ xa pháo tới làm sao chúng tôi biết được, súng cối đủ loại 61, 82, 120 ly và B40, B41 vây quanh được dịp cho những thằng nhóc con mười bốn mười lăm tuổi đầu xiềng chân vào khẩu pháo học đòi sinh Bắc tử Nam. Thôi đành vậy, *what will be will be*, khó ai lường trước được chuyện gì sẽ đến.

Pháo và bãi đáp là nghề của chàng, không riêng gì những Hot LZ như thế này, mà ngay cả những tiền đồn, cứ điểm cố định, bề ngoài có vẻ bình yên nhưng những khẩu cối của du kích luôn luôn chực sẵn chào đón chúng tôi đáp

xuống, là lúc hiểm yếu nhất - con chim đậu xuống đất rồi, kinh ngư trong biển cạn - mặc tình đối phương muốn hành hạ cỡ nào cũng được. Họ chỉ cần làm một cử chỉ nhẹ nhàng vượt tay đợc theo nòng súng cối con nặn là đã - từ chết đến bị thương. Nỗi lo lắng càng lúc càng đọng đầy trong tim phổi theo từng tiếng nhíp thời gian vì chúng tôi đang dần thân vào chiến địa mà không hề có một chuẩn bị cấp cứu nào.

Dòng suy nghĩ miên man bỗng dừng bị cắt đứt, giờ thứ hai mươi lăm khởi điểm. Thiểu tá Toàn gọi tiếp báo phút quyết định bắt đầu.

- Gun hai đây một.

- Hai nghe

- Chuẩn bị. Một bingo

Gun một liền tách khỏi đội hình vùn vụt lao xuống mục tiêu như con diều hâu bỏ nhào xuống con mồi. Đợi vài giây sau ước chừng Gun một vừa rời bãi đáp tôi bước chân vào. Thăm đếm một, hai, ba, bốn... tôi báo:

- Gun một, đây hai bingo

- Tôi vội vã tách rời đám mây đang ẩn mình, bay cập chân mây chuyên xuống dãy núi khuất bóng chiều, đuổi theo Gun một đang bay vút vào cõi xa xăm miên miên viễn mịt mờ. Mặc dù đã hạ hết cần lái cao độ và trút nghiêng mũi lao xuống với vận tốc tối đa muốn chóng mặt mà vẫn thấy còn chậm, làm sao nuốt hơn ba ngàn bộ trong vòng vài giây, vì mỗi giây khắc trong lúc này cũng trôi cột sự tồn vong của chúng tôi vào trong ấy. Tôi nghiêng thêm phía bên trái để gia tăng tốc độ rơi theo cách đánh rocket "*Falling leaves*" chiếc lá rơi. Gió thổi vào bên hông như muốn thổi tôi bay ra ngoài không gian tan loãng vì hai cánh cửa hai bên pilot cũng được tháo gỡ để một khi con tàu bị đập tan xuống đất chúng tôi còn đôi chút cơ may thoát ra ngoài nếu còn sống sót.

Tàu càng xuống thấp, đỉnh núi cũng từ từ nhô lên cao, ẩn hiện giữa vùng rừng thẳm âm u chìm theo bóng hoàng hôn buồn thảm nhạt nhòa sương khói. Bastogne đó sao! Rừng núi chung quanh không còn màu xanh cây lá nữa mà trở nên màu xám ngắt như vữa qua một đám cháy rừng. Cây cối đứt đọt, trơ cành trụi lá giữa mùa hoa nở - hoa dù, dù trái sáng, dù hỏa châu, dù tiếp tế đủ màu sắc trùm lên ngọn cây và vung vãi khắp nơi như những khóm phong lan khổng lồ dành tặng riêng người chiến sĩ biên khu.

Càng tới gần, hình ảnh một tiền đồn biên giới vượt ra ngoài sự tưởng tượng thông thường: Dù cứ điểm không có chiến lũy hào sâu nhưng vẫn là một tiền đồn biên trấn với tất cả sự uy nghi của nó ngày nào, với công sự phòng thủ, giao thông hào kiên cố từng hiên ngang ngăn cản bước tiến của quân thù, nay đã trở thành một bình địa như vừa trải qua cơn địa chấn cùng nhiều hố sâu đạn đại bác cày xới, chồng chất lên nhau làm chứng nhân chiến địa kinh hồn và cũng là cái giá mà người lính trấn biên thù phải trả. Mỗi ngày sơ sơ hứng chịu vài trăm trái đạn đại bác đủ loại lớn nhỏ thì sự sống nào còn! Và chẳng chỉ có ý chí can cường, bất khuất với tấm lòng trung dũng của người lính Bộ Binh Sư Đoàn 1 mới có thể "trơ gan cùng tuế nguyệt" nơi này. Ngoài ra không còn gì nữa, như ai đem mặt trắng nhét vào giữa chốn non ngàn ảo não, thê lương. Đúng là "*Cảnh đày người đầy luống đoạn trường*".

Cuối cùng rồi cũng tới đích, bãi đáp lớt bằng vì sắt bị hất tung ra ngoài, mặt đất như vừa mới được lấp bằng vôi vữa đơn sơ và cũng không một bóng người, mỗi lần chúng tôi vào đáp cũng mang theo tai họa cho quân trú phòng vì ăn đạn pháo. Họ pháo đập chúng tôi và cũng để phá hủy hàng hóa vừa mới thả xuống. Nhưng cần gì, như thế nào rồi cũng phải đáp và tất cả đều diễn ra đúng như dự tính, bãi đáp bên trái trong tầm, tôi giảm vận tốc thật nhanh và queo gắt tiến vào đúng lúc Gun một vừa cất cánh. Tàu vừa chạm đất,

hàng tiếp tế chất hai bên hông bị đập tung ra ngoài tức khắc và tôi vội vã cất cánh lên, không dám bay theo Gun một vì phát hiện phòng không địch bắt đầu lên tiếng giòn tan như pháo Tết đuổi theo.

Nhìn lên trời mây thấy như thật gần nhưng lại là con đường thiên lý đầy cạm bẫy, chông gai. Bây giờ mới là giờ phút thật sự hiểm nguy mà chúng tôi chưa từng nghĩ đến, vì chúng tôi đang ở vào lúc yếu điểm nhất khi bắt đầu cất cánh với vận tốc zero, nó không còn hiên ngang tung cánh vẫy vùng như vùn vụt lao xuống mục tiêu với vận tốc gần hai trăm cây số và vận tốc rơi cũng hơn sáu ngàn bộ mỗi phút (2000 thước) mà bây giờ chỉ có thể lấy cao độ tối đa ba bốn trăm bộ (100 thước) mà thôi. Như vậy làm sao chúng tôi dám vượt qua khoảng trống không với tất cả mọi sự chập chạp, chằng khác nào con diều giấy treo lơ lửng giữa trời mà có thể tránh khỏi làm mồi cho lửa đạn, nên tôi đành phải trút mũi xuống men theo thiên đò, chuyên qua dãy núi khác giữa tiếng cao xạ hát ru ngọt ngào, đạn lửa nổ đuổi nhau thành sợi tơ hồng tua tua đuổi theo bển gót. Tôi cố ôm sát vào thể núi uốn lượn quanh co để hòa lẫn với non ngàn như nương tựa vào một sự che chở, dù mong manh cũng là nguồn hy vọng tránh né sự theo dõi, bám sát, bắn đuổi của đối phương và cố gắng vận dụng vận tốc tối đa khi lên đến chót núi, cuối cùng nhờ vào vận tốc ấy tôi kéo ngược cần lái về sau để tàu vọt thẳng lên trần mây còn cao vời vợi. Nơi khoảng không gian trống trải đó chúng tôi không có gì che chở nữa mà vẫn phải bò lên, đường lên trời bấy giờ nặng nề như mỗi bước đường về chín suối nghìn trùng diệu vợi, luôn có bóng dáng tử thần rình rập chung quanh...

Bay vào trong mây tôi mới trút ra được hơi thở dài ừ đọng trong buồng phổi bấy lâu trong lúc thần kinh căng thẳng để chiến đấu cho sự sống còn. Tàu lướt trong mây tưởng chẳng mấy chốc được về với cõi bình yên thênh thang trời rộng, nào ngờ bình yên vẫn còn xa lắc. Nỗi vui mừng vừa nhen nhúm trong lòng sau khi hoàn thành trách nhiệm nhảy vào giữa lòng đất địch tàn lụn quá mau vì càng bay vào mây, mây càng dày đặc tối đen tôi phải mở đèn cockpit bay theo phi kế. Lúc bấy giờ không dám nhìn ra ngoài, có thấy gì đâu, mây theo gió và tốc độ tàu vùn vụt lướt tới ập vào mặt, pilot dễ dàng bị vertigo, chóng mặt gây ra tình trạng hoa mắt dẫn đến mất cảm giác thăng bằng, không còn nhận thức tàu nghiêng ngửa ra sao, tay chân không chịu làm việc theo mệnh lệnh của khối óc để điều chỉnh mọi sự sai lệch hay điều khiển con tàu và người phi công đi vào giác rồi tự giết mình sau đó.

Trong mây gió bắt đầu thổi càng lúc càng mạnh, tiếp theo những trận cuồng phong vùi dập phủ phàng, con tàu ví như thuyền nan trên sóng cả. Tôi vẫn phải giữ hướng bay về phía Bắc và tiếp tục lấy cao độ để ra khỏi mây mới có thể tránh khỏi sự đe dọa của những đỉnh núi chóm chỏ cao ngất Trường Sơn như còn chập chờn lẫn khuất đầu đây, cũng chưa dám thay đổi hướng bay về hướng Đông như dự định, vì sợ tàu nghiêng mà không lấy lại được thăng bằng trong cơn bối rối. Đang lo ngại chợt một tia sấm chớp đánh vụt ngang qua phía trước làm cả tàu rục rịch. Nỗi lo ngại càng gia tăng khiến tôi mất dần tự tin nơi khả năng mình, mặc dù cũng như nhiều phi công đầy kinh nghiệm của Phi Đoàn 213 đã hoàn tất khóa huấn luyện đặc biệt bay mây, mưa và thời tiết xấu với những phi công lão luyện của Đệ Thất Không Lực Hoa Kỳ, hơn nữa chúng tôi đã được trui rèn bay trong thời tiết khắc nghiệt miền Trung. Đang chới với như nắm được cái phao, Thiếu tá Toàn gọi:

- Gun hai đây một, bình yên chứ?

- Bình yên nhưng đang bị cuốn vô mây, tôi trả lời và hỏi lại. Anh ra ngoài chưa, đám mây này như thế nào mà ghê quá, giữ tôi như cái mền rách!

Như để trấn an tôi anh nói:

- Bình tĩnh đi, một chút rồi sẽ ra, mây mỏng thôi!

Như thể Thần gió Thần mây nổi giận thách thức khi lờ lờ Thiếu tá Toàn vừa dứt, một tia chớp kèm theo tiếng nổ long trời kề cận một bên, tiếp theo một luồng gió mạnh - ầm - như có bàn tay khổng lồ bưng con tàu đưa lên cao rồi dập xuống làm chòng chành, nghiêng ngửa lệch hướng bay, tất cả phi kế đều bị xáo trộn. Không như máy bay có cánh tự thăng bằng và xuyên mây không có gì khó, nhưng với trực thăng, phi công giữ được trạng thái bình thường đã khó khăn huống hồ chỉ chúng tôi đang mịt mờ trong cơn giông bão chập chùng ngập lối.

Trong mây lạnh mà mồ hôi tươm ướt trán, tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh kiểm soát những bấp thịch và cố thư giãn tránh tình trạng gồng cứng rất dễ bị over control rồi tự mình tạo ra sự nguy hiểm khác. Tôi tiếp tục bay trong tình trạng gần như đuối sức và tuyệt vọng không biết chừng bao lâu. Mây vẫn đen, vẫn mưa cuồng gió loạn và sấm chớp không ngừng, kèm theo những luồng điện cao thế hàng triệu volt tìm ngất ngoằn ngoèo vây quanh, có lúc như cuốn lấy con tàu giữ lại, tôi phải kêu anh Khương, copilot đọc tất cả instrument và tình trạng phi kế để kiểm chứng xem giác quan của tôi còn đúng không và yêu cầu anh báo ngay lập tức trường hợp bất bình thường cũng như sẵn sàng bay nếu tôi bị vertige. Một nỗi lo lắng khác nữa là tôi không thể nào định được vị trí mình và cũng không biết phong ba thổi chúng tôi trôi giạt về đâu, đường mòn Trường Sơn hay đã vượt qua bên kia bờ vĩ tuyến. Mãi một chập sau mới cảm thấy gió từ từ nhẹ bớt, tàu ít bị nhồi sóng và mây cũng hơi loãng dần tôi mới dám buông cần lái cao độ bên tay trái để lau cặp mắt bị nhòe vì đã dán chặt vào phi kế lập lòe ánh sáng mờ mờ ảo ảo. Lúc bấy giờ mới nhớ lời khuyên ngàn vàng của bác sĩ Châu khám tổng quát lúc tôi tình nguyện gia nhập vào Không Quân tại Cần Thơ:

- Trên trời có một mình, có chuyện gì một mình mình gánh hết đầu có ai giúp đỡ, tại sao không đi Đà Lạt hay Hải Quân lúc nào cũng có bè bạn chung quanh.

Tôi cố viện lẽ:

- Dưới biển sóng gió ba đào mỗi ngày làm sao chịu nổi, còn Bộ Binh thì phải lội sinh lầy quanh năm suốt tháng, vượt núi băng rừng cũng vất vả như nhau và cố gắng nặc đòi ông phải chấp thuận, đến lúc này mới thấm thía lời người đi trước.

Cho đến bây giờ tôi mới nhớ tới việc nhờ Panama đài rada trên núi Sơn Chà Đà Nẵng qua làn sóng transponder emergency yêu cầu định vị trí. Được thông báo tôi sắp sửa vượt qua tuyến Mỹ Chánh là chiến tuyến cuối cùng sau khi Quảng Trị thất thủ và tôi lập tức chuyển hướng theo sự hướng dẫn của họ, mãi lâu mới thoát ra được ngoài cõi chết vẫn vương. Nếu thật sự mỗi phút trong mây bằng trăm năm dương thế thì chúng tôi đã sống qua cả ngàn năm trong ác mộng. Đúng là - đường trần ai có qua cầu mới hay - Quay nhìn lại phía sau mới biết chúng tôi vừa bay xuyên qua chân mây hình cây nấm (Cumulo nimbus) là hung thần gieo giông tố, tích tụ nhiều điện, nước, sấm chớp, cuồng phong. Tàn mây xám xịt còn lan rộng một vùng trời cao mịt mù. Nhìn xuống qua làn mây mỏng chúng tôi đang trên quận Hương Điền, cuối Phá Tam Giang, như vậy chúng tôi đã bay trong mây gần năm mươi cây số. Bay về hội ngộ với Thiếu tá Toàn đang chờ đợi trên phố Huế. Phố đã lên đèn, thường chiếu Cổ Đô buồn dịu vợi mà hôm nay dòng Hương Giang thật mơ màng quyến rũ hơn bao giờ hết, như gọi mời chúng tôi về với những con đò lơ lững trên sông.

Chúng tôi bay về Dạ Lê kiểm soát lại tàu, trang bị lại rocket và đạn dược để sẵn sàng thi hành nhiệm vụ mới nay mai. Phi hành đoàn thối mả:

- Minh là Gunship chỉ có đánh nhau sao lại đảm nhận công việc nguy hiểm mà không phải là phần hành chuyên môn của mình.

Tôi chỉ biết trả lời: Tại vì mình đa năng đa dạng mà.

- Đành rằng mình có nhiều khả năng hơn nhưng mỗi người một việc. Mỗi cuộc hành quân mình vào trước dọn bãi đáp, gặp hot LZ (landing zone - bãi đáp bị phục kích hay giữa chiến trường) cũng bị dợt toi bởi hoa lá, còn phải bảo vệ bộ binh yên vị mới rời vùng, thả antenne điện tử vào sâu biên giới vô cùng nguy hiểm cũng gunship. Những lần đi đánh đêm giải tỏa áp lực cho mấy tiền đồn bị vây hãm chống lại sự tràn ngập của đối phương mà có ai đánh thể mình đâu. Tôi đành vã lã:

- Minh cũng thử lửa một phen ngoạn mục chắc tụi VC không ngờ. Thôi, đi kiểm gi ăn đi, phải chi hồi này mình liệng xuống cho họ vài gói thuốc lá hay vài chai xì để chắc họ đã đời đêm nay.

- Nhằm nhò gì tụi nó, lần đầu tiên trong đời mới thấy đám mây hồi này khủng khiếp. Tôi hoàn toàn thông cảm với những ưu tư của họ, vì mỗi lần trực thăng võ trang cất cánh là mỗi bận hành quân, mỗi giờ bay là mỗi giờ chinh chiến. Đúng như Chinh Phụ ngâm tham thờ "Những nhọc nhằn nào đã nghĩ ngơi". Quả thật chưa một phi vụ nào của phi hành đoàn Gunship được nhẹ nhàng để họ được nghỉ ngơi ngắm vạn vật, đất trời hoặc thả hồn theo những áng mây bàng bạc lãng du. Khi bước lên tàu, định mệnh tùy thuộc hoàn toàn vào sự quyết định sáng suốt, khả năng và vận rủi may của Trường phi cơ trên chiến trường. Riêng lòng tôi rất vui vì là những người đầu tiên bước vào cứ điểm bắt tay với quân bạn kể từ khi họ bị vây hãm giữa trùng vây, hẳn là một chia xẻ vô cùng lớn lao cũng như trao tận tay họ một thông điệp rằng - các bạn không bao giờ bị bỏ rơi và chúng tôi luôn luôn chiến đấu bên cạnh các bạn - mặc dù phải mạo hiểm vượt qua "... chiến địa đường bao. Nội không muôn dặm xiết bao dãi dầu...".

Phi vụ vừa quy do nổi hứng với tấm lòng nhiệt huyết, chúng tôi âm thầm đổ bộ vào cứ điểm xong rồi mà Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn vẫn chưa hay biết, cũng như phi vụ mai này dựa trên tình thần trách nhiệm chứ không phải là quân lệnh bắt buộc chúng tôi phải thi hành, vì ai cũng thấy rõ tương quan lực lượng đôi bên cách xa nhau một trời một vực, chắc gì chúng tôi vượt qua được hàng rào ngoại vi của địch mà bảo đảm được an toàn chứ đừng nói gì đến đổ bộ vào cứ điểm.

Gunship trên lưới lửa Bastagne

Ngày thứ hai.

Đêm mưa biệt đội, giấc ngủ chập chờn nhiều dị mộng. Núi rừng dày đặt mù sương, giờ ước hẹn đã đến. Thiếu tá Toàn đã về Đà Nẵng từ chiều hôm qua để phi hành đoàn khác thay thế. Như vậy chỉ riêng phi hành đoàn chúng tôi gánh vác trách nhiệm "... vào nơi gió cát" thêm một lần nữa. Vừa mới đánh đu qua làn ranh sống chết hôm qua hai bàn chân chưa đứng vững bình yên trên mặt đất lại phải "xông pha gió bãi trắng ngàn".

Trời còn mờ tối sau đêm mưa nguồn, núi rừng còn say ngủ chúng tôi lặng lẽ lên đường. Bốn chiếc Slick, hai chiếc Gunship theo bảo vệ. Vẫn là wingman trách nhiệm thật nặng nề, yểm trợ trực tiếp những chiếc lâm nguy và cấp cứu. Đoàn tàu bay thật thấp trên dãy mù sương, tựa lưng vào vách núi để giới hạn sự quan sát và tầm tác xạ của những khẩu phòng không hạng nặng tầm xa. Bay như vậy chúng tôi đành phải hứng chịu trọn vẹn làn đạn của tất cả các loại vũ khí nhẹ còn hơn lãnh những viên đạn đại bác phòng không hay hỏa tiễn tầm nhiệt SA7.

Đoàn tàu làm lụi "... đi vào cõi xa mưa gió" như những bóng ma. Chúng tôi cố giữ yên lặng vô tuyến và cũng không thông báo với cứ điểm để bảo mật. Đây cũng là quyết định liều lĩnh, rủi như tiền đồn bị tràn ngập đêm qua thì chúng tôi lãnh đủ. Nhưng sự yên lặng quá cũng lạnh người. Không giống như chiều hôm qua, yên lặng giữa chiến trường rờn rợn như báo hiệu chuyện gì khủng khiếp sắp xảy đến. Tôi thẳm nghĩ.

"Anh Đương đâu sao không nói mây "con gái" gì đó, sương rừng núi cũng trắng xóa, mịn màng như làn da cô dâu ngày cưới đẹp lắm mà. Còn đối phương nữa, sao không lên tiếng để chúng tôi đáp lời hậu tạ chén tạc chén thù. Hay họ định đập chúng tôi bằng pháo binh ngay trên bãi P.

Khi phát giác ý đồ đen tối đó, tôi vội báo lên CNC để nhắc nhở anh em cảnh giác. Rõ ràng họ muốn làm cỏ chúng tôi và nhổ tận gốc rễ để trả thù đòn đau điếng mà hai chiếc Gunship đã dám qua mặt thách thức họ chiều hôm qua. Tôi bắt đầu run, không phải vì lạnh của khí hậu rừng núi ban mai mà vì sợ. Cái sợ không giống nỗi sợ hôm qua còn dính trên da thịt khi bị cuốn hút trong mây ngoài dự tính.

Đoàn tàu bay lộ thiên quá rõ ràng, trong khi địch thủ trong bóng tối không biết nơi nào. Những chiếc khu trục đi đánh có L19 làm tiền sát viên là con mắt thần của họ, còn chúng tôi thì có ai đâu! Cho dù cả Trung đoàn địch nguy trang giữa đồng trống cũng tưởng là những đôi sim, nên chiều quyết định "Tiên hạ thủ vi cường" lúc nào cũng nhường cho địch thủ. Vì vậy mà phi đoàn chúng tôi phải chịu đựng và hy sinh quá nhiều. Từ Hạ Lào, đến Mùa Hè Đỏ Lửa và khắp chiến trường vùng hỏa tuyến. Chỉ trong năm 1972, Phi đoàn 213 bị thiệt hại gần một chục phi hành đoàn. Đại úy Trần Lê Tiến vừa gãy cánh đại bàng trên đỉnh Checkmat khiến đơn vị phủ đậm màu tang đến đối tượng cấp có ý định đổi con số 2 lần 13 (213) xui xẻo thành số hên nào khác, 216 chẳng hạn, 9 nút để hóa giải bớt tử vong. Hôm nay phải chăng ghi thêm một ngày tang tóc nữa!

Bốn chiếc Slick lần lượt đáp xuống cứ điểm và cất cánh trở lại bình yên. Sao lạ vậy?

Không cần tìm hiểu nguyên nhân, miễn sao tất cả bình yên là hạnh phúc lắm rồi, tôi mừng thầm, vài phút nữa thôi chúng tôi sẽ đón chào một bình minh rực rỡ. "Bỏn phận thi hành xong, thao diễn nghỉ". Chợt có tiếng hót hoảng vang lên trong nón bay:

- May day, may day Kingstar Bốn bị bắn, pilote bị thương. Bàng hoàng nhìn qua bên cạnh thấy chiếc slick bốn do Trung úy Hồ Ngọc Thanh lái đang bay lảo đảo như sắp đâm đầu xuống đất. Tôi hét lên trong máy:

- Thanh, kéo tàu lên tiếp tục rời vùng, tôi bảo vệ đánh dọc đường anh ra và ngay lập tức ra lệnh cho hai xạ thủ tác xạ tự do.

Đúng như những gì tôi đoán trước. Tuy họ không pháo kích vào bãi đáp để đập chúng tôi nhưng cũng phục kích với mưu đồ hốt trọn ổ khi những con tàu rời bãi đáp một cách chậm chạp. Dù vậy họ cũng không ngờ hai chiếc Gunship phản ứng vô cùng nhanh nhẹn. Bốn khẩu Minigun trên hai con tàu như gào thác lũ trút xuống mười sáu ngàn viên đạn mỗi phút chế ngự ngay lập tức nhiều vị trí hỏa lực địch để bảo vệ đoàn tàu rời chiến địa.

Tôi bay vòng trở lại đánh chặn phía sau thì hoàn toàn rơi vào trận địa phòng không của địch. Vàng thái dương chưa ló dạng mà rừng thiêng rực sáng như cảnh cháy rừng, từ bốn phương tám hướng lửa hừng hực vút tận trời cao, lửa kéo thành sợi, kết thành chùm bắn thẳng, bắn chéo, bắn xiên, bắn chum về phía chúng tôi, đan nhau thành lưới lửa, phải chăng đây là thiên la địa võng của Na Tra, Lý Tịnh

ngày xưa đang bao trùm chúng tôi lại. Một viên đạn lửa kềm theo năm viên đạn vô hình. Đạn đại bác phòng không tự hủy nổ hoa giữa trời, nổ ra cả ngàn miếng vụn lòn như pháo bông, như sấm chớp, khói đen chen nhau kết thành lớp mây xám che kín màn trời xanh. Hai xạ thủ điều khiển hai khẩu Minigun gầm lên như bầy hổ dữ đánh trả với tất cả sức mạnh thiên thần của nó làm con tàu phải rùng mình run rẩy.

Mới hồi nãy đây sự yên lặng rờn rợn bao nhiêu thì bây giờ âm thanh hỗn loạn, âm âm đạn tên hòa điệu càng thêm hãi hùng. Vậy mà tai tôi vẫn nghe rõ tiếng đạn thủ xuyên thấu con tàu như lụa xé bên tai. Loại đạn cỡ lớn của vũ khí cộng đồng 12 ly 7 hay 12 ly 8 trúng đuôi đội như tiếng tiều phu đốn gỗ đầy giạt con tàu lá rụng mùa thu, đạn nhỏ trung liên Tiệp Khắc, thượng liên RPD, tiểu liên AK47 xuyên qua như tiếng dao cô hàng róc mía lạnh buốt thấu xương. Chợt tôi giật mình khi tiếng súng Mini Gun bên trái im bật, quay lại thấy anh Hết, xạ thủ đang nạy nòng súng vì kẹt đạn trong khi làn đạn của đối phương từ phía sau thổi thẳng tới.

Trời ơi! Tôi chỉ còn biết hét anh nằm xuống và xoay tàu lại cho khẩu Minigun bên phải chống trả. Cùng lúc tôi đánh ra hai trái rocket đập một vị trí hỏa lực khác.

Súng không hư làm sao được khi họ đã bắn vượt ra ngoài tốc độ tác xạ hạn định. Bây giờ chúng tôi chỉ còn mỗi khẩu Mini Gun duy nhất đánh trả lại đối phương, con tàu hoàn toàn bỏ không phía bên trái không còn gì để tự vệ nữa, chẳng khác nào kiếm sĩ bị chặt đứt một cánh tay trong lúc đang giao chiến. Tình trạng như thế thử hỏi chúng tôi còn có thể tiếp tục chống trả được bao lâu trước lúc "...hồn tan bóng mất mờ". Từ bên ngoài, Gun một yểm trợ hợp đoàn rời trận địa bình yên và tất cả cùng đang lo lắng cho chúng tôi. Nghe tiếng Thượng sĩ Ái trên chiếc CNC hét lên trong vô tuyến:

- Trời ơi November bị bắn quá rồi, làm sao cứu anh với. Đại úy Đinh Như Nguyễn cũng hướng dẫn tôi thoát về hướng Lào.

- Còn chỗ nào nữa mà bay, trên dưới, chung quanh đều bịt kín như con chim bị nhốt trong lồng. Chúng tôi thực sự làm bia cho họ bắn. Mới chiều nào võ tay cõ võ những chiếc Hòa Long, bây giờ chính mình làm con thiêu thân có nhòai ra ngoài cơn bão lửa mà cả ngàn tay súng kẻ thù đang tâm lòi kéo ngược vào. Thực sự nào ai dám "nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây" nhưng biết làm sao. Tàu vẫn lượn vòng trời lên hụp xuống giữa làn tên mũi đạn cầu may một kẻ hồ nào đó thoát ra ngoài. Một phút, hai phút rồi ba phút chậm chạp trôi qua như cả đời ngay rồi tai luôn nghe tiếng đạn thủ rít veo veo, bùm bụp, tàu lại run lên vượt quá. Vậy mà đã bao lâu rồi chúng tôi ngồi trên cảnh dầu sôi lửa bỏng dựa lưng vào cối chết mở rộng mắt nhìn đạn thủ vạch lá rừng, xuyên lớp mù sương chỉ còn như làn khói mỏng ào ạt bay theo xé nát nghiền con tàu.

Chúng tôi như cầm chắc cái chết trong tay, thoáng chốc thời gian như ngừng trôi, lắng đọng để tất cả hình ảnh hai mươi bốn tuổi đời hiện ra như một bức hoành phi trước mặt. Hình ảnh bị thẳng lính Tây kéo lòi lê lét dưới đất tuổi ấu thơ đến nắng thao trường mồ hôi thấm đẫm. Hành diện đôi cánh đại bàng trước ngực áo bay, đến lồi lằm lằm buồn tím thắm áo Trưng Vương... và nhất là hình ảnh đưa con gái đầu lòng lên hai tuổi sốt ruột chờ cha mỗi chuyến không hành đã vực tôi ra khỏi cơn mê. Từ đó bản năng sinh tồn trở dậy với sự nhanh nhạy, bình tĩnh cố hữu, tôi hướng dẫn cùng xoay trở con tàu sao cho khẩu Minigun đánh trả chính xác vào mục tiêu, nhìn theo làn đạn như rồng phun lửa áp đảo đối phương càng khiến tôi lên tinh thần quyết định tấn công bằng tất cả số rocket còn lại mở một huyết lộ cho mình.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa dám can thiệp nhiều bằng rocket vì đây cũng là một yếu điểm với lý do an toàn, mỗi lần đánh rocket thì khẩu Mini Gun phải ngưng hoạt động, lại nữa rocket chỉ đánh mục tiêu xa và ít nhất phải có cao độ tương đối để sau khi con tàu chúm mũi lao xuống mục tiêu pilote còn đủ thời gian kéo trở lên lại khỏi đầm dầu xuống đất. Trong lúc này đối phương bắn lên gần chung quanh và ngay cả dưới bụng mà có khi tôi phải nghiêng tàu cho xạ thủ đánh thẳng xuống. Nhưng bây giờ đang ở bên bờ vực thẳm của sự sống chết như làn tơ kẽ tóc nên phải liều mạng, không còn gì ái ngại nữa.

Tôi gọi anh Khương nhờ chuyển nút điều khiển vũ khí từ vị trí súng sang rocket, nhưng không nghe anh trả lời. Trời ơi anh đã đi rồi sao? Ngồi kề bên nhau trong gang tấc mà ra đi không nói lời nào. Càng bắn loạn thêm, trong lúc này chỉ cần tôi bị trúng nửa viên đạn thôi vào bất cứ chỗ nào trong người thì tất cả phi hành đoàn chết hết. Đành vậy, tự tôi điều khiển lấy. Buông cần lái cao độ với vận nút rocket phía sau, cũng không cần chọn lựa loại nào chống biển người, chiến xa hay công sự phòng thủ, đồng loạt mười hai trái rocket bay vút vào những vị trí hỏa lực đối địch đang giăng bức màn lửa chặn đường trước mặt. Trái rocket cuối cùng vừa rời dàn phóng con tàu cũng xà xuống tới ngọn cây lướt qua mục tiêu đến đổi bị đất cát do rocket chính mình vừa mới đánh ra nổ văng lên đây. May mắn nhờ lướt càng qua đầu địch mà chúng tôi đã vượt ra được ngoài biên vùng chiến địa. Tuy vậy cũng chưa thoát khỏi tầm đạn của những khẩu phòng không hạng nặng từ xa, những khối lửa xanh dờn như sao chổi đuổi theo tới cùng, nổ tung trên những ngọn cây, trên vách núi lửa văng tung tóe rợn người. Bất ngờ một dòng suối xuất hiện vừa đúng lúc rục rục như vị cứu tinh, tôi vội lướt theo, bay sát mặt nước, lòn lách giữa những ngọn cây cao thoát ra ngoài trong lúc khẩu Minigun còn bắn với về phía sau như đáp lễ già từ chiến địa còn vương khói súng trên mây.

Vừa thoát cõi chết ra ngoài vùng chiến địa, tôi gọi:

- Khương, Khương có sao không?

Nghe tiếng anh trả lời tôi mới yên tâm, cùng lúc ấy tàu bắt đầu rung dữ dội buộc tôi phải đáp khẩn cấp xuống vùng đất trống bên cạnh quận Nam Hòa. Sau khi đặt tàu xuống đất bình yên mới biết chúng tôi còn sống. Ngồi yên lặng cho những giờ phút chiến đấu hãi hùng, căng thẳng tan dần trong tâm não, tôi nhắm mắt, gục đầu trên cần lái để nghe cơ thể mình bắt đầu khơi lại nhịp sống chuyển vận dòng máu trong thân. Những chiếc khác cũng đáp theo sau, anh em đang vây quanh đón mừng chúng tôi vừa thoát nạn và quan sát con tàu, như cùng một lúc tôi nghe các câu nói thẳng thốt của nhiều người:

- Tàu bị bắn nát như tương vậy mà ông còn lết về được đúng là trời cứu. Hai anh xạ thủ bước tới đỡ tôi ra ngoài nói qua làn nước mắt:

- Trên tàu mình chắc có ai đeo bùa hộ mạng, nếu không thầy trò mình chắc chết hết còn đâu. Sau khi hỏi han anh em và biết tất cả bình yên tôi mới yên tâm vỗ vai anh Dương để xoa dịu nỗi kinh hoàng còn vương trên mặt người lính trẻ vừa mới rũ áo học trò:

- Yên rồi, mình được bình yên rồi, chính anh mới là bùa hộ mạng, nếu khẩu Minigun của tôi tịt nữa mình đâu còn có dịp đứng đây... Anh đánh thật tuyệt vời.

- Tôi cảm ơn anh em và nhất là Đại úy Nguyễn, Thượng sĩ Ái đã đặc biệt quan tâm trong lúc tính mạng chúng tôi như treo trên đầu sợi tóc.

- Thấy anh bay trong biển lửa mà hãi hùng, lo cho anh quá. Và anh Nguyễn nói tiếp: Bastogne đang bị pháo.

- Còn hàng tiếp tế? Tôi hỏi vội vồn rồi tự nói nhỏ như chỉ để vừa đủ nghe - Thế là công dã tràng.

Ngược nhìn lên tàu không còn gì để nói, trên mũi bị xé nát nhường chỗ cho những tia nắng sớm chiếu vào, tất cả bốn phía đều bị trúng đạn. Tôi đi vòng quanh tay mò mẫm thân tàu gần như biến dạng. Nửa thân về sau, nhất là cái đuôi không chỗ nào còn nguyên vẹn có thể để lọt bàn tay, có nhiều lỗ lớn vì đạn xuyên phá chui ra ngoài. Anh em cũng đi lục tìm được cả chục đầu đạn lớn nhỏ đủ loại còn vương mắc, hai cánh quạt cũng rách sứt mướt và lưng ghé cũng bị bể nát vì vết đạn, nếu không có lớp giáp đặc biệt bọc chung quanh ghé, chúng tôi thành làn khói mỏng, hạt sương mai rồi. Tôi bàng hoàng, sững sờ kinh ngạc, tàu bị trúng hàng trăm vết đạn mà vẫn hiển ngang tung hoành trong biển lửa và về lại an toàn. Phép lạ nào đã cứu chúng tôi! Tôi chỉ biết cúi đầu thắm cảm tạ Ông Trời và Hòn Thiêng Sông Núi che chở.

Nhìn con tàu tàn tạ mà ngậm ngùi. Nó từ bên kia nửa quả địa cầu đến đây chung sức chung lòng, sát cách cùng chúng tôi bảo vệ mảnh đất tự do này, bây giờ nằm đó hiện hữu như thực như hư, như cơn mơ còn giăng mắc đạn thù đỏ lửa mênh mang... Tôi muốn ôm nó vào lòng tạ ơn, nói lời vĩnh biệt. Vì tôi biết thương tích này con tàu sẽ không còn cơ hội theo chúng tôi trên đường mây gió hành quân. Nó ở lại đây giải ngũ và giã từ vũ khí. Tôi muốn dậm bỏ đi nhưng cái quyền luyến vô hình cứ giữ chân tôi lại. Chính nó đã cùng chúng tôi hành quân dọc ngang trên khắp chiến địa kinh hồn vùng hỏa tuyến, như Cồn Tiên, Gio Linh, Đông Hà, Khe Sanh, phía Nam đòng Bến Hải... mà nay trong phút giây sinh tử hiểm nghèo trên chiến địa đã căng mình ra hứng chịu tất cả khối hận thù của người anh em phương Bắc, che chở và bảo vệ chúng tôi về đến chốn bình yên mới trút hơi thở cuối cùng. Đối lại phi công và phi hành đoàn trực thăng là những người bay không trang bị dù, nên bất cứ hoàn cảnh nào người với vật không thể tách rời nhau mà như đã có lời thề thủy chung, luôn luôn gắn bó theo nhau về với đất. Chúng tôi trở về Đà Nẵng xót xa bỏ con tàu yêu dấu nằm trên bãi cỏ chờ đợi mục nát với thời gian.

● **Song Chùy 11**
Phi Đội Trường Phi Đội Gunship
Phi Đoàn 213/KĐ51CT/SD1KQ
 Viết tại Pháp, mùa Đông 2003

**

Sau Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, sáu Phi đội gồm bốn Phi đội Trực thăng vận và hai Phi đội võ trang đều tiên được Trung tá Cao Quang Khôi, Phi đoàn trưởng Phi đoàn 213 thành lập nhằm đào tạo đáp ứng nhu cầu thiết yếu đòi hỏi của chiến trường càng lúc càng gia tăng khốc liệt nơi vùng hỏa tuyến. Những Phi đội trưởng, tuy tất cả là những sĩ quan trẻ nhưng đã chứng tỏ đầy đủ khả năng chỉ huy hành quân vô cùng xuất sắc trên khắp lãnh thổ Quân Khu cũng như Biệt Động ngoại biên Chu Lai phía Nam Đà Nẵng và Biệt đội Tiền phương Huế phía Bắc Hải Vân.

Bài viết này để tưởng nhớ đến tất cả phi hành đoàn trong các phi vụ tiếp cứu Bastogne mà giờ đây người còn người mất, cũng như Phi đội 6 Trực thăng Võ trang và nhân viên phi hành các cấp của Phi Đoàn 213/SD01KQ đã trưởng thành và dày dặn kinh nghiệm chiến chinh trên khắp các vùng lửa đạn trong chiến sự oai hùng của QLVNCH và quân dân miền Nam để bảo vệ phần đất tự do cuối cùng của Tổ Quốc. Cũng đặc biệt ghi nhớ và vinh danh những chiến sĩ của SD1BB đã anh dũng giữ vững cứ điểm Bastogne trước những đợt cường tập biến người ác liệt của Bắc quân mà ngôn ngữ giới hạn con người không đủ diễn tả hết sự hy sinh cang trường đầy cao cả của anh em. ●

Vĩnh Biệt!



(Anh Hồ Hải Trân! Từ nay ngàn trùng cách trở.
 Xin gửi đến anh lời vĩnh-biệt!)

**

*Chiều nay mây xám từ muôn ngả
 Phủ kín hồn tôi một góc trời
 Chuông đổ u-trầm theo nhang khói
 Chập-chờn trong ánh lửa chơi-vơi...*

*Xưa kia tri-kỷ bên sông lạnh
 Thôi khúc tiêu buồn đưa tiễn ai
 Giờ đây điệu trúc chìm xa vắng
 Nghe thoảng bên tai tiếng thở dài.*

*“Kinh-Kha độ ấy không về nữa”
 “Thái-Tử Yên-Đan rũ-rượi buồn” (1)
 Anh đã qua sông tròn nghiệp-quả
 Nhặt-nhòa ai đứng đợi mưa tuôn.*

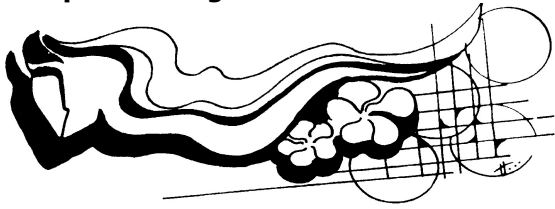
*Thôi nhé anh đi buông chấp ngã
 Tìm về cùng bản-thể chân-như
 Chẳng còn duyên nợ nào vay trả
 Hồn nhẹ nương theo tiếng niệm từ.*

*Bỏ lại trần-gian người cõi thế
 Vô-thường ngũ-uẩn cũng chân-không
 Bên bờ mê ảo còn thương nhớ
 Vọng tưởng theo anh một đóa hồng.*

● **Trần Ngọc Nguyên Vũ**

Chú-thích: (1) Kịch thơ: “Quán Biên-Thùy” của Thao-Thao. Ngày xưa đó, Anh đóng vai Cao Tiệm Ly ngồi trong quán vắng bên bờ sông Dịch Thủy, thổi ống tiêu tiễn Kinh Kha sang Tần.

● Võ Thị Trúc Giang



Xa nhau ta nhớ gì nhau?

Tôi về đến Neufgrange nơi tôi đặt tên là Ngọn Đồi Bơ Vơ, sau một chuyến đi dài, lướt qua bao ngày mưa nắng, nay muốn ghi vài cảm tưởng của mình về trước và sau mấy ngày Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Hải Ngoại được tổ chức 3 ngày 7, 8 và 9 tháng 10 năm 2005 tại thành phố Seattle, Mỹ quốc, mà Thi sĩ Quốc Nam đã đặt tên là Cao Nguyên Tinh Xanh, để quý đọc giả tường.

Thú thật khoảng tháng Sáu năm nay tôi nhận được thư mời của BTC, nhưng vì sống trên một Ngọn Đồi Bơ Vơ ngay sát biên giới Pháp-Đức tôi nào có biết Cơ Sở Đông Phương là ai làm cái gì! Cho nên thư mời tôi để yên đó. Cho đến khi tôi nghe tin buồn *bên kia* gia đình tôi và đồng đảo bà con bị nhà nước chiếm đoạt đất đai nhà cửa, từ nỗi uất ức ấy tôi thấy mình không thể ngồi yên một mình ở đây mà buồn rầu chấp nhận, tôi muốn tìm khối mặt tập thể hải ngoại, để cùng họ gióng lên tiếng nói thay cho dân tôi *bên kia*, cho nên tôi lục lại thư mời của Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương của anh Quốc Nam ra xem và quyết định ghi tên tham dự Đại hội.

Theo tinh thần Đại hội là mời những vị nữ lưu tài hoa... mà tôi nào có phải thuộc nữ lưu tài hoa gì cho cam, nói nghe mà mắc cỡ, tôi xách gói ra đi vì tôi muốn tìm đường học tập cách sinh hoạt của người Việt Nam rải rác khắp hải ngoại, nhất là bên Mỹ lúc nào cũng rầm rộ và mạnh mẽ hơn bên Âu Châu hay đúng là nước Đức nơi tôi sinh sống. Nhưng nay, sau chuyến đi tôi quay về nhà, với nhiều kỷ niệm lẫn lộn trong ký ức, rồi nhìn chồng Sách, Báo, Thơ và Nhạc tôi đặt nằm ngổn ngang trên bàn viết, hình ảnh của các bạn bè mà tôi may mắn mới quen, như đang sống bên cạnh tôi, để tôi thấy tuy xa họ lắm rồi đó, chị em phụ nữ chúng tôi đã tụ tập về như những cánh chim mỏng manh rồi sau đó bay về mỗi người một phương trời lữ thứ, nhưng dư âm của họ vẫn còn bên cạnh tôi, ghé thăm tôi như đợt mưa hay vài giọt nắng cuối hạ ngoài vườn đến mà không cần hẹn ngày giờ. Tôi say mê đọc sách của họ ngày đêm, như khám phá từng trang sách mới, mà nó còn thơm mùi giấy mới. Mỗi cuốn mỗi truyện chứa đựng một tâm tư khác nhau, câu chuyện khác nhau, lòng tôi lâng lâng sung sướng vì không ngờ mình có một dịp may mắn như thế, được hội ngộ với những người cầm bút «phe kẹp tóc» giống như tôi đã tụ về từ khắp nơi trên thế giới. Tôi cảm ơn anh Thi sĩ Quốc Nam, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội, Giám đốc Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương tại Seattle, mà tên Quốc Nam trước đây đối với tôi còn xa lạ lắm, nay thì tôi tự tin hơn và hạnh diện hơn mỗi khi nghĩ đến Cộng đồng Việt tại Hải Ngoại lớn mạnh trong đó có bậc đàn anh như anh, đã đánh tiếng Đại hồng chung cảnh tình chúng tôi như muốn hướng dẫn thế hệ trẻ đi sau. Tôi xin mượn những lời của Giáo Sư Vũ Kỳ viết về anh như sau:

«Thi sĩ Quốc Nam, anh là ai? Cơ sở của anh là một ngôi nhà xinh xắn để làm trụ sở cho Đài Phát Thanh Sài Gòn SRBS và Tạp Chí Đông Phương. Đó cũng là cái nôi của Cơ Sở Đông Phương, để từ đó xuất hiện liên tiếp các sinh hoạt văn học nghệ thuật và cộng đồng, đặc biệt là Giải

Quốc Tế Tượng Vàng Việt Nam do anh sáng lập từ năm 1987. Thơ của Quốc Nam chất ngất cái hồn nước đau thương, anh vừa làm Thơ vừa khóc, trước thân phận hấp hối của dân Việt mất nước, bị lưu đày bắt đấng dĩ ấy là chất ngất âm ỉ cho một quyết tâm hào hùng, để bao nhớ thương về người Mẹ muôn đời. Mẹ Việt Nam hay người Mẹ sinh thành của chính tác giả?

... *Ta xin thề trên mộ mẹ hôm nay,
Quyết đưa Mẹ về bên mồ Tiên Tổ
Ta gọi tên Mẹ nhiều đêm tuyết đổ
Nước mắt lưu vong ray rứt hồn nhau
Đời thi nhân vắn tang trắng cúi đầu
Vết máu tim thành thơ dâng Tổ Quốc...*

Nhiều, nhiều lắm, lời vang vọng không quên da diết của thi nhân, với lời nhắn nhủ trầm hùng, gần như các bậc tiền liệt Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh thuở trước:

... *Em và tôi hãy đốt bùng ngọn lửa
Hãy thoát khỏi những tiện nghi nhung lụa
Để dẫn thân cuộc tranh đấu lâu dài
Em biết không tôi chuộc tội từng ngày
Xin sống chết cho Việt Nam sáng rực...*

Đây là tâm tình của Quốc Nam: Tôi muốn gửi gắm đến thế hệ tam thập và tuổi trẻ Việt Nam đầy năng lực. Hãy dẫn thân nhận lãnh vai trò trở lại quê hương làm lịch sử... (Quốc Nam - Quê Hương Và Nước Mắt).

Rồi trên mặt địa cầu này rộng mà lại quá hẹp đối với thi nhân, người không tìm ra nơi nào trú ngụ để gửi ở đó một địa chỉ cho riêng mình:

... *Nếu ai hỏi tôi, nơi nào địa chỉ?
Đã qua nửa vòng trái đất đau thương.
Tôi còn chi trong mắt đời bão nổi
Suốt kiếp lưu vong không chốn về nguồn
(Địa Chỉ Tôi).*

... *Xin đốt đuốc xác thân này tranh đấu
Rồi có ngày tôi em về bến đậu
Trên luống rau gốc lúa của quê hương
Địa chỉ tôi là mái lá bình thường
Em thấy đó, giấc mơ tôi nhỏ, bé...
(Tháng Tư 1997)*

Giáo sư Vũ Kỳ viết tiếp: Nhìn vào sự nghiệp đồ sộ mà Quốc Nam đã và đang đóng góp cho nền văn hóa, văn học nghệ thuật Việt Nam Hải Ngoại, cảm nhận thái độ hằng say anh hằng có, cùng nỗi lòng của nhà thơ đối với đất nước giữa cảnh tình vong quốc hiện nay, nhất là tác phong làm việc không hề mệt mỏi và hoài bão anh hằng ấp ủ, tôi nghĩ đến câu tư tưởng vô cùng xác đáng của triết gia thời đại Martin Heidegger: «*Mọi sự hoàn thành chỉ mới là sự bắt đầu*» với Người Sĩ Chiến Sĩ Văn Hóa mang tên Quốc Nam »

(Bruxelles- Ất Dậu tháng 2 năm 2005 - Vũ Kỳ)

... Khi máy bay còn đang lơ lửng trên mây tôi nhìn ra ngoài sáng rực ánh mặt trời, thật đẹp, sống trên mây bao giờ chẳng đẹp, nhưng khi đáp xuống phi trường Sea Tac thì trời mưa tí tách trên khung cửa kính xe. Ban Tổ Chức đón chúng tôi chung với chị Thu Nga tới từ Texas, người trong xe trò chuyện với nhau tôi thấy chị Thu Nga người nhỏ nhắn xinh đẹp, lạnh lợi, hoạt bát thông minh xứng với vai trò Giám đốc đài phát thanh VRN/Dallas, trong thâm tâm tôi vẫn không nghĩ mình thuộc vào giới Nữ Lưu Tài Hoa Hải Ngoại, tôi thấy mình thấp bé quá, nghe mắc cỡ chết đi thôi!

Nay thì tôi có những cuốn sách của quý chị trong tay, tôi say mê nghiền ngẫm, như những tài liệu hiếm có, như vậy anh Quốc Nam cố tình tạo cơ hội cho những người tay nghề còn ít ỏi như tôi gặp quý chị nhiều năm kinh nghiệm cho tôi có một cơ hội mà học hỏi, tôi mang ơn anh quá; như tập truyện kịch dài kể lại đời sống trên nước Mỹ tựa *Máy Theo Gió Về* của chị Thu Nga, tôi càng khâm phục chị, nghề chính của chị là nhân viên nhà Bank Mỹ, vừa là Giám

độc đài phát thanh, lại là tác giả của bao nhiêu cuốn văn giá trị, tôi nể chị và nhớ nụ cười khôn ngoan lanh lợi hồ hởi trên sân khấu của chị quá chừng chừng!

Rồi dần dần tôi được hội ngộ lần đầu tiên trong đời với chị Kiều Mỹ Duyên một nhà văn nhà báo, **đài truyền hình SBTN (Saigon Broadcasting Television Network)** vừa là **nhân viên Radio Vietnam Hải Ngoại, Đài SBS- Úc Châu, Chân Trời Mới phát về Việt Nam nữa**, ngoài ra vừa một nhà kinh doanh thành công tại Hoa Kỳ, chị đã từng là một nữ ký giả chiến trường dưới thời Việt Nam Cộng Hòa trước kia, chị là tác giả của cuốn **Chinh Chiến Điều Linh**, ghi lại từ cuộc chiến đẫm máu giữa hai miền Nam Bắc. Trong xe chúng tôi trò chuyện tâm sự với nhau thì từ chiếc máy phát ra những tiếng đạn nổ làm tôi thấy như chiến tranh còn đang đâu đây

Đặc biệt hơn nữa tôi còn được hân hạnh làm quen chị Jackie Bông Wright đến từ Virginia, một phụ nữ Việt tài ba, mà lý ra tôi phải gọi bằng bà, nhưng vì chị trông còn rất trẻ, nên tôi kêu bằng chị, người chồng quá cố của chị, ông Nguyễn Văn Bông, người cầm đầu Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiên, một đảng đối lập ở miền Nam dưới thời VNCH, mà khi chồng chị bị ám sát và sự tham dự của người Mỹ trên chính trường miền Nam Việt Nam, từ đó chiến tranh VN đã trở thành cái thao thức trần trụi theo sát cuộc đời chị, những suy tư của chị về đất nước là động cơ thúc đẩy chị làm việc và chị làm được rất nhiều cho cộng đồng Việt Nam tại Virginia. Theo tôi, phụ nữ Việt Nam nên tìm đọc cuốn hồi ký **Mây Mùa Thu** của chị Jackie Bông. Chị đã vạch trần sự thật của hai bờ chiến tuyến từ ngay trong gia đình mình, chị chỉ trích chính quyền miền Nam Việt Nam dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và câu hỏi theo chị suốt cuộc đời là: Tại sao người Mỹ thất bại trên chiến trường Việt Nam? Tôi đang lo lắng không hiểu có người lên án chị qua cuốn hồi ký này hay không? Nhưng theo tôi thấy chị là người rất can đảm. Cho đến ngày hôm nay chị vẫn không ngừng nghĩ đi tìm một *con người thật* của chính mình, qua bao nhiêu cảnh biển dâu của đất nước, lưu lạc, của đời một người đàn bà mà chị đã «*được hay bị thừa kế*» cái món nợ của anh Bông, chồng chị, món nợ với quê hương dân tộc. Sau bao nhiêu năm rèn luyện không ngừng học hỏi câu tiến chị đã phục hồi được chỗ đứng cho chính mình và tìm lại được nụ cười mặc dù đôi lúc tôi nhận thấy còn gượng gượng!

Tôi cũng nôn nao để xem người mang tên nữ sĩ Vũ Thị Dạ Thảo tới từ Canada, nghe nói chị chưa đầy 30 năm mà chị đã cho ra đời hơn 20 tác phẩm, quyển truyện dài viết về thảm trạng thuyền nhân mà tôi vừa đọc qua với tựa đề **Phía Bên Kia Biển Lớn**, thật hay và cảm động đến không cầm được nước mắt; tôi vẫn còn nghe văng vẳng bên tai giọng nói của nữ Thi sĩ Vũ Hoài Mỹ từ California, giọng miền Bắc thật đặc biệt, khó diễn tả mà Hiền Vy vừa mới thoát nghe giọng nói, đã buột miệng nói: «*giọng nói của chị thật là quyến rũ*». **Tập Thơ với tựa đề Vạn Thủa Còn Yêu**, được in **khôn khổ thật đặc biệt** :

*Tình chỉ phút giây mang vạn thừa
Yêu, hồn tôi muốn dệt nên thơ...*

Hoài Mỹ là người của xã hội, yêu sự công bằng và mang niềm vui cho mọi người, Hoài Mỹ mời tôi tham gia nhóm Tuyền Tập Văn Học Thời Nay, một hậu thân của Nhà Thơ Nguyễn Sa. Còn gì sung sướng nào hơn, tôi gật đầu liền chỉ sợ mình không đủ khả năng như người khác thôi! Nữ văn sĩ Hiền Vy từ Houston ở chung phòng với tôi tại Red Lion Hotel, người mà tôi hay gọi là Nhỏ, khi chưa biết tên nhau, Nhỏ người Huế, tôi lại rất thương Huế, Nhỏ giới thiệu người đi theo là ông xã và hồi xưa là thầy giáo kèm Anh Văn, nên từ đó nhà văn Nguyễn Phục Hưng chồng của Nhỏ Hiền Vy bị tôi đặt tên là Ông Thầy! Nhỏ và ông Thầy ở chung phòng với chúng tôi ngay từ buổi đầu cho đến cuối đại hội, vui lắm thật nhiều kỷ niệm. Hai chúng tôi thấy dậy thật sớm Nhỏ đi pha cà-phê, hai đứa trò chuyện tới sáng. Hai đứa tôi

thương nhau vì... chúng tôi đã quen nhau qua NET Phố Rùm Đặc Trưng của anh Cả Ngổ! không hẹn mà gặp nhau tại Cao Nguyên Tinh Xanh. **Đặc biệt nhất là hai chị em Mộng Tuyền và Mộng Trinh chủ bút tờ báo Bút Tre, còn là nhà văn, ca sĩ với số tuổi 26, đến từ Arizona**, lắng nghe Mộng Tuyền phát biểu cảm tưởng. Chèng đét ơi bà con trầm trồ con nhà ai mà khôn ngoan dễ thương lạ. Chị Thu Nga cứ chạy theo vuốt: «*Con ơi con về làm dâu nhà bác nhe con!*». Làm mọi người cười ồ! Và còn nhiều nữa, nào Miên Du Đà Lạt với tập thơ Một Chút Hiến Dâng, CD nhạc, nào thi sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung (Canada), nữ thi nhạc ca sĩ Nhật Hạnh (Houston) người đã phổ nhiều bản nhạc từ thơ của Thi sĩ Quốc Nam như bài Tình Say thật lãng mạn như «*ngày em giây phút chạm đời, dấu yêu gọi mãi đáng gây chơi vơi, mai qua phố cũ mẹ say, anh mơ tập vẽ chân mây mỹ nhân*» từng nốt nhạc và tiếng hát dịu êm của mình Nhật Hạnh đã dìu người nghe vào lời thơ một cách tài tình. Rồi nào là nữ sĩ Kiều Mộng Hà (Desoco, TX) người đắp tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ Dallas. Rồi Ngọc An (San Jose), rồi nhà văn Hoàng Trúc Ly với tác phẩm **Con Chim Trống Mái**, cái suy tư của Trúc Ly trước cảnh người Việt cao niên sống nơi xứ người về già cảm thấy cô đơn bị con cái lãng quên, ngồi buồn tủi trong các viện dưỡng lão, cũng như tôi không thể nào quên được người chị mới quen mang tên Hoàng Xuyên Anh. Một lần gặp nhưng rồi tâm sự chị kể có lẽ không bao giờ tôi có thể quên được nữa, tác phẩm của chị cho ra đời mang tên **Nỗi Lòng Cô Phụ**, chị lập gia đình rồi lần lượt chứng kiến cái chết của ba đứa con mình, đến năm 1985, bị tai nạn máy bay, đã tàn phá nhan sắc mặn mà của chị, chồng chị chăm sóc chị nhưng sau vì buồn rầu anh chết bỏ chị ở lại trên xứ người bơ vơ với nỗi buồn không thể diễn tả nổi. Từ đó chị tìm nguồn vui qua Văn Thơ, chính Văn Thơ đã cứu rỗi linh hồn chị, là niềm vui của chị. Còn nhiều nữa như Đất Đứng của Khuê Dung-Nhật Thịnh, và nhiều tên tuổi những tác giả khác và tác phẩm của họ được bày triển lăm trên tường như Cao My Nhân, Nhật Phương, Hồ Hương Lộc, Song Thi, Hàn Trúc, Huỳnh Mai Hoa, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, ca sĩ Thanh Lan, Nguyễn Nhung, Tuệ Nga, chị Bích Huyền, với giọng thật thân quen trầm ấm trong chương trình Thơ Nhạc Hải Ngoại, người nữ chiến sĩ Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, được cộng đồng đấu tranh tại hải ngoại chào đón, Hương Văn, Phượng Khánh, Linh Linh Ngọc, Tâm Huyền, Uyên Phương, Thu Hương, Trịnh Gia Mỹ, Trần Thị Hà Thân, Đức Trí Quê Anh, Đàm Giang – Song Việt, Thương Hoài Thương, Hoa Hoàng Lan, Sương Mai, Nguyễn Thanh Nga... Tôi tiếc là không đủ thì giờ hay đủ sức để ôm hết chồng sách báo về nhà mà nghiền ngẫm. Tôi xem nó như những tài liệu quý báo hiếm đối với tôi, khi tôi quay trở về Ngọn Đồi Bơ Vơ nơi biên giới Đức-Pháp này.

Phải nhắc đến công lao và tấm lòng của người đưa đón chúng tôi suốt thời gian đại hội. Anh «*Thương Nặng*», anh cười thật cởi mở tự giới thiệu tên mình với mọi người. Trong những giây phút ngồi tâm tình bên nhau, anh hay ngâm thơ của anh tự sáng tác cho chúng tôi nghe, những lời Thơ của người cựu quân nhân trong tù cải tạo. Chúng tôi dường như mới quen nhưng coi như đã thân nhau từ bao giờ. Lòng người Việt hải ngoại sao khẩn khất để thương như thế, cũng như những quả trứng gà tươi ngoài sân mới lượm vào, mà anh chị Liễu Trai đã làm cho chúng tôi ăn sáng mới thật đậm đà làm sao. Nhớ mãi nhớ mãi, cảm ơn anh chị đã cho chúng tôi tá túc một đêm tại tư gia.

Tại tôi vẫn còn nghe tiếng Chuông Tự Do đã được đánh lên vang dội, cuộc diễn hành Cờ Vàng trên đường phố chính, chào mừng những người phụ nữ Chăm Bút khắp thế giới về tham dự. Người đi hai bên đường dừng lại, vẫy tay cười thật tươi chào chúng tôi, quân cảnh chặn hai bên đường không cho xe chạy, đoàn diễn hành với những lá cờ Mỹ-Việt tung bay khắp phố. Chúng tôi trên xe gơ tay vẫy chào khách bộ hành, thật là một kỷ niệm khó quên trong đời, nhất là với người từ Âu châu sang như tôi.

Hội Chợ Sách đã được cất băng khánh thành tại chùa Cổ Liêm với 4 vị lãnh đạo tôn giáo (LM Trần Đức Phương, Đại Đức Thích Nguyên Kim, Ni Sư Trưởng Thích Nữ Giác Hương, và Hiền Huỳnh Cao Đài Dương Thanh Liêm). Tôi phải công nhận nhờ sự khéo léo của anh chị Quốc Nam, mới kêu gọi được đồng đảo quần chúng ghé vào ủng hộ, sách văn thơ nhạc của phụ nữ chúng tôi mang đến phát hành được người người ủng hộ hết lòng, 20 cuốn sách **Tình Yêu Nuôi Tôi Lớn** và 50 cuốn **Đầy Mưa Kìa Nắng** vừa bán vừa thân tặng quý vị ân nhân trong BTC, tôi đã tự hứa với lòng là tiền tôi bán được sách sẽ dành vào chương trình của Hội Đức-Việt, nuôi học sinh nghèo hiếu học tại tỉnh Bến Tre. Tôi cảm ơn tấm tình của người địa phương Seattle đối với người từ phương xa đến như chúng tôi.

Hội nghị Văn hóa Phụ Nữ diễn ra sôi nổi tại hội trường SRBS Radio vào tối thứ bảy, kết quả Ủy Ban Liên Lạc đã được hình thành, tạm thời đặc trách bởi bà Jackie Bông và cô Mộng Tuyền làm Thư Ký, tôi là người duy nhất đến từ Âu châu nên được đề cử vào ban liên lạc bên trời Âu. Tôi vui vẻ nhận công tác này.

Đề tài không những chỉ phụ nữ Việt quan tâm mà tất cả ai là con dân Việt phải lấy làm thương tâm. Chúng ta hiện nay đang sống trong Tự Do, tiện nghi đầy đủ, trong khi phụ nữ và trẻ em *bên nhà* nhân phẩm của họ bị chà đạp, bị cưỡng bức, ai nghe cũng phải đau nhói con tim, chính quyền VN hiện tại đã tiếp tay hay lơ là trước sự buôn bán phụ nữ và trẻ em, ta phải làm gì để lên án chính quyền độc tài Việt Nam ra trước Tòa án Quốc tế. Chúng tôi kêu gọi sự tiếp tay của quý vị đồng hương, phụ nữ Việt khắp năm Châu hãy cùng nhau kêu gọi nhà nước hãy ngăn chặn hành động này càng sớm càng tốt.

Sáng chủ nhật 9 tháng 10 năm 2005, sau buổi ăn sáng, chúng tôi lên đường dạo núi Rainier để giương cao ngọn cờ chính nghĩa trên ngọn núi cao nhất Miền Tây Bắc Mỹ Châu, đi cùng xe có chị Thu Nga, anh Vĩnh Tuấn (XLTV Chủ tịch Văn Bút VN Hải Ngoại, thuộc Văn Bút Quốc Tế), nhà văn Nhật Thịnh, Chủ tịch hội Văn Nghệ Sĩ VN Hải Ngoại và họa sĩ kiêm điêu khắc gia Phạm Thông, người đã tạo cho đời hai tác phẩm để đời: Tượng đài Đức Trần Hưng Đạo chỉ tay xuống sông Sài Gòn gần 40 năm qua, và tượng đài Chiến sĩ Việt-Mỹ đồ sộ nhất hải ngoại hiện nay. Thật là một dịp may quý hóa cho chúng tôi được làm quen với quý anh chị để nghe, để học để cười những trận cười thật vui suốt buổi ngồi yên nghe anh Thương Nặng vừa lái xe như Cao Bồi vừa ngâm Thơ tặng giới nghệ sĩ chúng tôi trong xe. Khung cảnh hai bên đường là những hàng thông xanh thắm dày đặc đen tít, trông như Schwarzwald bên Trời Âu của tôi bên này, vậy mà những ai đến từ Cali hay San Jose nắng ấm khen lấy khen để, tôi hy vọng có ngày mời các anh các chị ghé ngang qua vùng Ngọn Đồi Bơ Vơ chỗ tôi ở sẽ thấy nét đẹp, yên tĩnh và cô đơn của tôi như thế nào!

Tối chủ nhật là buổi cảm động nhất, Lễ Vinh Danh 18 vị Phụ Nữ Tài Hoa đến từ khắp nơi trên thế giới, chúng tôi được gọi tên từng người rồi được trao tặng Bông Hoa Hồng nhưng đồ thắm, được trao tặng bằng khen với 4 chữ ký của 4 Hội Đoàn khác nhau:

1. Ông Nguyễn Bác Ái, Chủ tịch cộng đồng Việt Nam - Oregon
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chủ tịch Cộng đồng Người Việt Greater Vancouver, Canada.
3. Ông Tăng Phước Trọng, Chủ tịch Cộng đồng Người Việt Quốc gia TB Washington.
4. Quốc Nam: Tổng Giám Đốc Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương & SRBS-Radio .

Trong diễn văn khai mạc buổi lễ vinh danh 18 phụ nữ tài hoa VN, thi sĩ Quốc Nam, Trưởng Ban Tổ Chức nhấn mạnh rằng: "Trải qua ngót 5 ngàn năm lịch sử, người phụ nữ Việt đã góp công sức lớn lao vào sự hưng thịnh của đất nước, và sự trưởng thành của các Cộng đồng Người Việt khắp nơi trên thế giới. Đặc biệt là những phụ nữ cầm bút đã nói biết bao hy sinh và vinh nhục của nữ giới. Họ rất xứng đáng được quần chúng tuyên dương. Từ Đại Hội vinh danh một

số phụ nữ tài hoa có mặt ngày hôm nay, chúng tôi chỉ muốn được đốt lên một ngọn lửa khích lệ nữ giới sẽ nhận lãnh nhiệm vụ trở lại quê hương làm lịch sử, để dùng bàn tay nhân ái xoa dịu vết thương của dân tộc đã chịu đựng quá nhiều đau khổ suốt bao thế kỷ qua".

Kết thúc 3 ngày Đại Hội là dạ tiệc Bông Hồng Cho Quê Hương với nhiều ca sĩ nổi tiếng như Thiên Trang, Shayla, Khánh Hồng, Nhật Hạnh... Tường cũng nên nhắc đến chị **Tăng Xuân Hoa**, người xướng lên phong trào Phụ Nữ Mê Linh, những chiếc áo dài vàng khăn **đóng đồng phục Mê Linh** là do chị Hoa lo lắng mang đến. Anh chị còn thết đãi chúng tôi một buổi cơm thật ngon, thật sang tại Tacoma, và còn ăn bánh Trung Thu tại tư gia anh chị nữa. Chuyến đi nhiều kỷ niệm khó quên.

Hai ngày cuối cùng tại Cao Nguyên Tinh Xanh, chúng tôi được may mắn đi tham quan sinh hoạt thành phố khu Little Sài Gòn của Seattle. Chúng tôi được hân hạnh làm quen với anh Phạm Kim, đại diện tuần báo Người Việt Tây Bắc, chị Hanah Ngo, Chủ bút tờ báo Seattle Việt Times, anh nhà báo Huỳnh Thanh Bình, anh ruột của anh Huỳnh Lương Thiện, Trưởng Phong Trào Hưng Ca Hải Ngoại.

Dịp làm quen với anh Huỳnh Thanh Bình xảy ra thật ngộ nghĩnh như sau: Sau khi rời nhà hàng xuống Parking lấy xe, chúng tôi bám theo anh Liễu Trai, anh Thương Nặng hôm nay bận đưa vợ con về, đang đi kiểm xe trong Parking, bất tình linh chạm đầu với anh Thanh Bình ở cầu thang máy, anh cũng đang trên đường tới xe của mình, anh Liễu Trai lên tiếng nhờ:

-Nhờ anh chờ hộ các cô quá giang về Hotel Red Lion, xin giới thiệu đây là Trúc Giang, đây là Hoài Mỹ, ...

Trong phút chốc ngỡ anh Huỳnh Thanh Bình tươi cười nhận ra tôi với lời giới thiệu cuốn **Đầy Mưa Kìa Nắng** mà anh Quốc Nam và chị Thu Nga đã ưu ái dành cho tôi vài giây phút tâm tình với đồng hương quen và chưa quen nhưng thật là gần gũi, những người Việt mến thương của tôi qua làn sóng điện của Đài Phát Thanh Sài Gòn. Chỉ mới nghe tôi nói những lời giới thiệu như thế trong đài phát thanh anh Bình đã vào Hội Chợ Sách tìm mua ĐMKN ... Thế là chúng tôi chưa quen nay trở thành bạn bè thân thiết. Anh đãi chúng tôi một buổi cơm thật thân mật tại Lemongrass Rest., đặc biệt anh âm thầm mời cả anh Quốc Nam đến, thật là một vinh hạnh cho tôi, để tôi có thể phỏng vấn anh Quốc Nam như tôi trong lòng đang háo hức. Tôi muốn phỏng vấn anh thi sĩ Quốc Nam là:

- Từ bao giờ anh có tư tưởng tổ chức Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Hải Ngoại? Anh nuôi tư tưởng đó từ bao giờ, tại sao?

- Quốc Nam: Từ hai hình ảnh Mẹ tôi và Chị tôi, hai người mà tôi thương nhất, họ rất xứng đáng được vinh danh. Vì họ đã lam lũ cực khổ trong đời nhưng ít ai nghĩ đến công lao họ, **và tư tưởng này tôi đã nuôi trong lòng từ 11 năm qua.**

Tôi hỏi tiếp: Trúc Giang sắp về lại Âu Châu vậy anh có muốn nhắn gì với giới phụ nữ cầm bút Bên Trời Âu không?

- Quốc Nam: Có chứ, nhờ Trúc Giang nhắc lại là giới phụ nữ cầm bút hãy can đảm dùng ngòi bút của mình để đấu tranh, hãy nói thay cho những người phụ nữ trong nước họ không được quyền nói như quý vị Phụ Nữ Hải Ngoại. Thế thôi.

Tôi xin ghi nhận hết tất cả những tấm thân tình của BTC đã dành cho chúng tôi, người từ phương xa đã đến nay quay trở về lòng hân hoan tự hào trước sự trưởng thành của khối cộng đồng Người Việt Hải Ngoại sau 30 năm lưu vong. Tôi nay có thêm trong tâm tư mình giữa **Đầy Mưa Kìa Nắng**, giữa cuộc đời Trước Lạ Sau Quen, giữa Trời Âu và Trời Tây Bắc Hoa Kỳ, giữa một khoảng cách thật xa nhưng gần gũi vì tâm tư họ đang nằm cạnh bên tôi trên bàn viết như đêm nay và tôi nghĩ rằng những ai đang có **Đầy Mưa Kìa Nắng** trong tay cũng hiểu được tấm tình tôi đối với đất nước vậy.

(Neufgrange ngày 24 tháng 10 năm 2005)



Khi một người lính năm xuống

Trong thời gian gần đây đã có khá nhiều nhạc sĩ một thời Sài Gòn đã lần lượt ra đi. Hoàng Thi Thơ, Văn Phụng, Ngọc Bích, Duy Khánh, Nhật Bằng, Lê Trọng Nguyễn, Trịnh Công Sơn, Trầm Tử Thiêng và bây giờ đến lượt một người trẻ nhất là Trần Thiện Thanh. Mới 62 tuổi, nhà soạn nhạc Trần Thiện Thanh ra đi đã đem theo cả tiếng hát truyền cảm của Nhật Trường.

Thực vậy, rất hiếm nhạc sĩ Việt Nam vừa là ca sĩ vừa là người soạn nhạc. Trần Thiện Thanh là một tài hoa hiếm có với hơn 100 bản tình ca và đồng thời hơn 100 bài nhạc lính. Rất nhiều bài mang hương vị chinh chiến trộn lẫn với tình yêu nên không thể đơn thuần gọi là nhạc lính hay nhạc tình.

Khi ca sĩ cất tiếng hát rằng: “*Nếu em không là người yêu của lính*” thì ai mà biết được đây là nhạc lính hay nhạc tình. Tổng cộng hơn 200 bài ca, bài nào cũng trong sáng, giản dị, dòng nhạc tuôn trào, lời nhạc mộc mạc chân thành và gắn gũi với cuộc sống của một thời tao loạn.

Đọc lại và nghe lại lời nhạc của Trần Thiện Thanh chúng ta dễ dàng hình dung được cả một thời xưa đầy kỷ niệm. Các đơn vị hành quân, con tàu ra khơi, phi cơ cất cánh, những đoàn quân xa chuyển bánh, tiếng súng, tiếng bom, những người ra đi, những người ở lại, những giây phút chia ly, những lá thư của lính, những giọt lệ chờ mong.

Người ra đi có thể ở trong Rừng Lá Thấp, có thể ở trên Phá Tam Giang, có thể ôm cánh dù bọc gió, có thể đang thấy phi đạo chạy dài dưới thân tàu. Người ra đi có thể là thủy thủ, phi công hay mũ đỏ, mũ xanh. Và người ở lại có thể là người tình nhỏ rong chơi trong thương xá hay đang học bài trong thư viện.

Và hậu phương nhớ ra tiền tuyến, người ở lại nhớ người đi giữa chiến tranh, “*lại nghĩ đến anh*”. “*Lại nghĩ đến anh...*”.

Tuy rằng sống giữa chiến tranh khốc liệt nhưng nhạc lính và nhạc tình của Trần Thiện Thanh luôn luôn lạc quan. Anh lạc quan ngay cả trong niềm tang tóc. “*Anh không chết đâu em, anh chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua*”.

Đối với nhà soạn nhạc trẻ của chúng ta, lính là mẫu người rất trẻ trung, yêu đời, yêu người, không bao giờ chết và vạn nhất có chết thì anh lại trở về. Mỗi người lính là một người anh hùng, là một thần tượng của một cô học trò, một cô sinh viên đại học.

Những bài nhạc của anh đã làm cho cả một hậu phương thờ ơ trở nên yêu lính. Làm cho người lính thấy yêu quân đội và thương yêu chính mình.

Với chiếc lon cánh gà cấp Trung Sĩ, với tấm bằng tốt nghiệp Trường Hạ Sĩ Quan, người lính trẻ tên là Trần Thiện Thanh phục vụ trong ngành Chiến Tranh Chính Trị có tài hoa đặc biệt đã trở thành con người ca tụng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thành công nhất.

Khi Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù Nguyễn Đình Bảo chết trong trận Tân Cảnh ở chiến trường Tây Nguyên. Cả Việt Nam Cộng Hòa đã phải khóc người ở lại Charlie cùng với Nhật Trường. Cho đến 30 năm sau, vào ngày 19 tháng 6 nhân Lễ Quân Lực hàng năm thì Việt Nam Cộng Hòa lưu vong vẫn còn nhớ người ở lại Charlie.

Năm 1972, người mũ đỏ tên Dương tử trận tại Hạ Lào lại một lần nữa đi vào huyền sử ca với lời nhạc đầy xúc động của Trần Thiện Thanh. Đó là lý do vì sao mà gia đình mũ đỏ ở Nam Cali tuần qua đã đứng ra làm lễ phủ cờ và trao mũ Nhảy Dù cùng huy hiệu danh dự cho người lính Nhật Trường năm xuống.

Suốt 30 năm lưu vong, dường như chưa một người lính Việt Nam Cộng Hòa nào qua đời tại hải ngoại đã được giới truyền thông Việt Nam chú ý đến như Nhật Trường. Suốt hai tuần lễ, báo chí viết bài từ lúc anh bị ung thư hấp hối cho đến khi qua đời, tường thuật tang lễ và sau cùng là viết về ngày tưởng niệm đặc biệt. Các chương trình Radio và TV hát nhạc của người ra đi, chiếu hình đám tang và lần lượt các bằng hữu lên tiếng.

Lúc sinh thời, Trần Thiện Thanh làm việc tại Cục Tâm Lý Chiến trong đơn vị phát thanh của quân đội. Anh có dịp gặp gỡ nhiều văn nghệ sĩ và các ca sĩ nổi tiếng của Sài Gòn.

Sau trận Mậu Thân, anh qua làm phóng sự chiến trường cho bên truyền hình quân đội. Với hoàn cảnh sinh hoạt truyền thanh và truyền hình, anh có cơ hội ghi nhận các tin tức, đi các mặt trận lấy tài liệu hình ảnh và tìm ra cảm hứng để sáng tác.

Theo Huy Phương cho biết, vào cuối tháng 4-1975, Trần Thiện Thanh được thăng cấp Chuẩn Úy. Tuy nhiên, phải nói rằng suốt đời quân ngũ, nhạc sĩ của chúng ta đã đóng vai một người lính vô danh dù là anh đeo lon cấp bậc Hạ Sĩ Quan.

Trong đêm tưởng niệm Chủ Nhật 22 tháng 5-2005 vừa qua, tất cả các văn nghệ sĩ miền Nam Cali đã đến với nhau để cùng chia sẻ niềm thương tiếc Nhật Trường, Trần Thiện Thanh.

Các nữ ca sĩ mỗi người đều lên ca một bài của Nhật Trường, vừa hát vừa khóc. Các cựu chiến binh, các chiến hữu, các niên trưởng của anh lần lượt lên nhắc nhở về công nghiệp của người ra đi. Không một Hạ Sĩ Quan nào đã gây ảnh hưởng tâm lý mạnh mẽ trong QLVNCH hơn Trần Thiện Thanh.

Nữ ca sĩ Thanh Lan mà tên tuổi một thời gắn liền trên sân khấu với Nhật Trường đã hát trong tiếng khóc nghẹn ngào. Lần này cô không phải là diễn viên khóc cho người ở lại Charlie Nguyễn Đình Bảo, không phải khóc cho Pháo binh dù Nguyễn Văn Dương ở lại Hạ Lào. Ở đây, Thanh Lan khóc cho chính tác giả Trần Thiện Thanh bởi vì ca sĩ Nhật Trường sẽ không bao giờ trở lại đứng bên cô trên sân khấu.

Huy Phương là người làm việc chung với Nhật Trường nhiều năm trong đài quân đội, ông đã có các nhận xét rất chân thật và tinh tế về nhạc Trần Thiện Thanh. Tuy là chiến binh của ngành Tâm Lý Chiến nhưng nhạc sĩ sáng tác hoàn toàn theo cảm hứng, tuyệt đối không phải lời bài ca thúc dấy quân sĩ như tiếng kèn trận. Không có những lời lẽ, âm thanh để đưa con người vào cõi chết.

Đây là hình ảnh đích thực của người lính trẻ có nhân tính, có yêu thương, có mơ ước. Nhạc của ông không phải là nhạc viết theo chỉ thị.

Đây là những bài ca gần gũi, phản ánh thực sự tâm trạng của chiến binh. Trong đêm gác, lúc dừng quân, khi tửu hậu trà dư, không ai là không nhắc đến hay nghe vang vọng bên tai những lời ca bình dị mà tha thiết của Trần Thiện Thanh.

Suốt một đời lính ai mà chẳng nhớ đến thời gian: “*Từ khi anh thôi học, từ khi anh khoác áo Treillis...*”.

Có những bài ca sáng tác vì những xúc động cho rất thời sự. Bài dành cho phi công Trần Thế Vinh, bài Giấc Ngủ Trên Đồi Xanh khóc cho Nhảy dù Trần Duy Phước, Anh Không Chết Đâu Em là của Pháo binh dù Nguyễn Văn Đương, Người Ở Lại Charlie là Nguyễn Đình Bảo, Người Chết Trở Về là nhạc viết về Tượng Đài Nghĩa Trang Biên Hòa.

Nếu nói rằng Phạm Duy là cây cổ thụ của nhạc Việt trải dài suốt nửa sau của thế kỷ 20. Nếu nghĩ rằng Trịnh Công Sơn nổi tiếng với nhạc phản chiến khóc cho một Việt Nam tang tóc. Thì rõ ràng ngôi vị nhạc lính và tình yêu là của Trần Thiện Thanh.

Tháng 4-1975, cuộc chiến đau thương chấm dứt nhưng người lính trẻ trong nhạc của anh cùng với người yêu Sài Gòn vẫn mãi mãi bất tử.

Sau 30 năm, những người chiến binh tiền tuyến và những em gái hậu phương thuở xưa bây giờ tóc bạc da mồi nhưng vẫn còn sống mãi trong nhạc Trần Thiện Thanh và trong tiếng hát của Nhật Trường.

Với người vừa ra đi đem theo niềm thương tiếc của chúng ta thì những lá thư tình viết trên báng súng, những đêm hỏa châu, những chiều dạo phố mùa Xuân vẫn còn lại mãi mãi trong kỷ niệm của một thời xưa không thể phai nhòa.

Trong lứa tuổi của thế hệ chúng ta, đôi khi phải biết ơn những nghệ sĩ sáng tác biết chừng nào. Những bài ca, những dòng nhạc gần gũi theo đuổi chúng ta suốt cả cuộc đời. Nào có ai làm giấy tờ đoàn tụ bao giờ, mà các rừng cây nghệ thuật Việt Nam đã theo ta đến góc bể chân trời. Những người lính đã gầy gù, đã cải tạo, đã kinh tế mới, đã vượt biên, đã lưu lạc bốn phương mà sao nhạc lính Cộng Hòa vẫn quanh quẩn đâu đây.

Những món ăn tinh thần đó đẹp đẽ, huyền diệu vô cùng mà chỉ đến khi nào không có, chúng ta mới biết là đã mất mát biết chừng nào.

Tháng 8 năm ngoái, chúng tôi có đi nghỉ hè ở nơi xa đô thị, miền thôn dã phía Nam tiểu bang Oregon rồi đi sâu vào khu rừng già. Chợt nghe giữa rừng có vắng tiếng ca Việt Nam. Lại gần mới thấy ra là một toán hướng đạo Việt Nam đang cắm trại quây quần bên đám lửa ca hát văn nghệ tài tử.

Thơ : Ý Nga



XUÂN ĐI, NGOẢNH LẠI VẪN SẦU

*Mây bay, lặng lẽ mây bay
Người đi? Lặng lẽ, ai hay tấm lòng!
Đền quê ai thấp mà chong?
Đâu không cạn đĩa, bắc không rụi tàn!
Nên nhà cháy, Tết Mậu Thân,
Bảy Lăm cuộc đất, đất gần trời xa!*

*Sông sâu, biển rộng cũng... ra
Trùng khơi nổi sóng, quốc gia cũng... lia
Một đi lệ dầm dẫm đĩa
Chân nhanh nhanh bước, tìm chia nhịp đôn
Nuốt lời, nước mắt vô ngôn
Mẹ Cha để lại hỏi hồn còn chi?
Bao nhiêu xuân, một lần đi
Chưa quay về được, sầu bi nào bằng!!!*

Một em bé dưới 20 tuổi nói là em xin hát bài Chiếu Trên Phá Tam Giang. Lạ lùng thật. Em bé hướng đạo nữ nói tiếng Việt không rành, sinh ra ở Mỹ, ngay cha mẹ của em cũng đã bỏ lại ở phía sau cả nước Việt Nam 30 năm xa cách ở bên kia bờ biển Thái Bình Dương.

Giờ này ở bên hồ Thanh Thủy miền Nam Oregon nước Mỹ mà sao em lại hát bài về Phá Tam Giang là vùng nước mênh mông ở miền Trung Việt Nam. Bài ca kể về câu chuyện anh lính xa nhà ngồi bên hồ nước nhớ về người yêu đang đi Shopping ở Sài Gòn. (*Em rời thư viện đi rong chơi...*).

Cô bé ca sĩ học trò đã học được Việt ngữ qua đĩa Karaoke hát say sưa bài thơ phổ nhạc thành công nhất của tác giả. Thơ Tô Thùy Yên và nhạc Trần Thiện Thanh.

Cô bé Việt Nam của thế hệ thứ hai tại Hoa Kỳ không hề biết tác giả là những ai, nhưng lời ca vẫn vang lên trong khu rừng miền Oregon hẻo lánh.

Một lần nữa, cô bé Việt Nam đã nối tiếp con đường của mẹ, của bà nội ngày xưa ở Hậu Giang đêm đêm nghe tiếng đại bác, nhìn về ánh hỏa châu, nhớ về những người đàn ông đi giữa chiến tranh và sống với nhạc Trần Thiện Thanh, một người lính không bao giờ chết, anh chỉ về với mẹ mong con.

● **Giao Chỉ – San Jose 2005**



- Duyên khởi:

Trên đường ngồi xe lửa tới Delhi chúng tôi gặp anh Tây ba-lô từ Mỹ. Anh ta kể rằng, từ khi 20 tuổi tới nay, đã hơn 10 năm, anh bắt đầu xách ba-lô lang thang thăm quan các châu trên thế giới như: Mỹ, Úc, Âu, Á, Phi Châu và Ấn Độ là nơi thám hiểm trong thời gian gần đây nhất. Mỗi năm anh chỉ cần làm vài tháng là đủ cho vài tháng lang thang các nước, và đến khi nào hết tiền thì trở về làm tiếp. Chúng tôi hỏi anh rằng thường người ta học ra trường, kiếm việc làm, lo sự nghiệp. Còn anh, anh có cảm thấy mình lãng phí thời gian, công sức và tiền bạc không? Anh trả lời:

- Sở thích của tôi là thích du lịch để tìm hiểu học hỏi những gì mới lạ trên trái đất này. Nếu chúng ta hiểu và biết được nơi này chốn nọ, thì thế giới này không còn gì lạ với chúng ta nữa. Như vậy cuộc sống mới có ý nghĩa, nếu không, chẳng lẽ chỉ ăn uống, ngủ nghỉ rồi chết hay sao!

Nghe anh nói cũng có lý, nên chúng tôi hỏi thêm:

- Vậy ở Ấn Độ anh thích thăm quan chốn nào nhất?

Anh trả lời rằng:

- Chỉ có dãy Hy Mã Lạp Sơn là nơi hấp dẫn nhất!

Những thập niên gần đây, hễ ai nghe nói đến Ấn Độ là nghĩ ngay đến vùng Kashmir, nơi thường xảy ra tranh chấp sôi nổi giữa nước Ấn Độ và Pakistan. Đó là lý do chính, mà khách du lịch đều ngại đến nơi này. Kashmir là một trong 28 tiểu bang của Ấn Độ, nằm ở phía tây bắc hay nói cách khác là trên đỉnh bản đồ Ấn Độ. Người Ấn thường gọi vùng này là: "The Heaven of India" (Thiên Đường của Ấn Độ), vì nó rất cao và nằm trọn vẹn trên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Kashmir có diện tích 222.236 km vuông; dân số 7,7 triệu; thủ đô tên Srinagar; ngôn ngữ chính gồm Kashmiri, Dogri, Urdu, Ladakhi. Thành phố lớn thứ nhì là Jammu; dân số

230.000 người. Thường những người du lịch trong cũng như ngoài nước đến đây dừng chân để đi tiếp lên Kashmir (Srinagar). Cả hai điểm này nằm phía tây, giáp biên giới với Pakistan, do đó người Ấn thường nói những vùng này: "Never peace" (không bao giờ yên ổn). Phía đông của Kashmir là vùng Ladakh, giáp với Tây Tạng (nay thuộc về Trung Quốc). Ladakh còn gọi là "Shangri-la"; "The Little Tibet" (vì người dân tỵ nạn Tây Tạng sống ở đây khá đông).

Đã từ lâu, chúng tôi được nghe quý Thầy Tây Tạng giới thiệu và rủ đi thăm quan một chuyến, nhưng tiếc không có dịp. Hôm nay nhân dịp đưa Toàn, chú em, đi Delhi. Sẵn cơ hội này, chúng tôi mạo hiểm để thám hiểm Ladakh như ước nguyện bấy lâu... Chúng tôi gói gọn hai bộ đồ, một cái áo len, một cái nón len, chút ít đồ cá nhân và một cuốn tập vào trong ba-lô. Trước khi đi chúng tôi dự định sẽ viết và lưu lại tất cả những hình ảnh trong suốt chuyến đi như một hồi ký cá nhân, và cũng có thể chia sẻ với những ai chưa có dịp đi hay sẽ đi v.v...

Lúc 14 giờ 25 ngày 25/07-04 chúng tôi cùng Toàn ngồi xe lửa từ bến Gaya tới Delhi (993 km), và hơn 11 giờ trưa hôm sau mới tới nơi. Chúng tôi làm một số công việc tối chiều xong. Sau đó chúng tôi tới Majnu Katilla đặt vé xe bus đi Manali liền. Majnu Katilla là khu tỵ nạn của người Tây Tạng. Nơi đây có nhiều nhà hàng, khách sạn tương đối sạch sẽ, giá cả phải chăng. Ngoài ra còn có rất nhiều văn phòng du lịch. Do đó chúng tôi có thể ở, ăn, và mua vé máy bay, tàu hỏa, xe bus đi các nơi từ đây rất tiện. Chúng tôi mua 2 vé xe bus (mỗi vé 275 rupee); từ Delhi tới Manali 477 km mất khoảng 13 tới 15 tiếng đồng hồ. Họ thường khởi hành 19 giờ 30 và tới Manali khoảng 10 giờ sáng hôm sau.

- Hồ Rewalsar (Tso Pema)

Sáng sớm hôm sau xe ghé vào quán ăn để rửa mặt, dùng sáng... Tình cờ gặp hai em Bhutan, tên Kelzang và Chokey. Hai đứa theo hỏi chúng tôi từ đâu đến, và định đi đâu? v.v... Sau một lúc trao đổi chúng tôi mới biết hai em này đi hồ Rewalsar, là nơi Ngài Padmasampava (Ngài Liên Hoa Sanh) bị thiếu oan. Nhưng trước đây nghe lầm là nơi quê quán của Ngài. Chúng tôi xin đi cùng cho biết. Thế chúng tôi bốn người tới Mandi khoảng hơn 8 giờ. Phố Mandi nằm trên sông Beas cách Manali 110 km phía bắc, cách Dharamsala 150 km về hướng tây bắc; dân cư 23.000 người. Trong lúc trời mưa tầm tã, em Kelzang đi mượn một chiếc xe mini van (300 rs), để đi tiếp tới Hồ Rewalsar. Từ Mandi tới hồ 24 km về hướng đông nam, mất một tiếng đồng hồ, mà phải lượn qua nhiều đèo dốc cong queo đủ kiểu... chẳng bao lâu là tới một ngôi Tự viện Nyungmapa. Bước vào cổng là cái sân rộng rãi, chính giữa là ngôi chánh điện thờ ngài Liên Hoa Sanh, còn hai bên là hai gian nhà chúng và khách tăng. Tự viện đây nằm sát bên bờ hồ, và được xây dựng đầu tiên nơi đây. Hai em đưa chúng tôi vào cất hành lý, sau đó vào chánh điện đánh lễ. Đứng trong sân Tự viện chúng ta có thể ngắm nhìn khung cảnh nơi đây thật ảm cúng! Quanh hồ còn có thêm hai Tự viện Tây Tạng là Zigar và Dregum Gompa (Gompa nghĩa là Tu viện hay Chùa), một chùa đạo Sith, vài nhà trọ và vài quán ăn bình dân của Ấn và Tây Tạng. Tất cả đều quay mặt hướng hồ. Chúng ta nhìn chung đây là một cái làng ở quanh hồ dưới cái thung lũng nhỏ. Do đó người dân có cảm giác hồ như người mẹ luôn gần gũi và những ngọn núi là người cha luôn bao bọc che chở xung quanh... Thời gian gần đây khách hành hương của Ấn giáo, đạo Sith và Phật giáo đổ xô về đây. Ai cũng cho là đây là hồ thiêng của tôn giáo mình. Nghĩ thật buồn cười! Tuy nhiên Phật giáo vẫn chiếm ưu thế hơn nhiều. Vì người Tây Tạng đi đến đâu là giảng cờ đầy khắp

nơi (trên cờ thường có in những bài chú). Tháng 02-2004 ngài Đạt Lai Lạt Ma đã đến làm lễ và cúng một tượng Ngài Liên Hoa Sanh, hiện đang xây tại hồ. Trước khi Ngài đến, chính quyền địa phương cho làm đường sạch sẽ và làm hàng rào quanh hồ. Hiện giờ là do người Tây Tạng trông coi. Vậy chẳng khác là di tích Phật giáo.

Em Kelzang kể:

"Khi xưa hồ là khoảng đất trống. Do vì ngài Liên Hoa Sanh bị vua Mandi thiêu nơi đây không bị cháy, mà ngược lại dầu hỏa thành hồ cho tới ngày hôm nay. Theo truyền thuyết kể lại hết sức kỳ, là Ngài được sanh từ hoa sen trong hồ "The Milk Ocean" ở thành "Oddiyana" (hiện là thung lũng Swat của nước Pakistan bây giờ). Đó là lý do tên của Ngài là Liên Hoa Sanh. Ngài ra đời sau đức Phật nhập Niết Bàn tám năm. Vị vua Indrabodhi lúc bấy giờ không có con, một hôm đi dạo chung với các quan đại thần bên bờ hồ, một vị quan chợt nhìn thấy và thưa với vua rằng, có đóa bé trên hoa sen. Vua ra lệnh cho đem về kinh thành, và sau vua nhận làm con nuôi luôn. Vua Indrabodhi hiện không có con thừa kế, nên đã cho Ngài làm vương tử. Khi Ngài trưởng thành rồi lập gia đình với cô Khadro Od Changma. Có nhiều lần Ngài xin vua cha đi tu học đạo, nhưng bị vua cha khước từ.

Trong triều đình có vị quan thần hung ác. Và Ngài biết được con trai của ông cũng sẽ bị chết yểu, vì đó là hậu quả của nghiệp đời trước do con của ông gây ra. Do đó Ngài đã hại chết con trai ông ta trong lúc chơi chung, để vua cha đày Ngài đi xa. Quả nhiên như vậy, vua cha không xử chết Ngài, mà đày Ngài ra ở nghĩa địa, để chịu nóng lạnh, đói khát... Nhân cơ hội này Ngài đi tìm thầy học tu khổ hạnh, và dần dần xuất gia. Ngài sang Ấn Độ đi các nơi Phật tích, và học Luật với Ngài Ananda, và Mật tông với Ngài Manjusri (Ngài Văn Thù), Ngài Nagarjuna (Ngài Long Thọ), Humkara v.v... Rồi Ngài đi tới thành Sahora (là phố Mandi bây giờ), và lên hang động trên đỉnh núi cách hồ Rewalsar 11 km để ẩn tu. Ngài ở đây tu khá lâu. Một hôm Công chúa Mandarava (Công chúa Mandi) tìm đến hang động của Ngài xin học đạo. Cô Công chúa này đã được nhiều Thái Tử nước khác cầu hôn, nhưng cô từ chối, và không có ý định lập gia đình. Do đó tình cờ cô đi dạo vào rừng núi, thì gặp Ngài Liên Hoa Sanh. Kể từ đó cô ở lại tu hành. Nhiều ông quan nghi ngờ và mách lại với vua: "Chắc là Ngài dụ dỗ cô... rồi". Nên vua tức giận, truyền lệnh lên bắt Ngài và dùng dầu thiêu sống. Họ đã đốt, nhưng Ngài không bị cháy, ngược lại dầu hỏa thành hồ nước. Nay là hồ thiêng Rewalsar (Tso Pema). Từ đó vua đem lòng kính phục và ủng hộ Phật pháp. Sau một thời gian tu Mật tông trong động Maratika (là Nepal bây giờ) Ngài trở về thành Oddiyana. Ông quan thần hung ác xúi giục vua xử tội giết người của Ngài. Vua đành ra lệnh đem Ngài thiêu sống, nhưng Ngài đã biến lửa thành hồ nước. Khi ấy Ngài ngồi an nhiên bất động trên tòa Liên Hoa. Mọi người kính mộ và được Ngài giáo hóa nơi đây mười ba năm. Sau đó Ngài bắt đầu hoằng pháp các nơi ở Ấn Độ.

Ngài Liên Hoa Sanh đã giác ngộ và giải thoát sanh tử luân hồi, nên có thể kéo dài mạng sống của mình như ý muốn. Do đó Ngài đã sống khoảng một ngàn năm trước khi đến Tây Tạng. Vào thế kỷ thứ chín vua Thrisrong Deusten thống lãnh đất nước Tây Tạng. Với quyền lực của ông ta đã xâm chiếm thủ phủ Trường An vào đời Đường ở Trung Hoa; và lan rộng tới Magadha trung tâm Ấn Độ (là nước Ma Kiệt Đà). Sau thời gian tìm hiểu Phật giáo vua mời Ngài Santaraksita, là vị Trụ trì trường Đại học Nalanda, sang hoằng pháp. Ngài đến Tây Tạng xây dựng Tu viện Samye, và sáng lập Phật giáo, nhưng bị ảnh hưởng các quan thần

ác và các ngoại đạo đã phá cản trở đủ thứ... Theo tiên đoán và đề nghị của Ngài, nên vua truyền lệnh thỉnh Ngài Liên Hoa Sanh sang thuyết pháp. Và Ngài đã hàng phục các ngoại đạo quy phục và độ cho vô số người. Do đó Ngài được coi như vị tổ khai sơn Phật Giáo Tây Tạng và nước Bhutan. Cuối đời Ngài lên núi và biến mất ở gần thành phố Paro, nước Bhutan bây giờ. Người đời nói ngài là Phật sống thứ hai, bất sanh bất diệt".

Kelzang bận phải tới nhà người quen, nên chỉ có Choikey ở lại. Em lại đưa chúng tôi đi mượn tiếp một chiếc xe mini Van lên đỉnh núi cách đây 11 km (200 rs), là hang động của Ngài Liên Hoa Sanh tu tập. Trên đường đi, ngắm phong cảnh thật đẹp. Xe phải chạy qua mấy chóp đỉnh mới tới nơi. Chúng tôi xuống xe, và thấy ở chân cổng có vài quán nước, cũng có bán nhang đèn... cho khách hành hương. Chúng tôi cũng ghé vào mua chút nhang đèn, sau đó Choikey dẫn lên vài nấc thang, rồi rẽ bên phải. Chúng tôi thấy có căn nhà tường xây sát vách núi. Một bên hiện có vài Sư cô Tây Tạng ở, một bên là cửa vào hang động. Bước vào cửa động khá rộng (có thể ngồi 15 người), là nơi các Sư cô làm lễ tụng niệm. Đi vào trong có hang nhỏ đi lên chỉ vừa một người, nhưng phải khom lưng mới vào được. Vào trong có khoảng trống nhỏ chừng 4, 5 người ngồi, nhưng thật là thoáng, vì rất cao. Người ta tạc tượng Ngài cao khoảng 3, 4 m trên vách núi. Choikey chỉ kể bên có một lối nhỏ đi xuống, nhưng cũng phải khom lưng mà đi. Chúng tôi đi tiếp vào trong, thì thấy có Sư cô Tây phương đang ngồi đọc kinh bên trong, sợ làm động, nên phải đứng ngoài nhìn vào. Hang động này nhỏ chỉ 2, 3 người ngồi. Họ làm cái bàn thờ nhỏ, trên có tượng một người phụ nữ. Sau đó Choikey nói đây là động của cô Công chúa Mandi. Choikey dẫn chúng tôi ra và leo lên phía trên, có thêm cái hang động nữa. Hang này đi xuống nấc thang khoảng 3 m thì có chỗ trống đủ 2, 3 vị ngồi thiền. Ở đây chúng tôi lại gặp một anh Tây đang nhập định hồi nào không biết, nên chỉ nhìn thoáng qua và lui ra. Đây là động của Ngài thường tu tập, và còn động dưới là nơi tu tập của cô Công chúa Mandi. Xung quanh ngọn đồi có vài Sư cô dùng đá làm am cốc tu tập.

Chúng tôi nghĩ đến mùa đông, mà ở trong am cốc này chắc thành cục băng quá! Từ cửa động nhìn ra có cái hồ nhỏ và dân thường đang sinh sống gần kề. Họ trồng bắp, hoa màu khá xanh tốt. Nhà cửa xây bằng đá chẻ, lợp mái cũng bằng những phiến đá. Do đó nhìn ngôi nhà xây rất chắc, bền, đẹp. Ai đến đây cũng đều thích. Khí hậu mát mẻ; phong cảnh yên lặng, thanh bình, tao nhã làm sao! Như vậy những người muốn tìm về sự tĩnh lặng, thì nơi đây thích nghi lắm. Nhưng ngược lại nếu ai đến đây một mình với tâm niệm phàm phu thì chắc ngày nào cũng hát bài "Đời tôi cô đơn quá!".

Khi về lại tu viện chúng tôi bước vào, thấy chư Tăng Ni từ Dharamsala về tụng kinh rầm rộ bên trong. Vì đây là ngày sinh nhật và đặc biệt nơi đây cứ mỗi 12 năm vào năm Thân (the year of the Monkey), họ tổ chức tu tập trọng thể. Nhân cơ hội này hai anh em chúng tôi phát tâm cúng dường chút ít tịnh tài cho chư Tăng Ni. Đây là bổn phận người con Phật phải bảo hộ và duy trì Tam Bảo và nhất là Tăng Bảo. Nếu Tăng Bảo không còn, thì không ai sẽ nối tiếp mạng mạch Phật Pháp trong tương lai...

Buổi chiều hai em Bhutan dẫn đi thăm hai Tự viện Tây Tạng, một chùa đạo Sith. Cái nào ở đây cũng tương đối lớn. Sáng sớm và xế chiều người dân Tây Tạng, dân địa phương cả già lẫn trẻ đều đi kinh hành niệm chú quanh hồ. Có người đi tam bộ nhứt bái theo kiểu nằm toàn thân sát đất, trong lúc đường ướt không sạch lắm. Điều đó chứng tỏ niềm tin của họ quá siêu. Đồng thời một số ông bà cụ già tụ tập ngồi vòng tròn trong sân chùa, lần chuỗi niệm Phật. Ai

ai cũng đều lo tu, làm chúng tôi vô cùng cảm kích! Như vậy chúng ta nhận thấy rằng đa phần người địa phương không thiên đời sống vật chất, họ nghiêng nhiều về đời sống tinh thần, mà hồ thiêng đây là nơi nương tựa đời sống tâm linh của họ.

Sáng 28 tháng 08 em Kelzang cùng ra quán ăn dùng cơm trước khi từ giả lên đường. Khu vực này nhiều quán ăn bình dân của Ấn và Tây Tạng. Tuy những món ăn không hợp khẩu vị và rất lạ, nhưng chúng tôi cũng ráng... cho qua ngày. Đi kiểu này ắt phải tập ăn bờ ở bụi rùi. Chỉ tội cho Chú Toàn cứ bị đau bụng mãi... Cuối cùng xe đồ từ từ lăn bánh, chúng tôi từ giả nhau trong niềm thân thiết. Nếu chúng ta chịu khó ngồi xe đồ địa phương rất rẻ, như từ hồ Rewalsar tới Mandi 24 km (18 rs); từ Mandi tới thung lũng Kulu 68 km (50 rs); và từ đây tới Manali 42 km (30 rs). Tuy nhiên xe đồ ngừng cho khách xuống lên rất nhiều lần. Có đôi lúc lên dốc quanh cua, chúng tôi nghe tiếng máy xe gào thét inh ỏi như phải ráng đến hơi thở cuối cùng vậy. Tới Manali đã chiều, chúng tôi vội tìm nhà trọ ngay. Thường ở những trạm xe buýt, khi xuống xe là có nhiều anh thanh niên đến hỏi chúng tôi cần khách sạn không? Cũng may có anh thanh niên cho giá 100 rs / 1 đêm ở Geen Hotel, nhưng đi bộ cách đường chính 10 phút. Chúng tôi tá túc ở đây một đêm và họ an bài xe Jeep đi Ladakh sáng sớm mai 4 giờ (1 chỗ 800 rs). Mừng quá! Coi như suông sẻ cả. Trong sách Guide Book giới thiệu Manali cao 2050 m, dân cư 2600 người, nhưng có thể đây là con số trước kia, vì ngày nay có thể con số đã nhảy vọt xa rồi. Vì đã có nhiều dân các nơi về mở nhà hàng khách sạn làm ăn, phục vụ cho khách du lịch trong cũng như ngoài nước. Mùa hè người ta đến đây nghỉ hè, cũng tránh né cái nắng gắt gao ở Delhi hay những vùng khác v.v... còn mùa đông lại là nơi xem tuyết thật hiếm kỳ.

- Trên đường đi Ladakh

Chúng tôi ngủ đêm ở đây vài tiếng đồng hồ, rồi 4 giờ thức dậy ra xe. Nhưng tài xế chờ chắt hàng tới 5 giờ 30 mới khởi hành. Từ Manali tới Leh là 475 km. Chúng ta phải qua nhiều vùng như Rohtang Pass 51km, cao 3.980m; Keylong 115 km, cao 3.349m; Jispa 147 km, cao 3.142m; Baralacha Pass 190 km, cao 4892 m; Sarchu 222 km, cao 4.253 m; Lachalang-La Pass 276 km, cao 5.065m; Pang 299 km, 4.630m; Taglang-la Pass 364 km, 5.360 m và Leh 475 km. Thường đoạn này chỉ mở vào giữa tháng 7 tới giữa tháng 9, tuy nhiên đôi lúc cũng có thay đổi, tùy thuộc vào thời tiết tốt hay xấu. Nếu chúng ta đi vào cuối tháng 8 có lẽ là thời điểm tốt nhất, vì đã cuối mùa mưa, ít có bị lở đường... Từ Manali xe cứ lượn qua những khúc quanh co ngoằn ngoèo ở các sườn núi, và từ từ lên mãi, lên mãi với độ cao hơn 3.000 m. Đoạn đường này còn thấy có cây cối, hoa cỏ, dân làng sống thưa thớt và trồng trọt trên sườn núi. Từ dãy núi Baralacha-la tới Sarchu là cao hơn 4.000 m; tới Lachalang-la cao 5.065 m. Và điểm cao nhất trong suốt đoạn đường là Tanglang-la 5.360 m. Từ đỉnh núi Baralacha-la tới Tanglang-la đoạn đường dài khoảng 270 km, thì hình như chúng ta hoàn toàn không còn thấy người ở nữa, ngay cả cỏ cây cũng không có, chỉ để lại những ngọn núi trơ trọi với toàn cát đá mà thôi. Chúng ta cũng có thể thấy vài đám tuyết lớn nhỏ "ngồi" thơ thẩn cả năm, đang ngắm trời đất. Có lúc xe phải lội qua vài con suối, hoặc chạy trên những con đường nhỏ hẹp vừa chiếc xe, mà một bên là vách núi, còn một bên là vực thẳm.

Chúng tôi nhớ lại khi đi Darjeeling và nước Kim, thì đường đi cũng nguy hiểm như thế, nhưng dấu sao đi nữa Darjeeling và nước Kim có nhiều cây Thông, Tùng Bách to bên vách núi, nếu xe có rơi, thì có thể vướng lại. Nhưng ở đây không cây cối gì cả, nhìn xuống thăm thẳm muốn

chóng mặt luôn. Vách núi ở đây là cát và đá nhỏ, nên khi tuyết tan hoặc mưa to có thể lở núi một cách dễ dàng như trở bàn tay. Trong suốt đoạn đường chúng ta sẽ thấy vài căn cứ quân sự Ấn, cũng là điểm kiểm tra Passport (hộ chiếu), ít nhất là 3 lần, và đồng thời bên cạnh có mấy quán ăn nhỏ để phục vụ khách du lịch. Không những như vậy ở đoạn giữa đường như Sarchu (cách Manali 222 km), Pang (cách Manali 299 km) v.v... có nhiều căn lều lớn nhỏ, nằm dọc theo bờ suối, thì đây là quán ăn, và cũng khách sạn, nhà trọ đấy! Từ Pang xe cố lên dốc núi cao, khi tới đỉnh, chúng ta sẽ ngạc nhiên sao trên đỉnh núi lại có một khoảng đất trống rộng mênh mông bao la. Đường xe chạy thẳng tắp có hơn 48 km gần tới đỉnh Tanglang-la. Hai bên đường, xa xa có những ngọn đồi nhấp nhô. Nhìn quanh không người, không nhà, không cỏ cây, chỉ toàn là cát đá mà thôi. Lâm chúng tôi chợt nhớ trong sách Guide Book có đề cập thêm một cái tên nữa của Ladakh là "the Moonland" (nghĩa là đất Mặt Trăng). Như vậy hể ai đã đến đây cũng ví như mình đã lên tới cung trăng rồi đấy! Do vì không người nơi này nên phong cảnh chưa bị ô nhiễm, nhìn thật tinh sạch, tự nhiên, thiên nhiên. Chúng tôi cảm thấy văn chương của mình không đủ để diễn tả cái khung cảnh này, chỉ có ai đến đây rồi thì mới cảm nhận mà thôi. Không khí ở đây rất trong lành, ít oxy hay nói cách khác không khí nhẹ và loãng, vì độ cao đã hơn bốn, năm ngàn mét. Do đó có người lên đây cảm thấy khó thở hoặc nhức đầu v.v... thường mùa hè không đến nỗi khó thở lắm, chỉ sợ mùa đông thôi. Mùa hè thời tiết có thể thay đổi nóng lạnh bất chợt. Vì vậy nếu ai đi Leh hoặc đi đường này thì tốt nhất chuẩn bị cho mình một cái áo ấm, nếu không, lạnh lắm quý vị ơi!!! Khi xe chạy trên dãy núi Taglang-la, thì trời đã xẹp tối, nhưng mai là ngày 14 âm lịch, nên trăng sáng lắm. Chúng tôi thấy trên núi chiếu chiếu như núi kim cương hột xoàn trông thật đẹp mắt, nhưng thật sự không phải là kim cương mà do những viên đá trắng, trong lớn nhỏ, và nhờ ánh trăng mà phản chiếu như vậy.

Qua khỏi đỉnh Tanglang-la là xe đổ dốc cho đến chân núi. Từ đây cho tới Leh khoảng 100 km. Chúng tôi bắt đầu thấy có dân làng rải rác... đặc biệt có nhiều cái tháp lớn nhỏ hai bên đường, ngay cả xen lẫn trong xóm làng. Điều này làm chúng tôi ngạc nhiên, vì từ xưa tới giờ chúng tôi biết tháp chỉ được xây ở các tự viện mà thôi. Còn vài chục cây số nữa, mà trời đã khuya, nên anh tài xế cho xe chạy hết ga trên con đường làng nhỏ hẹp. Chúng tôi cảm thấy thật mệt mỏi, buồn ngủ, nhưng thôi giao phó thân mạng này cho anh ta luôn. Tính ra anh đã lái cả ngày vất vả, cũng tội nghiệp, nhưng vì kiếm cơm manh áo chắc phải chịu thôi. Tới bên xe đã hơn 11 giờ rưỡi khuya. Nhìn chung quanh tối om chỉ có mấy chiếc xe và vài anh tài xế. Chúng tôi hỏi các anh ấy quanh đây có nhà trọ nào không? Mấy anh trả lời: "Ở đây thì không, phải vào trung tâm phố mới có". Chúng tôi hỏi: "Cách đây bao xa?". Mấy anh ấy trả lời: "Chừng 3 cây số". Chúng tôi hỏi họ có thể giúp đưa tới đó được không? Nhưng không ai chịu đi cả. Có lẽ họ cũng quá mệt mỏi rồi. Lúc này chúng tôi tình nguyện và hỏi ới không biết làm sao để tìm chỗ ngủ đây! Ở đây trời sụp tối là người ta chuẩn bị đóng cửa ngủ rồi, huống chi đã hơn 12 giờ khuya thế này. Ngoài đường lạnh lẽo, không đèn, không người, chỉ có mấy con chó sủa om sòm trong đêm thanh vắng. Chúng tôi nhìn khung cảnh nhà cửa mập mờ như một thế giới hoàn toàn xa lạ khác hẳn với những nước Âu, Mỹ, Úc, Á Châu hoặc những nơi khác ở Ấn Độ mà chúng tôi đã từng viếng thăm qua. Chúng tôi nghĩ thầm: "Không biết mình đã lạc vào thế giới nào đây, và cũng không biết mình đang đứng ở chỗ nào, vì bản đồ trong sách và hoàn cảnh bên ngoài đều khác xa". Chú Toàn có vẻ bơ phờ, đi không nổi và sợ sệt lắm. Chúng

tôi cố bình tĩnh và nói giỡn để trấn an chú: "Bất quá mình ngủ khách sạn ngàn sao đêm này thôi, và hôm nay trăng cũng đẹp, là cơ hội ngắm trăng tốt đấy!". Chú im lặng và gương cười mím môi. Thế chúng tôi hai người vác ba-lô cứ lặng lẽ đi trong đêm vắng. Đi một khoảng đường chúng tôi thấy có một Guesthouse (nhà trọ) bên đường, nên bảo chú Toàn tới gõ cửa. Vì đã khuya họ không dám mở cửa, nên chú đập cửa mãi không thấy, rồi chú lại đá vào cửa ầm ầm... cũng không ai dám ra mở cửa. Nhìn thật tức cười gì đâu! Thôi đi tiếp một hồi thì tới trạm xe Taxi. May thay có vài anh Taxi, chúng tôi hỏi: "Xin lỗi gần đây có nhà trọ nào không?". Các anh chỉ kể bên và nói: "Đó là khách sạn, nhưng giờ tối quá đóng cửa rồi". Nghe thật là thất vọng. Đột nhiên có mấy người trong khách sạn bước ra, nên chúng tôi tiến tới hỏi, thì họ trả lời có trống, một phòng 500 rs / 1 đêm, nhưng nếu họ đòi 1000 rs, thì chắc chúng tôi cũng chịu thôi!

- Ngày đầu ở Leh

Ngủ một giấc tới sáng chúng tôi thức dậy và tìm cuốn tạp để ghi chú hôm nay ngày mấy và ở đâu. Sau đó hai chúng tôi dùng sáng tại nhà hàng trong khách sạn. Ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài, chúng tôi nói với nhau: "Minh ở trong phố Leh rồi đó nhe! hi..hi..!".

- Ladakh

Theo sách "Guide Book" và sách Lịch sử Phật giáo thế giới viết lại. Những người dân cư Ladakh hồi ban sơ là người Khampanomad. Họ đi chặn những đàn cừu, dê, hay đàn yak (con yak hơi giống như con trâu) trên những đồng cỏ hoang. Dần dần dân cư lập nghiệp dọc theo bờ sông Indus. Những thương gia hay qua lại ngang đây, và đồng thời Phật tử Ấn đi hành hương núi Kailash ở Tây Tạng (Kailash là núi Tu Di, nơi ngự của Bồ Tát Đại Thế Chí). Thế kỷ thứ 7 do sự ảnh hưởng của người Mông Cổ, nên người dân Tây Tạng tràn sang Ladakh. Khoảng thời đại vua Lhachen Tây Tạng năm 842, đã được dựng pháo đài và cung điện đầu tiên tại Shey. Vào giữa thế kỷ thứ 10 năm 950, cháu nội lớn của vua Glang Dar-ma ở phía tây Tây Tạng là Nyi-mam Gon, mà đã cùng cố thống lãnh toàn bộ vùng phía tây Hy Mã Lạp Sơn. Sau đó ông ta chia lãnh thổ này cho ba người con trai. Đứa con đầu là vùng Ladakh; đứa thứ hai coi vùng Guge (hiện là vùng Kinnaur bây giờ); đứa cuối trị vì vùng Lahaul, Spiti, và Zaskar. Như vậy Ladakh là một vương quốc, và cũng trải qua bao sự thăng trầm của thời đại. Đến năm 1846 Ladakh được gia nhập sau khi độc lập, và được kiểm soát của thành phố Jammu và Kashmir. Năm 1995 Ladakh được cho tự trị.

Vùng Ladakh dân số khoảng 170.000 người; diện tích 96.700 kí lô mét vuông. Họ dùng bốn ngôn ngữ chính là tiếng Ladakhi, tiếng Purig, tiếng Tây Tạng, và tiếng Anh. Ladakh ngày nay được chia hai quận là quận Leh (thuộc về khu vực Phật giáo) và quận Kargil (thuộc về Hồi giáo), nhưng quận Leh được coi như là thủ đô vậy.

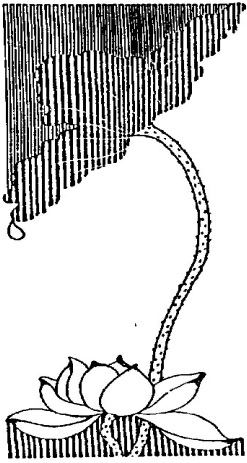
Sau khi dùng sáng xong chúng tôi rời khách sạn và đi vào phố. Trước khi đi chúng tôi cũng điếm vài nhà trọ và khách sạn trong bản đồ, nhưng bản đồ trong sách và cảnh phố bên ngoài hoàn toàn khác. Ngay cả người địa phương nhìn vào bản đồ cũng không biết mình đang ở đâu. Có thể họ không bao giờ dùng bản đồ thì phải, do đó họ chỉ trả lời bằng nụ cười và cái lắc đầu mà thôi. Chúng tôi ghé vào nhiều khách sạn và nhà trọ dọc theo các con đường trong phố. Có nơi thì đắt tiền quá, còn có chỗ thì đã đầy rồi. Kiểm mãi không ra, và lại không rành đường lắm, nên đành hỏi đại mấy anh bán hàng. Họ giới thiệu vào một gia đình người Ladakh. Nhà này hai tầng; tầng trệt cho người địa phương

mướn rồi; còn lầu một họ có 3 phòng cho khách du lịch thuê. Họ ở tập trung vào phòng khách. Mấy phòng kia thì cho mướn. Chúng tôi mướn một phòng ngủ khá rộng, 200 rs/ 1 ngày, có thể bốn người ở cũng được, có điều nhà vệ sinh chung và không có máy nước nóng. Tuy nhiên bên trong rất sạch sẽ, gọn gàng... Từ nhà này đi tới trung tâm 5, 7 phút đi bộ thôi. Hai chúng tôi nằm nghỉ trưa vài tiếng đồng hồ. Chúng tôi cá nhân đi dạo phố chút, sắm mua nước uống và đồ ăn. Chú Toàn không dám đi đâu cả. Thứ nhất là mệt; thứ nhì ăn đồ Ấn không quen, nên cứ bị... đau bụng hoài. Phố Leh không lớn. Nếu chúng ta đi bộ khoảng 45 đến 1 giờ đồng hồ là hết ngay. Nhà cửa không xây dựng nhiều tầng lầu cao ốc đồ sộ như ở những nước khác, nhiều lắm là vài lầu. Hầu như các kiến trúc đều xây dựng gần như giống nhau, ngay cả các Tự viện. Vùng Ladakh chỉ có cát và đá, nên họ dùng cát, đất hòa nhau để cho xi măng; còn đá để cho gạch. Những nhà khá giả dùng xi-măng để trang trí nội thất hay làm khung cửa và cửa sổ v.v... chúng tôi hỏi thử xem một bao xi-măng đem từ Delhi tới Leh hơn 900 km, phải qua đoạn đường hiểm trở. Chắc chắn không rẻ rồi. Phần nhiều nhà nào cũng quét vôi trên tường và làm cửa sổ kiếng. Đặc biệt trên trần họ gác cây đôn tay khít với nhau. Phía trên là lót giấy Carton hay Nylon và trên nữa là cán một lớp bê-tông (bê-tông này không gì khác hơn là đất, cát và nước... pha trộn). Vào mùa hè nếu mưa lớn thì nước có thể rỉ xuống và làm hư lớp bê-tông đất này dễ như trở bàn tay. Nhưng rất may cho họ một mùa hè chỉ mưa vài lần, có mùa hè không có mưa nữa. Phần nhiều nhà quanh phố đều có mảnh vườn ở trước hoặc sau nhà. Họ trồng nào khoai tây, bắp cải, cà chua, rau quả. Xung quanh vườn nhà họ trồng một loại cây cao thẳng như cây Bạch Đàn ở Việt Nam. Chính cây này họ dùng làm đôn tay cho trần nhà. Dân ở Ladakh chỉ canh nông vào vài tháng hè thôi, còn những tháng kia lạnh lắm, nên cây cỏ hoa màu đều khuất bóng hết. Như vậy mùa hè chúng ta thấy khung cảnh sống của họ có môi sinh rất tốt.

Sát bên phố có một ngọn đồi cao. Giữa lưng đồi có một cung điện thật to và cổ đại, nhìn giống như cung điện Potala trong thủ đô Lhasa ở Tây Tạng. Đó là cung điện Leh của Vua Ladakh, được xây dựng vào thế kỷ thứ 16. Nay cung điện này điêu tàn, hoang vắng, là di sản chiến tranh của Ladakh với Kashmir trong thế kỷ qua. Ban nghiên cứu khảo cổ Ấn Độ đã mua lại từ gia đình Hoàng Gia Ladakh và hiện là nơi cho tham quan ...

Nhìn thẳng đỉnh đồi là có một ngôi chùa cổ, được gọi là Leh Gompa hay Tsemo Gompa. Do đó chúng tôi lần mò leo lên vách núi. Ngọn đồi này toàn là cát và đá, mà lại đứng vững. Chúng ta có thể theo con đường mòn nhỏ vừa đủ hai người chen nhau. Chúng tôi đi lên mà tưởng tượng lỡ trượt chân xuống là tới chân núi ngay. Bước vào chánh điện Tsemo có một tượng Di Lặc ngồi thể thuyết pháp, cao to khoảng 4,5 m. Chúng tôi thành kính cúi xuống đánh lễ và cúng dường kết duyên với Ngài, vì Ngài sẽ là Bổn Sư đương lai của chúng ta. Ngôi chùa này được xây dựng vào năm 1430. Do đó chùa đã bị hư hoại đi nhiều. Hiện vẫn có chư Tăng túc trực trông nom bảo trì. Đứng trên đỉnh đồi này chúng ta có cảm giác chơ vơ lắm. Vì khoảng trống đi qua lại không rộng rãi, nên cần phải chánh niệm luôn luôn. Chúng ta nhìn từ đây xuống sẽ thấy toàn cảnh phố Leh và các làng lân cận. Sắc thái phong cảnh ở đây có vẻ yên lặng thanh bình và rất tự nhiên, chưa bị ô nhiễm môi trường. Mùa hè mà chúng tôi vẫn thấy không khí mát lạnh, tưởng chừng như Ladakh có mấy lạnh thiên nhiên vậy. Đến khi trời xế chiều chúng tôi mới thả bộ xuống đồi để về nhà...

(Còn tiếp)



Hạnh phúc và khổ đau

● Thiện Lâm PHẠM-VĂN-MỘC

Hạnh Phúc và Khổ Đau là hai phạm trù đối nghịch nhau, mà tất cả mọi người trên thế gian này ai ai cũng phải đối mặt. Trước hết chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ Hạnh Phúc và Hạnh Phúc từ đâu mà có?

Hạnh là may mắn, tốt đẹp. Phúc là điều hay, điều tốt. Vậy Hạnh Phúc là điều may mắn, tốt đẹp, là sự toại nguyện về mọi phương diện. Hai chữ Hạnh Phúc thật là trừu tượng. Nó không có hình tướng, mà chỉ có danh xưng. Vì vậy, ta không sờ mó, ta không nhìn thấy, ta không cân đong đo đếm được. Do đó rất khó cho chúng ta có thể giải nghĩa được một cách minh bạch.

Nhưng khi nói đến hạnh phúc thì muôn đời, từ ngàn xưa cho đến ngàn sau... trên cõi đời này, con người vẫn luôn luôn khắc khoải mong chờ... là niềm ao ước, mong muốn của tất cả mọi người trên thế gian này, không phân biệt màu da, chủng tộc hay tôn giáo. Ai ai cũng muốn có được một cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Người thì mong có tiền của thật nhiều, kẻ thì ước được địa vị, danh vọng cao sang, có người cầu được một mái ấm gia đình và rất nhiều, rất nhiều ước muốn của con người, dù có nói đến bao nhiêu cũng vô cùng tận. Vì sự ước muốn, mong cầu của con người thì quá bao la, vô hạn lượng, không có làn mức, nên càng mong cầu thì hạnh phúc càng xa vời! Nhưng hạnh phúc ở đâu mà có? Có ai đem hạnh phúc đến cho mình được không? Nhiều khi chúng ta nghĩ: Hạnh phúc do Tạo Hóa ban cho; hay do Trời, Phật ban rải mà có. Thực ra, hạnh phúc chỉ có là do chính mình tự tạo - hạnh phúc trong tâm tay của mình. Chúng ta không nên nhìn thấy một người giàu có nhiều tiền lắm bạc, lại có địa vị cao sang trong xã hội mà vội cho đó là hạnh phúc của một con người; biết đâu, đó chỉ là cái hạnh phúc bên ngoài, hạnh phúc tạm bợ (!) của ngày hôm nay, chứ chưa phải là hạnh phúc trường tồn, vĩnh cửu. Hạnh phúc chân thật không nằm trên tiền tài, danh vọng và quyền thế. Hạnh phúc chân thật nằm trên nền tảng của tự do. Tự do ở đây không phải là tự do chiếm đoạt, tự do hủy hoại; hủy hoại thiên nhiên, hủy hoại thân tâm mình và thân tâm người. Tự do đây là sự thành thoi, khoáng đạt và an nhiên. Tự do là không bị ràng buộc bởi hận thù, tuyệt vọng và ganh tị, mê lầm - Không kéo theo những suy tư... để tối ngày quanh năm suốt tháng bận rộn với công việc; không có cơ hội vui chơi, thương yêu và chăm sóc cho nhau. Phẩm chất đời sống nằm ở chỗ này. Có những con người hạnh phúc giàu lý tưởng, giàu tình thương luôn luôn đi tới với niềm tự tin, họ sống một cuộc sống thật đơn giản. Họ không đi tìm hạnh phúc trong sự mua sắm và tiêu xài; mà đi tìm hạnh phúc trong sự thành thoi và niềm tin yêu. Hạnh phúc của những người khác do

họ tạo dựng sẽ trở thành hạnh phúc của chính họ. Hiến tặng cho người là hiến tặng cho chính mình vậy. Đừng nghĩ rằng: Chỉ khi nào mình giàu có nhiều tiền bạc và quyền thế mình mới giúp được người. Chúng ta có thể tạo hạnh phúc cho người ngay từ bây giờ chỉ bằng sự ái ngữ hay một thái độ, một cử chỉ thân thương triu mến của chúng ta.

Chúng ta hãy chuẩn bị tư tưởng và hành trang để tạo dựng một hạnh phúc chân thật và lâu dài. Chúng ta muốn có được cuộc sống hạnh phúc chân thật và lâu dài không phân biệt, không dành riêng cho ai; dù giàu nghèo sang hèn già trẻ bé lớn... mà chỉ có với những người luôn luôn sống trong chánh niệm, biết đủ và bằng lòng với hiện tại mà những gì mình đang có, đồng thời hạnh phúc chỉ có với những ai "biết" cách sống an nhiên tự tại. Hạnh phúc chúng ta có thể tìm được bằng cách tự chế ngự tâm mình, xua đuổi mọi vọng tưởng và luôn luôn nghĩ mình có hạnh phúc. Như vậy là chúng ta đã có hạnh phúc rồi đó.

Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật có dạy:

Tri túc chi nhân tuy ngoại địa thượng du vi an lạc Bất tri túc giả thân xử Thiên đường diệc bất xứng ý. Nghĩa là: Người biết thế nào là đủ, tuy nằm trên đất cũng thấy an vui hạnh phúc. Người không biết thế nào là đủ, tuy thân xác ở trên cảnh giới Thiên đường, tâm ý vẫn không thỏa mãn.

Hạnh phúc có hai loại: Thể xác và tinh thần. Mọi người trong chúng ta, ai cũng mong có một cuộc sống hạnh phúc. Vậy, thế nào là cuộc sống hạnh phúc? Có rất nhiều lời giải đáp cho vấn đề này. Vì mỗi người mỗi ý.

Phương tiện truyền tải hạnh phúc là cơ thể con người, trong đó ẩn náu năng lực của con người. Năng lực của con người nói ở đây là chỉ năng lực tư duy và năng lực hành động.

Trong thực tế, rất nhiều người cho rằng: Tiền tài, danh vọng, địa vị, tình yêu có lẽ là điều kiện tất yếu của hạnh phúc, nhưng tuyệt nhiên những điều kiện đó không phải là điều kiện đầy đủ của hạnh phúc.

Niềm vui của sự hoạt động thân thể đưa đến là không có gì có thể thay thế được. Đúng thế, vận động thân thể để có một thân hình cường tráng, một thể lực sung mãn làm cho chúng ta cảm nhận được niềm vui từ tận đáy lòng. Có được niềm vui an lạc là có hạnh phúc. Đây nói về vấn đề (loại) thể xác.

Còn hạnh phúc về tinh thần. Chúng ta có thể tìm thấy khi chúng ta có cơ duyên giúp đỡ một người nghèo khổ, bệnh hoạn... khi họ cần đến sự giúp đỡ của chúng ta. Chúng ta cũng có thể có hạnh phúc khi ta nhận được tin vui của đứa con vừa thi trúng tuyển qua kỳ thi hoàn tất văn bằng đại học. Hoặc giả, chúng ta cũng có thể thấy hạnh phúc trong sự thoải mái của tâm hồn hay sự an nhiên tự tại trong cuộc sống. Và còn rất nhiều trường hợp tìm gặp hạnh phúc qua nhiều hoàn cảnh và rất đa dạng...

Sau đây tôi xin ghi lại những tư tưởng tuyệt vời của các đấng vĩ nhân, các nhà Bác học, các bậc Hiền triết v.v... từ cổ kim đông tây đã nói về hai chữ "Hạnh Phúc", để chúng ta cùng chiêm nghiệm và cảm nhận - hầu suy tư thích ứng:

-*Epicurus* nói: Hạnh phúc là mục đích tối hậu trong đời sống của loài người. Sự yên bình và hợp lẽ phải là nền tảng của hạnh phúc.

-*Aristote* cũng nói: Hạnh phúc là ý nghĩa và mục đích của cuộc đời, là mục tiêu cũng như sự tận cùng của hiện hữu con người.

-*De Sivry* khuyên nhủ: Nhằm lẫn giàu sang với hạnh phúc là lấy phương tiện làm chuẩn đích. Chẳng khác chi tưởng con dao và cái nĩa làm cho mình biết ngon miệng. Vì chân hạnh phúc nằm ở trong ta. Chẳng nên phí thời gian công sức đi tìm bình an, mãn nguyện, vui thú ở ngoài đời. Cũng nên nhớ rằng: Không thể có hạnh phúc chỉ bằng nhận

và thu, mà ta có hạnh phúc nhiều hơn khi ban phát. Hãy vươn ra và chia sẻ.

-*John Stuar Mill* đi xa hơn: Tôi học được cách tìm thấy hạnh phúc của mình bằng sự giới hạn những dục vọng hơn là thỏa mãn chúng.

-*Triết gia Socrates* có kinh nghiệm: Hãy lấy vợ. Nếu bạn được người vợ hiền thì bạn có hạnh phúc. Chẳng may gặp người xấu, thì bạn trở thành một Triết gia.

-*Đức Phật Thích Ca* giảng: Cả trăm ngọn nến có thể đốt lên từ ngọn nhỏ nhoi, mà ngọn này không sớm tắt. Hạnh phúc chẳng bao giờ giảm bớt khi ta chia sẻ.

-*Sử ký Trung Hoa* có ghi: Họa thì nương theo đó, Phúc thì họa nằm trong đó. Buồn và vui cùng nhóm một cửa. May với rủi cũng ở một nơi. Thì ra, Phúc không bao giờ đến đôi; Họa thì đến từng cặp. (*Phúc bất trùng lai, Họa vô đơn chí*) - Khuất Nghi Cừu.

-*De Tocqueville* lại quan niệm rằng: Chấp nhận sự bất hạnh có lẽ còn ít khổ đau hơn là sự mưu cầu cạnh hạnh phúc.

-*Nhà Y học kiêm Triết gia Albert Schweitzer* viết: Hạnh phúc không là gì ngoài sức khỏe tốt và trí nhớ xấu.

-*Mahatma Gandhi* có ý kiến rằng: Hạnh phúc là khi ta nghĩ, ta nói, ta làm ăn nhịp với nhau.

-*Deni Diderot* cho là: Người sung sướng nhất là kẻ đã tạo được hạnh phúc cho nhiều người khác.

-*Bài thuyết giảng trên đỉnh đồi* của *Chúa Jesus* đã nêu ra phương thức thực tế để tìm ra sự hạnh phúc, bình an cho cả trí óc lẫn tâm hồn: -*Rằng: Với mọi điều mà ta muốn người làm cho ta, thì ta hãy làm cho người.* -*Rằng: Hãy đừng xét đoán khi không muốn bị phán xét.* Vì khi xét đoán người, thì người cũng xét đoán ta. Dùng thước nào để đo người, thì người cũng dùng thước đó để đo ta.

Như vậy, hạnh phúc nằm trong tay của chúng ta và chúng ta có thể tìm thấy bằng cách tự chế ngự tâm mình và luôn luôn sống trong chánh niệm và điều khiển ý nghĩ trong đầu mình luôn luôn hướng thượng, hướng thiện, cũng như cố gắng vun trồng vườn lòng cho thật tinh khiết, cho những bông hoa nhân ái nở rộ ngập tràn muôn màu muôn sắc ngào ngạt hương thơm... Tạo cho tâm mình luôn an tịnh. Đó là niềm hạnh phúc chân thành và vĩnh hằng.

Để kết thúc về hai chữ Hạnh Phúc. Chúng ta hãy đọc lời vàng của Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni: "*Không có hạnh phúc nào có thể sánh bằng sự yên tịnh của tâm hồn*"

Bây giờ thì chúng ta hãy nói qua hai chữ Khổ Đau.

Nói đến khổ đau, thì ôi thôi! Nói sao cho vừa, cho hết, cho cùng... Vì như lời Phật dạy: "*Cuộc đời là bể khổ!*" Đã là bể khổ thì không thể đếm số... là vô lượng... vô biên... là vô cùng tận. Chúng ta hãy cùng nhau sơ lược, đơn cử một số rất nhỏ, rất nhỏ những nỗi khổ đau của người đời mà chúng ta đã biết, đã chứng kiến, đã nghe qua trên cõi đời ô trọc này.

Chúng ta thường nghe người đời than thở: Trời ơi! Tại sao tôi khổ quá, làm sao cho tôi hết khổ đây? Người đời luôn luôn than khổ về mọi vấn đề: Khổ vì nghèo khó, khổ vì bệnh hoạn, khổ vì già yếu, khổ vì con đau, mẹ chết v.v... Cũng không ít gì những người giàu có, khỏe mạnh, trẻ trung, gia đình, sự nghiệp đầy đủ mà vẫn kêu khổ. Già kêu khổ đã đành, trẻ cũng than khổ; nghèo kêu khổ là lẽ thường, vậy mà giàu có cũng vẫn than khổ. Người dân thường than khổ đã đành; thậm chí những người cao sang quyền quý, những hàng quý tộc cũng vẫn còn than khổ. Thì ra, mọi người sống trên cõi đời này, dù kẻ sang, người hèn, kẻ giàu người nghèo, học thức hay vô học; mỗi người đều có nỗi khổ riêng.

Như chúng ta đều biết, có 4 cái khổ chính: Sanh, lão, bệnh và tử. Thêm vào đó còn có: Ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ và ngũ ấm xí thanh khổ.

Khổ đau của con người có 2 loại: Khổ về vật chất và khổ về tinh thần.

Khổ về vật chất thí dụ như: Nghèo khó, bệnh tật, già nua...

Khổ về tinh thần thì rất nan giải - chẳng hạn như gặp cảnh trái ý nghịch lòng trong cuộc sống bản thân, hay sự bất hòa không hạnh phúc trong gia đình, hoặc bị tiếng thị phi của người đời đâm tiếu, mai mỉa... những điều đó đã làm cho ta mang sầu não, ưu phiền!

Người đời chỉ quen theo thói tục nông nổi. Cùng nhau đua đòi tranh chấp những chuyện hơn thua không đâu. Sống giữa cảnh sa đọa, ác đạo. Sự khổ đầy dẫy kịch liệt mà không lo chế ngự diệt trừ, lại đem thân lo liệu để tự chu cấp. Không luận kẻ trên người dưới, kẻ giàu người nghèo, từ nhỏ tới lớn, dù trai dù gái... tất cả chỉ biết lo kiếm cho thật nhiều tiền của. Dù có hay không cũng đồng một niềm ưu tư sầu khổ. Luôn luôn bị tâm (tham lam) sai sử không lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà, có xe lo xe, y phục, ăn uống vật này vật nọ. Để rồi lại cùng nhau lo lắng giữ gìn, tư lự chất chồng, sầu ưu, sợ sệt ngập tràn... Nào là con hư phá sản, hoặc là chủ nợ đòi tiền, hoặc chẳng may gặp cơn bão lụt bị nước cuốn trôi, hoặc bị lừa thiêu rụi căn nhà ra tro, hay bị giặc giã cướp đoạt, sự nghiệp tiêu ma, của cải tan nát. Gặp họa như thế, lòng dạ xốn xang đau buồn, phần thì cảm tức không lúc nào nguôi! Kết hận trong lòng chẳng lia khổ não! Từ người quyền thế đến kẻ phú hào, ai ai cũng có những hoạn nạn ấy, lo sợ trăm bề, sầu khổ biết bao. Bởi vậy, kết thành bệnh hoạn, tự mình sống trong cảnh khổ!

Người nghèo hèn kém, sự khổ còn lớn hơn. Suốt cả cuộc đời, túng thiếu quanh năm. Không ruộng ước ruộng, không nhà ước nhà, mong nhiều tiền của, áo cơm mọi thứ... luôn nghĩ ước ao muốn sao cho có. Có khi được thứ này lại thấy thiếu thứ khác, muốn có bằng người, nhưng để gì toại nguyện! Mới có sơ sai, không may vận rủi, gặp một tai họa. Tất cả gia sản đều tiêu tan hết. Thế rồi buồn khổ lo âu, thân tâm mỗi mết, đứng ngồi không yên, đắng cay chua xót! Do đó, buồn vì tiếc của nên bị nhuộm bệnh, phải nằm bệnh viện... òm nỗi sầu đau.

Còn hàng trí thức, có bằng cấp thì ước mong có được địa vị cao sang, quyền cao chức trọng. Rồi cũng được như ý mong cầu. Nhưng rồi, gió vô thường thổi đến, chỉ một thời gian sau đó, cũng gặp rủi ro trên bước đường quan lộ. Để rồi, cũng phải ngậm đắng nuốt cay mà nhìn cảnh đời sao quá phủ phàng gieo nhiều đau khổ! Quả thật:

*Sắc tài danh lợi vốn vô thường
Say đắm làm chi mãi vấn vương
Sanh tử luân hồi ai cũng ngàn
Niết Bàn Cực Lạc sớm cần nương.*

Có nhiều người luôn luôn gặp tai ương khổ nạn và đã thốt ra những lời như oán trời trách đất: Ông Trời ăn ở thật bất công. Sao gia đình ông A ăn ở bất nhân gian ác, xảo trá, độc địa mà được giàu có, luôn gặp may mắn, thành công mọi mặt. Còn tôi, ăn ở hiền lành, luôn làm việc phước đức - mà sao cứ gặp hoạn nạn, khổ đau, tai bay vạ gió tới hoài?!...

Họ có biết đâu rằng: Sở dĩ ông A - hiện đời độc ác, bất nhân mà được giàu có may mắn là do kiếp trước, ông ta đã làm nhiều việc phước đức, nên kiếp này ông được hưởng. Còn người kiếp này chịu nhiều khổ nạn, là vì kiếp trước đã làm nhiều điều bất thiện, nên kiếp này phải trả quả. Đúng theo định luật báo ứng. Người hành thiện tích đức, đời sau

sẽ được báo ứng tốt. Kẻ làm điều bất thiện, gây nhiều tội ác sẽ bị quả báo xấu. Có những nguyên nhân được tạo ra trong hiện tại, kết quả sẽ nhận được trong tương lai.

Trong Kinh A Hàm, Đức Phật đã dạy: *Dục tri tiên thế nhân, đương kim thọ giả thị. Dục tri hậu thế quả, kim sinh tác giả thị.* Nghĩa là: Muốn biết kiếp trước mình đã làm gì, hãy nhìn sự nhận lãnh trong hiện tại. Muốn biết kiếp sau mình sẽ ra sao, hãy nhìn việc mình đang làm trong hiện tại.

Trong Kinh Viên Giác, Đức Phật có dạy: "Con người vì vô minh nên có hai thứ chấp: Chấp ngã và chấp pháp. Đó là hai nguyên nhân chính gây ra nhiều phiền não và khổ đau của cuộc đời.

1. Ngã chấp phiền não chướng.
2. Pháp chấp sở tri chướng.

-Ngã chấp: Không hiểu cho cái thân con người là do ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) tạm hòa hợp mà tạo thành. Cứ cho là có cái thân. Vì sở chấp đó nên sanh ra mỗi phiền não, mê vọng và đau khổ.

-Pháp chấp: Các pháp, mọi sự, mọi vật đều do nhân duyên mà sanh ra, như huyễn, như hóa, chợt có, chợt không; vốn không trường tồn vĩnh cửu. Thế mà con người không hiểu, cứ chấp cho các pháp là có thật. Sự hiểu sai lạc ấy đã che bít cái tri thức của mình vậy.

Sở dĩ con người chịu nhiều đau khổ trên cõi đời này, là do hai nguyên nhân chính vì chúng ta đang có chấp: Chấp ngã và chấp pháp - mà Đức Phật đã dạy.

Ngoài ra, chúng ta sống trên thế gian này gặp nhiều phiền não và khổ đau từ nhiều nguyên nhân, trong đó lòng tham là yếu tố hàng đầu.

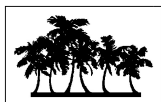
Vậy để tránh được khổ đau, chúng ta hãy cố gắng thức tỉnh chế ngự lòng tham và bỏ công tìm hiểu một cách rõ ràng để phá trừ được hai nguyên nhân chính gây ra phiền não và khổ đau nêu trên. Chỉ có một phương thức duy nhất để giải trừ khổ đau; đó là tìm về con đường đạo đức.

*Bể khổ mệnh mong hạn nút trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Chung cuộc cùng trong bể khổ trôi.*

Để vượt qua khổ, chúng ta hãy cất cao tiếng gọi:

*Đời là bể khổ ai ơi!
Lo tu giải thoát luân hồi khổ đau.-*

(Quý Hạ năm Ất Dậu - Tháng 7/2005)



中織心樓 怨詞
琴錦上紅
入於美桃 崔國輔
羅赤蕊李
幕成落疏

Oán từ

Lâu đầu đào lý sơ

Trì thượng phù dung lạc

Chức cầm do vị thành

Trùng thanh nhập la mạc

● **Thôi Quốc Phụ**



Lời oán

Đào lý lơ thơ bên lâu vắng

Trên hồ toi tả cánh phù dung

Áo gấm người thương chưa dệt hết

Hiu hắt phòng khuê vắng tiếng trùng

Bên lâu đào lý tiêu sơ

Hoa phù dung rụng ven hồ quạnh hiu

Dệt chưa xong áo người yêu

Oán thêm tiếng dế tịch liêu cô phòng

● **Ái Cầm**



"Truyện Kiều còn, tiếng Việt còn"

có thật vậy hay không ?

● Nguyễn Thùy

Trang bìa sau tạp chí NGUỒN số 2 nêu vấn đề như trên và "mong muốn nhận được ý kiến bạn đọc". Bài viết này xin là một hưởng ứng.

Đề tài trên do từ ý kiến trước đây của nhà Học giả Phạm Quỳnh với nguyên văn đầy đủ như sau: "**Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn**". Câu văn gồm hai vế, mỗi vế 6 từ. Lê ra nên gọi đúng theo nhan đề Nguyễn Du đã đặt cho tác phẩm của mình là "**Đoạn Trường Tân Thanh**" vì chủ ý của Nguyễn Du muốn mượn qua câu truyện tình thương tâm để nói về mặt tư tưởng. Nơi đây, xin theo lối gọi thông thường "**Truyện Kiều**" nên chỉ bàn về vế thứ nhất nói lên mối liên hệ giữa Truyện Kiều và ngôn ngữ dân tộc Việt Nam ta. Cả vế này muốn nhấn mạnh rằng: "**Truyện Kiều còn được nhân dân ta trân trọng gìn giữ, yêu quý, tôn trọng, học hỏi, gắn bó thì tiếng nói của dân tộc ta còn nghĩa là trường tồn miên viễn; ngược lại, phủ nhận truyện Kiều, không còn tha thiết với truyện Kiều là tự ta đánh mất tiếng nói Việt Nam nơi ta và đánh mất luôn tiếng nói của dân tộc**". Lời khẳng định này đưa dẫn đến khẳng định thứ hai nơi vế sau: "**sự tồn vong của tiếng nói (ngôn ngữ) liên quan mật thiết đến sự tồn vong của dân tộc**".

"**Truyện Kiều**" của Nguyễn Du được xem là kiệt tác, là một "siêu tác phẩm" của nền Văn học Việt Nam trước nay vì vượt lên trên các tác phẩm khác về nhiều phương diện. Truyện được dịch sang nhiều thứ tiếng trên thế giới, ngay cả tiếng Hán và Nguyễn Du được UNESCO công nhận là "**một trong số các nhà thi sĩ lớn nhất của**

nhân loại". Giới trí thức Việt Nam đã viết khá nhiều về tác phẩm này từ ngày tác phẩm ra đời đến nay nhưng chưa một ai khẳng định như Phạm Quỳnh.. **Theo Phạm Quỳnh, Truyện Kiều** được xem là tiêu biểu cho Tiếng nói của dân tộc, mang chỗ Tiếng nói của Dân tộc hay chính là **Tiếng nói của Dân tộc, đến nỗi "Truyện Kiều không còn thì dân tộc ta cũng mất luôn tiếng nói"**. Qua tác phẩm của Nguyễn Du, chúng ta hãy chứng minh ý kiến nhà học giả.

1/- **Trước tiên Truyện Kiều được viết bằng Văn Nôm**: Từ xa xưa, từ thời vua Hùng dựng nước, dù chưa có chữ viết, dân tộc ta đã có một Tiếng Nói riêng của mình, đấy là Tiếng Nôm không giống với tiếng nói của dân tộc nào khác. Đấy là thứ "ngôn ngữ nói" thuần Việt Nam. Người Việt Nam từ ngày đó đã nói, đã truyền đạt cho nhau mọi điều qua "giọng nôm" của mình cho mãi đến nay và sẽ mãi mãi về sau. Dù trên một ngàn năm bị người Tàu đô hộ, bắt dân ta phải học, phải nói theo tiếng Tàu thì giọng người Việt vẫn là giọng Nôm, bằng cố là tiếng Hán được Việt hóa thành tiếng Hán Việt và đọc theo giọng Việt. Dù giới sĩ phu, quan lại có phải học, phải dùng tiếng Hán thì tuyệt đại đa số nhân dân vẫn nói tiếng Việt theo giọng Việt của mình. Nguyễn Du là nhà Nho học, tuy có làm thơ tiếng Hán nhưng đã viết Truyện Kiều bằng văn Nôm. Không như bao sĩ phu khác sinh dùng tiếng Hán, Nguyễn Du trung thành với giọng nôm và tiếng nôm của dân tộc, không mắc phải cái bệnh của bao trí thức khoa bảng từng mỉa mai tiếng Nôm là thứ tiếng "nôm na mách qué", cho là thứ tiếng tầm thường, thô tục, không xứng với ngôn từ lịch sự, văn vẻ, không thích ứng với lối nói văn chương. Trong suốt tác phẩm, Nguyễn Du đã đưa tiếng Nôm của dân tộc lên hàng văn chương, trong sáng, giản dị nhưng phong phú, giàu đẹp. Tuy đôi lúc có vì bất buộc phải dùng một số từ Hán nhưng đấy cũng là những từ Hán được Việt hóa, thông dụng và phổ biến nơi dân gian. Qua một số ấn bản về sau, một số từ Nôm có bị thay đổi không còn đúng theo từ nôm tác giả đã dùng trong nguyên bản lúc đầu nhưng nhìn chung vẫn là từ nôm rất thông dụng. (Nhiều học giả đã hiệu đính một số từ Nôm trong các ấn bản sau cho đúng theo nguyên tác của Nguyễn Du như Lê Hữu Mục chẳng hạn nhưng điều này không nằm trong chủ đề bài viết này). Ngay trong câu đầu và câu cuối của truyện, ta đã thấy ngay Nguyễn Du đã dùng tiếng Nôm một cách tài tình: "**Trăm năm trong cõi người ta, ... Mua vui cũng được một vài trống canh**". Còn biết bao nhiêu câu, bao nhiêu từ đều là thuần túy tiếng Việt (tiếng Nôm) rất bình dị, thông thường nhưng vô cùng súc tích, thơ mộng, bóng bẩy, đẹp lung linh, óng ả, mỹ miều, diễn tả bao ý tình, tư tưởng sâu xa, kín đáo. Chỉ cần kể ra đôi từ, đôi câu tiêu biểu:

- Dừng dằng nửa ở nửa về...
- Lỡ từ lạc bước bước ra
Tắm thân liệu những từ nhà liệu đi...
- Vành trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường...
- Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên...

- Còn như vào trước ra sau
Ai cho kén chọn vàng thau tại mình...
- Đánh tranh giùm nóc thảo đường
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi...

Nguyễn Du là một sĩ phu, dòng dõi quan lại suốt bao đời nhưng nơi ông, tính nghệ sĩ và tính dân già theo nhau trong cuộc sống, trong cảm xúc, trong suy tư. **Nguyễn Du viết Truyện Kiều không riêng với vốn liếng uyên bác của mình mà với tất cả tâm trạng của "con người quần chúng"** giản dị, đơn sơ, mộc mạc, hiền hòa, chất phác, lương hảo trước bao bất trắc của cuộc sống, trước bao biến đổi thương đau của cuộc đời. Nguyễn Du, qua cuộc sống lao đao của mình, qua bản chất nghệ sĩ nhân bản nơi mình, đã tiếp xúc với mọi tầng lớp dân chúng, sống với họ, thân thiết với họ nên tâm trạng ông cũng là tâm trạng quần chúng trong giai đoạn lịch sử đầy đầy bất trắc của đất nước. Là con người hào hoa, ông lui tới với mọi sinh hoạt của quần chúng nhân dân, những cô ả đào, những hội hè đình đám, những lớp người khổ nghèo,..., thuộc lòng những câu hát, câu hò, những lời dân ca, ca dao, những lối nói mộc mạc, hồn nhiên, tình tứ, những lời than, tiếng khổ của nhân dân. Ngôn ngữ Truyện Kiều đã ghi lại, đã minh họa rõ ràng cách nói, cách diễn tả tình ý của lớp người dân dã. **Ngôn ngữ Truyện Kiều chính là Tiếng Nói của đại chúng bình dân trong xã hội Việt Nam thời đó cũng như thời nay và mãi mãi sau này. Vì thế, "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn" vì qua Truyện Kiều, ta sống với dân ta, ta nói tiếng nói của dân ta.**

2/- Truyện Kiều được viết theo thể thơ Lục Bát:

Người Việt Nam chúng ta có hai thể thơ "Lục Bát" và "Song Thất Lục Bát" hầu như không một dân tộc nào có (không rõ những dân tộc lân cận với ta như Lào, Miến Điện, Thái Lan, Nam Dương,...có hai thể loại thơ này không, người viết không rõ, mà nếu có, có lẽ cũng không phổ biến như tại Việt Nam ta). Người Trung Hoa không có hai thể thơ này (điều lạ là người Việt Nam có thể làm thơ theo các thể thơ Trung Hoa trong lúc người Trung Hoa không thể "bắt chước" hai thể thơ này của Việt Nam). Truyện Kiều là một trường thiên tiểu thuyết viết bằng thể thơ Lục Bát riêng biệt của dân tộc.

- **Lục Bát là thể thơ của dân gian.** Lục Bát là thể thơ từng cặp hai câu: một câu sáu tiếng, tiếp theo một câu tám tiếng. Bài thơ có thể chỉ hai câu (như trong các tục ngữ, ca dao) nhưng cũng có thể kéo dài đến bao nhiêu cũng được tùy theo nội dung được diễn đạt và tùy theo tác giả. Lục Bát là thể thơ rất uyển chuyển và rất phổ biến không chỉ riêng nơi giới trí thức và nghệ sĩ mà ngay nơi giới bình dân dù thuộc ngành nghề nào. **"Thơ Lục Bát tiêu biểu cho tiếng nói của dân tộc ta"**. Hầu như người Việt Nam nào từ xưa xưa đến nay cũng đều có thể làm hay ứng khẩu được một đôi câu thơ Lục Bát khá hay và khá sâu sắc (những câu ca dao là chứng minh). Khởi đi từ lối "nói lối", lối vè, dân tộc ta dần dần thiết lập **lối Lục Bát, hình thành qua ca dao, dân ca để trở thành thể thơ hoàn chỉnh, tiết tấu nhịp nhàng, âm**

vận uyển chuyển phù hợp với cuộc sống thiên về cảm tính của người Việt Nam, diễn tả đủ mọi sắc thái của tâm hồn con người Việt Nam bất kỳ trong tình huống nào, tâm trạng nào, đối diện với người, với sự, với việc. Nguyễn Du đã sử dụng nhuần nhuyễn thể thơ dân tộc này trong miêu tả, trong thuật sự, cả trong diễn giải, lập luận, minh họa sinh động mọi đặc điểm, mọi nét vẽ, mọi thái độ, mọi cảm xúc, mọi ý tình của người, của cảnh, của việc. Không cần trích dẫn nhiều; chỉ đôi câu miêu tả ngoại diện Tú Bà, chủ động mãi dâm và đôi câu nói về tính nết Hoạn Thư đủ cho thấy cái "tinh tế" của Tiếng Nói Việt Nam qua lối Lục Bát này: gọn nhẹ, súc tích, cô đọng, đầy đủ,...

- Thoắt trông nhìn nhợt màu da
Ăn gì to lớn đầy đà làm sao!
- Ở ăn thì nét cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

- **Về mặt ngữ học, thể thơ Lục Bát nói lên được tính cách phong phú của ngôn ngữ Việt Nam.** Theo các nhà Ngữ học, ngôn ngữ Việt Nam là ngôn ngữ độc âm. Mỗi tiếng, mỗi từ là một "âm tiết" tức một đơn vị ngữ âm (đơn vị lời nói được phát ra) đồng thời là một đơn vị ngữ pháp trong cấu trúc của lời (parole), của câu (phrase). Mỗi âm tiết (mỗi tiếng), mỗi từ Việt Nam gồm hai bộ phận: bộ phận "phụ âm đầu" (gồm một hoặc hai, ba phụ âm, ngoại trừ những tiếng không có phụ âm đứng trước như: anh, in, an, úc, ích, iêng,...), và bộ phận "vần". Những tiếng cùng một bộ phận "vần" thì bộ phận "phụ âm đầu" thay đổi làm thay đổi "nghĩa" của tiếng và bộ phận "vần" thay đổi cũng làm thay đổi "nghĩa" cùng lúc thay đổi cả "thanh" (giọng đọc) do các dấu thanh được dùng. Chẳng hạn tiếng "xanh", bộ phận "phụ âm đầu" là "x" có thể thay bằng những phụ âm khác như "b, h, l, m, th, ch, nh, ngh" và bộ phận vần "anh" khi thêm dấu thanh, cả tiếng sẽ thay đổi cả nghĩa và thanh như: "anh, ánh, ảnh, lanh, chanh, lành, thành, mảnh, chánh, mạnh, thanh,..." [*Cùng do bộ phận "phụ âm đầu" và bộ phận "vần", dân ta có lối "nói lái" bằng cách chuyển đổi bộ phận "phụ âm đầu" giữa hai tiếng (ngoại trừ khi hai tiếng cùng một bộ phận "phụ âm đầu" như : đạo đức, lanh lảnh, căn cơ, tục tĩu,...) hoặc chuyển đổi dấu thanh nơi bộ phận "vần", các từ sẽ mang một ý nghĩa, một nội dung khác, như: ""chính phủ" đổi thành "chú phỉnh", "kháng chiến" đổi thành "khiến chán", "cá đối" đổi thành "cối đá" (chuyển đổi phụ âm đầu), "chan chứa" thành "chán chứa", "tranh đấu" thành "trâu đánh", "giải phóng" thành "phỏng...", "lộn lèo" thành "lẹo..." , "rồng lộn" thành "..." (chuyển đổi dấu thanh nơi bộ phận "vần"),...]. Ngôn ngữ Việt Nam giàu đẹp, phong phú một phần do sự thay đổi bộ phận "phụ âm đầu" và bộ phận "vần" này, đặc biệt là trong các từ "lấp láy" như: lanh chanh, lướt thướt, luộm thuộm, khắp khếch, gập ghềnh, la cà, cón con, cuống cuống, na ná, ranh mãnh,... vừa diễn tả được sinh động sự vật, sự việc và sắc thái tình tự cùng dễ ăn vần với nhau giữa các câu thơ. Ta gặp trong truyện Kiều vô số cách dùng này vì*

đấy không riêng của Nguyễn Du mà là do tính chất "bản nhiên" của tiếng nói Việt Nam.

- Về mặt Thi Luật, thể Lục Bát cũng tiêu biểu cho sắc thái riêng biệt của ngôn ngữ Việt Nam. Thơ Lục Bát gồm cả "cước vận" và "yêu vận". Cước vận là vần ăn nhau ở cuối câu, không chỉ riêng nơi thơ Lục Bát của ta mà thơ Hán, thơ Tây phương đều có. Riêng "yêu vận" hay vần lưng tức vần ăn nhau ở giữa câu thì hầu như chỉ riêng trong thơ Lục Bát của ta mới có. Điều này, Giáo sư Học giả Lê Hữu Mục đã nói: "từ "yêu vận" tuy là chữ Hán nhưng người Trung hoa không hiểu nghĩa là gì, vì khái niệm về yêu vận là một sáng kiến hoàn toàn Việt Nam, do người Việt Nam chủ động và là những người chủ động duy nhất trên thế giới về phương diện thi ca" ("Truyện Kiều và tuổi trẻ – Nguyễn Du"; của Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ; Làng Văn in tại Gia Nã Đại, tháng 10/1998; trang 107). Do những đặc điểm trên, thơ Lục Bát thể hiện rõ nét đặc điểm của ngôn ngữ cùng sắc thái tâm lý người Việt Nam qua thi ca. **Truyện Kiều được viết bằng thơ Lục Bát nên đã lưu giữ mọi đặc tính của ngôn ngữ và tính tình Việt Nam, do đó "Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn".**

3/- Ngôn ngữ Truyện Kiều vừa bác học vừa dân gian nên phản ánh đầy đủ mọi đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam cùng đặc tính của dân tộc ta:

* **Ngôn ngữ Truyện Kiều có tính cách bác học:** Tính cách bác học trong văn chương thời Nguyễn Du và trước đó là sự việc nói và viết bằng tiếng Hán, bằng chữ Nho. Nguyễn Du là một nhà nho học đã từng làm nhiều thơ tiếng Hán. Trong truyện Kiều, tính cách bác học cũng được thể hiện qua việc sử dụng một số từ Hán nhưng nơi đây số từ Hán đó đã được Việt hóa nghĩa là đã được quần chúng quen thuộc trong lối nói hàng ngày và đọc theo giọng Việt như: "gương Nga, anh hùng, tài danh, phúc lộc, danh gia, văn nhân, côi phúc, tài, mệnh, bể dâu, gia tư, tương tri, cốt cách, tinh thần, ...". Một điều nữa là bao nhiêu điển tích Trung hoa trong lịch sử, trong văn chương đều được Nguyễn Du Việt hóa đến nỗi người Việt Nam nghĩ đấy là của tiếng Việt chứ không phải xuất xứ từ điển tích Hán văn. Chẳng hạn như: "Ngày xuân con én đưa thoi" ai cũng hiểu là thời gian qua nhanh, không cần liên hệ đến câu tiếng Hán: "Tuế nguyệt như thoa"; hình ảnh "trâm gãy bình rơi" rất Việt Nam, ai cũng hiểu, không cần thiết phải biết qua câu chữ Hán: "Bình trầm hoa chiết dĩ đa thì" (bình chìm hoa gãy đã từ lâu). Còn nhiều nữa. Xem thế hoặc là Nguyễn Du đã sử dụng lối nói dân gian Việt Nam hoặc đã chuyển ý thơ chữ Hán ra thơ tiếng Việt với lối nói thuần nhiên Việt Nam. Một điểm

đặc biệt khác là Nguyễn Du đã chuyển dịch ý trong nhiều đoạn thơ Hán ra thơ tiếng Việt thật nhuần nhuyễn hầu như không còn dính dáng gì đến điển tích hay âm hưởng thơ Hán. Chẳng hạn: "Một hai nghiêng nước nghiêng thành", ta tức khắc hiểu không cần biết đến câu tiếng Hán: "nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc"; bài thơ tứ tuyệt của Thôi Hộ đời Đường đã được Nguyễn Du tóm lại chỉ còn hai câu Lục Bát rất Việt Nam, rất nôm na, "Trước sau nào thấy bóng người, Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông", ai cũng hiểu, không cần để ý là lấy ý từ bài thơ Thôi Hộ. Còn nhiều nữa nhưng xin không trích thêm. Qua nghệ thuật chuyển sang văn Nôm ý thơ và điển tích Hán văn đó, Truyện Kiều đã lôi cuốn lớp sĩ phu Hán học để phải nhận ra rằng Truyện Kiều là một tuyệt phẩm trước tiên về mặt văn chương.

* **Ngôn ngữ Truyện Kiều có tính cách dân gian, nói lên được mọi đặc điểm của tiếng nói Việt Nam.** Nơi đây, xin phân tích theo cái nhìn tổng quát chứ không theo phương pháp "ngữ học"(người viết không biết gì về môn học này):

- Đặc tính đầu tiên của ngôn ngữ Việt Nam là tính cách giàu có, phong phú. Nó có đủ số từ cần thiết để định danh, định tính, định hình, định thể... tất cả mọi sự vật, sự việc, sự kiện, sự tình dù hiện thực hay siêu hình, dù thanh tao hay thô tục. Tính cách phong phú này dễ tìm thấy nhất nơi số tiếng, số từ nói về sự vật cùng tính chất sự vật và số từ nói về mặt tình cảm, về mặt tương giao xã hội [riêng số từ về mặt triết lý, khoa học, thường mượn từ Hán đọc theo giọng Việt (hiện sinh, hiện hữu, tính thể, hữu thể tính, siêu việt tính, hằng thể, vi tử, vi tính, điện toán, vĩ mô, từ trường, siêu dẫn, ...) hoặc từ phiên âm tiếng nước ngoài (cà-phê, a-cit, ô-dôn, oc-xy,...)]. Tính các phong phú này còn được thể hiện nơi cách dùng nhiều từ khác nhau để cùng chỉ một sự vật: đen, mun, mực, ô,... hoặc chỉ tính cách khác biệt của cùng một sự vật, sự việc: nắng nhẹ, nắng hiền, nắng tươi, nắng gắt, nắng rát, nắng chói chang,... mưa bay, mưa bụi, mưa ngâu, mưa hồng,... Nó còn phong phú do nhiều tiếng ghép lại với nhau (từ ghép: ông bà, cha ông, con cái, vợ chồng, thầy trò, mưa nắng, ngày tháng, giận lẫy, tủi hờn,...) hay ghép một tiếng vô nghĩa hoặc nhiều tiếng vô nghĩa lại với nhau để cả tập hợp chuyển sang một nghĩa khác, khác lấy một ý vị khác (từ lấp láy : nông nản, thư thả, miệt mài, lúp xúp, hay ho, bẽn lẽn,...). Nó còn phong phú do ghép một từ thuần Việt với một từ Hán: nhà giáo, nhà sư, học trò, lý lẽ, ông ngoại, văn vẻ, sinh sống,... Dần dần, trong dân gian lại "sáng tạo" thêm nhiều tiếng, nhiều từ thuần Việt trong vui chơi, trong đối đãi, trong chuyện trò qua lại, trong tương giao tình cảm để chê bai, chỉ trích, cười đùa, chọc



ghẹo,... như: cà chớn, tằm phào, lai rai, nhậu nhẹt, cù lẩn, diên cái đầu, điếc con ráy, què một cục, là cái cẳng, nói chuyện với đầu gối,... Còn nhiều, không thể nói hết. Trong Truyện Kiều, ta gặp rất nhiều từ ghép, từ lắp láy, nhiều lối nói do cách ghép từ để nói cùng một sự vật, sự việc cũng như cùng một từ mà ý nghĩa được dùng trong từng hoàn cảnh, từng trạng thái khác nhau như nói về "trắng" lúc thì "gương nga" (gương nga chênh chếch dòm song – câu 148), lúc thì "khuôn trắng" (khuôn trắng đầy đặn...-câu 20), "tấm trắng" ("tấm trắng gắn ở chung – câu 1034), "vùng trắng" (vùng trắng ai xẻ làm đôi – câu 1525) rồi "trắng rằm, trắng xa, trắng gần, trắng bạc, trắng thanh, trắng trong, trắng tàn, trắng khuyết,..."(dựa theo Lê Hữu Mục, sđd, trang 111, 112). Cùng một từ "thân" mà ý nghĩa nơi từng câu khác nhau: lúc là "tấm thân thể xác" (thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên - c.618; Một người dễ có mấy thân – c.1005), lúc là "tấm thân tinh thần" hay "nỗi lòng", "tâm trạng", "cuộc sống" (nỗi nhà báo đáp nỗi thân lạc loài" -câu 1082; Cửa người dày đọa chút thân –C.1783), lúc là "thân phận con người" (Thân lươn bao quản lấm đầu -c.1145; lấy thân mà trả nợ đời cho xong – c.1198),....

-Đặc điểm thứ hai của ngôn ngữ Việt Nam là mềm dẻo, uyển chuyển do từ cách phát âm, do tính cách giàu nhạc điệu của tiếng nói Việt Nam. Hình ảnh, văn ảnh cũng do từ tính cách nảy nở lung linh, sống động. Thể thơ Lục Bát vốn giàu nhạc điệu do cách ngắt nhịp lúc 2/2/2, (Trăm năm/ trong cõi/ người ta;/ kể từ/ lạc bước/ bước ra/), lúc 4/4 (tấm thân liệu những/ từ nhà/ liệu đi; Vành ngoài bảy chữ/ vành trong tám nghề; hoa dù rã cánh/lá còn xanh cây) , lúc 2/4 hoặc 2/2/4, hoặc 4/2 (Những mừng/ được chốn an thân; tạm mình/ xin quyết với nhau/ một lời)... Có thể nói, trong thơ Lục Bát, cách ngắt nhịp tùy người đọc chứ không nhất thiết phải theo một "qui luật" nhất định, từ đó lời thơ, nhạc điệu của thơ dễ đi vào lòng người và dễ gây cảm xúc, cảm hứng. Giáo sư Hà Như Chi đã bảo:"*Cụ Nguyễn Du dùng lục bát viết cả một cuốn truyện mà không làm cho ta nhàm chán. Sở dĩ được như vậy là vì cụ Nguyễn Du biết biến điệu, đổi chỗ, đầu câu, làm cho câu thơ ngắt thành từng đoạn dài ngắn không chừng, do đó mới gây được những cái bất ngờ thần tình về phương diện âm điệu*" (trích dẫn của Lê Hữu Mục, sđd, trang 115).

- Đặc điểm thứ ba của ngôn ngữ Việt Nam là giản dị, bình dân, đại chúng. Tính cách này không làm giảm sút tính cách phong phú, giàu có mà còn giúp cho ngôn ngữ trở nên phổ thông và thống nhất khắp mọi miền đất nước cho tất cả mọi tầng lớp dân chúng. Người bình dân ta xưa cũng như bây giờ diễn đạt rất dễ dàng, dung dị mọi cảm nghĩ, mọi ý tình. Bao giờ cũng mượn sự vật thiên nhiên, những sự việc thông thường, những hiện tượng mà ngũ quan cảm giác được để diễn tả ý nghĩ, tình cảm, không đi vào bản chất sự kiện, hiện tượng nhưng lại phơi bày những gì ẩn mật cất giấu nơi chúng. Truyện Kiều, với lối văn bình dân cố gắng hiển cho người đọc biết bao cách nhìn qua sự vật, sự việc, thấy được bên trong, thấy được bề sâu của sự việc, của tâm tình.

Kiều đã khuyên cha đừng hủy mình bằng một lý lẽ rất đơn sơ, dễ thấy qua một sự việc rất đơn sơ, bình dị vừa vẽ ra cảnh tình éo le cùng tâm trạng đau thương của mình, của nhà: "*Thà rằng liêu một thân con, Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây*". Những đoạn tả cảnh trong truyện quá giản dị nhưng mang mang âm hưởng những gì đằng sau khuất vắng, ru ta vào những mộng lung xa gần bàng bạc: "*Đùng đùng gió giục mây vần, Một xe trong cõi hồng trần như bay*"; "*Đêm thu khắc lặn canh tàn, Gió rừng trút lá trắng ngàn ngậm gương, Lối mòn cỏ nhạt màu sương,...*". Ngôn ngữ Việt Nam, từ bản chất, không có tính trừu tượng nhưng lại có khả năng đề cập đến những vấn đề trừu tượng, siêu hình do từ lối nói đại chúng, giản dị này. Đặt cơ sở từ hiện tượng, từ sự vật hiện thực nhưng ngôn ngữ Việt Nam nâng các hiện tượng, các sự vật hiện thực đó vươn đến những nhận thức mơ màng, lung linh, gọi lên tưởng tượng nơi người đọc, người nghe. Chỉ riêng câu đầu tiên "*Trăm năm trong cõi người ta*" toàn là từ thuần Việt, cho ta thấy ngay khung cảnh của những sự việc gì sẽ xảy ra. "*Trăm năm*" là thời gian cuộc sống của con người, một thời gian hữu hạn được "ném" vào trong một không gian rộng lớn, một không gian vô hạn đối với con người. "*Cõi người ta*" chỉ cái không gian sống của con người, môi trường sinh hoạt của con người, ở đây không là môi trường thiên nhiên mà là môi trường đồng loại (xã hội loài người). Tác giả không dùng "cõi hiện hữu, cõi thế gian, cõi tục đế, cõi dục giới, cõi nhân gian" mà là "cõi người ta" vì chỉ trong cõi người ta, trong môi trường đồng loại mới lấm cái nhiều khê, lấm cái trắc trở cho con người. Và ba tiếng "*cõi người ta*" vừa dễ hiểu vừa hiện thực vừa gần gũi, gần bó thân thương. Chủ đề của câu truyện thế là được xác định trong một thời gian, một không gian nhất định ai cũng thấy, ai cũng biết, cũng nhìn ra. Câu thơ gợi ngay trầm tư, suy nghĩ, tư lự, băn khoăn: những gì sẽ xảy ra cho cuộc sống ngắn ngủi của con người trong cái thế giới gần gũi, thường nhật giữa mọi người với nhau? (xin không đi sâu hơn). Càng phân tích Truyện Kiều, ta càng gặp nhiều trường hợp dẫn ta vào những băn khoăn có tính cách siêu hình mà lời thơ rất dễ hiểu khởi đi từ những sự việc, từ những lối nói, từ những từ ngữ rất dung dị, bình thường.

- Đặc điểm thứ tư của ngôn ngữ Việt Nam là giàu hình ảnh: Do tính cách bình dân, đại chúng, dùng sự vật, sự việc hiện thực để diễn tả tâm tình, trạng thái, ngôn ngữ Việt Nam mặc nhiên mang lấy sắc thái siêu thực, tượng trưng, không cần thiết phải cố công đi tìm những từ, những ngữ, những hình ảnh cầu kỳ, mới lạ. Những gì tiềm tàng nơi vô thức, những gì lung linh ẩn hiện trong tưởng tượng đã đến một cách tự nhiên, dung dị. Do đó, sự việc, sự vật được nâng lên thành hình tượng, thành văn ảnh lung linh, tráng lệ mà không phải khổ công tìm ý, chọn lời. Mọi lối mỹ từ pháp, mọi biện pháp tu từ tự nhiên đến nhiều khi rất dễ dàng. Mọi lối "*ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, điệp ngữ, đảo ngữ, thậm xưng, tỷ giảo, ngoa ngôn...*" hầu như rất thông dụng mỗi khi nói và viết. Truyện Kiều vô cùng súc tích và giàu nhạc điệu qua các biện pháp trên. Có thể trích một đôi câu tiêu biểu:

- Người nách thước, kẻ tay đao (c.577)
- Vì ai rụng cái rơi kim
Để con bèo nổi mây chìm, vì ai? (c.769, 770)
- Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dấu lia ngõ ý còn vương tơ lòng (c.2240, 2241)
- Trời còn để có hôm nay
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời (c.3121, 3122)

Đĩ nhiên, còn nhiều đặc điểm khác nữa (như tính cách "thân tình hóa" qua những từ: mình, nhà, em, anh, ai, chàng, nàng; tính cách "trông tréo lơ lửng" qua lối nói lái, đố, ví, cách thanh mà tục, tục mà thanh,...), nhưng xin không kể dài dòng. Với tất cả những đặc điểm trên của ngôn ngữ Việt Nam, Truyện Kiều trở thành một áng văn xuất sắc, trước tiên về mặt nghệ thuật để tiêu biểu cho Tiếng Nói Việt Nam từ xưa đến nay và còn mãi về sau. **Do đó, Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn vì khó tìm một tác phẩm nào hơn có đủ mọi sắc thái của ngôn ngữ và của tâm tình Việt Nam.**

4/- Truyện Kiều đã đi vào lòng dân tộc, trường tồn với dân tộc: Do lời thơ vừa bác học vừa dân gian, do nghệ thuật miêu tả, thuật sự, tự sự sinh động, do sử dụng vô cùng linh hoạt, tinh tế ngôn ngữ dân tộc, do cái súc tích của tâm hồn tác giả và cái nhìn sâu sắc về cuộc đời, cuộc sống xã hội, do cốt truyện và lời văn diễn đạt hầu hết mọi cảnh đời nhân thế nên bất kỳ ai trong cảnh ngộ nào –vui buồn, sướng khổ, giận dữ, hờn ghen, xót thương, ai oán, hùng tráng, sầu bi, thành công, thất bại,..._ cũng có thể viện dẫn đôi lời, đôi đoạn để diễn đạt tâm tư, tình ý, cảnh ngộ trong từng thời điểm của cuộc sống riêng mình. Mỗi nhân vật trong tác phẩm, qua ngòi bút Nguyễn Du, đã trở thành điển hình cho từng hạng người trong xã hội dù xưa hay nay. Không người Việt Nam nào không thuộc một số câu, số đoạn trong Truyện Kiều, nhiều khi đọc đấy, thuộc đấy mà không ngờ đấy là trong Truyện Kiều. Nhiều người còn dùng Truyện Kiều để "bói" xem vận mạng mình; nhân vật Truyện Kiều còn được dùng để nói về người nầy kẻ nọ, đánh giá, phẩm bình tư cách, lối sống của người đời. Không riêng giới trí thức tán dương, ca tụng tác phẩm về nghệ thuật, về tư tưởng; giới bình dân dù không biết Nguyễn Du là ai, không hiểu gì sâu sắc nội dung tác phẩm, cũng thích thú, ngâm nga, xem như đấy là nguồn an ủi, cảm thông, khích lệ trong từng lúc sầu buồn tê tái, thất vọng bi quan. Nếu một số lời của Jésus, Thích Ca nằm lòng nơi mọi người mà không biết đấy chính là lời Chúa, lời Phật thì Truyện Kiều đối với quần chúng Việt Nam cũng thế. Rồi từ đó sinh ra **"bói Kiều, nhại Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều, lấy Kiều, tuồng Kiều, kịch Kiều,..."**. Cô Kiều, nhân vật trong Truyện, không còn là cô gái đĩ bị khinh khi, bị xem thường, xem khinh mà trở thành một cảnh đời chung của con người trong cảnh thế để khóc Kiều là khóc ta, thương Kiều là thương ta,... Truyện Kiều đã đi vào tâm hồn người Việt dù là trí thức hay bình dân (xin không trích dẫn để tránh dài dòng trong phạm vi một bài báo). Càng gặp lận đận, long đong, càng thấy

Truyện Kiều gắn gũi với mình, chia xẻ, cảm thông với mình. *"Người ta có cảm giác ở đất nước nầy, ai không thuộc dăm bảy chục câu Kiều, người ấy chưa phải là người Việt Nam. Nhà trí thức nào nói chuyện không điểm xuyết dăm ba câu Kiều thì người ấy chưa phải là trí thức dân tộc và nhà phê bình, nhà nghiên cứu nào chưa thử ngòi bút của mình trên truyện Kiều thì dường như bản lĩnh của họ chưa được khẳng định..."* (Nguyễn Lộc: "Nguyễn Du", nxb Đà Nẵng, 1986, trang 237). Chưa một tác phẩm Việt Nam nào được phổ biến rộng rãi và được đón nhận thân mật, nồng hậu như truyện Kiều; chưa một tác giả nào được biết đến, được yêu mến như Nguyễn Du (có thể nói đến tác phẩm "Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu nhưng tác phẩm nầy phổ biến và quen thuộc, thân tình nhiều nhất ở Miền Nam hơn là ở miền Bắc, miền Trung). Chỉ tại vì tác giả Nguyễn Du và tác phẩm truyện Kiều đã phản ảnh sinh động, thiết tha, trung thực tiếng nói và tâm hồn dân tộc nên **"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn"**.

Lời khẳng định của Phạm Quỳnh quả không sai, không quá đáng. Càng đi sâu vào truyện Kiều, ta càng khám phá thêm nhiều giá trị sâu sắc không riêng về mặt ngôn ngữ, nghệ thuật mà còn về mặt tư tưởng để có thể bảo **"Truyện Kiều là một tác phẩm bất hủ không riêng của dân tộc ta mà còn của chung nhân loại"**.

Hiện nay, nơi hải ngoại, lớp tuổi trẻ sinh nơi xứ người không biết đến truyện Kiều, không biết nói, đọc, viết tiếng Việt, quả đáng buồn. Tuy nhiên, tinh thần Việt Nam không "tắt" nơi chúng vì truyền thống Văn hóa Việt Nam hầu như có một sức mạnh tiềm tàng, âm ỉ nơi lòng người để lớp người đó sau thời gian tận dụng ngôn ngữ nước ngoài cần thiết cho việc mưu sinh, sẽ lại quay về với truyền thống dân tộc nhất là đối diện với nền văn minh kỹ thuật quá chú trọng về mặt thực dụng, về mặt lợi tức và thời trang đang đòi hỏi nơi tự thân những nước giàu mạnh, tiên tiến hiện nay một "trở về" với những giá trị nhân bản đang trên đường "toàn cầu hóa" cùng lúc với mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, truyền thông,... **Lớp trẻ Việt Nam nơi hải ngoại hiện nay không biết đọc, viết tiếng Việt; chỉ cần các bậc phụ huynh, lớp người lớn tuổi tập cho chúng nói được ít nhiều tiếng Việt và đọc cho chúng nghe, tập cho chúng thuộc một số câu trong truyện Kiều, một số ca dao Việt Nam cũng đủ là điều kiện giúp chúng bảo tồn truyền thống dân tộc để không phải hoàn toàn mất gốc.** Vì truyện Kiều cũng như ca dao, dân ca Việt Nam uyển chuyển, dịu dàng, sinh động, dễ nhớ, dễ thuộc, dễ thấm nhập vào lòng, có sức tác động âm thầm nhiệm mầu nuôi dưỡng nơi con người những tinh túy, những giá trị muôn đời của con người nói chung để như cô Kiều đã bảo: **"Lỡ làng nước đục bụi trong, Trăm năm để một tấm lòng từ nay"**. **"Tấm lòng", đấy là điều mà nhân loại hiện nay đang cần, đang tìm về, hướng đến để hồi phục ngay giữa lòng cao trào tiến bộ văn minh.** Truyện Kiều, qua ngôn ngữ Nguyễn Du thể hiện "Tấm Lòng" đó. Vì thế **"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tấm lòng Việt Nam ta còn"**

Chủ trương dân quyền của Mạnh Tử

● Võ Thu Tịnh
Paris 28-09-2005

Lời nói đầu

Thời Xuân Thu (722- 479 tr. TL) là thời rối loạn nhất trong lịch sử Trung Hoa, các vua chư hầu có chừng một trăm nước, nhưng đến thời Chiến Quốc (479- 221 tr. TL) chỉ còn lại bảy nước, là Sở, Hàn, Ngụy, Yên, Tần, Tề. Các vua chư hầu thời ấy đua nhau tìm người tài giỏi giúp cho nước mình hùng mạnh hơn các nước khác để chiếm quyền bá chủ, do đó các du sĩ, thuyết khách rất được tôn trọng, được tự do trình bày học thuyết của mình, tranh luận với các vua chư hầu. Có người đề xướng chủ nghĩa 'vô vi nhi trị' như Lão Tử, Trang Tử (Đạo gia), có người muốn đem 'thuyết nhân nghĩa' thực dụng ra cứu đời như Khổng Tử, Mạnh Tử (Nho gia) v.v... lại có người muốn 'dùng hình pháp' nghiêm khắc ra dẹp loạn như Hàn Phi tử (Pháp gia)... tạo nên một 'thời đại hoàng kim' trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc.

Nho gia cũng như Đạo gia chẳng hạn, khi đề xướng đến giải pháp chính trị, đều **lấy dân làm đối tượng**, còn Pháp gia thì quan niệm phải đứng trên cương vị nhà vua mà hoạch định kỹ thuật cai trị.

Phần đông các vua chư hầu đều chịu khó nghe. Nhưng cuối cùng không mấy vua chịu làm theo. Khổng Tử (551-479 tr. TL) mở trường dạy, phổ biến rộng rãi chủ trương **tôn quân, trọng phẩm vị con người**, đưa ra những phương pháp nhân bản sửa đổi lối cai trị mà ông cho là mục nát. Một trăm năm sau, kế nghiệp Khổng Tử để phát huy Nho giáo, Mạnh Tử (372-289 tr. TL) khai triển học thuyết của Khổng Tử, đề xướng một thể chế **trọng dân, khinh quân**, hô hào chủ nghĩa **Nhân quyền** tôn trọng phẩm vị, quyền lợi của người dân.

Nhưng dưới chế độ phong kiến, quân chủ chuyên chế, từ thời Chiến Quốc (479- 221 tr. TL) cho đến cuộc Cách mạng Dân chủ năm Tân Hợi (tháng ba 1911), các vua Trung Hoa dựa vào Khổng giáo để cai trị, chương trình giáo huấn và thi cử chỉ toàn là học thuyết của Khổng Tử, còn học thuyết về chính trị trọng dân, khinh quân của Mạnh Tử tuyệt nhiên không được công khai đề cập đến.

Ở Tây phương, trong các bản **Tuyên ngôn về dân quyền**, nhất là các bản 1789, 1791, 1793 của Pháp thường đặt vấn đề '**Dân quyền**' thành hai phần chính: Quyền con Người và Quyền Công dân:

▪ Về **Quyền con Người**, chính yếu có các quyền *Tự do, Bình đẳng, Tự hữu, An ninh, Chống áp bức*, vốn là những Tự do tự nhiên, mà được xem như là những quyền thực định (pouvoirs pratiques).

▪ Về **Quyền Công dân**, có các quyền '*tự do tham gia*' như quyền bầu luật lệ, quyền được tuyển làm công chức, và quyền '*tự do-tự quyết định*' hay '*can thiệp*' như các quyền bầu thuế khóa, quyền chất vấn các nhân viên chính phủ.

Để tiện việc trình bày, chúng tôi dựa theo bố cục này mà khai triển Chủ trương Dân quyền của Mạnh Tử, như sau :

A.- QUYỀN CON NGƯỜI

I.- Tự do

Tuyên ngôn 1789 của Pháp định nghĩa ở điều 4: '*Tự do là có thể làm tất cả những gì không hại đến người khác.*'

Một định nghĩa thật hay nhưng chưa rõ ràng. Cho nên sau đó, có thêm một số điều khoản về 'tự do' cụ thể hơn, như Tự do ý kiến - tín ngưỡng (điều 10), và Tự do ngôn luận (điều 11), v.v...

Đối với các 'tự do' này, ngày xưa Mạnh-tử đã chủ trương như thế nào ?

1.- **Tự do ý kiến - tín ngưỡng.** Mạnh Tử chủ trương *không chấp nhất, không câu nệ theo tín ngưỡng, lễ giáo, tập tục cứng rắn của Nho gia*, mà luôn luôn đưa ra những ý kiến tự do phóng khoáng, trái ngược với 'nề nếp thông thường của người đời':

a. **Đối với lễ tục.** Xưa ông Thuấn cưới con gái vua Nghiêu mà không xin phép cha mẹ, theo lễ giáo như vậy là một sự thất lễ lớn. Vạn Chương đem việc ấy hỏi Mạnh Tử.

Mạnh Tử đáp:

-Vi nếu ông Thuấn có thưa với cha mẹ thì chẳng được phép cưới vợ (cha dẫn độn, mẹ ghê độc ác, nếu xin phép cũng chẳng cho). (MT, Vạn Chương thg, t. 2).

Mạnh Tử giải thích thêm rằng ông Thuấn làm như thế, chẳng qua là vì lễ vô hậu. (theo Mạnh Tử 'bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại' nghĩa là bất hiếu có ba trường hợp: Không có con nối dòng là tội vô hậu, nặng nhất, sau đó là tội làm điều xấu xa nhục đến cha mẹ, và tội mình không ra làm quan để nuôi cha mẹ già yếu' (MT, Ly Lâu thg, t. 26). Ở trường hợp này, ông Thuấn được tự do kết hôn mà không thất lễ với cha mẹ'.

Thuần Vu Khôn (nhà biện thuyết nước Tề) hỏi Mạnh Tử rằng:

-Kẻ nam, người nữ chẳng được chuyển tay mà trao đồ cho nhau, đó là lễ phải chăng ?

Mạnh Tử đáp:

-Đó là lễ vậy.

- Như chị dâu chới với dưới nước, mình có nên đưa tay ra cứu vớt chẳng?

Mạnh Tử đáp:

-Chị dâu chới với sắp chết chìm, mà chẳng đưa tay ra tiếp cứu, người như thế quả là loài chó sói rồi vậy. Nay, kẻ nam người nữ chẳng được chuyển tay mà trao đồ cho nhau đó là lễ thường xưa nay. Còn chị dâu chới với mà mình đưa tay ra tiếp cứu, đó là phép quyền biến vậy (tức là tự do tùy theo trường hợp mà hành động khác đi cho đúng lễ phải). (MT, Ly Lâu thg, t. 17).

b. **Đối với vấn đề xuất xử.** Ngày xưa kẻ sĩ ra đời, quan trọng nhất là phải chọn lựa giữa hai con đường: **xuất**, thi đậu, gặp được một minh quân, thì ra làm quan để thi hành chánh đạo giúp vua đem lại hạnh phúc cho nhân dân; **xử**, hòng thi, hay rùi gặp một hôn quân, thì đi ở ẩn, đem đạo lý thánh hiền dạy lại dân chúng. Kẻ sĩ phải xử sự đúng như thế. Nhưng Mạnh Tử đã từng phê phán về vấn đề *xuất xử* như sau:

«Ông Bá Di, vua chẳng đáng thờ thì chẳng thờ, dân chẳng đáng trị thì chẳng trị. Trái lại, ông Y Doãn cho rằng vua nào chẳng phải là vua mình phụng sự được? Dân nào chẳng phải là dân mình sai khiến được? Trừi vốn sanh ta là người trong bậc tiên giác, ta phải theo đạo lý của ta mà giác ngộ cho dân chúng, nếu để dân khốn khổ là trách nhiệm

của mình. Vậy, Y Doãn là bậc thánh có «đức trọng nhiệm»! Còn ông Huệ xứ Liễu Hạ chẳng lấy làm xấu hổ mà phục sự một vua ô trước. Dẫn làm một chức quan nhỏ thấp, ông cũng chẳng chê. Ba ông tuy đi khác đường với nhau, nhưng mục đích vẫn là một. Đó là nói về lòng Nhân vậy. *Người quân tử chỉ chú mục điều nhân mà thôi. Còn về hành động thì tự do, cần chi phải giống nhau.* (MT, Cáo Tử, ha. t.6).

Nhưng đây là trường hợp ông Y Doãn phục sự một ông vua biếng nhác, ham chơi, hoặc nhu nhược, háo sắc, v.v... ông nghĩ rằng ông đủ sức can ngăn, hướng dẫn. Nhưng theo Mạnh Tử, người quân tử phải chú mục điều Nhân mà thôi, nếu gặp một vua bất Nhân, độc tài, tàn ác, ông Y Doãn chưa kịp nói, vua đã ra lệnh chặt đầu rồi. Nếu ông Y Doãn ép mình phục sự một ông vua bất Nhân, thì hóa ra ông tiếp tay cho kẻ bạo ngược tàn sát dân lành. Cho nên, Mạnh Tử khuyến cáo như sau:

«Những người thờ vua ngày nay đều nói rằng: 'Tôi có thể giúp vua mở mang ruộng đất, và làm cho kho tàng của vua được đầy đủ'. Đời nay, người ta khen những viên quan ấy là lương thần, đời xưa, người ta chê họ là **bọn giặc cướp làm hại dân lành**. Nhà vua mà không qui hướng theo đạo đức, chẳng lập chí làm Nhân, mà mình tìm cách làm giàu cho vua, đó là **minh làm giàu cho tên Kiệt** vậy.

«Lại có những người khác bảo rằng: 'Tôi có thể giúp vua liên minh với các nước mạnh, nhờ vậy nếu xảy ra chiến tranh, nhất định mình sẽ thắng'. Đời nay, người ta khen viên quan ấy là lương thần, đời xưa, người ta chê họ là **kẻ cướp của dân**. Nhà vua mà không qui hướng theo đạo đức, chẳng lập chí làm Nhân, mà mình tìm cách làm cho vua được cường mạnh về chiến tranh, đó là **minh phò tá một tên Kiệt** vậy.

«Như một vị vua chưa hề chỉ noi theo phép tắc đời nay, chẳng chịu biến cải thói tục đời xưa, có đem thiên hạ mà cho vị vua ấy, thì vua kia cũng không đủ sức giữ an ninh quá một buổi mai được (tức là không lâu dài được)» (MT, Cáo Tử hạ, t. 9)

2.- **Tự do ngôn luận.** Nếu 'tự do ý kiến, tư tưởng' nằm trong những lời phát biểu ý kiến hay tư tưởng của Mạnh Tử về một số vấn đề luân lý, tín ngưỡng hay ứng xử hơn thiệt, thì 'tự do ngôn luận' của Mạnh Tử có lẽ nằm trong **các câu ngang tàng và rất tự do** mà ông thường dùng để chỉ trích vua quan đương thời:

a. **Bất bệ từ ngữ.** Mạnh Tử đến yết kiến Lương Huệ vương, vua hỏi:

-Ông chẳng ngại đường xa đến đây, ắt cũng có phương pháp chi để làm lợi ích cho nước tôi chứ gì?

Mạnh Tử đáp:

-Vua cần gì phải nói việc lợi? Hãy nói việc nhân nghĩa mà thôi. Nếu ở trên, bậc quốc vương nói rằng có cách gì làm lợi cho nước ta? Kế đó, hàng đại phu nói rằng có cách gì làm lợi cho gia tộc ta? Sau đó, hàng sĩ và hạng bình dân nói rằng có cách gì làm lợi cho thân phận ta? Như vậy, từ trên tới dưới đều tranh nhau vì mỗi lợi, ắt vận nước phải lâm nguy đó. (MT, Lương Huệ vương, thg. t. 1).

b. **Chê khéo.** Lần khác, Lương Huệ vương đang đứng tên bờ hồ nhìn chim hồng, chim nhạn, nai, hươu. Thấy Mạnh Tử đến, vua hỏi:

-Người hiền có nên vui cảnh này không?

Mạnh Tử đáp:

-Nhà vua phải là người hiền đức, rồi mới nên vui hưởng cảnh này. Nếu chẳng phải người hiền, dầu cảnh như vậy, cũng chẳng vui hưởng đó. (MT, Lương Huệ vương, thg. t.2).

c. **Kể tội.** Vua Mục Công nước Trâu hỏi Mạnh Tử phải xử phạt thế nào những tên lính thấy chủ soái lâm nguy, không chịu liều thân cứu để bị quân địch giết chết?

Mạnh Tử trả lời:

-Trong những năm tai biến, ruộng đất bỏ hoang, mùa màng thiệt hại, dân chúng của vua, người già yếu nằm chết ngang dọc đường mương lỗ cống, kẻ trai tráng tản lạc khắp bốn phương, số nạn nhân già trẻ đến mấy ngàn người rồi. Trong lúc đó, vựa lúa của vua đầy tràn lúa gạo, kho tàng của vua thì dư dật của tiền. Thế mà quan chức của vua không hề báo cáo với vua. Đó là kẻ bề trên coi rẻ mạng người và tàn hại lê dân như vậy. Thầy Tăng Tử xưa có nói rằng: 'Phải coi chừng! Phải coi chừng! Người làm cho ai việc gì, thì việc ấy sẽ trả lại cho người như thế'. Nay, nay dân chúng chẳng tiếp cứu quan chức, đó là họ trả lại các quan chức đã bỏ bê họ vậy. Cho nên vua chớ nên buông lời phiến trách họ'. (MT, Lương Huệ vương hạ, t. 12)

d. **Cảnh cáo.** Với các vua chúa thời bấy giờ, đại khái Mạnh Tử bảo rằng: Ngài ưa sắc đẹp cũng không hại, ưa thích của cải cũng không hại, ưa thích ruộng đất, đi săn cũng không hại, ưa thích du ngoạn cũng không hại. Nhưng trong lúc ưa sắc đẹp Ngài nên nhớ trong nước đang có cảnh chồng vợ phân ly, trong lúc ưa thích của cải Ngài nên nhớ trong nước có cảnh lâm than đói rét; trong khi săn bắn giải trí, Ngài nên nhớ trong nước đang có cảnh cha con, anh em, chồng vợ chia ly đau khổ. Nói tóm lại Ngài cần nên suy xét chín chắn việc làm của Ngài, như vậy ngài mới thi hành được chính sách 'nhân chính'. (MT, Lương Huệ vương, hạ t.5).

II.- Bình đẳng

Trong các bản Tuyên ngôn 1776, 1789, 1948, 'tự do', 'bình đẳng' đều được ghi ngay ở điều 1, một cách tổng quát. Nhưng riêng trong bản 1789, có hạn định rõ hơn 'bình đẳng trước Pháp luật'. Về sau, bản 'Tuyên ngôn 1948 của Liên Hiệp Quốc (ONU) cũng ghi thêm: 'bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi' (mà thôi).

Ngày xưa, Mạnh Tử đã nghĩ về vấn đề này như thế nào ?

1. **Bình đẳng trước pháp luật.** Đào Ứng, một môn đệ của Mạnh Tử, hỏi ông:

-Vua Thuấn làm thiên tử, ông Cao Dao coi về hình phạt, nếu ông Cổ Tâu là cha vua Thuấn giết người, thì ông Cao Dao xử cách nào?

Mạnh Tử đáp:

-Cứ theo phép mà thi hành chớ có gì đâu?

Đào Ứng lại hỏi:

-Vậy vua Thuấn không ngăn cản ư ?

Mạnh Tử đáp:

-Vua Thuấn ngăn cấm sao được? Pháp luật truyền lại thế nào thì phải thi hành thế ấy" (MT, Tận Tâm thg, t. 35).

Theo Mạnh Tử, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, dầu là cha của vua, cũng phải bị xét xử như mọi người, nhà vua không thể can thiệp.

Ngoài ra đây cũng là chủ trương Tam quyền phân lập. Mạnh Tử đã ý thức rõ ràng cần phải tách rời quyền Hành Chánh (quyền nhà vua) và quyền Lập Pháp (Pháp Luật), ra khỏi quyền Tư Pháp (quyền của Thủ tướng Cao Dao, kiêm nhiệm quan tòa xét xử) một điều kiện căn bản của chế độ Dân Chủ, bảo đảm cho an ninh cá nhân, như đã ghi trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập của tiểu bang Maryland, Hoa Kỳ tháng 11 năm 1776, (điều 6) '*quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành chính phải tách rời ra và khác biệt nhau*'.

2. **Bình đẳng về phẩm cách.** Theo Mạnh Tử: 'Phàm những giống đồng loại đều mang một bản tính giống nhau. Tại sao đối với con người, ta lại nghĩ ngờ về điểm ấy? Các bậc thánh nhân và chúng ta đều đồng loại, cho nên Long Tử có nói rằng: «Dù không biết ni tắc của bàn chân mà đàn dêp rơm, ta cũng biết chắc rằng không thể nào có thể biến

thành cái giỏ». Những chiếc dép đồng dạng với nhau, vì các bản chân của người trong thiên hạ đều giống nhau...» (MT, Cáo Tử, thg t.7).

Như vậy, về bản tính con người bình đẳng, tức là cùng có phẩm cách ngang nhau. Ông nói: «Thánh nhân dữ ngã đồng loại giả» nghĩa là thánh nhân đồng loại với chúng ta. Vua Nghiêu và vua Thuấn cũng giống như mọi người thôi, ta cũng là người, nếu cố gắng thì ta cũng như Ngài.» (MT, Cáo Tử, thg t.7)

3 - **Trường hợp bất bình đẳng.** Các bản Tuyên ngôn 1789 của Pháp, và 'Tuyên ngôn 1948 của Liên Hiệp Quốc (ONU) hạn định chỉ bình đẳng trong phạm vi pháp luật, và trong phạm vi phẩm cách mà thôi, tức là ở các phạm vi khác thì bất bình đẳng. Mạnh Tử cũng chủ trương một số ngoại lệ tương tự như thế, tức là có trường hợp bất bình đẳng:

a. Bất bình đẳng, vì khả năng, chức phận khác nhau. Mạnh Tử nói: 'Bậc cai trị thiên hạ có thể một mình vừa cày ruộng, vừa lo việc hành chính được chăng? Có việc của người làm bằng tâm trí, có việc người làm bằng chân tay. Người làm việc bằng tâm trí quản trị dân chúng, người làm việc bằng chân tay thì chịu quyền điều khiển. Kẻ chịu quyền điều khiển có phận sự cung cấp người bề trên. Nhà quản trị dân chúng được dân chúng phụng dưỡng. Đó là lẽ thông thường trong thiên hạ vậy' (MT, Đằng Văn công, thg, t. 4).

b. Bất bình đẳng, vì ngoại cảnh nhận chìm bản tính. Mạnh Tử lại nói: 'Trong những năm dư dả, hạng con em nhiều người tử tế; trong những năm túng ngặt, hạng con em trở nên hung bạo. Chẳng phải Trời phú cho họ tính chất khác nhau. Mà vì hoàn cảnh nguy khổ nhận chìm cái bản tính lương thiện của họ, cho nên nhiều kẻ mới trở nên hung bạo như thế. Tỷ như người ta đem lúa mầu và lúa mạch ra mà gieo rồi lấp đất lại. Đất như nhau, cùng trồng lúa một lượt với nhau... tuy vậy số lúa gặt được có chỗ nhiều, chỗ ít. Khác nhau như thế, chẳng do nơi bản tính của hạt lúa, mà do những nhân duyên bên ngoài, như đất chỗ này béo tốt, chỗ kia chai phèn, mưa và sương bồi dưỡng miền này thiếu mà miền kia đủ, cùng là công phu săn sóc chẳng đồng đều vậy'.

c. Dù bất bình đẳng, vẫn không nên khinh mạn nhau. Tuy về phương diện tuổi tác, chức tước, đẳng cấp (trí thức-lao động), đạo đức, con người đều bất bình đẳng, song Mạnh Tử khuyến cáo: 'Thiên hạ đều tôn trọng ba việc này: Tuổi vị, tuổi tác và đạo đức. Tại triều, tước vị được quý nhất; ở làng xóm, tuổi tác được trọng nhất; còn bàn về việc phù trợ vua, giáo hóa dân, thì đạo đức được kính nể hơn hết. Kẻ chỉ được thiên hạ tôn trọng vì một việc (như vua Tề chỉ có cái tước vị vua) lại đi khinh mạn người được hai việc khác (tức ta có đến hai việc đáng tôn trọng: Tuổi tác và đạo đức) sao ? (MT, Công Tôn Sửu hạ, t. 2).

III.- Tư hữu

Điều 2 trong Tuyên ngôn 1789, trình bày 'Tư hữu' như một 'quyền tự nhiên, không hề bị mất hiệu lực'. Ở điều 17, Tư hữu được coi như một 'quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng', điều 17 của bản Tuyên ngôn qui định rằng: 'Tư hữu chỉ có thể trút bỏ vì lý do 'sự cần thiết cho quốc gia' và lý do ấy được công nhận là chính đáng, nhưng phải được đền bù thích đáng'.

Mạnh Tử trước đây đã quan niệm về quyền tư hữu như thế nào?

1.- **Tranh đấu cho Tư hữu.** Mạnh Tử xưa cũng tranh đấu cho tư hữu song dưới *cạnh khía đạo đức chính trị quý*

trọng dân. Ông nói rằng: Nếu không có của cải bền vững, nhưng có lòng dạ bền vững, duy kẻ sĩ mộ đạo mới được như thế mà thôi. Còn người thường dân, nếu không có của cải bền vững, thì họ chẳng giữ được lòng dạ bền vững, họ trở nên buông lung, tà vạy, xa xỉ, không có việc ác nào mà họ chẳng dám làm. Tới chừng đó họ vướng vào tù tội, nhà cai trị cứ chiếu theo luật pháp mà hành hình họ. *Đó là nhà cai trị bủa lưới gài bẫy dân vậy.* Nếu có một bậc nhân đức ngự trên ngôi vị, người ấy há nỡ lòng nào bủa lưới gài bẫy dân sao? Bởi vậy, đáng minh quân chế định điền sản mà chia cho dân cấy, khiến họ trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi nấng vợ con, nhằm năm trúng mùa thì mãi mãi no đủ, phải năm thất ngặt thì khỏi phải nạn chết đói'. (MT, Lương Huệ vương thg. t 7)

2. **Tư hữu hóa để cải tiến dân sinh.** Mạnh Tử còn đưa ra một *chương trình thực hiện*: 'Nếu chính phủ chẳng đoạt mất thì giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu, thì trong nhà tám miệng ăn chẳng đến nỗi đói khổ. Nếu chính phủ cẩn thận lo việc giáo dục trong các trường học là trường công và trường tư, cần nhất là **dạy về nét hiếu và nét lễ**, thì những người đầu bạc hoa râu khỏi phải đội nặng, gánh nhọc mà đi bộ trên đường xa. Trong nước người già cả có lụa mà mặc, có thịt mà ăn, và dân đen khỏi đói, khỏi lạnh, thì thế nào nền cai trị cũng được thịnh vượng. (MT, Lương Huệ vương thg. t 7). Mạnh Tử bênh vực quyền tư hữu **không nhằm vào tư bản thành thị mà mục đích cải tiến đời sống của dân nghèo cực ở thôn quê**, về vật chất cũng như về phương diện giáo hóa. Đối tượng đề thuyết phục vẫn là các vua chúa, các nhà cầm quyền đương thời.

IV.- An ninh

Các Tuyên ngôn 1789, 1791, 1793, thuộc về an ninh, có kể đến quyền không bị bắt giam một cách độc đoán (đ. 8), không bị tra tấn, hành hung (đ. 5), có quyền được pháp luật che chở (đ. 7), có quyền làm việc (đ. 23), có quyền nghỉ ngơi (đ. 24), có quyền được đủ ăn, sinh sống cho mình và cho gia đình (đ. 25) có quyền được giáo hóa (đ. 26). Tuyên ngôn 1776 của Mỹ ghi thêm 'Quyền sinh sống và đi tìm hạnh phúc'. (đ.1).

Ngày xưa Mạnh Tử đã bàn về vấn đề này như thế nào?

1. **Tôn trọng sinh mạng người dân.** Trước tiên và quan trọng nhất đối với *dân chúng thời bấy giờ* an ninh là không bị chém giết một cách bất công, không bị hình phạt tàn nhẫn, tàn sát vì chiến tranh do các vua say mê tư dục gây nên.

Mạnh Tử luôn luôn nhắc lại với các nhà cầm quyền đương thời lời dạy của Khổng Tử: 'Muốn cai trị cần chi phải dùng sự chém giết. Nếu nhà vua làm thiện thì dân chúng sẽ trở nên thiện hết'. (Luận Ngữ, XIV Nhan Uyên, t. 18). Với Tề Tuyên vương, có lần Mạnh Tử gạn hỏi: 'Vua định gây ra chiến tranh, làm hại mạng tướng sĩ và binh lính, kết thù oán với các nước chư hầu, có như vậy vua mới thỏa dạ sao? (MT, Lương Huệ vương thg. t 7)

2. **Tôn trọng đời sống của dân.** Mạnh Tử nói với Lương Huệ vương: 'Bậc làm Vua cần phải thi hành phép cai trị nhân đức đối với dân: giảm hình phạt, bớt thuế liêm, khiến dân sinh lo việc cày sâu cuốc bẫm, làm vườn làm ruộng... thì mọi người trong thiên hạ sẽ quay đầu ngưỡng cổ trông về vị ấy, tràn trề hy vọng (MT, Lương Huệ vương thg. t 6). (Nhưng) 'Hiện nay có nhà vua để cho loài chó heo ăn hết đồ ăn của người, mà chẳng biết cấm ngăn; còn trên đường thì nằm đầy những kẻ chết đói, thế mà vua chẳng chịu xuất lúa ra mà phát chẩn cho dân. Dân chết, vua nói rằng: Chẳng phải tại ta, tại năm thất mùa đó'. Như vậy có

khác nào kẻ đâm người ta cho đến chết, rồi nói rằng: 'Chẳng phải tại ta, tại mũi dao đó thôi' (MT, Lương Huệ vương thg, t. 3). 'Nếu nhà vua làm chậm trễ công việc làm ăn sinh sống của dân, khiến cho việc cày cấy bề trễ, nghèo đói, không có của cải bền vững, thì lòng dạ họ trở nên buông lung, tà vạy, xa xỉ, chẳng có việc ác nào mà chẳng dám làm. (MT, Đổng Văn công thg, t. 3) thì làm sao có an ninh được!

3. Một cuộc sống được giáo hóa yên lành vui thỏa. Mạnh Tử nói: Cai trị giỏi thấu hoạch dân chúng bằng cách **giáo hóa**. Cai trị bằng cường quyền khiến cho dân sợ sệt, giáo hóa bằng nhân đức làm cho dân yêu mến. (MT, Tận Tâm thg, t. 14). Và nếu chính phủ cần thận lo việc giáo dục trong các trường học, cần nhất là dạy về nét hiếu và nét lễ, thì những người đầu bạc hoa râu khỏi phải đội nặng, gánh nhọc mà đi bộ trên đường xa. Trong nước người già cả có lụa mà mặc, có thịt mà ăn, và dân đen khỏi đói, khỏi lạnh, thì thể nào nền cai trị cũng được thịnh vượng. (MT, Lương Huệ vương thg, t. 7). Làm phát huy tính thiện trời đã phú cho con người (**nhân chi sơ tính bản thiện**), để người dân có lòng trắc ẩn (lòng thương người, có lòng chẳng nở đối với kẻ khác), tỷ như thấy một đứa bé rơi xuống giếng, ai cũng động lòng thương xót, muốn cứu, nếu không cứu thì tự nhiên ta thấy xấu hổ. Không biết xấu hổ, không phải là con người. Một khi biết xấu hổ khi phạm pháp, người dân sẽ trở nên thiện, xã hội có an ninh, trật tự, đời sống của dân sẽ yên lành. (Công Tôn Sửu, thg, t. 6).

V.- Chống lại mọi áp bức

Tuyên ngôn 1776 của Hoa Kỳ trong điều 1, ghi rõ hơn: 'Chúng ta' có **bản phận tự chống lại mọi áp bức bất công** vì lý do tôn giáo, chủ quyền đất nước, thương mại, hay bất cứ vì một lý do nào khác, làm tổn thương đến những quyền lợi không thể tước bỏ được của con người'.

Mạnh Tử chủ trương chống lại mọi áp bức bất công như thế nào?

1. **Bất hợp tác.** Trước tiên, theo Mạnh Tử, nếu vua ra lệnh giết những nhà trí thức vô tội, thì quan đại phu nên bỏ đi, nếu vua ra lệnh giết người bình dân vô tội, thì hàng trí thức nên liệ mà dờ chân, không cộng tác (MT, Ly Lâu hạ, t4).

2. **Phản ứng quyết liệt.** Nhưng một khi vua ra mặt độc tài tàn ác, thẳng tay áp bức dân chúng, thì Mạnh Tử chủ trương phải phản ứng quyết liệt theo gương người xưa, thực thi cuộc 'cách mạng Thang, Võ, hạ sát hôn quân'. Sử Trung Hoa chép: Vua Kiệt, vua Trụ vì hoang dâm vô đạo, bạo hành, bất công, không làm tròn sứ mạng trị quốc an dân Trời giao phó cho, Trời thu hồi sứ mệnh lại. Thành Thang đứng lên giết vua Kiệt, Võ Vương đứng lên diệt vua Trụ. Tư Mã Thiên, sử gia Trung Hoa, gọi đó là **cách mệnh** Thang, Võ (cách: lật bỏ / mệnh: sứ mệnh).

Tề Tuyên Vương chất vấn Mạnh Tử:

-Thành Thang đuổi vua Kiệt, Võ Vương đánh vua Trụ, có thật như vậy chăng?

Mạnh Tử đáp:

-Trong sử sách có chép như vậy.

Tuyên Vương hỏi tiếp:

-Bề tôi mà giết vua có nên chăng?

Mạnh Tử đáp rằng:

-Kẻ làm hại đức nhân, gọi là tặc; kẻ làm hại đức nghĩa gọi là tàn. Kẻ tàn, kẻ tặc chẳng qua là người thường mà thôi. Tôi từng nghe vua Võ Vương giết một người thường là Trụ, chớ tôi chưa hề nghe giết vua.' (MT, Lương Huệ Vương hạ, tiết 8).

Có lần Mạnh Tử nói toạc ra với Vạn Chương, môn đệ của ông: 'Giết những vị vua hôn bạo để giải cứu cho dân, bá tánh đều mừng rỡ như được mưa tuôn phải lúc' (MT, Đổng Văn Công, hạ t. 5). Và chính Mạnh Tử đã nói thẳng với vua Tuyên vương nước Tề rằng: 'Vua mà coi tôi như tay chân, ắt tôi sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi tôi như chó ngựa, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ qua đường. Vua mà coi tôi như bùn rác, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ cướp, kẻ thù' (MT, Ly Lâu hạ, tiết 3). Rồi ông cảnh cáo các vua: 'Nếu người làm vua tàn bạo với dân thái thậm, thì thân mình bị giết, nước nhà cũng diệt vong, chẳng còn để ngôi vị cho con cháu (MT, Ly Lâu hạ, t. 2)

B.- QUYỀN CÔNG DÂN

Nếu Quyền Con Người được coi như những 'quyền tự nhiên', thì trái lại 'Quyền Công Dân' là những 'quyền công cộng' với những chức vụ 'tham gia' hay 'can thiệp' để bảo đảm các 'quyền tự do tự nhiên cho xã hội'. Quyền tham gia và quản trị quốc gia: Mọi người đều có quyền đi bầu luật pháp, có quyền làm công chức (đ. 6). Quyền can thiệp và chất vấn việc quản trị quốc gia: Mọi người đều có quyền bầu, hạn chế thuế khóa (đ. 14), chất vấn nhân viên công quyền (đ. 13)

Mạnh Tử đã bàn về các quyền trên đây như thế nào?

I.- Quyền tham gia quản trị quốc gia

Mạnh Tử là người đầu tiên đã xưng lên '**Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh**' nghĩa là dân là quý nhất, rồi đến xã tắc, bậc ngôi vua là nhẹ hơn hết trong ba điều ấy... (nên) khi một vua làm nguy hại nền xã tắc và những đền thờ linh thần, thì người dân có thể tham gia vào chính sự bằng cách thay đổi ngôi vua, lập lên một vị hiền quân... (MT, Tận Tâm hạ, tiết 14).

Theo Mạnh Tử, quốc gia không phải của riêng của vua. Vạn Chương, một môn đệ của Mạnh Tử, hỏi rằng ngày xưa vua Nghiêu đem «thiên hạ» (tức là dân chúng toàn quốc) tặng cho ông Thuấn, việc ấy có không? Mạnh Tử đáp không có chuyện ấy, vua không có quyền lực gì mà đem thiên hạ tặng cho người khác được. Chỉ có Trời mới có quyền ấy. Vạn Chương lại hỏi Trời đâu có thấy nói gì, mà bảo tặng cho sao được? Mạnh Tử giảng đại khái rằng: «Trời không bao giờ nói, chỉ lấy công việc làm và thành tích để bày tỏ ý Trời mà thôi. Những việc xuất tại ý Trời sẽ biểu lộ qua các hành động và những thành tích của loài người, của dân chúng. Vua Nghiêu chỉ có thể tiến cử ông Thuấn, chứ không có quyền khiến Trời phải đem thiên hạ cho ông Thuấn. Nhưng khi vua Nghiêu đề cử ông Thuấn, Trời thấy ông Thuấn có tài đức nên chấp nhận. Trời không tỏ ra lời, mà chỉ ngầm ngầm cảm động dân chúng đứng lên ủng hộ ông Thuấn. Vậy lòng dân tức là ý Trời». (M T, Vạn Chương thg, t. 5).

Chấp nhận quyền của người dân, thì phải để cho mọi người dân được tham gia phát biểu ý kiến của họ, nhà cầm quyền không những phải **tôn trọng ý kiến của đa số quần chúng** mà còn phải làm theo ý kiến ấy nữa. Mạnh Tử khuyên Tề Tuyên vương rằng:

'Như những quan hầu cận bên tả bên hữu đều cho rằng người nào đó là hiền tài, mình chớ vội tin. Như các quan đại phu trong triều đều cho rằng người nào đó là trang hiền tài, mình cũng chớ vội tin. Như khắp cả nước, người ta đều cho rằng người nào đó là trang hiền tài, chừng ấy mình mới quan sát. Khi nhận thấy quả thật là trang hiền tài, chừng đó mình mới cử dùng.

«Như những quan hầu cận bên tả bên hữu đều cho rằng người nào đó chẳng tốt, mình chớ nghe theo. Như các quan đại phu trong triều đều cho rằng người nào đó chẳng tốt, mình cũng chớ nghe theo. Như khắp cả nước, người ta đều cho rằng người nào đó chẳng tốt, chừng ấy mình mới quan

sát. Khi nhận thấy quả thật chẳng tốt, chừng đó mình mới bỏ ra.

"Như những quan hầu cận bên tả bên hữu đều cho rằng người nào đó phạm tội đáng chết, mình chớ nghe theo. Như các quan đại phu trong triều cho rằng người nào đó phạm tội đáng chết, mình cũng chớ vội nghe theo. *Như khắp cả nước, người ta đều cho rằng người nào đó phạm tội đáng chết, chừng ấy, mình mới quan sát. Khi nhận thấy là phạm tội đáng chết, chừng đó mình mới ra lệnh giết.* Đó là dân chúng toàn quốc đều đồng tâm, hiệp ý, nếu vua làm theo như vậy, mới đáng gọi Ngài là cha mẹ dân" (MT, Lương Huệ vương, hạ, t. 7)

II.- Quyền can thiệp vào việc quản trị quốc gia.

Về quyền can thiệp vào quản trị, Mạnh Tử có lần hỏi vua Tề: 'Tỷ như có một vị quan sĩ sự, đầu ty hình pháp, chẳng đủ sức cai quản các thuộc hạ của mình, thì nên xử trí cách nào? Vua đáp: Nên cách chức quan sĩ sự ấy đi. Mạnh Tử hỏi tiếp: Tỷ như có một vị vua cai trị mà để cho bốn phương đều rối loạn, thì nên xử trí cách thế nào? (Nghe lời ấy) vua Tề Tuyên vương giả đồ ngó bên tả bên hữu và nói chuyện khác'. (MT, Lương Huệ vương, hạ, t. 6). Mạnh Tử nói thêm: 'Kiệt và Trụ mất thiên hạ (tức mất ngôi vua) vì mất dân chúng, mất lòng dân... Muốn được lòng dân, có một phương pháp nên theo: Dân muốn việc chi, nhà cầm quyền nên cung cấp cho họ; dân ghét việc chi, nhà cầm quyền đừng thi thố cho họ...' (MT, Ly Lôu thg, t. 9)

Ông cũng trách Tề Tuyên Vương: 'Bá tánh chẳng được Ngài bảo hộ, chỉ vì Ngài không ban bố ân huệ cho họ. Vậy nên vua chẳng gây dựng nghiệp vương, chỉ vì Ngài chẳng chịu làm mà thôi, chứ không phải Ngài chẳng đủ sức làm' (MT, Lương Huệ Vương thg, t. 7)

C.- ĐỐI CHIẾU VỚI VIỆT NAM

Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa hàng ngàn năm, theo chế độ quân chủ Nho giáo phong kiến biết bao nhiêu đời, nên trong sự quan hệ vua tôi của dân gian, đối chiếu với chủ trương "dân quyền" của Mạnh Tử, hẳn cũng không khỏi có ít nhiều điểm tương đồng hay dị biệt, đáng kể nhất là quan niệm 'Trung quân' tương quan giữa quyền nhà vua và quyền của người dân, được làm vua, thua làm giặc, về Tổ chức Hương thôn và xã hội tương quan giữa phép vua và lệ làng do dân bầu ra.

I.- Vấn đề Trung quân

Dân ta cũng quan niệm như Khổng Tử và Mạnh Tử rằng vua là một đại diện cho Trời để cai trị dân, làm cho dân được sống an lành, no ấm. Nhưng nhà cầm quyền phong kiến lại dựa vào "tam cương, ngũ thường" của Nho giáo để ép buộc người dân phải tuyệt đối trung với vua.

Có điều là trải qua bao nhiêu triều đại, dân ta nghiệm thấy rằng thời nào cũng vậy, các vị anh hùng dựng cờ khởi nghĩa chống ngoại xâm, thu hồi độc lập cho đất nước, khai sáng một triều đại cho con cháu mình, phần nhiều là những vua thật tình yêu thương dân, làm tròn sứ mạng Trời đã trao cho.

Còn về sau, con cháu các vị ấy, với sự giàu sang, quyền thế quá mức, dần dần bị hủ hóa, hư hỏng, không lo cho dân, trái lại trở thành những bạo chúa, độc tài, trụy lạc, làm cho dân bị nghèo cực, cho đất nước bị khốn khổ, đó là những tên 'giặc dân' như Mạnh Tử đã nói trên đây.

Rồi không biết có nhà **Tổng Nho** nào đã xướng ra một câu rất tai hại là: '**Quân sư thân tử, thân bất tử bất trung**', vua ra lệnh tôi phải chết, tôi không chết không trung!

Vậy Tổng Nho là gì? Đời nhà Trần, học phong thật là rục rục. Nho giáo toàn thịnh. Nhưng cuối đời Trần, Tổng Nho (Nho giáo đời Tống) bắt đầu truyền sang nước ta.

Trước kia, ở thời Mạnh Tử, như đã trình bày trên đây, các vua chư hầu đua nhau chiêu mộ nhân tài để giúp cho nước mình giàu mạnh hơn thiên hạ. Do đó "chư tử bách gia" được tự do tranh luận nhau, và có khi tranh luận cả với các vua chư hầu nữa. Nhưng rốt cuộc, học thuyết "dân quyền" ở thời "hoàng kim" này vẫn không được vua nào nghe theo. Về sau, Tần Thủy Hoàng chỉ dựa vào học thuyết của phái Pháp gia để cai trị, ra lệnh thiêu hủy tất cả sách vở của Nho giáo, và của các học thuyết khác. Khi nhà Tần bị diệt, Hán Cao Tổ cho sưu tầm các bộ tử thư ngũ kinh còn sót lại, phục hưng Nho giáo một cách độc tôn. Nho giáo độc tôn lúc ấy lại phân thành nhiều phái tư tưởng khác nhau, song học giả ai muốn theo phái nào cũng được. Đến thời Tống Nho nổi lên, bác hết các học phái khác, không những đã dùng lò khoa cử mà bó buộc học giới như các đời trước, lại còn hạn chế học Kinh Truyện Nho giáo để đi thi phải theo lời chú giải của các sách do triều Tống cho soạn ra, như sách '*Tứ thư Ngũ kinh*' và '*Tánh lý đại toàn*' là loại sách thu hẹp Nho giáo lại thành một thứ Nho giáo "tôn quân" triệt để cho tiện bề cai trị.

Vì thế, từ thời «hoàng kim» cho đến thời Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên, Trung Hoa chưa biết đến Tam Quyền phân lập (quyền Lập pháp, quyền Tư pháp, quyền Hành pháp) cũng như Dân quyền, Dân chủ là gì.

1.- **Nho sĩ** - Bàn về vấn đề "trung" với vua, Trần Trọng Kim, trong tác phẩm Nho giáo, đã phân biệt chữ "quân" là người cầm đầu, với chữ "vương" là vua: "Khổng giáo cho "quân quyền" (quyền của người cầm đầu) là cái thần khí, làm chủ sự trị loạn của nhân dân, cho nên mới nói "trung quân" (trung với người cầm đầu) chứ không nói "trung vương", "trung đế" (trung với vua, với hoàng đế). Về sau, ta theo lối chuyên chế mà hiểu cái nghĩa "trung quân" hẹp đi, cho nên mới nói "trung quân" là "trung với nhà vua". Song Khổng giáo có dạy rằng: "**trung thân tòng đạo bất tòng quân**", (tôi trung phục tòng đạo lý chớ không phải phục tòng theo người cầm đầu, theo nhà vua), chính là để chữa lại cái hẹp của quân vậy".

Tiền Nho ta ngày xưa không dùng chữ "**trung quân**", mà chỉ dùng thành ngữ "**ưu quân, ái dân**", tức là "lo việc cho vua, yêu thương dân chúng", gọi tắt là "**ưu ái**" hay "**ái ưu**" mà thôi. Nguyễn Trãi (1380-1442), trong *Quốc âm thi tập* đã viết:

*Bui (chỉ vì) một tấc lòng **ưu ái** cũ,
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông. (Qâ. 50)
... Tóc nên bạc bởi lòng **ưu ái**,
Tật được tiêu nhờ thuốc **đắng cay**. (Qâ.112)*

*... Gia sơn đương cách muôn dặm,
Ưu ái lòng phiến nửa đêm. (Qâ.115)*

Trong *Bạch Vân Am quốc ngữ thi tập*, Nguyễn Bình Khiêm (1491- 1585) cũng viết:

***Ái ưu** vặc vặc trắng in nước
Danh lợi lằng lằng gió thổi hoa. (BV. 1)
... **Ưu ái** chẳng quên niềm trước,
Thị phi biếng nói sự nay. (BV.76)*

2.- **Dân gian** – Dân ta cũng quan niệm rằng «nghĩa vua tôi», thể hiện cho trọn vẹn, bao giờ cũng phải theo hai chiều: Tôi đối với vua, và vua đối với tôi. Dân có nghĩa vụ đối với vua, thì vua cũng có nghĩa vụ đối với dân. Nếu vua không làm tròn trách vụ chăm lo cho dân yên vui, no ấm, thì dân không khỏi sinh ra khinh thường, phạm thượng:

Làm trên mà chẳng chính ngôi, khiến cho kẻ dưới chúng tôi hỗn hào.

Rồi nếu vua không giúp cho dân được yên lành, no ấm, mà còn tàn ác bạo ngược, thì lòng người sinh ra oán hận

thù ghét, giặc giã sẽ nổi lên:

*Bao giờ dân nổi can qua,
Con vua thất thế lại ra ở chùa.*

Chú giải - *Can qua*: (Can: cái mộc, qua: cái mác), là những binh khí đánh giặc. *Can qua* tượng trưng cho "chiến tranh, binh loạn".

Tục ngữ ta ngày xưa còn cho rằng: **Được làm vua, thua làm giặc**. Câu này có thể hiểu: Thối thường, mạnh được, yếu thua. Kẻ thắng tự xưng chính thống, và gọi kẻ bại là giặc. Đây cũng là một lời dân gian nghiêm khắc cảnh cáo những kẻ cầm đầu quốc gia: "Nếu chính sự hà khắc, tàn ác, dân gian sẽ nổi lên lật đổ. Một khi bị đánh bại, sẽ bị gọi là giặc, và sẽ chịu số phận dân gian dành cho những tên giặc cướp. Kẻ tàn ác nhờ bạo lực, gian trá mà thắng, cũng được gọi là "vua", nhưng triều vua tàn bạo nào cũng chỉ nhất thời. Còn dân, căn bản của quốc gia, bao giờ cũng tồn tại mãi mãi:

(Vua) quan nhất thời, dân vạn đại.

3.- Học thuật - Như vừa nói trên, vào cuối đời Trần, Tống Nho bắt đầu du nhập vào nước ta, người mình sùng bái ngay, song nhờ học phong nhà Trần chưa suy diệt hẳn, có người được tự do lên tiếng chống đối, bài xích, như: Chu Văn An, dưới đời Trần Minh Tông (1314-1329), làm Quốc tử giám Tư nghiệp và dạy các Hoàng tử, soạn sách '*Tứ thư thuyết ước*', học thuyết của ông là 'cùng lý, chánh tâm, trừ tà, cự bĩ' chống lại Tống Nho, và chú trọng về phương diện thực hành của Nho giáo. Sau đó, Hồ Quý Ly làm bản *Minh đạo* (14 thiên) trích bốn nghi vấn trong Luận Ngữ, và chê Chu, Trình đời Nam Tống là học rộng mà tài sơ, không thiết gì sự tình mà chuyên nghề cấp lột.

Chỉ trong thời gian chỉ gần vài mươi năm (từ khi nhà Hồ mất năm 1406 đến 1428 vua Lê Thái Tổ) Tống Nho nhờ thế lực quân Minh truyền bá mạnh mẽ vào nước ta, bao nhiêu tinh túy từ nhà Trần về trước bị quét sạch. Văn học nhà Lê, người ta thường cho đời Lê Thánh Tông là thịnh nhất, nhưng lại toàn là luận điệu của Tống Nho. Đến cuối nhà Lê, đời vua Chiêu Thống, có Bùi Huy Bích viết 'Kinh Truyện' và 'Sử Tiết yếu' theo kiểu sách '*Tánh lý đại toàn*' đời Tống (mà trình độ lại thấp kém hơn nhiều) tóm tắt chương trình Khổng giáo, để học cho mau và thi cho đỗ. Nhưng ở đời Tự Đức, Nguyễn Thông (1827-1884) người Bình Thạnh, nay thuộc tỉnh Long An, dâng sớ xin bỏ sách ấy, vì cho là hoặc thể vu dân, làm hại học trò, các quan trong triều trái lại, cho rằng dùng sách ấy cho tiện việc thi cử của con em mình, nên không chịu bỏ. Nguyễn Siêu, hiệu Phương Đình, người Quảng Nam, Nguyễn Bá Nghi, hiệu Sư Phần, người Quảng Nghĩa, có viết sách xin sửa đổi bỏ phép học theo Tống Nho. Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) người Bùi Chu, Nghệ An, dâng nhiều bài sớ xin cải cách nhiều việc, trong đó có việc bỏ học và thi cử theo Tống Nho, Tự Đức xem cho là hay, mà triều thần lại không đồng ý.

Gần 500 năm (1428-1919) Nho giáo hạn hẹp trong lối Tống Nho, đã ngự trị trên Việt Nam một cách bất di bất dịch. Hậu quả là làm cho học vấn dân ta bị thu hẹp trong việc học thuộc một số sách Nho giáo 'triệt để trung quân', một thứ Nho giáo thu hẹp, với những ý niệm có sẵn, khuôn khổ nhất định, lười suy xét, hay không dám suy xét ra ngoài lề lối chính thống, nhất là không thấy bao giờ dám đề cập đến các tư tưởng có tính cách phóng khoáng tự do, tôn trọng giá trị con người, và thực dụng như của Mạnh Tử hoặc của một học phái nào khác. Gọi là theo học đạo thánh hiền, mà thật ra chỉ vui đầu trong một số sách, cốt thể nào cho thi đỗ để vinh qui bái tổ, ra làm quan, giàu sang phú quý. Còn vua quan thì dùng Tống Nho và hệ thống thi cử của Tống Nho,

mang danh là Đạo của Thánh hiền, làm một phương tiện để cai trị cho dễ bề bóc lột, áp bức.

II. Tổ chức Hương thôn

1.- Bầu Lý Trường. Ngày xưa ở nước ta, từ cấp huyện trở lên, tổ chức theo quân chủ, vua chỉ định, bổ dụng tất cả quan lại trong toàn quốc. Song ở cấp làng xã, thôn xóm, vua ta lại công nhận **cho toàn dân bầu lên một Lý Trường** để quản lý làng xã và đại diện cho làng xã liên lạc với huyện phủ sở tại; và **bầu các hương chức** giúp việc với Lý Trường, cũng như **bầu người có uy tín** sung vào Hội đồng Kỳ mục, để cổ vấn, giám sát Lý Trường.

Theo *Đại Việt Toàn Thư*, năm 1669, Lê Huyền Tông (1663-1671) có ban 18 định lệnh làm chính trị tốt, bỏ tập tục xấu, mà điều thứ 9 là "chọn các con em nhà lương thiện làm Xã Trường để dạy xã dân biết lễ nghĩa".

Trong *Lê Triều chiếu lệnh thiện chính* có ghi rõ thêm về điều thứ 9 ấy như sau:

*"Chức Xã Trường là một viên chức giữ phong hóa; phải chuyển tư cho huyện quan ở các huyện trong xứ, chuyển sớ cho xã dân, kén chọn trong con em các nhà lương gia, các nho sinh, các con cháu quan viên, các nhiều nam, các sinh đồ, cùng là người nào có học thức, tính hạnh thanh liêm công bằng và cần cán, **bầu lấy một người làm xã quan**, để cho viên ấy làm tiêu biểu cho hương xã, khám xét các từ tụng, cùng là hàng năm hai kỳ xuân thu, theo những giáo điều của nhà nước mà dạy bảo xã dân, khiến cho dân **biết điều lễ nghĩa, khuyh hướng vào nhân nhượng**. [...] Cứ ba năm, cho phép huyện quan khảo khóa **các xã quan một lần**, xét trong các xã quan, xã sử, xã tư (phó xã quan) ai có đức hạnh liêm chính, biết dạy dân làm tốt phong tục, dẹp được việc kiện tụng, thì trình lên [...], **thăng xã quan làm huyện quan**, xã sử, xã tư cũng chuyển thăng làm xã quan, để tỏ lòng khuyến khích. Nếu trên nha môn có việc quan sai khiến sự gì, chỉ được phép bắt xã sử, xã tư cùng với thôn trưởng đi chỉ dẫn, chứ không được trách cứ đến xã quan, để cho viên này có tư cách mà làm việc. Ai trái lệnh này, cho phép xã quan được tố cáo, sẽ khép vào tội trái lệnh.*

"Vị bằng xã quan, viên nào tham nhũng gian giáo, và làm bậy, cho phép xã dân ấy tố cáo với huyện quan; một khi xét có sự thực, việc nhẹ thì bắt phạt, việc nặng thì bắt tội phải sung quân. Khi ấy sẽ bầu lại Xã Trường khác, để tiếp tục công việc làm tiện lợi cho dân xã. Nếu huyện quan khảo khóa mất sự thực, cũng bị tội biếm hay bãi chức".

Cách tổ chức làng xã theo lối "bầu cử" đã tồn tại cho đến cuối đời nhà Nguyễn và cho đến thời Cộng Hòa Quốc Gia gần đây. Như thế, "bầu cử" Xã Trường, tôn trọng tư cách "đại diện cho dân" và "chức vụ "giữ giữ phong hóa" của Xã Trường, đã là một tập tục trong sinh hoạt chính trị nông thôn Việt Nam **tôn trọng dân quyền** trong bao nhiêu thế kỷ từ lâu rồi. Đồng thời để nhắc nhở "cử tri đi bầu phải chọn người thế nào cho đúng", và "người được bầu ra phải làm thế nào để bảo vệ quyền lợi cho làng xã", dân gian ngày xưa có kể lại **các ngụ ngôn như sau**:

Truyện con công và làng chim

"Một hôm, làng chim hội họp đủ mặt, không thiếu một ai. Nhiều anh cất tiếng xin làng cử anh Cò làm lý trưởng. Anh Cò nghe nói, vội vàng từ chối: "Các anh coi tôi: khăn trắng, áo trắng, thật không xứng đáng chút nào. Đây có anh Diệc, cổ dài, vai rộng, tôi xin nhường". Diệc nghe Cò nói cũng mau miệng chối từ: "Các anh đã biết mình tôi làng khảnh, tính tôi ương ương. Tôi nói chẳng ai nghe, sợ sau sinh ra lảm chuyện. Đây có anh Công, trông nhà giàu có, quần xanh áo tía, thật đáng làm anh, làng ta nên thuận tình bầu anh ấy ra làm việc.

"Công nghe nói đến mình, lấy làm hả dạ, chạy ra giữa đám, giương cánh xòe đuôi, múa may ưỡn ẹo, rồi thưa với làng:

- Làng đã bảo đến, biết tránh làm sao. Vậy những ông nào thuận tình tôi, xin ký kết vào giấy.

"Không ngờ bao nhiêu loài chim đồng thanh nói to lên rằng: "Cái đuôi anh xòe, chúng tôi chịu là đẹp thật. Nhưng cái đầu anh bé nhỏ, trông nó loắt choắt làm sao, anh làm đàn anh chúng tôi không được. Làng bảo thì bảo, chúng tôi không thuận".

"Công thấy thế, chừa thẹn nói rằng: "Việc làng đã thuận, kể nói thì có người nghe. Không ngờ người nghe thì ít, kẻ chê thì nhiều. Tôi lấy làm xấu hổ cho tôi và cả làng chim tôi nữa".

"Làng chim nhao nhao, không ai thềm nghe Công, giải tán tức thì. Công cụp đuôi, thu cánh, vừa lùi vừa kêu: "Xấu hổ! xấu hổ!". Rồi từ đó đến nay, Công kêu hai tiếng "xấu hổ" ấy mãi."

Truyện Lý trưởng khướu

"Xưa có một người lý trưởng làm việc đã hơn mười năm. Thường trong làng xóm, ai có điều gì khổn khổ, ông liền lên quan kêu hộ, coi việc người hơn việc của mình.

Phải một năm trời làm đại hạn, cây cỏ khô héo, hoa quả chết sạch, đến mùa sưu thuế, dân gian khổn khổ, không biết làm thế nào lo đủ tiền nộp. Lý trưởng khướu thấy tình cảnh dân như vậy, lấy làm thương xót, mới làm một lá đơn lên kêu quan hộ dân. Đơn rằng:

*Trời làm đại hạn rã rời
Việc dân thì nặng, quan thì thương cho!
Ngoài đồng cối lúa mất mùa,
Về nhà bông đỗ đã khô đi rồi.
Dân thì kẻ ngược, người xuôi,
Kẻ tán, người lạc, ai người làm chi.
Trời làm tai nạn còn gì,
Xin quan nghĩ lại bớt đi ít nhiều.*

"Quan xem đơn vỗ bàn mắng rằng: "Ta chưa hề thấy thằng Lý trưởng nào xác láo như thằng này. Việc thì khe khát, đã không chịu làm, lại được cái già hàm, dám lên đây kêu ca rắc rối! Lính đâu, nọc nó ra đệt cho nó ba chục roi".

"Người Lý trưởng nói: "Quan đánh, tôi xin chịu. Tôi chẳng sợ chi. Bỏn phận tôi làm Lý trưởng, tôi phải hết lòng kêu giúp cho dân. Quan không soi xét, nghĩ đến tình cảnh của dân, thì tôi cũng tôi liều mạng tôi cho rồi..."

"Nói đoạn người Lý trưởng cắn lưỡi tự tử. Ông quan phải bồi mạng cho người Lý trưởng và phải cấp tiền tống táng. Về sau, trên mộ người Lý trưởng tự nhiên có một cây gì mọc lên rất cao, và có một con Khướu thường ngày cứ chót vót trên cây mà hót. Thiên hạ cho con Khướu ấy là hiện thân của người Lý trưởng, và khi nào nghe nó hót thì người ta bảo nhau ca một câu rằng:

*Cây cao gió đánh lá lay,
Thương thân con khướu kêu ngày, kêu đêm.*

2.- Bầu hương ước. Ngoài luật vua, ngày xưa mỗi làng có thể bầu những điều lệ riêng, gọi là "Hương Ước", trình lên huyện, phủ để chấp thuận. Những hương ước (hay "lệ làng") ấy lại thường được dân gian tuân theo chặt chẽ hơn luật pháp của vua. Tục ngữ có câu: **Phép vua thua lệ làng.**

Chẳng hạn như trong Hương ước của xã Mộ Trạch, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (Bắc phần), ở điều thứ 6 có ghi: "Dân làng có việc tranh chấp phải qua Lý trưởng xét xử trước đã, không được kiện thẳng lên huyện, phủ, nếu không tuân, bị phạt một trâu và sáu vò rượu".

Trường không thể không nhắc đến cuộc "vua trưng cầu dân ý" lịch sử nhất của dân tộc Việt: Vào năm 1285, khi quân Nguyên tràn sang xâm chiếm nước ta, Trần Nhân

Tông triệu tất cả bô lão trong nước đến điện Diên Hồng để hỏi ý kiến của toàn dân nên đầu hàng hay chống lại. Tất cả bô lão đồng thanh hô to: "Xin đánh!"

3.- Quyền ứng thí – Nước ta vào đời nhà Trần, năm 1227, có khoa thi đặc biệt cho những người tu hành để làm đạo sĩ, tăng nhân, gọi là "thi tam giáo", thí sinh là những người nổi nghiệp các nhà Nho giáo, Đạo giáo và Thích giáo. Năm 1228, mở kỳ thi "Lại viên bằng thể thức công văn", chọn người vào làm việc thuộc lại các cơ quan chính quyền. Thí sinh là những người có học hành chút đỉnh, chỉ cần biết qua các thể thức văn thư. Năm 1232, mở Quốc Tử viện cho con các quan văn vào học để dự thi. Năm 1252, cho con thường dân người nào tuấn tú cũng được theo học với con các quan ở Quốc Tử Giám để cùng đi thi với nhau. Như vậy, mọi người đều có quyền đi thi.

4.- Quyền đổi giai cấp - Đời nhà Trần, từ các nhà tu hành, các người có học chút ít, cho đến con thường dân tuấn tú, mọi người trong nước, bất cứ sang hèn, đều có quyền đi thi, bình đẳng nhau, nếu ai thi đỗ sẽ được ra làm quan. *Từ hạng bản nông, được chuyển sang hạng quyền quý*, như thế quả thật không có ranh giới cứng rắn giữa các giai cấp ở xã hội Việt Nam từ thời xa xưa.

Đến thế kỷ 15, đời nhà Lê, bô tục con cái các đại thần nổi nghiệp cha, ra làm quan. Mà từ nay muốn ra làm quan phải thi đỗ. Toàn dân có quyền đi thi. Mọi người đều có cơ hội nhờ thi đỗ mà trở nên có quyền bính, sang giàu. Thế kỷ 19, đời nhà Nguyễn, việc thi cử cũng như trước, lớp trí thức xuất thân khoa cử được coi trọng. Hàng quý tộc, cha truyền con nối như thời Lý Trần không còn nữa. Với học vấn người ta có chuyển đổi giai cấp một cách dễ dàng.

Tóm lại, về các quan niệm "trung quân", "tổ chức thôn xã", qua truyện kể, các câu ca dao, tục ngữ, ta nhận thấy Việt Nam từ xưa đã có một thể chế rất đặc thù, không giống một nước nào đương thời, kể cả Trung Hoa, đặc thù là từ triều đình cho đến thôn xóm, sự *tương quan giữa nhà vua và người dân* xây dựng trên tinh thần ưu quân, ái dân, được làm vua thua làm giặc, giải ngộ vai trò độc tôn thiên mệnh của vua chúa; *tương quan giữa triều đình và hương thôn*, phép vua thua lệ làng, mọi người đều có quyền đi thi, thi đỗ được làm quan, thay đổi tình trạng và giai cấp trong xã hội.

Tất cả đã xây dựng trên tinh thần **tôn trọng quyền dân, để hình thành một thể chế độc đáo vừa quân chủ ở thượng tầng, vừa dân chủ ở làng xã.**



Nhìn tấm bia tưởng niệm ở Galang suy nghĩ về Hòa Giải

● Trần Trung Đạo

Dấu tích của con người trên địa cầu không chỉ là Kim Tự Tháp, Angkor Wat, Mona Lisa hay những bản giao hưởng bất tử mà còn là Auschwitz, Armenia, Rwanda và nhiều hành động diệt chủng tàn bạo và bất nhân khác. Thật vậy, bên cạnh những bậc thánh nhân mang lại an lạc và giải thoát cho con người, những nhà khoa học có khả năng sáng chế những cái hay cái đẹp để làm thăng hoa cho cuộc sống, cũng có những ác nhân như Hitler, Pol Pot, Stalin, Bin Laden lại có thể nghĩ ra những cách giết người vô cùng dã man, tàn độc.



Bia mộ tưởng niệm thuyền nhân tỵ nạn CSVN đã bị đập phá ở Galang. Vì ai? (ảnh nhận ngày 16/5/2005)

Nhắc đến Bin Laden, tôi lại nhớ đến biến cố 11 tháng 9 năm 2001. Tôi làm việc trong ngành tài chính và nơi tôi làm việc cũng có tên là World Trade Center, mặc dù không phải là World Trade Center New York. Đồng nghiệp của tôi, trong đó nhiều người tôi quen biết, làm trong tòa nhà ngay bên kia đường của World Trade Center. Nơi tôi làm, giống như hầu hết các công ty tài chính khác, dọc bốn bức tường và các cột chính thường treo nhiều máy truyền hình để nhân viên có thể trực tiếp theo dõi biến động của thị trường đang diễn ra nhiều nơi trên thế giới. Buổi sáng ngày 11 tháng 9 năm 2001, thay vì nghe tin tức thị trường, tôi bàng hoàng nhìn cảnh khói lửa mịt mù đang trực tiếp chiếu trên hàng



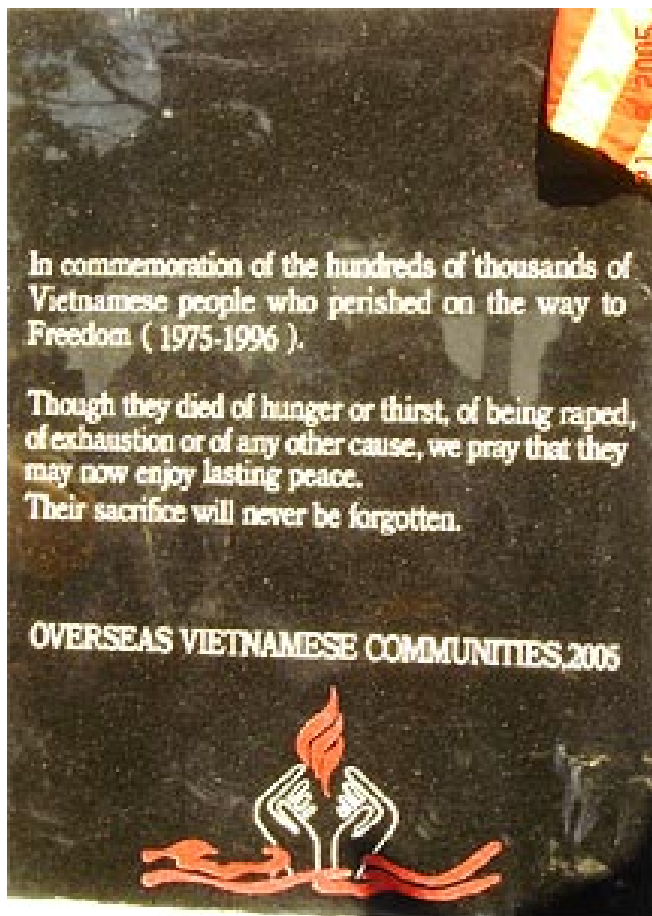
chục máy truyền hình. Hình ảnh chiếc máy bay thứ hai cất cánh từ thành phố tôi đang sống, lao vào tòa nhà phía nam của khu thương mại World Trade Center sẽ không bao giờ phai đi trong trí nhớ của tôi. Đứng nhìn cột khói bốc cao, tôi xúc động như đang đứng nhìn chính căn nhà mình đang cháy, và tương tự nhìn cảnh những người nhảy xuống trong tuyệt vọng từ những tầng lầu cao, tôi cảm tưởng những người thân yêu của mình lao vào cõi chết. Mỗi khi nhìn lại Ground Zero trợ trụ, từng là World Trade Center New York sầm uất, tôi lại chạnh lòng nghĩ đến những người dân vô tội đã chết. Tại sao những thành viên của tổ chức Al-Qaeda lại có thể làm công việc giết người tàn nhẫn như thế? Họ nhân danh ai và họ thật sự vì ai?

Thời gian qua đi, cuộc sống đã dần dần trở lại bình thường. Những chuyến bay cất cánh từ phi trường quốc tế Logan bên kia cửa sổ của phòng làm việc không còn làm tôi nghĩ ngợi xa xôi. Thế nhưng, tuần trước, khi nhìn vết tích của tấm bia tưởng niệm thuyền nhân chết trên đường vượt biển ở Galang bị nhà nước Việt Nam yêu cầu chính phủ Nam Dương đập bỏ, cơn xúc động khi nhìn cảnh Ground Zero, tưởng chừng như lắng xuống lại lần nữa nhói lên. Hai sự việc thoạt nhìn không dính líu gì nhau. Hai tòa nhà ở New York không phải là bia tưởng niệm; tổn thất vật chất ở New York lên đến hàng trăm tỷ đô-la trong lúc tấm bia tưởng niệm đồng bào bạc phước ở Galang nhiều lắm là vài ngàn đô-la; số người chết ở hai tòa nhà thương mại New York là 2986 người trong lúc bia tưởng niệm ở Galang chỉ là một tấm đá đơn sơ. Có liên hệ gì chăng giữa hai di tích? Có chứ. Điều giống nhau không phải ở chỗ người chết mà là người sống, không phải từ phía nạn nhân mà ở kẻ gây ra tội ác, không phải thiệt hại về vật chất mà là những tác hại tinh thần, không phải ở hành động mà là suy nghĩ. Và quan trọng nhất, cả hai sự tàn phá đều phát xuất từ những kẻ có cùng một tâm thức, mang cùng một não trạng, đó là tính cực đoan, hận thù và sợ hãi còn ám ảnh và đè nặng trong tư duy họ.

Tôi nghĩ đến nỗi bất hạnh của nạn nhân bởi vì tôi đã từng ở trại tỵ nạn và đã một lần phó thác cuộc đời mình cho may rủi trên vùng biển đó. Những ngày ở Palawan, tôi thường ngồi nhìn mặt trời lặn, tự hỏi phải chăng phía sau vàng rắng đỏ cuối chân trời kia là quê hương tôi, là Hội An, là Đà Nẵng thân yêu. Những hình ảnh mẹ lạc cha, vợ xa chồng, anh mất em, đứa bé bị bỏ quên đứng khóc trên đường ra bãi, chuyến hải hành vô định trên biển Đông trùng trùng gió bão, đói khát, lo âu, tuyệt vọng vẫn nhiều đêm trở về trong giấc ngủ tôi. Tôi vẫn nhớ phía cuối trại Palawan là một căn nhà nhỏ, lúc nào dường như cũng tối. Người đến trước bảo đó là chỗ ở của ba thuyền nhân còn may mắn sống sót từ chuyến ghe của gần một trăm người. Sau hai tháng trời chết máy trôi bèo trên biển, một trăm người khi ra đi đến nơi chỉ còn lại ba người. Ngoại trừ phái đoàn Cao ủy Tỵ nạn, ba người kia không tiếp xúc với ai, không tâm sự với ai, không chia sẻ với ai làm cách nào họ đã không chết đói, chết khát. Họ giữ cho riêng họ nỗi đau thầm kín, và tôi tin có thể sẽ không bao giờ ai biết. Phía sau trại là căn nhà của những người phụ nữ bị hải tặc hiếp dâm. Những phụ nữ bất hạnh kia lần tránh trong nhà, ít khi ra ngoài để khỏi nghe những lời hỏi han, dù chỉ để an ủi cho số phận hẩm hiu của họ. Nhiều trong số những người đi cùng ghe với các chị đã gờ thầy trên biển, bỏ xác trên các đảo san hô sau những lần bị hiếp dâm tập thể. Trên bờ cát Palawan, có một em bé chừng năm, sáu tuổi, mỗi chiều vẫn ngồi nhìn ra ngoài khơi như thói quen chờ mẹ đi chợ về, khác chăng, mẹ của em sẽ không bao giờ về nữa. Cha, mẹ, chị và em của em đã chết trong chuyến hải hành dài cả tháng trời. Không ai biết rõ em từ đâu ra đi. Nếu có người nào hỏi, em chỉ vồn vện trả lời rằng em đến từ Việt Nam, và

đó cũng là tất cả những gì em biết về gia đình bạc phước và đất nước đầy bất hạnh của em.

Hoàn cảnh tương tự như thế cũng đã xảy ra trong các trại tỵ nạn khác trong vùng Đông Nam Á như Galang, Bidong, Leamsing, Sungei Besi, Bataan, White Head, Panat Nikhom và hàng chục trại tỵ nạn khác, nơi nhiều trăm ngàn người Việt Nam đã một lần tá túc để chờ ngày định cư. Phần đông đồng bào đến trại sau khi đã trải qua một cuộc hải hành nhuộm đầy máu và nước mắt. Họ cố nuốt đau thương đưa tay cầm chén gạo tình người. Những tiếng thank you, merci, danke, gracias vụng về, ngượng ngập từ cửa miệng của những người ở tuổi ba mươi, và ngay cả năm mươi, bảy mươi nhưng chỉ mới bắt đầu tập nói.



Trong những đợt sóng người vượt biển từ sau mùa bão lửa 1975, bao nhiêu người đã ở lại trong lòng biển? Một trăm ngàn, hai trăm ngàn hay năm trăm ngàn như Liên Hiệp Quốc thống kê? Những con số mà chúng ta thường nghe, thường đọc, thật ra chỉ là những phỏng đoán để điền vào khoảng trống cần thiết cho một bản thống kê. Con số thật đã vĩnh viễn nằm yên trong lòng biển. Sáng nay, trên đất nước Việt Nam, có những bà mẹ già ba mươi năm sau vẫn còn nuôi hy vọng người phát thư buổi sáng sẽ trao cho mẹ lá thư đầu của đứa con ra đi từ nhiều năm trước. Đêm nay, có những người vợ nằm nghe tiếng lá rơi bên thềm mà ngỡ tiếng chân chồng mình trở về bên căn nhà cũ. Lịch sử rồi sẽ sang trang nhưng cái chết đau thương của hàng triệu người Việt Nam sẽ còn ở lại rất lâu trong lòng dân tộc như máu người Việt Nam sẽ không bao giờ phai đi trong màu nước Thái Bình Dương.

Ngày trước ở miền Nam, tuy khói lửa chiến tranh đang phủ một màu đen trên đất nước nhưng không một giáo trình tiểu học nào dạy trẻ em để thù ghét nhau, chém giết nhau.

Mỗi sáng thứ hai trên tấm bảng đen của lớp học bao giờ cũng có một câu châm ngôn đầu tuần thấm đượm tình dân tộc, lòng kính nhớ tổ tiên, ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Câu cách ngôn đầu tiên một học sinh tiểu học miền Nam được dạy nếu không là "một giọt máu đào hơn ao nước lã" thì cũng "nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng". Giống những người lính ngoài mặt trận đang ráng bảo vệ từng tấc đất, từng con sông, các thầy các cô trong ngành giáo dục cũng đã cố gắng giữ lại những đức tính nhân bản, dân tộc trong tâm hồn các thế hệ măng non miền Nam. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có đạo, có truyền thống kính trọng anh linh những người đã chết. Tình ruột thịt nghĩa đồng bào được hun đúc nhiều năm trong tâm thức đã thôi thúc những người còn sống sốt đưng lên những tấm bia tường niệm đồng bào ở Galang, Bidong và những nơi có dấu chân của người Việt tỵ nạn.

Một mặt của tấm bia ở Galang viết:

"Tuởng nhớ hàng trăm ngàn người Việt Nam đã thiệt mạng trên đường tìm tự do (1975-1996). Dù họ đã chết vì đói, khát, bị hãm hiếp, bị kiệt sức hoặc vì một nguyên nhân nào khác, chúng ta cầu xin rằng họ bây giờ được hưởng yên bình vĩnh cửu. Sự hy sinh của họ không bao giờ bị quên lãng. Các cộng đồng người Việt hải ngoại, 2005"

Tại sao những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, vốn thích nhân danh những điều tốt đẹp nhất trên đời, những lý tưởng cao thượng và vĩ đại nhất của nhân loại, lại có thể yêu cầu chính phủ Nam Dương, Mã Lai đập phá những tấm bia tưởng nhớ những người đã chết? Có gì trong những dòng chữ đó vi phạm đến an ninh quốc gia của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam? Có gì trong những dòng chữ đó xúc phạm đến các lãnh tụ cộng sản đã chết hay còn sống?

Không. Nếu có chẳng, trong tấm bia đá đơn sơ kia có dấu vết của những bào thai bị chết ngộp khi còn trong bụng mẹ, có tiếng khóc của những trẻ thơ đang đói khát, có giọt máu của người phụ nữ Việt Nam đau đớn trong bàn tay hải tặc, có tiếng gào tuyệt vọng của bà mẹ giữa cơn bão lớn ngoài khơi.

Chưa bao giờ trong ba chục năm qua, cụm từ "hòa giải dân tộc, xóa bỏ quá khứ" lại được nhắc đi nhắc lại nhiều như trong những ngày này. Các lãnh đạo Đảng và Nhà nước chủ trương hòa giải. Nhiều trí thức, học giả hô hào hòa giải. Nhiều nhà văn, nhà thơ cổ vũ cho tinh thần hòa giải. Nhiều vị lãnh đạo tôn giáo kêu gọi lấy tình thương xóa bỏ hận thù.

Thật ra, bản thân của cụm từ hòa giải không có gì sai trái, và tương tự, đem tình thương xóa bỏ hận thù là một tư tưởng vô cùng cao quý. Từ kinh nghiệm sống đầy thăng trầm và trắc trở của mình, tôi tin rằng tình thương là cứu cánh của mọi nỗi khổ đau, và tôi cũng tin rằng nỗi đau trong trái tim dân tộc hơn nửa thế kỷ qua, phải được hóa giải, không phải bằng "ai thắng ai" nhưng bằng tinh thần cảm thông, tình thương, bao dung và hướng thiện. Vâng, nhưng trước khi vượt qua quá khứ, mỗi người Việt Nam, từ cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước cho đến một người dân thường đang ở trong hay ngoài nước, phải can đảm nhìn vào sự thật, và những ai có trách nhiệm cho những tang thương đổ vỡ của đất nước phải biết thừa nhận những sai lầm và thực hiện các biện pháp căn bản để thay đổi đất nước. Con đường hòa giải là đại lộ hai chiều và là chiếc cầu nhiều nhịp. Không ai có thể đứng bên này sông ra lệnh người

khác bơi qua để hòa giải với mình. Tôi tin rằng khi nhìn vào sự khổ đau phải nhìn vào nguyên nhân của nó hơn là chỉ nhìn vào sự lơ lửng bên ngoài. Những lơ lửng hôm nay của đất nước bắt nguồn từ ba mươi năm đầy lầm lỗi của giới lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nếu thực tâm hòa giải, giới lãnh đạo Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam lẽ ra phải là những người dựng lên tấm bia tưởng niệm đó; lẽ ra họ là người phải lo chăm nom hương khói những phần mộ, hồi hương hài cốt những người đồng bào không may mắn bỏ thân trên xứ lạ quê người. Quá khứ tuy khó có thể quên ngay nhưng tôi tin dù nói gì đi nữa trong lòng con người Việt Nam cũng còn nhiều bao dung, tha thứ. Người dân Việt Nam dù bị lừa gạt năm lần bảy lượt nhưng trong trái tim của họ màu độ lượng vẫn đậm hơn màu thù hận. Chịu đựng trong cơn mưa dài nửa thế kỷ, dân tộc Việt Nam đang quá cần một ngày nắng đẹp. Hòa Thượng Thích Huyền Quang, một trong những nhà lãnh đạo tôn giáo bị tù đầy, hành hạ nhiều nhất sau 1975, nhưng trong buổi tiếp xúc với ông Phan Văn Khải tại Hà Nội ngày 2 tháng 4 năm 2003, cũng đã nhấn mạnh đến tinh thần hòa giải và sẵn sàng gác qua quá khứ đầy khắc nghiệt mà bản thân Ngài và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gánh chịu suốt gần ba mươi năm để cùng góp tay nhau xây dựng đất nước nếu Đảng và Nhà nước thành thật hối cải những sai lầm. Tiếc thay bao nhiêu cơ hội đã đến và đi trước thái độ thờ ơ của Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam.

Đối với những người lãnh đạo cộng sản, phương pháp truyền thống để gọi là "xóa bỏ quá khứ," không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nơi trên thế giới trước đây, đơn giản là đập bỏ, phá hủy. Những tội ác như Goulag và thanh trừng ở Liên Xô, Cách mạng Văn hóa và Công xã Nhân dân ở Trung Quốc, chính sách Năm Số Không (Year Zero) của Pol Pot ở Campuchia, tư tưởng Juche của Kim Nhật Thành ở Bắc Hàn, Cải Cách Ruộng Đất ở Việt Nam v.v..., tuy khác nhau về hình thức, mức độ nhưng đều bắt nguồn sâu xa từ lý thuyết cộng sản, đúng như Mác khẳng định trong Tuyên ngôn Cộng sản: "Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu".

Tôi biết điều đó và nhiều độc giả biết điều đó, nhưng đồng bào chúng ta với bản chất nhân hậu, thường có thói quen nghĩ rằng, dù sao những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam cũng sinh ra từ một đất nước có truyền thống văn hóa bốn ngàn năm. Dân tộc Việt Nam là một trong số rất ít quốc gia, ở đó người dân đã gọi nhau bằng hai tiếng đồng bào thiết tha triu mến. Tiếc thay, những gì vừa xảy ra ở Galang đã giết đi chút hy vọng cuối cùng ngay cả trong những người ôn hòa và kiên nhẫn nhất. Việc xúc phạm đến anh linh những đồng bào đã qua đời trong hoàn cảnh vô cùng thương tâm trên biển, không những xúc phạm vào vết thương vẫn còn đang mưng mủ mà còn đào sâu thêm sự rẽ chia, phân hóa hôm nay và nhiều thế hệ Việt Nam mai sau.

Hành động đập bia để phi tang còn là lời tự thú của giới lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với đồng bào Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng. Nói rõ hơn, họ công khai thú nhận rằng nếu không có Kinh Tế Mới, không có những Trại tập trung, không có kiểm kê tài sản, không có đổi tiền năm lần bảy lượt, không có lý lịch ba đời và hàng chục chính sách bất nhân hà khắc hơn cả thời thực dân thì em Hoàng Thị Thu Cúc đã không treo cổ ở Thái Lan, đồng bào tỵ nạn đã không tự thiêu, tự sát tập thể ở Sungei Besi, Galang, Bidong mười năm trước, không có thảm cảnh cha bị cạy tha trong rừng già và mẹ xác trôi bồng bềnh trên biển. Các chính sách trả thù tàn nhẫn, tiêu diệt mọi mầm móng chống đối đã đẩy hàng triệu người dân Việt không

còn chọn lựa nào khác hơn là ra biển để tìm đường sống trong con đường chết.

Trái với thái độ rụt rè đến mức, chỉ dám câu chào hỏi xã giao Tổng Thống Bush mà phải cầm giấy đọc như trường hợp ông Phan Văn Khải trong chuyến Mỹ du vừa rồi và sự hạ mình thần phục thiên triều Trung Quốc qua việc ông Lê Khả Phiêu ký hiệp ước biên giới lén lút năm 1999, Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam lại không có một hành động thành thật và cụ thể nào để chứng tỏ tinh thần hòa giải với những người cùng máu mủ với mình. Tại sao? Họ lấy lòng các nước lớn vì họ biết rằng các hình thức lật đổ chính quyền, các âm mưu đảo chánh, ám sát, vốn quen thuộc trong thời kỳ chiến tranh lạnh, đã trở thành lỗi thời trong thời đại kinh tế toàn cầu ngày nay. Mỗi quan tâm hàng đầu của chính quyền Mỹ không phải ai là người lãnh đạo Việt Nam hay đảng nào lãnh đạo Việt Nam nhưng ai đáp ứng nhiều nhất, phục vụ tốt nhất cho chính sách đối ngoại, đem lại nhiều mối lợi và tạo sự ổn định cho thị trường kinh tế thương mại của họ. Chính quyền Mỹ không quan tâm tài sản của ông Lê Khả Khiêu, ông Lê Đức Anh trị giá bao nhiêu, ông Đỗ Mười sở hữu bao nhiêu biệt thự, ông Phan Văn Khải có bao nhiêu triệu đô-la, và họ cũng không cần nghe, cần biết, cần thấy tuyệt đại đa số người dân Việt Nam đang sống những tháng ngày cơ cực ra sao trên vỉa hè góc phố.

Lịch sử bang giao quốc tế cho thấy rằng những khái niệm hận thù, thương ghét chỉ tồn tại trong con người chứ không bao giờ là những phạm trù quốc gia. Quốc gia chỉ có quyền lợi chứ không có bạn hay thù. Cuộc chiến tranh lạnh giữa tư bản và cộng sản đã tàn và các liên minh quân sự đang chuyển sang liên minh kinh tế. Do đó, những ai chỉ nghe câu kết luận của Tổng Thống Bush trong diễn văn nhậm chức: "*Tất cả những ai đang sống dưới chế độ độc tài bạo ngược và trong sự tuyệt vọng có thể biết là, Hoa Kỳ sẽ không làm ngơ trước tình trạng bị áp bức của các bạn, hoặc tha thứ cho những kẻ áp bức. Khi mà các bạn đứng lên vì tự do của mình, chúng tôi sẽ đứng về phía các bạn*" mà vội tin rằng vị Tổng Thống thứ 43 của Mỹ sẽ công khai và tích cực ủng hộ các phong trào dân chủ Việt Nam, có thể chỉ là một giấc mơ quá sớm. Với tổng sản lượng nội địa (GDP) vốn vụn 45 tỷ đô-la, không bằng hai phần ba GDP của thành phố Thượng Hải, Việt Nam còn quá xa, quá nhỏ để trở thành một hấp lực cho đầu tư quốc tế đừng nói chi đến việc cạnh tranh với thị trường Trung Quốc.

Dân chủ là lý tưởng cao đẹp, là nếp sống văn minh nhưng đồng thời cũng là món hàng vô cùng đắt giá. Bằng chứng, Anh, Mỹ, Đức, Pháp, Nga giành nhau để đem lại dân chủ cho Iran, Iraq trong lúc ba phần tư các quốc gia châu Phi hàng trăm năm nay vẫn còn chịu đựng dưới ách độc tài nghèo đói. Tại sao họ không giúp lật đổ các chế độ độc tài tại Congo, Gabon, Chad? Đơn giản vì các quốc gia đó quá nghèo, không có tài nguyên gì quý giá để đổi lấy món hàng dân chủ. Tháng 6 năm 1989, để bày tỏ thái độ ủng hộ phong trào dân chủ tại Trung Quốc và phản đối việc nhà cầm quyền đàn áp sinh viên một cách đẫm máu trong biến cố Thiên An Môn, các quốc gia Mỹ, Nhật, Pháp, Đức đồng thanh lên án, các công ty lớn đe dọa ngưng đầu tư, hủy bỏ hợp đồng, nhưng không bao lâu, đầu cũng vào đó. Một mặt, các Tổng Thống Clinton, rồi Bush tiếp tục chỉ trích tình trạng nhân quyền tại Trung Quốc, trong khi mặt khác, mười hai năm qua các công ty Mỹ đã đầu tư 450 tỷ đô-la vào Trung Quốc. Thị trường Trung Quốc với lao động rẻ mạt và sức mua lớn vẫn là miếng mỡ béo cho các con mèo tư bản. Vận dụng mọi điều kiện chính trị thế giới vào công cuộc phục hưng dân tộc là một điều cần thiết, tuy nhiên, trách nhiệm chính vẫn nằm trên vai của các thế hệ Việt Nam yêu nước chứ không thể trông chờ vào ai khác.

Một lý do khác khiến giới lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam không thực tâm hòa giải với nhân dân Việt Nam vì họ rất sợ sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam. Trung Quốc và Mỹ, vì quyền lợi kinh tế, có thể không quan tâm đến chuyện thay đổi lãnh đạo tại Việt Nam, nhưng nhân dân Việt Nam, nếu có cơ hội chắc chắn sẽ làm ngay. Các lãnh đạo Đảng biết rằng ngày nào dân tộc Việt Nam có cơ hội để đoàn kết nhau thành một khối thì đó cũng là ngày đánh dấu sự cáo chung của chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam. Bao nhiêu năm qua, cơ chế độc tài tồn tại nhờ vào sự hoài nghi Nam Bắc, sự phân hóa xã hội, sự chia rẽ trong cộng đồng dân tộc và họ luôn luôn tìm mọi cách để duy trì sự phân hóa, chia rẽ đó. Hành động yêu cầu đập bỏ những tấm bia tưởng niệm ở Galang là một phản ứng tuyệt vọng trước ánh sáng của sự thật. Sau ba mươi năm, đồng bào Việt Nam đã hiểu ra ai là nạn nhân và ai là những kẻ sống bám vào máu, mồ hôi và nước mắt của bao nhiêu thế hệ Việt Nam đã và đang đổ xuống.

Câu chuyện những sĩ quan và viên chức miền Nam bị tù ra miền Bắc trước đây là một bằng chứng. Khi đi ra họ đã bị dân chúng hai bên đường chửi bới, mắng nhiếc, thậm chí còn có kẻ ném đất, ném bùn vào họ, nhưng mười năm sau trên chuyến tàu vào Nam, chính những người từng tin rằng lính miền Nam thích ăn thịt người, đã nhét vội vào bàn tay tù xanh xao những điều thuốc lá, những củ khoai mì. Món



Biểu ngữ lên án hành động của Việt Cộng yêu cầu phá bỏ tượng đài kỷ niệm thuyền nhân ở Bidong và Galang

quả nhỏ nhoi không đáng giá bao nhiêu nhưng mang theo hơi ấm của tình dân tộc. Đồng bào miền Bắc cảm thông, thương xót người tù miền Nam không phải chỉ vì tình đồng bào ruột thịt mà thôi, nhưng quan trọng hơn vì họ đã thấy được sự thật. Thấy được sự thật, hòa giải sẽ tự nhiên đến mà không cần ai phải hô hào kêu gọi, và có thể lúc đó chuyện hòa giải sẽ không còn cần thiết. Tôi tin một ngày khi chế độ độc tài tàn lụi, những người lính cũ Nam Bắc gặp nhau, sẽ không ai còn hứng thú nói về những ngày ở Khe Sanh, An Lộc, Bình Long hay trong các trại tù Hàm Tân, Thanh Phong, Thanh Hóa, và cũng không thích nghe những lời xin lỗi nhau đã trở thành thừa thãi, mà sẽ nói nhiều về các con, các cháu của họ. Niềm hạnh diện của họ không phải là những tấm huy chương mà là công trình, dự án mà con cháu đang theo đuổi cho đất nước mình. Ngày đó, nhiều lắm, những ông già còn sống sót sẽ cùng uống với nhau một chén rượu nếp than, và như thơ Tô Thùy Yên, để gọi là "giải oan cho cuộc biển dâu này."



Hương Ơm

Thoảng vọng lời kinh ngất phổ trăm
 Bốn bề tình lãng cảnh như tâm
 Lòng lank sương thắm vườn thanh thảo
 Băng bạc trắng ngời ngộ quế tâm
 Ai hương đài hoa trời quán tương
 Tôi nghe ý nguyện gió hoà âm
 Hương Ơm thanh thoát bỏ vì điều
 Tiếng kẻ nào vang dậy biển ngàn

● Tuệ Nga

Phân tích như thế để cùng thấy rằng, khi nhìn lại chặng đường dài đầy bi tráng của dân tộc, tất cả chúng ta, dù Nam hay Bắc, cảm sung hay không cảm sung, dù trực tiếp hay gián tiếp tham dự cuộc chiến, vượt biên ra đi hay ở lại chịu đựng, nói cho cùng, đều là nạn nhân của phong kiến, thực dân và độc tài lạc hậu. Nỗi đau của ngư dân Thanh Hóa bị hải quân Trung Quốc giết mới đây hay thảm cảnh người vượt biển chết chìm trên biển Đông ba mươi năm trước đều là nỗi đau chung của dân tộc. Trách nhiệm đưa đất nước vượt qua hố thẳm độc tài lạc hậu để vươn lên cùng thời đại là trách nhiệm của mọi người Việt quan tâm đến số phận dân tộc mình. Một dòng sông không ra biển không còn là dòng sông nữa và dù rộng lớn bao nhiêu cũng chỉ là ao tù nước đọng. Dân tộc Việt Nam như một dòng sông lớn, phải vận hành theo luật tuần hoàn, tụ thành mây để làm nên những cơn mưa lớn và bay ra khơi để sớm trở về nguồn. Chúng ta đã từng chịu đựng như một dân tộc, và tôi tin chúng ta sẽ vượt qua như một dân tộc.

Trong ý nghĩa đó, tấm bia tưởng niệm ở đảo Galang không chỉ để tưởng nhớ đồng bào đã hy sinh trên đường tìm tự do, mà quan trọng hơn, đó là một phần của lịch sử Việt Nam. Một trăm năm sau, hai trăm năm sau, các thế hệ Việt Nam sẽ tìm đến Bidong, Galang, Palawan, Sungei Besi, White Head, Panat Nikhom v.v... để dò lại dấu chân của những người đi trước và lắng nghe tiếng biển thì thầm về một chặng đường bi tráng đã qua. Đập đổ tấm bia là một trọng tội với lịch sử, và giống như số phận của tập đoàn Taliban khi bắn sục các tượng Phật ngàn năm ở Afghanistan, không có đất sống cho những kẻ từ chối, khinh bỉ và hủy diệt các giá trị văn hóa thiêng liêng của dân tộc mình.

15 năm Đức thống nhất, nhìn người lại nghĩ đến ta.



Khi nói hay nhắc đến nước Đức hoặc Đại Hàn, người Việt chúng ta thường nghĩ đến một quốc gia cũng chiến chinh và đặc biệt, cũng bị chia đôi như Việt Nam. Một bên là Cộng Hòa Liên Bang Đức (gọi nôm na là BRD hay Tây Đức) và Nam Hàn, nửa bên kia là DDR (Cộng Sản Đông Đức cũ!) và Bắc hàn. Trừ Đại Hàn vẫn còn bị chia đôi, hai quốc gia Việt Nam và Đức đều đã thống nhất đất nước.

Như chúng ta biết, Việt Nam sau khi Hiệp Định Genève được ký kết thì bị chia đôi từ 1954. Miền Nam theo chế độ Việt Nam Cộng Hòa do cố TT Ngô Đình Diệm lãnh đạo và miền Bắc thì theo chủ nghĩa Cộng Sản, với danh xưng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Hồ Chí Minh cầm đầu. Trong khi đó thì Đức bị chia đôi sớm hơn sau khi nhà độc tài Hitler bị các cường quốc đánh bại và do tứ cường Nga, Mỹ, Anh và Pháp kiểm soát. Dưới sự đòi hỏi và xếp đặt của Anh Pháp và Mỹ, Tây Đức hay Cộng Hòa Liên Bang Đức (BRD) được thành lập ngày 24.5.1949. Cuộc bầu cử Quốc Hội BRD lần đầu tiên được tổ chức vào ngày 14.8.1949. Ba đảng CDU, CSU và FDP liên minh thành lập chính phủ và ông Konrad Adenauer được bầu lên làm vị Thủ Tướng đầu tiên của Tây Đức ngày 15.10.1949. Nga cũng đầu vữa, sau đó thì vùng Nga chiếm đóng cũng cho thành lập một quốc gia theo chủ nghĩa Cộng Sản, DDR vào ngày 7.10.1949, rập khuôn theo đường lối của Nga Xô, dưới sự lãnh đạo của Ulbricht, mãi tới năm 1971 mới bị Honecker thay thế cho đến khi Honecker từ chức trước khi DDR bị sụp đổ. Mỗi nước đều có quốc kỳ và quốc ca riêng tương tự như hai nước Việt Nam trước 1975.

Cuộc chiến tranh lạnh giữa các cường quốc, một bên gồm Anh Pháp Mỹ và bên kia là Nga vốn đã có từ sau 1945 ảnh hưởng nhiều đến tình hình chính trị BRD và DDR.

Nhằm bảo vệ chế độ chuyên chế vô sản và ngăn chặn dân tìm cách trốn khỏi Đông Đức (DDR) để sang Tây Bá Linh hay Tây Đức, Cộng Sản Đông Đức, dưới sự điều hành và kiểm soát của cảnh sát và quân đội nhân

dân, DDR đã cho xây bức tường ngăn cách hai bên Đông-Tây Bá Linh mà người Việt mình hay gọi là bức tường ô nhục vào năm 1963! Dẫu vậy, vẫn có nhiều người dân DDR vì không chịu nổi sự kềm kẹp của Cộng Sản (CS) đã tìm cách vượt hàng rào kẽm gai, vượt qua bức tường ô nhục đi tìm tự do. Một số ít may mắn trốn thoát. Nhưng đa số bất hạnh bị bắt cầm tù hay bị bắn chết "giữa vùng đất cấm" giống như số phận những người Việt Nam từ Bắc, trước 1975, muốn tìm cách vượt qua vĩ tuyến 17 để vào Nam tìm tự do, trước khi miền Nam Việt Nam (NVN) chưa bị CS cưỡng chiếm.

Tuy nhiên, sau hơn 40 năm theo chủ nghĩa CS, dưới sự chỉ đạo của đàn anh Nga Xô, CS Đông Đức, một thời đã được xem như là thiên đàng của các nước CS vẫn bị sụp đổ! Điểm khác nhau rất đặc biệt là so với Việt Nam thì sụp đổ của Đông Đức (DDR cũ) và từ đó đưa đến sự thống nhất nước Đức gần như không đổ máu! Ngược lại, ở Việt Nam, trong suốt 21 năm sau bị chia đôi cho đến khi thống nhất, miền Bắc luôn tìm cách xâm chiếm NVN bằng vũ lực do các đàn anh Cộng Sản Tàu, Nga và Đông Âu cung cấp, giúp đỡ gây nên cảnh huynh đệ tương tàn mà CS miền Bắc đã thành công, đưa đến sự thống nhất đất nước ngày 30.4.1975.

• Nguyên nhân DDR sụp đổ, đưa đến sự thống nhất Đức

.... Trong mỗi chúng ta, hầu như ai cũng nghĩ rằng khi Cộng Sản đã ngự trị đầu đó rồi thì đừng mong gì đến chuyện lật đổ CS được! Nhưng trên đời này chẳng có gì là tuyệt đối cả nên thiên đàng CS Đức đã bị xóa tên, chuyện mà chẳng ai ngờ đến! Nguyên nhân là vì đàn anh Nga Xô vĩ đại đã có ý định muốn cải tổ đường lối chính trị tại Nga vào giữa thập niên 90. Người đầu tiên có khuynh hướng này là ông Michail Gorbatschow, Chủ Tịch nhà nước kiêm Tổng Bí Thư đảng CS Nga. Vì muốn cứu vãn sự đổ vỡ của Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết nên Nga đã từ bỏ quyền thống trị của họ đối với các nước CS Đông Âu nằm dưới sự chỉ đạo của Nga thời bấy giờ. Và xa hơn nữa, Gorbatschow lại muốn thỏa hiệp, làm việc chung với các nước thuộc khối Tây Âu hơn xưa nay nên từ đó đã mở đường các phong trào dân chủ tại các nước Đông Âu ra mặt công khai hoạt động. Hung Gia Lợi (Ungarn) bắt đầu trước hết vào tháng 5.1989, tạo nên một lỗ hổng giữa những bức tường sắt. Vào tháng 11.1989, Hung đã hoàn toàn mở toạc ranh giới nước mình với các quốc gia Tây Âu và kể từ thời điểm này, hàng (?) người dân Đông Đức đã đi qua cửa ngõ Hung Gia Lợi, vượt biên sang Tây Đức tìm tự do.

Song song với làn sóng vượt biên tìm tự do từ DDR (Đông Đức) ngày càng lên cao, các phong trào dân chủ đối nghịch với chính quyền CS tại Đông Đức cũng lớn mạnh thêm. Dân DDR và những người đối kháng thuộc giới trí thức, văn nghệ sĩ v.v... đã mạnh dạn xuống đường và công khai lên tiếng đòi hỏi, đặt điều kiện với chính quyền CS đương nhiệm, điển hình là các cuộc biểu tình rầm rộ tại thành phố Leipzig vào dịp kỷ niệm 40 năm thành lập CS Đông Đức, ngày 07.10.1989, đã làm cho CS Đông Đức đại bại (Fiasko). Bên cạnh sự tổ

chức kỷ niệm của chính quyền CS, nhiều cuộc biểu tình qui mô chống chính phủ đã xảy ra tại nhiều nơi ở DDR. Cấp lãnh đạo CS Đông Đức đâm ra bối rối, họ không còn kiểm soát nổi tình hình. Tổng Bí Thư Erich Honecker đã phải từ chức vào ngày 18.10.1989, bắt đầu cho sự sụp đổ chế độ CS Đông Đức. Tổng Bí Thư kế vị, Egon Krenz không thể bình thường hóa lại được tình trạng xáo trộn ở DDR vì ảnh hưởng của nhà nước đối với quần chúng, những người từng bị kiểm kẹp trong suốt 40 qua, không còn nữa. Cuối cùng, toàn bộ chính trị đảng CS Đông Đức (SED) từ chức vào ngày 08.11.1989. Chiều ngày 09.11.89, bức tường ô nhục Đông Bá Linh bị phá, mở tung ra và chuyện nước Đức thống nhất kể từ thời điểm này không còn ai có thể ngăn cản nữa!

Ý định muốn thống nhất nhanh chóng của hai nước Đức đã được thể hiện qua kết quả cuộc bầu cử tự do bầu đại diện dân biểu nhà nước vào ngày 18.03.1990. Liên danh “Liên minh cho nước Đức”, chủ trương muốn thống nhất với Cộng Hòa Liên Bang Đức, đã thắng cử một cách rõ ràng. Tân chính phủ của Đông Đức, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch nhà nước Lothar de Maiziere liền bắt tay ngay vào chuyện hội thảo liên quan đến việc thống nhất nước Đức. Ngày 19.5.1990, một hiệp ước về kinh tế, tiền tệ và xã hội được ký kết. Bởi vì hệ thống kinh tế Đông Đức (DDR) không cho phép cải đổi nên Đông Đức đành chấp nhận hệ thống kinh tế của Tây Đức (BRD) vào ngày 01.7.1990. Ít lâu sau, hai bên thương thảo với nhau về Hiệp ước thống nhất tại Bá Linh. Trước khi chấm dứt thương lượng, Hội đồng nhà nước Đông Đức trong một phiên họp đặc biệt vào ngày 23.8.1990 đã biểu quyết chấp thuận Đông Đức gia nhập vào Geltungsbereich des Grundgesetzes (xin tạm dịch là Luật cơ bản có giá trị cho khu vực) vào ngày 03.10.1990, lý do là nếu không có sự đồng ý của tứ cường đang kiểm soát Tây Bá Linh lúc đó thì chuyện thống nhất nước Đức không thể nào thực hiện được.

Ngay sau khi chính đàn anh Nga Sô nhận thấy cũng không thể ngăn cản nổi sự thống nhất của 2 nước Đức DDR (Đông Đức) và BRD (Tây Đức) tứ cường Anh, Pháp, Nga và Mỹ (những quốc gia đã chiến thắng Đức trong đệ nhị thế chiến) đành phải chấp nhận giải pháp thống nhất hai nước Đức vào tháng 2.1990 sau một phiên họp với hai nước “BRD và DDR”, được gọi là phiên họp “2 cộng 4”. Những điều kiện để thống nhất được qui định trong Hiệp ước vào ngày 12.09.1990 và từ thời điểm này, Đức được trao trả lại quyền tự trị!

Tại Bá Linh, đêm **03.10.1990**, hàng ngàn người Đức đã xuống đường vui mừng sự thống nhất nước Đức, sau hơn 40 năm bị chia đôi. Ngày hôm sau, 663 đại biểu của Quốc Hội Tây Đức (BRD) và Hội Đồng nhà nước Đông Đức (DDR) họp chung tại Nghị viện (Reichstag). Lần đầu tiên kể từ năm 1933, cuộc bầu cử đại diện chung cho toàn nước Đức tại Quốc Hội xảy ra vào ngày 02.12.1990. Đảng CDU, dưới sự lãnh đạo của Helmut Kohl, lúc đó là Thủ Tướng của Tây Đức (BRD), đã thắng cử một cách rõ ràng và ngày 17.01.1991, Helmut Kohl (CDU) được bầu lên làm Thủ Tướng, vị Thủ Tướng đầu tiên của một nước Đức thống nhất, không Cộng Sản!

• Ảnh hưởng của sự thống nhất đối với Đức

Vì quá vui mừng nước Đức bất ngờ được thống nhất nên Helmut Kohl và chính phủ do CDU cầm quyền lúc bấy giờ không nắm vững được những khó khăn do CS Đông Đức để lại sau hơn 40 năm áp đặt chế độ chuyên chính vô sản tại đây, nhất là trên bình diện kinh tế, nên Tây Đức đã thừa hưởng một gánh nợ khổng lồ do CS Đông Đức để lại vì vậy tình trạng kinh tế của Tây Đức, từ một cường quốc trên thế giới, đã xuống dốc một cách khủng khiếp vài năm sau đó. So với những quốc gia khác thuộc khối CS Đông Âu và đàn anh vĩ đại Nga Sô cũng theo chân Đông Đức bị sụp đổ sau đó thì người dân Đông Đức có phần may mắn hơn và nhờ vào sự tài trợ không ngừng của Tây Đức nên sau gần 15 năm thống nhất, đời sống của dân Đông Đức không còn chênh lệch với dân bên Tây Đức bao nhiêu! Tây Đức hàng năm đã đổ không biết bao nhiêu tỷ Đức Mã để giúp cho dân chúng thuộc vùng CS cũ, trên nhiều phương diện: Từ việc kỹ nghệ hóa các hãng xưởng, sửa chữa và xây cất nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v... Ngoài ra, để cải tiến đời sống nghèo khổ bên phía Đông, chính quyền Helmut Kohl trước đây vì cần tài chánh nên phải sử dụng các biện pháp như tăng thuế, công nhân viên Tây Đức phải xuất lương hầu giúp đỡ đồng hương (Solidaritetsbeitrag) bên Đông Đức. Một điểm khác rất cách biệt so với Việt Nam dựa theo các tài liệu tôi đọc được là Việt Nam đổi tiền năm ba lần nhằm bản cùng hóa thành phần tư bản và tiểu tư sản mà họ nghĩ rằng còn giấu đầu đó chưa kiểm soát được thì Tây Đức trái lại, ngay sau khi thống nhất họ đã ban lệnh đổi tiền DDR, một đồng tiền thời đó không có giá trị gì nhiều so với đồng Đức Mã với tỷ lệ 1:1, giúp cho dân DDR, không phân biệt họ là đảng viên, con ông cháu cha hay dân thường gì cả bỗng tự nhiên có tài sản, rồi sau đó dân DDR với số tiền “trời cho” lại còn xây nhà hay mua xe đôi khi còn ngon lành hơn những người dân bên phía Tây. Trong khi dân miền Nam VN thì bị đánh thuế tư sản mại bản làm nhiều gia đình mất hết cả tài sản thì ngược lại ở Đức, dân DDR được ưu đãi hầu hết trên mọi phương diện làm cho dân chúng vùng CS cũ hứng chí làm ăn nên nền kinh tế sau thời DDR mới từ từ khá lên. Đó là chưa nói đến chuyện dân Tây Đức đặc biệt không mang hận, trả thù dân Đông Đức sau khi thống nhất. Dựa theo nhiều tài liệu của Đức và các phóng viên báo chí từ các nước Âu Mỹ, Đức không trả thù dân cùng chủng tộc! Cũng có vài vụ kiện tụng xử các đảng viên bắn chết hay bắn người bị thương khi dân DDR tìm cách vượt bức tường ô nhục để sang Tây Bá Linh tìm tự do nhưng bất cứ vụ kiện nào cũng có luật sư bào chữa. Lý do rất dễ hiểu, luật pháp Đức rất coi trọng quyền làm người. Hiến Pháp Đức đã qui định một cách rõ ràng: “*Nhân phẩm con người bất khả xâm phạm*”. Vì thế không có chuyện đem hàng loạt đảng viên hay quân cán chính thời DDR cho đi học tập cải tạo hay tống giam, tẩy não (ngoại trừ thời Đức quốc Xã!). Ngay cả Tổng Bí Thư cuối cùng của DDR, ông Egon Krenz cũng bị đưa ra tòa và chỉ bị phạt tù và nay đã được khoan hồng trả tự do. Không những thế chính những tay trùm mật vụ DDR,

từng sát hại bao nhiêu dân DDR vô tội cũng bị đưa ra tòa án xét xử một cách công khai, có luật sư biện hộ. Ngay cả những đảng viên hay tay chính trị gia gốc thời DDR giờ cũng thoải mái tham chính như Gysi hay Bisky v.v... chẳng hạn. Đó, sự khác biệt giữa DDR và Việt Nam sau khi thống nhất nôm na như vậy đó! Chưa kể đến chuyện đảng PDS, hậu thân của đảng Cộng Sản Đông Đức cũng được tự nhiên hoạt động trên chính trường Đức không gặp một khó khăn nào, họ hiện đã và đang ngồi tại Quốc Hội hay Nghị viện Đức với những chức vụ Nghị sĩ mà chẳng bị chính phủ Đức làm khó dễ. Ngay cả những nước CS thuộc khối Đông Âu cũ như Ba Lan, Tiệp, Hung Gia Lợi, Ru Ma Ni v.v... cũng không có xảy ra những vụ tổng giam rầm rộ hay trả thù những đảng viên, cảnh sát, quân đội và tay sai của chính quyền CS cũ, ngoài những vụ xử án lẻ tẻ. Những người CS ngày xưa họ vẫn được lập hội, lập đảng ra tranh cử với những đảng phái dân chủ đối lập một cách tự nhiên. Thậm chí họ được quyền tiếp tục tuyên truyền chủ thuyết CS vốn đã lỗi thời và ai còn nghe theo đó là chuyện riêng của người đó, dựa trên tinh thần tự do tư tưởng và dân chủ mà họ phải chấp nhận vì nhân dân muốn thế. Nói chung, nhân dân các quốc gia này, dân DDR cũ chỉ muốn có một đời sống ấm no, bình đẳng như nhau, có đầy đủ các quyền tự do, được sống an lành không còn bị kim kẹp hay muốn đi đâu thì đi không phải lo sợ bị theo dõi, ai làm nấy ăn v.v... Khi nào thì giới lãnh đạo VN chúng ta mới nhìn ra được cội rễ của vấn đề để tạo cho dân Miền Nam nói riêng và dân VN nói chung có được một cơ hội tương tự như BRD đã thực hiện cho dân Đức ở DDR?

Tóm lại, trong suốt thời gian qua mặc dầu Tây Đức đã cố gắng để biết bao nhiêu tiền của và công sức nhằm mục đích nâng cao đời sống, nền kỹ nghệ và kinh tế DDR nhưng cho đến nay chính quyền Đức nói chung đã không đủ sức và khả năng để san bằng lỗ hổng khổng lồ về tài chánh và kinh tế do CS Đông Đức để lại sau 40 năm thống trị trong một khoảng thời gian 15 năm sau khi nước Đức thống nhất được, kể từ ngày 03.10.1990! Nhìn người lại nghĩ đến ta. Việt Nam kể từ khi CS cưỡng chiếm xong NVN (30.04.1975) đưa đến sự thống nhất, thời gian lâu gấp đôi so với Đức nhưng VN nói chung vẫn còn èo ột, chưa khả quan mấy trên tất cả mọi phương diện: Kinh tế, tự do, nhân quyền v.v.... Nếu không có nguồn tài lực do những người tỵ nạn CS và số người VN được nhà nước cho phép xuất khẩu lao động từ hải ngoại gửi về không hiểu tình trạng kinh tế VN còn đi tới đâu? Những người có trách nhiệm đối với dân chúng VN **hãy bỏ** vài phút, bình tâm nhìn sang DDR, khối Đông Âu và khối Liên Hiệp Nga cũ thì rõ. Dân DDR nói riêng đâu ai bỏ quê hương xứ sở đi lánh nạn tránh Tây Đức đâu. họ đâu có rời bỏ DDR như VN đã làm chần động thể giới với hàng triệu người bất kể hiểm nguy tìm đường vượt biên, vượt biển? Họ an tâm ở lại quê hương xứ sở của họ. Một khi mà người dân được quyền tự do kinh doanh, tự do ngôn luận, tự do học hành và phát triển... nói chung có đời sống hoàn toàn tự do dân chủ thì họ mới có hứng thú làm việc và mới đóng góp tích cực vào sự phồn thịnh và phát triển quốc gia

được. Ngược lại, nếu làm mà chẳng được gì hết thì họ sẽ thụ động là chuyện rất dễ hiểu và đây là lý do DDR và Tây Đức khác biệt nhau một trời một vực trên tất cả mọi phương diện.

Tôi còn nhớ có lần tình cờ được nói chuyện với một gia đình đến từ Đông Bá Linh vào cuối thập niên 70, họ đã nói với tôi: “Như ông thấy đó qua Tivi và báo chí, hiện tại khắp nơi ở DDR đâu đâu cũng treo cờ đỏ có búa liềm, ngay cả tại những nhà ga U-Bahn nhưng... nếu ngày mai họ có cơ hội hay có thể treo cờ Xanh thì ông sẽ thấy ngay mọi nơi đều treo cờ Xanh”. Lúc đó tôi hoài nghi vì mấy ai ngờ nhưng 20 năm sau tôi mới nghiệm lại và thấy lời nói của gia đình kia hoàn toàn đúng. Dân DDR đã từ bỏ thiên đảng xã hội chủ nghĩa, đã vứt bỏ và đốt cờ Cộng Sản trong chốc lát và đã đập đổ bức tường ô nhục chỉ vì họ muốn nhìn thấy ánh sáng tự do, chỉ vì trong tiềm thức họ từ lâu rồi muốn được sống thoải mái không bị kim kẹp, muốn đi đâu chẳng ai cấm hay dò xét dưới một xã hội dân chủ thật sự! Một sự ao ước thầm kín nhưng chỉ chưa bộc phát ra thôi. Khi những yếu tố khách quan cho phép, họ không chần chờ, nắm lấy ngay thời cơ và làm sụp đổ cái thiên đảng xã hội chủ nghĩa DDR (vốn đã được những đàn em CS không ngớt lời ca tụng) trong một khoảng thời gian rất ngắn.

● Qua đó chúng ta học được những gì?

Chúng tôi trộm nghĩ, những gì mà một cá nhân, một tổ chức không hay chưa làm được, chúng ta có thể làm được nếu biết hợp quần gây sức mạnh, điển hình như ở Ba Lan, DDR, khối Đông Âu cũ ... Nhiều nước độc tài đảng trị tại Đông Âu đã bị lật đổ qua sự chống đối của người dân dưới sự điều hợp của những nhà chính trị đối kháng và gần đây nhất, ở Ukrain, dầu được Nga hết lòng ủng hộ nhưng phải nhượng bộ khối đối lập tổ chức bầu cử lại và cuối cùng chính quyền thân Nga bị khối đối lập hất văng đi và tại Libanon, nguyên cả một chính quyền từng có khuynh hướng theo nước Xy Ri (Syrien) đã phải từ nhiệm sau nhiều cuộc biểu tình chống đối chính quyền rất rầm rộ, không ngừng nghỉ của dân chúng. Lý do Trung Cộng đã phải tìm cách sa thải người tay chân của mình đang cầm quyền ở Hồng Kông cũng bắt đầu từ sự chống đối của người dân. Bằng từng đó thí dụ cũng đủ thấy tầm quan trọng của sức mạnh quần chúng. Các nước độc tài còn lại trước sau rồi cũng có ngày sẽ bị đào thải khi dân chúng đang bị kim kẹp đồng loạt đứng dậy, vấn đề chỉ là thời gian mà thôi như đã xảy ra trong quá khứ ở Chí Lợi hay tại Á Châu, Phi Luật Tân và tại Đông Âu nói chung, DDR nói riêng vào cuối thập niên 80 như chúng ta biết.

Hy vọng ngày ấy sẽ chẳng còn bao xa nữa đối với những nước còn độc tài đảng trị để dân chúng những quốc gia này sớm được có một cuộc sống đầy đủ nhân quyền, tự do và dân chủ như ở Đông Âu và DDR.

Mong lắm thay!

● Lê Hoàng Thanh

- Tài liệu tham khảo:
- Die deutsche Einheit von A. Gerlach

„Angie" Angela Merkel

Tân Nữ Thủ Tướng Đức

● Lê Ngọc Châu



Tiền Sĩ
Angela Merkel
Nữ Thủ Tướng
đầu tiên của Đức

Người Mỹ đang xôn xao bàn tán, tự hỏi bà Angie, Chủ tịch đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (CDU) là ai? Dân chúng và ngay cả chính phủ Mỹ đang dự tính làm việc chung với „Angie", người thay thế G. Schroeder trong chức vụ Thủ Tướng, cầm quyền nước Đức. Mỹ tỏ vẻ hiếu kỳ. Tờ báo Mỹ „Wall Street Journal" đã so sánh bà „Angie" như nữ Thủ tướng Anh Margaret Thatcher trước đây. Mặc dầu Mỹ chưa rõ được đường lối chính trị của Angie ra sao, nhất là trên phương diện đối ngoại, nhưng qua sự đồng tình ủng hộ Mỹ của „Angie" trong chiến tranh I Rắc đã làm cho Mỹ chú ý. Nhưng với chủ trương chống Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập khối Liên Âu của „Angie" thì bà ta lại đi ngược lại ước muốn của Mỹ. Ngay cả chuyện cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Đức, Volker Ruehe, một người rất được chính phủ Bush và nội các Mỹ kính nể và đánh giá rất cao tuyên bố không ra tranh cử cho CDU nữa cũng đưa đến vài nghi vấn cho chính quyền Mỹ. Chính vì thế Mỹ mong đợi một sự thăm viếng của Angie để từ đó có thể tìm hiểu thêm về người đàn bà mệnh danh "Maggie của Đức". Không những riêng người Mỹ, nhiều người ngoại quốc khác và ngay cả dân bản xứ cũng chưa rõ „Angie" là một nhân vật như thế nào?

Vậy Angie là ai? Để giải tỏa thắc mắc trên, chúng tôi xin được giới thiệu đến quý độc giả về thân thế và sự nghiệp của nữ chính trị gia „Angie này".

„Angie" là bí danh đã được bạn bè đặt cho bà Merkel ngay trong thời gian còn đi học ở Đức! Sau này người Mỹ cũng đặt cho bà Angela Merkel bí danh „Angie" để dễ gọi từ khi bà ta bắt đầu nổi danh trên chính trường, nhất là từ lúc bà Merkel được bầu lên làm nữ Đảng trưởng đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (CDU). Sau khi được chọn làm ứng cử viên của CDU/CSU ra tranh cử Thủ Tướng Đức với Schroeder trong cuộc bầu cử quốc hội Đức vào mùa thu 2005 vừa qua, thì cái tên „Angie" lại càng quen thuộc hơn, cử tri Đức thường vỗ tay hô „Angie, Angie" để đón chào và ủng hộ bà trong những lần nói chuyện vận động bầu cử.

Bà Merkel sinh ngày 17.7.1954 tại Hamburg, tên thật là Angela Dorethea Kasner. Năm 1957 bà theo gia đình di cư sang vùng Templin (thuộc DDR) vì người cha nhận lãnh trách nhiệm điều hành một giáo khu tại Waldhof. Sau khi

xong Tú Tài vào năm 1973 tại Templin, bà Merkel theo học Vật lý học tại Đại Học Leipzig. Năm 1977 bà kết hôn với ông Ulrich Merkel nên có tên Merkel. Nhưng hôn nhân chỉ kéo dài được 5 năm. Bà đậu Tiến Sĩ Vật Lý Học năm 1986. Bà Merkel năm nay 51 tuổi, theo đạo Tin Lành. Bà chính thức hoạt động chính trị trong khoảng thời gian trước khi bức tường Đông Bá Linh sụp đổ- có thể nói là bà bắt đầu từ số không vì ít ai biết đến. Năm 1989, bà Merkel gia nhập phong trào nhân dân đấu tranh đòi dân chủ tại DDR mang tên Demokratischer Aufbruch (viết tắt là DA, tạm dịch là Nhóm dân chủ lên đường). Sau đó DA sát nhập vào CDU năm 1990. Từ đó con đường chính trị của bà Merkel, với chức vụ là đệ nhị phát ngôn nhân của phong trào DA dưới thời DDR lên như điều gặp gió. Sau khi Đức thống nhất, Thủ Tướng Helmut Kohl cất nhắc bà Merkel vào chức Bộ Trưởng Phụ Nữ và Thanh Niên liên bang trong nội các của TS Kohl ở Bonn (1991-1994). Tháng 6.1993 bà được bầu làm Tỉnh bộ trưởng CDU tiểu bang Mecklenburg-Vorpommern. Ngày 17.11.1994, Merkel được Thủ Tướng Kohl đưa qua làm Bộ Trưởng Môi Sinh liên bang Đức. Sau khi liên minh cầm quyền CDU/CSU và FDP bị thất cử vào năm 1998, bà Merkel được bầu lên làm Tổng bí thư đảng CDU vào ngày 07.11.98. Kể từ 30.12.1998 bà Merkel kết hôn với người bạn đời lâu năm là ông Joachim Sauer, một Giảng Sư Đại Học (Uni-Professor) nhưng không có con. Sau vụ xi-căn-đan quý đen của CDU bị phanh phui đưa đến sự từ chức của Helmut Kohl và W. Schaeuble vào năm 2000, bà được Đại hội đảng CDU tại Essen bầu vào chức Chủ tịch đảng, là nữ Đảng trưởng đầu tiên của CDU, một chính đảng của Đức khi mới vừa 45 tuổi. Tháng 10.2000 bà ta đưa ông Laurenz Mayer lên thay R. Polenz trong chức vụ Tổng bí thư đảng. Giới chính trị gia Đức có nhận định sai lầm và đánh giá thấp bà Merkel trước đó. Họ gán cho bà ta cái tên "Kohl Maedchen" (Cô gái của Kohl) và nghĩ rằng bà ta không có nhiều khả năng chính trị. Nhưng họ đã lầm! Merkel là người đàn bà nhiều nghị lực, tự tin và đầy tham vọng. Ai đã đi cùng bà trong những cuộc vận động tranh cử tại Kiel và NRW đều phải công nhận là bà ta tranh đấu đến cùng, không chán nản bỏ cuộc, nhất là cho chính con đường danh vọng về chính trị của bà. Vì thế bà Merkel đã củng cố được quyền lực cho mình trong nội đảng, từ từ loại bỏ dần những đối thủ của bà trong đó có cựu Chủ tịch khối dân biểu CDU tại Quốc hội Đức, Friedrich Merz, sau khi Stoiber thua SPD trong kỳ bầu cử 09.2002. Năm 2003 bà ta tái đắc cử vào chức Chủ tịch trong kỳ Đại hội đảng tại Leipzig. Năm 2004, bà Merkel đã thành công trong liên đảng CDU/CSU khi đề cử và bầu Horst Koehler vào chức Tổng Thống Đức, thay vì W. Schaeuble như nhiều thành viên trong hội đồng lãnh đạo đề nghị. Tháng 12.2004, lần nữa bà ta được tái nhiệm vào chức vụ Chủ tịch đảng trong kỳ Đại hội đảng tại Duesseldorf, nhưng chỉ với 88,4% sự ủng hộ của đảng viên, ít hơn 5,3% so với kỳ Đại hội đảng tại Leipzig. Uy tín của bà bị suy giảm một phần vì xi-căn-đan về tiền bạc của Laurenz Mayer nên vào tháng giêng 2004, bà ta đã đưa ông Volker Kauder lên thay thế Meyer vào chức vụ Tổng bí thư đảng CDU. Ba tháng sau khi thắng về vang trong kỳ bầu cử Nghị viện Kiel và Nghị viện NRW, loại SPD ra khỏi chính quyền sau 39 năm liên tục cầm quyền tại tiểu bang NRW, (chính quyền cuối cùng do Xanh-Đỏ nắm trên toàn nước Đức bị khai tử từ tháng 5.05), bà Merkel được đề cử làm ứng cử viên Thủ tướng cho liên đảng CDU/CSU trong cuộc tổng tuyển cử vào ngày 18.09.05 và cũng là người ứng cử viên phái nữ đầu tiên của Đức. Điểm đáng lưu ý là ngay sau khi được ban lãnh đạo liên đảng CDU/CSU bầu làm ứng cử viên Thủ tướng bà Merkel đã tuyên bố là bà ta sẽ đem hết sức lực để phục vụ nước Đức (Ich werde Deutschland dienen!).

Trong lần bầu cử Quốc Hội hôm 18.09.05 vừa qua, bà Merkel đã thắng Thủ Tướng G. Schroeder, tuy không về vang cho lắm. Dự tính liên minh với FDP như đã tuyên bố trước khi bầu cử để hất Xanh-Đỏ ra khỏi chính quyền bất thành vì không được sự ủy nhiệm của cử tri Đức, nên CDU/CSU chỉ có thể liên minh với đảng SPD để lên cầm quyền. Trong trường hợp này thì „Angie“ Angela Merkel sẽ trở thành bà nữ Thủ tướng đầu tiên và trẻ tuổi nhất của nước Đức. Bà "Angie" đang bước lên nấc thang danh vọng cao nhất dành cho một nữ chính trị gia xuất thân từ cộng sản Đông Đức cũ, đã trải qua 15 năm học hỏi kinh nghiệm trên chính trường.

Lúc đầu, Schroeder và SPD tuy thua phiếu liên đảng nhưng cứng đầu không chấp nhận thua, đặt điều kiện một liên minh giữa SPD và CDU chỉ có thể thành hình nếu Schroeder vẫn giữ chức Thủ Tướng nhưng sau đó SPD đành phải nhượng bộ vì phản ứng của CDU và các chuyên gia chính trị tên tuổi của Đức, ngay cả từ trong nội đảng của SPD lên tiếng chỉ trích thái độ trịch thượng (không chịu nhận thua) của Schroeder và ban lãnh đạo SPD cũng như chỉ trích nặng nề SPD đã coi thường nguyên tắc bầu cử dân chủ của Đức từ hàng chục năm qua. Cuối cùng Schroeder bỏ cuộc, tuyên bố không giữ một chức vụ nào cả trong nội các của bà Merkel, mở đường cho cuộc thương thảo để thành lập một liên minh lớn giữa liên đảng CDU/CSU và SPD.

Sau 39 năm liên tiếp đối nghịch nhau trên chính trường Đức, lần thứ hai trong lịch sử Đức, một liên minh lớn được thành hình. CDU/CSU và SPD sau 4 tuần hội thảo đã thỏa thuận với nhau hôm 12.11.05 một hiệp ước cầm quyền cho nhiệm kỳ 2005-2009.

Sau khi Đại hội đảng CDU/CSU và SPD thông qua hiệp ước hai bên đã ký kết, hôm 22.11.05 bà Tiến Sĩ Angelika Merkel được khối dân biểu của liên minh lớn gồm CDU/CSU và SPD tín nhiệm bầu vào chức vụ Thủ Tướng thay thế ông Schroeder (SPD) và trở thành vị Nữ Thủ Tướng đầu tiên và cũng là người Thủ Tướng trẻ nhất trong lịch sử nước Đức.

Trong những người đàn bà đang nắm quyền chính (bà Gloria Macapagal Arroya (57 tuổi), Tổng Thống Phi; bà Chandrika Kumaratunga 60 tuổi, Tổng Thống Sri Lanka; bà Helene Clark, 55 tuổi, Thủ Tướng Neuseeland; bà Begum Khaleda Zia, 60 tuổi, Thủ Tướng Bangladesch; bà Dias Diogo, 47 tuổi, Thủ Tướng Mosambik; bà Carmo Silveira, 45 tuổi, Thủ Tướng của Sao Tomé và Príncipe; bà Tổng thống Ireland Mary McAleese, 54 tuổi; bà Vaire Vike-Freiberga, 61 tuổi, Tổng Thống Lettland; bà Tarja Halone 61 tuổi, Tổng Thống Finland; bà Simona Morganti, 61 tuổi, Tổng Thống San Marino) thì bà Merkel có thể nói là người có quyền lực mạnh nhất vì là Nữ Thủ Tướng của Đức, một cường quốc về kinh tế trên thế giới. Tiến Sĩ Angela Merkel đã đạt được tham vọng cao nhất của một nhà chính trị và có lẽ ngày 22.11.2005 là ngày mà „Angie“ sẽ không bao giờ quên được!

Biết đâu "Angie", một con chiên Tin Lành ngoan đạo, vốn đã từng có nhiều kinh nghiệm sống dưới chế độ Cộng Sản DDR cũng như đã từng tham gia vào phong trào nhân dân đấu tranh đòi tự do dân chủ sẽ đem lại nhiều bất ngờ và hy vọng trên phương diện chính trị, nhất là yểm trợ dân chúng những nước nhược tiểu nói riêng đang sống tại các nước còn theo "xã hội chủ nghĩa" vốn đã lỗi thời trên lãnh vực đòi hỏi tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản của con người như tự do tín ngưỡng, ngôn luận, báo chí, kinh doanh ...•

Đôi cánh thiên thần

● Tuệ Nga

*Em giang đôi cánh
Đôi cánh thiên thần
Em bay lượn thênh thang
Đôi cánh em,
thành chữ Việt Nam*

*Trên nền trời xanh thắm
Chữ Việt Nam tươi thắm
Giải thiên hà chớp sáng reo vui... reo vui*

*Ôi, chữ Việt Nam
Quê Hương em, Quê Hương tôi
Em, đôi cánh thiên thần da vàng
Em bay khắp trời Nam
rồi từ Trung ra Bắc
Cánh thiên thần thênh thang...*

*Trời thanh thanh, ai khắc chữ Việt Nam
Chữ Việt Nam sáng tươi Hồn Dân Tộc
Qua quay cuồng bão lốc
Qua nạn kiếp oan khiên*

*Đôi cánh em êm êm
Em bay lượn khắp vùng trời Quê Mẹ
Ôi, đôi cánh thiên thần diễm lệ
Bay miệt mài em xóa bỏ lẫn ranh
Không biên giới đời êm ả thanh bình
Hỡi đôi cánh mỏng manh,
Cánh thiên thần em mang Hồn Vũ Trụ
Dem Mùa Xuân cho muôn nẻo đường đời*

*Em, đôi cánh thiên thần
hay nguồn thơ trác tuyệt
Giang cánh em bay mê mãi khắp cùng trời
Có lúc nào em ghé lại hồn tôi
Ta sẽ viết... bài thơ Nắng Mới
Em ơi, tôi vẫn đợi
Đôi cánh thiên thần, tuyệt vời
tôi vẫn đợi chờ em,
Có ngọn gió nào vừa thoảng qua thềm
Tôi hân hoan tưởng như em vừa tới
Cho vườn đời... Xuân Mới Lại Đơm Hoa...*

(Hồng Thành Giữa Thu 2005)

Y Dược Thường Thức

MELATONIN phương thuốc thần ?

Phải chăng Melatonin là hormon (nội tiết tố) giúp con người ở tuổi 100 vẫn trẻ như lúc 30 tuổi? Những nhà nghiên cứu qua thử nghiệm đã không xác định điều này.

Vào cuối năm 1980 các khoa học gia đã làm cuộc thử nghiệm ở chuột; những chú chuột nhất đang ở tình trạng thiếu hormon Melatonin được phân chia làm 2 nhóm: Một nhóm được điều trị bằng cách cho uống nước có chất Melatonin; nhóm kia thì không.

Sau 6 tháng:

- Cho thấy nhóm chuột không điều trị có tiến trình già, điển hình của loài chuột: Xuất hiện vùng da nhăn, hói rụng lông, hệ thống miễn dịch của chúng không còn phản ứng tốt, cho đến khi cuối cùng tất cả chuột nhóm này bị chết vì bệnh ung thư.

- Riêng nhóm chuột được điều trị bằng Melatonin thì hoàn toàn khác hẳn, lông của chúng mượt mà, thân thể thon thả nhanh nhẹn, kháng thể miễn dịch mạnh hơn và tốt hơn, trung bình tuổi thọ của chúng tăng 30% dài hơn so với cuộc sống của chúng.

Qua Melatonin hệ thống miễn nhiễm được tăng cường, quá trình lão hóa chậm đi nhưng đó chỉ là thử nghiệm ở loài chuột. Ở loài người thì có sự khác biệt. Chỉ riêng thực tế Tùng quả tuyền nơi mà Melatonin được tiết ra, phân bố trong não ở chuột và người có sự khác biệt, đó là điều mà các nhà nghiên cứu Mỹ phải nghi ngờ về phương pháp điều trị ứng dụng ở con người. Tùng quả tuyền, tuyền chỉ to bằng hạt đậu, nó là một phần của não nằm giữa đại não và tiểu não và trên sợi thần kinh liên hệ với mắt, phản ứng nhạy cảm với sáng và tối. Ánh sáng ban ngày làm ngưng (ngăn) sự tạo ra Melatonin; ban đêm trong tối sự sản xuất hormon này "chạy nhanh cao tốc". Melatonin là "người cho thời khắc, đồng hồ bên trong" chức năng cơ thể chúng ta. Tùng quả tuyền đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa nhịp điệu giữa ngày và đêm. Tác nhân làm rối loạn nhịp điệu tiết ra và ngưng tạo ra hormon này là sự làm việc ban đêm, làm việc ca đêm làm tiêu hao nhiều Melatonin, những người lớn tuổi lượng Melatonin thường ít hơn ở người trẻ tuổi, sự sản xuất Melatonin giảm đi vào tuổi 45.

Người ta nghi ngờ rằng, sự rối loạn về giấc ngủ ở người lớn tuổi một phần là do sự thiếu hụt Melatonin. Trước đây ở Mỹ có dược phẩm của Nhật được bào chế từ Tryptophan, một chất gần như Melatonin để giúp giấc ngủ được kéo dài, nó có thể gây tác dụng phụ nặng, nói một cách khác có thể dẫn đến cái chết. Không chỉ là vấn đề như việc dùng Melatonin làm điều hòa rối loạn về giấc ngủ đang bàn cãi mà ngay cả trong liệu pháp trị bệnh ung thư phối hợp Melatonin để tăng hiệu quả, hay để thử nghiệm với các chứng bệnh đau nhức đầu thì người ta thấy ở một số người giảm bệnh, một số người khác thì bệnh nặng hơn. Trong việc dùng để điều trị bệnh cao huyết áp, Melatonin có thể làm giảm bệnh cao huyết áp nhưng ở vài người tham gia vào thử nghiệm cũng không được tán thành, trước khi dùng Melatonin để trị cao huyết áp bệnh nhân cần phải được khám và theo dõi tác dụng trên người bệnh thận trọng trước khi quyết định điều trị.

Phải chăng Melatonin có tác dụng ngăn ngừa các bệnh như ung thư, xơ cứng động mạch, chứng hay quên (Alzheimer), chứng run rẩy? Thật sự qua các thực nghiệm ở

TẾT, XÓM MỘ



*Nghĩa địa góc quen chiều chợ Tết
Ông già mở lại gói đời quen
Bên kia chân mộ còn vương đất
Lót lá làm mâm đón tổ tiên!*

*Xóm Mộ chiều nay đều đủ mặt
Bà hai trà đá, má biên đê
Ông già móc bọc, cô mì gánh
Bày biện cùng nhau đón Tết về!*

*Đám trẻ bụi đời cùng nghỉ việc
Bầu cua cá cộp lắc say mê
Hạt dưa cán đỏ môi con gái
Xóm Mộ chiều nay bớt ủ ê!...*

*Xóm Mộ bao ngày không ánh lửa
Chiều nay nhang khói lại tu bề
Những chiều gió tạt đây hơi ấm
Một chút tình Xuân trên mỗi mê!*

● **PHƯƠNG TRIỀU**
(Trích Xóm Mộ, Xuân 1985)

các phòng thí nghiệm cho thấy hormon này có tác dụng làm tăng hệ thống miễn nhiễm (đề kháng cơ thể). Nhưng nó có hiệu quả tích cực hay không vẫn còn chưa rõ.

Về đề tài "Melatonin như một chất tuyệt diệu" đã được các khoa học gia vào cuối năm 2002 tại cuộc hội nghị lần thứ 3 mang tên "Aging Males", người ta đã thống nhất với nhau rằng: Melatonin không là nguồn trẻ hóa và họ đã chứng minh: Một hormon nào mà có thể ngăn cản quá trình lão hóa ở loài người cho đến nay vẫn là không có.

● **Quỳnh Hoa**

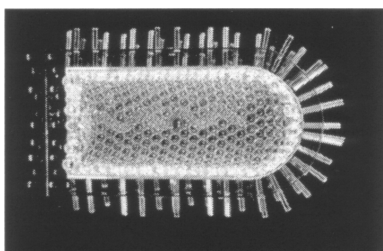
Quyền được chết

(right to die - das Recht zu sterben)

● Dr. Tôn Thất Hứa

Sinh lão bệnh tử. Chết là chấm dứt một cuộc sống thành thoi, từ bỏ những khổ đau của kiếp người, tránh được cảnh bệnh hoạn và trở về an nghỉ nơi cõi vĩnh hằng. Có vạn nẻo đường đưa đến sự chết.

Cuối năm 2004 thế giới bùng tỉnh trong ác mộng của sự tàn phá tài sản và đã cuốn theo không biết bao nhiêu mạng người của sóng thần tại Ấn Độ Dương – Tsunami. Các nạn nhân của thiên tai đã ra đi trong yên lặng, không một đống đau, có chăng đi nữa là trước khi bước vào cõi hư vô đã còn phải sống qua những giây phút hãi hùng cực độ.



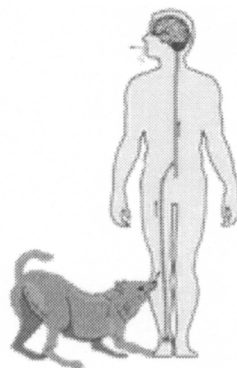
Ngày 25.02.2005 cả nước Đức lên cơn sốt vì một "xi-căn-đan" khổng lồ trong ngành phẫu thuật thay ghép cơ quan đã gây ra những cái chết tức tử. Định mệnh đã đưa đến khi cô Nadia M. 26

tuổi, sau 2 lần tim ngừng đập không có lý do rõ ràng mặc dù đã được các bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng rồi cũng không thoát khỏi lưới hái tử thần. Mẹ cô Nadia M. đã đồng ý cho phép hiến cơ quan để ghép. Khám nghiệm máu họ không tìm thấy cô Nadia M. bị viêm gan hay HIV... Các chuyên gia máu đã ban hành lệnh cho phép mổ lấy cơ quan. Có 6 bệnh nhân được ghép cơ quan, họ đang mong chờ có một cuộc sống lành mạnh tốt đẹp hơn. Họ yêu cầu rợn rùng thiết tha, họ chờ đón một nhiệm mầu của một ai đó hiến cho những cơ quan đang bị hủy hoại trong cơ thể họ.

- ⇒ 2 người mù được thay giác mạc, sinh sống tại Mainz.
- ⇒ 1 người đàn bà trẻ nhận được 2 lá phổi, sinh sống tại Hannover.
- ⇒ 1 chủ nhân gia đình 30 tuổi nhận được lá gan, sinh sống tại Rhein-Neckar.
- ⇒ 1 ông bị tiểu đường được ghép tụy tạng và 1 quả thận, sinh sống tại Marburg.
- ⇒ 1 bà hưu trí 70 tuổi được chia phần quả thận còn lại, sinh sống tại Marburg.

Những nạn nhân của nền phát triển y học nhất là phẫu thuật ghép cơ quan hiện đại đã tìm một cái chết dần mòn trong tức tử vì họ chưa muốn chết. Họ đã nhận những cơ quan bị nhiễm vi-rút bệnh chó dại của cô Nadia M. đã hiến sau lần nghỉ hè 3 tháng trước đó tại Ấn

Độ. Cô là nạn nhân của nha phiến hình như là Kokain, Ecstasy và Speed. Cô Nadia M. đã chết trước khi vi-rút bệnh lần mò đến não bộ nghĩa là bệnh chó dại chưa phát bệnh đang còn trong thời kỳ tiềm ẩn – incubation –



kéo dài từ 2 đến 8 tuần. Đố ai đủ nghĩ đến chuyện thử máu để tìm ra bệnh dại động trời !!! Oái ăm thay... vì ngay cả khi các chuyên gia máu muốn tìm cũng chưa thực hiện được. Y học hiện tại chưa có đủ khả năng tìm thấy vi-rút bệnh dại trong thời gian ngắn ngủi. Từ khi mổ lấy cơ quan ra cho đến khi phải được ghép, thì thời gian bảo quản chỉ cho phép được 12 – 16 tiếng đồng hồ trong lúc đó

muốn chứng minh được bệnh dại thì các phòng thí nghiệm hiện đại cho đến ngày hôm nay tại Âu Châu phải cần đến 2 – 3 ngày tích cực làm việc.

Mới đây tại bệnh viện Erlangen, một sản phụ dựa theo lâm sàng bác sĩ xác nhận là đã chết sau một tai nạn. Bà ta đang mang thai vào giai đoạn cuối của ngày sinh, các y sĩ phòng hồi sức đã nuôi bà cho đến ngày khai hoa nở nhụy bằng cách duy trì sự thở và hệ tuần hoàn. Y học đã thành công, cháu bé đã sống trong những ngày cuối cùng do chính máu của mẹ cháu chuyển qua cuống rốn (nhau) bào thai. Lúc cháu mở mắt chào đời là thời điểm mẹ cháu được khai tử trước pháp luật.

Ba vị thanh niên tuổi từ 20 - 22 đang ở trong tình trạng "thập tử nhất sinh" sau một tai nạn xe hơi. Xem xét hiện trường tôi yêu cầu tăng viện thêm xe cứu thương và y sĩ cấp cứu để chuyển kịp ba xác không hồn trong tình trạng giữa sống và chết... "living death". Đây là điểm bi thảm trong triết lý và sinh học. Chết không phải là chết mà sống thì không phải là sống... Chúng tôi cố gắng bảo toàn những cơ quan hiện đang còn làm việc mà bộ não đã chết về đến những phòng hồi sức các bệnh viện. Nhiệm vụ chúng tôi đã hoàn thành nhưng tôi cũng biết từ giờ phút đó cả là một tranh luận giữa các thầy thuốc nhiều chuyên ngành khác nhau với gia đình nạn nhân về vấn đề cho và ghép cơ quan.

Chưa có quy định chung cho thế giới, tuy nhiên CHLB Đức và các nước kỹ nghệ phát triển tại Âu Châu, đã có một đường hướng rõ ràng để quyết định giữa chết sống. Tại CHLB Đức giấy chứng tử, ví dụ sau tai nạn phải bắt buộc có 2 bác sĩ ký tên sau khi chứng nhận là não bộ đã chết nhờ :

- ⇒ triệu chứng lâm sàng,
- ⇒ khám nghiệm cận lâm sàng:
 1. não động đồ - E E G - elektroenzephalogramm, chụp cắt lớp não bộ (computertomogramm), chụp quang tuyến mạch máu não bộ
 2. một trong hai người thầy thuốc phải có nhiều năm kinh nghiệm
 3. Hai bác sĩ ký giấy chứng tử không được:

- nằm trong nhóm bác sĩ lấy cơ quan từ người chết ra, hay
- trong toán giải phẫu để ghép cơ quan cho người nhận.

Trong sự phát triển y học hiện đại các y sĩ có thể chẩn đoán chính xác để phân biệt được giữa sống và chết qua những phương pháp khác nhau. Các bác sĩ phòng hồi sinh đã nuôi những thầy ma hàng tháng dài bằng thở hỗ trợ, chuyển dịch trong khi não bộ xác định đã chết. Cắt máy thở để kết thúc một cuộc đời hay tiếp tục duy trì nuôi xác chết chập chờn chờ ngày tẩn liệm đó là cả một vấn đề nan giải chưa tìm ra một đáp số chung. Đã tốn hao bao nhiêu giấy mực, hàng ngàn buổi hội nghị đã diễn ra để thảo luận trên khắp hoàn vũ, để tìm một đường lối chung, một hướng đi đồng nhất cho y học... nhưng từ tranh luận đến khi tìm được một đáp số phải còn một đoạn đường dài liên tu bất tận. Trong 40 năm làm việc phòng hồi sinh tôi đã bàng hoàng gặp lại những người bệnh mà tôi đã được lệnh cấp trên phải cắt bớt thuốc men, cúp nước dẫn chuyển và dẹp bỏ máy thở hỗ trợ. Vâng, tôi đã có những giây phút hãi hùng cú tưởng là oan hồn về đòi mạng khi nghe chính miệng họ thốt ra: guten Tag Herr Dr Ton-That.

Vẫn có những trường hợp vượt khỏi quy luật thông thường, gây nên xáo động tinh thần cho quần chúng và nhúc nhúc óc cho giới cầm quyền.

Vào đầu năm 2005 câu chuyện thương tâm về quyền được sống hay phải chết của bà Terri Schiavo tại Hoa Kỳ lại xuất hiện trên trang nhất các tờ báo, giờ phát hình cao điểm và đè nặng trên tâm não người dân Mỹ. Cho đến tối ngày 27.03.2005, bà Terri Schiavo đã bị giam đói 9 ngày, ngay cả 1 giọt nước cũng không có; 9 ngày trôi qua, bà Terri Schiavo đang cố hít những luồng dưỡng khí cuối cùng để kéo dài cuộc đời bầm dập bon chen, đang tiêu dùng những năng lượng dự trữ cuối cùng của thân xác gầy xo yếu đuối, phấn đấu để tồn tại trong bản năng muốn sống của con người trước khi nhắm mắt xuôi tay về với tổ tiên ông bà. Bà Terri Schiavo đã nhắm mắt đầu hàng cho cái số phận tàn nhẫn của kiếp đoạn trường.

15 năm trước đây, bà Terri Schiavo, 26 tuổi cùng với gia đình sống ở vùng Tampa, Florida, mang những triệu chứng nhiều loạn dinh dưỡng vì lượng Potassium trong máu xuống thấp quá tim bà ngừng đập. Bà Terri Schiavo được cứu sống, thân xác bà còn nhưng não bộ đã chết và kể từ đó năm 1990. Bà Terri Schiavo sống cuộc sống như cỏ cây, sống mà như đã chết, sống mà không biết mình đang sống, không nhận biết ngoại cảnh, không nói, không suy nghĩ, không hiểu, không phản ứng. Bà Terri Schiavo vẫn thở, tim cứ tiếp tục đập để chuyển máu đi, có lúc mở mắt, có lúc khóc, lúc cười, lúc nhăn mặt, lúc quờ quạng tay chân lại có lúc ngủ say. Bà Terri Schiavo không nhai, không nuốt, không kiểm soát được vệ sinh như đi tiểu, đi tiêu... đó là hình thức sống vô thức, danh từ y học gọi là tình trạng **sinh thực dai dẳng (persistent vegetative state, PVS)** do trung ương thần kinh đã chết nhưng phần cuống não vẫn còn hoạt động để điều khiển các động tác cơ bản của sự sống. Cuộc sống kéo dài chỉ

trông nhờ vài lít nước cộng thêm các chất dinh dưỡng được chuyển vào mạch máu hàng ngày.

Với tư cách giám hộ và đúng luật định của Hoa Kỳ, chồng bà đã bao nhiêu năm không ngừng xin án tòa cho phép ngưng chuyển dịch và thức ăn vào cơ thể của bà Terri Schiavo để chấm dứt tình trạng nửa sống nửa chết của vợ. Nhưng cha mẹ bà Terri Schiavo không chấp nhận một cái chết bất buộc. Cuối cùng có một ông quan tòa phán quyết cho phép chấm dứt cuộc sống của bà Terri Schiavo. Thức ăn nước biển ngưng chuyển trong 6 ngày. Cha mẹ của bà Terri Schiavo kiện lên Quốc Hội và các nhà làm luật tiểu bang đã cấp tốc thông qua một dự luật khẩn cấp, bất thường chống lại phán quyết của tòa án. Ngày 21 tháng 10 năm 2003, Thống đốc Jef Bush của bang Florida ký ban hành luật. Ông chuyển thức ăn được nối trở lại, kéo dài kiếp sống thực sinh của Terri. Tổng Thống George W. Bush ủng hộ quan điểm của ông Bush em.

Từ đó đến nay, Michael Schiavo, chồng của người đàn bà bất hạnh đó, vẫn không ngừng tìm xin một án lệnh tòa án để chấm dứt tình trạng sống thê thảm của người vợ. Về phương diện pháp lý, cũng như về phương diện tình cảm, Michael Schiavo là người độc nhất trách nhiệm về cuộc sống của người vợ, và trong trường hợp bình thường, một yêu cầu như thế để được thỏa mãn nếu được bác sĩ điều trị và luật y xác nhận chính đáng. Nhưng trong trường hợp này, suốt 7 năm qua, 19 ông tòa tiểu bang Florida đã xét qua hồ sơ nội vụ, đã đồng ý với quyết định chấm dứt mọi nỗ lực trợ sinh nhằm kéo dài cuộc sống của Terri Schiavo, nhưng lần nào cũng vậy, các phán quyết đều bị chống đối, và bị chống án tại các tòa trên.

Phải có một cái gì đó bất ổn trong trường hợp Terri Schiavo. Tiền, tình, hay luật lệ thiếu rõ ràng? Có thể là cả ba.

Năm 1992, tòa xử hai bác sĩ có liên hệ trong nỗ lực hồi sinh Terri Schiavo phải bồi thường một số tiền cho Terri Schiavo với tội danh thiếu cẩn trọng. Michael được chia 300.000 US\$. Số còn lại được dùng cho mọi nhu cầu bình thường và y tế của Terri Schiavo (số tiền này nay cũng đã gần cạn). Trong ngày lễ tình yêu năm 1993, Michael, ngày đó còn sống chung với cha mẹ vợ, bị áp lực phải chia tiền. Michael từ chối. Mọi liên hệ giữa Michael và gia đình Schindler từ đó chấm dứt. Và cũng từ đó, Terri trở thành nạn nhân cho mọi tranh chấp giữa chồng và cha mẹ. Cả hai phía đều nhân danh tình thương cho một người đang nằm đó để hành hạ lẫn nhau, không ai chịu nhường ai. Mười lăm năm qua rồi, tình thương cũng đã chịu nhiều thử thách, đã mỗi mạt, nhưng hận thù thì còn đó, cứ mãi chen lấn vào đời sống của mọi người và còn chồng chất ngày càng cao lên. Ngày nay, Michael đã chung sống với một người đàn bà khác, đã có hai con, nhưng vẫn chưa thể làm giá thú với người này, vì những ràng buộc luật pháp chưa giải quyết được. Michael càng muốn dứt khoát với người vợ cũ, thì càng bị chống đối bởi gia đình vợ.

Mặt khác, tình trạng y lý của Terri Schiavo cũng đang là một tranh cãi. Terri vẫn còn sống, đó là một điều chắc chắn. Sống trong tình trạng thực sinh, hay trong một *tình*

trạng ý thức tối thiểu (minimally conscious state), thì lại là một điều khác. Những ai theo dõi truyền hình đều có cảm giác Terri vẫn còn là một sinh vật có ý thức, có một chút biểu lộ tình cảm: Bà mở mắt nhìn theo người thân, cố vận dụng bắp thịt trên mặt để nở một nụ cười, dấu cho những cố gắng đó chỉ thoáng qua. Nhìn Terri, mọi người vẫn có cảm giác nhìn một người sống (Phúc trình của bác sĩ William Cheshire, chuyên viên thần kinh học tại y viện Mayo: "... yet the visitor has the distinct sense of the presence of a living human being who seems at some level to be aware of some things around her."). Và nếu Terri Schiavo vẫn sống, vẫn còn chút ý thức, thì mọi hành vi trợ tử, hay mọi việc làm có chủ ý chấm dứt cuộc sống của bà, đều được pháp luật cho phép, là hành vi sát nhân, vì quyền được tìm cái chết không thể là quyền được ủy thác. Michael Schiavo không thể viện dẫn ý nguyện của Terri ngày còn trẻ, mong được chết không đau đớn, để ngày hôm nay bức tử người vợ. 15 năm trước, ở tuổi 26, đang độ thanh xuân, có ai nghĩ đến cái chết, có ai nghĩ đến viết một "living will." Điều bi thảm là ở chỗ đó. Không phải chỉ bi thảm riêng cho trường hợp của Terri Schiavo, mà cho bất cứ một ai khi phải đối diện với cái tàn nhẫn của định mệnh. Cầu mong cho Terri chết đi, là một thôi thúc sâu xa của lòng nhân ái, nhưng bỏ đói Terri cho đến chết là một hành vi độc ác, chắc chắn còn vô nhân hơn chích độc được cho người tử tử.

Chính vì lý do đó, sau khi Terri Schiavo bị ngưng chuyển nước và thức ăn vào ngày thứ sáu 18.03.2005, Quốc Hội đã nhân danh Hiến Pháp, nhân danh quyền sống của con người, cấp thời can thiệp. Đó là một nỗ lực song đảng, bipartisan, đệ trình dự luật cho phép cha mẹ của bà Terri yêu cầu tòa liên bang xét lại quyết định của tòa dưới để mở ra một cơ hội sống cho Terri. Tác giả dự luật, Dân biểu Texas Tom Delay, gọi tên dự luật là "Thỏa hiệp chủ nhật lễ lá", ***Palm Sunday Compromise***, vì được hình thành trong ngày chủ nhật lễ lá. Tất cả Dân biểu và Nghị sĩ được gọi về Washington DC trong ngày thứ sáu. Thứ bảy, Thượng viện thông qua dự án luật. Tổng Thống Bush ngưng ngưng cuộc nghỉ lễ tại nông trại Crawford, trở lại Hoa Thịnh Đốn ngày chủ nhật. Đồng hồ vữa nhích qua ngày thứ hai, Hạ viện thông qua dự luật với đa số tuyệt đối, và luật được Tổng Thống ký ban hành ngay sau đó. Trong trường hợp này, sự can thiệp của Lập pháp và Hành pháp vào các quyết định Tư pháp không phải là một vi phạm nguyên tắc phân quyền, cũng không phải là một sự giẫm chân vào nguyên tắc thượng tôn địa phương. Cũng không phải là một quyết định chính trị, dấu hậu quả sẽ nặng tính chính trị về sau. Bỏ qua mọi tranh cãi và kết cuộc, những thôi thúc đằng sau phải được xem như là một phản ứng của lương tâm khi người có trách nhiệm phải đối diện với một hành vi giết người. Chỉ tiếc mọi nỗ lực của Hành pháp và Lập pháp đã không thay đổi được cuộc diện, Chánh án tòa liên bang James Whittemore, ngay ngày thứ hai 22.03.2005 đã bác bỏ lời yêu cầu của ông bà Schindler. Những nỗ lực kế tiếp sau đó cũng thất bại.

Xin đừng tranh cãi vì mỗi người có cái lý riêng. Và ngay cả người trong cuộc, cũng có những lý do hành động riêng, những biến thái tình cảm riêng. Vâng, nếu

có tự do để tranh đấu cho quyền sống thì tranh đấu cho quyền sống, nhưng trong một khía cạnh nào đó cũng phải có **quyền được chết**.

Bây giờ thì đôi mắt của Terri Schiavo đã thất thần, lõm sâu hơn, môi khô cằn lại, da dễ nhăn nhúm hơn, hơi thở mệt nhọc hơn vì thiếu nước và cạn dinh dưỡng. Rồi bà lịm dần, tim ngưng đập vĩnh viễn. Bà từ bỏ cuộc đời ra đi, yên phận nghỉ ngơi, bỏ lại đằng sau mọi hận thù, bỏ cả nụ cười và tiếng khóc lại cho nhân thế. Nhưng bà chết yên phận bà, mà chuyện của bà chưa hết, vì người sống vẫn chưa học được thói quen sống trong phẩm giá, chưa bỏ được thói quen chia phần trên xác chết, nên vì vậy, vẫn chưa giành được cái quyền được chết trong phẩm giá, ***a death with dignity***.

Câu chuyện sống và chuyện chết đó thật sự không có chi mới lạ. Vấn đề ở đây là quyền được chết, ***right-to-die***, của con người. Cái quyền đó, cho đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Một thi sĩ, tôi không còn nhớ tên, viết bài thơ, trong đó có câu "*Đi với về cùng một nghĩa như nhau*". Tôi không nhớ trọn bài thơ, cũng không rõ tác giả muốn nói gì qua câu đó. Chỉ biết cái chuyện đi, về có lúc lẫn lộn trong tôi như chuyện đến rồi đi trong cõi tạm. Lẫn lộn như một vấn đề nhân sinh lớn, một ám ảnh dần vật kiếp người. Chuyện sống chết, thật sự, khác nhau nhiều lắm. Chỉ đến một lúc nào đó, con người phải gương ép chấp nhận cái lý vô thường để lý giải sự việc, vấn đề lúc đó sẽ trở nên một thái độ triết lý, để tự tìm cho mình một chấp nhận bình thản trước cái chết. Muốn hay không cũng vậy mà thôi.

Nếu cuộc sống con người là một món quà của Thượng đế ban cho thì những gì con người có được là đều do Thượng đế ban phát cả. Vào lúc cuối đời, là lúc trả lại tất cả từ tuổi thanh xuân, sự hăng say, tình yêu, hạnh phúc, sự tinh anh, sắc bén, lòng nhạy cảm cho đến ý sống. Tóc sẽ bạc trắng, rụng dần, mắt mờ, tai nghễnh ngãng, mũi không còn phân biệt mùi vị, răng không còn mạnh để nhai, phổi không còn trong để lọc khí trời, tim không còn mạnh để rung động, chân không còn vững để cất bước... Cuối cùng, cái còn lại chỉ là những bất khả, bất lực. Thật là một nỗi bi thương. Đến lúc đó, chấp nhận cái chết như một điều tự nhiên là hành vi can đảm độc nhất, là cơ hội còn sót lại trong đời sống để mỗi người chứng tỏ cái xứng đáng của mỗi cá nhân trong cõi nhân sinh. Nhưng cái chết không chỉ đến với tuổi già, và quả thật mơ hồ khi không được sửa soạn.

Còn chi một khi đã nhắm mắt, xuôi tay. Trong thực tế, dù nhận cái chết như một sự đương nhiên, nhưng đến lúc phải đối diện với cái chết, và biết rằng mình sắp chết là hai chuyện khác nhau nhiều lắm. Đến lúc đó mới thấy được sự sống quý giá đến chừng nào, và cái chết chỉ là những thê lương tốt cùng của cõi ý thức mà thôi.

Bỏ qua, không nói đến những luận thuyết, những suy tư nặng tính siêu hình, triết lý hay tôn giáo, nhân sinh về cái chết, thì ***chết (death)*** và ***cái chết***, hay con đường dẫn đến chết (***dying***), thì thực tế tự nó, trong ý nghĩa thuần thực nghiệm, cũng đã quá phức tạp.

Từ ngàn xưa, ***chết là hậu quả của tim ngừng đập, phổi ngừng thở***. Xác định đó đầy đủ và chính xác nhất,

dấu định nghĩa của chữ chết có thể không đơn giản như vậy, vì tính thực nghiệm không thể tồn tại nếu không có những liên đới và hỗ trợ của các ngành khoa học tâm linh. Nhưng từ những năm '60 của thế kỷ 20, những tiến bộ y học, với phát minh các máy trợ sinh (*life-support technology*), và các nguyên tắc cấp cứu được hệ thống hóa và phổ biến (*CPR, cardiorespiratory resuscitation*), các bác sĩ đã có thể giữ cho tim vẫn đập, phổi vẫn làm việc để đưa dưỡng khí đến nuôi dưỡng của các mô, bào, thì cái định nghĩa rất rõ ràng và đầy đủ này phải được xét lại vì không còn hoàn toàn đúng để có thể áp dụng cho mọi trường hợp tử vong. Vì tim đập, phổi làm việc không làm con người tỉnh lại, và có ý thức.

Do vậy, từ đầu thập niên '80, sự sống được định nghĩa bằng hai yếu tố: **tim, phổi còn làm việc, và não bộ còn sống**. Và định nghĩa về cái chết được xác định lại như sự ngừng đập của tim, phổi ngừng thở **hay** não bộ ngừng hoạt động (***loss of all independent lung and heart functions, or irreversible cessation of all functions of the entire brain***). Sở dĩ có sự phân biệt rõ ràng như vậy vì có nhiều trường hợp não bộ đã chết, nhưng tim, phổi vẫn làm việc, hoặc nhờ máy trợ sinh, hoặc do sự hoạt động dai dẳng của hệ thần kinh tự trị (* dinh dưỡng). Như vậy, **sống là mọi hoạt động của cơ thể nhằm giữ cho con người có ý thức, và chết chỉ là một sự chuyển thái sinh lý tâm thức từ cõi ý thức qua vô thức**. Tình trạng sống vô thức được xem là tình trạng sống như thực vật, mà tôi tạm dịch là tình trạng thực sinh từ danh từ y học ***permanent vegetative state***.

Điều bí hiểm trong triết học, cũng như sinh học, không phải là sống hay chết, nhưng là tình trạng chết trong khi còn đang sống. Đó là tình trạng "***living death***".

Năm 1975, một cô gái 21 tuổi, có tên là *Karen Ann Quinlan* bị kích ngất đến độ hôn mê vì uống rượu trộn chung với thuốc an thần. Cô được cứu sống nhờ các máy trợ sinh, nhưng não cô đã chết. Từ đó cô sống trong một tình trạng thực sinh dai dẳng. Cha mẹ cô cho rằng thật sự cô đã chết, và trong nhiều năm, không ngừng xin án lệnh tòa để ngưng các phương tiện trợ sinh. Nhưng các bác sĩ trong bệnh viện, dẫu rất thông cảm với gia đình, vẫn cho rằng cô chưa chết. Vụ tranh chấp quanh cái chết hay cái sống của cô kéo dài nhiều năm. Cuối cùng, một tòa án tại New Jersey ra phán quyết cho phép ngưng máy trợ sinh. Máy được ngưng, nhưng khốn khổ thay, tim, phổi cô vẫn hoạt động. Mười năm sau, cô Ann Quinlan mới thực sự được chết trong một nhà dưỡng lão vì bệnh sung phổi. Tại Mỹ, hiện tại có khoảng từ 14.000 cho đến 35.000 người đang sống trong tình trạng thực sinh dai dẳng này. Vụ án Ann Quinlan đã khơi dậy vấn đề quyền được chết, ***right-to-die***. Người sống có được quyền có tiếng nói trong cái chết của mình, có quyền chấp nhận hay từ chối các trị liệu y khoa, đặc biệt trong giai đoạn cuối đời đau ốm, bệnh hoạn triền miên (?). Nhờ vụ án Ann Quinlan, người sống ngày nay có quyền lựa chọn cho mình một cái chết êm đẹp, có thể viết lại ước muốn của mình (*living will*), hay cũng có thể từ chối mọi nỗ lực cứu sống, bằng cách

ký vào văn kiện DNR (*Do Not Resuscitate*). Trong trường hợp người bệnh không còn đủ tỉnh táo để quyết định, gia đình, thân nhân của người bệnh cũng có quyền yêu cầu điều này trong giờ lâm tử của người thân yêu. Luật pháp của nhiều quốc gia cho đến nay vẫn chỉ đi xa đến độ đó, và vẫn từ chối hay né tránh đưa ra những tiêu chuẩn cho phép chấm dứt đời sống thực sinh, và còn khó khăn, bất nhất và phức tạp hơn trong trường hợp bình thường, như một lựa chọn dựa trên ý niệm tự do. Ví dụ, tự tử vẫn được xem là một trường hợp bệnh lý tâm thần.

Điều cần phải hiểu cho rõ là *living will* (những dặn dò trị liệu trong cảnh tử sinh), chỉ cho phép một sự lựa chọn giới hạn trong phương cách trị liệu hay cứu tử người bệnh, hoặc dùng tất cả những phương tiện sẵn có để cứu sống người bệnh, hoặc ngưng hết mọi phương tiện trợ sinh để người bệnh được yên ổn ra đi:

(If, in the judgement of my physician, I am suffering with a terminal condition from which I am expected to die within six months, even with available life-sustaining treatment provides in accordance with prevailing standards of medical care:

I request that all treatments other than those needed to keep me comfortable be discontinued or withheld and my physician allow me to die as gently as possible, OR

I request that I be kept alive in this terminal condition using available life-sustaining treatment (THIS SELECTION DOES NOT APPLY TO HOSPICE CARE)

Cũng vậy, khi ký giấy "DNR- Do Not Resuscitate", mọi nỗ lực hồi sinh (ví dụ hô hấp nhân tạo, xoa bóp cơ tim, dùng điện kích thích cơ tim, thông ống phổi, đặt máy hô hấp, dùng thuốc trợ tim...) sẽ không được sử dụng trong mục đích cứu sống lại người bệnh. Trong cả hai trường hợp, người bác sĩ trị liệu, theo suy xét chuyên môn, vẫn có nhiệm vụ cho người bệnh thuốc giảm đau, chuyển nước cho người bệnh, cho người bệnh ăn, chích thuốc trợ sinh để ngăn chặn nhiễm trùng, hay cho thêm chất khoáng để sửa chữa mọi nhiễu loạn hóa chất trong cơ thể. *Người bác sĩ không có quyền để mặc cho người bệnh chết, không có quyền giết người bệnh vì bất cứ một lý do nào. Người bệnh, trong lúc tỉnh táo, có thể từ chối thức ăn, từ chối mọi trị liệu, có thể ký giấy AMA (Against Medical Advice), và xuất viện, nhưng người bác sĩ không thể toa rập với người bệnh hay gia đình người bệnh, để giúp người bệnh chết sớm hơn. Cái chết, do vậy vẫn là quyền tối hậu của Thượng đế, dẫu Thượng đế có hay không có.*

Từ 20 năm qua, đã có những hoạt động trợ tử (***assisted suicide***), hay giúp người muốn chết được "chết đẹp", ***euthanasia***. Assisted suicide, và euthanasia không giống nhau hoàn toàn, nhưng cũng đều nhằm giúp con người được chết khi cuộc sống không còn đáng sống. Vấn đề đặt ra là người bác sĩ có được cho quyền giúp

người bệnh tìm cái chết êm đẹp, hay chấm dứt đời sống của những đứa trẻ tật nguyên, mang tật nặng bẩm sinh, hay sống như cây cỏ hay không? Không cần viện dẫn các lý do siêu hình hay tôn giáo, câu trả lời vẫn rõ ràng là **không một biện minh nào đứng vững trước hành vi giết người, hay giúp người khác tự giết mình**. Y học, nói chung, và người y sĩ nói riêng, nhằm cứu người khỏi cái chết, và đưa lại cho con người một cuộc sống có giá trị (*quality of life*). Y học, trong bất cứ một tình trạng nào, cũng không thể nhằm đến mục đích chấm dứt đời sống của con người. Đó là một vấn đề đạo đức và đạo lý (*medical ethics, hay bio ethics*) bất biến.

Jack Kevorkian là một trường hợp đặc biệt, đáng kính sợ. Ông là một bác sĩ chuyên khoa về bệnh lý ở Michigan. Năm 1986, ông được biết một số bác sĩ tại Netherlands đã giúp đỡ một số bệnh nhân không còn thể cứu chữa được, hay đang bị hành hạ bởi những cơn đau khủng khiếp, được chết. Từ đó, ông vận động để giành quyền cho các bác sĩ được phép giúp bệnh nhân tìm cái chết, và ông đề ra ý niệm "*cái chết có sắp xếp, planned death*". Năm 1989, ông giúp người bệnh đầu tiên tìm cái chết bằng cách sáng chế ra máy bơm thuốc *potassium chloride*, thứ thuốc được dùng chấm dứt đời sống của những người bị kết án tử hình trong các nhà tù tại Mỹ, vào máu làm ngưng nhịp đập của tim. Máy đó được ông gọi là máy chết, *thanatron*. Cùng năm đó, người đầu tiên, có tên Janet Adkins, 54 tuổi, bị bệnh Alzheimer đã sử dụng thanatron để tự kết liễu đời mình. Kevorkian bị đưa ra tòa, bị kết án sát nhân (*second degree murder*). Nhưng ông được tòa trên tha bổng. Ông mất bằng hành nghề y khoa, không còn có thể mua thuốc KCl theo toa, nên lại sáng chế một loại máy trợ tử khác, gọi tên *Mercitron*, sử dụng chất than khí, *carbon monoxide*, để giúp người bệnh tự tử. Đã có trên 130 người tìm cái chết bằng máy mercitron. Năm 1998, Kevorkian bị kết án tù 10 đến 25 năm.

Trợ tử, như trong quan niệm Jack Kevorkian, hay chấm dứt cuộc sống của người bệnh ở thời cuối cùng, là những việc làm nhắm vào người sống, có nghĩa là con người còn ý thức. Ngược lại, những người trong tình trạng thực sinh dai dẳng không còn ý thức để quyết định đời họ, và cũng không ai còn có năng quyền pháp lý được ủy nhiệm (power of attorney) để đưa ra một quyết định được pháp luật công nhận. Tình trạng thực sinh dai dẳng do vậy đặt ra những vấn đề không thể giải quyết được cho những người thân, về phương diện pháp lý, hôn phối, bảo hiểm, tài sản, v.v..., nếu luật lệ hiện hành không được thay đổi.

Nếu luân lý và đạo lý không cho phép có những quyết định chấm dứt đời sống của bất cứ một ai, thì những người làm ra luật pháp có bổn phận tìm giải pháp cho những người liên hệ, để họ có thể tìm lại cuộc sống bình thường sau những đau thương xảy ra cho người thân của họ. Một số đề nghị đã được chấp nhận trong các cuộc hội nghị y học, xã hội và luật y có vẻ hợp lý,

● chuvuongmien

Thôi Hộ

*năm trước thôi hộ đến
nghe tiếng cười
năm sau thôi hộ trở lui
nghe tiếng khóc
đến và trở lui
khóc và cười
ngoài vườn hoa đào rơi*

Đau Thương

*trời nào mà chả gió
đất nào mà chả cây
gió nổi lên từ phía
cây gãy lá cùng bay
trời đất nổi giông bão
kiếp người sống lắt lây
qua một cơn gió bụi
kiếp người nơi nào đây?*

nhưng cho đến nay vẫn chưa thành luật. Những đề nghị đó là: Về phương diện y lý, tình trạng thực sinh dai dẳng được xem là vĩnh viễn 12 tháng sau khi bị tai nạn, hay 3 tháng sau khi não bộ chết vì nguyên nhân không do tai nạn. Cũng vậy, phải có một án lệ rõ ràng được ban hành như một đạo luật để, sau một thời gian luật định, chấm dứt tình trạng hôn phối, thanh toán tiền bảo hiểm nhân thọ, thi hành di chúc, giải trừ trách nhiệm dân sự cho những người trực tiếp liên hệ với người bệnh. Thời hạn đó có thể là 12 tháng. Cũng sau 12 tháng, trách nhiệm săn sóc, chi phí y tế cho những người được xem là thực sinh phải do chương trình Medicare gánh chịu. Một giải pháp như thế có thể được xem là hợp tình, và hợp lý. Nhưng tiếc thay cho đến nay, vì những lý do tôn giáo, chính trị, các nhà làm luật vẫn chưa tiến xa hơn chút nào trong lãnh vực tạo án lệ cho quyền được chết.●

Giới thiệu :

Tuyển tập

"Hiện Tượng Trương Vĩnh Ký"

Do Nhóm Chủ Biên các Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Đạt, Lê Thành Lâm và Phạm Hồng Đăng cùng Liên Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Nam Bắc California và Nhóm Petrus Ký, Org thực hiện vừa ra mắt ngày 06.08.2005 rất thành công tại Santa Ana (Orange County), có đông đảo các vị cựu giáo sư, cựu học sinh trường Petrus Ký và nhiều văn hữu, thức giả ở Nam Cali tham dự.

Bài viết sau đây là Lời Mở Đầu Tuyển Tập Hiện Tượng Trương Vĩnh Ký mà cũng là bài giới thiệu trang trọng về Tuyển Tập do Giáo sư Vũ Kỳ viết được in vào các trang đầu tác phẩm tổng hợp này.

Từ trước tới nay, ở trong ra đến ngoài nước, có biết bao nhiêu đặc san, tuyển tập, tài liệu nội dung sung mãn bàn về thiên tài siêu việt là nhà bác học Trương Vĩnh Ký. Nhưng quả chưa có tuyển tập nào nói về người, văn đi sóng đôi với nhạc (1), rộn rã, hứng thú đầy truyền cảm, mang tính dân tộc hứng khởi, thích hợp với nhân vật được biểu dương như ở tuyển tập Hiện Tượng Petrus Ký này. Các bài viết đặc sắc của các vị giáo sư, trí thức, văn hữu, mỗi người một vẻ, phát hiện cái đa tài, đa diện và cao hạnh của nhà học giả là những tiểu luận phong phú, súc tích, giải đáp bao nhiêu luận đề để biến hóa về nhà thông thái. Chính do cái giá trị tổng hợp ấy của tuyển tập làm cho sự tôn vinh về Người đạt được hiệu quả toàn diện mong ước hơn bao giờ hết. Và tác phẩm này trở thành một tài liệu hàng đầu tham khảo và tra cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Người (Deuvre de référence).

Nhìn bức hình Người chụp chung với 17 vị lỗi lạc khác trên hoàn cầu, tôi không thấy đó là một tấm ảnh đặc biệt, mà hơn thế nữa, tôi bỗng nghĩ đến hành tinh văn hóa Việt Nam cùng các tinh cầu văn hóa quốc tế khác nhíp điệu bay trên vòng cầu ngũ sắc thế giới, sáng chói và vinh dự biết bao! Chính vì thế mà tôi dám nghĩ rằng hai tiếng Hiện Tượng Petrus Ký mà các vị chủ trương tuyển tập này định tính cho nhân vật của chúng ta là một uyển từ còn quá nhẹ nhàng, chưa tương xứng với thiên tài bác học của Người.

Cách đây 3 năm, sang Paris, tôi có dịp nói chuyện với một nhà nhân chủng học Pháp là ông A. Smith, biết tôi là người Việt Nam, ông đưa ra lời nhận xét: "Ở đất nước ông, có hai đặc trưng văn hóa nổi bật, khó có nước nào có được: Một điều vạn hạnh là chữ viết của các ông. Điều thứ hai, một đại bất hạnh cho dân tộc Việt Nam, đó là đất nước luôn luôn bị xâm lăng và bị ngoại bang thống trị. Ngay bây giờ cũng thế dù là dưới một hình thức gián tiếp... Rồi ông nói tiếp: Về ngôn ngữ, ở Á Châu, vùng Thái Bình Dương, phải nói là chỉ riêng và gần như độc nhất một mình nước Việt Nam cách đây 2 thế kỷ đã bắt chước Tây phương dùng 24 mẫu tự la-tinh viết lên tiếng nói của mình một cách rất thành công, trong khi đa phần các quốc gia khác ở Thái Bình Dương như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và một số các nước khác cũng bắt chước La-tinh hóa, Âu hóa chữ viết của mình mà không thành tựu. Điều này thực là một lợi thế vô cùng to lớn của nước Việt Nam về mặt văn hóa nói chung và về viết lách, in ấn, truyền đạt tư tưởng nói riêng đó vậy".

Tôi trầm ngâm suy nghĩ và tưởng nhớ đến cụ Trương Vĩnh Ký của chúng ta. Từ khi các giáo sĩ Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha rồi đến Alexandre de Rhodes chung phần sáng chế chữ quốc ngữ - một thứ chữ thô sơ lúc ban đầu rồi mãi

đến sau này, ta phải công nhận rằng chính Trương tiên sinh là một người tiên phong để không nói là bậc tiên phong duy nhất khai sáng, phá vỡ cái luộm thuộm, u tối, mịt mù của chữ quốc ngữ trong nền quốc văn mới từ buổi sơ khai bằng gần 200 sáng tác phẩm đủ loại, đủ ngành của Cụ dọn đường cho sự gọn gàng, chính xác của nó được tô bồi tiếp theo bởi lớp nhà văn hậu tiến sau này.

Trương Vĩnh Ký tiên sinh phải nói là cha đẻ của nền quốc văn mới đó vậy. Lời nói ấy không phải là một ngoa ngữ hay một ngôn từ cường điệu vô căn cứ. Một nhà văn Hoa Kỳ có nói: "Không một sáng tác phẩm nào dù viết dở mà lại vô ích cho nền văn chương nước ấy. Tồi thiểu, tác giả đã góp thiện chí, trí tuệ của mình vào việc làm thuận thực và trau luyện tiếng nói".

Huống gì ở trường hợp Trương tiên sinh, không phải là những cuốn sách tầm thường mà người viết ra có đến 150 - có người còn nói đến gần 180 tác phẩm về đủ môn, đủ loại nữa, trong đó hơn 20 tác phẩm cổ văn được ông nghiên cứu, diễn dịch, kỹ càng giữa thời ấu trĩ của chữ quốc ngữ thì quả thực thiện chí cùng công trình đóng góp của người đã trau dồi và phong phú hóa chữ quốc ngữ càng đồ sộ đáng tôn vinh biết bao!

Xin không nói thêm và nói lặp lại về chân tài đa diện đa phương của Cụ về mặt ngôn ngữ, văn chương, văn hóa, về các sáng tác cùng những hoạt động về ngoại giao, chính trị, giáo dục v.v... của Cụ mà đã có nhiều vị giáo sư, văn hữu, thức giả trình bày vô cùng đầy đủ và đặc sắc trong tuyển tập này.

Còn nhớ trong bài diễn văn tôi đọc đại diện Bộ Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa ngày 02 tháng 8 năm 1973 ở Sài Gòn, tôi mạn phép nhắc nhiều đến danh tiết của con người nằm trong đạo sống của cụ mà tôi định tính là xuất chúng và biệt lệ, xứng đáng cho tất cả chúng ta học tập và ngưỡng mộ chính là sự hòa mình kỳ diệu của bậc sĩ quân tử Phương Đông, với người tín đồ bậc trí thức Phương Tây đó vậy. Tôi vừa nói đến hai tiếng danh tiết, tức là danh dự và tiết tháo của người. Cụ ra làm việc với Pháp, với Vua thời thực dân mà cũng có tiết tháo ư? Đúng vậy, chưa có ai đầy tiết tháo, kiên trinh, xán lạn như Cụ. Làm với Pháp mà không theo Pháp. Ở với họ mà không theo họ, "Sic vos non Vobis". Đó là châm ngôn và triết lý chỉ nam của đời Cụ. Tôi dám nghĩ rằng trên hành trình công vụ dài của Cụ, chung đụng gần gũi dai dẳng nhiều phen với các chức cao quyền trọng của chế độ bấy giờ, nào những lúc tham gia phái đoàn công du đi đây đi đó, nào những lúc sớm hôm dạy cho vua học, làm quan ở Cơ Mật Viện Huế, làm bạn thân tín với quan Toàn quyền, chắc đã có bao nhiêu trường hợp các vị quyền chức trên dùng tình cảm thẩm thiết đối với Cụ, đem mỗi phú quý, bả vinh hoa ra chiêu dụ và thuyết phục Cụ hoặc quá lắm còn có thể dọa nạt Cụ để làm cho người xiêu lòng; nhưng không, bản lĩnh vững như bàn thạch, Cụ điềm đạm khước từ; phong thái chính trực giữ cốt cách là nhà nho cao hạnh làm cho chính những đối tượng của Cụ phải khiếp phục, kính nể. Đã có lần Cụ bị ông Paul Vial, viên quan Pháp thay thế Toàn quyền Paul Bert vừa chết, ngưng chức và Cụ bị tình nghi là có dị chí muốn lật đổ nhà vua nữa là khác.

Không chống đối cực đoan như Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu mà cũng không xu phụ như Tôn Thọ Tường và bao kẻ khác, Cụ nhất mực gìn giữ truyền thống, không vô quốc tịch Pháp, không chịu cắt tóc, không vận Âu phục vẫn chít khăn đóng, mặc quốc phục, một mực lo tô bồi thâm lặng và kiên trì cho tương lai đất nước về phương diện văn chương (cổ văn, tân văn), văn hóa, văn học Việt Nam được trường tồn và phong phú, mong cải thiện phần nào số phận hăm hiu của quê hương về tư tưởng học thuật và kỹ thuật giữ một thời cuộc rất ư đen tối. Đến nỗi ai muốn bịa đặt lời để phỉ báng, đổ kỵ cụ thì đó cũng chỉ là điều vu khống vô căn cứ.

Tôi liên tưởng đến thái độ bất xứng hèn hạ của những kẻ thống trị say men chiến thắng hào đang tìm mọi cách xóa bỏ danh hiệu của cụ trên một biểu tượng văn hóa, giáo dục có truyền thống sáng chói lâu đời trên đất nước Miền Nam Việt Nam là trường Petrus Trương Vĩnh Ký tại Sài Gòn.

Điều ngu xuẩn này trái lại chỉ rước cho bọn họ tâm thuật vong ân, phi văn hóa, trái nhân bản và tư cách bất trí, bất tín, bất nghĩa của những con người hẹp hòi, đui chột, của những kẻ cuồng tín, vong bản thiếu chút tối thiểu lương tri và lưỡng thiện trí thức. Mà mọi người khinh miệt và ghét bỏ.

Xin nói thêm về một điểm son của người mà ít ai nhắc đến là Đạo Sống của người. Đạo sống của Trương tiên sinh là sự dung hợp đặc ý giữa nền đạo đức Nho gia và vốn trí tuệ của bực thức giả Phương Tây. Đó là cái thể trung hòa uyển chuyển đối phó với chế độ để còn được là chút gì hữu ích cho tiền đồ đất nước mà không vi phạm đến bản lãnh hướng thiện và hướng thượng của mình. Tâm tư của người bắt đi bất biến nhưng hình thành tế nhị khéo léo, bao dung được hướng đạo bởi cái tâm và không xa rời cái tâm định hướng. Tôi muốn nói đến tâm thức ái quốc dạt dào là hiện tượng thường trực luôn luôn âm ỉ trong tâm cảm của người. Cái hồn nước chất ngất tràn trải từ văn chương đến sự nghiệp của Cụ, làm nền tảng cho tính năng động của một con người không hề biết mệt mỏi, quyết cống hiến tinh hoa, trí tuệ mình cho nhân sinh và dân tộc. Đạo làm người của một nhà nho khiêm cung, thủy chung, trung thành đối với tổ quốc, bao hàm một triết lý xuất xứ linh động, hợp tình, hợp lý, giữa một thời cuộc mới xem tưởng như ổn định, nhưng thực ra rối rắm, phức tạp mà sự phân định và phán xét về tiếp vật, xử thế, ứng xử của mỗi người đòi hỏi nhiều khôn ngoan, thức thời của một bậc minh triết như Trương tiên sinh. Đạo sống đầy Đông phương tính và nhân bản cộng với tư chất ái quốc của người, suy nghiệm kỹ bắt nguồn từ mối thiện căn và sự đào luyện khá sớm sửa về tinh thần siêu linh từ lúc người du học ở trường Giáo Hoàng khi người mới 13 tuổi, một chủng viện lớn ở vùng Á Đông, đảo Mã Lai và theo thiên ý còn do ý hướng kiên trì tìm tòi, đào xới không ai bì kịp để nghiên cứu, sưu tầm nền cổ văn của ta cùng nền văn hóa cổ truyền uyên bác Trung Hoa nữa. Đạo sống Đông Phương với tính ái quốc ấy của người có nguồn gốc phức tạp và sâu xa, thâm nhập vào cốt tủy của người từ khi người còn bé đến lúc trưởng thành.

Xin mở một ngoặc lớn để trình bày thêm về một phương diện đặc sắc của con người mà tôi không cường điệu chút nào để đánh giá là cha đẻ của nền quốc văn mới về chữ quốc ngữ. Trương tiên sinh là người đầu tiên đã dịch hay nói đúng hơn đã chuyển các sách chữ Nho, chữ Nôm của ta ra chữ quốc ngữ. Trước kia, muốn đọc sách Thánh hiền phải thông lâu chữ Nho là chữ Hán, chữ của Tàu hay chữ Nôm là một biến thể phức tạp của chữ Tàu (chữ Hán) ghép lại. Chữ Nôm bấy giờ cũng được gọi là chữ quốc ngữ, chữ riêng của nước ta, nước Tàu không có và đọc sao nói vậy, dùng nhiều chữ Hán mà cấu tạo nên.

Gần 20 năm trời (1876-1894) Cụ Petrus Ký đã diễn dịch chuyển ra chữ quốc ngữ mới hết các bộ sách căn bản của nền văn hóa cổ truyền Đông phương đặc biệt về Nho giáo như Đại học, Trung Dung, Tứ Thư, Luận Ngữ, Tam Tự Kinh, Tam Thiên Tự, Sơ Học Vấn Tâm. Minh Tâm Bửu Giám v.v... và ông sưu tầm phiên âm truyện Nôm và cổ văn Việt Nam có đến 16 cuốn trong đó có Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, Phan Trần, Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca... nhiều cuốn có tác dụng giáo huấn và có nội dung ái quốc như Hịch Quân Định, Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc, Trung Nghĩa Sĩ Ca...

Để ca tụng thiện chí giáo dục và tính cách dân tộc dạt dào bản sắc Việt Nam nhất là mối tình sâu đậm đối với quê hương qua các sáng tác phẩm của Cụ, một học giả và nhà

văn Việt Nam vào năm 1956 đã hạ bút viết gọn gàng mà tạm đủ: "*Cụ nói và viết bằng tiếng La-tinh, tiếng Pháp, bằng tiếng Hy Lạp và bằng 20 từ ngữ và sinh ngữ khác. Cụ đã viết đủ trên khắp một phần của vũ trụ này, nhưng Cụ không bao giờ tự cho phép mình có thái độ huênh hoang, tự phụ, vô lễ. Không phải vì Cụ đã được ngắm con sông Seine thơ mộng, con sông Venise chảy lững lờ hoặc Địa Trung Hải xanh biếc mà quên con sông Hương Giang hay sông Bến Nghé tuyệt nhiên không còn gây được mỹ cảm gì nữa trước đôi mắt Cụ, và không phải vì Cụ đã được ngắm Corneille, Goethe, Danthe, Shakespeare bất hủ nên cuốn Đoàn Trường Tân Thanh chỉ là một áng văn vô vị đối với Cụ. Cụ tôn trọng quốc hồn, quốc túy và còn tán dương tất cả những gì đẹp đẽ, mỹ lệ của tổ quốc Việt Nam".* (Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố).

Tôi xin lặp lại: Tất cả những kiến thức ấy của một nền văn minh, văn hóa cổ truyền Việt Nam mà Cụ đã nghiên cứu, thấm sâu vào tâm thức, tâm cảm và trí tuệ của Cụ đúc tạo nên một đạo làm người, một nghệ thuật sống đặc biệt của một con người Việt Nam thuần túy với một tấm lòng ái quốc nồng nàn.

Có nhiều nhà trí thức, theo lời ông Trương Vĩnh Tế, cháu nội của Cụ, đánh giá cuộc đời và sự nghiệp của Cụ và khẳng định rằng: Cụ là hiện thân của một sự tổng hợp toàn vẹn của truyền thống Khổng Phu Tử Đông Phương với chủ thuyết chứng thực hay tích cực thuyết của Tây Phương (2). Chính điều ấy làm cho cuộc sống của Cụ có ý nghĩa và đạt được nhiều thành công, mặc dù trong một thời cuộc bất như ý.

Nhìn lại sự nghiệp bác học đa dạng đa phương của Trương tiên sinh, tôi còn muốn làm một cuộc so sánh - không quá đáng chút nào - với triết gia Aristote lỗi lạc của nền cổ sử Hy Lạp vào thế kỷ thứ 3 trước công nguyên, Aristote là tác giả của bao tác phẩm, tài liệu với nhiều chuyên ngành, nào chính trị học, luận lý học, sinh vật học, vật lý, sử học, văn chương và siêu hình học góp phần xây dựng nền văn minh cổ Hy Lạp rực rỡ. Thực có nhiều điểm tương đồng với nhà bách khoa Trương Vĩnh Ký của chúng ta. Công trình sáng tạo của Cụ Trương nhiều vô số, kể ra không hết nào là về lịch sử, về văn chương, văn học Việt Nam, về phong tục Việt Nam, về biên soạn nhiều tự điển, về dịch thuật, về sưu tầm phiên âm truyện nôm và cổ văn Việt Nam, về sáng tác bút ký, thi văn, về tài liệu giảng huấn bước đầu của Việt ngữ, tiếng Hán, tiếng Pháp... cùng các sơ đồ, bản văn về vật lý thiên văn và y học thiên văn để giảng dạy thời tiết, chu kỳ vũ trụ, về phương hướng v.v... Triết gia Aristote xây dựng mọi công trình của mình trên lẽ đạo Tây phương, tính nhất thống của vũ trụ học. Còn ở Trương tiên sinh lại lấy nền tảng ở Trung Dung, noi ý hướng của Thánh hiền tìm về nguồn gốc Chính Đạo, luôn luôn người lo sợ mất chơn truyền đạo học vốn là giếng mối lẽ đạo của phương Đông. Mọi sáng tạo văn chương, hành động của Trương tiên sinh được xây dựng trên nền tảng đạo đức nho gia ấy, trên cảm thức siêu hình và hiện hữu sâu đậm đối với đất nước mà nhiều bậc thức giả đánh giá là nỗi niềm ái quốc cô đơn và rất cao đẹp của người.

Tuyển tập quý vị đang có trên tay là một tác phẩm tổng hợp của một tổng thể nhân vật văn học, văn hóa tôn vinh và kết hoa tài đức, sự nghiệp của một bậc vĩ nhân tiên phong trong nền quốc văn mới chẳng những của một Miền Nam nước Việt thâm hậu và nhiều đặc sắc về văn hóa. Mà đây còn là một bậc thầy khiêm cung, một vị đại hiền cao hạnh chung cho cả nước Việt Nam văn hiến hết sức đồ sộ, chói lòa từ trước đến bây giờ và mãi mãi. Chúng tôi xin được trân trọng hân hạnh giới thiệu **Tuyển Tập Hiền Tượng Trương Vĩnh Ký** này đến chư tôn đức giả, đến quý vị thân hữu, đồng nghiệp v.v... có liên hệ ít nhiều đến mái trường

Petrus Ký của tất cả chúng ta mà cũng là của một Miền Nam văn hóa rực rỡ hào quang. Một nhà chính trị Pháp, Cố vấn của cố Tổng Thống Mitterrand có nói: "Chỉ có chữ nghĩa là sống đời đời". (J. Attali) "Seuls les mots sont éternels". Thực vậy, không phải thứ chữ nghĩa tùy cơ hội, không phải thứ chữ nghĩa chào hàng gian dối, không phải thứ chữ nghĩa mạo hóa mị dân, cũng không phải thứ chữ nghĩa thù tạc giao tiếp trong một xã hội thượng lưu phù phiếm mà đây là thứ chữ nghĩa mang nặng bản sắc giống nòi, vang lên Hồn Thiêng Sông Núi, thứ chữ nghĩa siêu việt mở đường cho lịch sử dệt gấm hoa cho Đất Nước như của Petrus Ký tiên sinh thì đó mới thực là thứ chữ nghĩa nghìn đời bất tử vậy.

● VŨ KÝ

Giáo sư Giám khảo Viện Tú Tài Quốc Tế tại Genève và Londres.

Hội viên các nhà văn, các tác giả Vương Quốc Bỉ (SABAN). Nhà văn được Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tại Hoa Kỳ đề cử tranh giải Nobel Văn Chương.

Bruxelles (Thủ đô của Liên Hiệp Âu Châu)
Tháng 06/05

(1) Cùng với Tuyển Tập này, có một Tuyển Tập Thanh Niên Ca" do nhạc sĩ Lê Văn Khoa hòa âm, gởi kèm theo làm tặng vật kỷ niệm CD cho độc giả. Ông Phạm Hồng Đăng ấn hành.
(2) La synthèse de la tradition confucéenne et du positivisme occidental.

~

Hữu Loan một đời đày đọa

● của Hà Đình Cẩn

Nguyên đề của bài này là "Một Thoáng HỮU LOAN" được đăng trên báo Văn Nghệ của Hội Nhà Văn Việt Nam Cũng như đại đa số văn nghệ sĩ ở Việt Nam hiện nay vì muốn yên thân hay vì sợ bị tàn đập của Công an Cộng sản nên tác giả chỉ đưa ra một cái đề nhẹ nhàng. Tuy nhiên, nếu biết về cuộc đời bị đày đọa của ông từ năm 1957 đến nay đã 48 năm, ta mới thấm được nỗi đau cũng khí phách của ông.

Nhà thơ đã kể về cuộc đời mình cho người em kết nghĩa là Nhạc sĩ Trịnh Hưng từ Pháp về thăm năm 2002 sau 50 năm xa cách. Nhạc sĩ Trịnh Hưng đã viết lại trên Viên Giác các số 132, 137, 138, 139 và 140 cộng với các tài liệu khác cho thấy các mốc chính của đời nhà thơ như sau:

- Nguyễn Hữu Loan sanh 02.04.1916 tại làng Vân Hườn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Năm 1941 đỗ Tú Tài hạng ưu ở Hà Nội, vì ghét Pháp không làm công chức mà về Thanh Hóa dạy học và làm Tổng Đoàn Trưởng Thanh Niên Thanh Hóa của cụ Trần Trọng Kim.

- Cách Mạng của Việt Minh 19.8.1945, tham gia cướp chính quyền và làm Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Lâm Thời Thanh Hóa.

- 19.12.1946: Chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, làm Trưởng Phòng Tuyên Huấn Sư Đoàn 304.

- 1949: Lấy cô Đỗ Thị Ninh (sinh năm 1930). Sau 5 ngày phép, về đơn vị được 2 ngày thì vợ bị chết đuối. Trong nỗi đau tột cùng, ông đã sáng tác "Màu Tím Hoa Sim" để khóc vợ.

- 1952: Trả lại thẻ đảng và tự ý rời quân ngũ để phản đối chính sách Cải Cách Ruộng Đất tàn ác của Cộng Sản. Lấy vợ (sinh năm 1935) mà cha mẹ vợ đã bị đấu tố chết bằng

cách bị chôn sống rồi cho lưỡi cày kéo qua đầu. Có tất cả 10 người con mà 9 người bị cầm học lên cấp 2.

- 1955: Được mời làm Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn.

- 1956: Tại Đại Hội Nhà Văn, sửa lưng Hồ Chí Minh vì Hồ gọi cả những văn nghệ sĩ già hơn mình là các chú. Sau đó tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm phê phán đảng, nhà nước và đòi tự do cho văn nghệ sĩ.

- 1957: Bị Tổ Hữu trừ dập đuổi về quê lý do vợ Tổ Hữu vốn là học trò và yêu Hữu Loan trong những năm đầu 1941. Nhà thơ đã làm đủ mọi nghề: Đập và thò đá, đi cày thuê, đốn củi, bắt cua, bắt ốc... chỉ đủ để nuôi vợ con bằng cơm độn ngô, khoai với muối. Suýt bị thủ tiêu nhiều lần nhưng nhờ bạn Công an vì yêu thơ ông nên không nở giết.

- Sau khi Cộng Sản đổi mới 1986, ông được phục hồi danh dự, đền bù 1 căn nhà trị giá 20 triệu nhưng đã bị tình Thanh Hóa ăn mất 6 triệu, và lãnh hưu trí 200.000 đồng tiền Hồ (10 Euros) một tháng.

- Từ 1995 (79 tuổi) mới ở nhà, thôi nghề bán đá núi, hàng ngày ngồi trước hiên nhà ngắm ly rượu nhiều hơn là uống và suy nghiệm về thơ, về đời.

Tóm gọn lại, có lẽ chỉ mấy câu thơ của Thi sĩ Hà Thượng Nhân, người bạn đồng hương, đồng khóa và sau 1975 từng ở tù Cộng Sản ngay trên quê hương Thanh Hóa của mình, đã nói lên được cuộc đời và tính khí các tác giả Màu Tím Hoa Sim:

- Ba mươi mấy năm chân trần lam lũ

- Đói không Loan ?

khổ không Loan ?

- Tao chẳng khổ bao giờ

Tao đi cày như tao làm thơ.

● Nguyễn Can Trung

Cả 3 lớp cửa từ đường vào vườn, vườn vào sân, sân vào nhà của nhà thơ Hữu Loan đều khép hờ. Ai vào ra tùy ý. Nhưng xem ra cũng ít người qua lại, trừ đám trẻ, như bà cụ hàng xóm nói, chúng kéo đến vào mùa nhãn, cho đến khi bó không còn một trái lép, rồi thôi, bỏ lại khu vườn hoang cho hai ông bà già...

Bà cụ hàng xóm mau mắn: Các bà có lòng đến thăm cụ Tú thì cứ vào, chứ gọi cửa cũng không có người ra đón đầu. Cụ Tú con đàn, cháu đống, ra ở riêng, về già chỉ còn hai cái bóng. Cụ Tú có nhà đầy, chắc lại đang ngồi ngắm rượu...

Nhà thơ đang ngồi ngắm rượu thật, trên manh chiếu trải ở hiên, tựa lưng vào tường, hai đầu gối so lên cằm, mái tóc bạc trắng rủ xuống, mắt nhìn đắm đuối vào chén rượu trên tay. Mâm bát sơ sài, chỉ một quả chuối xanh, nhúm muối và đôi dưa lếch. Nhà văn xứ Thanh, Kiều Vượng, nói với chúng tôi, mỗi năm ông vài lần đến thăm cụ Loan, lần nào cũng gặp cụ ngồi nhìn chén rượu thể kia, chỉ nhìn mà ít uống.

Cụ đang sáng tác hay chỉ ngồi ngắm chén rượu như một thói quen của một cụ già ngoài 80? Tôi không biết. Kiều Vượng chịu. Nhà thơ Trịnh Thanh Sơn, cùng quê từng nhiều lần hầu rượu cụ Hữu Loan thì đoán chắc, cụ Hữu Loan đang nghĩ về thơ đấy, nghĩ lạ lắm, chẳng giống ai. Đời thơ của cụ bắt đầu từ **Đèo Cả**, khép lại là **Hoa Lúa** vồn vện 10 bài, nhưng cụ nghĩ về thơ, người thơ, cõi thơ nếu chép ra thì có cả bộ trường thiên...

Thi bá cho rằng thơ thuộc về âm, nghĩa là thuộc về đêm, thuộc về mặt trăng, con nước, thuộc về đàn bà. Người có sao Thái Âm đóng cung mệnh, người đó mới làm được thơ, mới trở thành nhà thơ. Thơ thuộc hành thủy, mềm đầy mà cứng đầy, thấy trước mặt mà không nắm được trong tay, ngỡ là hữu hình mà hóa ra vô hình. Bởi vậy trong thơ

thường có trăng, có sóng, lại khăng khít với nhau, tạo những suối nước. Ngày trăng viên mãn thì nước ngập tràn, ngày trăng hao mòn thì con nước nghẹn ngào... Bản chất của thơ là buồn, là cô đơn, là hiu quạnh. Khi vui người ta hát, khi buồn người ta đọc thơ. Kiếp nhân sinh có vui có buồn. Khi buồn người cần có thơ để vịn mà đi... Thơ trường tồn như vậy. Bao nhiêu là rượu quê Nga Sơn cụ ngồi lặng cầm trên tay suốt 10 năm để cảm về thơ tràn đầy và thâm hậu đến như vậy?

Nhà thơ ngồi đó, trước mặt tôi, như là để ngồi để chờ đợi một phép lạ giúp cụ được tan vào thứ ánh sáng sẫm sẫm của vườn chiều. Giá như không ai đánh động nữa thì cơ chừng cụ sắp tan vào chiều thật. Được thế thì sướng quá, nhưng trời lại chưa cho, nên ngắm cụ ngồi một mình nâng chén mà không thấy cái vẻ thư thái, mãn nguyện, buông xuôi sự đời của một thượng thọ, mà vẫn như để tự giam mình, đẩy mình cho đến tận cõi khổ tận cam lai của đời người xem nó còn vuông tròn sao nữa.

Trong các nhà thơ thuộc thế hệ đầu cách mạng, có lẽ Hữu Loan là người có nhiều bước thăng trầm hơn cả. Ông người quê nghèo Thanh Hóa, từ nhỏ, nói như Nam Cao, ít khi được thỏa cơm, nhưng ham học, lại sáng dạ, ngoài 20 tuổi đã đậu tú tài. Đến tận bây giờ bà con láng giềng vẫn gọi nhà thơ Hữu Loan là cụ Tú Loan. Cậu Tú Loan học trường Tây, nhưng không đi làm cho Tây, mà đi dạy học và hoạt động trong phong trào Bình Dân rồi tham gia Việt Minh. Ngày Cách Mạng Tháng Tám ông 29 tuổi, được cử làm Phó Chủ tịch Ủy Ban Khởi Nghĩa huyện Nga Sơn. Trong cuộc mít-tinh phát động *Tuần Lễ Vàng*, hàng ngàn người xứ Thanh vây quanh một cán bộ Việt Minh trẻ tuổi, đẹp trai, diễn thuyết đong dạc, đầy cảm hứng và mới mẻ về cách mạng, về chính quyền nhân dân, về nghĩa vụ công dân với nước Việt Nam mới độc lập có sức cuốn hút kỳ lạ đã khiến cho nhiều người góp của ủng hộ kháng chiến. Con người tài hoa ấy chính là Hữu Loan, thành viên Ủy Ban Lâm Thời tỉnh Thanh Hóa, phụ trách 4 Ty: Giáo Dục, Thông Tin, Thương Chính và Công Chính. Cũng buổi sáng diễn thuyết này, có cô học trò 16 tuổi vô cùng cảm kích bởi tài hoa của cậu Tú Loan ngày nào đã cởi vòng xuyên vàng góp cho chính quyền nhân dân.

Kháng chiến bùng nổ, Hữu Loan làm công tác tuyên truyền, phụ trách tờ báo Chiến Sĩ, ở mặt trận miền Trung. Ký giả chiến tranh Hữu Loan có chuyên đi công tác thật nhớ đời, giống như một tráng sĩ, cưỡi một con ngựa đực bắt kham từ Huế đi dọc miền rừng miền Trung gặp các đội Hồng quân từ thành phố và làng quê lên bưng biển tựa vào núi non hùng vĩ dựng trận địa, bước vào cuộc kháng chiến lần thứ nhất đầy khí phách. Thay vì viết những bài phóng sự, Hữu Loan lấy thơ để diễn tả những tình cảm trào dâng trong trái tim đầy nhiệt huyết buổi đầu cách mạng của mình:

Đèo Cả, Đèo Cả/ Núi ngút cao/ Mây trời Ai Lao/ Sầu đại dương/ Dặm về heo hút/ Bia đá mù sương...

Đèo Cả gặp ghềnh, vạm vỡ, chữ nghĩa quán đạch và nhấp nhô như dốc đá, tư thế kiêu sang, tươi mới về hiện thực ngày đầu cuộc kháng chiến, thật giàu phong vị sử thi. Sau này nhìn lại lịch sử văn học cách mạng, **Đèo Cả** được xếp lên vị trí mở đầu thời đại thơ ca mới. Nhưng bây giờ, với Hữu Loan, **Đèo Cả** đầu tay chỉ như lời tâm sự của ông dồn nén, chất chứa yêu thương về cuộc kháng chiến sinh tử của dân tộc, viết để gửi cho một người đọc - cô Đỗ Thị Ninh, người học trò cũ đã hào phóng cởi vòng xuyên vàng góp cho cách mạng. Họ nên vợ nên chồng vào hai năm sau đó, đầu năm 1948, bấy giờ Hữu Loan là cán bộ tuyên huấn một đơn vị chủ lực. Trong chiến tranh thật khó có hạnh phúc trọn vẹn. Chỉ 7 tháng sau ngày cưới. Hữu Loan đang ở chiến trường nhận được tin vợ mất. Tráng sĩ Hữu Loan

khóc vợ bằng **Màu Tím Hoa Sim** làm xúc động bạn đọc nhiều thế hệ.

Từ đây, sau **Màu Tím Hoa Sim**, nỗi đau riêng về hạnh phúc làm thay đổi hẳn tâm tính thi nhân. Chiến binh Hữu Loan hào hoa, phong trần, cưỡi ngựa đeo gươm ra trận, viết báo, làm thơ đôi chỗ cho một Hữu Loan thâm trầm, bút pháp trữ tình. **Hoa Lúa, Yên Mô, Quách Xuân Quý, Những làng đi qua...** những bài thơ đôi khi chỉ là những nét chấm phá khoáng đạt của ông nhưng thăm thẳm tình quê hương, tình người trong kháng chiến làm lay động lòng người đọc nhiều thế hệ: *Trời hạn/ Đồng chiêm mà nước cạn/ Giặc kéo qua đồng/ Giày đinh/ Đi trên lúa khoai. Hoạc: Từng chiều/ Từng chiều hôm xuống/ Người lính hành quân/ Trú qua nhiều thôn xóm/ Có thôn xa/ Dăm mái tranh nghèo/ Có những thôn/ Giặc tàn sát hết/ Người sống không còn/ Để chôn người giặc chết...*

Hữu Loan đi qua 9 năm kháng chiến với 10 bài thơ. Và đó cũng là toàn bộ sự nghiệp. Và đó cũng là toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông.

Sang hòa bình, sóng gió của những đổi thay đã đẩy ông rẽ sang hướng khác. Bước thăng trầm của ông bắt đầu từ cuối năm 1957, Hà Nội nhiều sương muối và buốt giá, ông và nhạc sĩ Văn Cao trắng đêm đi quanh hồ Thiền Quang, đến sáng thì ra bến xe về quê Nga Sơn sinh sống. Bấy giờ Nga Sơn, Thanh Hóa quê ông nghèo lắm. Ông lại tay trắng dắt vợ con trở về, biết sống sao đây. Buổi chiều đầu tiên về làng Vân Hoàn, thay vì đi thăm hỏi láng giềng ông cắp be rượu lên núi đá đầu thôn. Liệu có thể tìm cơm áo nuôi vợ con từ núi đá này không? Vốn là trai lực điền, sức vóc dư dả, lại cũng ở bước đường cùng, không thể ngồi ngậm thơ nhìn các con hết gạo, ông tưới rượu lên đá mà thế sẽ bám núi mà sống. Với một chiếc xe cút kít, một đôi quang gánh sắt, một xà beng, một cuốc chim và chiếc đòn gánh bằng cả khúc tre ngâm, ông nạy từng khối đá, lên chiếc xe cút kít thô sơ đem đi bán cho các lò thợ làm cối, làm thớt, kê chân cột và làm vật liệu xây dựng. Bán cả chục xe đá mới đủ ngày hai bữa cơm muối cho con. Đã thế, nhiều khi ế ẩm, đá chất đầy vườn, cả tháng không ai hỏi mua. Một năm, hai năm, ba năm... Hữu Loan trở thành người thợ da đen như sừng, chân tay sần sẹ, tóc tua tủa rể tre, đi đứng nói cười mạnh mẽ. Cặm cụi vật lộn với núi đá ông nuôi cả 10 đứa con khôn lớn. Đến bây giờ 10 đứa con đã có 9 đứa nên vợ nên chồng ra ở riêng, sinh cho ông đàn cháu 37 đứa. Chỉ có cậu út là chưa lập gia đình.

Hữu Loan thôi nghề bán đá núi đã 10 năm nay. Ông lui về nhà, trải chiếu trên thềm, ngày ngày ngồi uống rượu, ngắm rượu và ngắm đợi con cháu về thăm nhà, ngắm đợi những chuyển động đổi thay của làng xóm, của gia đình mình, phận mình... Dằng dặc ngắm đợi, vận may cũng đã đôi lần gõ cửa nhà ông. Bắt đầu là tòa soạn báo Văn Nghệ, cơ quan ông cộng tác gần 40 năm trước đưa đến tận nhà cho ông số hươu, với mức lương chừng hai trăm ngàn đồng/tháng. Rồi chờ thêm vài năm nữa ông được xuất bản tập thơ đầu tiên trong đời, tập **Màu Tím Hoa Sim** với mười bài thơ viết từ thời kháng chiến... Lại đợi, ông được trời ban phúc, con trai út tốt nghiệp Đại học Kiến trúc Hà Nội. Cậu út Kiến trúc sư đang tham gia quy hoạch Dự án bảo tồn khu di tích ở Kim Liên, Nghệ An. Không biết có còn vận may nào đến nữa không, Hữu Loan vẫn chờ. Cái chỗ bao năm ngồi uống rượu, ngắm rượu và chờ đợi, mờ mờ thăm thẳm lên tường hình một bờ vai. Hình bờ vai lún dần, lún dần xuống thấp, có lẽ không lâu nữa sẽ ngã hẳn xuống gần mặt chiếu...

Tôi lên tiếng sát tai ông:

- Thưa bác, bác có làm thơ nữa không?

Hữu Loan vẫn nhìn chén rượu:

- Có. Nhưng toàn thơ đều...

Bỗng nhiên ông cất tiếng cười, cười khà khà, cười mãn nguyện.

- Bác thử đọc vài câu thơ đầu cho con nghe thử xem nào?

Hữu Loan ngồi im. Lát sau ông nói:

- Đọc **Đèo Cả** thì đọc, chứ đọc thơ đầu phí rượu.

Rồi ông như người bất ngờ được lột xác, tinh nhanh, hoạt bát hẳn ra, giọng vang và sáng. Ông đọc hết cả bài thơ mà không hề vấp vấp. Đọc xong, ông vợ lấy chén rượu, nhưng không uống, chỉ nhìn mà nước mắt rơi...

Tôi có một chiều Hữu Loan ... -

- Cảm nhận nguồn sông trắng

● Giác Lượng Tuệ Đàm Tử

Cảm ơn tác giả: Nữ sĩ Tuệ Nga đã gửi tặng tập thơ "Từ Dòng Sông Trắng" do Cội Nguồn xuất bản vào giữa năm 2005, sách dày 400 trang giấy thấm, chuyên chở ý thơ như dòng suối tràn tuôn từ dòng tư tưởng ảnh hiện bóng trắng, soi qua cuộc đời trong sáng, với những dòng sông mênh mông tràn về biển cả.

"Từ dòng Sông Trắng" chẳng những một đề tài đơn độc của tập thơ này để diễn tả sự mầu nhiệm của trắng mà chúng ta không thể dùng lời nói hết. Riêng Nữ sĩ Tuệ Nga có cái biệt tài đưa trắng vào thơ một cách tự nhiên không hề gượng ép. Mỗi chữ trắng là mỗi vần thơ. Mỗi dòng hạ bút là thơ trắng huyền.

Ý đời huyền diệu vô vi

Tờ hoa phát phới gió về sông trắng.

Hoặc:

Vần thơ thanh thân ánh Trắng Thiên.

(Trong bài Trắng Thiên, ở tập Mây Hương, trang 17)

"Từ Dòng Sông Trắng" là đề tài một bài thơ mà tôi nhớ không lầm đã in trong tập "Mây Hương" do Nguồn Sống xuất bản vào năm 1987, bìa do họa sĩ Trương thị Thịnh trình bày, Tuệ Đàm Tử đề tựa. Qua 54 bài thơ trong toàn tập "Mây Hương" đã có ba đề tài "Trắng" như: Trắng Thiên (trang 17) Từ Dòng Sông Trắng (37) Dòng Trắng Vô Lượng (41). Và phảng phất trong nhiều bài thơ có đề cập đến "Trắng", nhờ trắng mà tác giả đã diễn tả ý thơ một cách sống động diệu kỳ.

Trắng nghiêng nửa mái thơ cài.

Đường về Tịnh độ, hỏi người bao xa?

(trong bài Hoa Mưa ở tập Mây Hương, trang 18)

Hoặc:

Bàng bạc tơ trắng sương mai lóng lánh.

Hương Đà La thơm gió bến Chân Như.

(Mẫu Nguyên Thủy - Mây Hương, trang 70)

Bài Từ Dòng Sông Trắng...

Từ dòng sông trắng đó

Hoa ngũ quên kiếp sầu

Từ dòng sông trắng đó

Đá trầm lời biển dâu

Từ dòng sông trắng đó

Thơ ngát ý nguyện cầu.

Ai có ngờ, Nữ sĩ Tuệ Nga đã cảm nhận được lẽ vô thường của cuộc đời như bóng trắng trên dòng tịnh thủy. Ba vạn sáu ngàn ngày cũng trôi đi không hề dừng lại cho đời người giữa kiếp phù du. Có hiểu đạo thâm sâu, Tuệ Nga

mới dệt thành bức tranh vô thường huyền ảo như giấc mộng trầm kha, mấy ai thức tỉnh.

Đêm mơ dưới ánh trăng thâu

Quấy kinh ai đổ trên cầu nhân sinh

Sáng ra thức giấc hỏi mình

Là hư hay ảo, cội hình phù du.

Từ dòng sông trắng đó

Đá ước hỏi lòng thu

Vàng rơi bao kiếp nữa

Cây đứng lặng trầm tư

Sắc không vô hình tướng

Sao hỏi có vàng thu?

Từ dòng trắng vô lượng

Kinh hoa nở muôn mùa

Từ dòng kinh thi hóa

Tiếng đời êm tiếng thơ

Đêm qua chợp giấc lại mơ

Quấy kinh ai đổ bên bờ suối hoa

Tiếng chim hót giữa rừng xa

Âm thanh lạnh lớt ngân hà sông trắng.

(Mây Hương, trang 37)

Từ ý thức đạo màu, Phật Pháp thâm sâu mà giấc mơ lành hiện đến.

Té ra: Bờ mê bến giác không xa. Ta Bà Tịnh độ chỉ qua chiếc cầu.

Chiếc cầu nhân sinh mà có người đưa đường dẫn lối thì giấc mơ lành sẽ biến thành sự thật. Do vậy mà Nữ sĩ Tuệ Nga đã ngưỡng mộ "dòng sông trắng" một cách yêu quý tuyệt vời. Và cũng từ "dòng sông trắng đó" mà nhà thơ của chúng ta đã dùng làm đề tài cho tập thơ thứ mười, xuất bản vào cuối mùa hè năm 2005.

Cũng;

Từ dòng sông trắng đó

Thơ ngát ý nguyện cầu.

Có một điều lạ nơi Nữ sĩ Tuệ Nga như đã nhập tâm về chữ "Trắng" vào kho tàng tư tưởng, vì nó bàng bạc trong 10 tập thơ đã xuất bản, thỉnh thoảng đều có chữ "Trắng" trong những bài thơ ưng ý nhất. Riêng trong tập "Từ dòng Sông Trắng" này, có trên 200 bài thơ đủ thể loại mà đã có đến 21 bài mang đề tài về "Trắng" và "Từ Dòng Sông Trắng Đó" đã chiếu ánh trắng vào trong 82 bài thơ bàng bạc có nhiều chữ "Trắng" mà chúng ta không ngờ, tác phẩm này đã tràn ngập Ánh Trắng Vàng trải dài trong toàn tập trên 223 chữ "Trắng" êm mát dịu dàng, len vào từng dòng thơ nhịp nhàng âm điệu, thanh thân trôi xuôi nơi từng bài, từng trang trong toàn thi phẩm, chúng ta không thể không lưu ý như:

Lòng yêu quê hương như trắng tỏ đêm Rằm.

Hoặc:

Hồn Trưng, Triệu, Trắng muôn đời sáng tỏ.

(Yêu mãi nữ quân nhân, trang 288)

Hay như:

Ánh trắng Rằm trắng lung linh xán lạn

Ngọc trong tôi vùng Ánh Sáng Từ Bi

(Hạt bụi trên vách đá, trang 293)

23 chữ "Trắng" nằm trong một bài thơ mà độc giả chúng ta không thể tưởng tượng được một cách tài tình. Nữ sĩ đã dựng lên một bức tranh, thể hiện được chữ tình, chữ nghĩa, chữ yêu quê hương thấm thiết nồng nàn. Yêu Đạo, yêu Đời, yêu người đồng chủng, yêu văn hóa ngàn năm lưu truyền hậu thế. Bài thơ đã nói lên tinh thần Việt tộc, đã vẽ lên cảnh trạng sầu tuôn, ngút ngàn tức tưởi, kể từ giặc ngoại xâm

lãng, cho chí đến giống nòi chia rẽ, chấp tranh, lẩn tránh chủ thuyết. Nhiều kẻ bán đứng lương tâm theo gót giày xâm lược, đã khiến cho lòng kẻ sĩ luống những ngân ngơ, Nữ sĩ Tuệ Nga đã cảm thông để thay lời cho bao lớp người thao thức, mà thốt ra những lời thơ chí thiết, chí tình:

Bài: Quê Hương Một Dòng Trăng

Một dòng trăng bạc chơi vơi
 Trăng soi, soi hết ngậm ngùi thế nhân!
 Khỏi sầu tôi gởi sông Vân
 Nguyễn cầu, trắng sáng mùa Xuân Thanh Bình

Mẹ già, chiều, sớm Kê, Kinh
 Dịu dàng em gái đẹp tình trăng, thơ
 Trăng ơi! Lòng vẫn mong chờ
 Vầng trăng sáng rỡ đôi bờ quê hương.

Lại nghe huyền thoại... Trăng Hiền
 Quê hương ta đẹp ba miền trăng mơ
 Cho lòng ai luống ngân ngơ
 Dòng trăng diễm tuyệt, nguồn thơ an bình
 Ai nghe Cổ Tích quê mình
 Hội Mùa Trăng, đẹp Miếu, Đình làng xưa
 Quê Hương Một Dòng Trăng Thơ...
 (xin đọc hết bài thơ bảy đoạn nơi trang 45 và 46 mới thấy rõ, nghe sâu vào tâm não của người lữ thứ tha phương, trên đường ty nạn!)

Phải chăng Nữ sĩ Tuệ Nga đã:
 "Mượn" Trăng làm bạn với Thơ
 Hương quan gối mộng giấc mơ Liên đài.
 (Từ Trăng làm bạn với thơ, trang 20)

Người xa quê ắt phải muôn vàn nhớ nước, lòng canh cánh bên lòng những khóm trúc hàng tre, mà nhà thơ phải:

Ngân ngơ sóng nước đôi bờ
 Em hong áo lụa nghe bơ vơ sầu!

Lại còn cảm nhận được những khúc âm vang:

Lâm râm tiếng Mẹ niệm câu Di Đà.
 Mùa xưa trăng sáng hiên nhà
 Hương cau lãng đẵng, bút hoa gieo vần.
 (Nụ hồng có nở đầu Xuân, trang 143)

Đọc, tôi đã đọc mãi mê "Những dòng Sông Trăng" hết bài này đến bài nọ, hết trang này tới trang khác, càng đọc lại càng thấy ra những âm hưởng mới lạ, từ cách gieo vần hay những dòng thơ điệp tự, mà thấy như có một sắc thái chuyên biệt về Thơ Trăng, với nhạc điệu nhẹ nhàng thanh thoát, bài Thơ: Vầng Trăng Huyền Diệu, trang 303, xét thấy hết sức là độc đáo.

Nơi đây tôi tạm khép lại bài viết, với những dòng cảm nhận tình thơ, vì biết rằng: Dầu sao nói cũng không cùng, mong Nữ sĩ hiểu cho với tâm hồn đồng điệu.

San Jose, trọng Thu năm Ất Dậu (2005)



Đêm mưa thao thức nhớ quê nhà

● THÁI TÚ HẠP

Hơn hai mươi năm miệt mài cuốn hút vào cuộc sống đầy nhiễu nhương nơi đất khách. Đôi khi tôi có cảm tưởng, tình cảm đã đến lúc rã rời mòn mỏi đóng băng. Cảm giác xúc động không còn bén nhạy, đang dần biến dạng cằn khô như sa mạc. Những viên sỏi đang nằm yên dưới đáy hồ tiềm thức. Bỗng chợt cơn mưa kéo về rơi triền miên trên mái ngói. Nhiều đêm thức giấc, châm trà uống một mình giữa đêm khuya, để cho nhớ nhưng bắt đầu dần vật:

Đêm mưa làm nhớ không gian
 Lòng run thêm lạnh, nỗi hàn bao la...
 Tại ương nước giọt mái nhà
 Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn
 Nghe đi rồi rạc trong hồn
 Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi...
 Rơi rơi... dịu dịu rơi rơi
 Trăm muôn giọt nhẹ nói lời vu vơ...
 Tương tư hướng lạc, phương mờ
 Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe
 Gió về, lòng rộng không che
 Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...
 (Buồn Đêm Mưa - Huy Cận)

Lời thơ đã lâu lắm rồi, nhưng vẫn còn âm vang trong lòng tôi. Cái heo may hiu hắt ở nội thành Huế vào những buổi chiều cuối thu. Cái heo may ở trong cái thành phố Hội An cổ kính khi gió thu về thổi những cơn mưa nghiêng như tấm lưới chắn ngang trời mờ ảo. Lời thơ như có ma lực ghê gớm kéo lòng tôi chùng xuống với bao nỗi nhớ nhung. Âm vang của những buổi chiều "Em đến thăm Anh... Có hay lúc em về, gót chân bước reo âm thầm, trên đường ngoài mưa, (mưa như mưa trong lòng anh). Lòng bồi hồi nhìn theo chân em chìm trong ngàn xanh. Ta ước mơ một chiều thêu nắng. Em đến chơi quên niềm cay đắng và quên đường về..." (Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa của Tô Vũ), nhưng phải là tiếng hát ngọt ngào của Anh Ngọc mới thêm lượng thu hút ngất ngây. Chính nội dung của sự hồi tưởng là thời khắc một thời đã ập những vọng động mơ màng, của lãng sâu kỷ niệm. Có những nhà nghệ sĩ tài hoa sáng tác cả ngàn bài thơ, cả trăm bản nhạc, nhưng chỉ còn lại trong lòng người nghe và yêu thích đắm câu để đời. Như

trường hợp của thi tài Tự Đức với hai câu thật tuyệt, vượt thời gian:

*... Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi...*

Hay Thôi Hộ với hai câu cuối của bài thơ Hoàng Hạc Lâu:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng thử nhân sầu...

*Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?
(Tản Đà dịch)*

Hoặc của Thiền Sư Mãn Giác:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai...
(Có bệnh. Dặn dò tăng chúng)*

Và không ai yêu thơ, có thể quên tài danh thi sĩ Hồ Dzếnh với những ý tưởng ngộ nghĩnh mâu thuẫn nội tâm nhưng hiện thực tâm lý sâu sắc phân tích ý nghĩa trung thực của tình yêu thơ mộng:

*Tình mất vui khi đã vẹn câu thề
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.
Thơ viết đùng xong... Thuyền trôi chớ đỗ...
Cho nghìn sau... lơ lửng với nghìn xưa...*

Những câu thơ đầy ẩn tượng một thời vẫn còn là những âm hưởng tuyệt vời ẩn sâu trong tiềm thức chúng ta. Chỉ chờ một chút nắng vàng hiu hắt bên kia sườn núi. Chỉ chờ một cơn gió thoảng lay động vài cánh hoa đào rơi. Chỉ chờ những giọt mưa rả rích từng cơn trên mái ngói giữa đêm khuya quạnh vắng là y như cơn bão nhớ nhưng thổi về vực lên tất cả những núi đồi chập chùng ký ức... Cơn địa chấn mỗi lúc mỗi dâng cao những rung cảm dạt dào. Có phải đó là tất cả những âm thanh của những vùng trời yêu dấu trên quê hương ngày xưa.

Bởi vì nó đã gắn bó với máu huyết, cho dù hiện hữu đã nghìn dặm xa. Kỷ niệm phải chăng là thời gian thăm thẳm, không gian mịt mờ phiêu pha. Có mà không. Không mà có trong từng sát na trùng trùng duyên khởi. "Đêm Đông" của Nguyễn Văn Thương phải là tiếng hát Bạch Yến. "Đêm Tàn Bến Ngự" phải là tiếng hát của Hà Thanh. "Như Cánh Vạc Bay" phải là tiếng hát của Khánh Ly. "Tình Ca" của Phạm Duy phải là tiếng hát Thái Thanh... và "Đường Xưa Lối Cũ" của Hoàng Thi Thơ phải là tiếng hát Như Quỳnh. Mỗi giọng ca của mỗi ca sĩ hầu như đã gắn liền ở mỗi bài hát đôi khi người nghe chỉ còn nhớ đến ca sĩ mà không còn nhớ đến tên người nhạc sĩ đã hình thành nên ca khúc giá trị đó.

Cơn mưa vẫn chưa dứt. Tôi nhớ về chuyến thăm lên lút với Mẹ tôi ở dưới mái hiên Chùa Long Xuyên, mưa phủ đầy trời. Tôi cầm lấy đôi tay gầy guộc của Mẹ tôi, cố giữ đừng khốc, nhưng nước mắt đã trào ra... tôi thương Mẹ tôi quá... lần gặp gỡ cuối cùng xem như vĩnh biệt, vì chỉ còn hai ngày nữa tôi phải vượt biển xa rời nơi chốn thân thương... Tôi phải ra đi cho dù không biết sống chết ra sao nơi trùng dương đầy gian nguy hải hùng đó... Hơn hai mươi năm rồi. Cha Mẹ tôi đã lần lượt nằm xuống nơi quê nghèo thăm đạm. Bao nhiêu mùa mưa bão đã đến và đã gởi sầu trong lòng tôi nơi viễn xứ. Nếu bảo những cơn mưa là những lần tắm gội cho đất đai bớt đi những ô uế bẩn dơ cuốn trôi ra

biển. Để cho không khí trong lành, nụ mầm vươn lên trên những điệp trùng ngàn cây khô sau mùa đông lạnh giá. Tôi cứ tưởng sau những cơn mưa, tâm hồn con người cũng được rửa sạch hơn để tiếp thu những thiện nghiệp này mầm, nhưng rồi đời sống vẫn tiếp diễn, hận thù vẫn dai dẳng không còn chỗ cho những đám mây trắng bàng bạc, cho lòng yêu nhau nao nức những kỷ niệm êm đềm của một thuở nào thanh bình nơi cố hương yêu dấu... những cơn mưa cần thiết cho những người lữ hành trong sa mạc khô cần thiếu vắng tình thương.

Tiếng mưa rơi từ nghìn xưa và bây giờ vẫn thế. Vực lên từ tiềm thức những nhớ nhung kỳ diệu:

Cơn mưa nhớ nhà

*cơn mưa chợt thức hồn ta dậy
đôi nhánh tay gầy phố lạnh xưa
con nước mùa đông sâu thăm đó
phủ kín đời em trong tiếng mưa*

*cơn mưa có phải là hơi thở
thổi mấy tầng mây gió cuốn theo
cho ta thấy lại dòng sông trắng
thấy lại đời trời giọt mây bờ*

*có phải chiều nay ray rút nhớ
gió thổi vùng trắng trong mắt em
cơn lụi như chiều ta tiễn biệt
chỉ một lần thôi, đá lệ mềm*

*lâu quá thơ ta như ruộng khô
cơn mưa chợt thức hồn ta dậy
những hạt mầm xanh bỗng nở hoa
trong tim ẩn mật bao ngày tháng*

*phố cũ trời ơi! đôi mái nhớ
rêu phong quanh vắng bước chân về
tiếng chuông thăm lặng, sâu nghiêng xuống
cành lá điều hiu với xương khô*

*sông nước theo mùa sông lũ lụt
quê nghèo xơ xác tiếng đau thương
trăm năm cánh én bay đi mất
bỏ lại tình em như khói sương*

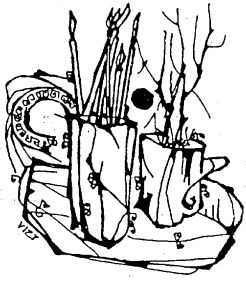
*ta về theo với cơn mưa lũ
con đường nở trắng hoa ngâu thương
có phải mẹ nhìn ta thuở bé
có phải em nhìn ta vẫn vương*

*tiếng mưa xé nát hồn viễn khách
em hát giùm ta khúc nhạc sầu
cho ta khua hết trong tiềm thức
hàng vạn chiều mưa phủ đón đau*

*mưa ở quê nhà mưa núi thăm
mưa rừng sâu ngiệt ngã tai ương
mưa hải đảo kiếp đời lưu lạc
mưa nhạc nhòa biệt tích cố hương!*

*đêm chìm khuất lời kinh cầu nguyện
thấp cho nhau chút nắng đầu non
mưa lấp lánh hoa vàng luống cải
xuân lại về một dạ sắt son*

(Mùa Mưa Trên Thành Phố Rosemead)



Giới thiệu sách báo mới

● Phù Vân phụ trách

- Xóm Mộ, thi tập của Phương Triều

Thơ Phương Triều bàng bạc những âm vọng thao thức giữa tự trào và xót xa thân phận làm người; giữa những nỗi man mác buồn chệnh vênh bên bờ vực thẳm và nỗi chết không rời bên bờ tử sinh. Phải chăng đó là tiếng buồn thời cuộc với những quần quai đau thương của kiếp người khuất tất dưới xã hội cộng sản.

Nếu ta bắt gặp vài ý vui bất chợt trong thơ Phương Triều thì chẳng qua chỉ là những lần mỉm cười trần trở để tạm quên những bức xúc mà thôi.



Có rất ít "lục-bát" trong thi tập của Phương Triều, nhưng đó là những tinh chất đã được đãi lọc thắm sâu vào tận cảm xúc của độc giả:

*Nửa khuya trăng lặn
bên đèn
Thấp xanh mã lạn góc
quen giữa đời
Gọi người ngủ cuối
cuộc chơi
Thịt da tái ngọ mọc
mùi xanh xương!
(Thưa Vắng)*

Thi tập dày 160 trang với 156 bài thơ do Lê Huỳnh xuất bản năm

2001. Không ghi giá bán.

Địa chỉ liên lạc:
Thủy Lê

3115 Ontario Rd.

Little Canada, MN 55117 – USA

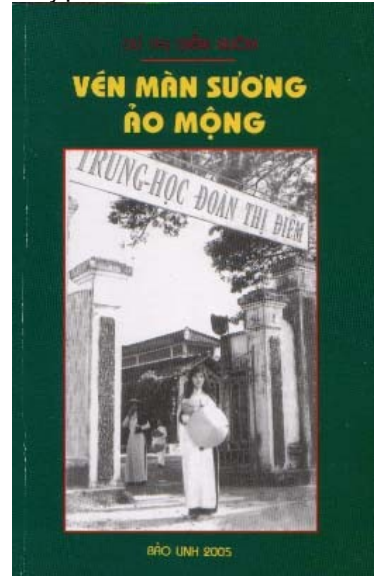
- Vén Màn Sương Áo Mộng, truyện dài Dư Thị Diễm Buồn:

Từ một nhà thơ chuyển sang viết văn Dư Thị Diễm Buồn đã thành công rất sớm do bà có khiếu văn chương và tinh thần sáng tác... "Qua nhiều tình tiết đặt vào từng nhân vật trong truyện, người ta dễ dàng đoán nhận tác giả Dư Thị Diễm Buồn ấp ủ một tâm tình lãng mạn phong phú như phần đông những người thiếu nữ cùng trang lứa thuở còn trong tuổi nữ sinh, sinh viên đầy thơ mộng. Có điều bà sớm có khiếu văn chương. Chất văn thơ ấy giúp cho bà trẻ mãi. Trẻ mãi nơi tâm hồn. Đọc văn bà, người ta thường bắt gặp nhiều ý nghĩ hồn nhiên duyên dáng, tươi mát, trẻ trung. Cứ như là một thiếu phụ không bao giờ chịu ảnh hưởng của tuổi đời pha màu thời gian. Bà viết, phải viết, chỉ vì say men vào văn chương. Giản dị thế thôi. Nó là lối thoát cho một

khía cạnh của một tâm tình sâu kín. Bà quan sát, suy tư nhiều hơn hòa mình vào ngoại cảnh. Bà sống bằng nội tâm, tự biết định hướng, biết chỉ huy, sử dụng những linh động từ nơi con tim sao cho thích đáng. Thành thử nhà văn Dư Thị Diễm Buồn vẫn mới mà vẫn tiềm tàng nét đoan trang xưa cũ, thường thấy dưới những gia đình tòn cổ, nho phong- nơi những thị trấn êm đềm bên dòng Đồng Nai thân yêu của miền Nam. Nội một điểm này cũng đáng cho độc giả khâm kính trong chúng ta khi tìm đến với nhà văn, đọc những gì còn lại đáng đọc....". (Mặc Kinh).

Đã xuất bản:

Truyện dài:

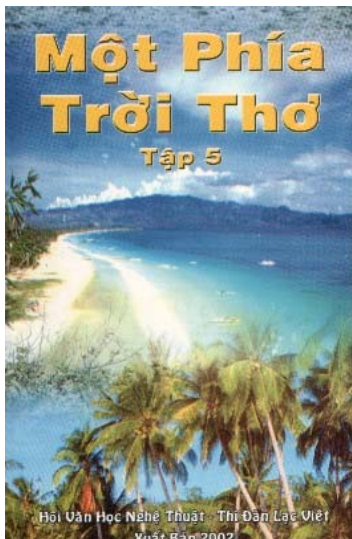


* Chân Trời Hạnh Phúc
* Trong Lâu Đài Kỷ Niệm
* Xa Bến Thiên Đường
* Vén Màn Sương Áo Mộng
Sách dày 376 trang do Bảo Linh xuất bản năm 2005 (Không ghi giá bán)

Liên lạc:
Dư Thị Diễm Buồn
1959 Tres Picos Dr.
Yuba City,
CA 95993 – USA
Tel: (503) 822 5622

- Một Phía trời Thơ, tập 5.

Với sự góp mặt của những thi nhân như Cao My Nhân, Bạch Vân HTB, Dương Đức Bửu, Dương Huệ Anh, Duy Viên, Đào Nguyên, Đào Thanh Khiết, Đỗ Bình, Đông Anh, Hà Thượng Nhân, Hà Trung Yên, Hải Bằng HDB, Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích, Hoa Thu, Hoàng Xuyên Anh, Huỳnh Mai Hoa, Huỳnh Thị Gấm, Lê Minh Nguyên, Lê Văn Bá, Mạc Lan Đình, Mây Tiên, Nguyễn Đức Khoa, Nguyễn Hữu Tấn, Nguyễn Tấn Phước, Phan Long, Phạm Ngọc Phi, Phương Du, Phương Nguyên, Quang Hà, Quốc Lân, Song Linh, Thương Mai, Thái Quốc Mưu, Thi Cẩm, Thiên Tâm, Thúy Sơn, Tô Nguyên, Tuệ Đàm Tử, Từ Phong, Trần Việt Yên, Trúc Giang, Trường Giang, Văn Trang, Việt Bằng, Nguyễn Chí Nhân, Võ Đình Tiên, Vũ Gia Sắc, Xuân Bích, Xuân Đà.



Sách dày 384 trang do Hội Văn Học Nghệ Thuật - Thi Đàn Lạc Việt chủ trương, xuất bản năm 2002.

Giá: 20 Mỹ Kim ở Hoa Kỳ và 25 Mỹ Kim ngoài Hoa Kỳ.

Liên lạc Thi Đàn Lạc Việt:
1923 Mount Pleasant Road
San Jose,
CA 95148 – USA
Tel: (408) 223-1983

Tin Phật Sự

- **Thông Báo khóa Giáo lý Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ XVIII sẽ được tổ chức tại Đức từ 27.07.2006 đến 05.08.2006.**

Được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu giao phó cho Chi Bộ Đức Quốc tìm nơi tổ chức khóa giáo lý Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ XVIII.

Toàn thể Tăng Ni và Phật Tử trực thuộc Chi Bộ đã cùng nhau tìm kiếm và cuối cùng đã tìm được một nơi khá dĩ với tiện nghi đầy đủ để đáp ứng nhu cầu tổ chức khóa giáo lý Âu Châu.

Nay kính thông báo đến quý vị Phật Tử để lấy ngày nghỉ, chuẩn bị tư tưởng hầu tham gia khóa giáo lý một cách đông đảo tạo một không khí học Phật mạnh mẽ và hăng say. Năm nay lồng trong chương trình khóa giáo lý sẽ có chương trình đánh lễ Xá Lợi, cũng mong quý vị hưởng ứng.

Khóa Giáo Lý sẽ được tổ chức từ 27.07.2006 – 05.08.2006 tại:
Schulzentrum Tostedt
Schützenstrasse
Tostedt

Với chương trình tu học, tu bổ thích hợp với tình hình học Phật hiện tại cho mọi lứa tuổi, được chư Tôn Đức điều nghiên và đề ra sau kỳ họp của khóa Giáo Lý năm 2005.

Tostedt là một thị trấn chỉ cách Hamburg khoảng 40 km, cách Bremen 70 km và cách Hannover 130 km. Rất tiện cho việc tham quan các thành phố lớn, chùa Viên Giác, chùa Bảo Quang v.v...

Mọi sự liên lạc để đóng góp từ nhân sự, ý kiến đến tài chánh xin gửi về :

Chùa Viên Giác - Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Germany

- **Khóa tu Bát Quan Quan Trai và Tết Trung Thu tại Chi Hội Phật Tử VNTN Karlsruhe:**

● Nhựt Trọng

Ngày 10 và 11.09.05, Chi Hội PTVNTN Karlsruhe có tổ chức Khóa tu Bát Quan Trai Giới tại địa điểm NCO Club, Delaware Str.21, 76149 Karlsruhe- do Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Trụ trì chùa Viên Giác, Hannover chủ trì. Tháp tùng, còn có hai Sư Chú Thích Thông Trụ và Thích Hạnh Bốn hướng dẫn sinh hoạt cho các cháu Thiếu Niên.

Ngoài những nghi thức tu tập như thường lệ, Thầy đã thuyết giảng về đề tài 37 Phẩm Trợ Đạo, được xếp theo thứ tự như sau: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Thân Túc, Ngũ Căn, Thập Giới Chi, Bát Chánh Đạo.

Đã có trên 50 giới tử tham dự khóa tu này. Đặc biệt, sau lễ xả giới, vào lúc 11 giờ ngày Chủ nhật, 11.09.05, còn có buổi lễ Vu Lan và Bông Hồng cài áo thật trang nghiêm và cảm động với trên 100 người tham dự.

Như những năm qua, vào buổi tối ngày thứ sáu, trước khi vào khóa tu BQT, Chi Hội Karlsruhe cũng có tổ chức TẾT TRUNG THU cho các cháu Thiếu Nhi. Khoảng 150 cháu đã đến chung vui. Bên cạnh, trên dưới 50 Phụ huynh

CHÂN THÀNH PHÂN ƯU

Toàn thể Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu vừa được biết tin Thân Phụ của Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt, Viện chủ chùa Thiện Minh Lyon, Pháp quốc và Ni Sư Thích Nữ Như Tường tại Việt Nam là:

Cụ Ông HOÀNG NGỌC KẾT
Pháp danh Tâm Hiệp
Vãng sanh ngày 13 tháng 9 năm Ất Dậu
(15.10.2005) tại Việt Nam
Thượng thọ 93 tuổi

Xin đại diện cho toàn thể Giáo Hội và các Thành viên trong Giáo Hội chân thành có lời chia sẻ những mất mát to lớn này của Hòa Thượng và Ni Sư. Nguyên cầu cho Hương Linh của Cụ Ông được cao đăng Phật quốc.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Thay mặt GHPGVNTN Âu Châu
Thượng Tọa Thích Như Điển
Tổng Thư Ký

đi với con, cháu của mình hoặc đến để hỗ trợ và tùy hỷ công đức.

Bên ánh lửa bập bùng, đêm Hội Tết đã diễn tiến thật vui vẻ, thân thương. Sau phần trình bày ý nghĩa ngày Tết Nhi Đồng của Ban Tổ Chức là Đạo Từ của Đại Đức Trụ trì chùa Viên Giác. Tiếp theo là các tiết mục: Văn nghệ, thi đua, phát quà và sau hết là Rước đèn Trung Thu thật tươi vui.

- **Hai ngày Huân tu Tịnh Độ tại Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC:**

Theo Chương trình Tu học và Phật sự năm 2005, ngày 01 và 02.10.05, Chi Hội PT VNTN Mannheim & VPC có tổ chức 2 ngày Huân Tu Tịnh Độ, do Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn; Trụ trì chùa Phổ Hiền, Strasbourg, Pháp Quốc chủ trì.

Với một nghi thức Huân tu thật trang nghiêm, thành khẩn, Sư Bà đã dìu dắt, đã hướng dẫn cho Phật tử sống qua những giờ phút tu tập thật nhiều an lạc. Thiết tha niệm Hồng danh A Di Đà Phật và phát nguyện cầu vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Về Giáo lý, Sư Bà đã giảng dạy cho Phật Tử hiểu tận tường hơn về ý nghĩa Tam Quy như Quy Y Phật là Quy y sự GIÁC Ngộ của Đức Thế Tôn; Quy Y Pháp là Quy y theo CHÁNH Pháp và Quy y Tăng là Quy y sự Thanh TỊNH của Chư Tăng, Đoàn thể sống tinh thức và hành trì Giáo lý Phật Đà.

Sư Bà cũng giảng dạy về 3 điều quan yếu (3 Tịnh nghiệp) mà người con của Phật phải tu tập, đó là:

- 1.-Hiếu dưỡng Cha Mẹ, tin sâu Nhân quả.
- 2.-Thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới
- 3.-Phát Bồ Đề Tâm

Ngoài ra, là Phật Tử còn phải, trường dưỡng MƯỜI TÂM:

- 1.-Đại Từ Tâm
- 2.-Đại Bi Tâm
- 3.-Tâm hộ trì Phật pháp

- 4.-Tâm thẳng nhẵn, không chấp trước;
- 5.-Tâm an vui, trong sạch, không tham lợi dưỡng, không ưa thích sự cung kính
- 6.-Tâm cần cầu chứng trí (hạt giống) của Phật
- 7.-Tâm tôn trọng, cung kính tất cả Chúng sanh
- 8.-Tâm không say đắm, chỉ cầu mong sự giải thoát → Bồ Đề Tâm
- 9.-Tâm thanh tịnh, không tạp nhiễm theo những việc xấu ác!
- 10.-Tâm xa lìa các tướng.

Tuy số Đạo hữu tham dự không đông, tổng số vào khoảng 40 người, nhưng Sư Bà đã ân cần, thân thiết hướng dẫn trì tụng Kinh Chú, Niệm Phật và thuyết giảng nhiều Giáo lý thật bổ ích, cũng như giải đáp những thắc mắc của Phật Tử và Đạo tràng đã có được nhiều an lạc.

• Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử VNTN Frankfurt:

Tại địa điểm: Jugendhaus Frankfurter Berg, Julius Brechtstr.10, 60433 Frankfurt, vào 2 ngày 08 và 09.10.05, Chi Hội PTVNTN Frankfurt có tổ chức khóa Tu Bát Quan Trai Giới do Đại Đức Thích Hạnh Tấn, chủ trì và hướng dẫn. Tháp tùng, còn có Cô Hạnh Thông và Chú Thông Trụ. Ngoài ra, còn có sự thăm viếng của Ni Sư Như Viên và Sư Cô Hạnh Trang.

Đại Đức đã thuyết giảng về đề tài Hạnh nguyện của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Ngoài ra, Thầy còn quan tâm sách tấn cho Phật Tử ôn học Chú Đại Bi, Bát Nhã và các Bài Sám.

Đã có 50 Giới Tử chánh thức ghi danh tu Bát Quan Trai và khoảng 30 Đạo Hữu tham dự như khách vắng lai.

Nhân khóa tu này, cũng có một buổi họp bàn về Trại Thanh Thiếu Niên năm 2006; Đây là nền tảng để đi đến kết quả cho việc tổ chức và thành lập Ban Điều Hành Trại, trong phiên họp nhân khóa Tu BQT tại Wiesbaden ngày 22-23.10.05 sắp đến.

Qua một ngày, một đêm tu tập thật trang nghiêm, thanh tịnh cùng với lễ Phật cầu an cho địa phương như thường lệ. Kết hợp với những Phật sự nhiều lợi lạc, khóa tu BQT năm nay tại CH PTVNTN Frankfurt và VPC đã thành công viên mãn.

• Khóa Tu Bát Quan Trai giới tại Chi Hội Phật Tử VNTN Tuttlingen-Rottweil và Tân Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 2006-2010:

Tiếp tục chương trình tu học tại Đức Quốc vào thời gian cao điểm, Chi Hội PT VNTN Tuttlingen-Rottweil đã tổ chức khóa tu Bát Quan Trai vào 2 ngày 15-16.10.05 tại địa điểm: Turnhalle Böhlingen, Oberdorf 20, 78628 Böhlingen – Rottweil.

Ngoài sự chủ trì của Đại Đức Thích Hạnh Tấn, còn có sự hiện diện của Sư Cô Hạnh Trang, đến từ Việt Nam và đang tu học tại Niệm Phật Đường Tam Bảo, Reutlingen, cùng với Sư Chú Thích Thông Trụ và Chú Đồng Tú, thuộc Tăng Chúng chùa Viên Giác, Hannover.

Về Giáo lý, Đại Đức đã thuyết giảng đề tài Tám Bài Kệ để chuyển hóa tâm. Tám Pháp làm cho tâm từ bi phát sanh, hiện hữu. Ngoài ra, theo phương hướng hiện tại, Thầy muốn nhắc nhở, sách tấn Phật Tử ôn học Kinh Chú như Đại Bi, Bát Nhã và các Bài Sám. Thầy nói: Như Bài Sám Khê Thủ, quý Thầy Tổ của chúng ta đều lâu thông và chuyên trì tụng để nhiếp tâm quy ngưỡng về Tịnh Độ.

Nhân khóa tu này, Thầy cũng đã kể lại cho Phật Tử nghe về chuyến hành hương thăm viếng và đánh lễ Tứ Đại Danh Sơn ở Trung Quốc vào tháng 8. 2005 vừa qua do Thầy hướng dẫn với nhiều mẫu chuyện rất bổ ích.

Đã có 29 Giới Tử ghi tên tu Bát Quan Trai và số khách vắng lai khoảng 40 người. Buổi lễ cầu an tại địa phương đã có trên 60 người tham dự; Những con số đáng khích lệ cho một Chi hội Bạn có địa thế khá xa xôi, cách trở.

Đặc biệt, dưới sự chứng minh của Đại Đức, Chi Hội đã bầu Tân Ban Chấp Hành, nhiệm kỳ 2006-2010 với những Thành viên như sau:

- 1.-Chi Hội Trưởng: ĐH Thiện Giáo NGUYỄN VĂN LÝ
- 2.-Trợ giúp CH Trưởng: ĐH Thiện Đức LƯU VĂN PHÚC
- 3.-CH Phó Nội Vụ: ĐH Thiện Giới LÊ VĂN MƯỜI
- 4.-CH Phó Ngoại Vụ: ĐH Thiện Mỹ HỒ THỊ PHƯƠNG DUNG
- 5.-Thủ Quỹ: ĐH Hoa Thiện NGUYỄN THỊ THU HỒNG
- 6.-Thơ Ký: ĐH Thiện Mãn NGUYỄN HỮU HẬU

``Tiên Tổ Phương Danh Lưu Quốc Sư Từ Tôn Tích Học, Hiền Gia Phong``

Hai câu đối trang trọng hai bên bàn Phật và đã gây sự chú ý cho mọi người. Đây chính là tâm tư, hoài bão của Chi Hội PTVNTN Tuttlingen-Rottweil trên bước đường tu học, làm Phật sự.

• Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử VNTN Wiesbaden:

Cuối tuần lễ tiếp theo, vào 2 ngày 22 và 23.10.05, Đại Đức Trụ trì chùa Viên Giác đã hướng dẫn Khóa tu Bát Quan Trai tại CH PTVNTN Wiesbaden & VPC. Tháp tùng, có Sư Chú Thích Thông Trụ.

Tại địa điểm Gemeinschaftszentrum như thường lệ, khóa tu đã trải qua một ngày, một đêm thật nhiều an lạc.

Đã có 50 Giới Tử chánh thức ghi tên tu Bát Quan Trai và một số đồng quý Đạo hữu vắng lai, nhất là trong buổi lễ cầu an, nâng tổng số hiện diện trong 2 ngày tu học lên đến 70-80 người. Thầy đã truyền BQT Giới, hướng dẫn ăn cơm Quá Đường và tu tập thật trang nghiêm, thân thiết.

Về Giáo lý, Thầy đã thuyết giảng về các yếu tố của Bồ Tát để thành tựu sở nguyện và có được 10 Điều lợi cũng như 10 công đức thù thắng!

Đặc biệt, để tập cho Phật Tử tư duy, thảo luận, Thầy đã cho học về Kinh Bát Đại Nhân Giác. Đạo tràng được chia thành 8 Nhóm, mỗi Nhóm 6 người, cùng nhau học, thảo luận và trình bày trước Đại Chúng một điều, trong 8 điều của Kinh nói trên.

Nhờ phương pháp này, mọi người không có thì giờ trò chuyện linh tinh (Một Đạo tràng tu BQT trang nghiêm, thanh tịnh là lòng mong muốn của Thầy) và kết quả, mỗi Nhóm đều có những phát biểu, những tư duy rất lợi lạc. Đặc biệt, hầu như nỗi lo âu vì ``phải trả bài`` như ở Khóa tu tại Frankfurt, tại Tuttlingen không còn nữa.

Nhân khóa tu hôm nay, cũng có một buổi họp về việc tổ chức **TRẠI THANH THIẾU NIÊN PHẬT GIÁO NĂM 2006**, dưới sự chứng minh của Đại Đức Hạnh Tấn và sự tham dự của Đại diện các Chi Hội và của Hội Phật Tử VNTN: Đạo hữu Minh Dũng, Minh Hiếu, Chúc Tiến, Trí Từ, Diệu Đông, Nhật Trọng, Thiện Trang, Quảng Đạo, Thiện Mỹ, Thiện Anh, Diệu Lý.

Kết quả: Một Ban Điều Hành Trại đã được thành lập theo đề nghị của các thành viên trong buổi họp cũng như sự phát tâm của các Đạo hữu trẻ: Minh Hiếu, Diệu Lý, Chúc Tiến, Thiện Đức, vì mục tiêu phục vụ lợi ích chung.

Các ĐH hiện diện cũng hứa sẽ sẵn sàng hỗ trợ cho Trại và đề nghị liên lạc, vận động các Đạo hữu trẻ ở địa phương Heilbronn, vì Trại Thanh Thiếu Niên 2006, dự trù sẽ tổ chức tại đây. Về thời gian: Từ ngày 02 đến 05.06.2006, như đã ghi trong Chương trình Sinh hoạt năm 2006 của chùa Viên Giác, Hannover.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Đại hội Thường niên lần 1 nhiệm kỳ IV GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo

ST PETERSBURG (FL.) - Sau ba ngày làm việc khẩn trương và tích cực, Đại hội Thường niên lần thứ nhất nhiệm kỳ IV Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Hải ngoại tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo (GHPGVNTNHN-HK - VP.II VHD) vừa kết thúc vào chiều chủ nhật 9.10.2005 tại chùa Phật Pháp, thành phố St. Petersburg, bang Florida, Hoa Kỳ. Tinh thần của Đại hội đã được Hòa thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Chủ tịch Hội đồng Điều hành GHPGVNTNHN-HK - VP.II VHD, đúc kết qua Đạo từ bề

Hòa thượng nói :

"Hiện tình Đất nước, Giáo hội, Cộng đồng người Việt hải ngoại vô cùng phức tạp. Hành hoạt của mỗi thành viên chúng ta trước hết và trên hết là tinh thần trách nhiệm. Phải cương quyết không để những dị biệt tiểu tiết làm hỏng đại sự, không để chuyện tư chi phối việc chung, không để những buồn vui ngắn hạn làm trì trệ hành trình dài trước mắt..."

"Đại hội cho thấy, chúng ta phải kịp thời cải thiện phương thức làm việc. Dù phải nhận rằng tổ chức Giáo hội ở hải ngoại đã tiến thật xa trên nhiều mặt, nhất là khả năng nhận diện những gì phải thật sự quan tâm chính yếu. Giáo hội ta là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Thống nhất phải có khả năng mời gọi, đón nhận, cứu mang tất cả những dị biệt trong đại gia đình Phật giáo. (...).

"Sự hình thành và tồn tại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là một điểm son, một sự kiện lịch sử của Đạo pháp. Với bất cứ lý do nào, chúng ta không thể làm sai lệch tinh thần ấy. Đức Phật là Cha chung của chúng ta, chúng ta là những đứa con ngài. Đại hội này xác quyết một lần nữa sự thật ấy. Chỉ có đoàn kết chúng ta mới hỗ trợ được Giáo hội nơi quê nhà. Các thể lực đen tối muốn chúng ta chia rẽ. Nhưng chúng ta cương quyết không bỏ nhau. Chúng ta không để cho xa mặt làm cách lòng..."

Kết thúc Đại hội, toàn thể 33 Phái đoàn phó hội gồm đông đảo chư Tăng Ni và Cư sĩ đã đồng thanh quyết nghị 15 điểm làm hướng chỉ nam cho hoạt động Phật sự của mọi ban ngành và lĩnh vực trong năm 2006: **Kết liên các châu lục, Phát huy nội lực, Đào luyện Tăng tài, Cứu trợ thiên tai**. (Trích TCBC ngày 11.10.2005)

● THÀNH LẬP BAN ĐẠI DIỆN GHPGVNTN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Viện Hóa Đạo trong nước vừa gửi đến Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế để phổ biến bản Quyết định mang số 05/VHD/QĐ/VT do Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN), ký ngày 19.9.2005 chuẩn y thành phần nhân sự Ban Đại diện GHPGVNTN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2005-2007.

Đây là Ban Đại diện Giáo hội thứ năm ra đời trong khoảng thời gian trên ba tháng vừa qua : Ban Đại diện

GHPGVNTN Quảng Nam - Đà Nẵng (8.7.2005) ; Ban Đại diện GHPGVNTN Thừa thiên - Huế (18.7.2005) ; Ban Đại diện tỉnh Bình Định (9.8.2005) ; Ban Đại diện tỉnh Khánh Hòa (27.8.2005) (xin xem chi tiết qua các bản Thông cáo báo chí trên Trang nhà : <http://www.que.me.net> ; và nay là Ban Đại diện tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đồng bào Phật tử trong và ngoài nước đã vô cùng phấn khởi trước tin tức phục hồi trên thực tế các sinh hoạt tôn giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại các tỉnh cơ sở kể từ Đại hội Bất thường của Giáo hội tổ chức ở Tu viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định, ngày 1.10.2003, mặc dù nhà cầm quyền cộng sản còn liên tục đàn áp, bắt bớ, quản chế hàng giáo phẩm cao cấp. Theo tin từ Viện Hóa Đạo thì ngoại trừ hai Ban Đại diện tỉnh Bình Định và Khánh Hòa là bị công an mời đi làm việc, hăm dọa không được tiến hành Phật sự dưới danh nghĩa của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, các Ban Đại diện khác chưa gặp trở ngại nào. Năm bản Quyết định chuẩn y các Ban Đại diện đều được gửi bản sao thông báo đến Ủy ban Nhân dân tại 5 tỉnh nói trên.

Thành phần nhân sự Ban Đại diện Lâm thời GHPGVNTN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2005-2007 như sau :

- Chánh Đại diện: Hòa thượng Thích Trừng Thế
- Phó Đại diện: Thượng tọa Thích Thanh Tịnh
- Phó Đại diện: Thượng tọa Thích Trừng Diệu
- Chánh thư ký: Thượng tọa Thích Thông Thái
- Phó thư ký: Đại đức Thích Vĩnh Phước
- Thủ quỹ: Đại đức Thích Vĩnh Phước (kiêm)
- Đặc ủy Thanh niên: Đạo hữu Phan Văn Lê, Pd. Tâm

Linh

- Đặc ủy Cư sĩ: Đạo hữu Nguyễn Đình Tài, Pd. Tâm

Lợi

(Trích TCBC ngày 11.10.2005)

* Hai Đại sứ Liên hiệp Âu châu và Anh quốc đến thăm Hòa Thượng Thích Quảng Độ tại Thanh Minh Thiên Viện.

PARIS Ông Robert Gordon, Đại sứ Anh quốc và ông David Milliot, Đại sứ Liên hiệp Châu Âu tại Việt Nam, đã từ Hà Nội vào Saigon thăm Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tại Thanh Minh Thiên viện hôm 30.9.2005. Cuộc gặp gỡ thân tình và thông cảm trong việc trao đổi về hiện tình Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Hai vị Đại sứ mở đầu cuộc gặp gỡ với Hòa thượng Thích Quảng Độ bằng thông tin mới nhất về cuộc Điều trần tại Quốc hội Châu Âu hôm 12.9.2005 về tình trạng nhân quyền tại ba nước Việt Nam, Cam Bốt và Lào: "Chúng tôi đã nghe ông Võ Văn Ái và cựu Tăng sĩ Thích Trí Lực điều trần tại Quốc hội Châu Âu, nay chúng tôi muốn được nghe ý kiến của Hòa thượng về hiện tình nhân quyền và tôn giáo tại Việt Nam".

Cuộc trao đổi bắt đầu từ 11 giờ 30 sáng 30.9.2005 và kết thúc vào lúc 13 giờ trưa. Trong khoảng thời gian trên một giờ đồng hồ ấy, Hòa thượng Thích Quảng Độ đã trình bày hiện trạng nhân quyền và cuộc vận động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cho tự do tôn giáo và nhân quyền suốt 30 năm qua (1975-2005). Hòa thượng cho biết từ rất sớm, vào ngày 2.11.1975, đã có 12 Tăng Ni tự thiêu tại Thiên viện Dược sư ở Cần Thơ để đòi hỏi cho quyền tự do sinh hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và nhân quyền cho người dân. Từ đó đến nay đã có 20 chư Tăng và Phật tử tự thiêu để bảo vệ Chánh Pháp. Ngoài ra, 4 triệu người chết trong cuộc chiến tranh vừa qua, bao nhiêu triệu người tàn tật và cô nhi quả phụ đang

sống trong cảnh đói nghèo. Họ đã chết cho lý tưởng độc lập dân tộc và tự do. Nhưng cho đến nay, lý tưởng ấy vẫn còn xa vời. Cuộc đổi mới kinh tế cũng đã đưa đẩy hàng trăm nghìn người lao động và phụ nữ bán dâm xuất khẩu, v.v...

Trong phần kết luận, Hòa thượng kêu gọi hai vị Đại sứ rằng: **"Liên hiệp Âu châu là đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trong vấn đề trao đổi và viện trợ kinh tế. Xin quý vị hãy áp dụng điều 1 trong Hiệp ước hợp tác song phương giữa Liên Âu và Việt Nam ký kết năm 1995 để đòi hỏi CHXHCNVN thực thi các nguyên tắc nhân quyền và dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Xin Liên hiệp Châu Âu hãy góp tay thúc đẩy cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam sớm khởi động. Vì dân chủ là chìa khóa giải quyết tất cả các vấn nạn và thảm nạn tồn đọng từ 30 năm qua. Dân chủ là chìa khóa cho sự phát triển tại Việt Nam cũng như an ninh tại Đông Nam Á"**. (Trích TCBC ngày 03.10.2005)

*** Thượng tọa Thích Viên Định, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo, viết Kháng thư gửi Thủ tướng Phan Văn Khải**

Kể từ trung tuần tháng 7.2005 cho đến nay, Viện Hóa Đạo đã ra bốn Quyết định thành lập các Ban Đại diện tại Quảng Nam-Đà Nẵng, Thừa Thiên-Huế, Bình Định và Khánh Hòa. Nhưng trong hai tháng 8 và 9 vừa qua, công an tại hai tỉnh Bình Định và Khánh Hòa đã không ngừng sách nhiễu, hăm dọa, bắt chửi Hòa thượng, Thượng tọa Đại diện đến "làm việc" nhiều lần hồng hồng bố tinh thần nhằm giải tán hai Ban Đại diện. Nhưng chư vị lãnh đạo Phật giáo ở hai tỉnh đã đấu lý với các cơ quan công quyền, nói lên sự hợp pháp, hợp lý và lập trường kiên định của chư Tăng đối với Giáo hội Dân lập và truyền thống, là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Sau khi thất bại tại Bình Định, hôm 22.9.2005 tại Khánh Hòa, hai Thượng tọa Thích Đồng Tu và Thích Thiện Dương cùng Sư Cô Thích Nữ Thông Mẫn cũng bị triệu tập đến sở Công an "làm việc" trong nhiều ngày. Vẫn một bài bản hăm dọa để Ban Đại Diện chịu tự ý giải tán và trở về với Giáo hội Nhà nước. Nhưng cơ quan công quyền đã gặp phải sức chống đối và bất tuân của toàn Ban Đại Diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Khánh Hòa.

Tại Bình Định, sau khi bắt đi làm việc 18 vị trong toàn Ban Đại Diện. Đặc biệt sách nhiễu, hăm dọa Hòa thượng Thích Tâm Liên trong những buổi "làm việc" căng thẳng đến phải chở Hòa thượng vào bệnh viện cứu cấp. Nay công an Bình Định gây khó khăn việc hộ khẩu và cưỡng bức chỉ định cư trú một cách bất hợp pháp với chư Tăng tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Điển hình là trường hợp vừa xảy ra cho Thượng tọa Thích Viên Hải. Thượng tọa là thành viên của Tổ đình Thập Tháp, được Tổ đình công cử làm Trụ trì chùa Bảo Lâm thuộc môn phái Thập Tháp. Nhưng do bị bệnh, nên kể từ năm 2003, Thượng tọa trở về điều trị và cư ngụ tại Tổ đình Thập Tháp. Kể từ khi Thượng tọa tham gia vào Ban Đại Diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Bình Định ở chức vụ Đặc ủy Cư sĩ, ngày 9.8.2005, thì công an bắt đầu làm khó để đủ điều. Ngày 8.9 vừa qua, Công an huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, ra thông báo cưỡng bức Thượng tọa phải rời bỏ Tổ đình Thập Tháp và chỉ định cư trú tại chùa Bảo Lâm. Nếu không tuân lệnh, sẽ xóa hộ khẩu của Thượng tọa tại Tổ đình Thập Tháp. Thượng tọa viết đơn khiếu nại.

Nhưng đến ngày 13.9.05, công an lại ra thông báo mới, chẳng những cưỡng bức cư trú tại chùa Bảo Lâm, mà còn bắt Thượng tọa Thích Viên Hải phải gia nhập Giáo hội Phật

giáo Việt Nam, tức Giáo hội Nhà nước, trực thuộc Mặt trận Tổ quốc.

Thượng tọa Thích Viên Định, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và là Viện chủ hai ngôi chùa Thập Tháp ở Bình Định và Giác Hoa ở Saigon, vừa gửi Kháng thư đến Thủ tướng Phan Văn Khải phản đối sự việc cưỡng bức cư trú đối với chư Tăng tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Bản thân Thượng tọa Thích Viên Định cũng đang bị quản chế và bị chỉ định cư trú tại chùa Giác Hoa ở Saigon, không cho Thượng tọa tự do về Bình Định để điều hành Phật sự tại Tổ đình Thập Tháp như trước kia. (Trích TCBC ngày 03.10.2005)

*** Đại đức Thích Viên Phương bị phạt 15 triệu đồng Việt Nam vì đã thu hình video Hòa Thượng Thích Quảng Độ đọc Thông điệp gửi LHQ:**

Hôm nay, thứ hai 3.10.2005, Đại đức Thích Viên Phương đã đến Phòng Thanh tra thuộc Ủy ban Nhân dân quận Phú Nhuận, Saigon, để yêu cầu giải quyết đơn Khiếu nại viết ngày 21.9.2005 phản đối Quyết định số 697/QĐ-XPHC của Ủy ban Nhân dân quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh, do ông Chủ tịch Trần Thế Lưu ký ngày 15.9.2005 xử phạt 15 triệu đồng vì đã quay phim Hòa thượng Thích Quảng Độ gửi Thông điệp sang Ủy ban Nhân quyền LHQ họp tại Genève hồi tháng 4 vừa qua.

Nhưng Phòng Thanh tra không chịu giải quyết đơn Khiếu nại, ngoài những giải thích từ ngữ vô căn cứ trong việc xử phạt. Tường cũng nên ghi lại, điều 19 trong "Công ước Quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị" của LHQ mà CHXHCNVN tham gia ký kết năm 1982, quy định:

"Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức tuyên truyền miệng, hoặc bản viết, in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật hoặc thông qua mọi phương tiện đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của họ".

Thế thì Quyết định xử phạt 15 triệu đồng, tính theo mức lương tối thiểu tại Việt Nam là tương đương với gần 43 tháng lương (!!!), cho một quyền tự do cơ bản được quy định và bảo đảm trong Hiến pháp của CHXHCNVN cũng như trong Công ước quốc tế của LHQ, mang ý nghĩa gì đây? (Trích TCBC ngày 03.10.2005)•

SANG CHINA IMBISS

**

Vùng phụ cận Düsseldorf
Giá phải chăng
Muốn biết thêm chi tiết xin
liên lạc với điện thoại :

**

0173 528 53 28

Sinh Hoạt Cộng Đồng

● BUỔI LỄ RA MẮT SÁCH THỨC THỨ TÁM



Buổi lễ giới thiệu sách được khai diễn từ 3 giờ chiều ngày 29-10-2005 tại Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng Sydney NSW đúng giờ như dự định. Điều khiến chương trình là hai bạn

trẻ năng động, duyên dáng, Trần Văn Hải và Nguyễn Diệu Tâm.

Thành phần tham dự: HTT Bảo Lạc, Phương Trưởng chùa Pháp Bảo; TTT Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác đến từ Đức Quốc, TTT Đồng Văn cũng từ Đức Quốc, cùng chư Tôn đức Tăng ni... Về phía quan khách gồm có ông Phan Đông Bích, Chủ Tịch CĐNVTDNSW; Ông Lê Viết Lâm, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Thanh Niên Gia Đình Phật Tử thuộc GHPGVNTNHN; ông Phan Bách, SBS Radio; Nhà thơ Lê Hoàng; Bác sĩ Liêu Vĩnh Bình; G/s Dương Định; G/s Dương Đình Học; L/s Nguyễn Thiếu Văn; Họa sĩ Vi Phát; Nhà văn Mai Loan, cùng rất đông quan khách ngồi đầy hội trường.

Mở đầu phần văn nghệ là bản hợp ca bài HƯỚNG VỀ PHÁP BẢO (thơ Lâm Như Tạng, nhạc Võ Tá Hân) do ban hợp ca Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo thực hiện. Lời ca tiếng nhạc nghe rất thanh thoát, ý nghĩa thâm thúy đầy tình thương và đạo vị.

Tiếp đến là diễn từ khai mạc của T/S Lâm Như Tạng, Tổng Vụ Phó kiêm Thư Ký Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Dục GHPGVNTNHN trình bày về sự phổ cập giáo pháp siêu việt của Phật Giáo vừa nhập thế hướng dẫn cuộc sống con người dứt trừ mọi khổ đau ràng buộc, đạt đến an lạc, hạnh phúc. Vừa xuất thế tĩnh thức, tham cứu tiến đến giải thoát, giác ngộ chân lý... Tất cả những tạo tác, những công hạnh, những hoạt động về Văn Hóa Giáo Dục, những gì hiện hữu quanh ta và kể cả bản thân ta cũng đều là sự biểu hiện của THỨC THỨ TÁM ...

Tiếp theo ông Phan Bách, SBS Radio Sydney, giới thiệu thân thế sự nghiệp và các tác phẩm của tác giả:

- 1- So Sánh Hai Chế Độ Chính Trị của Anh và Hoa Kỳ - Tokyo 1977 (bằng tiếng Nhật).
- 2- Tự Điển Vietnamese – Japanese – Ede (Lâm Như Tạng và T. Shintani etc.) – Tokyo 1981 .
- 3- Nghiên Cứu về Điều Chín Hiến Pháp Nhật Bản - Nhật).
- 4- Những Đặc Điểm Trong Phương Pháp Quản Lý Xí Nghiệp tại Nhật Bản - (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) - Sydney 1988 . v.v...
- 5- Thức Thứ Tám (Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Đức quốc xuất bản 2005)
- 6- Gợi Về Quê Mẹ - Tokyo 1978.
- 7- Hạnh Phúc Từ Đây (Như Tạng và Ngọc Bích) – Tokyo 1982.
- 8- Những Bước Thời Gian – Tokyo 1984 (CD do Hồng Vân ngâm thơ).
- 9- Trọn Vẹn Một Tình Yêu – Sydney 1991 (CD do Hồ Diệp ngâm thơ).
- 10- Con Đường Cảm Thông (truyện thơ). Sydney 1996 (2CD do Hồng Vân, Mai Hiền, Ngô Đình Long, ngâm thơ).

11- Trên Nửa Đồi Đi (Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Đức quốc xuất bản năm 2004) (2CD do Tô Kiều Ngân, Hồng Vân, Ngô Đình Long, Đoàn Yên Linh, Thúy Vinh ngâm thơ), v.v...

11- "Không" sẽ xuất bản trong tương lai gần.

Hiện đang cộng tác với các báo Viên Giác tại Đức Quốc và báo Pháp Bảo tại Sydney; các trang mạng trên Internet như: [www. quangduc.com](http://www.quangduc.com), www.viengiac.net, www.buddhismtoday.com, <http://exryueurope.free.fr>, v.v...

Trong phần phát biểu cảm t ưởng; TT. Thích Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác từ Đức quốc, với giọng nói hiền từ, vui vẻ, cởi mở thường lệ, giới thiệu khái lược nội dung sách Thức Thứ Tám: "Thức Thứ Tám hay A Lại Ya là



thức chủ trong 8 thức. Thức này có nhiều cách gọi khác nhau để chỉ về nhiệm vụ của mình. Tựu chung thức này có 3 việc chính là: Năng tàng, Sở tàng và Ngã ái chấp tàng. Có nghĩa là: Hay chứa,

thuộc về chỗ chứa và chứa ngã chấp từ sự yêu thích. ...

Điều ấy có nghĩa là thức này chứa cả thiện và ác. Các ác pháp khi được các chủng tử luân tập ở bên ngoài kích thích và khởi lên, cuối cùng vẫn tàng chứa nơi thức này và đồng thời cũng do bên ngoài kích thích mà tạo cho các thiện pháp khởi lên, rồi luân tập vào bên trong. Rồi cả 2 thiện ác ấy dầu là chứa một cách tự nhiên hay chứa một cách có điều kiện, cũng là nơi căn bản để giữ lại sự hiểu biết từ bên ngoài đưa đến. Khi một sự việc đã xảy ra, thức này tự chấp vào cái đúng, cái sai ấy; nên thuộc về ngã ái chấp tàng. ...

TT ca ngợi công trình nghiên cứu thật công phu tốn gần 10 năm của tác giả. Với một kho tàng tài liệu được trích dẫn, tác giả dịch gần 100 bài tụng (mỗi bài 4 câu) từ Duy Thức 30 Bài Tụng của ngài Thế Thân, luận về Duyên, Nghiệp, Tánh không v.v... của ngài Long Thọ v.v...

Tiếp theo là bản nhạc PHÁP MẦU VIÊN GIÁC (thơ Lâm Như Tạng, nhạc Võ Tá Hân) do anh Trần Chánh Bình trình bày. Bản nhạc nghe rất hùng hồn chứa đựng nội dung siêu thoát, nói đến sự tích thành đạo của Đức Phật, đó là giác ngộ hoàn toàn, là Viên Giác cũng là tên chùa Viên Giác tại Đức Quốc.



Phần phát biểu cảm tưởng sau cùng là Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trưởng chùa Pháp Bảo. HT có dẫn chứng sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận của Bồ Tát Thế Thân để giải

thích về Thức Thứ Tám. Cuối cùng HT đã ngâm bài thơ có liên quan đến duy Thức Học để tặng tác giả T/S Lâm Như Tạng.

Xen kẽ chương trình ra mắt sách là phần phụ diễn văn nghệ của Ban Văn Nghệ Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo, của Đăng Lan, Tú Phương và Vũ Quang Minh.

Tiệc chay thân mật chấm dứt lúc 6:00 chiều cùng ngày. ●

Hân Hoan Chúc Mừng Hiệp Sĩ Giáo Hội Ông Vincent NGUYỄN VĂN RI

- Cựu Chủ Tịch Cộng Đồng Công Giáo Mönchengladbach - Viersen.
- Cựu Ủy Viên Họ Đạo Đức Mẹ La Vang Giáo Phận Aachen.
- Hội Trưởng Hội Bác Ái Vinh Sơn (Vincent de Paul).
- Phó Chủ Tịch Nội Vụ Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Đức.

Được nhận Giải thưởng Huân Chương cao quý từ
Tổng Thống Đức HORST KÖKLER
**Verdienstmedaille des Verdienstordens
der Bundesrepublik Deutschland**
Ngày 28.09.2005 tại thành phố Mönchengladbach.

Chúng tôi xin được chung vui với Ông và Chúc Mừng về những thành quả đã dẫn thân hoạt động phục vụ tha nhân VĂN HÓA-XÃ HỘI-TỪ THIỆN.

Cố Vấn Tiến Sĩ Âu Dương Thệ & Sư Huynh Hà Đạu Đồng.
Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn Thành Phố Münster.
Ông Bùi Văn Sắc, cựu Hội Trưởng Hội NVTN tỉnh Münster.
Cựu Cộng Đoàn Phó kiêm Thủ Quỹ, kiêm Cộng Đoàn Trưởng CĐCGVN tỉnh Münster.

● THUYỀN NHÂN VIỆT NAM ĐẦU TIÊN NHẬN HUÂN CHƯƠNG TỪ TỔNG THỐNG ĐỨC



Vào lúc 11 giờ ngày 28.9.2005 trong Tòa thị chính Thành phố Mönchengladbach, ông Nguyễn Văn Rị - một trong hơn 10.000 thuyền nhân Việt Nam đã được con tàu nhân đạo CAP ANAMUR cứu sống ngoài biển Đông vào năm 1981 - đã nhận Huân Chương từ Tổng Thống Đức Horst Koehler, một Huân Chương danh dự và cao quý của nước Đức, dành cho những người đã có quá trình đóng góp cho xã hội Đức qua những công tác xã hội, văn hóa và từ thiện. Đây là lần đầu tiên một người Đức gốc Việt vinh hạnh được trao tặng Huân Chương này, và cũng là điều vinh dự cho cộng đồng người Việt tỵ nạn tại nước Đức nói chung và gia đình ông Nguyễn

Văn Rị nói riêng.

Ông Nguyễn Văn Rị và gia đình đã rời quê hương mình vì đối với ông "ở đây không thể sống được và chẳng còn tương lai". Ông đã bị tù tội vì ông là một quân nhân trong



chế độ miền Nam Việt Nam. Người ta ước lượng có đến 4 triệu quân, cán, chính của chế độ miền Nam đã bị tù tội sau khi miền Bắc chiếm trọn miền Nam VN vào năm 1975. Tất cả đều

bị đày vào "trại cải tạo" và sau đó là "vùng kinh tế mới", không cần tòa án xét xử. Năm 1954 khi mới được 5 tuổi, ông đã theo cha mẹ từ miền Bắc di cư vào miền Nam.

8101 người được tàu CAP ANAMUR cứu sống năm 1981)

Sau lần đầu vượt biên thất bại, ông và một người hàng xóm mua lại một chiếc ghe cũ, dài 12,5 m - cao 1,2 m, chèn chúc 101 người vượt biển lần thứ hai với 6 ngày 5 đêm lên đênh vô vọng ngoài biển Đông. "Chỉ một ngày nữa thôi là chúng tôi sẽ chết hết. Chúng tôi chỉ còn vồn vện 4 hộp sữa nhỏ" - Ông Rị kể lại như thế. Cô con gái út của ông (Kim Ngân) lúc đó mới được 10 ngày. Thế rồi 101 người đã được con tàu CAP ANAMUR cứu sống. Sau đó ông bà Nguyễn Văn Rị cùng 4 người con định cư trong tỉnh Moenchengladbach, thuộc Tiểu bang Nordrhein Westfallen. Tại nước Đức ông bà sinh thêm 4 người con nữa. Cháu bé Kim Ngân ngày nay đã trưởng thành và đang theo học ngành thương gia công nghiệp (Industriekauffrau), Bấy người con còn lại hiện đang học đại học hay sửa soạn thi bằng tú tài.



← (Thị Trưởng Norbert Bude đại diện TT Đức trao Huân Chương)

Việc Tổng Thống Đức trao tặng Huân Chương cho một người Việt tỵ nạn đã nói lên sự hội nhập thành công tốt đẹp của người Việt

Nam trên nước Đức. Ông Nguyễn Văn Rị được công nhận là một người dân trong thành phố Mönchengladbach, ông là một thợ máy làm đồ sắt, đồ nhôm của một hãng lớn trong tỉnh Giesenkirchen. Các con của ông đang theo học các ngành: kỹ thuật, kiến trúc, kinh tế và điện tử. Gia đình ông theo đạo Công Giáo và là những con chiên ngoan đạo thuộc địa phận St.Johannes trong tỉnh. Năm 2002, chính Đức Cố Giáo Hoàng Gioan Phaolo đệ nhị đã trao tặng ông tước hiệu "Hiệp Sĩ Giáo Hội Công Giáo" (Pro Ecclesia et Pontifice) vì có công hơn 34 năm dẫn thân làm việc tông đồ giáo dân suốt từ thời gian từ khi còn ở Việt Nam. Từ năm 1982 đã có hàng trăm thuyền nhân Việt Nam cư ngụ trong tỉnh Moenchengladbach. Đến nay đã có khoảng 1.500 người, trong đó có gần 500 theo đạo Công Giáo. Tất cả đều ước mong một nước Việt Nam ngày càng cải thiện tốt đẹp hơn. (Nguyễn H H)

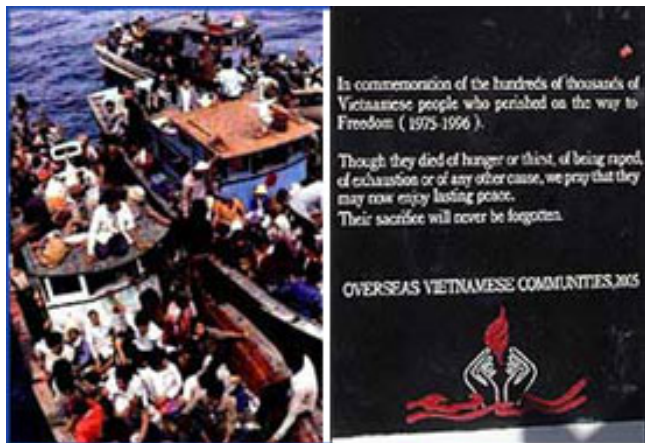
CHÚC MỪNG

Ban Biên Tập Báo Viên Giác xin chúc mừng ông Nguyễn Văn Rị đã nhận được Huân Chương từ Tổng Thống Đức Horst Koehler. Huân Chương cao quý này chỉ dành trao tặng cho những người hữu công trong các công tác văn hóa, xã hội và từ thiện. Đây không những là một vinh dự riêng cho ông Nguyễn Văn Rị mà còn là một vinh dự chung cho Cộng Đồng người Việt tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

● MÃ LAI Á: ĐÀI TƯỚNG NIỆM THUYỀN NHÂN VIỆT NAM Ở ĐẢO BIDONG ĐÃ BỊ TRIỆT HẠ:

Đài Tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam ở đảo Bidong thuộc Mã Lai Á đã vừa bị hạ xuống trong ngày 20 và 21 tháng 10-2005 vừa qua. Đây là Đài tưởng niệm thuyền

nhân thứ nhì bị Hà Nội đòi hỏi phải triệt hạ viện cố nội dung bia tưởng niệm xúc phạm đến uy tín của nhà nước Cộng Sản Việt Nam và làm tổn thương bang giao hai nước.



Theo tin của Văn Khố Thuyền Nhân Việt Nam, có trụ sở tại Victoria, Úc Đại Lợi, phổ biến hôm 22 tháng 10 năm 2005, thì Đài Tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam ở đảo Bidong thuộc Mã Lai Á đã vừa bị hạ xuống trong ngày 20 và 21 tháng 10-2005 vừa qua.

Nguồn tin từ Mã Lai Á cho biết vì Đại sứ Cộng Sản Việt Nam đi Bidong nên chính phủ tiểu bang Terengganu buộc lòng phải triệt hạ đài tưởng niệm thuyền nhân trên.

Đây là Đài tưởng niệm thuyền nhân thứ nhì bị Hà Nội đòi hỏi phải triệt hạ viện cố nội dung bia tưởng niệm xúc phạm đến uy tín của nhà nước Cộng Sản Việt Nam và làm tổn thương bang giao hai nước.

Đài tưởng niệm ở Bidong và Galang, Indonesia, bị đập phá trước đây, đều giống nhau về hình dạng, kích thước và nội dung, chỉ thay đổi một chữ Malaysia(n) và Indonesia(n). Cả hai đều bằng bê-tông cốt sắt cao 2 mét, rộng 1 mét, dày 15 phân, dựng trên một bệ tam cấp bằng bê-tông cốt sắt vuông mỗi cạnh khoảng 2 mét. Hai mặt đài là hai tấm đá hoa cương lớn, cao 1 mét, rộng 70 phân, dày 3 phân, một tấm màu đen, một tấm màu trắng. Tấm màu trắng là Bia Tri ân có nội dung như sau:

In appreciation of the efforts of UNHCR, the Red Cross and Malaysian (Indonesian) Red Crescent Society and other world relief organizations, the Malaysian (Indonesian) Government and people as well as all countries of first asylum and resettlement.

We also express our gratitude to the thousands of individuals who worked hard in helping the Vietnamese refugees.

OVERSEAS VIETNAMESE COMMUNITIES

Tạm dịch Việt ngữ:

Tri ân những nỗ lực của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, của Hội Hồng Thập Tự và Hội Hồng Nguyệt Mã Lai Á (Nam Dương) cùng các tổ chức cứu trợ quốc tế khác, Chính phủ và nhân dân Mã Lai Á (Nam Dương) cũng như các quốc gia tạm dung và các quốc gia định cư.

Chúng tôi cũng tri ân hàng ngàn người đã làm việc tận lực để giúp đỡ người tỵ nạn Việt Nam.

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Tấm màu đen là Bia Tưởng Niệm có nội dung như sau:

In commemoration of the hundreds of thousands of Vietnamese people who perished on the way to Freedom (1975-1996).

Though they died of hunger or thirst, of being raped, of exhaustion or of any other cause, we pray that they may now enjoy lasting peace.

Their sacrifice will never be forgotten.
OVERSEAS VIETNAMESE COMMUNITIES

Tạm dịch Việt ngữ:

Tưởng niệm hàng trăm ngàn người Việt đã bỏ mình trên con đường đi tìm tự do (1975-1996).

Dù họ chết vì đói khát, vì bị hãm hiếp, vì kiệt sức hay vì bất cứ lý do nào khác, chúng ta thấy đều cầu nguyện để họ được yên nghỉ dài lâu.

Sự hy sinh của họ sẽ không bao giờ bị lãng quên.
CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Theo nguồn tin mới nhận được, chính quyền tiểu bang Terengganu buộc lòng phải hạ đài tưởng niệm thuyền nhân tại đảo Bidong là vì Đại sứ CS Hà Nội tại Kuala Lumpur đi thăm đảo Bidong.

Đảo Bidong là một đảo hoang, không có người ở, cách đất liền 30 cây số. Trên đảo chỉ có một số di tích người Việt tỵ nạn còn sót, nhà Thờ, Chùa chiến đều trong tình trạng xiêu vẹo sắp sụp đổ, nghĩa trang có trên 250 ngôi mộ cỏ hoang che kín các lối đi, bia mộ phần lớn đều bị hư hoại.

Việc Đại sứ Cộng sản Việt Nam từ Kuala Lumpur lặn lội 500 cây số tới Terengganu đi thăm đảo Bidong vào mùa biển động, tất cả ghe tàu du lịch và đánh cá đều bị đình chỉ hoạt động từ hồi tháng 9 cho đến cuối tháng 2 năm tới, sự kiện này là một sự kiện hoàn toàn không bình thường và có dự tính rất kỹ lưỡng.

Đài tưởng niệm thuyền nhân ở Bidong được khánh thành ngày 21-3-2005. Trong khi đó Đài tưởng niệm ở Galang được khánh thành ngày 24-3 và bị triệt hạ vào cuối tháng 5 năm 2005 theo sự đòi hỏi của nhà cầm quyền CS Việt Nam. Cả hai đài tưởng niệm đều được dựng lên ở khu vực trại tỵ nạn cũ, nơi mà ngày nay rất ít người lai vãng và cách xa thị trấn hàng chục cây số, một nơi cùng trời cuối đất.

• Việt Nam vẫn bị giữ tên trong danh sách các quốc gia vi phạm tự do tôn giáo



Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tiếp tục giữ tên Việt Nam trong danh sách các quốc gia vi phạm tự do tôn giáo nghiêm trọng nhất thế giới. Tường thuật của các hãng thông tấn Reuters và AFP cho biết trong

bản phúc trình hàng năm nộp cho Quốc hội và được Ngoại trưởng Condoleeza Rice công bố hôm thứ ba, Việt Nam đứng tên chung với Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Miến Điện, Iran, Ả Rập Saudi, Sudan, và Eritrea trong danh sách 'các quốc gia cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo'.

Trong dịp này, Ngoại trưởng Rice cho biết Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ trong năm 2005, trong đó có việc ký kết một thỏa thuận hồi tháng 5 với Washington về việc cải thiện tự do tôn giáo.

Bà Rice nói thêm rằng nếu Việt Nam tiếp tục có tiến bộ thì điều đó sẽ khiến giới hữu trách Mỹ rất cuộc có thể loại tên Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần đặc biệt quan tâm.

Ông John Hanford, Đặc sứ của Chính phủ Mỹ về tự do tôn giáo quốc tế, cho biết trong thời gian gần đây Việt nam 'đã có những nỗ lực đáng kể để cải thiện tự do tôn giáo', trong số đó có việc ban hành những luật lệ mới, trả tự do cho 14 tù nhân tôn giáo, và cho mở cửa lại một số giáo hội từng bị cấm hoạt động.

Theo lời ông Hanford, Chính phủ Hoa Kỳ đặc biệt phấn khởi trước việc giới hữu trách Hà Nội ban bố những luật lệ mới liên quan tới những hoạt động tôn giáo và có những nỗ lực để bảo đảm là những luật lệ này được thực thi. Mặc dầu vậy, một phần là vì Hà Nội vẫn chưa có 'quan hệ bình thường' với một số giáo hội trong nước cho nên Washington vẫn chưa tin là Việt Nam đã làm đủ để được xóa tên trong danh sách các quốc gia cần đặc biệt quan tâm.

Hôm thứ tư, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam, ông Lê Dũng, đã lên tiếng phản đối quyết định của Hoa Kỳ và nói rằng đó là 'một quyết định sai trái, không phản ánh tình hình tự do tôn giáo ở Việt nam'.

Theo lời ông Lê Dũng, 'Hoa Kỳ cần có cách nhìn thực tế để có quyết định đúng đắn' để 'không làm ảnh hưởng xấu đến những tiến triển tích cực gần đây' trong các mối quan hệ song phương. (VOA - 09-November-2005)

● Hòa Thượng Thích Quảng Độ ký Quyết định bổ nhiệm ba vị Chánh Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại Saigon, An Giang và Hậu Giang

Viện Hóa Đạo trong nước vừa gửi đến Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế có trụ sở tại Paris để phổ biến tin ba vị Chánh Đại Diện GHPGVNTN tại Saigon, An Giang và Hậu Giang vừa được công cử.

Cùng trong ngày 5.11.2005, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN đã ký ba Quyết định:

- Quyết định mang số 07/VHĐ/QĐ/VT, bổ nhiệm **Thượng Tọa Thích Không Tánh** đảm trách Chánh Đại Diện GHPGVNTN Miền Quảng Đức (1).

- Quyết định mang số 08/VHĐ/QĐ/VT, bổ nhiệm **Thượng Tọa Thích Thiện Minh** đảm trách Chánh Đại Diện GHPGVNTN Miền Khánh Anh (1) và **Thượng Tọa Thích Chơn Tâm**, Phó Đại Diện Miền.

- Quyết định mang số 09/VHĐ/QĐ/VT, bổ nhiệm **Thượng tọa Thích Chơn Tâm** đảm trách Chánh Đại diện lâm thời GHPGVNTN tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2005-2007.

Bản sao nguyên văn và ấn ký 3 Quyết định trên đây đã được gửi đến: - Chư Tôn đức Giáo phẩm Hội đồng Lương viện, - Văn phòng II VHĐ GHPGVNTN Hải ngoại, - Quý Ban Đại Diện các Miền, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện trong nước "để kính tường và liên lạc hỗ trợ Phật sự", - Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế tại Paris "để phổ biến", và VP VHĐ lưu.

(1) Miền Quảng Đức thuộc Saigon - Gia Định, Miền Khánh Anh thuộc vùng Hậu Giang. Chiếu theo Hiến Chương GHPGVNTN, bản tu chính ngày 12.12.1973 tại Đại Hội khóa 5, thì điều 23 ghi rằng: "Để đồn đốc và thanh tra Phật sự tại các tỉnh, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo bổ nhiệm Đại Diện tại 8 Miền sau khi Ban Chỉ Đạo VHĐ chấp thuận. Tám Miền lấy pháp hiệu của 8 vị Cao tăng Việt Nam như sau: **Vạn Hạnh** (Bắc Trung nguyên Trung phần), **Liễu Quán** (Nam Trung nguyên Trung phần), **Khuông Việt** (Cao nguyên Trung phần), **Khánh Hòa** (Đông Nam phần), **Khánh Anh** (Hậu Giang Nam phần), **Vĩnh Nghiêm** (Phật tử Miền Bắc), và **Quảng Đức** (Đô thành Saigon Gia Định)" (PTTPGQT chú).

(Trích TCBC ngày 09.11.05)

● Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Hải Ngoại tại Seattle

Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Hải Ngoại diễn ra trong ba ngày 7, 8 và 9 tháng 10 năm 2005 trên Cao Nguyên Tinh Xanh tại Washington được ghi nhận là thành công vượt bậc. Bốn sự kiện nổi bật nhất trong Đại Hội là:

- Diễn hành cờ vàng trên Đại lộ South Jackson, qua khu Little Saigon và International District, dẫn đầu bởi "Liberty Bell" lịch sử nặng 4500 lbs.

- Hội chợ Sách thực hiện lần đầu tiên tại miền Tây Bắc đã bán được tổng số 500 quyển.

- 36 nhân vật phụ nữ tài hoa VN đã trưng cao những lá cờ vàng treo trên đỉnh núi Rainier cao nhất miền Tây Bắc Hoa Kỳ và Canada.

- Lễ tuyên dương 18 nữ tác giả và nữ chủ báo / Đài, bởi ba tổ chức cộng đồng VN ở Hoa Kỳ và Canada, cùng một cơ sở văn hóa kỳ cựu nhất hải ngoại. Đó là Kiều Mỹ Duyên (Nam Cali), Vũ Thị Dã Thảo (Canada), Trúc Giang (Pháp), Thu Nga (Dallas, TX), Thư Khanh (Washington), Miền Du Dalat (Nam Cali), Ngọc An (Bắc Cali), Nhật Hạnh (Houston, TX), Vũ Hoài Mỹ (Nam Cali), Kiều Mộng Hà (Desoto, TX), Hoàng Xuyên Anh (Bắc Cali), Hoàng Trúc Ly (Maryland), Chu Kim Oanh (Arizona), Hiền Vy (Houston, TX); hai nữ tác giả cao niên nhất là Jackie Bông (Virginia) và Khuê Dung (Sacramento, CA), cùng nữ lưu trẻ tuổi nhất là Mộng Tuyền, (Arizona) 26 tuổi, Chủ nhiệm Bút Tre Magazine và Chủ biên Quê Hương Radio Arizona.

Buổi dạ tiệc Tạ Ơn có phần văn nghệ giúp vui do một số nghệ sĩ góp mặt như Khánh Hồng, Ngọc Hà, Lê Cát Tiên, Hoàng Mai Nhất, Nguyễn Minh Đường, Quang Adam, Kim Chi...

(Trích Tin Miền Nam News Agency, ngày 04.11.2005)

● Biểu Tình Chống Tuyên Truyền Cộng Sản Tại Melbourne



Hình : Các phóng viên đang tường thuật cuộc biểu tình tại Melbourne ngày 06.11.2005

(Melbourne - VNN) Cùng trong tinh thần của các cuộc biểu tình tại Canberra và Sydney để chống lại các chương trình văn nghệ Duyên Dáng Việt Nam của Việt cộng, trên dưới 2500 người Việt đã tụ lại trước Dallas Brooks Hall, East Melbourne, Úc Châu, để biểu tình chống văn hóa vận của Cộng Sản Việt Nam qua chương trình Âm Nhạc và Nụ Cười. Cuộc biểu tình ngày 6 tháng 11 này đánh dấu lần thứ 4 của người Việt tại Úc Châu trong tuần lễ. Nếu tổng kết số người biểu tình trong tuần qua thì người ta ước lượng là có tổng cộng trên 30.000 người.

Chinh cũng sửa đổi cuộc sống theo học Đại Học và chỉ còn



vài tháng nữa là tốt nghiệp Bauingenieur. Văn hữu nghĩ rằng, Vũ Ngọc Long nếu có linh thiêng, cũng đã rất thỏa nguyện.

Tiếp theo là cháu Vũ Trường Chinh, con trai trưởng của nhà văn Vũ Ngọc Long, đã rất xúc động cảm ơn Ni Sư, Trụ trì và các chú các bác - là những người bạn thân của ba cháu đã dành một sự bất ngờ rất cảm động là đến nay vẫn còn nhớ tưởng đến ba của các cháu để tổ chức một buổi lễ tưởng niệm trang trọng như thế.

Để tỏ lòng biết ơn, các cháu Chinh, Phương, con của ký giả Vũ Ngọc Long, đã trao tặng "**Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó**", thi tập cuối cùng của Vũ Ngọc Long cho quan khách đến tham dự.

Sau cùng, một số văn hữu, đạo hữu theo sự hướng dẫn của nhà thơ Đan Hà đến thắp nén hương tưởng niệm trước phần mộ của ký giả Vũ Ngọc Long tại nghĩa trang Unter den Linden tại Reutlingen. (VG)

* **Đài Việt Nam Hải Ngoại sinh hoạt tại Chùa Viên Giác**

(Hannover - Đức) Trong chuyến công tác tại Đức quốc, phái đoàn của Đài Việt Nam Hải Ngoại VPR (Vietnamese Public Radio) do ông Nguyễn Hữu Hùng (Chủ Tịch), bà Lưu Lệ Ngọc (Tổng Giám Đốc đặc trách về Truyền thanh) và ông Dương Văn Hiệp sáng lập viên từ Hoa Kỳ đã đến sinh hoạt tại chùa Viên Giác vào lúc 16 giờ 30 ngày 21.11.2005 sau chuyến đi Stuttgart - Frankfurt, Herne, München... Tháp tùng phái đoàn còn có bà Ngô Thị Hiền, Chủ Tịch Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo.



Phái đoàn đã trình bày thành quả hoạt động tại Hoa Kỳ từ 8 năm qua và tại Âu Châu từ năm 2003. Nhằm phát triển chương trình phát thanh tại Âu Châu, đặc biệt từ Đức, trong năm 2004 ông Nguyễn Hữu Hùng cũng đã đến Đức để điều

nghiên công tác và tiếp xúc với các vị lãnh đạo tinh thần và Cộng đồng Việt Nam, trong Đại Lễ Phật Đản tại chùa Viên Giác Hannover; trong Đại Hội Công Giáo Việt Nam tại Đức. Năm nay, phái đoàn trở lại Đức nhằm mục đích thành lập Ban Quản Trị của Đài tại Đức quốc, mà đại diện là các ông Đinh Kim Tân, Vũ Duy Toại...

Trong buổi tiếp xúc ngắn với Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Trụ trì chùa Viên Giác, Hannover và một số Phật tử, phái đoàn đề nghị Thầy Trụ Trì tiến cử một vị đại diện để tham gia Ban Quản Trị của Đài...



Ngoài ra, bà Ngô Thị Hiền cũng trình bày thành quả của Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo, không những chỉ đấu tranh với chính quyền Cộng sản Việt Nam trong việc bắt bớ giam cầm những vị lãnh đạo các tôn giáo, mà còn đấu tranh với Quốc Hội Hoa Kỳ để có thể thông qua những dự luật nhân quyền, tự do tôn giáo có lợi cho công cuộc đấu tranh...

Trong buổi sinh hoạt, phái đoàn cũng đã ghi nhận những góp ý hay trả lời thỏa đáng một số thắc mắc. Nhìn chung tất cả đều hoan hỷ mong muốn sớm có một chương trình phát thanh của Đài Việt Nam Hải Ngoại, với nhiều tiết mục của chương trình địa phương tại Âu Châu. (PV)

Vô cùng thương tiếc Tiến sĩ NGUYỄN NAM CHÂU không còn nữa

Một nhà trí thức Việt Nam đã góp phần vào nền đa văn hóa Âu Châu, Tiến sĩ Nguyễn Nam Châu vừa qua đời tại Bruxelles vào tháng 10.2005, hưởng thọ 76 tuổi. Tác giả của những bản Thánh ca nổi tiếng dưới bút hiệu Nguyễn Hoài Chiêu. Tác giả của những tác phẩm Kinh tế, Chính trị và Xã hội học với bút hiệu Nguyễn Nam Châu. Ông tốt nghiệp ba bằng Tiến sĩ tại những Đại học thời danh:

- Tiến sĩ Kinh Tế, Đại Học Strasbourg 1963.
- Tiến sĩ Triết Học, Đại Học Louvain, 1969.
- Tiến sĩ Quốc Gia Văn Chương và Nhân Văn Học, Đại Học Paris, Sorbonne, 1973.

Sau đây, xin giới thiệu sơ lược về tác giả với những sự nghiệp văn học của ông.

"Nguyễn Nam Châu là một tác giả quen thuộc của thế hệ 60-70. Ông đã từng cộng tác với các báo Đại Học, Văn Hóa Á Châu, Quê Hương, Bách Khoa và Văn Nghệ Tiền Phong tại Sài Gòn. Năm 1958, nhà xuất bản Đại Học và nhà sách Nam Sơn đã cho xuất bản hai cuốn "**Sứ Mệnh Văn Nghệ**" và "**Những Nhà Văn Hóa Mới**" của ông, rất được thanh niên ngưỡng mộ. Võ Phiến, trong cuốn "**Văn Học Việt Nam Hải Ngoại**" viết rằng "thanh niên đọc Nguyễn Nam Châu nhiều đến nỗi các danh từ **thân phận con**

người, tha hóa, nguy tín, v.v... lan tràn khắp nơi...". Cuốn **Đại Tự Điển Phổ Quát** (Dictionnaire Universel) do nhà xuất bản Presses Universitaires de France ấn hành năm 1994 cũng nhắc đến ảnh hưởng của Nguyễn Nam Châu đối với thanh niên Việt Nam ở thế hệ 1960.

Năm 1959, Nguyễn Nam Châu đi du học Âu Châu và tốt nghiệp ba bằng Tiến Sĩ tại những Đại Học thời danh: Tiến sĩ Kinh tế, Đại Học Strasbourg 1963; Tiến sĩ Triết học, Đại Học Louvain 1969; Tiến sĩ Quốc gia Văn chương và Nhân văn học, Đại Học Paris, Sorbonne 1973.

Từ 1964 đến 1995, ông chuyên giảng dạy các khoa Kinh tế, Chính trị và Xã hội học trong các Đại Học tại Pháp và Bỉ (Paris, Bruxelles, Louvain). Hiện nay hồi hưu, ông còn viết nhiều sách báo bằng Pháp ngữ và Việt văn.

Mùa thu năm 2002, ông xuất bản cuốn "Karl Marx, con đường huyền hoặc" tại California, Mỹ quốc, trong đó ông phân tích mạch lạc tư tưởng và ảnh hưởng của Marx, rồi kết luận rằng con đường mà Marx đã đưa ra cho nhân loại, với bề ngoài quyền rũ mê hoặc, thực ra chỉ là một con đường cuồng tín huyền hoặc. Ông sắp cho ra một tập nghiên cứu về **Chính trị Kinh tế Nhật Bản** bằng Pháp văn (Les politiques économiques du Japon) và một tập khác về **Nền Kinh tế Thị trường trong Chính thể Cộng sản Xã hội Chủ nghĩa tại Trung Quốc và Việt Nam** hiện nay. Theo lời ông cuốn sách này là một thứ di cảo, giúp cho thanh niên Việt Nam thâm hiểu thực trạng của đất nước và sửa soạn tranh đấu một cách hữu hiệu để xây dựng một xã hội Việt Nam dân chủ, tự do, công bình và thịnh vượng".

Về cuốn "Karl Marx, con đường huyền hoặc" chúng tôi đã có bài điểm sách trên Viên Giác vào năm ngoái (2004). Chúng tôi sẽ cho đăng tiếp một bài viết được xem như một di cảo đầy tâm huyết của ông về Nền Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại.

Bây giờ, Nguyễn Nam Châu không còn nữa! Tiếc thay! Công trình sáng tạo đầy sung mãn và có tính bách khoa của ông mà ông hứa hẹn sẽ công hiến cho chúng ta đành nửa chừng bỏ dở!

Chúng tôi, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam tại Bruxelles thành kính phân ưu cùng gia đình Tiến sĩ **NGUYỄN NAM CHÂU** và cầu chúc Hương Hồn Tiến Sĩ sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

- Linh Mục Nguyễn Hùng Lân
- Gia đình Vũ Kỳ, Nguyễn Ngọc Diệp
(Bruxelles 11/2005)

Bài Cậy Đăng Thư Cám Ơn

Kính thưa Ông Schultz,

Tôi rất mạo muội xin tường trình Ông rõ về biến cố hỏa hoạn đã xảy ra trong gia đình của chúng tôi.

Thứ năm ngày 20.10.2005, buổi trưa vào khoảng 3 giờ, sau khi làm việc xong, người thợ Koch và ông nhà tôi cùng cô con gái thứ ba của tôi, ba người đều lên lầu và về phòng riêng của họ ngơi nghỉ, còn tôi bữa trưa đó không có làm việc, nên ở trong phòng an tịnh thờ Phật để viết sách.

Nhưng bỗng một lúc sau có tiếng chuông cửa reo liên tục và tiếng người đập cửa từ dưới lầu vang vọng lên, tôi còn tưởng là con gái lớn của tôi vừa tan sở về nhà, nhưng, tôi lại nghe tiếng chân cao gót thứ ba đang đi xuống lầu, bỗng kể tiếp nó lại chạy thật nhanh lên lầu và gọi lớn: Má ơi! Phía sau bếp nhà hàng phát hỏa rồi!!!

Tôi giật mình đứng vội lên và đi ra khỏi phòng, con gái tôi và ba nó cũng đang chạy ra phòng khách mở cửa xuống lầu, nhưng sau khi cánh cửa bật mở, thì khói đã bốc lên cao, bay tạt vào phòng, con đường xuống cầu thang tối đen, mùi cháy khét nặc nồng, hai cha con đóng cửa lại rồi vội vàng chạy trở qua phòng khách để gọi điện thoại cho Sở Cứu Hỏa, nhưng tất cả đường dây bị cháy nên không thể gọi được, cũng thời may trong lúc gia đình đang bối rối réo gọi lẫn nhau để ra ngoài, thì tiếng còi xe cứu hỏa của Sở Cứu Hỏa đã chạy đến và kế tiếp xe Cảnh Sát, nhân viên Cảnh sát lập tức xông lên lầu, ra lệnh mọi người phải rời khỏi nhà ngay, vì sợ nổ, bởi lý do cái thùng Gas nằm phía sau tường nhà.

Mười bảy người nhân viên cứu hỏa làm việc sốt sắng, Cảnh sát bỗng mẹ tôi xuống lầu vì bà không đi được và để bà ngồi ở ngoài trước sân nhà hàng, còn bao nhiêu người di tản lẹ làng ra hết ngoài sân và chỉ vồn vện có một bộ đồ trong mình. Sáu chiếc xe cứu hỏa đến tiếp viện, 2 chiếc xe Cảnh sát tăng cường an ninh trật tự, ông Thị trưởng Thành phố và ông Trưởng Sở Cứu Hỏa cũng không vắng mặt. Xe cộ trước hai bên nẻo đường bị chặn lại, một tai nạn nhỏ vì hai chiếc xe tư gia đụng vào nhau, trên con đường từ trên cầu đổ xuống, tuy sơ sài cũng đủ làm phiền phức cho nhân viên Cảnh sát lại phải điều hành xử lý.

Ôi! như là cái chợ Tết ba mươi, hàng xóm láng giềng, cả những người bộ hành cũng dừng lại trên lề đường xem như xem hát, nhiều người cũng có lòng mang nước cho chúng tôi uống và đem áo ấm cho chúng tôi mặc, tiếng người làm việc la inh ỏi, tiếng người xem bàn phán lung tung, chỉ riêng tôi đứng dưới tàn cây cổ thụ nghe như chết điếng cả tâm hồn, một sự việc xảy ra quá bất ngờ, hãi hùng như một cơn ác mộng, chỉ trễ thêm nửa giờ sau và nếu không nhờ vào những người hàng xóm đập cửa, báo động cho xe cứu hỏa, thì thử tưởng tượng hậu quả sẽ ra sao? Thì là cả gia đình 8 người cộng ông Koch sẽ làm mồi cho biển lửa.

Tôi quay đầu lại nhìn mẹ tôi ngoài 80 tuổi, tóc bạc phơ, vai gầy, chân yếu. Và bên cạnh ông chồng 76 tuổi, ông có nhiều rắc rối thường ngày, tuy tóc vẫn chưa bạc màu, vì luôn luôn siêng nhuộm đen, mặc dù chỉ le oe một ít tóc, vì trên đầu cũng gần sắp sới, đi đứng thì khó khăn bởi bị chứng bệnh máu đường rất nặng.

Tôi thì năm đứa con, hai đứa lớn còn đi học ở xa chưa về đến, cậu út thì mới 16 tuổi, nhờ vào hai đứa con gái siêng năng phụ giúp mẹ đỡ dần làm ăn nuôi sống gia đình. Bao nhiêu là gian nan 28 năm trường lưu vong nơi miền đất lạ, lúc con tôi còn nhỏ, đến khi trưởng thành, mà nỗi lo lắng tháng năm vẫn chưa hết chồng chất lên đôi vai gầy của người mẹ, tuy mới 60 tuổi ngoài mà tóc tôi đã bạc màu vì nắng gội sương chan, nụ cười đã tắt trên làn môi khóe mắt, có chăng là chỉ để chào đón khách hàng vào tiệm ăn uống, nhưng khi tiệt tàn, việc hết, thì chỉ còn trả lại cho tôi một khoảng trống của tâm hồn, mỗi nhà một cảnh, tôi không thể nói hết những gì tôi muốn nói, nhưng trên nước Đức 28 năm dài và 18 năm ở thành phố Immenstadt, thay chồng để dạy dỗ con, gồng gánh gian lao tạo thành được một căn nhà hàng nhỏ. Ở tại đây cả gia đình cộng đồng căn lao cam khổ mới gìn giữ được 18 năm trời, nếu hôm nay chẳng may bị thiêu rụi thành biển lửa thì còn đau đớn nào hơn!

Nhưng phước họa vô lường, tôi tạ ơn Phật Trời, tôi thành thật cám ơn những người bạn láng giềng, những nhân viên cứu hỏa của thành phố Immenstadt, những

nhân viên cảnh sát đã tận lực cứu chữa và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi còn nhìn thấy được mái nhà thân yêu.

Tôi cũng chân thành cảm ơn những người khách hàng, bạn thân đã gọi điện thoại và đến viếng thăm gia đình chúng tôi, cũng như ông đã từ Memmingen Stadt tới đây thăm viếng và góp nhiều ý kiến, lo lắng và an ủi tôi.

Sau một tiếng đồng hồ, ngồi hầu chuyện với ông và sau khi đưa tiễn ông ra về, tôi không biết nói gì hơn trước tấm lòng nhân đạo và nhiệt tình của ông bằng sự biết ơn và chân thành ghi nhớ.

Trân trọng kính chào Ông.

Immenstadt 24.10.05
Lý Phách Mai

*
**

Sehr geehrter Herr Schultz,

**über das Feuer-Ereignis in meiner Familie
möchte ich Ihnen hiermit berichten.**

Am Donnerstag, den 20. Oktober 2005, etwa um 15 Uhr hatten wir unsere Mittagspause. Unser Koch, mein Mann und die jüngere von meinen zwei Töchtern gingen in ihr Zimmer im oberen Stock, um sich auszuruhen. An diesem Mittag arbeitete ich nicht, sondern blieb in meinem Buddha-Andachtsraum, um meine Memoiren niederzuschreiben.

Dann wurde an unserer Haustür plötzlich ununterbrochen geklingelt. Im unteren Stock klopfte eine Nachbarin heftig an der Tür. Ich dachte mir, meine ältere Tochter käme von der Arbeit nach Hause. Dann hörte ich die Schritte meiner zweiten Tochter Treppe abwärts und sofort wieder Treppe aufwärts. Sie schrie laut: "In der Küche brennt es!" Ich war völlig erschrocken, sprang auf und lief aus dem Zimmer. Meine Tochter rannte, gefolgt von meinem Mann, durch die Wohnung Richtung der Tür, die den Wohnbereich vom Restaurantbereich trennt. Sie suchten das Feuer zu löschen. Doch es war zu spät. Als die Tür geöffnet wurde, drang der Rauch in die Wohnung. Dicker schwarzer Rauch lag in der Küche und im Treppenhaus. Der Brandgeruch war unerträglich. Mein jüngster Sohn versuchte die Feuerwehr zu alarmieren. Aber die Telefonleitungen waren bereits durchgebrannt.

Glücklicherweise, während wir noch geschockt und gelähmt der Tatsache gegenüberstanden und uns fragten "Was nun?", hörten wir die Sirenen der Feuerwehrgewagen. Eine Polizeibeamtin kam ins Haus und forderte alle auf, das Haus zu verlassen. Wegen des Gases bestand ohnmöglich Explosionsgefahr. Ein Polizeibeamter trug meine gehbehinderte Mutter vom oberen Stock nach draußen auf die Terrasse vor dem Restaurant. Wir anderen eilten mit nichts anderem als das, was wir gerade an hatten, ebenfalls ins Freie. Siebzehn Feuerwehrmänner arbeiteten sehr eifrig daran, das Feuer zu löschen. Mit sechs Feuerwehrgewagen und zwei Polizeiwagen suchten die Hilfskräfte Ordnung zu schaffen. Auch der Bürgermeister war anwesend. Auf der an der Steigbachbrücke gesperrten Straße stießen zwei Pkws zusammen. Obwohl das ein leichter Zusammenstoß war, musste auch hier zusätzlich die Polizei ihre Arbeit erledigen.

Es herrschte ein Getümmel wie auf dem Markt in einer Silvesternacht in meiner Heimat. Nicht nur Nachbarn, sondern auch Passanten sammelten sich am Straßenrand, um das Geschehen zu verfolgen. Hilfsbereite Menschen brachten etwas zu trinken und Jacken, um uns zu wärmen. Lautes Zurufen der arbeitenden Hilfskräfte, Zuschauer redeten untereinander. Da stand ich, unter dem großen alten Baum vor unserem Haus, und fand mich in einer unglücklichen Lage wieder. Das Feuer überraschte mich wie ein böser Alptraum. Noch viel Schlimmeres wäre passiert, wenn die Nachbarn das Feuer etwas später entdeckt und alarmiert hätten. Unser Koch, meine Familie und ich hätten Opfer des Feuers werden können.

Ich sah nach meiner Mutter, die über achtzig Jahre alt ist, mit ihrem grauen Haar, den entkräfteten Schultern und den schwachen Beinen. Daneben war mein 76-jähriger Mann, sein spärliches graues Haar schwarz getönt. Zuckerkrank und mit Bandscheiben-Vorfall ist auch er nicht mehr ganz gut auf den Beinen. Mein jüngster Sohn ist erst sechzehn Jahre alt. Mein ältester Sohn, meine älteste Tochter und mein zweiter Sohn waren während des Unglücks beim Studium, bei der Arbeit und in der Schule. Hier möchte ich meinen tüchtigen Kindern danken, durch deren Mithilfe ich meine Familie ernähren kann.

In den 28 Jahren, in denen ich in einem fremden Land lebe, habe ich die Rolle als Mutter meine Kinder von klein auf großgezogen. Aber die Sorge um meine Kinder trage ich von Jahr zu Jahr weiter auf meinen schwächtigen Schultern. Mit meinem Alter von 60 Jahren sind meine Haare grau, wohl auch von den schwierigen Zeiten, die wie jetzt wieder auf mich zukommen. Mein Lächeln ist schon seit einiger Zeit verblasst. Bei der Begrüßung der Besucher meines Restaurants ist es wieder da. Nach Feierabend jedoch bleibt eine Leere in meiner Seele. Jede Familie hat ihre eigenen Probleme. Ich kann nicht alles sagen, was ich sagen will. Seit 28 Jahren lebe ich in Deutschland, davon 18 Jahre in Immenstadt. In dieser langen Zeit habe ich auch die Rolle meines Mannes übernommen und meine Kinder großgezogen. Am Anfang habe ich das kleine Restaurant mit Fleiß und Schweiß hier aufgebaut, und so blieb es weiterhin.

Stellte ich mir vor, all unsere Arbeit und Mühe wäre komplett im Feuermeer untergegangen, es wäre ein Unerträgliches für mich gewesen. Ich danke Buddha. Ich bedanke mich herzlich bei unseren Nachbarn, den Feuerwehrmännern und den Polizeibeamten, die unser Haus beherzt gerettet haben. Ich bin auch unseren treuen Gästen und den Freunden sehr dankbar für ihr Dasein und ihre lieben Worte.

Es liegt mir sehr am Herzen, dass Sie gleich aus Memmingen zu uns gekommen sind, Ihren Rat gegeben haben und uns beruhigt haben. Ich habe mich etwa eine Stunde mit Ihnen unterhalten. Bei der Verabschiedung fand ich schwer die passenden Worte für Ihre Menschlichkeit und Ihren Beherztheit, die meine Seele tief berührt haben, und die ich in meinem Leben nicht vergessen werde. Herzlichen Dank.

Immenstadt 24.10.2005
Ly Phach Mai

Vietnamesische Original Vorlage
L ưư Dung - deutsche Übersetzung

Tin Tức nước Đức

Lê Ngọc Châu

* Thất nghiệp Đức giảm nhẹ

Berlin: Số người thất nghiệp tại Đức giảm xuống ngoài sự chờ đợi của giới thông thạo. Theo tin của Tổng cục Lao động liên bang thì hiện tại ở Đức chỉ còn có 4,556 triệu người thất nghiệp, so với tháng trước bớt đi 94.000 người. Tính ra chỉ số thất nghiệp là 11,2% (-0,2%). Trung bình tính đến cuối tháng 10.2005 thì Đức mỗi tháng có 4,9 triệu người không có công ăn việc làm, tương đương với 11,7%. Tuy nhiên theo nhận định của giới chuyên gia kinh tế thì thị trường nhân dụng của Đức vẫn chưa có triển vọng hồi phục nhanh được vì tình trạng tăng trưởng kinh tế tại Đức nói riêng còn yếu.

* Stoiber rút ra khỏi nội các bà Merkel

Berlin: Trong khi ban lãnh đạo của CDU/CSU và SPD đang thương lượng vào giai đoạn cuối để thành lập liên minh lớn thì Thống Đốc tiểu bang Bayern, ông Stoiber bất thình lình tuyên bố là ông rút ra khỏi chính phủ của bà Angela Merkel (CDU) và sẽ không giữ chức vụ Bộ Trưởng Kinh Tế và Kỹ Thuật như đã dự định trước đây, lý do theo giới truyền thông là trong thời gian qua đã có sự tranh chấp ngầm giữa Stoiber và bà Merkel. Thay thế ông Stoiber vào chức vụ nói trên là ông Glos (CSU, Chủ tịch khối dân biểu tiểu bang tại Quốc Hội). Sự đổi ý bất ngờ cũng như không có một thái độ dứt khoát tham gia của Stoiber vào tân nội các do bà Angela Merkel lãnh đạo đã làm giảm đi uy tín của Stoiber rất nhiều. Dân Đức cho rằng Stoiber trốn trách nhiệm khi ông ta đã viện dẫn lý do rút lui là vì Chủ tịch đảng SPD, ông Muentefering đã từ chức (vì tranh chấp nội bộ!) nên nội các của bà Merkel trong tương lai sẽ gặp nhiều trở ngại vì Muentefering không còn hậu thuẫn của SPD như trước đây nữa. Qua hành động của Stoiber, ông Westerwelle, Chủ tịch đảng FDP đã mỉa mai và so sánh Stoiber không khác gì Lafontaine (SPD), cũng là một chính trị gia trốn trách nhiệm khi đất nước đang cần sự góp tay của ông. Xa hơn nữa, sự rút lui của Stoiber ra khỏi nội các của bà Merkel, trở về Bayern để tiếp tục giữ chức Thống đốc tại đây đã tạo ra sự

chỉ trích nặng nề trong nội đảng và từ nhiều nhà chính trị gia tên tuổi vốn đã từng tham chính của đảng CSU. Thậm chí họ còn lên tiếng yêu cầu Stoiber nên từ chức Thống Đốc Bayern, lý do là khi Stoiber tuyên bố đi Berlin thì CSU đã chuẩn bị tìm người lên thay thế ông ta tại Bayern. Nay thì tất cả đảo lộn, đầu lại vào đó làm cho hai ứng cử viên là hai ông Beckstein (đương kim Tổng Trưởng Nội Vụ Bayern) và Huber (Tổng Trưởng Phủ Thống Đốc) cụt hứng.

* Hồ Cẩm Đào (Hu Jintao) thăm Đức

Berlin: Tổng Thống kiêm Chủ tịch đảng CS Trung Cộng đã viếng thăm Đức ba ngày kể từ hôm thứ năm 10.11.05. Tổng Thống Đức, Horst Koehler đã tiếp Hồ Cẩm Đào và vợ ông ta tại lâu đài Charlottenburg/Bá Linh. Ngay trong ngày đầu tiên, hai bên đã ký một Hiệp thương hơn 1 tỷ Euro, trong đó có cả đề án chế tạo 60 xe lửa siêu tốc độ của hãng Siemens. Giới truyền thông Đức đã loan tin cũng như phổ biến trên TiVi cảnh nhiều người đứng ngay trước lâu đài Charlottenburg biểu tình chống Hồ Cẩm Đào với những bích chương như chống Trung Cộng vì phạm nhân quyền và đàn áp Tibet. Những tổ chức tranh đấu cho nhân quyền, đảng Xanh và FDP đã lên tiếng đòi hỏi là trong những buổi hội thảo chính trị, chính giới Đức nên đặt câu hỏi với Hồ Cẩm Đào liên quan đến vấn đề nhân quyền. Chuyên gia về đối ngoại của FDP tại Quốc hội, ông Werner Hoyer đã nói là chính giới Đức phải trực tiếp nói chuyện với Hồ Cẩm Đào về sự hạn chế tự do tôn giáo và ngôn luận, bắt bớ giam cầm người đối lập cũng như án tử hình tại Trung Cộng. Bà Chủ tịch đảng Xanh, Claudia Roth còn nhấn mạnh rằng chỉ riêng sự tăng trưởng kinh tế thôi chưa có thể đưa đến chuyện tôn trọng nhân quyền được! Vì thế, kinh tế Đức cần rất ráo hơn trên phương diện lấy kinh tế làm áp lực buộc Trung Cộng phải tôn trọng nhân quyền.

Trong cuộc công du này, Hồ Cẩm Đào cũng gặp và hội thảo với Nữ Thủ Tướng tương lai của Đức, bà Angela Merkel (CDU). Hội Ân xá Quốc tế (AI) đã yêu cầu bà Merkel nên đề cập với Hồ Cẩm Đào về sự vi phạm nhân quyền tại quốc gia do ông lãnh đạo. AI cũng yêu cầu Đức cần phải có sự thay đổi về đường lối chính trị đối với Trung Cộng. Bà Lochbihler (AI) nói, nếu bây giờ mà yên lặng thì đây là một tín hiệu sai lầm. Với một đường lối chính trị như nước Đức đang thực hiện „chỉ biến đổi qua buôn bán (wandeln durch handeln)“ thì nó sẽ không đem lại một

kết quả tốt hay khả quan nào cả trên bình diện nhân quyền.

* Allianz cắt giảm chỗ làm

Leipzig: Trong khuôn khổ cải tổ lại cơ cấu hãng, như báo Financial Times Deutschland (FTD) cho biết thì hãng bảo hiểm Đức Allianz dự tính là sẽ sa thải trong vòng ba năm tới khoảng 8.000 trong tổng số 40 ngàn nhân công đang làm việc cho hãng này. Ngân hàng Dresdner Bank, thuộc công ty Allianz cũng sẽ cắt giảm chừng 2.000 ngàn người. Theo FTD thì qua biện pháp này Allianz tiết kiệm được hơn 500 triệu Euro. Ngay cả chi nhánh ở Ý cũng sẽ bị cắt giảm chỗ làm, qua đó hãng sẽ tiết kiệm được thêm 300 triệu. Xếp của hãng Allianz, Michael Diekmann sẽ cụ thể hóa chuyện này vào đầu năm 2006 sắp tới.

* Bisky, Đàng trưởng PDS thê thảm

Berlin: Một tháng sau cuộc bầu cử Quốc Hội (QH) Đức, Hạ viện mới đã



nhóm họp lần đầu hôm 18.10.2005 để bầu lại Chủ Tịch Quốc Hội và các vị đại diện. Vì CDU/CSU là đảng mạnh nhất trong kỳ bầu cử vừa qua nên theo luật hiện hành CDU/CSU được quyền đề cử người vào chức vụ Chủ tịch: Kết quả TNS Norbert Lammert đắc cử với 564 phiếu thuận (trong tổng số 606). Ngoài ra còn bầu mấy vị đại diện (PCT) cho ông Chủ tịch QH. Trên nguyên tắc mỗi khối dân biểu tại QH được cử ít nhất một người vào chức vụ này nếu TNS đó được quá bán số TNS tín nhiệm. Điều đáng lưu ý là thay vì 4 vị PCT thì lần này 6 vị nên bị các đảng nhỏ phản đối vì như vậy làm tổn hao thêm trong khi ngân sách nhà nước thì thiếu hụt. Kết quả, có 5 TNS được bầu vào chức PCT gồm có các TNS: Bà S. Kastner (SPD), ông W. Thierse (SPD, cựu CTQH), bà G. Hasselfelt (CSU, thành viên Ủy ban bầu cử của Merkel), ông H. Solms (FDP) và bà K. Goering-Eckert (Xanh). Riêng Đàng trưởng Bisky (PDS, hậu thân CS Đông Đức) thất bại ê chề. Ông Bisky, năm nay 64 tuổi bị rút đài cả thảy ba lần, đặc biệt là lần bầu thứ ba chỉ cần hội đủ đa số phiếu đơn giản thôi nhưng ông vẫn không được QH

tín nhiệm. Lý do là các TNS còn nghi ngờ về con người của Bisky, có quá khứ mờ ám, đang bị điều tra đã từng làm ứng-ten cho cơ quan tình báo Stasi của DDR trước đây, đó là chưa kể đến chuyện PDS vẫn còn chủ trương theo đường lối CS cũ nên bị các TNS ngấm ngấm chống đối qua thể thức bầu cử kín. Ông Lammert đề nghị nên thay đổi người khác thay thế Bisky nhưng Trưởng khối dân biểu PDS tại QH, Gysi (cũng bị nghi là có dính líu với Stasi!) hậm hực tuyên bố là không chịu thay đổi nhân sự và sẽ để bầu Bisky cho đến khi nào đạt được kết quả mới thôi. Sau đó Chủ tịch QH tuyên bố dời chuyện bầu Bisky lại. Ngày 08.11, QH nhóm họp và bầu lại vị đại diện thứ 6 cho ông CT Norbert Lammert: Lothar Bisky lần nữa thất bại một cách thê thảm mặc dầu ông ta chỉ cần hội đủ đa số phiếu đơn giản, nhưng kết quả chỉ có 249 TNS ủng hộ và 310 TNS chống, với 36 phiếu trắng. Gysi và PDS rất cay cú, riêng Bisky tuyên bố trên Tivi ngắn gọn một câu là ông ta đã hiểu: Đa số TNS tại QH bất tín nhiệm ông! Sau đó, PDS nói là chức PCT dành cho PDS tạm thời nên để trống. Điều khá khôi hài là PDS quá cứng rắn, tưởng lì như kiểu CS là hơn nhưng rồi vẫn thất bại. Ban lãnh đạo PDS lên tiếng chỉ trích các đảng phái dân chủ thế này thế kia mà không chịu nhìn sự thật phũ phàng là cho dù tân Chủ tịch QH Lammert, ban lãnh đạo SPD và Xanh trước khi bầu lần thứ 4 đã kêu gọi thành viên của họ lần này nên ủng hộ Bisky và ngay cả PDS, trước đó cũng đã lên tiếng khẳng định nhất trí ủng hộ Bisky nhưng ngoài 36 phiếu trắng vẫn có 310 TNS bỏ phiếu chống ông Bisky trong khi CDU/CSU và FDP tính ra có tới đa tất cả 287 phiếu! Vị chi có thêm 23 phiếu chống (chưa kể 36 phiếu trắng) từ cánh SPD, Xanh và PDS.

* Đức: Xong thỏa ước liên minh lớn

Bá Linh: Tám tuần sau khi bầu cử xong Quốc Hội Đức, liên minh lớn giữa CDU/CSU và SPD đã soạn xong hiệp ước cầm quyền cho nhiệm kỳ 2005-2009.

Sau đây là những điểm chính mà hai bên đã thỏa thuận với nhau sau nhiều tuần hội thảo giữa ban lãnh đạo của CDU/CSU và SPD:

- Thị trường nhân dụng: Luật sa thải được nới lỏng. Thời gian làm thử (Probezeit) sẽ được tăng lên 24 tháng (đến nay 6 tháng) cho những xí nghiệp có hơn 15 nhân công.
- Thuế: Thuế trị giá gia tăng sẽ tăng từ 16 lên 19%, bắt đầu từ năm 2007 trở đi. Tuy nhiên đặc biệt cho thực phẩm và các sản

phẩm khác như đồ ăn cho gia súc, hoa, hay báo chí (Presse) ... vẫn 7% thuế như trước đây.

Thay vào đó, nguyệt liếm thất nghiệp sẽ được giảm từ 6,5% xuống còn 4,5%, nhằm mục đích giảm bớt gánh nặng cho giới chủ nhân hầu tử đó tạo thêm công ăn việc làm cho dân Đức.

- Những ai độc thân nhưng kiếm lương hơn 250 ngàn Euro/năm hay vợ chồng lương hơn 500 ngàn Euro/năm sẽ phải đóng thêm 3% tiền thuế, gọi là „thuế nhà giàu“, ngoài thuế lương bổng phải đóng là 42%.
- Những ai trực, làm ca đêm hay làm vào những ngày lễ vẫn không phải bị đánh thuế. Nhưng nếu ai có lương trên 25 Euro/giờ thì phải đóng khoản tiền bảo hiểm xã hội (Sozialabgabe).
- Tiền xe đi làm từ nhà đến hãng bị cắt giảm. Chỉ phụ cấp cho khoảng cách hơn 20km mà thôi.
- Luật mua bán chứng khoán hay nhà cửa cũng bị thay đổi. Từ năm 2007 trở đi, tiền lời qua những dịch vụ này phải đóng thuế 20%. Cho đến nay tiền lời bán nhà sau 10 năm hay bán công khó phiếu (Aktien) sau thời gian 1 năm kể từ khi mua không bị đánh thuế.
- Tiền trợ cấp ALG II ở phía Đông được nâng lên 345 Euro/tháng, ngang với phía Tây Đức.
- Tuổi bắt đầu về hưu được nâng từ 65 lên 67 tuổi theo từng giai đoạn.
- Sự cải tổ về y tế và chăm sóc vì còn quá nhiều dị biệt nên hai bên đồng ý hoãn lại và sẽ thương lượng nay mai, trong thời gian liên minh lớn cầm quyền.
- Bảo hiểm hưu trí tăng từ 19,5 lên 19,9%.
- Chính phủ sẽ chi ra 25 tỷ Euro cho quỹ có tên là quỹ tương lai trả phụ cấp tiền cho người cha hoặc mẹ (Elterngeld) tối đa 1.800 Euro/tháng, giúp đỡ chương trình nghiên cứu kỹ thuật hay những đề án về giao thông. Để thực hiện, nhà nước dự tính sẽ bán đi một phần số vàng Đức đang tồn kho dự trữ.

Đại hội đảng đặc biệt của đảng CDU, CSU và SPD hôm 14.11.2005 đã chuẩn y thỏa ước nói trên do bà Merkel và các ông Stoiber (CSU), Muentefering và Schroeder (SPD) cũng như với sự tham dự của cấp lãnh đạo hai bên soạn thảo và ký kết, mở đường cho chuyện bầu bà TS Angela Merkel (CDU) vào chức Nữ Thủ Tướng đầu tiên và trẻ nhất của Đức vào ngày 22.11.05 sắp tới.

* Muentefering từ chức, Platzeck kế vị

Berlin: Liên quan đến sự tranh chấp trong nội đảng SPD, Đảng trưởng Muentefering tuyên bố từ nhiệm và sẽ không ra tranh cử chức Chủ tịch trong kỳ Đại hội đảng SPD tại Karlsruhe vào ngày 14.11.2005. Muentefering cảm thấy mất mặt cũng như nhận thấy ban lãnh đạo SPD không ủng hộ ông ta trong việc bầu ứng cử viên tín cẩn của ông và do ông ta đề nghị là Kajo Wasserhoevel vào chức Tổng bí thư đảng SPD mà lại tin nhiệm bầu bà Nahles thuộc cánh tả của SPD vào



chức vụ quan trọng hai của đảng SPD, sau chức Chủ tịch. Sự từ chức của Muentefering gây khủng hoảng lớn cho SPD nhưng hai ngày sau, ban lãnh đạo SPD đã tìm ra được người kế vị, đó là ông Platzeck, đương kim Thống Đốc bang Brandenburg. Đứng ra ông Kurt Beck, Thống Đốc bang Rheinland-Pfalz là người thứ hai cũng được đề nghị vào chức Đảng trưởng SPD nhưng ông Beck viện cớ là phải lo cho cuộc bầu cử Nghị viện tại đây vào tháng 3.2006 nên nhường cho Platzeck sau cuộc nói chuyện kín với nhau và ông Beck bằng lòng chấp nhận vai trò đại diện Đảng trưởng. Qua sự từ chức của Muentefering, bà Nahles trở thành đối tượng bị chỉ trích nặng nề từ nội đảng SPD, kết án bà ta vì tham vọng cá nhân đưa đến sự từ nhiệm của Muentefering và tạo ra sự khủng hoảng trầm trọng cho SPD khi mà cuộc thương thảo thành lập liên minh lớn giữa CDU/CSU và SPD do Muentefering cầm đầu đang tiến hành. Nhận thấy khó khăn có thể đến với mình, bà Nahles không những bỏ ý định ra tranh cử chức Tổng bí thư đảng mà còn từ khước luôn chức Đại diện Đảng trưởng (5 đại diện) trong Ban lãnh đạo SPD.

Ngày 14.11.05, SPD trong kỳ Đại hội Đảng tổ chức tại Karlsruhe đã chuẩn y hiệp ước liên minh với CDU/CSU để thành lập chính phủ do bà Merkel (CDU) lãnh đạo và ngày hôm sau đa số đại biểu tham dự (99,4%) cũng đã bầu ông Platzeck vào chức Đảng trưởng SPD thay thế ông Muentefering. Ngoài ông Beck đắc cử vào chức Đệ nhất Phó Chủ tịch Đại diện Platzeck ra còn có bà B. Dieckmann (Bonn), bà Vogt (Baden-

Wuettemberg), bà Ferner (Saarland) và ông Steinbrueck được tín nhiệm vào chức Phó Chủ Tịch, Đại diện Đảng trưởng Platzeck. Để trẻ trung hóa thành phần lãnh đạo đảng, SPD cũng đã bầu ông Heil, 33 tuổi vào chức vụ Tổng bí thư đảng thay thế ông Benetter với 61,7% đại biểu ủng hộ. Sau bà Merkel (CDU), Matthias Platzeck là người thứ hai gốc Đông Đức cầm đầu một chính đảng lớn của Đức. Ông Platzeck, năm nay 51 tuổi, là một Kỹ sư đã từng dẫn đầu tranh đề bảo vệ môi trường ở Đông Đức trước khi nước Đức thống nhất. Ông Platzeck lên thay Stolpe và đang lãnh đạo liên minh cầm quyền SPD/CDU tại Brandenburg từ 1999.

* Tân Nội Các của Nữ Thủ Tướng Merkel

Bá Linh: Ngày 22.11.2005, Quốc Hội Đức đã bầu lại Thủ Tướng Đức. Kết quả bà TS Angela Merkel đắc cử với sự tín nhiệm của đa số TNS thuộc liên minh lớn CDU/CSU và SPD do bà ta lãnh đạo nhiệm kỳ 2005-2009, chính thức thay thế chính quyền tiền nhiệm Xanh-Đỏ. Sau đây là thành phần tân nội các chính phủ Đức:

- TS. Anegela Merkel (CDU):** Nữ Thủ Tướng
- Ông Glos (CSU) : Kinh tế và Kỹ thuật,
- Ông Seehofer (CSU): Bảo vệ Tiêu thụ và Canh nông
- Ông W. Schaeuble (CDU): Nội Vụ
- Ông F. Josef Jung (CDU): Quốc Phòng
- Bà A. Schavan (CDU): Giáo Dục
- Bà von der Leyen (CDU): Gia Đình.
- Ông Thomas de Maiziere (CDU): Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng.

SPD được 8 ghế Bộ Trưởng, gồm có:
 -Ông Franz Muentefering : Lao Động kiêm Phó Thủ Tướng (đại diện Thủ Tướng).
 -Bà U. Schmidt : Y Tế.
 -Ông P. Steinbruecke: Tài Chánh.
 -Bà Wiczorek-Zeu: Giúp đỡ phát triển.
 -Bà B. Zypries: Tư Pháp.
 -Ông Gabriel: Môi Sinh.
 -Ông W. Steinmeier: Ngoại Giao.
 -Ông W. Tiefensee: Giao thông và xây dựng phía Đông.

• LNC (Munich, tháng 10 - 11.2005)

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, TZ, FAZ, die Welt,, Handelsblatt, Focus, N -TV....

* Thơ

Ngàn Năm Mây Bay !

(Huyền-Sử Ca những người phi-công một thời mang tên Phi-Hổ)

● Trần Ngọc Nguyễn Vũ (Vùng trời kỷ-niệm !)

*Anh phi-công Phi-Hổ
 Một đời chẳng quản nguy-nan
 Từ miền Thủy-dương giải nắng
 Vượt giải Trường-Sơn mây trắng ngút ngàn*

*Xoải cánh bình Nam phạt Bắc
 Canh dòng Bến-Hải
 Trấn mãnh không-gian cản bước thù.
 Từ Tết Mậu-Thân trời xác giặc
 Máu đỏ loang theo sóng nước sông Hàn (1)*

*Đà-Nẵng Xuân về mang nỗi nhớ
 Nhớ người lính chiến hiên-ngang
 Một lối đi về sinh tử
 Lạnh-lùng như chiếc lá rơi
 Nhớ anh lúc biệt cõi đời
 Thân chìm thủy-tàng biển khơi mịt mù (2)*

*Nhớ anh giây phút chơi-vơi
 Hoa dù bung nở lưng trời nước mây. (3)*

*Anh phi-công Phi-Hổ
 Một thưở tung hoành
 Dọc ngang trên vùng lửa đạn
 Vút ánh sao băng...thân xác đã tan tành*

*Nào ai người đưa tiễn
 Nào ai người khóc anh
 Mây Trường-Sơn ủ đời xanh
 Chiêu hồn tử-sĩ quyền vành khăn tang.*

*Anh phi-công khu-trục
 Những người trai kiêu-hùng
 Đạn thù gãy gục cánh chim
 Buổi ra đi mây ai tìm xác rơi.
 Trăng mờ núi rừng thồn-thức
 Nâng niu từng mảnh phi-bào
 Đêm về ru giấc chiêm-bao
 Đêm nằm nghe gió hạ Lào thờ than.*

*Có ai đi qua Đại-Lộ kinh-hoàng
 Nhớ ghé vào thăm cổ-thành Quảng-Trị
 Nghe mưa kể chuyện Nguyễn-Du (4)
 Câu chuyện bi-hùng của những người
 trai thời loạn
 Hồn-phách anh-linh còn gợn sáng cõi
 xa mù*

*Lao mình vào cơn bão lửa
 Đại-cuộc không thành
 Lấy thân đền nợ nước
 Ngàn đời...sử sách lưu danh.*

*Đêm nay các anh về lưng lững
 Như ngày xưa lưng lững giữa trời mây
 Về đây điểm lại từng khuôn mặt
 Mà thấy lòng mình ngày ngất say
 Như mảnh hổ nhớ rừng say trắng giời
 Cát tiếng gầm vang dội thể gian này
 Qua ánh mắt thấy bùng lên tia lửa
 Hào-khí người trai vẫn sáng ngời
 Quê người lưu-lạc bao năm tháng
 Tráng-sỹ vẫn mài gươm dưới trăng
 Nuôi chí mong chờ ngày trở lại
 Vùng trời xưa áp-ủ trong lòng
 Dẫn đoàn khu-trục về phi-diễn
 Phát-phối cờ bay ngợp phố-phường
 Có những cụ già gờ tay vẫy
 Mừng anh về giải-thoát quê-hương
 Có người em gái không trang điểm
 Ngước mắt long-lan đứng nép bên
 đường
 Trái tim hồng rạo-rực
 Gợi đến anh lời thăm-kín thân-thương
 Về nghe anh
 Bao lâu rồi
 Bao nhiêu người vẫn đợi
 Được nghe vang khúc nhạc quân-hành
 Đón những người không-quân uy-dũng
 Những anh phi-công Phi-Hổ
 Một thửa lưng danh
 Anh-hùng giết giặc
 Những người anh em mong nhớ vô
 vàn
 Nhớ về nghe...ghé Hội-An
 Nhìn em dệt lụa lụa vàng tung bay.*

Ghi Chú:

Chú-Thích : (1) Sáng sớm ngày mồng một Tết năm Mậu-Thân (1968) một phi-tuần khu-trục của phi-đoàn Phi-Hổ 516 bay bao vùng Đà-Nẵng-Hội-An đã phát hiện và chặn đánh đoàn quân Cộng-Sân đang bơi qua sông Hàn để tấn công thành phố; hàng ngàn quân CS cuồng-tín đã trở thành những tấm bia thịt cho hai con mãnh-hổ đang gầm rú quần-thảo trên không. Xác giặc trôi lênh-bệnh như những cánh bèo đầy sông, máu loang đỏ như nước sông Hồng năm Kỷ-Dậu. Nhờ vậy mà thành phố Đà-Nẵng đã không bị Cộng quân tàn phá như những thành phố khác của miền Nam, và người dân Đà thành đã được ăn trọn vẹn một cái Tết lịch-sử.

(2) Phi-Hổ Trần Thành-Thiệt (63A) trong một phi-vụ võ-trang tuần-thám ban đêm, trong lúc xuyên mây để lên cao độ bình-phi, phi-cơ của anh đã bị nạn và đâm xuống biển. Một tuần lễ sau vào một ngày mưa dầm gió Bắc, có một ngư-phù già đến cổng gác của Không-Đoàn 41 xin vào gặp Trg/Tá Khánh Tư-Lệnh KĐ, nói là nửa đêm hôm ấy cụ đã thấy chiếc phi-cơ rớt gần nơi cụ đang giăng lưới. Người nhái lặn xuống tìm thấy xác người phi-công được thủy táng nằm trong phòng lái của phi-cơ; thân xác anh đã bị cá ría gần hết.

(3) Phi-Hổ Thiệu-Tá Dương-Thiệu-Hùng trong một phi-vụ Bắc phạt, phi-cơ bị trúng đạn đã cố bay về đến Đà-Nẵng, và nhảy dù ngoài biển trước khi phi-cơ phát nổ.

(4) Phi-Hổ Nguyễn-Du nổi danh anh-hùng sát Cộng đã bị bắn rớt tại Quảng-Trị và bị giặc Cộng treo lên cây xử "tùng xẻo" cho đến chết. ●

Tin Thế Giới

Sơ kết cuối năm 2005

• Phan Ngọc

▣ Một thế giới mong manh

Tất cả biến cố xảy ra trong năm 2005 chứng tỏ thế giới ngày nay là một thế giới hết sức mong manh. Đợt sóng thần cuối năm 2004, Bão Katrina; Rita, Wilma ở Ca-ri-bê và Mỹ, động đất ở Pakistan cho thấy con người bất lực khi thiên nhiên nổi giận. Trong trường hợp tốt nhất, con người có thể phát minh, kiến tạo hệ thống bạo động và tổ chức tốt để giới hạn hậu quả của tai họa. Dưới khía cạnh này, cộng đồng quốc tế đang bước những bước đầu tiên. Và trong viễn cảnh mở mang con người lâu dài, con người phải bắt tay vào công việc ấy. Kể từ khi khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc, người ta ý thức đến những nguy hiểm xưa kia khó tưởng tượng. Giả thuyết một tiểu hành tinh đâm vào địa cầu, gây ra tai biến giống như tai biến giết sạch loài khủng long cách đây 60 triệu năm không phải là điều gì mới lạ. Điều mới lạ là người ta đang dự tính đặt ra phương tiện có thể làm cho quỹ đạo của hành tinh đổi hướng. Đây là một trong những nhiệm vụ của Nasa ngày 05.7.05 trên sao chổi Tempel I.

Những suy nghĩ nêu trên cho thấy nhân loại đang đứng trước hai loại nguy hiểm thiên nhiên: Loại nguy hiểm có thể dự đoán, do đó có thể giới hạn tai hại và các loại nguy hiểm khác. Vậy phải tổ chức xã hội loài người như thế nào để bảo đảm sự sống còn? Thế nhưng, từ đầu thế kỷ XXI, con người tỏ ra kém khả năng bảo đảm an ninh xã hội trước cuồng vọng của con người. Ví dụ gần đây nhất: Đợt khủng bố tại Luân Đôn do công dân Anh dính líu với Al-Quaida tổ chức ngày 07.7.05. Còn có loại nguy hiểm trung gian giữa nguy hiểm thiên nhiên và nguy hiểm xuất phát từ tính hung hăng không nín được của con người. Một trong những hậu quả của sự mở mang kinh tế thế giới trong những thập niên sau cùng là sự hâm nóng địa cầu dưới ảnh hưởng của sự xuất tiết hơi có tác dụng nung nóng. Điều mà người ta bàn luận là tầm quan trọng của hiện tượng này đối chiếu với chu kỳ thiên nhiên của CO₂ và nhất là những biểu lộ của hiện tượng hâm nóng. Ví dụ như mực nước biển dâng cao hoặc bão tố. Năm tháng trôi qua, nhưng chưa có phương cách giải quyết. Quy ước Kyoto mà Nga vừa gia nhập không có hiệu lực nếu các nước lớn gây nhiều ô nhiễm đứng bên ngoài. Và người ta dự đoán trong những thập niên sắp tới, liên hệ quốc tế sẽ mở sang sinh thái học và môi trường sẽ có tầm quan trọng đặc biệt.

Bởi không có những trả lời thích hợp, thế kỷ XXI sẽ đứng trước một thảm kịch mới đồng thời con người khó tránh khỏi điều ghê tởm xuất phát từ khía cạnh đen tối của con người, bao gồm bạo lực và hung ác. Vào thế kỷ XX điều ác tuyệt đối là Quốc xã và Cộng sản, chưa kể đến tàn bạo dai dẳng ở Phi Châu. Năm 2005, ai có thể quả quyết rằng thế kỷ XXI không thể bi thảm như thế kỷ trước? Ai có thể đoán chắc rằng nếu an ninh tập thể có thể có đủ sức mạnh để ngăn chặn điều hung ác luôn tái sinh?

• Jean-Paul II

Bởi mọi người đều cảm nhận các câu hỏi xác đáng ấy nên cái chết của ĐGH J-P II có tầm vang dội trên toàn thế giới. J-P II mất ngày 02.4.05 sau 26 năm nhiệm kỳ được đánh dấu bởi một hiện tượng lịch sử quan trọng nhất của hậu bán thế kỷ XX: Sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản,

ĐGH đã tích cực đóng góp vào sự cố này. Mức độ tâm linh và đức tin làm vui lòng đa số và buộc đa số phải đón nhận mình trong đời sống cộng đồng đã ghi dấu một thời đại ĐGH đã tỏa rạng ra khỏi thế giới Thiên Chúa giáo. Đường đi do J-P II chỉ vạch rất quan trọng, càng quan trọng hơn bởi lịch sử các tôn giáo, kể cả lịch sử tôn giáo gần đây nhất, thường biểu lộ khuynh hướng cực đoan. Hiện nay, khi đề cập đến sự va chạm giữa các nền văn minh, người ta nghĩ ngay đến chiến tranh tôn giáo. Qua lời nói cũng như việc làm, J-P II không ngớt đặt tôn giáo vào vị trí của nó và nhắc nhở rằng nhân loại có tương lai chỉ trong khuôn khổ phương pháp tiến hành tâm linh và ngoài khuôn khổ ấy, tất cả công trình của con người nhằm đối phó với bạo lực và đòi bại tất phải thất bại. ĐGH biết rằng thế kỷ XXI là một thế kỷ đầy nguy hiểm nếu không có đức tin, hy vọng và nhân ái.

Thỉnh thoảng các tôn giáo lớn sinh ra những người lãnh đạo tinh thần vĩ đại vì họ đã truyền đạt những thông điệp sâu sắc tương tự nếu những thông điệp ấy không biến thành công cụ của chính trị và bạo lực. Nhiệt tình hướng về ĐGH diễn tả nhu cầu lớn lao có những nhà lãnh đạo tinh thần thừa khả năng giúp đỡ con người rút tỉa phần tốt nhất của mình trên lãnh vực cá nhân cũng như tập thể.

• Trung Quốc vượt lên

Tuy nhiên, phải trở về ngang tầm mức chính trị thế giới. Viễn cảnh thật bao la cho nên trừ tính điều có thể xảy ra không cho phép có dự đoán rõ ràng trên thang bậc vài thập niên. Nơi chân trời một thế hệ, không ai có thể nghĩ rằng bất cứ quốc gia nào đang lên có thể có khả năng cạnh tranh với Mỹ trong vai trò siêu cường. Nhưng trong dài hạn, trò chơi hoàn toàn mở rộng.

Trung Quốc vươn cao đồng thời ám ảnh Mỹ và các đầu óc trên toàn thế địa cầu. Nhưng TQ vươn cao đến đâu? Sau 27 năm phát triển liên tục dưới sự dẫn dắt của một tập đoàn lãnh đạo đầy khả năng thích ứng với thời thế, TQ trở thành cường quốc kinh tế, kỹ thuật, khoa học quan trọng. Thừa hưởng một trong những nền văn minh cổ nhất, một lãnh thổ rộng bằng lãnh thổ Mỹ, với dân số 4 lần nhiều hơn, TQ có tiềm năng tiến đến vị trí số 1 về mặt kinh tế trong thế kỷ này, trước Mỹ. Dĩ nhiên, đây là một giả thuyết. Cũng có thể kể đến những trường hợp khác và không thể loại bỏ những khuynh hướng rẽ đường. Hiểu theo khía cạnh này, TQ có thể suy sút về mặt kinh tế lồi theo hậu quả chính trị xã hội khó lường. Bởi chung quy tính chất chánh đáng của đảng chỉ dựa trên sự phát triển kinh tế mà thôi. Ngay đối với những ai lo sợ sức mạnh đang lên của TQ. Sơ đồ khủng hoảng kinh tế không mang lại điều gì đáng vui mừng, bởi kinh tế TQ suy sụp sẽ tác hại mạnh đến sự phát triển của thế giới. Điều không gây ngạc nhiên là nước bị TQ ám ảnh nhất là Mỹ, một nước quen chiếm phía trước sân khấu thế giới gần một thế kỷ nay, một nước mà học thuyết căn bản là cần đường của bất cứ ai mang tham vọng xét lại ưu thế của Mỹ kể từ khi khối Cộng sản tàn rụi. Mối lo ấy thúc đẩy Hoa Thịnh Đốn công khai báo động về sự hiện đại hóa quân đội TQ trong khi khả năng của nó không đáng gì trước quân đội Mỹ: Mỹ xem việc TQ đe dọa Đài Loan là một cái cớ để chống lại ý đồ Pháp-Đức xóa bỏ lệnh cấm buôn bán vũ khí với TQ. Thật sự, sự hòa giải giữa Cộng Hòa Nhân Dân TQ và Quốc Dân Đảng, mối dây liên lạc kinh tế giữa Bắc Kinh và Đài Bắc đang đẩy xa viễn tượng chiến tranh. Trong chiều sâu, Mỹ không bao giờ vừa lòng nếu Đài Loan hòa giải với TQ cũng như không thích Triều Tiên thống nhất và nói tổng quát hơn, Mỹ e ngại trước bất cứ điều gì có thể bắt buộc Mỹ phải rút khỏi Á Đông. Cuối cùng, Mỹ rất lập lờ về Trung Quốc.

Trên địa hạt chính trị, Mỹ mong muốn vùng này ổn định. Mọi hợp tác hữu nghị Bắc Kinh-New Delhi sẽ tăng cường thế đứng của Pakistan, một chủ bài then chốt của chiến tranh chống khủng bố. Trên địa hạt kinh tế, Mỹ sẵn sàng tham dự vào sự phát triển của TQ. Điều này dẫn đến những

thái độ tương phản nhằm ngăn cản TQ mở mang sức mạnh. Về nhân quyền, thái độ của Mỹ thường là thái độ chọn lọc.

TQ đang đi trên con đường quang đăng để trở thành cường quốc kinh tế có thể thay thế Mỹ dưới danh nghĩa cường quốc kinh tế số 1? Hiện giờ, Bắc Kinh vấp phải nhiều bài toán, nói cách khác Bắc Kinh đang ở trong vòng khủng hoảng. Các tỉnh giàu nhất độc lập về mặt kinh tế nhờ vào các cuộc cải tổ năm 1994, công khai chống trung ương; hàng trăm triệu công nhân chờ việc làm; thành quả kinh tế không được phân chia đồng đều; phong trào xã hội càng nhiều, thường thì bạo động; quản lý tồi tệ vì tai họa tham nhũng; nhiều khuynh hướng chính trị chống đối nhau. Nếu TQ thành công giải quyết cơn khủng hoảng chính trị, xã hội, nếu nội bộ TQ không trật đường rầy, Mỹ không thể ngăn cản TQ mang biểu hiệu của một cường quốc. Điều này đặc biệt liên quan đến Nhật và Nga. Một trong những lý do khiến người ta không muốn tích cực thúc đẩy sự tiến hóa ở Triều Tiên là không có một diễn viên lớn nào ở địa phương có thể thu lợi khi rời khỏi nguyên trạng tạm thời lỏng lẻo, nhưng dù sao cũng mang đến thoải mái. Bởi ngược lại với Âu Châu, miền Đông Á Châu đang thiếu một cơ chế hợp tác an ninh.

Hiện nay, TQ chiếm phần lớn hệ thống chính trị, kinh tế quốc tế. Không những TQ thu về phần lớn vốn đầu tư ngoại quốc mà sản phẩm TQ tràn ngập thị trường thế giới. Cho nên người ta xem TQ như biểu tượng của hiện tượng toàn cầu hóa xâm lược và phá hoại việc làm. Về điểm này, thỏa ước về xuất cảng quần áo vải vóc giữa TQ và Liên Âu mang đến ít nhiều nhẹ nhõm, nhẹ nhõm tạm thời vì trong tương lai, TQ sẽ cạnh tranh mạnh trên mọi lãnh vực. Âu Châu già nua kẹt giữa Mỹ sinh động và TQ bay cao, phải chịu đựng bởi Liên Âu đang gặp khó khăn trong công cuộc cải tổ. Hiệu quả là công trình xây dựng Liên Âu và chủ nghĩa kinh tế đa phương mà Liên Âu hết mình cố vũ trở nên bấp bênh.

Trên lãnh vực địa lý chiến lược, nguy hiểm ít xuất phát từ trạng huống mà nhiều từ nhịp độ thay đổi quá nhanh ở nơi này hoặc từ thích ứng bị kèm hãm ở nơi nọ. Gây đổ phát sinh từ nhịp độ thay đổi không thích hợp.

• Mỹ giữa lý tưởng và thực tế

Tám tháng sau khi TT Bush tái đắc cử, và theo kết quả thăm dò của báo International Herald Tribune, hình ảnh của TQ tốt đẹp hơn hình ảnh của Mỹ. Giữa lúc ấy, điểm được lòng dân của Tổng Thống giảm sút thấy rõ. Nhưng khoảng cách giữa tính chất chánh đáng ở bên trong cũng như ở bên ngoài của chủ nhân tòa Bạch Ốc còn rộng lớn. Điều này đặt lại vấn đề lãnh đạo của siêu cường. Tuy nhiên, trên khía cạnh này, nhiệm kỳ II của TT Bush bắt đầu với điểm tốt. TT đã rút tỉa từ bài học kinh nghiệm qua nhiệm kỳ I; năm 2000, TT không rành về ngoại giao. Lý do thứ hai thuộc về văn hóa. Dân Mỹ rất thâm nhuần ý thức hệ dựa trên nền tảng tôn giáo cũng lúc rất thực tiễn, có nghĩa là có khả năng thích ứng với hoàn cảnh.

• Vững lây Irak

Thế nhưng từ khi chế độ S. Hussein sụp đổ, tình thế hoàn toàn thay đổi. Dù mạnh đến đâu đi chăng nữa, huy động hơn 140.000 quân với phương tiện đồ sộ trong một thời gian vô hạn định đã giới hạn khả năng hoạt động của Mỹ. Dĩ nhiên, Mỹ đã gạt hái thành công trong 12 tháng qua. Trên phương diện quân sự, Mỹ đánh bại quân du kích của lãnh tụ cực đoan Moqtada Al-Sadr tại mặt trận Falluja. Đầu năm 2005, Irak thành công các cuộc bầu cử, đánh tan những tiền lượng bi quan nhất. Thành công tương đối vì nhóm Kurde và Chiite đạt thắng lợi, ngược lại nhóm Sunnite tẩy chay bầu cử. Tân Thủ Tướng Ibrahim Al-Jarafi là người thân cận của đại lãnh tụ Al-Sistani, vị này xoay xở hết sức khéo léo, nhưng người ta bán tín bán nghi về ý định của ông. Từ đây, dưới sự thống trị của nhóm Chiite, mối liên hệ

của Irak với Iran không được điều gì bảo đảm sau khi nhà siêu bảo thủ Mahmoud Ahmadinejad được tấn phong Tổng Thống tại Teheran. Tân Tổng Thống Irak là một lãnh tụ Kurde. Bởi nhóm Kurde và nhóm Ả Rập chỉ đồng ý về một điểm duy nhất tạm thời xếp lại mối dị đồng về Kirkoud và dầu hỏa của nó, vấn đề Irak có khả năng đứng vững sau khi quân đội đồng minh rút đi được nêu lên, cho dù Irak thành công viết lên Hiến Pháp.

Nhất là trong khi các cuộc vận động lớn đang diễn tiến, bất ổn không ngớt gia tăng. Các tướng lãnh Mỹ công khai bộc lộ lo ngại cuộc nổi loạn rất đa dạng, mầm mống nội chiến hiện dần và không có ai định lượng thời gian cần thiết để dập tắt cuộc nổi loạn. Dân ngoại quốc sống thường trực với đe dọa bắt cóc và xử tử. Đồng minh của Mỹ nhất là Ý ngỡ ý rút lui càng sớm càng tốt. Tệ hại nhất là thay vì tận diệt khủng bố, cuộc phiêu lưu Irak tạo ra một trung tâm khủng bố quốc tế mới. Điều này sẽ gây khó khăn cho nhiều nước trong tương lai. Điểm tương phản là những ai chống Mỹ không rút tỉa được lợi lộc nào và từ đây như thường nói, mọi người đều đồng hội đồng thuyền và phải chấp nhận một tình huống như thế.

▣ Trở về với ngoại giao

Về thực tiễn, Mỹ và Âu Châu không vội chia tay. Sau giai đoạn bức bối vì "Âu Châu già nua" và sau những tháng gần đây, các chiến lược gia Mỹ đã trở về với kết luận lâu đời kể từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt: Những gì kết hợp thắng thế trước những gì chia rẽ hai bên bờ Đại Tây Dương. Thường thường người ta nhận định Á Châu vươn lên làm cho Mỹ ít quan tâm đến Âu Châu. Trái lại, bấp bênh xung quanh Âu Châu trên đà tiến hóa là lý do tăng cường mối liên hệ xuyên Đại Tây Dương. Liên quan đến Trung Đông, Mỹ nhận xét trong dài hạn, Âu Châu rất là cần thiết. Ngay trên lục địa Âu Châu, bất ngờ có thể xảy đến tại Nga cũng là một lý do khác giúp Mỹ và Âu Châu hợp tác chặt chẽ hơn. Còn phải kể đến vai trò quan trọng của Âu Châu tại Liên bang Nam Tư. Đại thể, Mỹ xem Liên Minh Đại Tây Dương là phần kéo dài của Mỹ, liên quan đến các cuộc khủng hoảng trên thế giới mà Mỹ bắt buộc phải can thiệp. Về mặt này, một trong những cạnh tân là NATO nhập cuộc ở Phi Châu, về cơn khủng hoảng Darfour tại Soudan.

Vừa tái đắc cử, TT Bush bổ nhiệm cộng sự viên thân tình Condolezza Rice vào chức vụ Ngoại Trưởng, chứng tỏ ông trở về với đường lối ngoại giao, phải hiểu là chủ nghĩa đơn phương đã chấm dứt. Dĩ nhiên tòa Bạch Ốc chưa qua theo chủ nghĩa đa phương. Chứng cứ là sự bổ nhiệm John Bolton vào chức vụ Đại sứ tại Liên Hiệp Quốc, hoặc Mỹ không hăng hái trong công việc tiếp sức cho tổ chức quốc tế này. TT Bush không bỏ lỡ dịp tấn dương NATO, công khai mong muốn Liên Âu mạnh. Trên phương diện này, không có điều gì mới lạ. Vào những thập niên 1950, Cộng đồng Âu Châu không thể ra đời nếu Mỹ thiếu cương quyết tăng cường phần Âu Châu tự do trước khối Cộng Sản, nhất là Liên Xô. Nhưng Mỹ vạch ra làn mức không nên vượt qua trong mọi trường hợp. Mỹ không thể chấp nhận Âu Châu thoát khỏi quỹ đạo của Mỹ và trở thành siêu cường. Năm 2003, Mỹ thành công chia rẽ Âu Châu. Kể từ đó, người này người nọ nhận thấy điều bất lợi sinh ra từ một tình thế như thế. Hiểu theo ý nghĩa này, cuộc khủng hoảng Irak rất có lợi. Tại Mỹ, bây giờ người ta e ngại Âu Châu suy yếu sau tiếng "không" của Pháp chống đối Hiến pháp Liên Âu. Đối với Mỹ, nỗi lo âu lớn nhất là biên giới Liên Âu dừng lại trước Thổ Nhĩ Kỳ, gây bất lợi cho Ankara và Ukraine. Theo học thuyết của Bigniew Brzinski, Cố vấn của cựu TT Mỹ Jimmy Carter, mục đích cuối cùng của Mỹ là lôi kéo hai cột trụ của lục địa Âu Châu về phía Tây phương.

▣ Khuếch trương tự do

Ngoại giao được phục hồi, thực tiễn thắng thế; nhưng không vì thế mà thành công đẩy lui ý thức hệ. Với nhiệm kỳ

II, TT Bush tung ra khẩu hiệu khuếch trương tự do, ví như phàn kéo dài kế hoạch Đại Trung Đông ra đời năm 2004.

Nhân danh tự do, TT Bush phóng ra chiến tranh Irak. Trong những thập niên sắp tới, có lẽ đa số dân Irak sẽ hàn hoan vì được giải phóng cho dù những vụ lệch đường gây tử vong cho 100.000 người, chưa kể đến bất ổn thường trực, hoàn cảnh vật chất thê thảm. Có lẽ dân Irak sẽ rơi vào tay chế độ chuyên chế hoặc độc tài. Thật là một điều tốt nếu người ta dân chủ hóa những nước như Arabie Saoudite hoặc Ả Rập. Nhưng kinh nghiệm cho thấy nếu thay đổi gấp rút, có thể đi đến kết quả trái ngược.

Thông thường người ta kết hợp khái niệm dân chủ với khái niệm tự do. Cho nên người ta lẫn lộn khái niệm này với khái niệm nọ. Sự việc hết sức phức tạp. Tại các nước Ả Rập, bầu cử tự do sẽ dẫn đến chế độ Hồi giáo như tại Algeria năm 1991. Trong hiện tại, vấn đề không phải là tổ chức nhiều cuộc bầu cử tự do mà phải cải cách các thể chế nhà nước và thăm dò đường lối lôi kéo các lực lượng Hồi giáo gia nhập trò chơi dân chủ. Tại Iran, tình hình rất đặc biệt bởi Hiến pháp Iran cho phép Hội đồng Bảo vệ Cách mạng lọc lựa ứng cử viên, điều này đương nhiên không có nét gì dân chủ. Tuy nhiên, nhà cực đoan Ahmadinejad dựa vào chính thống được dân Iran chọn lựa. Dân Iran bộc lộ ý chí chống tham nhũng qua cuộc bầu cử. Có lẽ đây là sự thật. Có thể nói họ sẽ rơi vào vòng tay của Mỹ, nếu Mỹ đến giải phóng họ khỏi chế độ thần quyền độc tài? Có thể nghi ngờ điều này. Bầu cử một nhà siêu cực đoan và sẵn sàng chào đón Mỹ là hai thái độ khó tương hợp.

Trong thực tế, Mỹ rất thực tiễn. Mỹ không ngần ngại lôi cuốn Đại Tá Kadhafi (Lybie) hội nhập cộng đồng quốc tế và người ta hết sức ngạc nhiên nếu Mỹ đẩy mạnh chiến dịch tự do cho đến nỗi làm lung lay các đồng minh quan trọng như Ai cập, Arabie, Saoudite. Trước mắt, hồ sơ gai góc mà sự chọn lựa của Mỹ có thể mang đến nhiều hậu quả quan trọng cho tương lai là Iran, cuộc tranh chấp Palestine, Do Thái và Bắc Hàn.

▣ Iran.

Hoa Thịnh Đồn tiếp tục do dự về lẽ lối cư xử với Iran. Ý đồ thay đổi chế độ còn là thời sự cho dù Mỹ đang gặp khó khăn tại Irak. Mỹ chống Iran vì 3 lý do:

1) Không bao giờ tha thứ Iran về vụ bắt giữ con tin Mỹ năm 1979; vì nội bộ chia rẽ, Cộng hòa Hồi giáo không biết hoặc không muốn nắm lấy cơ hội khi Ngoại trưởng Madeleine Albright bày tỏ hối hận vì Mỹ góp phần vào sự lật đổ Thủ Tướng Iran Mossadegh năm 1953.

2) Mức độ khoan nhượng của Mỹ về sự phổ biến vũ khí nguyên tử rất thấp, càng thấp hơn sau ngày 11.9.01, nhất là đối với một nước xem như khủng bố đang đỡ đầu tổ chức khủng bố Hezbollah (Liban) và Hamas (Palestine); Do Thái kết tội đích danh Iran là nước sản xuất khủng bố quốc tế số 1.

3) Iran tiếp tục trù liệu tận diệt Do Thái, có lợi cho Palestine.

Cuộc tranh luận về việc tấn công Iran đang diễn tiến. Cuộc tấn công của Do Thái không được Mỹ đồng ý sẽ lôi theo phong trào phản đối của thế giới với nhiều hậu quả tai hại. Lời tuyên bố gần đây của TT Bush và Ngoại Trưởng Rice cho phép gạt qua một bên giả thuyết tấn công Iran ít nhất trong tương lai gần. Đây là hậu quả đương nhiên của tình hình Irak. Ngược lại, không thể hoàn toàn loại bỏ sơ đồ dội bom chọn lựa mục tiêu nhạy cảm, nhưng phải dự đoán đúng mức hậu quả của cuộc dội bom.

Iran rất tự tin. Trước cuộc tấn công, quốc gia dân tộc sẽ đoàn kết chung quanh chế độ và nếu không mất đầu ngay sau loạt tấn công đầu tiên, chế độ không thiếu phương tiện trả đũa. Ví dụ: Tại Irak nơi đây ảnh hưởng của Iran rất lớn; tại vùng Vịnh, làm tê liệt sự vận chuyển dầu hỏa, giá cả sẽ tăng vọt; ở nơi khác, thực hiện các vụ khủng bố, tàn sát.

Trước tình hình phiêu lưu gay cấn, trên lý thuyết, cách tốt nhất giúp thoát ra vòng khủng hoảng là khơi dậy cuộc hòa hoãn Mỹ-Iran. Muốn được như thế, Mỹ phải từ bỏ mục tiêu lật đổ chế độ, chế độ này tất phải thay đổi hoặc tự diệt vong. Ngược lại, Cộng hòa Hồi giáo phải bỏ ý đồ tận diệt Do Thái. Từ đó, có thể đề nghị các trao đổi khác, các nhượng bộ khác. Ví dụ: Iran muốn gia nhập tổ chức Mậu dịch Thế giới. Điều tương phản là Iran chưa vững chắc để đưa ra những quyết định quan trọng. Do đó, quốc tế đang đứng trước một câu hỏi to tướng.

Chắc chắn, bài toán nguyên tử là một bài toán thật nan giải nếu không đặt nó trong một khuôn khổ rộng lớn. Hiệp ước chống tăng sinh hạt nhân không ngăn cấm sự làm chủ chu trình nhiên liệu với điều kiện quốc gia liên hệ phải chấp nhận sự kiểm soát của Cơ quan Năng lượng Hạt nhân Quốc tế. Trong quá khứ, Iran nhiều lần gian lận. Câu hỏi nêu lên là liệu Mỹ dám tạo ra một cuộc khủng hoảng trầm trọng với hồi kết cuộc bấp bênh?

Trong bối cảnh rõ ràng phức tạp, Liên Âu chọn lựa đối thoại với Iran về 4 điểm dưới đôi mắt ngò vực của Mỹ: Vấn đề nguyên tử, Do Thái-Palestine, khủng bố và nhân quyền. Hiện giờ cuộc đối thoại bế tắc và nhiều dấu hiệu cho thấy Iran thật lì. Tổng Thống Iran công khai kêu gọi xóa tên Do Thái trên bản đồ thế giới, hứa hẹn dùng ngọn lửa cuồng nhiệt của cộng đồng tin đồ đốt cháy lãnh tụ Ả Rập nào công nhận Do Thái. Lời tuyên bố đầy hận thù này là lời báo động nghiêm trọng trong khi Iran mang nhiều tham vọng nguyên tử. Cuối cùng, không ai còn tin tưởng vào chuyện hoang đường theo đó một cường quốc dầu hỏa lại tìm mọi cách để có một công cụ nguyên tử có tác dụng dân sự và không ai không lo ngại về phương thức sử dụng bom nguyên tử của Iran.

▣ Bài toán Do Thái- Palestine

Liên quan đến bài toán này, nhiệm kỳ II của TT Bush bắt đầu dưới dấu hiệu hy vọng. Sau này, lịch sử sẽ có một nhận định toàn bộ vì việc làm của Yasser Arafat. Trước mắt, cái chết của Lãnh tụ Palestine và sự đắc cử của Mahmoud Abbas, một nhân vật giàu kinh nghiệm và có óc thực tiễn, thoát nhìn có lẽ sẽ mở thông đến hòa bình. Điều quan trọng là sự thay đổi xảy ra lúc TT Bush bắt đầu nhiệm kỳ. Thuận lợi về thời gian, viễn cảnh có lẽ sẽ thay đổi.

Trước nhất, TT Bush nhấn mạnh đến việc tái tổ chức chính quyền Palestine nhằm đạt hiệu quả cao nhất. TT cam kết sẽ giúp đỡ Palestine về tài chính, nhân lực. Nhưng tình hình toàn bộ còn lóng lèo. Trong khi sợi dây liên lạc Do Thái-Palestine còn chùng, Abbas phải dành nhiều nghị lực để giải quyết vụ tranh chấp trong phe cánh của mình. Hình ảnh đảng cầm quyền Fatah không mấy chi tốt đẹp. Trái lại, tổ chức Hamas sống giữa lòng dân như cá với nước nhờ vào các hoạt động xã hội và được các cơ sở Tôn giáo yểm trợ. Từ đây, Hamas ví như một lực lượng chính trị không thể bỏ qua trên phong cảnh chính trị Palestine. Chiến lược của Abbas nhằm đưa Hamas hội nhập tổ chức giải phóng Palestine thất bại. Các nhóm khủng bố tiếp tục hoạt động ở phía Bắc Gaza và làm cho Fatah mất tin nhiệm trước Do Thái. Hoạt động khủng bố lôi theo biện pháp trừng phạt phóng ra một bóng mờ đáng lo ngại trong khi chính quyền tạm hoãn cuộc bầu cử Quốc Hội. Điều này chứng tỏ Abbas hết sức thất vọng. Trong ngắn hạn, tiến trình hòa bình có thể đậm chân tại chỗ vì hai kỳ hạn bầu cử, 1 tại Do Thái, 1 tại Palestine. Và Ariel Sharon tỏ ra cứng rắn trước đối thủ cùng phe Benjamin Netanyahu.

Vì những lý do trên, TT Bush phải dành phần lớn vốn liếng chính trị để thúc đẩy lịch trình hòa bình nếu ông muốn giữ lời hứa. Nhưng mọi việc đều đình lữu với nhau tại Trung Đông. Tại Liban, tổ chức Hezbollah vẫn giữ nguyên quyền lực tác hại, không thi hành quyết nghị của Hội đồng Bảo an, không giải giới lực lượng bán quân sự. Vai trò của

Hezbollah dẫn trở lại Iran và điều cần thiết có một khái niệm toàn bộ cho nền an ninh địa phương.

▣ Bắc Hàn.

Như trên đề cập, hồ sơ thứ 3 mà TT Bush phải giải quyết là Bắc Hàn. Người ta nhận định được cơ cấu bài toán từ lâu. Không có nước nào đáng đến hồ sơ này mong muốn chế độ kiểu Staline cuối cùng sụp đổ. Bắc Hàn đang tiến hành một kịch múa với Mỹ, cam kết không sản xuất bom nguyên tử nếu được viện trợ và bảo đảm an ninh. Giữa nhóm quốc gia lân cận, Trung Quốc là đồng minh trung thành nhất của Bắc Hàn. Sự phân chia bán đảo Triều Tiên mang lợi về cho Trung Quốc. Nhưng không vì thế mà TQ muốn Bắc Hàn trở thành một cường quốc nguyên tử. Yếu tố mới là đầu năm 2005, Bình Nhưỡng loan báo có bom nguyên tử như một phương tiện tự vệ trước "Mỹ hiếu chiến". Trung thành với lối chơi thông thường, Kim Jong-Il sẵn sàng nối lại cuộc đối thoại với Hoa Thịnh Đốn nếu Mỹ kính nể ông ta. Nên nêu lên hai điểm, trước nhất từ nhiều năm nay, CIA luôn xác định Bắc Hàn có bom nguyên tử, nhưng tại sao tin cậy vào sự xác nhận này trong khi lời tuyên bố liên quan đến chương trình hạt nhân của Hussein không đúng sự thật? Mặt khác, chắc chắn Bắc Hàn thủ lợi khi tuyên bố có bom nguyên tử trong khi trường hợp này có lẽ chưa xảy đến. TQ biết nhiều về nước ma quái này và tin tưởng tình hình chính trị Bắc hàn sẽ được duy trì trong một thời gian nữa. TQ cũng tin tưởng vào tập đoàn lãnh đạo Bình Nhưỡng không đến nỗi thiên cận. Nếu TQ có lý, có lẽ không nên lo ngại thái quá cho dù Bắc Hàn có hòa tiền liên lục địa có thể bay thẳng đến lãnh thổ Mỹ. Nhưng Mỹ có nhiều việc cần phải làm và trong hiện tại. Mỹ tránh bị kích hóa cơn khủng hoảng Triều Tiên. Nếu cân nhắc toàn bộ bài toán tăng sinh hạt nhân, nguy hiểm lớn nhất không phải là nhiều nước có vũ khí nguyên tử mà là sự phổ biến phương tiện sản xuất vũ khí nguyên tử đến các nhóm khủng bố. Hiệp ước chống tăng sinh tương đối bất lực và phương pháp kiểm soát đa phương ít nhiều thất bại là nguồn gốc lo ngại của Mỹ trong vai trò lãnh đạo thế giới. Nhưng muốn giảm thiểu nguy hiểm khủng bố nguyên tử, sinh hóa, con đường ưu tiên là phối hợp phương pháp ngoại giao cổ điển và nguồn tin tình báo. Một 11.9 nguyên tử sẽ làm cho địa cầu đảo lộn, hơn tất cả các biến cố xảy ra kể từ khi Liên Xô sụp đổ.

▣ Lục địa Âu Châu rạn nứt Hiến Pháp Liên Âu bị bác bỏ

Ngày 29.5.05, 69,34% cử tri Pháp bác bỏ Hiến Pháp Liên Âu, 3 ngày sau, 61,70% cử tri Hòa Lan noi gương Pháp. Chuyển xe chậm dứt lịch đường sau khi Anh loan báo đình hoãn cuộc trưng cầu dân ý, lôi kéo nhiều nước Hội viên Liên Âu (Đan Mạch, Ai Nhĩ Lan, Bồ Đào Nha, Ba Lan v.v...). Muốn tìm hiểu điều gì xảy ra, phải đi từ một nhận xét theo đó trước một vấn đề quá phức tạp, như vấn đề tán thành một hồ sơ khó hiểu ngay cho chuyên viên, kết quả cuộc trưng cầu dân ý tự nó hết sức là bấp bênh. Có những cuộc bỏ phiếu tương phản như cuộc bỏ phiếu của những nhà chủ trương giữ vững chủ quyền quốc gia thuộc cánh hữu cũng như cánh tả và cuộc bỏ phiếu của những nhà chủ trương tu chính Hiến Pháp nhất là trên lãnh vực xã hội. Chắc chắn có hiện tượng bất tín nhiệm người lãnh đạo bất tài dối trá, nói một đường làm một nẻo cũng như phản ứng lo sợ trước một Liên Âu tự do làm kinh tế mà bỏ quên khía cạnh xã hội. Dân Pháp đuối sức hoặc dân Hòa Lan trước hoàn cảnh kinh tế suy sụp, sợ sự cạnh tranh của Á Châu, nhất là Trung Quốc, chịu ảnh hưởng của những nhà mị dân dùng Liên Âu như một bung xung. Sau cùng, những cân nhắc đặc biệt đã thủ vai trò của mình. Dân Hòa Lan bất bình đối với Pháp, Đức không đủ khả năng tôn trọng thể thức cuộc chơi mà hai nước đề ra (Hiệp ước ổn định đồng Euro). Chắc chắn Thổ Nhĩ Kỳ và tổng quát hơn, biên giới Liên Âu

đã ảnh hưởng đến ngày 29.5. Bóng hình to lớn của Thổ và Ukraine tăng thêm nỗi lo âu. Muốn giữ lời cam kết, Liên Âu không thể không mở cuộc thảo luận với Ankara. Nhưng dự luận chưa sẵn sàng trước kỳ hạn này và cuộc tranh luận về Hiến Pháp rẽ sang hướng khác: Phát biểu ý kiến về sự gia nhập của Thổ. Các luận cứ thuần lý mất hết hiệu lực.

Qua cuộc vận động trưng cầu dân ý, những người tán thành Liên Âu không gọi lên được niềm tin vì lúc bình thường họ rất thờ ơ với Liên Âu. Nếu không thích phiêu lưu, táo bạo, nên không có xác tín, ý tưởng thì kế hoạch Liên Âu sẽ tan dần trong nỗi gay gắt chung. Nếu không có khí thế thì làm sao Liên Âu có thể thoát khỏi khó khăn do Pháp tạo ra?

Trước mắt, người đạt thắng lợi trong chiến trận vừa qua là Tony Blair. Thủ tướng Anh rất có lý khi ông nêu lên điều cần thiết hiện đại hóa ngân sách Liên Âu và cơ cấu của Hội viên. Tại Đức Thủ Tướng Schröder can đảm thực hiện một vài cải tổ. Nhưng đảng Xã hội Dân chủ SPD của ông mất quyền lãnh đạo và Liên hiệp Thiên chúa Dân chủ CDU sẽ tiếp tục công việc hiện đại hóa đất nước. Sớm muộn gì rồi Pháp cũng phải chạy theo phong trào và sẽ cải cách sâu rộng kiểu mẫu xã hội của mình. Chưa có thời gian lùi lại cần thiết để đánh giá đúng mức tầm quan trọng của ngày 29.5.05. Nhưng không thể nào làm lẫn khi xác định ngày ấy đánh dấu một khúc rẽ quan trọng trong lịch sử kiến tạo Âu Châu từ ½ thế kỷ nay.

▣ Nga - Một năm ghé góm

Rạn nứt đậm nét ở phía Đông Âu Châu mà trung tâm là Nga. Đất nước này hay ít nữa Tổng Thống Poutine đã trải qua một năm ghé góm nhưng không phải trên phương diện kinh tế. Với tỷ lệ phát triển 7%, Nga rất vừa lòng cho dù thành quả này có được nhờ giá dầu hỏa tăng cao. Người ta tiếp tục bình luận về phẩm chất của sự phát triển này. Đặc biệt, vốn liếng thoát ra nước ngoài không phải là một dấu hiệu tốt.

Trong năm 1995, một vài sự cố làm lung lay quyền hành và làm cho bầu không khí ngờ vực Đông-Tây nặng nề thêm. Khác với Gorbachev và Eltsine từng gây nhiều thiện cảm, hình ảnh của TT Poutine, cựu Sĩ quan KGB, đồng hóa với sự đàn áp Tchetchenie, không bao giờ sáng tỏ. Phương pháp khôi phục Nhà nước của ông cũng như cách thức chống các nhà đầu sỏ trục lợi dưới thời Eltsine xem như phương pháp chuyên chế dưới quan điểm Tây phương. Gương mặt tiêu biểu của giới đầu sỏ Mikhail Khodorovki lãnh án chín năm tù và đi đày ở Tây Bá Lợi Á. Theo Poutine, thông điệp rất rõ ràng: Kẻ lợi dụng tình hình tham nhũng sau khi Liên Xô sụp đổ nên chuyên tâm làm kinh tế, không nên làm chính trị và nếu họ đồng thuế đầy đủ, không ai làm khó dễ họ. Theo Tây Phương, đây là vi phạm quyền tự do căn bản. Điều hiển nhiên là hệ thống Tư Pháp Nga chưa hoàn hảo.

Tuy nhiên, biến cố tai hại nhất là cuộc bầu cử Tổng Thống Ukraine. TT Nga đứng sau lưng đàn em Viktor Iouchtchenkovitch xem sự đắc cử của Viktor Iouchtchenko là âm mưu của Mỹ. Thế giới có cảm tưởng như TT Poutine không thông hiểu tình hình. Vài tháng sau, cuộc cách mạng hoa Tulipe ở Kirghizstan và cuộc bạo động ở Ouzbekistan chứng tỏ TT Nga không làm chủ được tình hình và mất hết thói quen cầm quyền.

Hình ảnh thủ một vai trò quan trọng trong sự việc quốc tế và chắc chắn bầu không khí nghi kỵ Đông-Tây sẽ kéo dài. Sau khi cuộc cách mạng da cam thành công ở Ukraine, TT Bush và Ngoại Trưởng Rice không do dự mang chiến dịch "khuyết trương tự do" đến tận Nga như đã chứng minh qua buổi lễ kỷ niệm 60 năm phát-xít bại trận tại Mạc Tư Khoa. Về phần TT Nga, ông cực lực lên án Mỹ âm mưu chống Nga. Như đã nói, Ukraine là cột trụ của lục địa Âu - Á. Hoa Thịnh Đốn muốn lôi kéo Ukraine về phía NATO và Liên Âu. Pháp-Đức vì muốn giữ vững ổn định tại lục địa này

nên xem Ukraine là chiếc cầu nối. Pháp-Đức không muốn Ukraine gấp rút gia nhập các thiết chế xuyên Đại Tây Dương và tin rằng chính quyền Ukraine phải tìm vị thế cân bằng giữa Nga-Mỹ hầu giúp quốc gia khỏi gây đổ vỡ nhiều hậu quả trầm trọng theo sau. Trong lúc Nga vận động thành lập vùng kinh tế chung cho vài cựu Cộng Hòa Xô Viết, tại sao Ukraine không hợp tác với Liên Âu và Nga, như thế có lợi hơn? Sự phụ thuộc lẫn nhau về lịch sử giữa Kiev và Mạc Tư Khoa có lẽ dẫn đến lối đi này.

Trong khi Mỹ tăng cường ảnh hưởng ở Caucase (cách mạng hoa hồng ở Georgie, mở ống dẫn dầu Bakou-Tbilissi-Ceyhan), sự tiến hóa có vẻ bấp bênh ở Trung Á. Các nhà chuyên chế địa phương trước kia thân Mỹ nay hướng về Nga và được Trung Quốc xum xoe tán tỉnh. Tổ chức hợp tác Thượng Hải và tổ chức an ninh tập thể là véc-tơ của mỗi thân thiện. Về phần mình, Mỹ xúc tiến hiện đại hóa các chế độ địa phương qua trung gian các tổ chức phi chính phủ.

Trong bối cảnh tranh chấp năng lượng và chiến lược Liên Âu- dù phải đứng về phía xấu trên khía cạnh ý thức hệ- đặt ưu tiên cho sự ổn định và tin tưởng Nga có khả năng nhẹ nhàng hiện đại hóa đất nước. Cuối cùng Liên Âu ghi nhận thoát khỏi 3 thế hệ Cộng sản và nhiều thế kỷ chuyên chế là một việc hết sức nặng nhọc. Liên Âu không tin có sự sinh sản dân chủ tự nhiên và xem giao hảo với Nga là điều cần thiết. Nhưng sau ngày 29.5.05, tìm đâu ra được chính sách của Liên Âu?

▣ Nhật khám phá trở lại địa hạt chính trị Một loại hoạt động quốc tế mới

Sau đệ nhị thế chiến và muốn tiến đến phồn vinh, Nhật đưa ra kế ước xã hội chủ yếu dựa trên kinh tế. Nhưng sau khi Nhật thành công rực rỡ cho đến nỗi người ta nêu lên kiểu mẫu Nhật, cuộc khủng hoảng xuất hiện vào những thập niên 1990 buộc Nhật phải xét lại lòng tin tưởng vào hệ thống kinh tế của mình. Hiểu theo ý nghĩa này và sau một thập niên khủng hoảng, những năm 2000 là thời kỳ chuyển tiếp, đến thời kỳ hậu khủng hoảng trên khía cạnh kinh tế, xã hội, chính trị.

Trên lãnh vực kinh tế, cải tổ mang lại thành công đáng kể cho dù phát triển còn yếu. Về mặt xã hội, dân Nhật bày tỏ nguyện vọng mới liên quan đến việc làm và gia đình. Về mặt chính trị, hệ thống lưỡng đảng ra đời, nhưng đảng Tự do Dân chủ còn giữ ưu thế. Trên phương diện quốc tế, Nhật khao khát có một sức mạnh trọn vẹn, mong muốn có ảnh hưởng chính trị, ngoại giao để bổ sung sức mạnh kinh tế. Nền ngoại giao thâm lặng của Nhật không chỉ sử dụng ngân phiếu.

Cho đến giai đoạn gần đây, công cụ đặc biệt của Nhật trên sân khấu quốc tế là viện trợ mở mang, Nhật chi tiền viện trợ nhiều nhất từ 1991 đến 2000. Nhưng kể từ năm 2001, Nhật giảm bớt chi tiêu công cộng, giảm viện trợ mở mang và xúc tiến một loại hoạt động quốc tế khác. Loại hoạt động quốc tế mà Nhật phát huy từ năm 1992 là lực lượng tự vệ. Nhật tham dự các cuộc hành quân quốc tế. Điều 9 Hiến Pháp Nhật cấm quân đội Nhật hoạt động ở nước ngoài. Chiến tranh vùng Vịnh cho phép Nhật đo lường cộng đồng quốc tế, nhất là Mỹ. Quốc tế không những chờ đợi Nhật về mặt tài chính mà còn về mặt quân sự, vật chất trong việc quản lý các cuộc khủng hoảng quốc tế.

Với đạo luật PKO có hiệu lực từ năm 1992, Nhật tham dự các cuộc hành quân duy trì hòa bình dưới cờ Liên Hiệp Quốc. Nhưng lực lượng tự vệ không được tham gia các hoạt động nguy hiểm. Một khi mà điều cấm kỵ được giải tỏa, tầm can thiệp sẽ được rộng hơn. Cuộc khủng hoảng Bắc Hàn và Trung Quốc-Đài Loan thổi đến luồng gió mới cho sự hợp tác Mỹ-Nhật. Đạo luật 1999 định giới vùng lân cận, cho phép Nhật can thiệp ở vùng này để bảo vệ an ninh quốc gia. Đạo luật chống khủng bố 29.10.01 cho phép Nhật yểm trợ Mỹ, thi hành quyết nghị của Hội Đồng Bảo An.

Dưới nhiệm kỳ II của TT Bush, sự đồng nhất về quyền lợi giữa Mỹ - Nhật chiếm ưu thế. Nhật lợi dụng nhu cầu của Mỹ để thúc đẩy chính sách quốc phòng tiến triển theo đòi hỏi của chiến tranh chống khủng bố, mối đe dọa Bắc Hàn và sức mạnh đang lên của Trung Quốc. Nguyên tắc Quốc Phòng dưới sự kèm chế của điều 9 Hiến Pháp được xét lại. Đảng phái, nghiệp đoàn, chính giới đi đến đồng thuận ghép điều 9 vào khái niệm hợp tác quốc tế để chính đáng hóa các cuộc can thiệp bên ngoài.

Nên lo ngại trước sự phục hồi quân phiệt mà Trung Quốc, Nam Hàn cực lực kết án? Sự bình thường hóa Nhật dẫn dắt Nhật soạn thảo quy tắc xử sự mới? Thay vì như quy tắc cũ đặt Nhật đứng sau biên giới trên phương diện chiến lược, quy tắc mới cho phép Nhật với tư cách cường quốc thoát khỏi tình huống phản ứng hơn là hành động.

▣ Liên hệ Nhật và các nước lân cận

Về mặt kinh tế, liên hệ Nhật- các nước lân cận rất tốt đẹp. Ngược lại, về mặt chính trị, tình hình rất căng thẳng giữa Nhật - Trung Quốc - Nam Hàn. Các cuộc viếng thăm chính thức đền thờ Yasukuni của Thủ Tướng Nhật, việc Bộ Quốc gia Giáo dục Nhật phê chuẩn sách giáo khoa có lối nhìn lệch lạc về lịch sử là một việc làm trái ngược với những lời tuyên bố hối hận được lập đi lập lại kể từ 1995. Về phía mình, Nhật sốt ruột trước các cuộc đột nhập của Hải quân TQ vào vùng kinh tế đặc biệt của Nhật mà TQ không thừa nhận. Nhưng điều mà Nhật lo sợ nhất là kho vũ khí TQ.

Liên hệ Nhật - Nam Hàn đang trải qua một giai đoạn khó khăn. Hai nước không đồng quan điểm về Bắc Hàn. Nhật chủ trương dùng hỗn hợp đối thoại áp lực, Nam Hàn chống mọi hình thức trừng phạt. Theo Nam Hàn, trừng phạt chỉ khiến Bắc Hàn triệt để chống lại. Cũng như tại TQ, tinh thần chống Nhật tại Nam Hàn rất cao. Liên hệ Nhật Asean tốt đẹp theo thời gian. Mối lo sợ Nhật trở thành lãnh tụ độc tài địa phương không còn nữa. Đa số Hội viên Asean thân Mỹ và xem Nhật như nhà bảo vệ được Mỹ ủy quyền để ổn định trật tự khu vực trước sự bành trướng của TQ và mối đe dọa Bắc Hàn.

Nhờ vào cuộc khủng hoảng với các nước xung quanh, cuộc cách mạng êm dịu khởi đầu. Nhật soạn lại kiểu mẫu kinh tế xã hội; sân khấu chính trị được thay mới. Từ đây, Nhật có một chính sách quốc phòng tách khỏi chủ nghĩa yêu chuộng hòa bình. Nhật tăng cường hợp tác chiến lược với Mỹ và có thái độ cương quyết trước mọi đe dọa. Một lần nữa, Nhật xác định lại lý lịch của mình.

Với nền kinh tế vừa khôi phục, Nhật lần về với chính trị trên sân khấu quốc gia cũng như quốc tế. Nhật đang đi tìm sức mạnh để xen vào cộng đồng quốc tế. Nhưng hợp tác với quốc tế chưa đủ để thành lập một quốc gia bình thường. Nhật, một nền dân chủ lâu đời nhất ở khu vực, trở thành cường quốc đúng nghĩa của nó chỉ khi nào thành công khóa miệng các nhà cực đoan. Và chỉ như thế, chủ nghĩa quốc gia ôn hòa mới có cơ hội ra đời. Muốn bình thường hóa thế đứng của mình trên thế giới, trước nhất Nhật phải bình thường hóa chính mình.

▣ Ấn Độ tìm cân bằng

Kim chỉ nam của chính phủ Manmohan Singh là cân bằng. Cân bằng không vì thực tiễn trước tình hình bấp bênh nguy hiểm mà để thích ứng với chiến lược yểm trợ một quốc gia đang lên trong khuôn khổ trò chơi dân chủ và động lực biến đổi trật tự thế giới.

* Cân bằng địa phương: Cuộc đôi thoại Ấn Độ- Pakistan.

Theo quan điểm của Pakistan, đảng Quốc Đại quản lý một gia sản nặng nề: Ép buộc Liên đoàn Hồi giáo phải chấp nhận sự phân chia đất nước năm 1947, có trách nhiệm về vấn đề Cachemire và xúi giục Bangladesh ly khai. Trở lại cầm quyền, đảng Quốc Đại noi theo con đường do đảng

Quốc Gia BJP vạch ra, tiếp tục thảo luận với Pakistan. Đây là một tiến trình quan trọng nhằm giải quyết nhiều hồ sơ ngoài hai hồ sơ chính: Cachemire và an ninh giữa hai nước nguyên tử. Trước mắt, hai bên thảo luận về các điểm dị đồng, khuyến khích giao thương và mở ranh giới kiểm soát cho xe buýt nối liền hai thủ đô của 2 Kachemire. Một chiến lược nhằm bình thường hóa nguyên trạng, phi quân sự hóa vùng tranh chấp, gia tăng quyền tự trị hơn là tìm một giải pháp toàn bộ cho Cachemire. Sau ngày 11.9.01, trước một tổ chức Hồi giáo cực đoan chống TT Moucharraf, tầm hoạt động của Pakistan bị giới hạn.

* **Cân bằng quốc tế- Ngoại giao trên mọi phương vị**

Tuy theo ý thức hệ không liên kết, Ấn Độ chọn con đường thích hợp với thế giới ngày nay. Vì quyền lợi kinh tế, kỹ thuật chiến lược, Ấn Độ liên kết với Mỹ, nhưng không phải vì thế mà rơi vào quỹ đạo của Mỹ. Song song, Ấn Độ bình thường hóa liên hệ với Trung Quốc. Buôn bán gia tăng giữa hai nước, tranh chấp biên giới giảm bớt. Hiện giờ, giữa hợp tác và cạnh tranh, TQ thắng thế. Nhưng Ấn đang đẩy mạnh những con chốt ở Ấn Độ Dương và vùng Đông Nam Á, nơi đây Ấn thủ vai trò cường quốc địa phương sau đợt sóng thần 2004 khi Ấn từ chối viện trợ quốc tế đồng thời cứu trợ các nước nạn nhân khác. Ở phía Tây, Ấn có mặt tại A Phú Hãn xử dụng lá bài Iran để tiến đến tài nguyên năng lượng Trung Đông, Trung Á. Nga là nước hợp tác quan trọng về vũ khí, nhưng phải kể đến cân nặng của Do Thái, Ấn, Ba Tây, Nam Phi thuộc nhóm G20 tiếp tục thương lượng về quyền lợi của Nam bán cầu trước Bắc bán cầu.

Ấn đang trên đường đi đến sức mạnh. Nhưng muốn trở thành một sức mạnh nhân thực, Ấn phải phối hợp cải tổ kinh tế và đòi hỏi cấp bách của xã hội để yểm trợ một quốc gia mong muốn thủ một vai trò tương xứng với tầm vóc của mình trên nền trật tự mới của thế giới.

▣ **Dầu hỏa: Gián đoạn và chuyển tiếp**

Lịch sử sẽ ghi lại năm 2005 là năm đánh dấu con chấn động dầu hỏa. Trong mọi trường hợp, đây là năm kỷ lục: Kỳ lục giá dầu do nhu cầu Trung Quốc kích thích, dầu cơ dựa trên tình thế bất ổn nơi sản xuất, kỷ lục lợi tức của các công ty dầu (Exxon Mobil lời 22 tỷ đô-la, Total lời 11 tỷ). Giá dầu tăng nếu lên đề tài tranh luận về dự trữ. Dự trữ dầu hỏa sẽ cạn dần, mối lo cho ngành kỹ nghệ trong những năm 1960. Sau 30 năm tự túc, bây giờ Anh phải nhập cảng dầu. Vì dự trữ dầu cạn dần, Nam Dương dự định rút khỏi OPEP, một sự kiện chưa từng có. Tổ chức năng lượng thế giới (AIE) ước lượng dự trữ dầu đủ đáp ứng nhu cầu của thế giới trong những thập niên sắp đến. Nhưng giá cả tăng cao đặt ra vấn đề tiết kiệm và bắt buộc thế giới phải tìm kỹ thuật mới và hướng đến năng lượng thay thế dầu hỏa như năng lượng có thể thay mới, năng lượng nguyên tử hoặc hơi đốt. Hơi đốt rất dồi dào, ít gây ô nhiễm sẽ trở thành vấn đề quan trọng. Sự tiêu dùng hơi đốt sẽ tăng gấp đôi kể từ đây đến 2030. Mặt khác, trong dài hạn, năm 2005 đánh dấu một khúc quanh quan trọng. Quy ước Kyoto giới hạn sự thải hơi có tác dụng hâm nóng bắt đầu có hiệu lực. Thế giới sẽ tiến đến kiểu mẫu kinh tế không tùy thuộc vào dầu hỏa?

***Dầu hỏa luôn đắt giá?**

Trên thị trường dầu cơ, giá dầu tăng 5 lần từ 3.99 đến 4.05. Sự tăng giá dính líu đến cán cân cung cầu. Một bên, cầu quá cao do Ấn Độ và Trung Quốc phát triển mạnh. Tiêu dùng thế giới đạt 85 triệu thùng/ngày và sẽ lên đến 120 triệu thùng/ngày trong vòng 25 năm sắp đến. Một bên, cung không thể thỏa mãn cầu vì thiếu khả năng sản xuất.

Ngoài cán cân cung cầu, giá dầu xăng vì dầu cơ trực lợi khi khủng hoảng gây xáo trộn nguồn cung cấp. Lo ngại trước nhất liên quan đến Arabie Saoudite, yếu tố chính yếu

của sự cân bằng thị trường; đe dọa khủng bố đang phủ lên nước này; thứ đến là Irak, nơi mà bạo lực nhắm vào cơ sở dầu hỏa (352 vụ từ 3.03 đến 3.05); sau cùng, giá dầu cũng tùy thuộc vào yếu tố tâm lý. Một khi mà các nhà đầu cơ sẵn sàng lạm dụng mọi tin tức có thể giới hạn cái cung, giá dầu tức khắc lên cao trước khi hậu quả về sự mất thăng bằng cung ứng trở thành sự thật.

▣ **Kinh tế thế giới trước cơn sốt dầu hỏa: Yếu tố Trung Quốc**

Theo tổ chức hợp tác và mở mang (OSDE), nếu giá dầu tăng 10 đô-la, phát triển của tổng sản lượng nội địa thế giới giảm 0,5 điểm, đối chiếu với tỷ lệ phát triển 5% năm 2005. Đây là kết quả tốt của những thay đổi cơ cấu kinh tế các nước kỹ nghệ khởi đầu từ năm 1980, những thay đổi giúp các nước kỹ nghệ phòng tránh nguy hiểm dầu hỏa. Mặt khác, sự chuyển tiếp từ thời kỳ kỹ nghệ sang thời kỳ dịch vụ đã giảm bớt tầm quan trọng của dầu hỏa trong công việc tạo nên một đơn vị tổng sản lượng nội địa. Ví dụ, từ năm 1980, sự tiêu dùng dầu hỏa tăng nhẹ tại Mỹ (+17%) và tại Nhật (+10%). Trong vòng 20 năm, nguy hiểm dầu hỏa cho nền kinh tế thế giới rời bỏ các nước giàu và tập trung ở các nước đang lên. Hiện nay, Trung Quốc-Ấn Độ sự tiêu dùng tăng 250 đến 280% trong vòng 10 năm - nắm giữ chìa khóa tương lai xét trên khía cạnh dầu hỏa. Tại Trung Quốc, đầu tàu của nền kinh tế thế giới, sự phát triển có thể thỉnh thoảng chậm lại. Kinh tế khối Tây phương có thể tránh khỏi hậu quả trực tiếp của cơn sốt dầu hỏa, nhưng trên một thế giới toàn bộ hóa và ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, nền kinh tế Tây phương khó tránh khỏi hậu quả phụ nếu nền kinh tế TQ suy sụp. Với sự phát triển cao liên tục, TQ nhập 40% tổng số lượng dầu tiêu dùng trong khi TQ là nước xuất cảng dầu đến năm 1994. Bắc Kinh bắt buộc phải tìm người cung cấp đa dạng qua nền "ngoại giao dầu hỏa" ở Soudan, Iran, Algerie, Congo, Gabon, Venezuela, Nga, Kazakhstan v.v... Tranh giành chủ quyền ở biển Đông với các nước xung quanh, TQ tạo nên căng thẳng dữ dội. Song song, TQ đa dạng hóa nguồn năng lượng như xây cất 32 lò nguyên tử từ đây đến năm 2020, mở mang năng lượng có thể thay mới. Các biện pháp này cho phép TQ thoát cơn hiểm nghèo dầu hỏa?

▣ **Kyoto năm I.**

Trong dài hạn, biến cố quan trọng trong năm 2005, có lẽ là Quy ước Kyoto có hiệu lực dù Mỹ đứng bên ngoài. Quy ước Kyoto nhằm chống hiện tượng hâm nóng thời tiết. Sự thải hơi có tác dụng hâm nóng là một trong những hậu quả quan trọng của hoạt động kỹ nghệ dựa trên dầu hỏa và của ngành giao thông (chiếm 50% dầu tiêu dùng). Trong tương lai, thế giới sẽ theo kiểu mẫu tiêu thụ năng lượng nào? Chính sách của Trung Quốc có tính chất quyết định bởi sự phát triển mau lẹ của TQ chắc chắn sẽ làm cho sự thải hơi xấu gia tăng. Nhân danh mở mang, TQ đứng bên ngoài Quy ước Kyoto và Bắc Kinh sẽ là người chơi quan trọng bậc nhất liên quan đến việc thảo luận hậu Kyoto cho giai đoạn sau năm 2012.

Không thể nhìn thế giới mà trước nhất không nhìn Mỹ. Chọn lựa của Mỹ về mặt chính trị sẽ ấn định chọn lựa của các nước khác. Và sai lầm của Mỹ sẽ trút lên đầu của bạn cũng như thù. Mỹ tác hại đến thông điệp dân chủ của khối Tây phương nói chung, của Mỹ nói riêng. Nhưng những nhận xét về tình hình khu vực cho thấy không phải quan điểm đạo đức gọi lên lối chơi của các cường quốc.

Tại Á Châu, do vấn đề năng lượng và cuộc khủng hoảng Bắc Kinh-Đông Kinh chi phối, Trung Quốc lo sợ bị bao vây và e ngại trước sự hợp tác chiến lược Mỹ-Ấn Độ và Mỹ-Nhật-Đài Loan. Căng thẳng Nga-Mỹ có thể dẫn đến lô-gíc chạm trán mới. Tại Âu Châu, vụ cãi vã lịch sự làm rối loạn mối liên hệ xuyên Đại Tây Dương hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian NATO. •

Thể Thao

Bóng Tròn Giải vô địch thế giới 2006

● Người Giám Biên



Giải vô địch bóng tròn Thế Giới sẽ được tổ chức trọng thể tại Đức kể từ 24.06 đến 23.07.2006. Có tất cả 32 đội của 32 quốc gia trên 5 châu tham dự. Theo Ban Tổ Chức cho biết thì trong thời gian này sẽ có cả chục triệu người đến Đức trước là tham dự các trận đấu để ủng hộ và nâng cao tinh thần cầu thủ của đội nước mình, sau tham quan nước Đức sau 16 năm được thống nhất.

Dưới đây là các đội của các Châu đã được tuyển vào vòng chung kết sau khi đã tranh vòng loại trong 3 năm qua

CHÂU ÂU:

Có 51 đội chia làm 8 toán như sau:

Toán 1:

1. <u>Holland</u>	12	27:	3	32
2. Tschechien	12	35:12	27	
3. Rumanien	12	20:10	25	
4. Finland	12	21:19	16	
5. Mazedonien	12	11:24	9	
6. Armenien	12	9:25	7	
7. Andorra	12	4:34	5	

Toán 2:

1. <u>Ukraine</u>	12	18:	7	25
2. Türkei	12	23:	9	23
3. Dänemark	12	24:12	22	

4. Hy Lạp	12	15:	9	21
5. Albanien	12	11:20	13	
6. Georgien	12	14:25	10	
7. Kasachstan	12	6:29	1	

Toán 3:

1. <u>Portugal</u>	12	35:	5	30
2. Slowakei	12	24:	8	23
3. Russland	12	23:12	23	
4. Estland	12	16:17	17	
5. Lettland	12	18:21	15	
6. Liechtenstein	12	13:23	8	
7. Luxembourg	12	5:48	0	

Toán 4:

1. <u>France</u>	10	14:	2	20
2. Schweiz	10	18:	7	18
3. Israel	10	15:10	18	
4. Irland	10	12:	5	17
5. Zypern	10	8:20	4	
6. Faroer	10	4:27	1	

Toán 5:

1. <u>Italien</u>	10	17:	8	23
2. Norwegen	10	12:	7	18
3. Schottland	10	9:	7	13
4. Slowenien	10	10:13	12	
5. W. Russland	10	12:14	10	
6. Moldawien	10	5:16		

Toán 6:

1. <u>England</u>	10	17:	5	25
2. <u>Polen</u>	10	27:	9	24
3. Austria	10	15:12	15	
4. Nordirland	10	10:18	9	
5. Wales	10	10:15	8	
6. Aserbald.	10	1:21	3	

Toán 7:

1. <u>Serbien.Mont.</u>	10	16:	1	22
2. Spanien	10	19:	3	20
3. Bosnien Herz.	10	12:	9	16
4. Belgien	10	16:11	12	
5. Litauen	10	8:	9	10
6. San Marino	10	2:40	0	

Toán 8:

1. <u>Kroatien</u>	10	21:	5	24
2. Schweden	10	30:	4	24
3. Bulgarien	10	17:17	15	
4. Ungarn	10	13:14	14	
5. Island	10	14:27	4	
6. Malta	10	4:32	3	

Tám (8) đội đứng đầu 8 toán và hai (2) đội đứng hạng nhì có số điểm cao nhất là Polen và Schweden được vé đi Đức tham dự vòng chung kết. Còn lại 6 đội hạng nhì phải bốc thăm gặp nhau, mỗi đội đá hai trận lượt đi và

lượt về vào ngày 12 và 16.11.2005 để chọn thêm 3 đội nữa.

Kết quả như sau:

Ngày 12.11.2005:

Spanien	-	Slowakei
	5 : 1	
Schweiz	-	Türkei
	2 : 0	
Norwegen	-	Tschechien
	0 : 1	

Ngày 16.11.2005:

Slowakei	-	Spanien
	1 : 1	
Türkei	-	Schweiz
	4 : 2	
Tschechien	-	Norwegen
	1 : 0	

Ba đội Spanien, Schweiz và Tschechien được tuyển thêm vào vòng chung kết. Cộng với đội Đức là đội chủ nhà được miễn đá vòng loại, như vậy Âu Châu tổng cộng có 14 đội.

Riêng trận đá giữa đội Türkei (Thổ) và Schweiz (Thụy Sĩ) đã xảy ra bạo động. Lý do là lượt đi và về hai đội huề nhau 4:4, nhưng đội Thụy Sĩ thắng vì đã đá lọt lưới Thổ ngay trên sân Thổ 2 trái. Do đó sau khi tiếng còi của trọng tài thổi chấm dứt trận đấu, cuộc bạo động liền xảy ra. Quý vị nào có theo dõi trận đấu hôm đó đã thấy ngay màn mớng của sự bạo động sắp xảy ra khi xe Bus chở đội Thụy Sĩ vừa đến vận động trường ở Istanbul thì những phần tử Thổ quá khích đã liệng trứng và cà chua vào xe Bus! Trong khi đó các cầu thủ Thổ có những hành động khiêu khích rõ rệt. Vì vậy, khi vừa chấm dứt trận đấu cả HLV và cầu thủ Thụy Sĩ đều bỏ chạy về phòng thay quần áo. Nhưng không kịp, những cầu thủ dự bị Thổ và ngay cả những người giữ trật tự Thổ cũng rượt theo đánh đá... Anh Stephane Grichting bị một người Thổ đập một cái vào hạ bộ làm anh xum ngay tại chỗ, xe cứu thương phải chở anh vào bệnh viện! Với lối hành xử côn đồ, thiếu văn minh như vậy, ông Sepp Blatter, Chủ tịch Tổng Cuộc Túc Cầu Thế Giới (FIFA) rất giận và tuyên bố là sẽ có biện pháp mạnh đối với đội cầu Thổ. Theo ý kiến của những nhà bình luận thể thao thì đội cầu Thổ và ngay đến các cầu thủ Thổ có thể sẽ bị phạt như sau:

Cấm đội tuyển quốc gia Thổ tham dự bất cứ giải quốc tế nào kể cả giải vô địch thế giới sẽ được tổ chức tại

Nam Phi (Südafrika) vào năm 2010. Bị phạt một số tiền ...

- Treo giò ít nhất là 1 năm các cầu thủ Thổ nào đã có hành vi bạo động.

Tuy nhiên phải đợi đến ngày 9.12.2005, Ủy Ban của TCTCTG sẽ họp để bốc thăm chia toán vòng chung kết giải vô địch 2006, nhân dịp này sẽ quyết định những biện pháp trừng phạt đối với đội cầu Thổ. Rất tiếc vì phải nộp bài trước nên không thể loan báo kết quả việc trừng phạt đội Thổ như thế nào, Người Giám Biên xin hẹn kỳ báo sau.

CHÂU PHI:

Có 30 đội chia làm 5 toán:

Toán 1:

1. <u>Togo</u>	10	20:	8	23
2. Senegal	10	21:	8	21
3. Sambia	10	16:10		19
4. Kongo	10	10:14		10
5. Mali	10	11:14		8
6. Liberia	10	3:27		4

Toán 2:

1. <u>Ghana</u>	10	17:	4	21
2. DR. Kongo	10	14:10		16
3. Südafrika	10	12:14		16
4. Burkina Faso	10	14:13		13
5. Kap Verde	10	8:15		10
6. Uganda	10	6:15		8

Toán 3:

1. <u>Effenbeinkuste</u>	10	20:	7	22
2. Kamerun	10	26:15		21
3. gypten	10	26:15		17
4. Libyen	10	8:10		12
5. Sudan	10	6:22		6
6. Benin	10	9:23		5

Toán 4:

1. <u>Angola</u>	10	22:	6	21
2. Nigeria	10	21:	7	21
3. Simbabwe	10	13:14		15
4. Gabon	10	11:13		10
5. Algerien	10	8:15		8
6. Ruanda	10	6:16		5

Toán 5:

1. <u>Tunisien</u>	10	25:	9	21
2. Marokko	10	17:	7	20
3. Guinea	10	15:10		17
4. Kenia	10	8:17		10
5. Botswana	10	10:18		9
6. Malawi	10	12:26		6

Năm (5) đội đứng đầu 5 toán được tuyển. Ba đội có nhiều triển vọng nhất là Kamerun, Nigeria và Südafrika,

nước sẽ đứng ra tổ chức giải này vào năm 2010 lại bị loại!

Châu Mỹ:

A/- NAM MỸ:

1. <u>Brasilien</u>	18	35:17		34
2. <u>Argentinien</u>	18	29:17		34
3. <u>Ecuador</u>	18	23:19		28
4. <u>Paraguay</u>	18	23:23		28
5. Uruguay	18	23:28		25
6. Kolombien	18	24:16		24
7. Chile	18	18:22		22
8. Venezuela	18	20:28		18
9. Peru	18	20:28		18
10. Bolivien	18	20:37		14

Bốn (4) đội đứng đầu toán được tuyển. Đội thứ năm là Uruguay phải đứng hai lần lượt về và lượt đi với đội vô địch Châu Đại Dương là Australia vào hai ngày 12 và 16.11.2005. Đội nào thắng sẽ được về đi Đức.

Kết quả như sau:

Ngày 12.11.2005:

Uruguay - Australien 1 : 0

Ngày 16.11.2005:

Australien Uruguay 1 : 0

Trận đấu diễn ra tại vận động trường Sydney trước 83.000 khán giả mà hầu hết là người Úc đến ủng hộ đội nhà. Hiệp đầu đến phút thứ 35, anh Marco Bresciano (đang đầu quân cho đội FC Parma-Ý) đá lọt lưới Uruguay dẫn trước 1:0 cho Úc. Hết hiệp một, sang và hết hiệp hai Úc vẫn dẫn trước 1: 0. Như vậy là hai đội huề nhau 1:1. (Trận đi Úc thua 1, trận về Úc thắng 1). Đá thêm hai hiệp, mỗi hiệp 15 phút vẫn còn huề nhau 1:1. Giải quyết trận đấu bằng cách sút đá 11m. Mỗi đội đưa ra 5 cầu thủ. Gặp ngày may mắn, thủ môn Úc, anh Mark Schwarzer đã đón được hai trái banh của cầu thủ Uruguay đá, nên cuối cùng Úc thắng với tỷ số 5:3. Lần thứ nhất vào năm 1974, và lần này là lần thứ hai cách nhau 32 năm, đội cầu Úc mới vào được vòng chung kết giải vô địch thế giới, đại diện cho Châu Đại Dương!

B/- B C/TRUNG MỸ & VÙNG KARABIK:

1. <u>USA</u>	10	16:	6	22
2. <u>Mexico</u>	10	12:	9	22
3. <u>Costa Rica</u>	10	15:14		16
4. Trinidad & Tobago				
	10	10:15		13
5. Guatemala	10	16:18		11

6. Panama 10 4:21 2

Ba (3) đội đứng đầu toán được tuyển. Đội thứ tư là Trinidad&Tobago phải đứng với đội Bahrain ở Châu Á. Đội nào thắng sẽ được về đi Đức.

CHÂU Á:

Đội Saudi-Arabien - Südkorea - Iran và Japan được tuyển. Còn đội Bahrain phải đứng hai lần, lượt đi và lượt về vào hai ngày 12 và 16.11.2005 với đội Trinidad & Tobago ở Bắc/Trung Mỹ & vùng Karabik. Đội nào thắng sẽ được tuyển.

Kết quả như sau:

Ngày 12.11.2005:

Trinidad&Tobago - Bahrain 1:1

Ngày 16.11.2005:

Bahrain - Trinidad&Tobago 0:1

Hai lượt đi và về, đội Trinidad & Tobago thắng Bahrain 2:1 là đội thứ tư trong toán Bắc/Trung Mỹ & Vùng Karabik được về đi Đức.

Tổng Kết:

32 đội được vào vòng chung kết chia theo từng Châu như sau:

Châu Âu 14 đội - Châu Phi 05 đội - Châu Mỹ 08 đội - Châu Á 04 đội - Châu Đại Dương 01 đội.

Nhân xét thành tích vài đội:

Đội Ba Tây (Brasilien): Đương kim vô địch thế giới. Đã 5 lần đoạt giải này. Hầu hết các cầu thủ đội tuyển Ba Tây đều đi đầu quân đá cho các đội danh tiếng ở Âu Châu như Real - Madrid (Tây Ban Nha), Juventus -Turin, AC. Mailand (Ý), Manchester -United (Anh), FC. Bayern (Đức) v.v...và v.v... Do đó họ biết rất rành về chiến thuật và chiến lược của HLV các đội này, cũng như nghệ thuật nhồi bóng của các cầu thủ hầu hóa giải các thế trận. Người ta nói: *Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng*. Căn cứ vào nhân xét này, Người Giám Biên tiên đoán là đội Ba Tây có thể đoạt giải với bách phân trên 80%.

Đội Đức (Germany): Đương kim hạng nhì vô địch thế giới. Vào chung kết thua đội tuyển Ba Tây 0:2 tại vận động trường Yokohama (Nhật) vào tháng 7/2002. Hy vọng lần này hai đội sẽ gặp lại nhau hay nói theo danh từ lính là tao ngộ chiến ở trận chung kết

vào ngày 23.07.2006 tại vận động trường Berlin. Hãy chờ xem. (Wait and see!).

Điểm yếu: Hầu hết các đội hạng nhất (Bundesliga I) đều thuê cầu thủ ngoại quốc. Đội giàu thì thuê cầu thủ giỏi, đắt tiền như đội FC. Bayern, nên cuối mùa không nhất thì nhì. Còn đội nghèo hoặc đội vừa mới lên hạng thì thuê cầu thủ dở, rẻ tiền, vì tiền nào của nấy, nên cứ lệt đệt đứng cuối bàn hoặc tuột hạng. Đội có cầu thủ ngoại quốc nhiều nhất là đội FC. Bayern, 10 người! Trong trận đá với đội Bremen ngày 5.11.05, Bayern chỉ sắp có 4 cầu thủ người Đức, còn 7 cầu thủ ngoại quốc như Makaay (Hòa Lan), Pizarro, Zé Roberto, Lucio (Ba Tây), Sagnol, Ismael (Pháp), Demichelis (Á Căn Đình), ngoài ra còn 3 cầu thủ dự bị như Lizarasu (Pháp), Hargraves (Anh), Santa-Cruz (Paraguay). Do đó khi xem đội Bayern đá, tôi không thấy thích thú chút nào.

Vì thuê cầu thủ ngoại quốc nhiều như vậy, còn chỗ đâu cho những mầm non đang lên chen chân vào được. Không có nhiều cầu thủ trẻ đá cho các đội giỏi để rút kinh nghiệm, khi thành lập một đội tuyển quốc gia tìm đâu ra những cầu thủ có tầm vóc quốc tế!

Những cầu thủ trẻ được tuyển chọn, tài nghệ cá nhân thì khá, nhưng khi qui tụ lại thành đội thì chơi rời rạc, không muốn nói là thiếu tinh thần đồng đội. Vì ai cũng muốn tự mình làm bàn để được báo chí nêu cao tên tuổi hầu mong những đội có tiếng như Bayern, Bremen hay Schalke 4 hoặc một đội ngoại quốc nào đó mời ký giao kèo với số tiền vài triệu Euro! Một sớm, một chiều trở nên triệu phú!

Điểm mạnh: Ba điều kiện chính để thành công là *Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa*, đội Đức đều có, vì giải này do Tổng Cuộc Túc Cầu Đức tổ chức nên đội Đức không phải di chuyển đường xa mỏi mệt, lại đá quen trên sân nhà và được khán giả nhà ủng hộ hết mình!

Mặc dù bị chỉ trích, HLV Juergens Klinsmann vẫn cương quyết trẻ trung hóa đội cầu Đức, cho về hưu những cầu thủ già nhưng vẫn muốn bám trụ, cố đấm ăn xôi! Từ nay đến ngày khai mạc giải còn 6 tháng nữa, anh còn thời giờ để luyện tập đội cầu trẻ này từ thể chất đến tinh thần, từ lối chơi cá nhân đến tinh thần đồng đội. Người Giám Biên tin chắc rằng đội cầu Đức sẽ lọt

vào ít nhất là vòng Tứ Kết và có thể còn tiến xa hơn nữa.

Đội Hy Lạp (Griechenland): Đương kim vô địch Âu Châu, trong giải Confederations Cup tại Đức tháng 6 vừa qua, đã đá 3 trận, thua 2, huề 1, không đá lọt lưới đối phương một trái nào! Tranh vòng loại giải vô địch thế giới, Hy Lạp nằm ở toán 2, đứng hạng tư, sau Ukraine, Türkei, Danmark nên bị loại! Thế nhưng HLV Otto Rehhagel (Đức) vừa mới ký giao kèo lèo lái đội cầu Hy Lạp thêm 2 năm nữa. Thật là: Có phần không cần gì lo!

Ngoài ra những đội như Á Căn Đình, Pháp, Ý cũng có nhiều triển vọng đoạt giải. Tuy nhiên trên sân cỏ mọi chuyện bất ngờ xảy ra không thể nào trái đoán chính xác được. Chỉ khi nào trái banh ngừng lăn sau tiếng còi của trọng tài thổi chấm dứt trận đấu mới biết ai thắng ai thua.

Quần vợt:



Giải vô địch thế giới (Master)

Nữ: (từ 07 đến 13.11.2005 tại Los Angeles.)

Giải này chỉ dành riêng cho 8 tay vợt đứng đầu thế giới. Lần đầu tiên hai người Pháp, cô Amelie Mauresmo (hạng 3) và cô Marie Pierce (hạng 5) đụng nhau ở trận chung kết. Cô Mauresmo hạ cô Pierce với tỷ số 5:7, 7:6, 6:4, nhận cái Cúp và tám ngàn phiếu 1.000.000 đô-la Mỹ. Còn cô Pierce thì được phân nửa số tiền này, cũng an ủi lắm rồi! Càng ngày số tiền thưởng càng cao, nên càng ngày càng có nhiều tay vợt trẻ tài giỏi xuất hiện. Nhất là các cô người Nga. Trong số 10 tay vợt đứng đầu thế giới có tới 3 cô người Nga. Hy vọng một ngày nào đó sẽ có một cô hay một anh người Việt Nam tự nạn CS xuất hiện trong làng banh nỉ để Người Giám Biên có dịp đề cao và ủng hộ!

Nam: (từ 14 đến 20.11.2005 tại Shanghai (Thượng Hải)

Cũng như bên nữ, chỉ có 8 cây vợt đứng đầu thế giới tham dự. Tuy nhiên trong số này có 3 anh bị bệnh nên không tham dự, do đó phải dồn từ số 11 lên. Vào chung kết, anh David Nalbandian hạng thứ 11 (Á Căn Đình) đụng anh Roger Federer hạng nhất (Thụy Sĩ). Gặp ngày sung sức anh Nalbandian hạ anh Federer với tỷ số 6:7 (4:7), 6:7 (11:13), 6:2, 6:1, 7:6 đoạt Cúp và nhận tám ngàn phiếu 1.500.000 đô-la Mỹ!

Mười tay vợt đứng đầu thế giới:

(giá trị đến ngày 22.11.2005)

NỮ

1. L. Davenport (Mỹ)
2. K. Cijsters (Bỉ)
3. A. Mauresmo (Pháp)
4. M. Sharapova (Nga)
5. M. Pierce (Pháp)
6. P. Schnyder (Thụy Sĩ)
7. Henni-Hardenne (Bỉ)
8. N. Petrova (Nga)
9. E. Dementieva (Nga)
10. V. Williams (Mỹ)

NAM

1. R. Federer (Thụy Sĩ)
2. R. Nadal (Tây Ban Nha)
3. A. Roddick (Mỹ)
4. L. Hewitt (Úc)
5. A. Agassi (Mỹ)
6. G. Coria (Á Căn Đình)
7. N. Davydenko (Nga)
8. I. Ljubicic (Kroatien)
9. G. Gaudio (Á Căn Đình)
10. M. Safin (Nga)

Kính thưa quý độc giả, khi tờ báo này đến tay quý vị thì chúng ta đang chuẩn bị đón Xuân BÍNH TUẤT trong mùa Đông giá lạnh. Nhân dịp này Người Giám Biên xin kính chúc quý vị một năm mới dồi dào sức khỏe, gia đình hạnh phúc, gặp nhiều thuận duyên trong cuộc sống tha hương, và nhất là đầy đủ nghị lực để tiếp tục đấu tranh loại bỏ chế độ CS độc tài đàn áp bóc lột, đem lại Tự Do Dân Chủ, An Lạc và Ấm No cho người dân.



Ông Vua hết thua thàng gàn

Cuộc bầu cử tại Đức đến hồi kết thúc

● TS Bùi Hạnh Nghi



Trong bài tường thuật cuộc bầu cử bất thường vừa qua tại Đức (Viên Giác số 149, tháng 10, 2005) tôi đã mượn kiểu nói ví von trong ngôn ngữ “ông vua cũng thua thàng gàn” để diễn tả sự tranh chấp vô lý do thái độ gàn bướng và lập luận ngang ngược của

đương kim Thủ tướng Schroeder gây nên. Chẳng những không chịu nhìn nhận kết quả bầu cử là đảng SPD (Dân Chủ Xã Hội) của ông chỉ được 222 ghế tại Hạ viện thua liên đảng CDU/CSU (Cơ Đốc Dân Chủ/Cơ Đốc Xã Hội) của bà Merkel 4 ghế mà ông lại còn dùng trò xảo ngôn, xem thường lẽ phải và bất chấp luật lệ, khư khư đòi giành quyền thành lập chính phủ mới để ông tiếp tục giữ ghế Thủ tướng.

May thay, sau một thời gian Schroeder đã nhượng bộ, lẽ phải đã thắng và mọi việc kết thúc tốt đẹp. Ông vua hết thua thàng gàn.

Nhượng bộ nhưng vẫn kỳ kèo

Tấn tuồng tham quyền cố vị kéo dài trên ba tuần lễ. Dẫn dả Schroeder phải chấp nhận mình không thể mãi mãi bóp méo sự thật và không thể ngang nhiên chối bỏ luật chơi dân chủ nên đành phải nhượng bộ nhưng lúc đầu chỉ nhượng bộ nửa vời. Ông đưa ra điều kiện là nếu ông rút lui thì bà Merkel cũng phải rút lui để hai nhân vật khác của hai đảng SPD và CDU/CSU đứng ra điều đình lập chính phủ. Nghĩa là tuy nhận mình thua nhưng vẫn đòi bên thắng phải theo lệnh của mình. Dĩ nhiên phe Merkel không chấp nhận điều nghịch lý kia. Thua keo này bày keo khác, phe Schroeder lại đưa ra một yêu sách mới cũng bị bên kia khước từ là chức vụ Thủ tướng được phân phối theo mô hình Do Thái nghĩa là hai bên luân phiên làm Thủ tướng, Schroeder và Merkel mỗi người hai năm.

Schroeder phục thiện.

Cuối cùng khi đã hoàn toàn đuối lý và biết mình không thể mãi mãi gàn bướng và xem thường dư luận Schroeder đã phải thừa nhận CDU/CSU có quyền và có trọng trách tạo một liên hiệp đủ đa số để thành lập chính phủ với bà Merkel làm Thủ tướng. Sự nhượng bộ của Schroeder chứng tỏ ông công nhận lối hành xử của ông là bất xứng. Chẳng những thế ông còn gián tiếp lên án sự sai trái của mình trước đây, nhất là thái độ ngạo mạn khinh khi đối và bà Merkel trong buổi đàm truyền hình lúc kết quả bầu cử vừa được công bố. Câu nói kiêu căng với vẻ mặt danh đá hần học của ông hôm đó được

truyền thông nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Bà dám nghĩ rằng đảng tôi có thể ngồi chung với đảng của bà để thương nghị lập chính phủ liên hiệp do bà cầm đầu sao? Thôi đi bà! Bà phải biết mình biết người chứ!”.

Đúng ra Schroeder phải chấp nhận lẽ phải ngay từ đầu mà nếu vì tự ái không chịu làm dưới quyền Thủ tướng Merkel thì phải rút lui như Ngoại trưởng Fischer thuộc đảng Xanh khi thấy liên hiệp Đỏ-Xanh thất cử đã tự động rút lui một cách êm thấm đáng ca ngợi. Phải đợi đến bước đường cùng Schroeder mới chịu về vườn. Ông cho biết không còn muốn đảm nhận một chức vụ nào và sẽ trở lại hành nghề luật sư. Mới đây lại có tin rằng ông đã nhận làm Cố vấn cho một nhà xuất bản Thụy Sĩ.

Tiến đến đại liên hiệp

Schroeder rút lui đã chấm dứt việc kỳ kèo ai thắng ai thua. Đảng SPD thừa nhận CDU/CSU có quyền và có nhiệm vụ đứng ra thành lập chính phủ với bà Merkel là Thủ tướng. Muốn đạt mục đích này CDU/CSU và SPD phải liên hiệp với nhau mới chiếm được đa số tại Hạ viện. Vốn là hai đảng lớn nhất nên liên hiệp của họ được mệnh danh là đại liên hiệp. (Đại liên hiệp sẽ gồm 448 Dân biểu trên tổng số 614 tại Hạ viện).

Kỳ kèo vô lý mà vẫn thủ lợi

Tuy sự kỳ kèo của Schroeder được xem là vô lý bị quần chúng chê bai nhưng cũng đem đến cho đảng ông một thắng lợi đáng kể. Để đổi chác sự rút lui của Schroeder phe Merkel đã phải chấp thuận cho SPD được số ghế trong nội các ngang bằng số ghế của CDU/CSU. Nghĩa là trong số 15 ghế Tổng Trưởng tại nội các SPD sẽ chiếm 8 ghế còn CDU/CSU chỉ có 7 ghế vì đã được ghế Thủ tướng. Phải thỏa thuận tiên khởi như vậy SPD mới chịu tiến tới việc thương thảo chi tiết về hợp đồng liên hiệp. Cho hay trên trường chính trị lắm khi cũng giống như trẻ con trong nhà, kỳ kèo vô lý đến mấy mà cứ kỳ kèo dai dẳng thì cuối cùng cũng được không nhiều thì ít. Miễn mình được lợi ai cười mặc ai.

Thương thuyết đại liên hiệp

Thỏa thuận được việc phân chia ghế Tổng trưởng là đã vượt qua cửa ải đầu tiên để tiến đến thương thuyết về nội dung hợp đồng liên hiệp. Thật là một cuộc thương thuyết vô cùng cam go vì hai bên lực lượng hầu như ngang ngửa và CDU/CSU và SPD vốn là thù địch từ 36 năm nay, kể từ ngày chấm dứt đại liên hiệp 1966-1969. Trong suốt mấy chục năm, nhất là trong các kỳ tranh cử, họ đã không tiếc lời chèn bai mặt sát nhau rằng đường lối chính trị của đối phương sẽ là thảm họa cho quốc gia. Bây giờ kết quả cuộc bầu cử 2005 bắt buộc họ phải ngồi lại thương thuyết nhằm đề ra một chương trình hoạt động chung. Tất nhiên hai bên sẽ đưa ra yêu sách tối đa đầu biết trước rằng phải tương nhượng và không bên nào có thể đưa vào kế hoạch chung một trăm phần trăm các lời mình hứa với cử tri. Ví dụ SPD lúc tranh cử thì quả quyết rằng việc bà Merkel dự định tăng thuế thặng dư (Mehrwertsteuer) từ 16% lên 18% là liều thuốc độc cho nền kinh tế vì sẽ cản trở tiêu thụ. Họ long trọng tuyên bố nếu thắng cử sẽ không bao giờ thực hiện việc tăng thuế

này mà họ nhạo báng là “Thuế Merkel”. Nhưng bây giờ để đi đến liên hiệp họ đã phải đồng ý tăng không những 2% mà 3%. Về phía bà Merkel cũng phải giảm thiểu một số biện pháp dự tính trước đây vì hai phe còn nhiều tương phản. Một đảng CDU/CSU chủ trương phải cứng rắn cải tổ để cứu vãn tình thế dầu đặng chạm đến quyền lợi của đa số quần chúng đảng khác SPD vẫn muốn dung hòa kinh tế với tinh thần xã hội mặc dầu tài chánh đã cạn kiệt không thể tiếp tục tài trợ những biện pháp xã hội để vừa lòng mọi người. Phạm vi bài này không cho phép đi sâu vào chi tiết nội dung hợp đồng liên hiệp chỉ xin ghi lại rằng cuối cùng hai bên đã thỏa thuận một chương trình cải tổ, tuy bất quần chúng phải hy sinh đóng góp nhiều, nhưng có triển vọng giải quyết được nhiều vấn nạn nhất là về ngân sách (với lỗ hổng trên 37 tỷ Euro do chính phủ Schroeder để lại), về nạn thất nghiệp, về thị trường lao động, thể chế liên bang, an sinh xã hội ...

Merkel đắc cử Thủ tướng

Sau bốn tuần ráo riết thương thảo hai bên đã ký hợp đồng liên hiệp chiều ngày 11 tháng 11. 2005 đồng thời ấn định sẽ bầu Thủ tướng vào ngày 22 tháng 11. Trước ngày đó, theo thể lệ được qui định trong Hiến pháp, Tổng Thống đề cử bà Merkel làm ứng viên Thủ tướng duy nhất. Việc bà đắc cử được xem là chắc chắn vì bà cầm đầu đại liên hiệp gồm 448 Nghị sĩ trên tổng số 614 tại Hạ viện. Dầu vậy người ta tiên đoán có thể một số Nghị sĩ CDU/CSU vì không thích cá nhân bà Merkel và một số Nghị sĩ SPD còn chưa quên được hận thù với CDU nên sẽ bỏ phiếu chống hay là phiếu trắng.

Quả nhiên có 51 Nghị sĩ thuộc đại liên hiệp không bầu cho bà Merkel, nhưng bà đã đắc cử vẻ vang ngay trong vòng đầu với 397 phiếu. Người đầu tiên tiến đến chúc mừng tân Thủ tướng khi vừa công bố kết quả tại Hạ viện là cựu Thủ tướng Schroeder.

Và cũng trong ngày 22.11 Tổng Thống trao văn bằng chức vụ Thủ tướng cho bà và vài giờ sau đó bà đã long trọng tuyên thệ trước Chủ tịch Quốc hội với sự hoan nghênh nồng nhiệt của các Nghị sĩ.

Cũng ngày đó đương kim chính phủ bãi nhiệm và chính phủ Merkel lên cầm quyền. Nội các gồm một số Tổng trưởng mới và một số Tổng trưởng cũ được “lưu nhiệm”. Trong buổi lễ bàn giao giữa các Tổng trưởng cũ/mới có nhiều vị đã rơi lệ lúc từ biệt cộng tác viên của mình, có vị lại còn meo máu thấm thương. Rơi lệ có lẽ không phải vì tiếc nuối chiếc ghế phải trao lại người kế vị mà chỉ vì phải chia tay với đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền đã chung vai sát cánh bao nhiêu năm trời. Màn rơi lệ đã có truyền thống từ Thủ tướng Schroeder. Cách đây ít lâu, khi tình thế bất buộc ông nhường chức Đảng trưởng lại cho người khác, trong buổi lễ Đại hội đảng SPD tổ chức từ biệt, Schroeder đứng trên sân khấu sụt sùi và phu nhân ngồi dưới hàng ghế khán giả cũng hai dòng lệ chảy dài trên má. Cả trong buổi lễ

quân đội tổ chức từ biệt Thủ tướng, khi nghe ban quân nhạc cử hành bài “I did it my way” do chính ông yêu cầu, Thủ tướng mãn nhiệm cũng nước mắt lưng tròng. Có lẽ không nên cười chê sự ướt át này mà nên xem đó là dấu hiệu của tình người còn giữ được trên chính trường nhiều khi sắt máu.

Vài nét về tân Thủ tướng Angela Merkel

Bà Merkel sinh ngày 17 tháng 7 năm 1954. Tuy bà sinh tại Hamburg/Tây Đức bà vẫn được xem là người Đông Đức vì từ thuở thiếu thời bà theo gia đình sang định cư tại Đông Đức khi vị Mục sư thân sinh bà được chuyển qua đó.

1973-1978: Sinh viên khoa Vật lý tại đại học Leipzig;
1978-1990: Làm việc tại Viện Trung Ương Hóa Học Vật Lý và đậu Tiến sĩ năm 1986;

1990: Phát ngôn viên phụ tá của chính quyền giao thời Đông Đức De Maiziere trước ngày sát nhập Đông Đức vào Tây Đức.

Từ năm 1990: Đảng viên CDU và Nghị sĩ Quốc hội.

1991-1998: Phó đảng trưởng CDU;

1991-1994: Tổng Trưởng đặc trách phụ nữ và giới trẻ trong chính phủ Helmut Kohl;

1994-1998: Tổng trưởng đặc trách môi sinh, bảo vệ thiên nhiên và an toàn nguyên tử lực;

1998-2000: Tổng thư ký đảng CDU;

Từ 10.04.2000: Đảng trưởng CDU;

Từ tháng chín năm 2002 kiêm chức Chủ tịch phân nhóm CDU/CSU tại Quốc hội;

Từ ngày 22 tháng 11 năm 2005 nữ Thủ tướng đầu tiên Đức Quốc.

Những chi tiết nêu trên cho thấy bà Merkel đã trải qua một quá trình chính trị lầy lừng với những bước tiến nhảy vọt. Chỉ 10 năm sau ngày gia nhập đảng bà đã lên đến chức Đảng trưởng và 5 năm sau đó đã là Thủ tướng.

Lúc mới vào chính trường bà bị nhiều người nhất là phía nam giới xem thường và đánh giá rất thấp, vì là phụ nữ và đến từ Đông Đức. Nhưng bà không nao núng, không để tự ti mặc cảm làm mình tê liệt mà vẫn kiên trì hoạt động, chụp bắt mọi cơ hội tiến thân, lúc cờ đến tay thì phất. Vốn là Tiến sĩ vật lý bà đã áp dụng phương pháp làm việc khoa học như trong phòng thí nghiệm, phân tích tỉ mỉ và suy diễn tường tận các yếu tố khách quan, rồi căn cứ vào những phân tích đó để rút ra kết luận thực tiễn và cương quyết thi hành không do dự và tìm cách vượt qua mọi trở ngại. Nhờ vào khả năng này bà đã sáng suốt nhận ra đòi hỏi của thực tế lúc nên tiến lúc nên lùi và dùng những nhận định đó làm kim chỉ nam cho hành động. Như năm 2002 bà dự định ứng cử Thủ tướng nhưng sau thời gian suy nghĩ đắn đo, phân tích tình thế và áp lực của đảng, bà đã nhường cho ông Stoiber, Đảng trưởng CSU ra ứng cử. Và Stoiber đã thất bại. Kỳ này trước tình thế thuận lợi bà ra ứng cử và kiên trì vượt mọi trở ngại để cuối cùng thắng lợi vẻ vang. Những nhân vật tai to mặt lớn của CDU xưa nay tìm đủ mọi cách dìm hoặc hại bà, nay bà đã thu phục được và tất cả đã “cởi giáp qui hàng”. Và cuộc thăm dò dư luận mới nhất vào ngày 25 tháng 11 cho biết 67% quần

chúng Đức tin tưởng Thủ tướng Merkel sẽ thành công mỹ mãn.

Dự phóng tương lai

Tân Thủ tướng Merkel nhậm chức vào lúc Đức Quốc gặp nhiều vấn nạn. Thêm vào đó chính phủ liên hiệp do bà đứng đầu chỉ có 7 Tổng trưởng thuộc đảng bà còn 8 Tổng trưởng thuộc đảng kia. Bao nhiêu khó khăn đang chờ đợi. Các phe phái và đoàn thể chính trị đưa ra nhiều lập luận trái ngược khen chê hợp đồng liên hiệp đã được ký kết. Người thì cho cái tổ chưa đúng mức nên kết quả sẽ không mang lại bao nhiêu. Kể lại cho những biện pháp cải tổ sẽ gây quá nhiều thiệt thòi cho quần chúng, làm giảm bớt mãi lực, kinh tế không tăng trưởng và nạn thất nghiệp sẽ không giải quyết được. Riêng bà Merkel, dầu thấy trước những khó khăn, vẫn tin tưởng rằng mình sẽ lướt thắng như đã khắc phục được mọi trở ngại trong quá khứ. Với niềm tự tin sẵn có và kinh nghiệm thâm thập được trong quá trình hoạt động, có nhiều triển vọng bà sẽ lãnh đạo chính phủ giải quyết được những vấn nạn của Đức Quốc trong 4 năm làm Thủ tướng.

Để kết thúc bài này xin ghi lại một vài biến cố bên lề cuộc bầu cử đã làm xôn xao dư luận.

Đổ thêm dầu vào lò lửa đổ kị giữa Đông Đức / Tây Đức

Trong cuộc vận động tranh cử một nhân vật thuộc CDU/CSU, ông Stoiber, Đảng trưởng CSU, đã có lần phát ngôn bừa bãi khiến dư luận bất bình. Vì sốt ruột khi thấy đảng Tả thu hút được nhiều cử tri Đông Đức, ông đã xăng giọng nói rằng: "Chúng ta không thể nào để người Đông Đức quyết định vận mạng cuộc bầu cử này. Chỉ những con bê điên (tức là người Đông Đức bị đảng Tả thu hút) mới bầu cho kẻ sẽ đưa chúng vào lò thịt (chỉ đảng Tả, vì đảng hậu cộng sản này đã khá thành công tại các tiểu bang bên Đông Đức, nhờ dùng một danh xưng mới ẩn giấu vết tích cộng sản và nhờ khai thác được sự bất mãn của một số người Đông Đức vừa có mặc cảm là bị Tây Đức khinh thường vừa tự cho mình là nạn nhân của nền kinh tế thị trường sau ngày hai miền Tây và Đông Đức thống nhất). Phát ngôn vô trách nhiệm của Stoiber đã làm CDU/CSU mất một số phiếu không nhỏ. Có người xấu miệng cho rằng Stoiber ám chỉ bà Merkel người Đông Đức và cố tình phá hoại vì còn ám ức về sự thất bại kỳ bầu cử năm 2002 và bất mãn vì kỳ này CDU/CSU đã không đề nghị ông ra ứng cử Thủ tướng mà lại đề nghị bà Merkel.

Bầu Phó chủ tịch Hạ viện

Theo nội qui Quốc hội, ngoài Chủ tịch Hạ viện do đảng lớn nhất CDU/CSU đề cử, còn một số Phó chủ tịch từ các đảng khác. Mỗi đảng trong Hạ viện có quyền đề cử một hay hai Phó chủ tịch tùy theo tỷ số Nghị sĩ thuộc phân nhóm mình. Đảng SPD vì đứng thứ nhì sau CDU/CSU nên được quyền cử hai Phó chủ tịch. Một trong hai ứng cử viên Phó chủ tịch là ông Thierse SPD đương kim Chủ tịch Hạ viện. Tuy sắp phải rời ghế Chủ tịch để một Nghị sĩ của CDU lên kế vị, ông vẫn muốn có vai vế trong Hạ viện nên thay vì rút lui hẳn ông lại ra ứng

cử Phó chủ tịch. Có lẽ điều này làm các Nghị sĩ không phục nên nhiều vị đã không dồn phiếu cho ông và ông được ít phiếu nhất trong số các Phó chủ tịch đắc cử, điều làm ông và đảng ông mất mặt không ít.

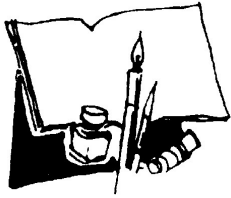
Còn một động đất dữ dội hơn và là một biến cố chưa từng xảy ra trong các cuộc bầu cử chức vụ tại Hạ viện là việc thất cử bẽ bàng của ông Biskin, Đảng trưởng đảng Tả (Linke), được đảng ông đề nghị ra ứng cử Phó chủ tịch. Nhưng qua bốn lần bầu mà ông vẫn không đắc cử. Cuối cùng ông đành rút lui và đảng Tả cũng không đề nghị người khác ra ứng cử, nghĩa là đảng này sẽ không có Phó chủ tịch tại Hạ viện. (Xin nhắc lại đảng Tả mới được thành lập để tham dự bầu cử hạ viện 2005 và đại đa số đảng này là hậu thân đảng Cộng Sản Đông Đức trước kia). Sự thất cử ê chề là điều sỉ nhục không riêng cho Biskin mà cho toàn đảng Tả và chúng tỏ rằng đảng này tuy vào được Hạ viện nhưng không được các đảng khác thừa nhận vì chưa lột bỏ được quá khứ cộng sản.

Đảng trưởng SPD mất chức

Một biến cố khác đã làm rúng động nội bộ đảng SPD. Trong khi cuộc thương thuyết liên hiệp còn tiếp diễn thì ông Muentefering Đảng trưởng SPD đột ngột từ chức. Nguyên do là vì ông bị mất mặt trong vụ bầu lại Tổng thư ký của đảng. Theo thông lệ người được Đảng trưởng đề cử vào chức vụ này là ứng viên duy nhất và thế nào cũng đắc cử. Nào ngờ khi ban lãnh đạo của đảng bầu sơ khởi trước ngày đưa ra Đại hội đồng thông qua thì một ứng viên khác thuộc cánh tả của đảng xuất hiện và chiếm được 24 phiếu trong lúc ứng viên của đảng trưởng Muentefering chỉ được 13 phiếu. Bị xúc phạm danh dự nặng nề ông này tuyên bố từ chức liền sau đó, khiến toàn đảng cực kỳ hoang mang và ngay cả CDU/CSU cũng lo sợ đại liên hiệp bất thành. May thay SPD đã bầu ngay được Đảng trưởng mới là ông Matthias Platzeck khiến tình hình lắng dịu và cuộc thương thuyết lại tiếp diễn như không có gì xảy ra. Đảng trưởng mới này cũng là người Đông Đức như bà Merkel, hiện đang giữ chức Thủ hiến tiểu bang Brandenburg. Platzeck không phải là nhân vật nổi bật trong giới lãnh đạo SPD, mặc dầu ông có thành tích là đại liên hiệp SPD-CDU/CSU do ông đang cầm đầu tại tiểu bang gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Dư luận cho rằng ông đắc cử Đảng trưởng là nhờ ông lâu nay không tham dự vào các cuộc tranh chấp phe nhóm trong đảng nên không mất lòng phe nhóm nào và được mọi phía tín nhiệm và kỳ vọng ông sẽ có khả năng giải hòa các lực lượng tranh chấp trong đảng. Quả nhiên ông đã đắc cử với tỷ số kỷ lục là 99,4%. Có người đùa rằng chắc ông không mấy ngạc nhiên về kết quả này vì vốn là người Đông Đức ông đã quen chứng kiến những cuộc bầu cử do Đảng cộng sản tổ chức trong đó các ứng viên của đảng thường đạt tỷ số gần 100 %.

Kết thúc

Hết phong ba đến hồi gió lặng. Tấn tuồng tranh giành chức vụ đã hạ màn một cách tốt đẹp và điều đáng mừng hơn cả là lẽ phải đã thắng.



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

• Thư Tín:

HT. Thích Trí Chơn (USA), HT. Thích Thị Đức (Việt Nam), Gs Vũ Kỳ (Bỉ), Nguyễn Can Trung (Pháp), Hồ Phương Dung (Đức), Phương Mỹ Hoa (USA), Chu Vương Miện (USA), Nguyễn Thị Khánh Hòa (Pháp), Lưu An (Suisse), Tiểu Tử (Pháp), Gs Nguyễn Phú Thứ (Pháp), Thái Tú Hạp & Ái Cẩm (USA), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Phạm Minh Châu (Áo), Trần Ngọc Nguyên Vũ (USA), Dr. Tôn Thất Hứa (Đức), Luân Hoan (USA), Lưu Vu (USA), Phù Vân (Đức), Trần Thị Hương Cau (Đức), Phương Triều (USA), Ngô Minh Hằng (USA), Diệu Trần (USA), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Phạm Văn Mộc (Đức), Hà Ngọc Bích (Pháp), Võ Thu Tịnh (Pháp), Quỳnh Hoa (Đức), Tuệ Nga (USA), Như Giác (Việt Nam), Trần Trung Đạo (USA), Nguyễn Phan Ngọc Anh (USA), Ngọc Nga (Ý), Giao Chỉ (USA), Trúc Giang (Đức), Nhật Trọng (Đức), Ts Lâm Như Tạng (Úc), Ý Nga (USA), Hạo Nhiên; Phan Văn Phước (Đức), Hàn sĩ Hồ Trọng Khôi (Pháp), Trường Sa (Canada), Nguyễn Quý Đại (Đức), Trần Thế Thi (Đức), Kim (Áo), Lê Bích Sơn (Ấn Độ), Thích Chánh Tuệ (Canada), Đặng Đình Hùng (Đức), Nguyễn Phan Ngọc An (USA), Chế Lan Viên & Lê Khắc Anh Hào (USA), Lê Ngọc Châu (Đức), Tùy Anh (Đức), Lý Phách Mai (Đức), Hương Ngọc Lan (Đức), Trần Thị Hồng Châu (Ý), Phan Ngọc (Đức), Vĩnh Liêm (USA), Nguyễn Hữu Huân (Đức), Đan Hà (Đức), Người Giám Biên (Đức), Thiện Lâm.

• Kinh sách & Báo chí

- **Đức:** Sinh Hoạt Cộng Đồng số 192, 193; Diễn Đàn Việt Nam số 162, 164, 165; Buddhismus Aktuell 4/2005; Tibet und Buddhismus Nr.75; D&C Nr.10, 11; E&Z Nr.10, 11; Dân Chúa số 276, 277; Der Schatzkammer der Wahren buddhistischen Weisheit; Wissen & Wandell 51; Bản Tin Đức Quốc 228.

- **Pháp:** Bản Tin Quân Nhân Âu Châu 26; Đặc San Nặng Gổ số 28; Bản Tin Khánh Anh 10/2005; Dân Tộc Sinh Tồn số 7; Hoàng Pháp số 103; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 38; Hành Trình Dân Tộc của Đoàn Việt Hoạt.

- **Hoa Kỳ:** Tin Lành số 116, 117; Chan Magazine Autum 05; Bản tin "Tổng Hội cựu Tù Nhân Chính Trị VN" số 1, 2; Tin Miền Nam News agency 108A; Saigon Times 952.

- **Canada:** Bản Tin Từ Ấn số 2 và 5/2005.

- **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 196 & 197.



THÔNG BÁO LỊCH BÌNH TUẤT NĂM 2006

Trân trọng thông báo đến quý Phật Tử & Đạo Hữu giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Bình Tuất (2006) như sau:

	LỊCH TỬ VI	TREO TƯỜNG
- Tại Chùa Viên Giác	16 €	10 €
- Gói trong nước Đức	17 €	15 €
- Gói ngoài nước Đức	19 €	15 €

Đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về Chùa bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

1-Trong nước Đức:

Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307. BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

2-Ngoài nước Đức:

Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF
Postbank Hannover

Trong thư hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chùa sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Không nhận gửi Nachnahme

(chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

THÔNG BÁO

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử việc như sau:

Từ trước đến nay tất cả mọi sự cúng dường, định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa Viên Giác, quý vị đều có thể lấy Giấy Chứng Nhận (bằng tiếng Đức) để cuối năm khai khấu trừ thuế với Chính Phủ.

Quý vị nào cần Giấy Chứng Nhận xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi Giấy Chứng Nhận đến quý vị.

XIN LƯU Ý: Để tiện việc làm sổ sách báo cáo với Bộ Tài Chánh, Chùa sẽ cấp Giấy Chứng Nhận của năm trước cho đến cuối tháng 4 năm sau là không còn cấp cho năm trước nữa.

Thí dụ: Giấy Chứng Nhận của năm 2005 được cấp cho đến cuối tháng 4 năm 2006 là chấm dứt cho năm 2005.

Vậy xin thông báo đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử lưu ý cho.

THÔNG BÁO

BÁNH TẾT, BÁNH CHỪNG VÀ NHỮNG ĐẶC SẢN CHAY NGÀY TẾT

Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tết, bánh chưng, bánh xanh, chà chay, mứt thái chay và các loại khác... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết.

Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

THÔNG BÁO ĐẶC BIỆT

Về việc ủng hộ báo Viên Giác

I. Kính thưa quý độc giả báo Viên Giác,

Kể từ ngày 01.01.2006, chánh quyền Đức sẽ ngưng trợ cấp tài chánh để trang trải một phần chi phí về ấn loát và phát hành báo Viên Giác. Họ cho biết là trong thời gian đầu tỵ nạn, chúng ta đã gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống mới, va chạm và ngỡ ngàng trước một nền văn hóa Đức nên họ tài trợ chúng ta để chúng ta thực hiện tờ báo hầu bảo tồn truyền thống và văn hóa của chúng ta. Nhưng sau 25 năm, trên một phần tư thế kỷ, họ nhận thấy chúng ta đã hội nhập vào xã hội Đức một cách tốt đẹp, đời sống đã được ổn định, con cháu chúng ta đã và đang thành công trên mọi lãnh vực, nên họ ngưng tài trợ.

Dù có tài trợ hay không, chúng ta vẫn luôn luôn chân thành cảm ơn chánh quyền và nhân dân Đức đã cứu mạng lại còn giúp đỡ chúng ta trong một thời gian có thể nói là quá dài. Bây giờ chúng ta phải tự đứng và đi trên đôi chân của chính mình hay nói một cách khác là phải tự lực cánh sinh.

Để có phương tiện hầu tiếp tục truyền bá và phát huy truyền thống cũng như văn hóa của chúng ta qua tờ báo Viên Giác, chúng tôi tha thiết kêu gọi quý độc giả báo Viên Giác kể từ đầu năm 2006, quý vị muốn tiếp tục nhận báo hay quý vị mới đặt báo xin vui lòng ủng hộ:

Trong nước Đức 20€ một năm
Ngoài nước Đức 30€ một năm

Tiền ủng hộ quý vị có thể gửi bằng Check, Money Order hay tiền mặt để trong bao thư gói kỹ và dán kín, tùy số tiền lớn nhỏ gửi thường hay gửi bảo đảm, hoặc chuyển vào trương mục của chùa như sau:

1.- Người ở trong nước Đức:

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 1633
BLZ. 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Verwendungsweck: Ủng hộ báo Viên Giác)

2.- Người ở ngoài nước Đức:

Cong. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover - Germany
(Purpose: Ủng hộ báo Viên Giác)

Trên giấy chuyển tiền xin quý vị nhớ ghi rõ là "Ủng hộ báo Viên Giác" để khỏi nhầm lẫn qua các mục cúng dường khác.

Xin thành thật cảm ơn quý vị trước..

-Bánh tét nhún chuối / nhún đậu	5€ /1 đòn
-Bánh chưng lớn	5€ /1 cái
-Mắm thái chay	13€ /1 kilô
-Bánh bao	1€ /1 cái
-Bánh da lợn loại lớn	2€ /1 cái
-Bánh da lợn loại nhỏ	1€ /1 cái
-Bánh ú nước tro	1€ /1 cái
-Bánh bột lọc	1€ /1 cái
-Bánh tổ	5€ /1 cái
-Bánh giò	1€ /1 cái
-Xôi lá dứa	0,50€/1miếng
-Bánh xôi vị miền Trung	0,50€/1miếng
-Bánh oản	5€ / 3 cái
-Mè xùng	0,50€/1miếng
-Bánh ít lá gai	0,50€/1 cái
-Bánh ít trần	0,50€/1 cái
-Bánh xanh	0,50€/1 cái
-Bánh qui nhún dừa / nhún đậu	0,50€/1 cái
-Bánh cam (*)	0,50€/1 cái
-Bánh tiêu (*)	0,50€/1 cái
-Bánh giò cháo quẩy (*)	0,50€/1 cái
-Bánh phu thê có gân dừa	1€/1 cái
-Bánh ít có gân dừa	1€/1 cái
-Bánh khoai mì nướng	3€/1 miếng
-Chả chay tàu hủ ky (đòn nhỏ)	3€/1 đòn
-Chả chay tàu hủ ky (đòn to)	5€/1 đòn
-Chả cuốn chay tàu hủ ky	5€/1 đòn
-Chả ổ chay bằng tàu hủ ky	10€/1 ổ
-Chả giò chay	0,80€/1 cuốn
-Mì cần sả ớt	5€/1 túi
-Bì chay	13€ /1 kilô

(*) Sẽ phát hành vào những ngày Tết.

(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

Theo cước phí Bưu Điện, gửi trong nước Đức như sau: Trong vòng 2 kilo = 4,30€. Từ 2 đến 5 kilo = 7€. Từ 5 đến 10 kilo = 10,50€. Từ 10 đến 20 kilo = 14€.

Lưu ý: Bánh giò, Xôi lá dứa và Xôi vị, gửi trên 30 cái (nếu gửi trước Tết).

Quý vị muốn có bánh Tết, xin gửi tiền về chùa bằng cách bỏ tiền trong bao thư dán kỹ, hoặc gửi qua Konto :

- Trong nước Đức:

Congr. d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307 BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

- Ngoài nước Đức:

Congr.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF
Postbank Hannover

Không nhận gửi Nachnahme
(Vi tiền cước Bưu Điện quá đắt)

Sau khi chuyển tiền xong xin quý vị vui lòng Kopy phiếu này gửi về chùa và ghi rõ địa chỉ người nhận. Khi nhận được tiền hoặc phiếu chuyển tiền chùa sẽ gửi hàng ngay đến quý vị.

Mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa.

Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

II. Để việc ủng hộ báo Viên Giác không bị nhầm lẫn Họ Tên của người khác cũng như các mục khác. Kể từ nay quý vị độc giả gửi tịnh tài ủng hộ cho báo Viên Giác xin vui lòng ghi rõ **Họ Tên địa chỉ người nhận báo, Số Hiệu Độc Giả (viết tắt là SHDG)**. Số Hiệu Độc Giả có ghi trên nhãn địa chỉ gửi báo.

Trong trường hợp không đủ chỗ để ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ vào phiếu chuyển tiền - Xin quý vị ghi họ tên và Số Hiệu Độc Giả để chúng tôi dễ tìm và ghi nhận vào danh sách ủng hộ tịnh tài cho báo Viên Giác.

- Ví dụ trong nước Đức

Vien Giác, Karlsruher Str.6. 30519 Hannover
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt
 *46298 # **SHDG - 0001** - 1/05 # 1005*

↑

Số hiệu độc giả (SHDG)

- Ví dụ nước ngoài Đức

Vien Giác, Karlsruher Str.6. 30519 Hannover, Germany
 # **SHDG - 0001** - 1/05 # 1005*

↑

Số hiệu độc giả (SHDG)

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SHDG) (1)

Họ và Tên

Địa chỉ

.....

Số tiền

Giấy chứng nhận khai thuế : Có Không

Độc giả mới: Độc giả cũ:

(Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ mới cũng như cũ và Số hiệu độc giả)

.....

.....

.....

(1) Số hiệu độc giả này có ghi trên nhãn địa chỉ gửi báo

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Đại gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, bạn hữu và đồng hương xa gần là:

Cụ Bà ĐINH THỊ LOAN
Pháp danh Diệu Phương
Sanh năm 1924
Mất ngày 05.11.2005
Thượng thọ 82 tuổi

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 14 giờ 30 ngày 11.11.2005 tại nghĩa trang Marienhafe, Kreis Aurich.

Tang gia đồng tri ân và cảm tạ

- Quý Hòa Thượng, quý Đại Đức, quý Sư Bà, quý Thầy, quý Sư Cô các chùa Viên Giác (Hannover), Phật Bảo (Barntrup), Phật Huệ (Frankfurt), Thiện Hòa (Mönchengladbach), Quan Thế Âm (Aachen), chùa Bồ Đề (Quận 4 Việt Nam) và Chi Hội Phật Tử tại vùng Aurich đã đến tụng niệm, hộ niệm và tiễn đưa Hương Linh được sớm về cõi Phật.

- Quý Bằng hữu, Thân hữu và các Đoàn thể xã hội, văn hóa cũng như tôn giáo ở khắp nơi đã chia buồn, phúng điếu và phân ưu.

Trong lúc tang gia bối rối chắc chắn không tránh khỏi những điều khiếm khuyết, kính mong quý vị niệm tình hỷ xả cho.

Tang gia đồng kính bái

- Đại gia đình họ Tô ở Việt Nam - Mỹ - Gia Nã Đại - Pháp - Đức - Bỉ - Hòa Lan - Đan Mạch - Na Uy - Úc.
 - Đại diện thay mặt cho thân phụ ông Tô Ty cùng các anh, em, các con và các cháu
 Nha sĩ Tô Vĩnh Hòa

CHIA BUỒN

Vô cùng thương tiếc được tin buồn, Hiền phu của ĐH Triệu Thị Keo và Thân phụ của 4 ĐH: Mã Vĩnh Phát, Mã Vĩnh Thông, Mã Vĩnh Hưng và Mã Ngọc Anh:

Cụ Ông MÃ THÀNH
Sanh năm 1932 (Nhân Thân)
tại Sài Gòn (Việt Nam).
Đã từ trần ngày 06.11.2005
nhằm ngày mùng 5 tháng 10 Ất Dậu,
lúc 1 giờ 15, tại Stuttgart (Đức Quốc).
Hưởng thọ 74 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn với quý Đạo Hữu và tang quyến. Và xin thành tâm nguyện cầu Hương Linh Cụ Ông MÃ THÀNH sớm được vãng sanh Cực Lạc Quốc.

-Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen & VPC
-Đđ. Trần Xuân Hiền
-Đđ. Hàn Cường.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần: Chồng, Cha, Ông của chúng tôi:

Ông Phêrô NGUYỄN VĂN CHẤT

Sinh ngày 11.12.1925 tại Quan Lãng / Nghệ An
Đã từ trần lúc 8 giờ sáng ngày 16.09.2005
tại Obertshausen / Đức Quốc

Thượng thọ 80 tuổi

Lễ An Táng đã được cử hành tại Nghĩa Trang Obertshausen, lúc 14 giờ trưa ngày thứ năm 22.09.2005.

Đồng thời chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ quý Linh mục Trần Thanh Lộc, Trần Minh Công, Nguyễn Đức Vinh, quý Cộng Đoàn, Hội Đoàn, Tổ Chức, quý Ông Bà và các bạn hữu xa gần đã dành chút thì giờ quý báu đến viếng thăm, tiễn đưa cũng như chia buồn cùng tang gia.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ

- Bà Quả Phụ: Nguyễn Thị Gương (Đức)
- Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Sáng, chồng và con (Úc)
- Thứ Nữ: Nguyễn Thị Phương Nam, chồng và các con (Đức)
- Trưởng Nam: Nguyễn Văn Thanh, vợ và các con (Đức)
- Thứ Nam: Nguyễn Kim Minh, vợ và các con (Mỹ)
- Thứ Nam: Nguyễn Hùng Châu, vợ và con (Đức)
- Thứ Nam: Nguyễn Anh Dũng, vợ và con (Đức)
- Thứ Nam: Nguyễn Cao Trí và vợ (Đức)
- Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hoàng Mai, chồng và các con (Đức)

PHÂN ƯU

Chúng con vô cùng xúc-động và thương-tiếc được tin:

Thầy NGUYỄN HỮU THỨ

Cựu Hiệu Trưởng và Giáo Sư trường Quốc-Học Huế
đã mệnh chung ngày 29.08.2005 tại Phan Rang
Việt Nam. Thượng thọ 88 tuổi

Chúng con xin chân thành chia buồn cùng Cô và gia quyến và xin cầu nguyện cho hương linh Thầy sớm được siêu thăng cõi Tịnh Độ.

Các cựu học sinh Quốc-Học hiện cư ngụ tại Đức Quốc:

- Hà Ngọc Minh và vợ (Erfstadt)
- Nguyễn Hữu Vui và vợ (Oberhausen)
- Vũ Minh Châu và vợ (Köln)
- Hà Ngọc Diễm (Krefeld)

CHIA BUỒN

Được tin trể, Thân mẫu của Mợ Nguyễn Thị Vinh ở Neustadt, Tây Đức là

Cụ Bà CAO THỊ THE

Sanh năm 1909 (Kỷ Dậu) tại làng Đô Quan, Bắc Việt.
Tạ thế ngày 25.06.2005, nhằm ngày 19 tháng 5
năm Ất Dậu tại Vạn Tượng, Thượng Lào.
Thượng thọ 97 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia đình Mợ & các em và các gia đình ở Hà Nam Ninh (Bắc Việt); đồng thời nguyện cầu Tam Bảo gia hộ tiếp độ Hương Linh Cụ Bà sớm siêu sanh về Miền Cực Lạc.

-Gđ. Nguyễn Văn Nhượng - Nguyễn Thị Khoãn - Đào Văn Huệ.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin đến thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân hữu

Ông NGÔ VĂN THẤU

Pháp danh Thiện Học

Sinh ngày 01.02.1930 tại Hà Nam -Việt Nam
Tạ thế lúc 21 giờ 25 ngày 26.10.2005 (nhằm ngày
24.9 năm Ất Dậu) tại Mannheim-Đức Quốc.

Hưởng thọ 76 tuổi

Tang lễ được cử hành vào lúc 13 giờ 15 ngày 4.11.2005 (tức ngày 3.10 năm Ất Dậu) tại nghĩa trang Mannheim.

Chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ quý Thầy, Chi Hội Phật Tử Mannheim & VPC các thân bằng quyến thuộc gần xa đã gọi điện thoại chia buồn cũng như đến dự lễ cầu siêu và tiễn đưa trong ngày tang lễ.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn không tránh khỏi những sơ suất, kính mong quý Thầy cùng quý vị niệm tình hoan hỷ cho.

Tang gia đồng cảm tạ

Vợ Nguyễn Thị Én, cùng các con, cháu tại Đức, Mỹ và Việt Nam.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng con/chúng tôi vô cùng thương tiếc đau buồn báo tin tới thân bằng quyến thuộc, bạn hữu gần xa: Hiền Mẫu của chúng con/chúng tôi là

Cụ Bà Quả Phụ LÊ VĂN CƯƠNG

Nhũ danh Ngô Thị Lùng

Pd. Đức Lành

Sanh năm 1913

Từ trần lúc 6 giờ 40 phút ngày 21.10.2005, nhằm
ngày 19.9 năm Ất Dậu.

Thượng thọ 92 tuổi.

Linh cữu được hỏa táng vào ngày 23.9 năm Ất Dậu
tại Bình Hưng Hòa (Việt Nam)

Đồng thời chúng con/chúng tôi xin chân thành tri ân
và cảm tạ:

- Hòa Thượng Thích Thông Bửu, Trụ trì chùa Quán Thế Âm (VN).
- Hòa Thượng Thích Như Niệm, Trụ trì chùa Pháp Hoa (VN).
- Sư Bà, Trụ trì Ni viện Phước Long Thủ Đức (VN).
- Ni Sư Như Ngô, Phước Giác, Trụ trì chùa Vạn Hạnh (VN).
- Ni Sư Như Giác, Trụ trì chùa Bảo Vân (VN).
- Cùng tất cả quý Tăng Ni, Phật Tử trong Ban Hộ Niệm tại Việt Nam đã giúp đỡ, cầu siêu tụng niệm cho Hương Linh Mẹ, Nội, Ngoại, Cối của chúng con/chúng tôi sớm được vãng sanh cực lạc.
- Chi Hội PTVNTN tại Nürnberg-Fürth-Erlangen.
- Quý vị đồng hương tại Bayreuth, Ansbach, Nürnberg, Fürth, bà con, bạn bè, thân hữu xa gần ở Việt Nam, đã điện thoại, gửi vòng hoa chia buồn, phúng điếu cũng như đến tụng kinh cầu siêu và tiễn đưa linh cữu Mẹ, Nội, Ngoại, Cối của chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.
- Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ suất xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

-Trưởng nam: Bà Quả Phụ Lê Văn Quý, các con và các cháu.

-Trưởng nữ: Lê Thị Cúc cùng chồng, các con và các cháu.
-Thứ nam: Lê Văn Đạt và con trai.
-Thứ nam: Lê Văn Hên cùng vợ và các con
-Thứ nữ: Lê Thị Hoa cùng chồng và các con.

CHIA BUỒN

Được tin buồn, Hiền Mẫu của chị Lê Thị Hoa:

Cụ Bà Quả Phụ LÊ VĂN CƯƠNG
Nhũ danh Ngô Thị Lùng
Pd. Đức Lành

từ trần ngày 21.10.2005, nhằm ngày 19.9
năm Ất Dậu lúc 6 giờ 40 phút tại Việt Nam.
Thượng thọ 92 tuổi

Chúng tôi xin nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà Đức Lành sớm
vãng sanh về miền Cực Lạc và xin chia buồn cùng với gia
đình chị Lê Thị Hoa.

-Gđ. Ziegler
-Gđ. Nga - Tèo
-Toàn thể bạn hữu tại Bayreuth.

PHÂN ƯU

Được tin

Cụ Bà NGÔ THỊ LÙNG
Pd. Đức Lành
Mất ngày 21.10.2005 (19.9 năm Ất Dậu)
tại Sài Gòn Việt Nam.
Thượng thọ 92 tuổi.

NPĐ Viên Âm và Chi Hội Phật Tử Nürnberg-Fürth-Erlangen
& VPC xin chia buồn đến với Phật Tử Lê Thị Hoa, đồng thời
xin cầu nguyện cho Hương Linh Cụ Bà sớm về cõi Cực Lạc.

PHÂN ƯU

Được tin

Em LÊ DUY KHA
Pd. Trực Đạo
Mất vào tháng 8/2005 tại Erlangen.
Hưởng dương 32 tuổi

NPĐ Viên Âm và Chi Hội Phật Tử Nürnberg-Fürth-Erlangen
& VPC xin chia buồn đến Phật Tử Lê Nam Kha và xin cầu
nguyện cho Hương Linh em sớm về cõi Cực Lạc A Di Đà.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc được tin

Cụ Bà NGÔ THỊ LÙNG
Pd. Đức Lành
Sanh năm 1913

Tạ thế ngày 21.10.2005 (19 tháng 9 năm Ất Dậu) tại
Việt Nam.
Thượng thọ 92 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình bạn Lê-Thị-Hoa
và tang quyến. Thành tâm cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà
sớm về cõi Phật.

-Gđ. Hồ Thanh Đức Hương
-Gđ. Trầm Thuận Đạt
-Gđ. Trịnh Thị Thanh.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân
quyến và bạn hữu xa gần: Chồng, Anh, Cha, Ông nội, Ông
ngoại của chúng tôi là:

MÃ THÀNH

Sanh năm 1932 (Nhâm Thân) tại Sài Gòn Việt Nam
Từ trần ngày 06.11.2005, nhằm ngày mùng 5 tháng
10 năm Ất Dậu lúc 1 giờ 15 tại Stuttgart, Đức quốc.
Hưởng thọ 74 tuổi.

Lễ an táng cử hành lúc 12 giờ ngày 11.11.2005
tại Nghĩa trang Buchrainfriedhof S-Vaihingen.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

-Bác Trần Xuân Hiền đã cử hành lễ Cầu siêu, Thành phục,
An táng, Mãn phục với đầy đủ nghi thức của Phật Giáo.
-Toàn thể quý Thông Gia, quý Cô Bác, quý Thân Hữu xa
gần đã điện thoại, phúng điếu, chia buồn và tham dự lễ cầu
siêu, tiễn đưa Hương Linh của Chồng, Anh, Cha, Ông nội,
Ông ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.
Trong lúc tang gia bối rối không sao tránh được những
khuyết điểm, sơ sót, kính mong quý vị lượng tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

-Hiền Thê: Triệu Thị Keo (Đức)
-Bào Đệ: Mã Kiên và vợ con (Na Uy)
-Bào Muội: Mã Tiên và con (Mỹ)
-Mã Chu và chồng con (Đức)
-Ngô Muối và con (Việt Nam)
-Ngô Kiên và chồng con (Đức)
-Trưởng Nam: Mã Vĩnh Phát và vợ con (Đức)
-Hiếu Nam: Mã Vĩnh Thông và vợ con (Pháp)
-Mã Vĩnh Hưng và vợ con (Đức)
-Hiếu Nữ: Mã Ngọc Anh và chồng con (Đức).

Tìm Bạn - Nhắn Tin

- **TIẾN 6** - Trước 75 nhà ở Cai Lậy (Tiệm Cầm Đò) nghe nói
bạn đang ở Bỉ (Vương quốc Bỉ) và mở trường dạy Võ Đạo ?
Được tin xin liên lạc về bạn là **TUÔI** (Vạn Sanh Hòa).

Địa chỉ:
La Hùng Linh - Siemensstr, 43 B
A- 6063 Neu-Rum/Innsbruck - AUSTRIA.
Tel: (0043) 676 - 46 23 296

- **TÌM NGƯỜI THÂN: Anh VŨ VIẾT CƯỜNG** trước đây ở
Vertex - Hodonice Znojmo Cộng Hòa Séc nay đang ở
Đức.

Hiện ở đâu xin liên lạc về: Anh **Nguyễn Xuân Ngọc**, ĐT số:
00420 - 606 736 082 hoặc anh **Đương Khánh Vinh**, ĐT số:
0049 - 611 - 5319474

- **TÌM NGƯỜI THÂN** : Tìm anh **NGUYỄN TRUNG DUNG**,
trước là **Đội trưởng Công Nhân HTLĐ ở CHLB Đức**
thuộc huyện **Zittau**.

Hiện nay anh **DUNG** ở đâu, xin liên hệ:
Email **phamthitinh1945@yahoo.com**
Tôi cũng muốn tìm các bạn cùng **Đội** sang Đức năm 1989
làm ở nhà máy **Dệt Sợi Bernstadt**. Số Tel: 05331-906356.
Rất mong được biết tin của anh **Dung** và các bạn cùng **Đội**,
hẹn gặp vào một năm mới vui vẻ. •

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc gần xa: Chồng, Thân Phụ, Nhạc Phụ, Ông Nội, Ông Ngoại, Cụ Ngoại chúng tôi là:

Cụ Ông CAO VĂN THÁI

cụ giáo chức và cụ giám đốc nhà xuất bản Thanh Đạm tại Sài Gòn

Pháp danh Phúc Thịnh

Bút hiệu Thanh Nguyên, Đờ Cao
Đã từ trần ngày 25 tháng 11 năm 2005, nhằm ngày 24 tháng 10 năm Ất Dậu tại Genève, Thụy Sĩ.

Thượng thọ 87 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành ngày
mùng 2 tháng 12 năm 2005 tại
ngã tư Saint-Georges, Genève.

Chúng tôi thành kính tri ân

- Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt, Trụ trì chùa Thiện Minh, tại Lyon, Pháp.
- Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, Trụ trì chùa Trí Thủ, tại Berne, Thụy Sĩ.
- Sư cô Hạnh Giác, Trụ trì chùa Linh Phong, tại Lausanne, Thụy Sĩ.
- Ni sư Đàm Hải (Trụ trì) và Sư cô Nguyễn Thông, chùa Từ Ân, tại Bonneville, Pháp

đã chủ trì nghi thức tang lễ cho Chồng, Cha, Ông, Cụ của chúng tôi.
Chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ tất cả thân bằng, quyến thuộc, bạn bè, thân hữu đã đến thăm viếng, cầu siêu, điện thoại, gửi thư chia buồn và đưa tiễn Chồng, Cha, Ông, Cụ chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ suất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG CẢM TẠ

- Bà Quà Phụ: Nguyễn Thị Diệu

- Trưởng Nam: Cao Nguyên Dũng, vợ Nguyễn Minh Hương và các con.

* Thứ Nam:

- Cao Nguyên Khôi

- Cao Nguyên Hiến, vợ Laura Stryker và con.

- Cao Nguyên Vĩ, vợ Lưu Ngọc Bích.

- Trưởng Nữ: Cao Thanh Đạm, chồng Jacques Kappauf và các con.

* Thứ nữ:

- Cao Thanh Phương, chồng Urs Stemmler và các con.

- Cao Thanh Huyền, chồng Roger Ballmer và các con.

- Cao Thanh Tú

- Cao Thanh Thủy, chồng Yves Siegrist và các con.

- Cao Thanh Tâm.

- Cao Phương Chi, chồng Fredrik Quénard và các con.

- Cao Nguyễn Thiện Duyên, chồng Nguyễn Đình Danh và các con.

- Cháu đích tôn: Cao Nguyên Đán

- Chắt Ngoại: Edgar Kỳ Liêm.

Xin miễn phúng điếu

Phương Danh Cúng Đường

(Tính đến ngày 01.12.2005)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng bay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đường, Tu Bồ Chùa, Ân Tổng Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Đường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Đường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.
Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Mme Carine Huỳnh (Lyon/ Pháp) 50€. Mme Diệp Phạm Thị Ba (Balma/Pháp) 30€. Nguyễn Thị Bích Hằng (Worms) 30€ + 30€. Trần Quang Cường (Stuhr-Brinkum) 10€. Nguyễn Thế Hùng 5€. Gđ. Trần Văn Các (Bremen) 20€. Phạm Đình Công (Lehrte) 20€. Nguyễn Thị Hương (München) 5€. Pin Hua Cheng (Hannover) 20€ + 20€. Phùng Thị Hiền (") 30€ HHL ĐH Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền. Nguyễn Thị Hồng Mân (") 10€. Trần Anh Tuấn (") 100€. Nguyễn Thị Thu Hà (") 10€. Nguyễn Thị Minh Sáu (") 10€. Đào Đình Thế (") 10€. Vũ Quốc Dũng (Bad Homburg) 40€. Vũ Thị Thu (") 20€. Lê Văn Thị Du 200€. Nguyễn Thị Kim Hoa (Neu-Brandenburg) 5€. Nguyễn Xuân Khương (") 5€. Nguyễn Thị Kim Chi (") 5€. Bernd 70€. Lê Văn Tư (Münster) 30€. Nguyễn Hữu Vui (Oberhausen) 40€. Ting A Pat (") 15€. Phạm Thị Hai (Pháp) 30€. Quách Hồng Minh (Stuttgart) 10€. Bùi Thị Hồng Thọ (Na Uy) 35€. Teng Yanxin 50€. Sơn Viên (VN) 20€. Huỳnh Lam (Paderborn) 20€. Trần Ngâm (") 50€. Du Ngọc Long (") 50€. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Stassfurt) 10€. Thái Thị Thúy Mai (Uchte) 5€. Hoàng Thị Tân 50€. Lâm Quách Kim Trinh (Konstanz) 100€ cầu an Lâm Tân Minh.. Chi Hội Phật Tử VNTN Frankfurt 200€. Ngọc Vĩnh Nông (Schaafheim) 50€. Huỳnh Văn Dung (Erkelenz) 20€. Phạm Thị Kim Xuân 20€. HL Tô Đình Chiến (Tiệp) 500€. Nguyễn Ngu (Canada) 50Can. Tiểu Văn Xuyên (") 100Can. Ngô Thị Ngọc Lan (") 500Can HHL ĐH Ngô Thế Chu. Nguyễn Chính (Hallbergmoos) 10€. Nguyễn Tiên Hoa (USA) 30€. Lê Lan (USA) 50US HHL ĐH Diệu Quảng. Gđ. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 30€. Chi Hội Phật Tử VNTN Tuttlingen Rowel 200€. Dương Hoa (Lebach) 10€. Đào Đức Hiệp (") 5€. Lê Quang Thịnh 5€. Mark Buecker (Lehrte) 50€. Gđ. Hứa Lương Huy 40€. Nguyễn Văn Duyên (Vechta) 10€. Nguyễn Bình (Bendestorf) 10€. Ngũ Cẩm Đường (Berlin) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN Wiesbaden 300€. Nguyễn Thị Thanh Huyền (Dreieich) 50€. Phạm Văn Toàn (Bad Hönningen) 20€. Lôi Huệ Phương 5€. Lôi Công Thanh 5€. Lôi Giao Khanh 5€. Gđ. Phạm Văn Thọ (Laatzen) 5€. Bùi Mai 5€. Lê Văn Phước 20€ cầu siêu HL Phan Thị Út. Nguyễn Thị Thiệp (Berlin) 500€ cúng thất + Kỳ tự HL Đặng Viễn Pd Thanh Tân. Niệm Phật Đường Prajna (Konstanz) 420€. Ban Liên Lạc Phật Tử VNTN Bodensee 700€. Thầy Hạnh Hào (Hannover) 50€ HHL Charlotte Keller.

Phan Lê Trung Quốc (") 10€. Gđ. Lê Đình Hiệp (") 20€. Nguyễn Thị Thu Hà (Bad Staffelstein) 30€. Trần Kim Cúc (Schwettzingen) 5€. Huỳnh Tân Muối (") 10€. Nguyễn Phương Anh (") 5€. Nguyễn Thị Thu Thủy (Völklingen) 100€ HHL ĐH Bùi Thị Châm. Gđ. Nguyễn Hưng Giang 30€. Gđ. Trần Thị Xuân (Isernhagen) 20€. Nguyễn Hoàng Chương (USA) 20US + 10€. Thị Vương Bugil (Glienicke) 5€. Lê Duy Kha (Nürnberg) 70€. Schulte Yen 15€. Trần Thị Nhuận 50€. Nguyễn Văn Bao (Suisse) 50€. Nguyễn Thị Ẹn (Mannheim) 50€ HHL ĐH Ngô Văn Thấu. Nguyễn Văn Quang (Berlin) 50€. Phạm Hoàng (Pháp) 30€ HHL Văn Tân Cảnh. Ban Liên Lạc Việt Y Đạo (Hannover) 100€. Trần Anh Tuấn (") 10€. Võ Thị Mai Phương (") 100€. Chi Diệu Cần (") 50€ HHL ĐH Nguyễn Thành Công Pd Phúc Bình. Đđ Ngọc Cường (Oldenburg) 20€. Gđ. Trần Thanh Pháp 20€. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 30€. Thanh Leuchtweis 100€. Fam. Tsang (Hòa Lan) 30€. Thiện Như & Thiện Bình (Reutlingen) 100€. Viên Hiệp (Koblentz) 20€. Nguyễn Thị Hồng Diệp (Celle) 5€. Hoàng Xuân An (VN) 10€. Han Siêu Nghe 20€. Werner Huber 50€. Cường 5€. Bùi Thị Cảnh (Braunlage) 10€. Fam. Thai Ben 25€. Nguyễn Ngọc Mai Lan 20€. Gđ. Liên 10€. Nguyễn Đắc Nghiệp (Thale) 10€. Amporn Huber 50€. Đào Thị Khanh 20€. Nguyễn Văn Quyền (Wolfenbüttel) 50€. A Pau Xu 100€. Nguyễn Hồng Trương (Salzgitter) 20€. Liều Thị Thà (Braunschweig) 10€. Nguyễn Anh Tuấn (USA) 30US. Gđ. Tô Vĩnh Hòa (Marienhafen) 500€ và Võ Thị Khanh (Norden) 30€ HHL ĐH Đinh Thị Loan. Đoàn Văn 50€. Hồ Thị Di pd Trí Hào 20€. Thái Kim Sơn 40€. TN Đàm Hòa (Bi) 50€. Nguyễn Đức Mạnh (Bayreuth) 50€. Trần Văn Long (") 20€. Tô Hoàng Dung (") 20€. Nguyễn Thị Thanh Vân (") 30€. Phạm Xuân Kỳ 30€. Võ Phước Nguyễn (Unna) 200€. Nguyễn Lynn (Nürnberg) 50€. Trần Tu Oanh (") 30€ + 20€. GĐPT Chánh Dũng 50€. GĐPT Chánh Tín (München) 20€. Chi Hội Phật Tử VNTN Nürnberg - Erlangen - Fürth 500€. Hien Quang Han (Stuttgart) 20€. Hoàng Thị Sen (Ludwigsfafen) 18€. Hoàng Thị Xuân Khâu (Burgau) 13€. Đoàn Thị Vân (") 40€. Nguyễn Thị Thu (") 30€. Hoàn Di (Luthe) 5€. Nguyễn Thị Lê Phương (Pháp) 10€. Nguyễn Duy Hai 10€. Võ Thanh Nào (Essen) 20€. Nguyễn Anh Tùng (Bielefeld) 10€. Nguyễn Mạnh Hùng 10€. Mark Buecker (Lehrte) 50€. Hải Yến (Langenhagen) 5€. Nguyễn Toàn (Rodgau) 100€. Trương Ngọc Hùng 50€. Bùi Văn Khải (Wernigerode) 20€. Nguyễn Thị Hà (Wolfsburg) 10€. Phạm Văn Diễm (Magdeburg) 10€. Chi Hội Phật Tử VNTN Norddeich 700€. Phạm Thị Hải (Bad Segeberg) 20€. Huỳnh Tuyết Nga (Lời) 3€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 5€.

* Cúng đường thực phẩm và vật dụng cho chùa Viên Giác

ĐH. Đồng Huy & Đồng Tu: 1 bao gạo, 1 bịch nắm đồng cỏ, 2 bịch bún tàu. Phạm Thị Thủy Nga Pd Thiên Nhật & Phạm Thị Bích Ngọc Pd Thiên Bạch (Hildesheim) 13 nền lớn, 8 nền trung và 14 bộ nhang lớn.

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Trần Nguyên (Minden) 10€. Nguyễn Thị Thân (D'dorf) 25€. Nguyễn Thị Trường (") 25€. Nguyễn Văn Kiên (") 50€. Hồ Phương Dung (Rottweil) 20€ + 30€. Lâm Minh 20€. Nguyễn Thị Hiền (Wuppertal) 35€. Vương Đăng Tiên Phước (Bad Pymont) 20€. Đặng Văn Ty 20€. Trương Long Phạm 40€. Vương Ngô 10€. Lê Quang Minh (Seeveta) 20€. La Huệ Bình (M'Gladbach) 20€. Lý Giang Tân (Albstadt) 20€. Quách Hồng Minh (Stuttgart) 20€. Nguyễn Mưa Varren (WHV) 20€. Nguyễn Thị Kim Loan 35€. Nguyễn Văn Thung 50€. Phan Đăng Lễ 35€. Hoàng Huỳnh Bồn 50€. Huỳnh Văn Dung (Erkelenz) 20€. Gđ. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 20€. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 15€. Nguyễn Văn To (") 20€. Đỗ Văn Nho (") 10€. Tạ Văn Truyền (Nguyễn Thị Thái) 20€. Phạm Thị Hương 60€. Hồ Thị

Hiếu (Herzogenaurach) 20€. Đức Huy (Wardenburg) 5€. Phạm Phương (Rastede) 20€. Đặng Thị Nga (Gelsenkirchen) 50€. Nguyễn Bích Chung (D'dorf) 15€. Bùi Mai 50€ + 25€. Nguyễn Thị Phương (Wiesbaden) 20€. Nguyễn Ngọc Sơn (Rheinau) 20€. Lữ Kim Sang (Wilhelmshaven) 20€. Trần Văn Nh Le 20€. Lại Thị Minh Tâm (Magstadt) 20€. Phạm Văn Hoa (Ingelheim) 15€. Hoàng Thị Sen (Ludwigshafen) 20€. Trần Kim Cúc (Schwetzingen) 10€. Võ Thị Hương (Aichtal) 15€. Nguyễn Thị Thu Hà (Bad Staffelstein) 20€. Bùi Văn Lộc (Besingheim) 20€. Hoàng Văn Sơn (Dillingen/Saar) 20€. Vương Tấn Phong (D'dorf) 20€. Nguyễn Thị Bích Hằng (Worms) 20€. Vũ Thị Kiều Hạnh (Endingen) 20€. Quách Văn Chia (Steinach) 20€. Liêu Thị Kim Cúc 20€. Nguyễn Thế Việt 45€. Nguyễn Văn Thành (Kehl) 20€. Lê Văn Lợi (Schorndorf) 20€. Nguyễn Hoàng (Krefeld) 15€. Bùi Văn Sắc (Münster) 50€. Lê Văn Thân (Fürth) 40€. Đặng Như Nam (") 30€. Jakob Ganther (Wolfenbutel) 25€. Lữ Thị Minh Khanh (Emden) 25€. Phùng Thị Trang (Oberndorf) 40€. Trương Katja Kim Phụng 50€. Nguyễn Thị Ân (Mannheim) 50€. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 20€. Trầm Thuận Đạt (Nürnberg) 20€. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50€. Thương Ziegler (") 20€. Nguyễn Thị Thanh Vân (") 20€. Tô Hoàng Dung (") 15€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 20€. Hoàng Mạnh Cường (Bonn) 30€. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 20€. Huỳnh Quang Đăng (Berlin) 20€. Trần Thị Hiền (Hamburg) 20€. Mã Vĩnh Hưng (Stuttgart) 70€. Nguyễn Minh Tâm 30€. Bùi Đình Thuận 30€. Nguyễn Hồng Trương (Salzbergen) 20€. Tô Tuyết Liên (D'dorf) 30€. Nguyễn Mai Hồng Khanh (Saarbrücken) 30€. Nguyễn K. 50€. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 20€. Thân Thị Ngân (Korbach) 20€. Chi Hội Phật Tử VNTN Nürnberg-Fürth-Erlangen 20€. Hiền Quang Hàn (Stuttgart) 40€. Hà Văn Châu (Bremerhaven) 20€. Nguyễn Thị Sửu (Reutlingen) 50€. Trịnh Lê Kim Loan (Vallendar) 10€. Chu Thị Nga (") 10€. Trang Mini (Michelstadt) 30€. Biện Thị Mai 20€. Đặng Thị Tuyết 20€. Phan Thị Kim Anh 20€. Huỳnh Hữu Hạnh (Zelle) 23€. Phùng Thị Ngọc Trinh (Raunheim) 20€. Nguyễn Thị Kim Liên (Darmstadt) 15€. Nguyễn Thị Phương (Euskirchen) 40€. Nguyễn Thanh Long (Berlin) 20€. Đặng Thị Lan (Pforzheim) 20€. Nguyễn Thiên Lộc (Heppenheim) 20€. Trần Thị Mỹ Vân (Neuss) 20€. Witt Niền Thanh 35€. Trương Quốc Cường (Bremerhaven) 20€. Nguyễn Văn Lương (Aschaff.) 20€. Lý Thị Mỹ (") 15€. Trương Kim Sương (Bad Soden) 15€. Phạm Anh Tú (GM. Hütte) 30€. Nguyễn Thị Phương Loan (Pháp) 30€. Trương Ngươn Amédée (") 30€. Trần Bông (USA) 100US. Trần Thị Xuân Hòa (") 200US. Nguyễn Tiến Hoa (") 20€. Lee Ann Hoa (") 20US. Trần Kiên (") 100US. Phan Thị Nga (") 50US. Tuy Cao Do (") 100US. Nguyễn Ngọc Lam (") 50US. Trần Ngọc Tùng (") 30€. Học Nguyễn (") 100US. Trương Thị Yến (") 20US. Lê Thái Bảo (Suisse) 40FS. Nguyễn Văn Bao (") 50€. Trần Huỳnh Tân (") 30€. Võ Ngọc Hạnh (Canada) 40€. Dương Văn Lý (Anh quốc) 20€. Phạm Ngọc Trường (Tours) 30€. Đinh Trọng Châu (Pháp) 30€. Nguyễn Thị Nhung (") 50€. Lê Kim Cúc (") 20€. Mã Văn Bảo (") 35€. Phạm Văn Út (Y) 20€. Nguyễn Hữu Tâm (Bergamo/Y) 20€. Mai Sơn (Anh) 5Anh kim. Nguyễn Thanh Nhã (Sweden) 50US. Hà Hiền Thanh (Đan Mạch) 30€. Nguyễn Thị Diễm Thúy (USA) 30US. Phạm Xuân Tú (") 30US. Nguyễn Thị Xưa (") 100US. Odaka Rié (Nhật) 30€. Diệu Chỉ (Anh) 20Anh kim. Trương Văn Tiêu (Bern/Suisse) 50FS. Trần Văn Nhung (Canada) 40€. Trần Thị Cẩm Tú (Pháp) 30€.

• ẤN TỔNG

ĐH. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 20€. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 120€ HHHL ĐH Nguyễn Thị Bảy. Lê Văn Cang (Neuss) 50€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 20€. Trần Vĩnh Thái (Sweden) 200DM & Huỳnh Tăng (") 500DM (chuyển sang từ tiền Hội Thiện cho chùa mượn trước đây).

• Đại Đường Tây Vực Ký

ĐH. Lê Văn Sương (Pháp) 30€.
• Tượng Quan Thế Âm
ĐH. Vũ Trí Dũng 50€. Đặng Thị Hằng (Hannover) 30€. Nguyễn Việt Hùng 30€.

• Tượng Quan Âm Thiên Thủ
ĐH. Đặng Thị Hằng & Dieter Teikner (Langenhagen) 55€.

• MỘT THƯỚC ĐẤT GIÀ LAM

Chi Hội PTVNTN Wilhelmshaven 200€. Trần Ngọc Thủy & Trần Ngọc Thảo 200€. Vũ Đắc Việt + Nguyễn Quỳnh Hoa + Vũ Đắc Nhận (BS Venlo) 50€. Hương Thị An 15€. Nguyễn Hạnh Trinh (Künzelsau) 50€. Nguyễn Văn Minh (Kaarst) 50€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100€. Hứa Thiên Thanh 25€. Hahn, Thị Hương An 15€. Lý Quốc Đông (Hamburg) 200€. Nguyễn Thị Kim Sanh (Nürnberg) 200€. Nguyễn Thị Thanh (") 100€. Hà Hưng 10€. Đặng Kunnere Thị Minh 10€. Nguyễn Ánh Hồng 20€. Ngô Thị Phương Loan (München) 200€.

• HỘI THIỆN ĐẤT GIÀ LAM

ĐH. Nguyễn Phi Khanh (Leipzig) 9.000€. Võ Ngọc Thịnh (Aurich) 15.000€. Đinh Thị Thảo & Đinh Thị Thủy (Đồng Nai/Việt Nam) 5.000€. Nguyễn Văn Anh (Strasbourg) 10.000€. Nguyễn Văn Quang (Berlin) 30.000€ + 5.000€.

• Quỹ Xây Dựng Trung Tâm Nghiên Cứu & Tu Học Viên Giác
 Gđ. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 200€.

• Tu Sửa Chùa
ĐH. Trần Hữu Lương (Neu Anspach) 100€. Trịnh Bôn 515€. Trần Anh Thi 115€. Hội Người Việt TNCS Hamburg 1.000€. Hoa Lê 785€. Trần Đình Thắng (Hildesheim) 100€. Kuala Lumpur (Hannover) 300€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfaarkirchen) 50€. Tô Tuyết Liên (D'dorf) 100€. Phạm Song Hà 285€. Lê Ngọc Hải 260€. David Gregor Lorenz 530€. Trần Vĩnh Thái & Huỳnh Tăng (Sweden) 300DM (chuyển sang từ tiền Hội Thiện cho chùa mượn trước đây). Trịnh Quốc Thắng 115€ China Airlines 785€.

• Tết & Rằm Tháng Giêng
ĐH. Nguyễn Văn Chín (Vallendar) 10€.

• Quỹ Sửa chữa Máy in
ĐH. Duyên - Thiện Nhân (Reutlingen) 50€.

• Đền Dược Sư
ĐH. Hồ Thị Mai (Pháp) 15€. Phạm Văn Phụng (Hohenhamen) 160€. Nguyễn Thị Thu Hà (Empelde) 10€. Trần Kim Dung 5€. Trương Tấn Lộc (Hannover) 50€. Trương Thị Lệ (Helmstedt) 20€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Gđ. Tạ Nhuận & Nguyễn T. Kim (Frankfurt) 20€. Nguyễn Anh Tuấn (USA) 20US. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 10€.

• Ký tự Hương linh
ĐH. Li Hui Yin 75€ HL Rudiger Bogdan. Trần Minh Tuấn (Wildeshausen) 75€ HL Trần Phương Trang. Trương Túy Thanh (Neustadt) 75€ HL Trần Muối. Gđ. Võ Phước Nguyễn (Unna) 60€ HL Võ Phước Nguyễn.

• Tổ đình Chúc Thánh VN
ĐH. Diệu Trinh & Hoa Thiên (Rottweil) 20€. Ban Liên Lạc Phật Tử VNTN Bodensee 200€.

• Quỹ Học Bổng Tăng Ni VN
ĐH. Diệp Thị Khá (Mannheim) 50€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Trần Thi 30€ + 30€. Phạm Văn Hoa (Ingelheim) 20€.

• Cứu trợ lũ lụt
ĐH. Dr. Nguyễn Thị Minh Ngọc 50€. Bùi Ngọc Huệ (Bayreuth) 10€. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 20€. Huỳnh Tôn Trang (Erkelenz) 10€ Huỳnh T.N (") 10€. Đinh Anh Tuấn 15€. Nguyễn Ngọc Khâm (Haar) 200€.

Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€. Cao Tăng Lực 50€. Cao Tăng Khoang 50€. Nguyễn Văn Chín (Vallendar) 10€.

• Nôi cháo Tình thương
ĐH. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 20€. Huỳnh Tôn Trang (Erkelenz) 10€. Huỳnh T.N (") 10€. Trần Văn Nh Le 30€. Bùi Thị Miên (USA) 50US. PT. Diệu Tâm (USA) 50US. Mme Phạm (Pháp) 20€ HHHL Phạm Văn Thăng. Margret Hoàng (USA) 50US. Nguyễn Minh Tâm 20€.

• Cô Nhi Viện, Cùi, Mù, DL
ĐH. Hứa Kỳ Năng (WHV) 20€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Phan Hòa (") 20€. Huỳnh M.K (Erkelenz) 20€. Lại Thị Minh Tâm (Magstadt) 30€. Phạm Văn Hoa (Ingelheim) 10€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Mme Phạm (Pháp) 20€ HHHL Phạm Văn Thăng. Trần Thị Kim Anh (Áo) 50FS.

• Phóng sanh
ĐH. Mme Phạm (Pháp) 20€ HHHL Phạm Văn Thăng. Nguyễn Thị Diễm Thúy (USA) 20US.

• Chương trình Người Mù Sáng Mắt
ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100€.

• Động đất Đông Nam Á Châu
ĐH. Nguyễn Thị Mai (D'dorf) 20€. Dương Thị N. 10€. Vũ Thị Mai (Swedess) 260€ cứu trợ Pakistan. Nguyễn Văn Chín (Vallendar) 10€.

* * *

Định kỳ hàng tháng xây chùa Viên Giác

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

T. T. Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sầu - Thị Tâm - Phù Vân. Trưởng Ngọc Thanh. Lê Ngọc Châu

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) Lê Ngọc Châu (Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) Nguyễn Văn Cường (Na Uy) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) - Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Lê Doãn Kim (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiêm (Pháp) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhón Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhón (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Vân Nướng LNC (Pháp) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Vô Thức (Đức).

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẤN QUÁN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage: <http://www.viengiac.net>

E-mail : viengiacu@viengiac.net

E-mail: baoviengiac@viengiac.de

E-mail Chủ Bút : phuvan@viengiac.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục	trang
- Thư tòa soạn	1
• TÔN GIÁO	
- Cuộc du hành sang Lạp Tát ...	2
- Bí truyền Kinh Vương	4
- Thúc thủ Tám (Lâm Như Tạng)	8
- Những bí ẩn sau cõi chết	11
- Ý nghĩa sự thành đạo của Đức Bốn Sư (Ht. Thích Thi Đức)	16
- Cách xưng hô trong PGVN	18
- Tư tưởng Phật Giáo trong thi văn Khuông Việt.	21
• AUF DEUTSCH	
- Danke schön Deutschland	26
• TRANG HOA PHƯỢNG	
- Chuyện hai con chó; Ông Không Đức Chuông. Bà Kiêm Giao. Những ngôi chùa cổ trong lịch sử PGVN	34
• VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT	
- Số Táo Quân (Trần Thế Thi)	31
- Tri ân (Vân)	38
- Nét đẹp tình quê (Đan Hà)	39
- Đón xuân (Kim)	41
- Tâm sự của mẹ (Diệu Anh)	43
- Trò đùa (Phạm Minh Châu)	45
- Bàn đàn Ma (Hà Ngọc Bích)	48
- Hạt giống Như Lai (Diệu Trân)	51
- Hấn (Hạo Nhiên)	52
- Thuở nghịch ngợm	53
- Viết về anh Vũ Ngọc Long	55
- Tiếng đời xô động buồn tênh	56
- Hồn quê còn vọng (Đan Hà)	60
- Chó Tây và chó	62
- Năm Tuất muốn biết	65
- Nguyên lý chọn ngày	68
- Xuân mờ còi (Trường Sa)	71
- Ăn tết Sài Gòn (Vĩnh Liêm)	77
- Mùa đông đến sớm	81
- Chạy Tú Ú (Tiểu Tú)	84
- Hiếu thảo (Đặng Đình Hùng)	97
- Mùa Xuân đầu đời	101
- Một chiều mưa	104
- Về đến quê xưa tìm gốc rễ	105
- Tôi làm phi công	107
- Chiếc xe mang số B-52	110
- Con đường thiên lý	117
- Xa nhau ta nhớ gì nhau	118
- Khi một người lính nằm xuống	122
- Ladkh ở chốn nào?	123
- Hạnh phúc và Khổ đau (Phạm Văn Mộc)	127
- Truyện Kiều còn , tiếng Việt còn ... ? (Nguyễn Thùy)	130
- Chủ trương dân quyền của Mạnh Tử (Võ Thu Tịnh)	135

Mục Lục	trang
- 15 năm Đức thống nhất, nhìn người ... (Lê Hoàng Thanh)	146
- "Angie" Angela Merkel Tân Nữ Thủ Tướng Đức (Lê Ngọc Châu)	149
• Y DƯỢC THƯỜNG THỨC	
- Melatonin phương thuốc thần?	151
- Quyền được chết (Dr. Tôn Thất Hứa)	152
- GI I THIỆU SÁCH :	157
- Vũ Kỳ - Nguyễn Can Trung - Giác Lượng Tuệ Đàm Từ - Thái Tú Hạp - Phương Triều - Dù Thị Diễm Buồn - Thi Đan Lạc Việt.	
• TIN TỨC - THÔNG BÁO	
- Tin Phật Sự	165
- Sinh hoạt cộng đồng	169
- Tin Tức nước Đức (Lê Ngọc Châu)	177
- Tin Thế Giới (Phan Ngọc)	180
- Thế Thao (Người Giám Biên)..	186
- Ông Vua hết thua thắng gàn	189
- Hộ thủ Viên Giác	192
- Thông báo -	192
- Phân Ưu - Cáo phó - Cảm tạ	194
- Phường danh cúng dường	195
• THƠ	
17. Tâm sự cùng em trai (Luân Hoán).	
20.- Thơ Cóc (Hồ Trọng Khôi).	
42. Ngày xuân đi lễ chùa (Nguyễn Phan Ngọc An).	
50. Thấy rồi (Diệu Trân).	
54. Việt Nam ngày lịch sử (Ngô Minh Hằng).	
55. Thuở nhỏ Vũ Ngọc Long (Tùy Anh).	
67. Nói với bạo quyền (Ngô Minh Hằng).	
70. Bình minh dằng mạch sống (Vân Nướng).	
Hạt cát sa mạc (Hồ Phong Dung).	
100. Xuân đời (Phan Văn Phước).	
Phố Quảng tôi về (Nguyễn Thị Khánh Hòa).	
111. Chiêm bái Ngũ Đài Sơn (Thiện Sơn Phạm Văn Mộc).	
117. Vĩnh biệt (Trần Ngọc Nguyên Vũ).	
122. Xuân đi ngoài lại vẫn sầu (Ý Nga).	
129. Lời oán (Ái Cầm).	
145. Hương đêm (Tuệ Nga).	
150. Đôi cánh thiên thần (Tuệ Nga).	
151. Tết, Xóm Mộ (Phương Triều).	
156. Thôi Hộ - Đâu Đây (Chuvuongmien).	
179. Ngàn năm mây bay (Trần Ngọc Nguyên Vũ).	
Hình bia : của Họa sĩ Vivi Võ Hùng Kiệt (USA)	
Cáo lỗi : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến không thể đăng hết trong kỳ báo này được . Chúng tôi sẽ lần lượt đăng trong kỳ báo tới. (Báo Viên Giác)	

KIM'S Cosmetics

Merowinger Str.
151. 50374 Erfstadt.
Tel. : 02235 - 461 368



Tốt nghiệp Cao Đẳng Thẩm Mỹ - Bonn Đức Quốc từ năm 1972. Tốt nghiệp Thẩm Mỹ Thời Trang - New York Hoa Kỳ từ năm 1971. Tu nghiệp bổ túc Thẩm mỹ Tân Tiến Paris - Pháp năm 1987. Đã hành nghề thẩm mỹ viện hơn 20 năm tại Âu Châu. Giám Đốc 3 chi nhánh Kim's

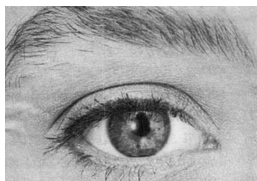
MÁY MYOLIFTING NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI THẨM MỸ SỬA SẮC ĐẸP KHÔNG CẦN GIẢI PHẪU

- ◆ Làm tan túi mỡ, mắt sụp làm to. ◆ Làm mất hết nếp nhăn trên mặt. ◆ Da sáng tự nhiên. ◆ Nâng cao mũi thích hợp với khuôn mặt.
- ◆ Mặt to làm bé lại. ◆ Má hóp làm đầy ra. ◆ Nắn sữa khuôn mặt thành trái soan. ◆ Sửa nụ cười cho kín đáo duyên dáng. ◆ Sửa bờ hô và móm. ◆ Lột da mặt theo phương pháp của Đức. ◆ Sửa đổi khuôn mặt, cằm, gò má, môi, làm trẻ từ 5 đến 15 tuổi.
- ◆ **Giá tổng cộng 1.650 € + 1 bộ kem dưỡng da + 1 kem vàng**
- ◆ **01 lần làm mặt đẹp = 60 €** ◆ **10 lần làm mặt đẹp = 548 €**

LÀM TAN MỠ BỤNG

- ◆ Làm tan mỡ bụng theo phương pháp đốt mỡ và tạo tại lớp thịt mới. Phương pháp đặc ý nhất của phát minh khoa học Đức Quốc.
- ◆ Đàn bà sau khi sanh bị nứt da, da nhăn, sẽ được như ý với làn da mới. ◆ Làm cho bụng nhỏ (kể cả các ông) ◆ Không có eo làm cho có eo, eo lớn làm thành eo nhỏ, thân hình hấp dẫn.
- ◆ **Giá tổng cộng 1.100 €**
- ◆ **Một lần làm lại để giữ eo = 40 €** ◆ **10 lần = 375 €**
- ◆ **Người lớn tuổi phải 3 lần = 105 €**

TATOO (XÂM) THEO PHƯƠNG PHÁP ÂU CHÂU



- ◆ Chuyên khoa thẩm mỹ xâm lông mày - viền mắt - viền môi son. Bảo đảm 100% đẹp tự nhiên từ màu sắc đến hình thể để phù hợp với từng mẫu người, từng gương mặt qua 30 năm kinh nghiệm.
- ◆ **Lông mày = 225 €** ◆ **Mắt = 250 €**
- ◆ **Môi = 250 €**.
- ◆ **Mắt - Mày - Môi = 650 €**

MỎI ! MỎI ! MỎI !

ĐẶC BIỆT : 1 lần = 200 €

Máy Laser mới chữa vết thâm đen - tàn nhang - xâm bị hư - tẩy xâm mình không để sẹo - kể cả các vết thâm bằng quang tuyến Laser. Làm mờ vết sẹo - nếp nhăn bằng Laser. Làm sạch lông tay, lông chân vĩnh viễn - Chữa tuyệt mụn cám - Bệnh gân máu đỏ trên mặt, dưới chân - Bảo đảm chữa đến hết.

- ◆ **Sạch tàn nhang : 1250 €**
- ◆ **Vết nám : 1250 €**
- ◆ **Xóa xâm hư : 250 €** ◆ **Mờ nếp nhăn : 500 €**
- ◆ **Các vết thâm vì chiếu Laser : 1000 €**
- ◆ **Trị rụng tóc : 10 x 225 €** bằng máy điện tử
- ◆ **Một bộ trị rụng tóc bảo đảm . Mọc tóc 4 loại : 140 €**

NGỰC

- ◆ Ngực ngoại cỡ làm nhỏ thật đẹp. ◆ Sửa chỉnh đầu nhũ hoa tự nhiên. ◆ Điều chỉnh ngực xệ vì cho con bú.
- ◆ **Chữa ngực** **1200 €**
- ◆ **Một lần làm cho ngực đẹp = 48 €** ◆ **10 lần = 448 €**
- ◆ **KHI BỊ MỤN:** Đến ngay **THẨM MỸ VIỆN KIM'S** bạn sẽ được chữa tận gốc, da vừa đẹp, không bị khô và không bị vết thâm đen.
- ◆ **Chữa dứt mụn bảo đảm** **1250 €**
- ◆ **Dứt mụn + nắn khuôn mặt đẹp** **1600 €**

GOLDEN SKIN - Kem vàng 24 Kara chống nắng

- ◆ **Kem Vàng chống nắng cho mọi loại da = 49 €** ◆ **Kem Vàng chứa chất Oxygen (dưỡng khí) = 49 €** ◆ **Kem Vàng chống nắng húp mắt = 35 €** ◆ **Kem Vàng làm cho môi, làn môi hồng 35 €**
- không cho môi nhân, bấp thít môi dày đen.



- ◆ **Kem Ngọc Trai chữa trị da nhờn, mụn bọc, cám** **41 €**
- ◆ **Kem Ngọc Trai cho da khô, da bình thường** **41 €**
- ◆ **Kem Ngọc Trai đặc biệt chống nắng** **49 €**



KEM THẢO MỘC CỦA PHÁP ĐƯỢC ƯA CHUỘNG TỪ NHIỀU NĂM NAY

- ◆ **Kem Regenerations = 26 €** Chống nắng, trị mụn, xây da mới, khít lông chân ◆ **Kem ban ngày cho da mụn = 21 €** Thoa vào mụn sẽ khô đi rụng ra một mình
- ◆ **Augen Gel = 22 €** Chống thâm mắt, thảng da mắt.
- ◆ **Mặt nạ làm khít lỗ chân lông = 18 €** ◆ **Halscreme** : Chống nhăn da cổ = **34 €**
- ◆ **Trione 01 = 36 €** Dầu chống nắng, làm mắt sụp, to lên khi dùng hết chai thứ 3
- ◆ **Brust creme** : Kem làm ngực to căng lên **35 €**
- ◆ **Một bộ kem làm ốm** : Dùng xong xuống 4,5 Kg **125 €**
- ◆ **Peeling tẩy trắng mịn da** **18,50 €**
- ◆ **Thuốc mọc lông mày và lông mi** **15 €**
- ◆ **Son môi giữ được 24 tiếng đồng hồ** **12,50 €**
- ◆ **Thuốc lột nhẹ** (có 4 loại) **125 €**
- ◆ **Thuốc lột mạnh** (6 loại) **375 €**
- ◆ **Trị nám, tàn nhang** (5 loại) **125 €**
- ◆ **Dành cho da nhờn, mụn cám, mụn mủ, mụn mọc** (5 loại) **125 €**
- ◆ **1 bộ kem Aloevera** 5 loại đặc biệt **125 €**

ĐẶC BIỆT NHẬN ĐẠY HỌC VIỆN CÓ CẤP BẰNG HÀNH NGHỀ :

- ◆ **Huấn luyện trở thành chuyên viên thẩm mỹ (Kosmetik) 4000 Euro / 1 khóa**
- ◆ **Móng tay giá 1500Euro / 1 khóa**
- ◆ **Đạy làm Manikür, Pedikür (Füsspflge)**
- ◆ **Đạy xâm 1500 Euro / 1 khóa**

ĐẶC BIỆT : NẾU MUA HÀNG TRÊN 100 EUR
 Tất cả các loại kem gửi đi theo lối **Per Nachname** (chuyên hóa giao ngân) đều không phải trả thêm tiền cước

V & V Asia Dekoration GmbH 金輝煌亞洲裝璜公司

Mainzer Land Str. 76 65795 Hattersheim

Tel.: 06190/2707

Fax: 73560

Handy: 0172/6771038

0172/8041684



Công Ty chúng tôi chuyên việc trang trí nội thất và cung ứng các vật liệu cho các nhà hàng Việt, Hoa, Thái, Nhật.
Sản phẩm gồm có : Bàn ghế, Bếp lò 15Kw mỗi hòng, các thiết bị trong bếp và hầu hết dụng cụ cho phòng ăn.

Hãy đến với Sino-Deco-Berlin Bạn luôn là
Khách Hàng Thượng Đế.



Nhân dịp năm mới Công ty Chúng tôi kính
chúc Quý Khách sức khoẻ dồi dào, hạnh phúc,
làm ăn phát đạt và an khang thịnh vượng.

Mọi chi tiết hãy liên lạc nhanh và đến với Công
ty. Chúng tôi sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của Quý
Khách.

Công ty Chúng tôi luôn hoan nghênh và chào
đón Quý Khách. Xin chân thành cảm ơn sự
ủng hộ của Quý Khách trong suốt bao năm qua



柏林 德昌貿易公司
SINO-DECO BERLIN
TEL: +49-030-78703311

Naumannstr.31-83 Haus12
10829 Berlin Germany
Tel: +49-030-78 70 33 11
Fax: +49-030-78 70 33 10
E-mail: sino-deco@gmx.de
Internet: www.sino-deco.de

Besuchen Sie uns im Internet

歡迎您登陸我們的網站

www.SINO-DECO.de